

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

BÀI 1: ĐIỀU KÌ DIỆU

TIẾT 1: ĐỌC: ĐIỀU KÌ DIỆU

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ Điều kì diệu; biết ngắt nhịp thơ phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảm xúc.
- Nhận biết được những chi tiết cho thấy mỗi bạn nhỏ trong bài thơ có một vẻ riêng.
- Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: mỗi người một vẻ, không ai giống ai nhưng khi hòa chung trong một tập thể thì lại rất hòa quyện, thống nhất.
- Biết khám phá, trân trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Bước đầu biết bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về sự khác biệt và sự đoàn kết trong tập thể.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, luyện đọc cá nhân, tự đánh dấu chỗ cần ngắt nghỉ trong bài thơ.
- Giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe bạn đọc, trao đổi nhóm 2, nhóm 4 để trả lời câu hỏi đọc hiểu.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nội dung bài thơ với tình huống trong lớp, nêu cách ứng xử tôn trọng sự khác biệt.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết yêu thương, tôn trọng đặc điểm riêng của bạn bè, không trêu chọc ngoại hình, giọng nói, sở thích của bạn.
- Trách nhiệm: có ý thức xây dựng tập thể lớp đoàn kết, biết lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhau.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng và tham gia các hoạt động học tập.

4. Tích hợp

- Tích hợp QCN: HS nhận biết mỗi người có đặc điểm, khả năng và giá trị riêng; biết tôn trọng sự khác biệt, không trêu chọc ngoại hình, giọng nói, sở thích của bạn.
- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết trao đổi ý kiến lịch sự khi làm việc nhóm; nếu chia sẻ thông tin trên công cụ số của lớp thì chỉ chia sẻ điều phù hợp, không công khai thông tin riêng tư.
- Tích hợp AI (4.A1.1): HS nhận biết AI có thể hỗ trợ gợi ý câu hỏi hoặc phân nhóm ý kiến, nhưng cảm xúc, nhận xét về bạn bè cần xuất phát từ sự quan sát và suy nghĩ thật của con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh minh họa bài đọc cắt từ SGK, thẻ từ luyện đọc, phiếu câu hỏi đọc hiểu.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bảng con, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Phỏng đoán được nội dung bài đọc qua trò chơi; tạo tâm thế phần khởi trước khi bước vào tiết học. - Nhận ra mỗi bạn có một nét riêng đáng quý qua giọng nói, dáng vẻ, sở thích. * Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu trò chơi, cách chơi, hướng	- HS lắng nghe luật chơi, chia nhóm 6 và cử nhóm

<p>dẫn HS tổ chức chơi theo nhóm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi: Đoán tên bạn bè qua giọng nói. - Cách chơi: Chơi theo nhóm 6 học sinh. Cả nhóm oản tù tì hoặc rút thăm để lần lượt chọn ra người chơi. Người chơi được bịt mắt, sau đó nghe từng thành viên còn lại nói 1 - 2 tiếng để đoán tên người nói. Người chơi giỏi nhất là người đoán nhanh và đúng tên của tất cả các thành viên trong nhóm. 	<p>trưởng điều hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia trò chơi; người chơi lắng nghe giọng nói của bạn và đoán tên bạn trong nhóm.
<ul style="list-style-type: none"> - Vì sao các em có thể nhận ra bạn qua giọng nói? <p>(Đó là vì mỗi bạn có một giọng nói khác nhau, không ai giống ai. Giọng nói là một trong những đặc điểm tạo nên vẻ riêng của mỗi người.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Vì mỗi bạn có giọng nói riêng; có bạn nói nhỏ nhẹ, có bạn nói nhanh, có bạn nói vui vẻ nên em nhận ra bạn.
<ul style="list-style-type: none"> - Chiếu tranh minh họa cho học sinh quan sát. - GV hỏi: <p>+ Tranh vẽ cảnh gì?</p> <p>(Tranh vẽ cảnh các bạn nhỏ đang ngân nga hát. Các bạn không hề giống nhau: bạn cao, bạn thấp, bạn gầy, bạn béo, bạn tóc ngắn, bạn tóc dài,...)</p>  <p>ĐỌC</p> <p>Chơi trò chơi: Đoán tên bạn qua giọng nói.</p> <p>ĐIỀU KÌ DIỆU</p> <p>Bạn có thấy lạ không Mỗi đứa mình một khác Cùng ngân nga câu hát Chẳng giọng nào giống nhau.</p> <p>Có bạn thích dùng đầu Có bạn hay giận dỗi Có bạn thích thay đổi Có bạn nhiều ước mơ.</p> <p>Bạn có nghĩ vu vơ Mình khác nhau nhiều thế Nếu mỗi người một vẻ Liệu mình có cách xa?</p> <p>Tớ bỗng phát hiện ra Trong vườn hoa của mẹ Lung linh màu sắc thế Từng bông hoa tươi xinh.</p> <p>Cũng giống như chúng mình Ai cũng đều đáng mến Và khi giọng hoà quyện Đàn đồng ca vang lừng.</p> <p>(Huỳnh Mai Liên)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh minh họa trong SGK. - HS nêu: Tranh vẽ các bạn nhỏ trong khu vườn, các bạn có dáng vẻ khác nhau nhưng đang cùng vui vẻ ngân nga câu hát.
<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chủ đề: Mỗi người một vẻ. - Dẫn dắt vào bài thơ Điều kì diệu: Bài thơ hôm nay sẽ giúp các em thấy rằng mỗi người tuy khác nhau nhưng khi biết yêu 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, nhắc lại tên chủ điểm và ghi tên bài vào vở.

thương, hòa hợp thì sẽ tạo nên một tập thể thật đẹp.	
- GV kết luận: Mỗi bạn đều có một nét riêng đáng quý. Tiết học hôm nay giúp chúng ta biết nhận ra, yêu mến và trân trọng những nét riêng ấy.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK để đọc bài.
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN * Mục tiêu: - Đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu thơ trong bài; bước đầu biết ngắt nhịp, nhấn giọng phù hợp. - Hiểu nghĩa một số từ ngữ và nắm được mạch cảm xúc của bài thơ. * Cách tiến hành:	
- GV đọc mẫu bài thơ Điều kì diệu với giọng vui tươi, tha thiết; nhấn giọng ở các từ ngữ: lạ không, một khác, chẳng giống nhau, lung linh, đáng mến, hòa quyện.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK, dùng bút chì đánh dấu những chỗ cần ngắt nhịp.
- GV yêu cầu HS chia đoạn bài thơ. - GV chốt: Bài thơ gồm 5 khổ thơ, mỗi khổ là một đoạn đọc.	- HS nêu: Bài thơ có 5 khổ thơ, có thể đọc nối tiếp theo từng khổ.
- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ lần 1. - GV theo dõi, phát hiện lỗi phát âm của HS.	- 5 HS đọc nối tiếp từng khổ thơ; cả lớp lắng nghe, nhận xét bạn đọc.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: lạ, liệu, lung linh, vang lừng, nào, hòa quyện, dàn đồng ca.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh; sửa lỗi phát âm theo hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn luyện ngắt nhịp thơ: Bạn có thấy/ lạ không/ Mỗi đứa mình/ một khác/ Cùng ngân nga/ câu hát/ Chẳng giọng nào/ giống nhau.//	- HS luyện đọc ngắt nhịp từng câu thơ; một số HS đọc trước lớp.
- GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm 5: mỗi học sinh đọc 1 khổ thơ và nối tiếp nhau cho đến hết bài. - GV quan sát, hỗ trợ nhóm đọc còn chậm.	- HS luyện đọc trong nhóm 5, lắng nghe bạn đọc và góp ý sửa lỗi cho nhau.
- GV mời 2 nhóm đọc nối tiếp trước lớp. - GV nhận xét, chỉnh giọng đọc, tuyên dương nhóm đọc rõ, đúng nhịp.	- 2 nhóm đọc trước lớp; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét về phát âm, ngắt nhịp, giọng đọc.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV kết luận: Các em đã đọc đúng bài thơ, bước đầu thể hiện được cảm xúc vui tươi, yêu mến bạn bè trong bài.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp theo dõi và chuẩn bị trả lời câu hỏi đọc hiểu.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ LỜI CÂU HỎI*** Mục tiêu:**

- Trả lời được các câu hỏi trong SGK; hiểu nội dung và ý nghĩa bài thơ.
- Biết liên hệ bài học với việc tôn trọng sự khác biệt trong lớp.
- Tích hợp QCN: HS hiểu quyền được tôn trọng đặc điểm riêng, quyền được bày tỏ ý kiến và biết lắng nghe, góp ý lịch sự với bạn.

*** Cách tiến hành:**

<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi HS đọc thầm lại bài thơ và đọc câu hỏi trong SGK. - GV nhắc HS tìm câu trả lời dựa vào các từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ.  <ol style="list-style-type: none"> 1. Những chi tiết nào trong bài thơ cho thấy các bạn nhận ra "mỗi d mình một khác"? 2. Bạn nhỏ lo lắng điều gì về sự khác biệt đó? 3. Bạn nhỏ đã phát hiện ra điều gì khi ngắm nhìn vườn hoa của mẹ? 4. Hình ảnh đàn đồng ca ở cuối bài thơ thể hiện điều gì? Tìm câu trả lời đúng. A. Một tập thể thích hát. B. Một tập thể thống nhất. C. Một tập thể đầy sức mạnh. D. Một tập thể rất đông người. 5. Theo em, bài thơ muốn nói đến điều gì? Điều gì điều đó thể hi như thế nào trong lớp của em? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc thầm bài thơ, gạch chân những chi tiết có thể dùng để trả lời câu hỏi.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu 1: Những chi tiết nào trong bài thơ cho thấy các bạn nhận ra “mỗi đứa mình một khác”? <p>(Đó là những chi tiết: “Chẳng giọng nào giống nhau”; có bạn thích đứng đầu; có bạn hay giận dỗi; có bạn thích thay đổi; có bạn nhiều ước mơ.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Các bạn nhận ra mỗi đứa mình một khác qua giọng nói, tính cách, sở thích, ước mơ của từng bạn.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu 2: Bạn nhỏ lo lắng điều gì về sự khác biệt đó? <p>(Bạn nhỏ lo lắng nếu khác nhau nhiều như thế thì các bạn có thể cách xa nhau, khó gắn kết và khó làm việc cùng nhau.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Bạn nhỏ lo lắng sự khác biệt có thể làm các bạn xa cách, không gần gũi nhau.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu 3: Bạn nhỏ đã phát hiện ra điều gì khi ngắm nhìn vườn hoa của mẹ? <p>(Bạn nhỏ nhận ra trong vườn hoa của mẹ, mỗi bông hoa có một màu sắc riêng nhưng bông hoa nào cũng lung linh, cũng đẹp. Giống như các bạn ấy, mỗi bạn đều khác nhau nhưng bạn nào cũng đáng yêu, đáng mến.)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm 2, trả lời: Mỗi bông hoa có vẻ đẹp riêng; mỗi bạn nhỏ cũng có nét riêng và đều đáng quý.
<ul style="list-style-type: none"> - Câu 4: Hình ảnh đàn đồng ca ở cuối bài thơ thể hiện điều gì? Tìm câu trả lời đúng. A. Một tập thể thích hát. B. Một tập thể thống nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chọn đáp án B và giải thích: Tuy mỗi bạn có giọng khác nhau nhưng khi cùng hát thì tạo thành một đàn đồng ca hòa quyện.

<p>C. Một tập thể đầy sức mạnh. D. Một tập thể rất đông người. (Đáp án đúng: B. Một tập thể thống nhất.)</p>	
<p>- Câu 5: Theo em, bài thơ muốn nói đến điều kì diệu gì? Điều kì diệu đó thể hiện như thế nào trong lớp của em? (Điều kì diệu là mỗi người có một vẻ riêng, nhưng khi biết tôn trọng, yêu thương và hòa hợp thì sẽ tạo nên một tập thể đoàn kết, vui vẻ.)</p>	<p>- HS trả lời theo suy nghĩ: Lớp em có bạn học giỏi Toán, bạn hát hay, bạn vẽ đẹp, bạn hay giúp đỡ người khác; khi cùng cố gắng, lớp em đoàn kết hơn.</p>
<p>- Khi em được bạn bè tôn trọng và lắng nghe ý kiến, em cảm thấy thế nào? - Nếu ý kiến của em chưa được lắng nghe, em mong muốn điều gì ở thầy cô, bạn bè? - Theo em, vì sao mỗi người cần tôn trọng sự khác biệt và lắng nghe ý kiến của nhau?</p>	<p>- HS chia sẻ: Em thấy vui, tự tin, mạnh dạn nói điều mình nghĩ. - HS nêu: Em mong thầy cô và các bạn lắng nghe, góp ý nhẹ nhàng. - HS trả lời: Vì mỗi người đều có giá trị riêng; biết lắng nghe giúp lớp đoàn kết hơn.</p>
<p>- Khi mỗi bạn có giọng nói, sở thích, tính cách và khả năng khác nhau, chúng ta cần làm gì để bạn vẫn cảm thấy được yêu quý trong tập thể lớp? - Tích hợp QCN: GV nhấn mạnh: Mỗi em trong lớp đều có quyền được tôn trọng đặc điểm riêng, quyền được bày tỏ suy nghĩ và quyền được lắng nghe ý kiến. Vì vậy, khi bạn có giọng nói khác, ngoại hình khác, sở thích khác hoặc cách học khác mình, các em không trêu chọc, không đặt biệt danh làm bạn buồn, không ngắt lời khi bạn phát biểu. Tôn trọng bạn không chỉ là nói lời hay mà còn là biết chờ bạn nói xong, góp ý bằng lời lịch sự, khích lệ điểm mạnh của bạn và cùng xây dựng lớp học đoàn kết. Khi các em biết tôn trọng sự khác biệt, mỗi bạn đều thấy mình có giá trị và mạnh dạn tham gia vào hoạt động chung của lớp.</p>	<p>- HS trả lời: Em không chê giọng nói, ngoại hình hoặc sở thích của bạn; em lắng nghe khi bạn phát biểu; em góp ý nhẹ nhàng và cổ vũ bạn tham gia hoạt động chung. - HS nêu việc làm cụ thể: “Em chờ bạn nói xong rồi mới góp ý.”; “Em khen điểm tốt của bạn trước khi góp ý.”; “Em không lấy điểm khác biệt của bạn để trêu đùa.”</p>
<p>- GV mời HS nêu nội dung bài. - Nội dung bài: Mỗi người một vẻ, không ai giống ai nhưng khi hòa chung trong một tập thể thì lại rất hòa quyện, thống nhất. - GV nhận xét, chốt và ghi bảng.</p>	<p>- HS nêu nội dung bài theo hiểu biết. - HS nhắc lại nội dung bài và ghi vào vở.</p>
<p>B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 3: HỌC THUỘC LÒNG * Mục tiêu:</p>	

<p>- Thuộc được bài thơ theo yêu cầu; đọc thuộc với giọng tự nhiên, rõ ràng.</p> <p>- Tích hợp AI (4.A1.1): HS biết AI hoặc công cụ số có thể gợi ý từ khóa hỗ trợ học thuộc lòng nhưng không thay thế việc tự đọc, tự nhớ và tự cảm nhận bài thơ.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS học thuộc lòng: đọc lại nhiều lần từng khổ thơ, chú ý các từ khóa trong mỗi khổ.</p> <p>- GV có thể chiếu slide xóa dần chữ để HS luyện nhớ.</p>	<p>- HS đọc cá nhân từng khổ thơ, ghi nhớ các từ khóa trong bài.</p>
<p>- GV tổ chức đọc nối tiếp, đọc đồng thanh các khổ thơ.</p> <p>- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc lòng trước lớp.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp, đọc đồng thanh; một số HS đọc thuộc lòng khổ thơ em thích trước lớp.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc thuộc lòng theo nhóm 2.</p> <p>- Bạn thứ nhất đọc, bạn thứ hai lắng nghe và nhắc nếu bạn quên.</p>	<p>- HS luyện đọc thuộc theo cặp; hỗ trợ nhau nhớ đúng câu thơ.</p>
<p>- Nếu cô dùng ChatGPT/Gemini hoặc một công cụ tạo thẻ từ để gợi ý từ khóa cho từng khổ thơ, các em cần sử dụng như thế nào để học thuộc lòng tốt mà không phụ thuộc vào công cụ?</p> <p>- Tích hợp AI (4.A1.1): GV diễn giải: AI có thể hỗ trợ giáo viên tạo thẻ từ khóa, gợi ý câu hỏi nhắc nhớ hoặc sắp xếp các ý chính của từng khổ thơ để các em luyện thuộc nhanh hơn. Tuy nhiên, AI chỉ là công cụ hỗ trợ. Các em vẫn phải tự đọc từng câu thơ, hiểu ý nghĩa của hình ảnh “vườn hoa”, “dàn đồng ca”, tự luyện ngắt nhịp và tự kiểm tra xem mình đã thuộc đúng chưa. Khi dùng gợi ý từ AI, các em không đọc máy móc, không học vẹt theo từ khóa rồi rạc mà cần nhớ nội dung bài thơ bằng cảm xúc thật của mình.</p>	<p>- HS trả lời: Em dùng từ khóa để nhớ ý chính, sau đó tự đọc lại cả câu thơ; nếu chưa chắc, em mở SGK kiểm tra.</p> <p>- HS thực hành: Chọn 1 khổ thơ, nêu 2 - 3 từ khóa giúp mình nhớ khổ thơ rồi đọc thuộc lại bằng lời thơ trong SGK.</p>
<p>- GV nhận xét, tuyên dương HS đọc thuộc, đọc diễn cảm; động viên HS chưa thuộc tiếp tục luyện thêm ở nhà.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cách đọc và ghi nhớ yêu cầu luyện thêm.</p>
<p>C. VẬN DỤNG</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- Biết liên hệ bài thơ với người thân, bạn bè trong thực tế.</p> <p>- Nhận biết mỗi người đều có đặc điểm riêng đáng quý và biết trân trọng điều đó.</p>	

- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết chia sẻ điểm riêng, điều tự hào của bản thân trên công cụ số của lớp bằng thông tin phù hợp, không công khai thông tin cá nhân.

*** Cách tiến hành:**

- GV nêu tình huống gợi mở: Trong gia đình, ai cũng có những đặc điểm riêng biệt và đáng quý. Các em hãy nghĩ xem trong gia đình mình, ai có điểm khác biệt, nổi bật và tích cực so với các thành viên khác?	- HS suy nghĩ về người thân trong gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em.
- GV nhận xét: Các em đã nhận ra những điểm tốt đẹp và khác biệt của người thân. Cũng giống như vậy, bản thân mỗi em cũng có đặc điểm riêng cần được trân trọng.	- HS lắng nghe và nêu điều em thấy đáng quý ở bản thân hoặc bạn bè.
- GV gọi một số HS chia sẻ đặc điểm riêng của người thân. - Ví dụ: Bố rất cao; mẹ hay cười và vui tính; chị gái nấu ăn ngon; ông kể chuyện rất hay.	- HS chia sẻ: Mẹ em rất khéo tay; bố em sửa đồ giỏi; bà em kể chuyện cổ tích rất hay; anh trai em chơi bóng tốt.
- Nếu lớp mình có Padlet, Forms hoặc bảng tương tác để chia sẻ “điều em tự hào về bản thân”, em nên viết thông tin nào và không nên viết thông tin nào? - Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: GV hướng dẫn: Khi chia sẻ trên công cụ số của lớp, các em chỉ viết những thông tin phù hợp với bài học như sở thích, điểm mạnh, việc làm tốt, điều em muốn cố gắng. Các em không ghi địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu, hình ảnh riêng tư hoặc chuyện riêng của gia đình khi chưa được người lớn cho phép. Khi đọc phần chia sẻ của bạn, các em chỉ bình luận bằng lời lịch sự, không chê bai, không sao chép nội dung của bạn để trêu đùa. Như vậy, chúng ta vừa biết trân trọng về riêng của nhau, vừa biết sử dụng môi trường số an toàn và văn minh.	- HS trả lời: Em có thể viết “Em tự hào vì biết giúp bạn học bài”; “Em thích vẽ tranh”; “Em cố gắng đọc to hơn”. Em không viết địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu hoặc đăng hình riêng tư. - HS nhắc lại quy tắc: Chia sẻ điều phù hợp, không tiết lộ thông tin cá nhân, bình luận lịch sự.

D. Củng cố - Dặn dò

*** Mục tiêu:**

- Hệ thống lại nội dung bài học; dặn dò HS luyện đọc và chuẩn bị bài sau.

*** Cách tiến hành:**

- GV đặt câu hỏi củng cố: Qua bài đọc, em học được điều gì?	- HS trả lời: Em học được rằng mỗi người có nét riêng; cần tôn trọng và yêu thương nhau.
- GV tổ chức cho 1 - 2 HS đọc lại đoạn thơ	- HS đọc khổ thơ yêu thích; cả lớp lắng nghe, nhận

hoặc khổ thơ mà em yêu thích nhất.	xét.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương HS học tốt, động viên HS khác cố gắng. - GV dặn dò: Về nhà học thuộc thêm 2 khổ thơ em thích; kể lại cho người thân điều em rút ra từ bài học; chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Danh từ. 	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**BÀI 1: ĐIỀU KÌ DIỆU****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DANH TỪ**

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được danh từ là từ chỉ sự vật: người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian.
- Xếp được các từ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp.
- Tìm được danh từ chỉ người, vật trong lớp học; đặt được câu có chứa 1 - 2 danh từ vừa tìm được.
- Vận dụng kiến thức về danh từ để nói, viết câu rõ nghĩa trong học tập và giao tiếp.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự đọc yêu cầu bài tập, quan sát lớp học để tìm danh từ.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm 2, nhóm 4 khi xếp từ và chơi trò chơi học tập.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng kiến thức về danh từ để đặt câu mới, diễn đạt đúng và hay.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực tham gia trò chơi, hoàn thành bài tập trong SGK và vở.
- Trách nhiệm: có ý thức sử dụng từ ngữ đúng, góp ý lịch sự khi làm việc nhóm.
- Trung thực: tự làm bài, không chép đáp án của bạn khi chưa hiểu.

4. Tích hợp

- Tích hợp QCN: HS hiểu quyền được lắng nghe, được bày tỏ ý kiến; biết dùng lời nói lịch sự khi nêu nhận xét về bản thân và người khác.
- Tích hợp NLS 5.2.CB1a: HS biết sử dụng bảng phân loại từ đơn giản do GV trình chiếu để sắp xếp danh từ theo nhóm.
- Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý danh sách từ nhưng người học phải tự đọc, tự phân loại và kiểm chứng với kiến thức đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, phiếu học tập, thẻ từ, tranh/bảng bài tập cắt từ SGK.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bảng con, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và gợi nhớ kiến thức về từ chỉ sự vật đã học ở các lớp dưới. * Cách tiến hành:	
- GV nêu trò chơi, cách chơi và hướng dẫn HS tổ chức chơi. - Trò chơi: Truyền điện. - Nội dung chơi: + Tìm từ chỉ người. + Tìm từ chỉ đồ vật. - Cách chơi: 1 HS làm quản trò điều khiển trò chơi. HS nêu đúng từ theo yêu cầu sẽ được “xì điện” người tiếp theo nêu.	- HS lắng nghe yêu cầu và tham gia chơi dưới sự điều khiển của bạn quản trò. - HS nêu nhanh các từ: học sinh, cô giáo, bạn bè, bàn, ghế, bảng, sách, bút.

<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, khen ngợi HS nêu được nhiều từ đúng. - GV hỏi: Các từ các em vừa nêu dùng để gọi tên điều gì? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Các từ đó dùng để gọi tên người, đồ vật trong lớp học.
<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn dắt vào bài mới: Những từ dùng để gọi tên người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian được gọi là danh từ. Hôm nay, các em học bài Danh từ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
<p>2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: XẾP CÁC TỪ IN ĐẬM VÀO NHÓM THÍCH HỢP</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nhận biết được danh từ thông qua việc quan sát và phân loại từ ngữ in đậm trong đoạn văn vào nhóm thích hợp. - Tích hợp NLS 5.2.CB1a: HS biết quan sát bảng phân loại từ trên màn hình, điền từ vào đúng cột và kiểm tra lại kết quả trước khi trình bày. <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 1: Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp.</p>  <p>1. Xếp các từ in đậm vào nhóm thích hợp.</p> <p>Thế là kì nghỉ hè kết thúc. Nắng thu đã toả vàng khắp nơi thay cho những tia nắng hè gay gắt. Gió thổi mát rượi, đuổi những chiếc lá rụng chạy lao xao. Lá như cũng biết nô đùa, cứ quẩn theo chân các bạn học sinh đang đi vội vã. Bạn thì đi với bố, bạn thì đi với mẹ, có bạn lại c một mình. Ai cũng vội đến trường để gặp lại thầy giáo, cô giáo, bạn bè gặp lại bàn, ghế thân quen. Hôm nay bắt đầu năm học mới.</p> <p>(Hạnh Minh)</p> <p>Từ chỉ người Từ chỉ vật Từ chỉ hiện tượng tự nhiên Từ chỉ thời gian</p> <p>2. Chơi trò chơi: Đường đua kì thú.</p> <p>Cách chơi:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1; cả lớp đọc thầm đoạn văn trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn văn và các từ ngữ được in đậm, chọn từ ngữ thích hợp với các nhóm đã cho: từ chỉ người, từ chỉ vật, từ chỉ hiện tượng tự nhiên, từ chỉ thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đoạn văn, dùng bút chì gạch chân các từ in đậm cần xếp nhóm.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời đại diện nhóm trình bày từng nhóm từ. - GV nhận xét, chốt đáp án đúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm trình bày: <ul style="list-style-type: none"> + Từ chỉ người: học sinh, bố, mẹ, thầy giáo, cô giáo, bạn bè. + Từ chỉ vật: lá, bàn, ghế. + Từ chỉ hiện tượng tự nhiên: nắng, gió. + Từ chỉ thời gian: hè, thu, hôm nay, năm học. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung; HS chữa bài vào vở.
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc cá 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm việc cá nhân, sau đó đổi vở với bạn cùng bàn

nhân trong 2 phút, sau đó trao đổi nhóm 2 để thống nhất kết quả.	để đối chiếu kết quả.
<ul style="list-style-type: none"> - Khi cô chiếu bảng phân loại danh từ trên màn hình, các em cần làm gì để kết quả của nhóm đúng và không bị nhầm cột? - Tích hợp NLS 5.2.CB1a: GV hướng dẫn HS quan sát bảng phân loại từ đơn giản gồm các cột: từ chỉ người, từ chỉ vật, từ chỉ hiện tượng tự nhiên, từ chỉ thời gian. Khi một bạn nêu từ, cả nhóm cần đọc lại nghĩa của từ, đối chiếu với ghi nhớ trong SGK rồi mới đưa vào cột phù hợp. Nếu sử dụng bảng tương tác hoặc phiếu số, HS cần thao tác chậm, kiểm tra lại trước khi bấm gửi hoặc trình bày. Việc dùng công cụ số giúp các em nhìn rõ cách sắp xếp, nhưng kết quả đúng vẫn phụ thuộc vào việc các em hiểu thế nào là danh từ và biết tự kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Em đọc lại từ, xem từ đó chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên hay thời gian rồi mới xếp vào cột. - HS thực hành: Nêu một từ, giải thích vì sao từ đó thuộc cột đã chọn và đối chiếu với bảng của nhóm.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: TRÒ CHƠI “ĐƯỜNG ĐUA KÌ THÚ” * Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - củng cố và khắc sâu khái niệm danh từ thông qua trò chơi. - HS nắm được ghi nhớ về danh từ và biết nêu ví dụ. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: Chơi trò chơi Đường đua kì thú. 	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2 và cách chơi trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu lại cách chơi. - GV chốt cách chơi: Tung xúc xắc để biết được đi mấy ô. Đến ô nào phải nói được 2 từ thuộc ô đó, không trùng với các từ đã nêu. Nếu không nói được, phải lùi lại một ô. Ai đến đích trước, người đó chiến thắng. 	- HS nêu cách chơi: Tung xúc xắc, di chuyển, nói danh từ đúng nhóm, không nói trùng từ.
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS chơi trong nhóm 4. - GV quan sát, trợ giúp nhóm còn lúng túng. 	- HS chơi trong nhóm 4; mỗi bạn lần lượt tung xúc xắc và nêu từ theo ô mình đi đến.
<ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức cho 1 - 2 nhóm chơi trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương nhóm nêu được 	- Đại diện nhóm chơi trước lớp; cả lớp quan sát, nhận xét từ bạn nêu đúng hay chưa đúng.

nhiều danh từ đúng.	
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt kiến thức: Các từ ở bài tập 1 và các từ tìm được ở bài tập 2 được gọi là danh từ. - GV nêu câu hỏi: Thế nào là danh từ? - Ghi nhớ: Danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...). 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Danh từ là từ chỉ sự vật như người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian. - 3 HS đọc lại ghi nhớ; cả lớp đọc thầm và ghi nhớ.
3. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 3: TÌM DANH TỪ CHỈ NGƯỜI, VẬT TRONG LỚP CỦA EM * Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm được các danh từ chỉ người, vật trong lớp học. - Biết lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn khi trao đổi nhóm. - Tích hợp QCN: HS biết tôn trọng ý kiến của bạn khi cùng tìm danh từ trong lớp học, lắng nghe và góp ý lịch sự. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 3: Tìm các danh từ chỉ người, vật trong lớp học của em.	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3; cả lớp xác định nhiệm vụ cần làm.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS quan sát lớp học, làm việc cá nhân trong 2 phút: ghi ra các danh từ chỉ người, vật nhìn thấy trong lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát lớp, ghi nhanh các danh từ: cô giáo, học sinh, bạn Nam, bạn Lan, bàn, ghế, bảng, sách, bút, cửa sổ, tủ sách, quạt.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4 trong 2 phút để tổng hợp kết quả. - GV mời các nhóm trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi nhóm 4, chọn các từ đúng và không lặp lại quá nhiều. - Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
<ul style="list-style-type: none"> - Khi làm nhóm, nếu bạn tìm được danh từ khác với mình, em sẽ ứng xử thế nào để bạn cảm thấy ý kiến của mình được tôn trọng? - Tích hợp QCN: GV khuyến khích HS: Mỗi bạn trong nhóm đều có quyền được nêu ý kiến và được lắng nghe. Có bạn quan sát thấy “bảng”, có bạn tìm được “cô giáo”, có bạn nêu “nặng”, mỗi ý kiến đều cần được nhóm xem xét bằng thái độ tôn trọng. Các em không vội chê “sai rồi”, không cười khi bạn nêu từ chưa đúng, mà nên hỏi lại: “Bạn giải thích vì sao chọn từ này?” hoặc góp ý: “Theo mình, từ này chỉ vật nên đặt vào cột từ chỉ vật.” Khi các em biết lắng nghe và góp ý nhẹ nhàng, hoạt động học nhóm sẽ công bằng, vui vẻ và hiệu quả hơn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Em lắng nghe bạn nói, hỏi lại nếu chưa hiểu và góp ý bằng lời lịch sự. - HS thực hành câu góp ý: “Mình nghĩ từ này chỉ người nên đưa vào cột từ chỉ người.”; “Bạn giải thích thêm cho nhóm nghe nhé.”
3. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 4: ĐẶT CÂU VỚI DANH TỪ	

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết vận dụng danh từ đã tìm được ở bài tập 3 để đặt câu đúng ngữ pháp, có ý nghĩa. - Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý thêm từ/câu mẫu nhưng phải tự kiểm chứng danh từ và tự viết câu bằng hiểu biết của mình. <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 4: Đặt 3 câu, mỗi câu chứa 1 - 2 danh từ tìm được ở bài tập 3.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4; HS nêu bài có 2 yêu cầu: đặt 3 câu và mỗi câu có 1 - 2 danh từ.</p>
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS làm bài vào vở. - Lưu ý: Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm; câu cần rõ nghĩa và dùng danh từ phù hợp. - Ví dụ: Lớp em có nhiều bạn chăm học. Trong hộp bút của em có bút mực, bút chì và thước kẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở. - HS viết ví dụ: Cô giáo đang giảng bài. Bạn Lan đọc sách rất chăm chú. Trên bàn có quyển vở và cây bút.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, khen ngợi HS đặt câu đúng, diễn đạt rõ ràng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, sửa câu nếu còn thiếu dấu câu hoặc dùng từ chưa phù hợp.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đổi vở chữa bài cho nhau. - GV mời 2 - 3 HS đọc câu trước lớp và chỉ ra danh từ trong câu. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đổi vở với bạn, gạch dưới danh từ trong câu của bạn. - HS đọc câu và chỉ ra danh từ: cô giáo, bạn Lan, sách, bàn, vở, bút.
<ul style="list-style-type: none"> - Nếu ChatGPT/Gemini gợi ý cho em một danh sách danh từ hoặc một câu mẫu, em có được chép nguyên không? Vì sao? - Tích hợp AI (4.A1.2): GV diễn giải: AI có thể gợi ý thêm một số danh từ hoặc câu mẫu để các em tham khảo khi bí ý tưởng. Tuy nhiên, AI có thể đưa ra từ không phù hợp với lớp học của em, câu văn có thể quá dài hoặc không đúng yêu cầu “mỗi câu chứa 1 - 2 danh từ tìm được ở bài tập 3”. Vì vậy, các em cần tự đọc lại ghi nhớ, xác định danh từ trong câu, chỉnh câu cho đúng chính tả, đúng nội dung và đúng với thực tế lớp mình. AI chỉ hỗ trợ gợi ý, còn việc hiểu bài, chọn từ và viết câu là trách nhiệm học tập của chính các em. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Em không chép nguyên. Em phải kiểm tra xem từ đó có phải danh từ không, câu có đúng yêu cầu không rồi tự viết lại bằng câu của mình. - HS nêu ví dụ kiểm chứng: Trong câu “Bạn Lan là học sinh chăm chỉ”, danh từ là “Bạn Lan”, “học sinh”.
<p>4. VẬN DỤNG</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - củng cố kiến thức về danh từ thông qua việc thi đua tìm và đặt câu với danh từ. - Rèn kĩ năng sử dụng từ ngữ và viết câu đúng. <p>* Cách tiến hành:</p>	

<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu: Thi tìm 1 danh từ và đặt câu với danh từ đó để nói về bạn bè trong lớp. - Ví dụ: Bạn Lan là học sinh chăm chỉ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS tham gia: Bạn Minh là lớp trưởng gương mẫu. Bạn Hà có giọng đọc rõ ràng. Bạn An rất thích bóng đá.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, tuyên dương HS vận dụng tốt kiến thức. - GV dặn dò: Về nhà tìm thêm 5 danh từ chỉ người, 5 danh từ chỉ vật trong gia đình; chuẩn bị tiết Viết. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

BÀI 1: ĐIỀU KÌ ĐIỀU

TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU ĐOẠN VĂN VÀ CÂU CHỦ ĐỀ

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được hình thức trình bày của đoạn văn.
- Xác định được ý chính của mỗi đoạn văn và tìm được câu chủ đề.
- Chọn được câu chủ đề phù hợp cho đoạn văn; viết được câu chủ đề khác cho một đoạn văn theo yêu cầu.
- Bước đầu vận dụng hiểu biết về đoạn văn và câu chủ đề vào việc viết đoạn văn rõ ý.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự đọc đoạn văn, gạch chân câu nêu ý chính, suy nghĩ trước khi trao đổi.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm 2, nhóm 4 để thống nhất câu trả lời.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: viết câu chủ đề mới phù hợp với nội dung đoạn văn.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: nghiêm túc đọc kĩ đoạn văn, hoàn thành bài viết ngắn.
- Trách nhiệm: có ý thức trình bày ý kiến rõ ràng, biết lắng nghe và sửa bài theo góp ý.
- Trung thực: tự viết câu chủ đề bằng suy nghĩ của mình.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết quan sát bảng/sơ đồ cấu tạo đoạn văn do GV trình chiếu, biết dùng công cụ số đơn giản để sắp xếp ý chính và câu chủ đề.
- Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý câu chủ đề, nhưng người học phải đọc đoạn văn, kiểm tra ý nghĩa và tự chỉnh sửa cho phù hợp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, đoạn văn và câu chủ đề cắt từ SGK, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh; gợi nhớ kiến thức về đoạn văn và nhu cầu tìm hiểu câu chủ đề. * Cách tiến hành:	
- GV chiếu một đoạn văn ngắn và hỏi: Vì sao em biết đây là một đoạn văn?	- HS trả lời: Vì các câu được viết liền nhau, cùng nói về một ý, câu đầu viết lùi đầu dòng.
- GV hỏi: Trong đoạn văn, câu nào thường cho biết ý chính của cả đoạn?	- HS dự đoán: Câu nêu ý chính có thể nằm ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay giúp các em nhận ra đoạn văn và câu chủ đề để viết đoạn văn rõ ý hơn.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
- GV kết luận: Muốn viết đoạn văn tốt, trước hết cần biết đoạn văn nói về điều gì và	- HS lắng nghe, mở SGK và chuẩn bị làm bài.

câu nào nêu ý chính của đoạn.	
2. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC CÁC ĐOẠN VĂN VÀ THỰC HIỆN YÊU CẦU * Mục tiêu: - HS nhận biết được hình thức trình bày của đoạn văn: cách xuống dòng, câu đầu dòng, các câu viết liền mạch. - HS xác định được ý chính của từng đoạn văn và câu nêu ý chính. - Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết quan sát sơ đồ/bảng số về đoạn văn, ý chính, câu chủ đề và dùng sơ đồ để hỗ trợ trình bày ý. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Đọc các đoạn văn dưới đây và thực hiện yêu cầu. tìm được ở bài tập 3. 	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1; cả lớp đọc thầm các đoạn văn trong SGK.
- a. Nhận xét về hình thức trình bày của các đoạn văn.	- HS trả lời: Mỗi đoạn văn gồm một số câu được viết liền nhau, không xuống dòng; câu đầu tiên viết lùi đầu dòng.
- b. Ý chính của mỗi đoạn văn là gì?	- HS làm việc cá nhân, ghi nhanh ý chính vào vở nháp.
- c. Tìm câu nêu ý chính của mỗi đoạn. Câu đó nằm ở vị trí nào trong đoạn?	- HS gạch chân câu nêu ý chính trong từng đoạn và xác định vị trí câu ở đầu hay cuối đoạn.
- GV chia nhóm 2 - 3 HS thảo luận đối chiếu kết quả, sau đó cử đại diện trình bày.	- HS thảo luận nhóm, thống nhất câu trả lời về hình thức trình bày, ý chính và câu chủ đề.
- GV tổng kết: Câu chủ đề là câu nêu ý chính của đoạn văn, thường nằm ở đầu hoặc cuối đoạn.	- HS nhắc lại: Câu chủ đề nêu ý chính của đoạn văn và giúp người đọc hiểu đoạn văn nói về điều gì.
- GV gọi 2 nhóm trình bày trước lớp. - GV chiếu bảng phụ hoặc nêu đáp án chuẩn để HS đối chiếu. - Đoạn 1: Mọi người bắt tay vào việc chuẩn bị cho cuộc khiêu vũ. - Đoạn 2: Nhiệm vụ chăm chỉ diệt trừ sâu	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS đối chiếu đáp án, tự điều chỉnh phần trả lời trong vở.

bộ của chim và ong.	
<p>- Khi quan sát sơ đồ “Đoạn văn - Ý chính - Câu chủ đề” trên màn hình, em cần dựa vào đâu để điền đúng nội dung vào từng ô?</p> <p>- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: GV hướng dẫn HS sử dụng sơ đồ số đơn giản để nhận ra mối quan hệ giữa đoạn văn, ý chính và câu chủ đề. Trước hết, HS đọc toàn đoạn văn, xác định đoạn nói về việc gì, sau đó ghi ý chính vào ô giữa. Tiếp theo, HS tìm câu trong đoạn có nội dung khái quát nhất và đưa vào ô “câu chủ đề”. Nếu dùng bảng số hoặc sơ đồ trình chiếu, các em cần đọc kĩ, kéo/thả hoặc ghi nội dung vào đúng ô, không thao tác vội. Công cụ số giúp các em nhìn rõ cấu trúc đoạn văn, nhưng các em vẫn phải tự đọc, tự suy nghĩ và đối chiếu với đoạn văn trong SGK.</p>	<p>- HS trả lời: Em đọc đoạn văn trước, tìm ý chính rồi mới chọn câu chủ đề để điền vào sơ đồ.</p> <p>- HS thực hành: Nêu ý chính của một đoạn và xác định câu chủ đề tương ứng trên sơ đồ.</p>
2. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH - HOẠT ĐỘNG 2: XÁC ĐỊNH CÂU CHỦ ĐỀ CỦA ĐOẠN VĂN <p>* Mục tiêu:</p> <p>- HS biết đọc kĩ đoạn văn, tìm ý chính và chọn được câu chủ đề phù hợp.</p> <p>- HS xác định được vị trí đặt câu chủ đề cho mỗi đoạn.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
- Bài tập 2: Chọn câu chủ đề cho từng đoạn văn và xác định vị trí đặt câu chủ đề cho mỗi đoạn.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2; cả lớp đọc thầm 2 đoạn văn trong SGK.

<p>Những bác ong vàng cần cù tìm bắt từng con sâu trong ngách lá. Kìa nữa là họ hàng nhà ruồi trâu có đuôi dài như đuôi chuồn chuồn, đó chính là những "hiệp sĩ" diệt sâu róm. Lại còn những cô cậu chim sâu ít nói, chăm chỉ. Những bác cóc già lạng lẽ, siêng năng. Tất cả đều lo diệt trừ sâu bọ để giữ gìn hoa lá.</p> <p>(Theo Vũ Tú Nam)</p> <p>Ghi nhớ</p> <ul style="list-style-type: none"> Mỗi đoạn văn thường gồm một số câu được viết liên tục, không xuống dòng, trình bày một ý nhất định. Câu đầu tiên được viết lùi đầu dòng. Câu chủ đề là câu nêu ý chính của đoạn văn, thường nằm ở đầu hoặc ở cuối đoạn. <p>2. Chọn câu chủ đề cho từng đoạn văn và xác định vị trí đặt câu chủ đề cho mỗi đoạn.</p> <p>a. Mùa xuân đến, chim bắt đầu xây tổ.</p> <p>b. Cứ thế, cả nhà mỗi người một việc, hồi hả mang Tết về trong khoảnh khắc chiều Ba mươi.</p> <p>Đoạn 1</p> <p>Bà vừa vớt bánh chưng vừa nướng chả trên đồng than đỏ rực. Mẹ bận gói giò tai – món khoái khẩu của bố. Chỉ hai năm nữa thôi là mẹ đun một nồi nước tắm tất niên thật to. Súc quanh quần dọn dẹp, thính thoảng lại chạy ra đảo giúp mẹ mẹ mút gừng, mút bí. Bố từ đơn vị về mang theo một cánh đào. Cánh đào nhỏ thôi nhưng chứa đựng cả mùa xuân của núi rừng Tây Bắc.</p> <p>(Theo Vũ Thị Huyền Trang)</p> <p>Đoạn 2</p> <p>Bố các xây tổ trên cây sung cao chót vót. Tổ bố các xây ở đầu cành, trông trống trải. Chim ở dọc xây tổ trên cành vòng, tổ như treo lơ lửng trên cành. Đôi chim cu chọn chỗ xây tổ trên cây thị – nơi có nhiều mầm non vừa nhú. Lúc đầu, quanh tổ trông trống trải nhưng đến khi ấp trứng, những mầm non đã bắt đầu tốt tươi, che chung quanh kín đáo.</p> <p>(Theo Vũ Quảng)</p> <p>3. Viết câu chủ đề khác cho 1 trong 2 đoạn văn ở bài tập 2.</p> <p> Trao đổi với người thân về vẻ riêng của từng người trong gia đình.</p>	
- a. Mùa xuân đến, chim bắt đầu xây tổ.	- HS đọc phương án a và đối chiếu nội dung đoạn văn.
- b. Cứ thế, cả nhà mỗi người một việc, hồi hả mang Tết về trong khoảnh khắc chiều Ba mươi.	- HS đọc phương án b và xác định đoạn văn phù hợp.
- GV hướng dẫn: Câu chủ đề phải khái quát nội dung của đoạn, thường đứng ở đầu hoặc cuối đoạn.	- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ chọn câu chủ đề và vị trí đặt câu.
- GV chia HS thành nhóm nhỏ để thảo luận, so sánh kết quả, thống nhất câu trả lời.	- HS thảo luận nhóm 2 hoặc nhóm 3, trao đổi để thống nhất câu chủ đề và vị trí đặt.
<p>- GV mời 2 - 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp.</p> <p>- GV nhận xét, chốt đáp án:</p> <p>+ Đoạn 1: Câu “Mùa xuân đến, chim bắt đầu xây tổ” đặt ở đầu đoạn.</p> <p>+ Đoạn 2: Câu “Cứ thế, cả nhà mỗi người một việc, hồi hả mang Tết về trong khoảnh khắc chiều Ba mươi” đặt ở cuối đoạn.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>- HS đối chiếu với đáp án của GV, sửa bài vào vở.</p>
<p>2. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH - HOẠT ĐỘNG 3: VIẾT CÂU CHỦ ĐỀ KHÁC CHO MỘT ĐOẠN VĂN</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- HS vận dụng kiến thức đã học để tự viết câu chủ đề mới cho đoạn văn.</p>	

- HS biết đặt câu chủ đề phù hợp, khái quát được nội dung đoạn. - Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết dùng gợi ý của AI một cách chọn lọc, tự kiểm tra câu chủ đề có khái quát đúng nội dung đoạn văn hay không. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 3: Viết câu chủ đề khác cho 1 trong 2 đoạn văn ở bài tập 2.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3; HS chọn đoạn 1 hoặc đoạn 2 để viết câu chủ đề mới.
- GV nhắc HS chú ý: Câu chủ đề phải khái quát toàn bộ nội dung đoạn, có thể đặt ở đầu hoặc cuối đoạn.	- HS suy nghĩ, viết câu chủ đề mới vào giấy nháp.
- GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn bằng câu hỏi gợi ý: Đoạn văn này kể về việc gì? Chi tiết nào quan trọng nhất?	- HS chỉnh câu chủ đề dựa vào câu hỏi gợi ý của GV.
- GV chấm nhanh bài làm của một số HS, gọi HS đọc câu chủ đề trước lớp.	- HS đọc câu chủ đề của mình; lớp nhận xét câu đã khái quát đúng nội dung chưa.
- Nếu ChatGPT/Gemini gợi ý cho em một câu chủ đề, em cần kiểm tra những điều gì trước khi dùng câu đó? - Tích hợp AI (4.A1.2): GV minh họa: AI có thể gợi ý một câu chủ đề khác cho đoạn văn, nhưng câu gợi ý có thể chưa sát ý, quá dài, dùng từ chưa phù hợp với học sinh lớp 4 hoặc làm thay mất suy nghĩ của người viết. Vì vậy, các em phải đọc lại đoạn văn, tự hỏi: “Câu này có bao quát đúng nội dung cả đoạn không?”, “Câu này đặt ở đầu hoặc cuối đoạn có hợp lí không?”, “Câu này có dùng lời văn của mình không?”. Sau khi kiểm tra, các em chỉ chọn ý phù hợp, chỉnh lại bằng lời của mình và không chép nguyên văn máy móc.	- HS trả lời: Em kiểm tra xem câu đó có đúng ý đoạn văn, có ngắn gọn, rõ ý và phù hợp với cách viết của em không. - HS nêu nguyên tắc: Dùng AI để tham khảo, không chép nguyên; phải đọc lại đoạn văn và tự sửa câu chủ đề.
- GV nhận xét chung: Câu chủ đề tốt cần ngắn gọn, rõ ý, đúng nội dung của đoạn văn.	- HS ghi nhớ cách viết câu chủ đề và rút kinh nghiệm.
3. VẬN DỤNG * Mục tiêu: - HS biết quan sát, suy nghĩ và nêu được đặc điểm nổi bật của từng thành viên trong gia đình. - Biết vận dụng kiến thức về câu chủ đề để nói một ý khái quát. * Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS nhớ lại những người trong gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cô, dì, chú, bác. - GV nêu yêu cầu: Em hãy nghĩ về một	- HS suy nghĩ, nhớ lại người thân và chọn một người để chia sẻ.

người thân trong gia đình và nói một câu khái quát về điểm nổi bật của người đó.	
- GV gợi ý: Bố em là người rất chăm chỉ. Mẹ em luôn quan tâm đến mọi người trong gia đình. Bà em là người kể chuyện rất hay.	- HS nêu câu của mình: Anh trai em rất chăm học. Ông em rất yêu cây cối. Chị em nấu ăn rất khéo.
- GV nhắc HS khi chia sẻ cần lắng nghe, không ngắt lời bạn. - GV nhận xét, tuyên dương HS biết nói rõ ràng và có câu khái quát tốt.	- HS lắng nghe bạn trình bày, có thể bổ sung bằng lời nhận xét lịch sự.
4. Củng cố - Dặn dò * Mục tiêu: - Hệ thống kiến thức cơ bản về đoạn văn và câu chủ đề; dặn dò chuẩn bị bài sau. * Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Câu chủ đề là gì? Câu chủ đề thường nằm ở vị trí nào trong đoạn văn?	- HS trả lời: Câu chủ đề là câu nêu ý chính của đoạn văn; thường nằm ở đầu hoặc cuối đoạn.
- GV yêu cầu HS nhắc lại những điều đã học trong Bài 1: đọc bài Điều kì diệu, luyện từ và câu về danh từ, viết về đoạn văn và câu chủ đề.	- HS nêu lại kiến thức chính của từng tiết.
- GV dặn dò: Về nhà quan sát một đoạn văn trong sách, tìm câu chủ đề nếu có; chuẩn bị bài 2 Thi nhac.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**BÀI 2: THI NHẠC****TIẾT 1 - 2: ĐỌC: THI NHẠC**

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và bước đầu đọc diễn cảm câu chuyện Thi nhạc.
- Biết đọc phù hợp với lời miêu tả từng tiết mục của mỗi nhân vật trong câu chuyện.
- Nhận biết được nhân vật trong truyện và đặc điểm nổi bật của từng nhân vật qua hình dáng, hành động, tiếng nhạc.
- Hiểu bước đầu nội dung câu chuyện: mỗi nhân vật có nét riêng trong biểu diễn âm nhạc.
- Luyện đọc lại văn bản với giọng phù hợp; làm được bài tập tìm danh từ và đặt câu theo văn bản đọc.
- Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm: mỗi người hãy tạo cho mình một nét đẹp riêng, phát huy thế mạnh của bản thân.
- Giới thiệu được tiết mục của một nhân vật em yêu thích trong câu chuyện.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu trong SGK về câu chuyện Thi nhạc.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự đọc trước văn bản, đánh dấu từ khó, luyện đọc theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: luyện đọc nhóm, nhận xét cách đọc của bạn bằng lời lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: dự đoán nội dung câu chuyện qua tranh, liên hệ âm thanh các loài vật với âm nhạc.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, chuẩn bị câu trả lời về nhân vật em yêu thích.
- Nhân ái: biết trân trọng nét riêng, khả năng riêng của mỗi bạn và mỗi nhân vật.
- Trách nhiệm: giữ trật tự, lắng nghe khi bạn đọc và khi nhóm làm việc.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS quan sát/nghe âm thanh, hình ảnh về các con vật từ nguồn GV chọn lọc; biết không tự ý tìm, mở video lạ khi chưa có hướng dẫn.
- Tích hợp AI (4.A1.1): HS nhận biết AI có thể hỗ trợ nhận diện âm thanh hoặc gợi ý hình ảnh minh họa, nhưng cần con người kiểm tra và sử dụng phù hợp.
- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết nhận xét, phản hồi lịch sự khi trao đổi trực tiếp hoặc trên công cụ số của lớp; không đăng lời chê bai, trêu chọc bạn.
- Tích hợp QCN: HS biết tôn trọng đặc điểm và giá trị riêng của bản thân, bạn bè; không chê bai năng lực hoặc sở thích của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh minh họa bài đọc cắt từ SGK, thẻ từ khó, đoạn âm thanh con vật do GV chọn lọc.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú với chủ đề âm nhạc và kết nối vào bài đọc Thi nhạc. - HS biết chia sẻ ngắn về một tiết mục văn nghệ đáng nhớ. * Cách tiến hành:	
- GV giao nhiệm vụ kể theo nhóm. - Kể về tiết mục văn nghệ đáng nhớ nhất mà em đã được xem hoặc tham gia. - GV khích lệ HS kể trong nhóm và có thể giải thích vì sao em nhớ nhất tiết mục đó.	- HS làm việc nhóm 2; lần lượt kể về tiết mục văn nghệ đáng nhớ: hát tập ca, múa, đánh trống, biểu diễn đàn, văn nghệ ở trường.
- GV hỏi: Vì sao em nhớ nhất tiết mục đó?	- HS trả lời: Vì tiết mục vui, âm nhạc hay, trang phục đẹp, bạn biểu diễn tự tin hoặc em được tham gia cùng bạn bè.
- GV chốt: Nếu tham gia biểu diễn một tiết mục văn nghệ, muốn thành công và để lại ấn tượng trong lòng người xem, chúng ta cần chăm chỉ tập luyện, phát huy thế mạnh của bản thân. Khi biểu diễn, cần cố gắng thể hiện hết khả năng của mình.	- HS lắng nghe, nêu thêm: Muốn biểu diễn hay cần luyện tập, tự tin và phối hợp với bạn.
- GV gọi 1 - 2 HS nêu nội dung tranh minh họa bài đọc. - GV hỏi: Bài học có mấy tranh minh họa? Đoán xem các con vật trong tranh đang làm gì? (Có 4 tranh. Các con vật trong tranh đang trình diễn những tiết mục âm nhạc.) 	- HS quan sát tranh minh họa. - HS trả lời: Có 4 tranh; ve sầu, gà trống, dế mèn, họa mi đang trình diễn những tiết mục âm nhạc.
- GV dẫn dắt vào bài mới: Câu chuyện kể về một cuộc thi âm nhạc của các con vật. Giờ học hôm nay chúng ta cùng học bài Thi nhạc để biết câu chuyện kể điều gì về mỗi con vật được vẽ trong tranh. - GV ghi bảng.	- HS lắng nghe, nhắc lại đầu bài và ghi tên bài vào vở.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN	

<p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc đúng, đọc rõ văn bản Thi nhạc; biết ngắt nghỉ ở câu dài và luyện đọc từ khó. - Hiểu nghĩa một số từ ngữ về âm nhạc và nhạc cụ. - Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết nghe âm thanh/hình ảnh minh họa từ nguồn GV kiểm duyệt, không tự ý mở đường link lạ hoặc tin ngay thông tin chưa rõ nguồn. <p>* Cách tiến hành:</p>	
- GV đọc mẫu lần 1: Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình tiết bất ngờ hoặc tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện.	- HS lắng nghe cách đọc, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài. Đọc diễn cảm các từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.	- HS lắng nghe, dùng bút chì đánh dấu chỗ ngắt nghỉ ở câu dài.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nêu câu hỏi: Bài văn chia thành mấy đoạn? - GV chốt: Bài văn chia thành 5 đoạn. + Đoạn 1: Từ đầu đến cúi xuống ghi điểm. + Đoạn 2: Tiếp theo đến Cục-cục! Cục-cục!... + Đoạn 3: Tiếp theo đến nhòa đi. + Đoạn 4: Tiếp theo đến khoe sắc... + Đoạn 5: Đoạn còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Bài văn có thể chia thành 5 đoạn. - HS đánh dấu đoạn trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 1. - GV theo dõi, sửa phát âm cho HS. 	- 5 HS đọc nối tiếp 5 đoạn; cả lớp lắng nghe và nhận xét.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: lấp lánh, niềm mãn nguyện, réo rắt, vi-ô-lông, cla-ri-nét, xen-lô, rạo rực, tung bùng.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh; sửa lỗi phát âm các từ khó.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc chú giải và giải nghĩa từ: + Tiết tấu: nhịp điệu của âm nhạc. + Vi-ô-lông, cla-ri-nét, xen-lô: tên các nhạc cụ. 	- HS đọc chú giải trong SGK, nêu lại nghĩa của từ bằng lời của mình.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: Mặc áo măng tô trong suốt,/ đôi mắt nâu lấp lánh,/ đầy vẻ tự tin,/ ve sầu biểu diễn bản nhạc “Mùa hè”. - GV hướng dẫn nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc: réo rắt, say đắm, rạo rực, tung bùng. 	- HS luyện đọc câu dài, đọc đúng chỗ ngắt nghỉ và nhấn giọng theo hướng dẫn.
- GV yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm 5.	- HS luyện đọc trong nhóm 5, sửa lỗi cho nhau.

- Mỗi HS đọc một đoạn, các bạn trong nhóm lắng nghe và góp ý.	
- GV mời 2 nhóm đọc nối tiếp trước lớp. - GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 2 nhóm đọc trước lớp; cả lớp lắng nghe, nhận xét. - 1 HS đọc toàn bài.
- Khi nghe âm thanh tiếng ve, tiếng gà, tiếng dế, tiếng chim từ máy chiếu, làm thế nào để biết nguồn âm thanh đó an toàn và phù hợp với bài học? - Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: GV cho HS nghe một đoạn âm thanh ngắn do GV đã chọn lọc về tiếng ve, tiếng gà, tiếng dế, tiếng chim để liên hệ với các nhân vật trong câu chuyện. GV nhắc HS: ở lớp, các em nghe âm thanh từ nguồn GV kiểm duyệt; ở nhà, các em không tự ý mở đường link lạ, không tải tệp âm thanh không rõ nguồn và không tin ngay hình ảnh, âm thanh trên mạng nếu chưa được người lớn hướng dẫn. Khi muốn tìm thêm tư liệu, các em cần hỏi thầy cô hoặc cha mẹ, chọn nguồn phù hợp lứa tuổi và đối chiếu với nội dung trong SGK. Sử dụng nguồn số an toàn giúp việc học thêm sinh động mà vẫn bảo vệ bản thân trên môi trường mạng.	- HS trả lời: Em nghe nguồn do cô giáo hoặc cha mẹ giới thiệu; không bấm vào đường link lạ; nếu muốn tìm thêm thì hỏi người lớn. - HS thực hành: Nghe âm thanh, đoán con vật, sau đó đối chiếu với nhân vật trong bài Thi nhạ.
- GV kết luận: Các em đã đọc đúng văn bản và bước đầu nhận ra mỗi nhân vật trong câu chuyện có một cách biểu diễn riêng.	- HS lắng nghe, chuẩn bị tìm hiểu nội dung câu chuyện ở hoạt động tiếp theo.
2. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ LỜI CÂU HỎI * Mục tiêu: - HS hiểu nội dung cơ bản của văn bản; trả lời được các câu hỏi về nhân vật, nét giống và khác nhau giữa các nhân vật. - HS hiểu thông điệp: mỗi người có thể mạnh, phong cách riêng cần được trân trọng. - Mục tiêu tích hợp QCN: HS biết trân trọng thể mạnh riêng của bản thân và bạn bè, không chê bai năng lực hoặc sở thích của bạn. * Cách tiến hành:	
- GV gọi HS đọc thầm câu hỏi cuối bài trong SGK. - GV yêu cầu HS đọc lại đoạn văn liên quan trước khi trả lời.	- HS đọc thầm các câu hỏi 1, 2, 3, 4 trong SGK và xác định đoạn văn cần tìm ý.

<p>3. Vì sao thầy vàng anh rất vui và xúc động khi xem các học trò biểu diễn?</p> <p>4. Tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện trên? Tìm câu trả lời đúng.</p> <p>A. Nhiều loài vật có tiếng kêu, tiếng gáy, tiếng hót rất hay.</p> <p>B. Thế giới của các loài vật muôn màu, muôn vẻ.</p> <p>C. Mỗi người hãy tạo cho mình nét đẹp riêng.</p> <p>D. Muốn hát hay, đàn giỏi thì phải tập luyện chăm chỉ.</p> <p>1. Tìm danh từ trong các câu dưới đây:</p> <p>a. Sau ve sầu, gà trống đứng đặc biệt lên, kiêu hãnh ngẩng đầu với cái mũ đỏ chói.</p> <p>b. Để bước ra khỏe khoắn và trang nhã trong chiếc áo nâu óng.</p> <p>c. Trong tà áo dài thướt tha, họa mi trông thật dịu dàng, uyển chuyển.</p> <p>2. Đặt 1 – 2 câu về nhân vật mà em yêu thích trong bài đọc <i>Thi nhạc</i>. Chỉ ra danh từ nhân vật em nói đến.</p>	
<p>- Câu 1: Câu chuyện có những nhân vật nào? Những nhân vật đó có điểm gì giống nhau?</p> <p>(Câu chuyện có năm nhân vật: thầy vàng anh, ve sầu, gà trống, dế mèn, họa mi. Những nhân vật đó có điểm giống nhau là yêu âm nhạc, say mê chơi nhạc, biểu diễn hết mình.)</p>	<p>- HS trả lời: Có thầy vàng anh, ve sầu, gà trống, dế mèn, họa mi. Các nhân vật đều yêu âm nhạc và biểu diễn hết mình.</p>
<p>- GV giảng thêm: Tiếng ve kêu từng được gọi là dàn đồng ca mùa hạ; tiếng gà trống là âm thanh quen thuộc của làng quê; chim họa mi được mệnh danh là ca sĩ của núi rừng; tiếng dế kêu ri ri cũng đi vào nhiều áng thơ văn.</p>	<p>- HS lắng nghe, liên hệ âm thanh các loài vật em từng nghe trong đời sống.</p>
<p>- Câu 2: Giới thiệu về tiết mục của một nhân vật em yêu thích trong câu chuyện.</p> <p>+ Tên bản nhạc và nhân vật biểu diễn.</p> <p>+ Ngoại hình của nhân vật.</p> <p>+ Những hình ảnh gợi ra từ bản nhạc được trình diễn.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2, chọn nhân vật em thích.</p> <p>- HS trình bày ví dụ: Em thích họa mi. Họa mi mặc tà áo dài thướt tha, trình diễn bản nhạc “Mùa xuân” dịu dàng, làm hiện lên hoa đào, mưa xuân và nắng ấm.</p>
<p>- GV khích lệ và khen ngợi những HS biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.</p>	<p>- HS lắng nghe, bổ sung chi tiết cho phần giới thiệu của bạn.</p>
<p>- Câu 3: Vì sao thầy vàng anh rất vui và xúc động khi xem các học trò biểu diễn? Điều đó thể hiện qua chi tiết nào?</p> <p>(Thầy vàng anh vui và xúc động vì các học trò đều có tiết mục hay, đặc biệt, mỗi người tạo dựng cho mình một phong cách độc đáo, không ai bắt chước ai. Điều đó thể hiện qua chi tiết: Thầy giáo xúc động cúi xuống ghi điểm... và lời khen ở cuối câu chuyện.)</p>	<p>- HS trả lời: Vì học trò của thầy biểu diễn rất hay, mỗi bạn có phong cách riêng. Chi tiết thể hiện là thầy xúc động cúi xuống ghi điểm và khen các em.</p>
<p>- Câu 4: Tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện?</p>	<p>- HS đọc các phương án, chọn đáp án C và giải thích: Câu chuyện nhấn mạnh mỗi nhân vật có cách biểu</p>

<p>A. Nhiều loài vật có tiếng kêu, tiếng gáy, tiếng hót hay.</p> <p>B. Thế giới của các loài vật muôn màu muôn vẻ.</p> <p>C. Mỗi người hãy tạo cho mình một nét đẹp riêng.</p> <p>D. Muốn hát hay, đàn giỏi thì phải tập luyện chăm chỉ.</p> <p>(Đáp án đúng: C. Mỗi người hãy tạo cho mình một nét đẹp riêng.)</p>	<p>diễn riêng, không bắt chước ai.</p>
<p>- GV chốt: Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng riêng của mình. Tạo được nét riêng là ghi được dấu ấn của mình trong lòng mọi người.</p>	<p>- HS lắng nghe và nêu ví dụ về nét riêng của mình hoặc của bạn.</p>
<p>- Trong lớp mình, có bạn hát hay, có bạn kể chuyện tốt, có bạn đọc rõ, có bạn vẽ đẹp. Khi thấy bạn có thế mạnh khác mình, em nên làm gì?</p> <p>- Tích hợp QCN: GV mở rộng: Mỗi bạn đều có khả năng, sở thích và thế mạnh riêng, giống như ve sầu, gà trống, dế mèn, họa mi trong câu chuyện đều có cách biểu diễn khác nhau. Tôn trọng điểm riêng của bạn chính là tôn trọng giá trị của mỗi trẻ em. Các em không so sánh để làm bạn buồn, không chê bạn hát chưa hay, không cười khi bạn biểu diễn còn run. Thay vào đó, các em cổ vũ, động viên, ghi nhận sự cố gắng và học ở bạn điều tốt đẹp. Khi cả lớp biết trân trọng từng thế mạnh riêng, tập thể sẽ phong phú, vui tươi và ai cũng có cơ hội thể hiện mình.</p>	<p>- HS trả lời: Em cổ vũ bạn, khen điểm tốt của bạn và không chê bai khi bạn chưa làm tốt.</p> <p>- HS nêu việc làm: “Em vỗ tay khi bạn biểu diễn.”; “Em góp ý nhẹ nhàng để bạn tự tin hơn.”; “Em học bạn sự chăm chỉ luyện tập.”</p>
<p>- GV hỏi: Qua phần tìm hiểu, hãy nêu nội dung bài.</p> <p>- Nội dung: Mỗi người tạo được nét riêng, độc đáo chính là phát huy thế mạnh, khả năng của riêng mình.</p>	<p>- HS nêu nội dung bài theo sự hiểu biết của mình.</p> <p>- HS nhắc lại nội dung bài và ghi vào vở.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN ĐỌC LẠI</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- Rèn kĩ năng đọc diễn cảm, biết nhấn giọng ở từ ngữ quan trọng.</p> <p>- Tự tin thể hiện bài đọc, biết lắng nghe và nhận xét bạn.</p> <p>- Mục tiêu tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết nhận xét phần đọc/biểu diễn của bạn</p>	

bằng lời lịch sự, không ghi âm, chụp hình hoặc chia sẻ hình ảnh bạn khi chưa được phép.

*** Cách tiến hành:**

- GV hướng dẫn lại cách đọc diễn cảm: nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình tiết bất ngờ, tâm trạng, cảm xúc của nhân vật như réo rắt, say đắm, rạo rực, tung bừng, hồi hộp, xúc động.	- HS lắng nghe lại cách đọc diễn cảm và đánh dấu từ cần nhấn giọng.
- GV mời một số HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp theo đoạn, chú ý giọng đọc phù hợp với từng nhân vật.
- GV mời 1 nhóm đọc trước lớp. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 nhóm đọc trước lớp; cả lớp lắng nghe, nhận xét và rút kinh nghiệm.
- GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm 4. - GV quan sát, góp ý nhóm đọc còn nhỏ hoặc ngắt nghỉ chưa đúng.	- HS luyện đọc trong nhóm 4, góp ý cho nhau về giọng đọc, tốc độ đọc, cách nhấn giọng.
- Khi nhận xét phần đọc diễn cảm của bạn trong nhóm hoặc trên Padlet/ClassDojo của lớp, em cần dùng lời như thế nào để bạn cảm thấy được tôn trọng? - Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: GV nhắc HS: Dù nhận xét trực tiếp hay viết nhận xét trên công cụ số của lớp, các em cần dùng lời lịch sự, nêu điểm tốt trước, góp ý nhẹ nhàng sau. Các em không đăng lời chê bai, không trêu giọng đọc của bạn, không tự ý chụp hoặc đăng hình ảnh bạn khi chưa được phép. Một nhận xét văn minh có thể là: “Bạn đọc rõ, biết nhấn giọng. Nếu bạn đọc chậm hơn một chút thì sẽ hay hơn.” Cách giao tiếp số an toàn và lịch sự giúp lớp học có môi trường luyện đọc thân thiện, khuyến khích mọi bạn tiến bộ.	- HS thực hành câu nhận xét: “Bạn đọc rõ và biết ngắt nghỉ. Mình mong bạn đọc to hơn một chút.” - HS nhắc lại quy tắc: Khen điểm tốt trước, góp ý nhẹ nhàng, không đăng thông tin/hình ảnh của bạn khi chưa được phép.

3. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN ĐỌC

*** Mục tiêu:**

- Rèn kĩ năng đọc hiểu và làm việc theo yêu cầu của bài tập.
- Biết tìm danh từ trong câu văn và đặt câu về nhân vật yêu thích.

*** Cách tiến hành:**

- Bài 1: Tìm danh từ trong các câu dưới đây:	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1; cả lớp đọc thầm các câu a, b, c.
- a. Sau ve sầu, gà trống đứng đặc bước lên, kiêu hãnh ngẩng đầu với cái mũ đỏ	- HS tìm danh từ: ve sầu, gà trống, đầu, cái mũ.

chối.	
- b. Để bước ra khỏi khoả và trang nhấ trong chiếc áo nâu óng.	- HS tìm danh từ: để, chiếc áo.
- c. Trong tà áo dài thướt tha, họa mi trông thật dịu dàng, uyển chuyển.	- HS tìm danh từ: tà áo dài, họa mi.
- GV hỏi: Danh từ là gì? (Danh từ là từ chỉ sự vật: người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...)	- HS trả lời lại ghi nhớ về danh từ.
- Bài 2: Đặt 1 - 2 câu về nhân vật yêu thích trong bài đọc Thi nhạc. Chỉ ra danh từ trong câu em đặt.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 2; HS xác định bài có 2 yêu cầu: đặt câu và chỉ ra danh từ.
- GV gợi ý: + Để mền như một người nghệ sĩ tài ba. + Ve sầu đánh bản nhạc gọi hè về. + Họa mi khoe giọng hót véo von. + Gà trống cất tiếng gáy vang cả xóm. + Thầy vàng anh là người thầy yêu thương học trò.	- HS làm việc cá nhân, viết câu vào vở. - HS chỉ ra danh từ trong câu: để mền, người nghệ sĩ, ve sầu, bản nhạc, họa mi, giọng hót, gà trống, thầy vàng anh.
- GV mời 2 - 3 HS đọc câu đã viết. - GV nhận xét, sửa câu nếu HS dùng danh từ chưa chính xác.	- HS đọc câu, lớp nhận xét và sửa bài vào vở.
4. VẬN DỤNG * Mục tiêu: - HS biết tìm một danh từ và đặt câu với danh từ đó để nói về bạn bè trong lớp. - Biết vận dụng thông điệp bài học vào lời nói tích cực với bạn. * Cách tiến hành:	
- GV nêu yêu cầu: Tự tìm 1 danh từ và đặt câu với từ đó để nói về bạn bè trong lớp. - Ví dụ: Bạn Lan là học sinh chăm chỉ.	- HS chia sẻ: Bạn Minh là lớp trưởng. Bạn Hà hát rất hay. Bạn Nam chơi bóng đá giỏi.
- GV nhận xét giờ học. - GV dặn dò: Về nhà đọc lại bài Thi nhạc, chuẩn bị tiết Viết: Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**BÀI 2: THI NHẠC****TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN**

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Hiểu được cách viết đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Nhận biết được cấu trúc đoạn văn nêu ý kiến: câu mở đầu, các câu triển khai, câu kết đoạn.
- Xác định được lí do người viết yêu thích câu chuyện Thi nhạc và Bà cháu.
- Biết trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: đọc đoạn văn, tự trả lời câu hỏi trước khi thảo luận.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách trình bày đoạn văn nêu ý kiến phù hợp.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: nghiêm túc đọc kĩ đoạn văn và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết tôn trọng ý kiến của bản thân và của người khác khi trao đổi.
- Trung thực: nêu ý kiến thật của mình, không sao chép máy móc.

4. Tích hợp

- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết quan sát sơ đồ cấu trúc đoạn văn trên màn hình và sử dụng phiếu/bảng số đơn giản để sắp xếp ý kiến, lí do, kết đoạn.
- Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý lí do hoặc dẫn ý, nhưng HS phải tự đọc câu chuyện, tự chọn lí do và viết bằng lời của mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, đoạn văn mẫu cắt từ SGK, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và kết nối nội dung bài đọc Thi nhạc với nhu cầu nêu ý kiến về một câu chuyện. * Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu trò chơi, phổ biến cách chơi. - Tổ chức trò chơi: Chuyển hoa để khởi động bài học. - Cách chơi: Sau khi GV đọc câu hỏi và hô “Bắt đầu”, nhạc vang lên. HS chuyển hoa lần lượt cho bạn bên cạnh. Nhạc dừng, hoa ở vị trí HS nào thì HS đó phải nêu ý kiến của mình. HS trả lời xong lại tiếp tục chuyển hoa cho đến khi hết nhạc.	- HS lắng nghe cách chơi và tham gia trò chơi theo sự điều hành của GV.
- GV nêu câu hỏi: Sau khi đọc câu chuyện	- HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân: Em thích vì câu

Thi nhạc, em thích hay không thích câu chuyện này? Vì sao?	chuyện vui, có nhiều nhân vật đáng yêu, mỗi nhân vật có nét riêng.
- GV dẫn dắt vào bài mới: Khi nêu ý kiến về một câu chuyện, chúng ta cần nói rõ mình thích hoặc không thích và nêu được lí do. Hôm nay, các em tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến.	- HS lắng nghe và ghi tên bài vào vở.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC HIỂU ĐOẠN VĂN “THI NHẠC” VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI * Mục tiêu: - Hiểu nội dung đoạn văn và ý kiến của người viết về câu chuyện Thi nhạc. - Nhận biết cấu trúc đoạn văn nêu ý kiến: câu mở đầu, câu triển khai, câu kết đoạn. - Biết phân tích, chỉ ra các lí do khiến người viết yêu thích câu chuyện Thi nhạc. - Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết dùng gợi ý của AI để tham khảo lí do yêu thích câu chuyện nhưng phải tự đọc văn bản, tự chọn lí do thật của mình. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi. 	- 1 HS đọc đoạn văn Thi nhạc; cả lớp đọc thầm và theo dõi SGK.
- GV nói: Chúng ta sẽ tìm hiểu vì sao người viết cho rằng câu chuyện này hấp dẫn, thú vị.	- HS lắng nghe, chuẩn bị trả lời câu hỏi.
- a. Người viết muốn nói gì qua đoạn văn trên? Tìm câu trả lời đúng.	- HS chọn đáp án A: Nêu những lí do yêu thích câu chuyện Thi nhạc.
- b. Câu mở đầu đoạn văn cho biết điều gì?	- HS trả lời: Câu mở đầu cho biết người viết yêu thích câu chuyện Thi nhạc và bị cuốn vào thế giới thú vị của câu chuyện.
- c. Những câu văn tiếp theo cho biết người viết yêu thích những điều gì ở câu chuyện?	- HS trả lời: Người viết yêu thích những con vật quen thuộc trở thành nghệ sĩ; âm thanh phong phú, sinh động; thầy giáo vàng anh để lại ấn tượng sâu sắc vì tình yêu thương, trân trọng học trò.
- GV mời HS đọc câu kết: “Câu chuyện đã kết thúc, nhưng các nhân vật đáng yêu ấy vẫn hiện mãi trong tâm trí tôi.” - GV gợi ý: Câu kết đoạn khẳng định lại ý	- HS đọc câu kết, nhận xét: Câu kết cho thấy câu chuyện để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người viết.

kiến, nhấn mạnh ấn tượng sâu đậm.	
- GV chốt: Khi viết đoạn văn nêu ý kiến, các em cần giữ đúng cấu trúc này để đoạn văn rõ ràng, thuyết phục.	- HS nhắc lại cấu trúc: mở đầu - triển khai - kết đoạn.
- GV chiếu lại toàn bộ đoạn văn và ghi bảng khung: + Câu mở đầu: Nêu ý kiến chung. + Các câu triển khai: Nêu lí do yêu thích. + Câu kết đoạn: Khẳng định lại ý kiến.	- HS quan sát, ghi nhớ cấu trúc đoạn văn nêu ý kiến.
- Nếu ChatGPT/Gemini gợi ý cho em một vài lí do yêu thích câu chuyện Thi nhân, em cần làm gì để đoạn văn vẫn là suy nghĩ thật của mình? - Tích hợp AI (4.A1.2): GV diễn giải: AI có thể gợi ý một số lí do như nhân vật sinh động, âm thanh vui tai, thầy giáo Vàng Anh yêu thương học trò. Tuy nhiên, các em không chép nguyên đoạn văn hoặc lí do do AI đưa ra. Trước hết, các em phải tự đọc lại câu chuyện, tự nhớ nhân vật mình thích, tự chọn chi tiết làm em ấn tượng. Sau đó, nếu có tham khảo gợi ý, các em cần kiểm tra xem gợi ý đó có đúng với văn bản không, có giống cảm nhận của mình không và viết lại bằng lời văn của mình. Đoạn văn nêu ý kiến chỉ thuyết phục khi lí do xuất phát từ cảm nhận thật của người viết.	- HS trả lời: Em tự đọc câu chuyện trước, tự chọn lí do mình thích, chỉ xem gợi ý để tham khảo và viết lại bằng lời của mình. - HS nêu nguyên tắc: Không chép nguyên đoạn văn do AI viết; phải kiểm tra với nội dung trong SGK.
3. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC HIỂU ĐOẠN VĂN “BÀ CHÁU” VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI * Mục tiêu: - Hiểu được ý kiến của người viết về câu chuyện Bà cháu. - Xác định được lí do người viết yêu thích câu chuyện. - Nhận biết cách trình bày đoạn văn theo 2 cách khác nhau. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.	- 1 HS đọc yêu cầu và đoạn văn Bà cháu; cả lớp đọc thầm.
- GV hướng dẫn: Các em đọc thầm đoạn văn ở bài tập 2 và tự trả lời câu hỏi. Sau đó thảo luận trong nhóm để thống nhất.	- HS đọc thầm đoạn văn, tự trả lời câu hỏi vào vở nháp.
- a. Câu mở đầu có điểm nào giống với câu mở đầu của đoạn văn ở bài tập 1?	- HS trả lời: Cả hai câu mở đầu đều nêu cảm nghĩ của người viết về câu chuyện, đều cho biết người viết yêu

	thích câu chuyện.
- b. Những lí do người viết yêu thích câu chuyện là gì?	- HS trả lời: Ban đầu người viết thích sự thần tiên mà câu chuyện gợi ra; sau đó xúc động về tình cảm bà cháu; cuối cùng thích cách kết thúc có hậu của câu chuyện.
- c. Đoạn văn trình bày các ý theo cách nào dưới đây?	- HS trả lời: Đoạn văn trình bày theo cách 1: mở đầu nêu cảm nhận chung, triển khai nêu lí do, kết thúc tiếp tục khẳng định ý kiến.
- GV nhấn mạnh: Đoạn văn nêu ý kiến có thể viết theo 2 cách: + Cách 1: Nêu ý kiến trước, sau đó nêu lí do. + Cách 2: Nêu lí do trước, cuối đoạn mới khẳng định ý kiến.	- HS ghi nhớ 2 cách viết đoạn văn nêu ý kiến và nêu ví dụ theo hiểu biết.
4. VẬN DỤNG - HOẠT ĐỘNG 3: TRAO ĐỔI VỀ NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN * Mục tiêu: - HS rút ra được những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. - Biết thảo luận, trình bày và bổ sung ý kiến trong nhóm. - Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết sắp xếp ý kiến, lí do, kết đoạn vào bảng/sơ đồ đơn giản trước khi nói hoặc viết. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 3: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3; cả lớp xác định nhiệm vụ thảo luận.
- GV hướng dẫn: Trong hai hoạt động trước, các em đã tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến về chuyện Thi nhạc và Bà cháu. Bây giờ, chúng ta cùng rút ra những điểm cần nhớ để khi viết đoạn văn mới, các em có thể vận dụng.	- HS lắng nghe, chuẩn bị thảo luận nhóm.
- GV chia nhóm 4, phát phiếu yêu cầu HS thảo luận: Theo em, khi viết đoạn văn nêu ý kiến về câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, chúng ta cần lưu ý những điều gì?	- HS thảo luận nhóm 4, ghi ý vào phiếu: nêu rõ thích hoặc không thích; nêu lí do; sắp xếp ý theo trình tự; dùng từ ngữ rõ ràng, có cảm xúc.
- GV mời đại diện từng nhóm trình bày ý kiến. - GV khuyến khích nhóm khác nhận xét, bổ sung hoặc đặt câu hỏi.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác bổ sung: cần nêu tên câu chuyện, nhân vật, chi tiết yêu thích, cảm xúc của người viết.

<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi nói hoặc viết đoạn văn nêu ý kiến, vì sao chúng ta nên sắp xếp ý vào bảng “Ý kiến - Lí do - Kết đoạn”? - Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: GV hướng dẫn HS quan sát bảng/sơ đồ trên màn hình gồm 3 cột: Ý kiến, Lí do, Kết đoạn. HS điền ý kiến chung vào cột thứ nhất, điền 1 - 2 lí do cụ thể vào cột thứ hai, sau đó viết câu kết khẳng định lại ý kiến ở cột thứ ba. Khi dùng bảng số hoặc phiếu số, HS cần nhập ngắn gọn, đúng ô, đọc lại trước khi trình bày. Bảng/sơ đồ giúp các em nhìn rõ cấu trúc đoạn văn, tránh nói lan man và giúp nhóm góp ý dễ hơn. Tuy nhiên, nội dung trong bảng vẫn phải do các em tự suy nghĩ từ câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Sắp xếp ý vào bảng giúp em biết mình sẽ nêu ý kiến gì, nêu những lí do nào và kết đoạn ra sao. - HS thực hành: Điền nhanh 3 ý vào phiếu: “Em thích câu chuyện Thi nhạc” - “Các con vật biểu diễn sinh động” - “Câu chuyện giúp em trân trọng nét riêng của mỗi người.”
<ul style="list-style-type: none"> - GV chốt ghi nhớ: Khi viết đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện, cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện đó và nêu rõ lí do. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc lại ghi nhớ và ghi vào vở.
5. Củng cố - Dặn dò * Mục tiêu: - Hệ thống kiến thức về đoạn văn nêu ý kiến; dặn dò chuẩn bị tiết Nói và nghe. * Cách tiến hành:	
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Đoạn văn nêu ý kiến thường có mấy phần? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Có câu mở đầu nêu ý kiến, các câu triển khai nêu lí do và câu kết đoạn khẳng định lại ý kiến.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS nêu một điều cần nhớ khi viết đoạn văn nêu ý kiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nêu: Cần có lí do rõ ràng; cần viết bằng lời của mình; cần trình bày mạch lạc.
<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học. - GV dặn dò: Về nhà chọn một câu chuyện em thích và nghĩ trước 2 lí do em yêu thích câu chuyện đó; chuẩn bị tiết Nói và nghe: Tôi và bạn. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**BÀI 2: THI NHẠC****TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: TÔI VÀ BẠN**

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Năng lực đặc thù**

- Biết giới thiệu những điểm nổi bật của bản thân theo gợi ý trong SGK.
- Biết nói về những điểm tốt của một người bạn và điều em mong muốn ở bạn.
- Biết lắng nghe khi bạn trình bày, nhận xét bằng lời lịch sự, rõ ràng.
- Biết chia sẻ với người thân về điểm nổi bật của những người bạn mà em yêu quý.

2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: tự chuẩn bị nội dung nói về bản thân và bạn bè.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày trước nhóm, trước lớp; biết lắng nghe, phản hồi tích cực.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: lựa chọn cách giới thiệu tự nhiên, chân thành, phù hợp với bản thân.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: biết nhìn nhận điểm tốt của bạn, tôn trọng sự khác biệt.
- Trách nhiệm: nói lời lịch sự, không chê bai, không làm bạn ngại ngùng khi trình bày.
- Trung thực: giới thiệu đúng về bản thân, không khoe khoang hoặc nói sai sự thật.

4. Tích hợp

- Tích hợp QCN: HS biết tôn trọng bạn bè, lắng nghe khi bạn trình bày; có thái độ hợp tác, không chê bai năng lực hoặc sở thích của bạn.
- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết chia sẻ thông tin phù hợp về bản thân trên môi trường số; không công khai địa chỉ, số điện thoại, mật khẩu, hình ảnh riêng tư khi chưa được phép.
- Tích hợp AI (4.B2.1): HS nhận biết khi dùng công cụ số/AI để gợi ý nội dung giới thiệu, cần bảo vệ thông tin cá nhân và kiểm tra lại ngôn ngữ cho lịch sự, đúng sự thật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh/gợi ý nói và nghe cắt từ SGK, phiếu gợi ý “Tôi và bạn”.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, tranh chân dung tự họa nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: <ul style="list-style-type: none"> - Tạo không khí cởi mở, giúp HS sẵn sàng nói về bản thân và bạn bè. - HS biết dùng lời khen chân thành, lịch sự. * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi Một lời khen: Mỗi HS nói nhanh một điểm tốt của bạn ngồi bên cạnh.	- HS tham gia trò chơi: Bạn viết chữ đẹp; bạn hay giúp em; bạn đọc bài rõ; bạn biết giữ trật tự; bạn rất vui tính.
- GV hỏi: Khi được bạn nói lời khen, em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Em thấy vui, tự tin, muốn cố gắng hơn.
- GV giới thiệu bài: Tiết Nói và nghe hôm nay giúp các em biết giới thiệu điểm nổi bật của bản thân và biết nói lời tốt đẹp về bạn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị nội dung nói.

- GV kết luận: Lời nói lịch sự, chân thành giúp chúng ta hiểu và gần gũi nhau hơn.	- HS nhắc lại quy tắc: lắng nghe bạn nói, không ngắt lời, nhận xét nhẹ nhàng.
2. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: NÓI VỀ BẢN THÂN * Mục tiêu: - HS giới thiệu được những điểm nổi bật của bản thân theo gợi ý. - Biết lựa chọn thông tin phù hợp khi giới thiệu bản thân. - Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết lựa chọn thông tin phù hợp khi giới thiệu bản thân, không chia sẻ thông tin riêng tư trên công cụ số khi chưa được phép. * Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Nói về bản thân. 	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1; cả lớp quan sát gợi ý trong SGK.
- a. Giới thiệu bức chân dung tự họa (nếu có).	- HS chuẩn bị tranh chân dung tự họa nếu có và nói ngắn gọn về bức tranh.
- b. Nêu những điểm nổi bật của bản thân và giải thích rõ từng điểm nổi bật hoặc đưa ví dụ minh họa.	- HS viết nhanh 2 - 3 ý: em thích đọc sách, em vẽ đẹp, em chăm làm việc nhà, em biết giúp bạn, em thích đá bóng.
- GV hướng dẫn HS nói theo gợi ý: tên em, điểm nổi bật, ví dụ minh họa, cảm xúc của em về điểm nổi bật đó.	- HS chuẩn bị bài nói ngắn: Mình là Lan. Mình thích vẽ vì khi vẽ mình thấy vui. Mình thường vẽ tranh về gia đình và lớp học.
- GV yêu cầu HS nói trong nhóm 4, mỗi bạn trình bày khoảng 1 phút.	- HS lần lượt giới thiệu trong nhóm 4; các bạn lắng nghe, có thể hỏi thêm một câu lịch sự.
- GV mời 3 - 4 HS trình bày trước lớp. - GV nhận xét: Bạn nói rõ, tự nhiên; biết nêu ví dụ minh họa; giọng nói vừa đủ nghe.	- HS trình bày trước lớp; HS khác nhận xét theo gợi ý của GV.
- Khi giới thiệu bản thân hoặc chia sẻ bức chân dung tự họa trên công cụ số của lớp, em nên chia sẻ thông tin nào và không nên chia sẻ thông tin nào? - Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: GV hướng dẫn HS chỉ chia sẻ những thông tin phù hợp với hoạt động học tập như sở thích, điểm mạnh, việc làm tốt, năng khiếu hoặc điều em đang cố gắng. Các em không công khai địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu, tài	- HS trả lời: Em có thể chia sẻ sở thích, điểm mạnh, việc làm tốt; em không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, mật khẩu hoặc hình ảnh riêng tư. - HS thực hành chỉnh lời giới thiệu: “Em thích đọc sách và biết giúp mẹ dọn bàn học” là thông tin phù hợp; “Nhà em ở số...” là thông tin không nên chia sẻ công khai.

<p>khoản cá nhân, hình ảnh riêng tư hoặc chuyện gia đình khi chưa được người lớn cho phép. Khi giới thiệu bản thân trên bảng lớp, Padlet hoặc sản phẩm số, các em cần dùng lời nói lịch sự, đúng sự thật, không khoe khoang quá mức và không tự ti về mình. Biết lựa chọn thông tin an toàn giúp các em tự tin nói về bản thân mà vẫn bảo vệ quyền riêng tư của mình.</p>	
<p>3. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 2: TRAO ĐỔI VỀ BẠN</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu được điểm tốt của một người bạn mà em muốn học tập. - Biết nói điều em mong muốn ở bạn bằng lời nhẹ nhàng, tôn trọng. - Tích hợp QCN: HS biết tôn trọng bạn khi nhận xét, lắng nghe bạn trình bày và góp ý bằng lời lịch sự. <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 2: Trao đổi.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2; cả lớp xác định nội dung trao đổi.</p>
<p>- a. Nêu những điểm tốt của một người bạn mà em muốn học tập.</p>	<p>- HS nêu: Bạn Nam chăm học; bạn Mai hay giúp đỡ bạn; bạn An đọc bài rõ; bạn Huy biết giữ vệ sinh lớp.</p>
<p>- b. Nói điều em mong muốn ở bạn.</p>	<p>- HS nói nhẹ nhàng: Em mong bạn nói nhỏ hơn trong giờ học; em mong bạn cùng em giữ vệ sinh lớp; em mong bạn mạnh dạn phát biểu hơn.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS trao đổi theo nhóm 2: một bạn nói, một bạn lắng nghe; sau đó đổi vai.</p>	<p>- HS trao đổi theo cặp, lắng nghe bạn nói và phản hồi bằng lời lịch sự.</p>
<p>- GV mời một số cặp trình bày trước lớp. - GV nhắc HS không nêu khuyết điểm của bạn theo cách làm bạn xấu hổ; cần nói điều mong muốn bằng thái độ xây dựng.</p>	<p>- Một số cặp trình bày; HS khác nhận xét về cách nói, thái độ, giọng nói.</p>
<p>- Khi nghe bạn nói về điểm nổi bật của bản thân hoặc nói điều bạn mong muốn, em cần làm gì để bạn cảm thấy được tôn trọng? - Tích hợp QCN: GV nhấn mạnh: Mỗi bạn có quyền được tôn trọng, được lắng nghe khi trình bày và được góp ý bằng lời nói phù hợp. Khi nhận xét bạn, các em nên nói điều tốt trước, sau đó góp ý nhẹ nhàng, không chê bai năng lực, ngoại hình, giọng nói hoặc sở thích của bạn. Nếu không đồng ý với ý kiến của bạn, các em có thể nói:</p>	<p>- HS trả lời: Em nhìn vào bạn khi bạn nói, không ngắt lời, khen điểm tốt và góp ý bằng lời nhẹ nhàng. - HS thực hành câu góp ý: “Mình rất thích bạn nói rõ. Mình mong bạn tự tin hơn khi trình bày.”</p>

<p>“Mình có ý kiến khác” hoặc “Theo mình, bạn có thể thử cách này”, không cắt ngang, không cười đùa làm bạn mất tự tin. Biết lắng nghe và tôn trọng bạn giúp tiết Nói và nghe trở thành nơi mọi học sinh đều được chia sẻ an toàn, thân thiện.</p>	
<p>4. VẬN DỤNG</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS biết giới thiệu với người thân về điểm nổi bật của những người bạn mà em yêu quý. - Biết tìm đọc câu chuyện về người có năng khiếu nổi bật. - Tích hợp AI (4.B2.1): HS biết không nhập thông tin riêng tư vào công cụ AI khi tham khảo cách giới thiệu bản thân hoặc tìm ý nói về bạn. <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- Bài tập 1: Giới thiệu với người thân về điểm nổi bật của những người bạn mà em yêu quý.</p>	<p>- HS nêu dự định: Em sẽ kể với mẹ về bạn Lan vẽ đẹp, bạn Nam đá bóng giỏi, bạn Mai hay giúp bạn.</p>
<p>- GV dặn HS khi kể về bạn ở nhà cần dùng lời nói tích cực, không kể điều riêng tư của bạn nếu bạn không muốn chia sẻ.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại: Em kể điểm tốt của bạn và không kể chuyện riêng tư của bạn.</p>
<p>- Bài tập 2: Tìm đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.</p>	<p>- HS ghi nhớ nhiệm vụ tìm đọc sách, truyện phù hợp về người có năng khiếu, ví dụ người hát hay, vẽ đẹp, chơi đàn giỏi, học giỏi.</p>
<p>- Nếu em dùng AI để tham khảo cách giới thiệu bản thân hoặc tìm ý nói về bạn, em cần tránh nhập những thông tin nào?</p> <p>- Tích hợp AI (4.B2.1): GV diễn giải: Một số công cụ AI có thể gợi ý câu giới thiệu bản thân hoặc gợi ý cách nói về điểm tốt của bạn. Tuy nhiên, khi sử dụng dưới sự hướng dẫn của GV/người lớn, các em không nhập địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu, hình ảnh cá nhân, tên tài khoản hoặc chuyện riêng của bạn bè. Các em cũng không để AI viết thay hoàn toàn lời giới thiệu của mình, vì lời nói về bản thân và bạn bè cần chân thật, đúng thực tế, phù hợp với tình cảm của mình. AI chỉ giúp gợi ý cách diễn đạt; người học phải tự kiểm tra, chọn ý đúng sự thật và nói bằng lời của mình.</p>	<p>- HS trả lời: Em không nhập thông tin riêng tư của em hoặc của bạn; em chỉ dùng gợi ý để tham khảo và tự nói bằng lời của mình.</p> <p>- HS nhắc lại quy tắc: Không đưa thông tin cá nhân cho AI, không để AI viết thay cảm xúc thật của mình.</p>
<p>5. Củng cố - Dặn dò</p> <p>* Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống nội dung tiết Nói và nghe; nhắc HS chuẩn bị bài sau. 	

* Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi giới thiệu bản thân hoặc nói về bạn, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Nói rõ ràng, chân thành; lắng nghe bạn; nhận xét lịch sự; không chia sẻ thông tin riêng tư.
- GV nhận xét tiết học, khen ngợi HS tích cực nói và nghe. - GV dẫn dò: Về nhà thực hiện hoạt động vận dụng; chuẩn bị bài tiếp theo.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TUẦN 2**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4****Bài 3: ANH EM SINH ĐÔI****TIẾT 1: ĐỌC: ANH EM SINH ĐÔI***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Anh em sinh đôi; biết đọc diễn cảm các đoạn hội thoại phù hợp với tâm lí, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của Long dựa vào hành động, việc làm và lời nói.
- Hiểu nội dung: Mỗi người có thể giống nhau ở một vài điểm nhưng không ai giống ai hoàn toàn; mỗi người là một thực thể duy nhất.
- Biết vận dụng bài học để trân trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và người xung quanh.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết trân trọng vẻ riêng, giá trị riêng của bản thân, bạn bè và người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.1): HS nhận biết AI có thể hỗ trợ phát hiện điểm giống, điểm khác trong hình ảnh nhưng cần con người kiểm chứng, nhận xét bằng thái độ tôn trọng, không gán nhãn hoặc trêu chọc bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú vào bài; HS tìm được điểm giống và khác nhau giữa hai tranh; tạo tâm thế bước vào bài đọc.</i> * Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu trò chơi, cách chơi, hướng dẫn HS tổ chức chơi theo nhóm 2.	- HS lắng nghe yêu cầu và chơi theo nhóm 2.
- Trò chơi: Tìm và nói nhanh 5 điểm khác nhau giữa hai tranh.	- HS quan sát tranh, trao đổi với bạn.
- Cách chơi: HS quan sát hai tranh trong SGK, thảo luận nhanh trong 2 phút. Nhóm nào tìm đủ 5 điểm khác nhau, nói rõ ràng và nhanh nhất sẽ chiến thắng.	- HS nêu: bụi cây trước mặt cậu bé, bụi cây sau thân cây lớn, màu áo, màu quỳển sách, chòm tóc của cậu bé.
Tìm và nói nhanh 5 điểm khác nhau giữa hai tranh. 	- HS quan sát hình minh họa/bài tập trong SGK.
- Vì sao nhìn thoáng qua hai tranh có vẻ giống nhau nhưng quan sát kỹ lại thấy khác nhau?	- HS trả lời: Vì hai tranh có bố cục gần giống nhau nhưng có một số chi tiết nhỏ khác nhau.
- GV chốt: Nhiều sự vật nhìn qua tưởng giống nhau, nhưng khi quan sát kỹ sẽ thấy điểm riêng. Con người cũng vậy, kể cả anh em sinh đôi vẫn có những đặc điểm, thói quen, tính cách riêng.	- HS lắng nghe và liên hệ bản thân.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc, yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát tranh.
	- HS trả lời: Tranh vẽ hội thao ở trường; hai bạn chạy đầu rất giống nhau, các bạn xung quanh cổ vũ.
- Tranh vẽ cảnh gì?	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
- GV giới thiệu bài: Hôm nay chúng ta đọc câu chuyện Anh em sinh đôi để hiểu Long nghĩ gì khi mọi người thường nhầm mình với anh Khánh và bạn ấy nhận ra điều gì về vẻ riêng của mỗi người.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.

B. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Đọc văn bản (12 phút) - Mục tiêu: HS đọc đúng tiếng, từ, câu, đoạn; bước đầu biết đọc diễn cảm lời nhân vật.

*** Cách tiến hành:**

- GV đọc mẫu toàn bài; nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện tâm trạng của Long như “tôi chẳng giống ai hết”, “sao nhằm được”.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn giọng đọc: lời kể rõ ràng; lời Long lúc đầu bực bội, lo lắng; lời Khánh vui vẻ; lời các bạn hồn nhiên.	- HS chú ý cách đọc từng nhân vật.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “chẳng bạn tâm đến chuyện đó”; đoạn 2 tiếp theo đến “nổi ngạc nhiên ngập tràn của Long”; đoạn 3 tiếp theo đến “để trêu các bạn đấy”; đoạn 4 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- 4 HS đọc nối tiếp, cả lớp theo dõi.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: kêu lên, cách nói, lo lắng, cổ vũ, chậm rãi, nhanh nhẩu, khúc khích.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: “Hai anh em mặc đồng phục / và đội mũ / giống hệt nhau, / bạn bè / lại cổ vũ nhằm mất thôi.”	- HS luyện đọc câu dài, ngắt nghỉ đúng chỗ.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc trong nhóm, góp ý cho bạn.

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Đọc hiểu (15 phút) - Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi SGK; hiểu suy nghĩ của Long và thông điệp của bài đọc; Mục tiêu tích hợp AI (4.A1.1): HS biết AI có thể hỗ trợ so sánh hình ảnh nhưng cần tự kiểm chứng và nhận xét con người bằng thái độ tôn trọng.

*** Cách tiến hành:**

- Nếu dùng một công cụ AI để so sánh hai bức tranh, chúng ta có cần tự kiểm tra lại không? Vì sao?	- HS trả lời: Cần kiểm tra lại vì AI có thể nhầm; con người phải quan sát kỹ và nhận xét tôn trọng.
- Tích hợp AI (4.A1.1): GV diễn giải: AI có thể hỗ trợ con người quan sát nhanh, phát hiện điểm giống và khác nhau trong tranh, ảnh. Tuy nhiên AI vẫn có thể nhầm, bỏ sót chi tiết hoặc đưa ra nhận xét chưa phù hợp. Vì vậy, khi học bài “Anh em sinh đôi”, các em cần	- HS nêu việc làm phù hợp: Không trêu chọc bạn giống hoặc khác mình; không dùng công cụ số để so sánh, chế ảnh bạn.

hiểu AI có thể hỗ trợ nhận diện đặc điểm bên ngoài, nhưng không thay con người cảm nhận tính cách, cảm xúc và giá trị riêng của mỗi bạn. Khi nhận xét người khác, các em cần dùng lời nói tôn trọng, không gắt nhằn, không trêu chọc ngoại hình, giọng nói hay sở thích của bạn.	
- GV mời HS đọc thầm lại bài, làm việc nhóm 2 để trả lời câu hỏi.	- HS đọc thầm, thảo luận nhóm 2.
- Câu 1: Long và Khánh được giới thiệu như thế nào?	- HS trả lời: Long và Khánh là anh em sinh đôi, giống nhau như đúc.
- Câu 2: Những chi tiết nào thể hiện cảm xúc và hành động của Long khi thấy mình giống anh?	- HS trả lời: Hồi nhỏ Long khoái chí, lớn lên không còn thấy thú vị; Long cố làm mọi thứ khác anh từ cách nói, dáng đi, trang phục, kiểu tóc.
- Câu 3: Theo em, vì sao Long không muốn giống anh của mình? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.	- HS chọn câu trả lời và giải thích bằng chi tiết trong bài.
A. Vì Long không thích bị mọi người gọi nhầm.	- HS có thể chọn C vì Long muốn khẳng định về riêng; cũng có thể nêu thêm A, B nếu có lí lẽ phù hợp.
B. Vì Long cảm thấy phiền hà khi giống người khác.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
C. Vì Long muốn khẳng định về riêng của mình.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- Câu 4: Nhờ nói chuyện với các bạn, Long đã nhận ra mình khác anh như thế nào?	- HS trả lời: Long nhận ra hai anh em chỉ giống ngoại hình, còn tính cách, thói quen, cách nói, cách cười khác nhau.
- Câu 5: Nhận xét về đặc điểm của Long và Khánh thể hiện qua hành động, lời nói của từng nhân vật.	- HS nhận xét: Long nghiêm túc, chậm rãi, hay suy nghĩ; Khánh nhanh nhẩu, hay cười, vui vẻ.
- GV chốt nội dung bài: Mỗi người có thể giống nhau ở ngoại hình hoặc một đặc điểm nào đó, nhưng không ai giống ai hoàn toàn. Mỗi người là một thực thể duy nhất, có vẻ riêng đáng trân trọng.	- HS nhắc lại nội dung bài.
D. VẬN DỤNG (3 phút) <i>* Mục tiêu: HS liên hệ bản thân, biết trân trọng về riêng của bạn bè và người xung quanh.</i> * Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một điểm giống và một	- HS chia sẻ: Em và bạn cùng thích đọc truyện,

điểm khác giữa em với một người bạn mà em quý mến.	nhưng em thích vẽ còn bạn thích đá bóng.
- GV nhắc HS chỉ nói những điểm tích cực, không nói điều làm bạn buồn.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 3: ANH EM SINH ĐÔI****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết phân biệt danh từ chung và danh từ riêng.
- Biết xếp từ vào nhóm phù hợp; tìm được danh từ chung, danh từ riêng trong đoạn văn.
- Biết vận dụng kiến thức để viết hoa danh từ riêng đúng quy tắc trong nói và viết.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết trân trọng vẻ riêng, giá trị riêng của bản thân, bạn bè và người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết tra cứu, đối chiếu tên người, tên địa danh trên nguồn tin cậy để viết hoa đúng danh từ riêng; không sao chép thông tin từ nguồn không rõ.

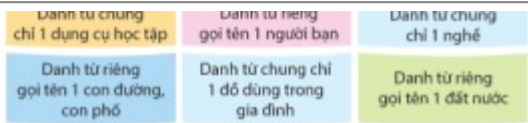
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (5 phút) * Mục tiêu: Tạo không khí vui vẻ; ôn lại kiến thức về danh từ đã học. * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Truyền điện”.	- HS tham gia trò chơi.
- GV nêu lần lượt yêu cầu: Tìm 3 danh từ chỉ người; tìm 3 danh từ chỉ vật; tìm 3 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên; tìm 3 danh từ chỉ thời gian.	- HS nêu: cô giáo, bố, anh; cái cặp, con mèo, ngôi nhà; mưa, nắng, bão; ngày, buổi sáng, năm.
- GV nhận xét, khen HS trả lời nhanh và đúng.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vào bài mới.
B. KHÁM PHÁ Hoạt động 1: Xếp các từ vào nhóm thích hợp (10 phút) - Mục tiêu: HS nhận biết bước đầu danh từ chung, danh từ riêng qua các từ trong bông hoa.	

* Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp.	- 1 HS đọc yêu cầu.
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và quan sát tranh trong SGK.	- HS quan sát tranh.
 <p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>DANH TỪ CHUNG, DANH TỪ RIÊNG</p> <p>1. Xếp các từ trong bông hoa vào nhóm thích hợp.</p>	- HS thảo luận nhóm 4 và xếp: người: Chu Văn An, Trần Thị Lý; sông: Bạch Đằng, Cửu Long; thành phố: Hà Nội, Cần Thơ.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, xếp các bông hoa vào đúng giỏ: người, sông, thành phố.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.	- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung.
- GV chốt: Các từ “người”, “sông”, “thành phố” gọi tên một loại sự vật; các từ “Chu Văn An”, “Trần Thị Lý”, “Bạch Đằng”, “Cửu Long”, “Hà Nội”, “Cần Thơ” gọi tên một sự vật cụ thể.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Trò chơi và bài tập thực hành (17 phút) - Mục tiêu: HS phân biệt được danh từ chung, danh từ riêng; Mục tiêu tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết tra cứu, đối chiếu tên người, tên địa danh trên nguồn tin cậy để viết hoa đúng danh từ riêng.</i>	
* Cách tiến hành:	
- Bài tập 2: Trò chơi “Gửi thư”. Tìm hộp thư phù hợp với mỗi phong thư.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV nêu cách chơi: Các nhóm nhận thẻ phong thư và thả vào đúng hộp thư A hoặc B. Nhóm nào thả đúng, nhanh, giải thích được lí do sẽ chiến thắng.	- HS tham gia trò chơi theo nhóm.
 <p>Tìm hộp thư phù hợp với mỗi phong thư.</p> <p>G: Mỗi phong thư ghi nội dung hoặc cách viết của một nhóm từ trên hộp thư A hoặc B.</p> <p>gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt gọi tên một loại sự vật viết thường viết hoa</p>	- HS giải thích: Nhóm A là danh từ chung, viết thường; nhóm B là danh từ riêng, viết hoa.

- GV chốt ghi nhớ: Danh từ chung là danh từ gọi tên một loại sự vật. Danh từ riêng là danh từ gọi tên một sự vật cụ thể, riêng biệt. Danh từ riêng được viết hoa.	- HS đọc thầm và ghi nhớ nội dung.
- GV gọi 3 - 4 HS đọc lại ghi nhớ.	- 3 - 4 HS đọc lại ghi nhớ trước lớp.
- Bài tập 3: Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong đoạn văn dưới đây.	- 1 HS đọc yêu cầu và đoạn văn.
- GV mời HS đọc đoạn văn về Kim Đồng, làm việc nhóm 4, gạch chân danh từ chung bằng bút chì, khoanh danh từ riêng.	- HS làm việc nhóm 4.
- GV yêu cầu các nhóm trình bày kết quả.	- HS nêu: Danh từ chung: người, anh hùng, tuổi, tên, quê, thôn, xã, huyện, tỉnh, nhiệm vụ, bộ đội. Danh từ riêng: Kim Đồng, Việt Nam, Nông Văn Dền, Nông Văn Dền, Nà Mạ, Trường Hà, Hà Quảng, Cao Bằng.
- Khi gặp tên người hoặc tên địa danh chưa chắc cách viết, em nên làm gì để viết đúng?	- HS trả lời: Em tra trong SGK, bản đồ, tài liệu của cô hoặc nguồn chính thống; em đối chiếu lại trước khi viết.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: GV hướng dẫn: Khi cần viết đúng tên người, tên địa danh, tên con đường hoặc tên đất nước, các em có thể tra cứu dưới sự hướng dẫn của GV từ những nguồn đáng tin cậy như SGK, bản đồ, trang thông tin chính thống của địa phương hoặc tài liệu do GV cung cấp. Các em không nên lấy ngay kết quả đầu tiên trên mạng nếu chưa biết nguồn đó có tin cậy không. Sau khi tìm được thông tin, cần đối chiếu lại cách viết hoa, dấu thanh, dấu gạch nối nếu có. Viết đúng danh từ riêng cũng là cách thể hiện sự tôn trọng đối với người, địa danh và đất nước được nhắc đến.	- HS thực hành nêu 1 tên riêng và nói cách kiểm tra: “Em kiểm tra tên Cao Bằng trong SGK và bản đồ.”
- Bài tập 4: Tìm danh từ theo gợi ý dưới đây.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4.
- GV yêu cầu HS làm bài nhóm đôi vào vở.	- HS làm việc nhóm đôi.
	- HS nêu: dụng cụ học tập: thước, bút, vở; tên bạn: Hạnh, Minh; nghề: giáo viên, bác sĩ; đường/phố: Hùng Vương; đồ dùng gia đình: quạt, bát; đất nước: Việt Nam, Lào, Nhật Bản.
- GV nhận xét, chốt một số đáp án đúng.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.

D. VẬN DỤNG (3 phút)

* *Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để phân biệt danh từ chung, danh từ riêng trong thực tế.*

*** Cách tiến hành:**

- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng”: HS bốc thẻ từ và dán vào cột danh từ chung hoặc danh từ riêng.	- HS tham gia trò chơi, đọc to thẻ từ và dán vào cột phù hợp.
- GV nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe, sửa bài nếu cần.
- GV dặn HS về nhà tìm 5 danh từ riêng xuất hiện trong địa chỉ trường, tên đường, tên phường hoặc tên thành phố nơi em ở.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 3: ANH EM SINH ĐÔI****TIẾT 3: VIẾT: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết chọn một trong hai đề bài và xác định yêu cầu trọng tâm của đề.
- Biết tìm ý cho đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Biết góp ý, chỉnh sửa phần tìm ý để chuẩn bị viết đoạn văn mạch lạc, có dẫn chứng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết trân trọng vẻ riêng, giá trị riêng của bản thân, bạn bè và người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.2): GV minh họa cách ChatGPT/Gemini có thể gợi ý câu hỏi tìm ý; HS biết chọn lọc, bổ sung dẫn chứng, tự diễn đạt bằng lời của mình, không sao chép máy móc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>* Mục tiêu: Ôn kiến thức về đoạn văn nêu ý kiến, tạo tâm thế vào tiết viết.</i> * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Ô cửa bí mật”.	- HS tham gia trò chơi.
- GV nêu câu hỏi: Khi viết đoạn văn nêu ý kiến về một câu chuyện cần làm gì? Đoạn văn nêu ý kiến thường có mấy phần? Kể tên một câu chuyện về tình cảm gia đình hoặc con vật mà em thích.	- HS trả lời: Cần nói rõ mình thích hoặc không thích câu chuyện và nêu lí do; đoạn văn có mở đầu, triển khai, kết thúc; ví dụ Bó đu đủ, Sự tích cây vú sữa, Rùa và Thỏ.
B. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH <i>Hoạt động 1: Chuẩn bị và tìm ý (18 phút) - Mục tiêu: HS chọn đề, xác định yêu cầu, tìm được ý chính cho đoạn văn; Mục tiêu tích hợp AI (4.A1.2): HS biết dùng ChatGPT/Gemini như công cụ gợi ý câu hỏi tìm ý, biết chọn lọc và tự diễn đạt, không sao chép máy móc.</i> * Cách tiến hành:	

- GV chiếu nội dung phần Viết trong SGK.	- HS quan sát nội dung SGK.				
<p>TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>Đề 2: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về các con vật mà em đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <ul style="list-style-type: none"> Em thích câu chuyện nào? Câu chuyện đó em đã đọc hay được nghe kể? Vì sao em thích câu chuyện đó? (Câu chuyện có nội dung gì hấp dẫn? Nhân vật nào thú vị? Chi tiết nào ấn tượng?,...) <p>2. Tìm ý.</p> <p>G:</p> <table border="1"> <tr> <td>Mở đầu</td><td>Giới thiệu tên câu chuyện và nêu ý kiến chung về câu chuyện.</td></tr> <tr> <td></td><td>Nhắc một hoặc một số lí do yêu thích câu chuyện, nhân vật.</td></tr> </table>	Mở đầu	Giới thiệu tên câu chuyện và nêu ý kiến chung về câu chuyện.		Nhắc một hoặc một số lí do yêu thích câu chuyện, nhân vật.	- 1 HS đọc hai đề bài.
Mở đầu	Giới thiệu tên câu chuyện và nêu ý kiến chung về câu chuyện.				
	Nhắc một hoặc một số lí do yêu thích câu chuyện, nhân vật.				
- Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:	- HS suy nghĩ, chọn 1 đề phù hợp với câu chuyện mình biết.				
- Đề 1: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về tình cảm gia đình mà em đã đọc hoặc đã nghe.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.				
- Đề 2: Viết đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện về các con vật mà em đã đọc hoặc đã nghe.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.				
- GV hướng dẫn HS trả lời phần chuẩn bị: Em thích câu chuyện nào? Câu chuyện đó em đã đọc hay được nghe kể? Vì sao em thích câu chuyện đó? Nhân vật nào thú vị? Chi tiết nào ấn tượng?	- HS trả lời câu hỏi chuẩn bị.				
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân 3 phút, ghi nhanh ý vào vở nháp.	- HS ghi nhanh tên câu chuyện, lí do yêu thích, nhân vật, chi tiết ấn tượng.				
- Nếu cô dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý câu hỏi tìm ý cho đoạn văn, các em cần dùng gợi ý đó như thế nào?	- HS trả lời: Em dùng gợi ý để nhớ mình cần tìm ý nào, nhưng vẫn tự chọn câu chuyện, tự nêu lí do và dẫn chứng.				
- Tích hợp AI (4.A1.2): GV diễn giải: AI có thể giúp GV tạo một số câu hỏi gợi ý như “Câu chuyện nói về điều gì?”, “Nhân vật nào làm em nhớ nhất?”, “Chi tiết nào chứng minh lí do em yêu thích?”. Những gợi ý này giúp các em không bị bí ý khi chuẩn bị viết. Tuy nhiên, AI không đọc thay cảm xúc của các em và không thể biết chính xác câu chuyện nào làm em xúc động. Vì vậy, các em chỉ dùng gợi ý như một bản nhắc việc, sau đó tự chọn câu chuyện mình đã đọc hoặc đã nghe, tự tìm dẫn chứng cụ thể, tự viết bằng lời văn của mình. Không chép nguyên câu của AI, không	- HS thực hành nêu một câu hỏi tìm ý: “Chi tiết nào trong truyện làm em nhớ nhất?” và tự trả lời bằng câu chuyện mình chọn.				

đưa thông tin sai về câu chuyện.	
- GV hướng dẫn HS lập bảng tìm ý theo 3 phần: Mở đầu, triển khai, kết thúc.	- HS lập bảng tìm ý vào vở.
- GV gợi ý: Mở đầu giới thiệu tên câu chuyện và ý kiến chung; triển khai nêu lí do yêu thích và dẫn chứng; kết thúc khẳng định lại ý kiến hoặc bài học.	- HS viết ví dụ: Mở đầu: Em thích truyện Rùa và Thỏ. Triển khai: Rùa kiên trì, Thỏ chủ quan. Kết thúc: Câu chuyện nhắc em không được kiêu căng.
C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Góp ý và chỉnh sửa (9 phút) - Mục tiêu: HS biết đọc phần tìm ý của bạn, góp ý lịch sự và chỉnh sửa ý cho rõ ràng hơn.</i> * Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đổi vở trong nhóm 2, đọc phần tìm ý của bạn và góp ý theo tiêu chí: thông tin câu chuyện rõ ràng; lí do yêu thích thuyết phục; có dẫn chứng cụ thể; các ý sắp xếp hợp lí.	- HS đổi vở, đọc phần tìm ý của bạn.
- GV nhắc HS góp ý bằng lời lịch sự, không chê bai bài của bạn.	- HS góp ý: Bạn nên thêm chi tiết chứng minh; bạn cần nêu rõ câu chuyện đã đọc hay nghe; ý kết thúc nên nêu bài học.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày phần tìm ý đã chỉnh sửa.	- HS trình bày phần tìm ý trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương những em biết nêu lí do rõ và có dẫn chứng cụ thể.	- HS lắng nghe, chỉnh sửa bài của mình.
D. VẬN DỤNG (3 phút) <i>* Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức vào việc giới thiệu bản thân bằng sản phẩm nhỏ.</i> * Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS về nhà viết, vẽ hoặc trang trí một tấm bìa nhỏ để giới thiệu bản thân thật sáng tạo.	- HS lắng nghe yêu cầu vận dụng.
- GV lưu ý HS viết hoa danh từ riêng nếu có tên người, tên trường, tên lớp; không ghi thông tin riêng tư như địa chỉ nhà, số điện thoại.	- HS ghi nhớ: viết hoa tên riêng, không ghi thông tin riêng tư.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài “Công chúa và người dẫn chuyện”.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 4: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN****TIẾT 1 - 2: ĐỌC: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Công chúa và người dẫn chuyện.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời của nhân vật trong câu chuyện.
- Bước đầu nhận biết tình huống truyện và tâm trạng của Giết-xi khi được giao vai diễn.
- Tìm được danh từ chỉ người trong bài và viết được 2 - 3 câu nhận xét về nhân vật yêu thích.
- Hiểu nội dung: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; nhận biết thái độ, cảm xúc của Giết-xi đối với mỗi vai diễn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết trân trọng vẻ riêng, giá trị riêng của bản thân, bạn bè và người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS nhận biết trẻ em có quyền tham gia, quyền bày tỏ ý kiến trong hoạt động tập thể; biết tôn trọng vai trò của từng thành viên khi đọc, diễn hoặc kể chuyện.
- Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý cách tìm chi tiết, phân tích nhân vật nhưng cần đối chiếu với văn bản, tự chọn dẫn chứng và tự diễn đạt ý kiến.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú vào bài; HS biết giới thiệu một loài hoa và liên hệ đến vẻ đẹp riêng của mỗi người.</i> * Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS lựa chọn một loài hoa, tưởng tượng mình là loài hoa đó để giới thiệu trong nhóm 2: tên hoa, màu sắc, vẻ đẹp, hương thơm, ích lợi.	- HS làm việc nhóm 2, chuẩn bị lời giới thiệu.

- GV mời 2 - 3 nhóm trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Em là hoa hồng, em có màu đỏ, hương thơm nhẹ, làm đẹp cho khu vườn.
- Trong lời giới thiệu của bạn, em thích điều gì? Em muốn bổ sung điều gì?	- HS nhận xét, bổ sung nhẹ nhàng.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc, yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát tranh.
 <p>Sau bữa ăn trưa, cô giáo thông báo Giết-xi được chọn đóng vai công chúa trong vở kịch sắp tới. Cảm nhận được ánh mắt ngưỡng mộ của bạn bè, Giết-xi vui lắm.</p> <p>Về nhà, Giết-xi hào hứng kể cho mẹ nghe. Cả tuần ấy, tối nào mẹ cũng tập lời thoại cùng Giết-xi. Giết-xi chăm chỉ luyện tập và nhờ lời thoại rất nhanh. Nhưng khi lên sân khấu diễn thử, mọi lời thoại trong đầu Giết-xi đều bay đi đâu hết. Cuối cùng, cô giáo đành nói:</p> <p>- Giết-xi à, cô đã bổ sung vai dẫn chuyện cho vở kịch. Có nghĩ vai đó hợp với em hơn. Em có đồng ý đối vai không?</p> <p>Lời cô rất dịu dàng nhưng Giết-xi thấy buồn lắm. Sao không buồn khi phải nhường vai chính cho bạn!</p> <p>Thấy Giết-xi buồn, mẹ thủ thỉ:</p> <p>- Hôm nay, mẹ còn mình cùng nhau nhổ cỏ vườn nhà.</p> <p>Khu vườn vào xuân, những cây hồng leo khoe sắc tím áo xanh mơn.</p>	- HS trả lời: Tranh vẽ mẹ và bạn nhỏ trong vườn hoa; trên sân khấu có hình công chúa và người dẫn chuyện.
- Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì?	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Công chúa và người dẫn chuyện sẽ giúp các em hiểu vì sao mỗi vai diễn, mỗi người đều có vẻ đẹp và giá trị riêng.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
B. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN (20 phút) * Mục tiêu: - HS đọc đúng, đọc rõ lời nhân vật; biết chia đoạn và luyện đọc từ khó. - Mục tiêu tích hợp QCN: HS nhận biết mỗi vai trong hoạt động đọc, diễn, kể chuyện đều có giá trị và biết tôn trọng quyền tham gia của bạn. * Cách tiến hành:	
- Trong một vở kịch, chỉ vai công chúa mới quan trọng hay mỗi vai đều có giá trị riêng?	- HS trả lời: Mỗi vai đều có giá trị riêng, vì vai nào cũng giúp vở kịch thành công.
- Tích hợp QCN: GV diễn giải: Khi tham gia một hoạt động tập thể như đọc phân vai, diễn kịch, kể chuyện hoặc làm việc nhóm, mỗi học sinh đều có quyền được tham gia và bày tỏ ý kiến phù hợp. Không phải chỉ bạn đóng vai chính mới đáng được chú ý; người dẫn chuyện, người chuẩn bị đạo cụ, người đọc lời dẫn, người cổ vũ cũng góp phần làm nên thành công chung. Vì vậy, các em cần tôn trọng vai trò của bạn, không chê vai của bạn	- HS nêu việc làm: Em không chê vai của bạn, em lắng nghe ý kiến của bạn, em cổ vũ bạn đọc hoặc diễn tốt.

là “phụ” hay “không quan trọng”, biết lắng nghe khi bạn nêu ý kiến và khích lệ bạn hoàn thành nhiệm vụ.	
- GV đọc mẫu toàn bài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tâm trạng của Giét-xi như “vui lắm”, “hào hứng”, “buồn lắm”.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn cách đọc: lời kể nhẹ nhàng; lời cô giáo dịu dàng; lời mẹ ân cần; lời Giét-xi lúc đầu vui, sau đó buồn, cuối bài tự tin hơn.	- HS chú ý giọng đọc của từng nhân vật.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “vui lắm”; đoạn 2 tiếp theo đến “nhường vai chính cho bạn”; đoạn 3 tiếp theo đến “Giét-xi nói”; đoạn 4 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- 4 HS đọc nối tiếp.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Giét-xi, ngưỡng mộ, sân khấu, xấu hổ, khoe sắc, truyền cảm.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: “Sau bữa trưa, / cô giáo thông báo / Giét-xi được chọn đóng vai công chúa / trong vở kịch sắp tới.”	- HS luyện đọc câu dài, ngắt nghỉ đúng chỗ.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn.	- HS luyện đọc theo nhóm 4.
B. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN ĐỌC DIỄN CẢM (10 phút) * Mục tiêu: - HS luyện đọc phân vai, thể hiện được tâm trạng nhân vật. - Biết lắng nghe, góp ý giọng đọc của bạn bằng lời nói nhẹ nhàng, xây dựng. * Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc phân vai: người dẫn chuyện, cô giáo, Giét-xi, mẹ.	- HS nhận vai đọc.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc phân vai trong nhóm 4.	- HS luyện đọc phân vai trong nhóm.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét cách đọc.	- Nhóm đọc trước lớp, nhóm khác nhận xét: đọc đúng lời nhân vật, giọng rõ, biết ngắt nghỉ.
C. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 3: TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỌC HIỂU (20 phút) * Mục tiêu: - HS hiểu chi tiết, nhân vật và thông điệp của câu chuyện. - Mục tiêu tích hợp AI (4.A1.2): HS biết kiểm chứng gợi ý của AI bằng chi tiết trong văn bản và tự diễn đạt câu trả lời.	

* Cách tiến hành:	
- GV mời HS đọc thầm lại văn bản, thảo luận nhóm 2 trả lời câu hỏi.	- HS đọc thầm, làm việc nhóm 2.
- Câu 1: Tìm các câu văn thể hiện thái độ của Giét-xi đối với mỗi vai diễn được giao.	- HS trả lời: Khi được đóng vai công chúa, Giét-xi vui lắm, hào hứng kể cho mẹ nghe. Khi đổi sang vai người dẫn chuyện, Giét-xi buồn lắm.
- Câu 2: Vì sao Giét-xi buồn khi phải đổi sang vai người dẫn chuyện?	- HS trả lời: Vì Giét-xi nghĩ vai công chúa mới là vai chính, còn vai người dẫn chuyện không quan trọng.
- Câu 3: Theo em, mẹ rủ Giét-xi cùng nhổ cỏ vườn để làm gì? Tìm câu trả lời đúng.	- HS chọn đáp án C: Mẹ muốn Giét-xi hiểu: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng.
- Nếu AI gợi ý cho em đáp án câu hỏi đọc hiểu, em có được chép ngay không? Em cần làm gì trước khi trả lời?	- HS trả lời: Không chép ngay; em phải đọc lại văn bản, tìm chi tiết chứng minh, rồi tự trả lời.
- Tích hợp AI (4.A1.2): GV diễn giải: Một công cụ AI có thể gợi ý cách tìm chi tiết, gợi ý đặc điểm nhân vật hoặc đưa ra một câu trả lời mẫu. Tuy nhiên, khi học đọc hiểu, các em cần quay lại văn bản trong SGK để tìm câu, từ, chi tiết chứng minh. Nếu câu trả lời của AI không khớp với văn bản hoặc nói quá chung chung, các em phải tự điều chỉnh. Học sinh không chép nguyên câu trả lời của AI, mà dùng gợi ý để biết mình cần tìm gì, sau đó tự chọn dẫn chứng, tự nói bằng lời của mình.	- HS thực hành: Chỉ ra chi tiết “Giét-xi vui lắm”, “Giét-xi thấy buồn lắm” để chứng minh cảm xúc nhân vật.
- Câu 4: Đoán xem Giét-xi cảm thấy thế nào khi trò chuyện cùng mẹ?	- HS trả lời: Giét-xi cảm thấy được an ủi, hiểu ra và tự tin hơn với vai người dẫn chuyện.
- Câu 5: Em học được điều gì từ câu chuyện trên?	- HS nêu: Em học được phải trân trọng giá trị của mình và của người khác; vai nào cũng quan trọng.
- GV chốt nội dung: Cũng như các loài hoa, mỗi người có vẻ đẹp và giá trị riêng; mỗi vai diễn, mỗi nhiệm vụ đều có ý nghĩa nếu chúng ta làm bằng trách nhiệm và tình yêu.	- HS nhắc lại nội dung bài.
C. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN ĐỌC (10 phút)	
* Mục tiêu:	
- HS tìm được danh từ chỉ người trong bài.	
- HS viết được 2 - 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật yêu thích trong câu chuyện.	
* Cách tiến hành:	
- Bài tập 1: Tìm các danh từ chỉ người	- 1 HS đọc yêu cầu.

trong bài đọc Công chúa và người dẫn chuyện.	
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, tìm và ghi vào bảng nhóm.	- HS thảo luận nhóm 4, nêu: công chúa, người dẫn chuyện, Giét-xi, cô giáo, mẹ, bạn bè.
- Bài tập 2: Viết 2 - 3 câu nêu nhận xét về một nhân vật mà em yêu thích trong câu chuyện trên.	- 1 HS đọc yêu cầu.
- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân vào vở.	- HS viết vào vở.
- GV mời một số HS đọc bài làm, nhận xét.	- HS đọc: Em thích nhân vật mẹ của Giét-xi. Mẹ dịu dàng, khéo léo giúp Giét-xi hiểu rằng mỗi người đều có vẻ đẹp và giá trị riêng.
D. VẬN DỤNG (5 phút) * Mục tiêu: - HS biết vận dụng thông điệp bài học vào ứng xử hằng ngày. - Biết trân trọng vai trò, vẻ đẹp và giá trị riêng của bản thân, bạn bè. * Cách tiến hành:	
- GV nêu tình huống: Nếu bạn trong nhóm chỉ được giao nhiệm vụ đọc lời dẫn, em sẽ nói gì để bạn tự tin?	- HS trả lời: Mình sẽ nói “Lời dẫn của bạn rất quan trọng, bạn đọc rõ là cả nhóm diễn tốt hơn.”
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết đoạn văn nêu ý kiến.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 4: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN****TIẾT 3: VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe dựa vào ý đã tìm ở bài 3.
- Biết trình bày đoạn văn liên mạch, có mở đầu, triển khai, kết thúc; lí do rõ ràng, có dẫn chứng.
- Biết đọc soát và chỉnh sửa bài viết theo tiêu chí trong SGK.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết trân trọng vẻ riêng, giá trị riêng của bản thân, bạn bè và người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

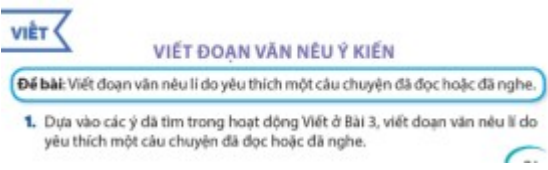
- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết dùng bảng tiêu chí/công cụ soạn thảo đơn giản để đọc soát lỗi, chỉnh sửa đoạn văn; không công khai thông tin cá nhân khi chia sẻ bài viết trên môi trường số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (5 phút) <i>* Mục tiêu: Gợi nhớ phần tìm ý đã thực hiện ở bài 3, tạo tâm thế viết bài.</i> <i>* Cách tiến hành:</i>	
- GV mời 2 - 3 HS trình bày nhanh phần tìm ý đã chuẩn bị ở tiết trước.	- HS trình bày phần tìm ý.
- GV nhận xét, nhắc lại yêu cầu của đoạn văn nêu ý kiến.	- HS lắng nghe, chuẩn bị viết.
B. THỰC HÀNH VIẾT <i>Hoạt động 1: Viết đoạn văn (15 phút) - Mục tiêu: HS viết được đoạn văn nêu lí do yêu thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</i> <i>* Cách tiến hành:</i>	

- GV chiếu đề bài trong SGK.	- HS quan sát đề bài.
	- 1 HS đọc đề bài.
- Đề bài: Viết đoạn văn nêu lý do thích một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	- HS viết đoạn văn vào vở theo ý đã chuẩn bị.
- GV yêu cầu HS dựa vào các ý đã tìm ở bài 3 để viết đoạn văn vào vở.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV nhắc HS lưu ý: Chọn cách giới thiệu câu chuyện gây chú ý; trình bày rõ lý do yêu thích và dẫn chứng; các câu trong đoạn văn được viết liên tục, không xuống dòng.	- HS đọc phần lưu ý, tự kiểm tra bài trong quá trình viết.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng.	- HS hoàn thành đoạn văn cá nhân.
C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Đọc soát và chỉnh sửa bài viết (12 phút) - Mục tiêu: HS đọc soát bài theo tiêu chí; Mục tiêu tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết dùng bảng tiêu chí/công cụ soạn thảo đơn giản để chỉnh sửa bài an toàn, không công khai thông tin cá nhân.</i> * Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc soát bài viết theo các tiêu chí: cách mở đoạn, cách trình bày lý do, cách kết thúc, cách dùng từ đặt câu, cách trình bày đoạn văn.	- HS đọc soát bài của mình theo tiêu chí.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn trong nhóm 2 để góp ý.	- HS đổi vở, góp ý cho bạn bằng lời lịch sự.
- Nếu lớp dùng Word, Google Docs hoặc bảng tiêu chí trên màn hình để đọc soát bài, em cần chú ý điều gì khi chỉnh sửa và chia sẻ bài viết?	- HS trả lời: Em dùng công cụ để kiểm tra lỗi nhưng vẫn tự đọc lại; em không đăng thông tin cá nhân; em góp ý lịch sự.
- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: GV hướng dẫn: Công cụ số có thể giúp các em gõ lại đoạn văn, kiểm tra lỗi chính tả, đánh dấu những chỗ cần sửa và trình bày bài sạch đẹp hơn. Khi sử dụng, các em cần đọc lại từng câu, tự quyết định sửa gì, không bấm sửa tự động nếu chưa hiểu vì có khi công cụ gợi ý không đúng với nghĩa câu. Nếu chia sẻ bài viết trên nhóm lớp hoặc Padlet của lớp, các em chỉ đăng nội dung học tập, không đưa địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu, hình ảnh	- HS thực hành nêu một tiêu chí đọc soát và sửa một câu trong bài của mình cho rõ hơn.

riêng tư hoặc chuyện gia đình lên bài viết. Khi nhận xét bài của bạn trên môi trường số, các em dùng lời lịch sự, không chê bai hay sao chép bài của bạn.	
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn đã chỉnh sửa trước lớp.	- HS đọc bài viết.
- GV nhận xét, tuyên dương những bài viết có lí do rõ, dẫn chứng cụ thể, diễn đạt tự nhiên.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
D. VẬN DỤNG (3 phút) <i>* Mục tiêu: HS biết chia sẻ bài viết với người thân và tiếp tục chỉnh sửa cho hay hơn.</i> * Cách tiến hành:	
- GV dặn HS về nhà đọc đoạn văn cho người thân nghe, xin góp ý và chỉnh sửa nếu cần.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
- GV nhận xét tiết học, chuẩn bị tiết Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 4: CÔNG CHÚA VÀ NGƯỜI DẪN CHUYỆN****TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc được câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, tên nhân vật, năng khiếu nổi bật, mức độ yêu thích.
- Biết trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện đã đọc và kể lại với người thân một câu chuyện của tác giả mình yêu thích.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết trân trọng vẻ riêng, giá trị riêng của bản thân, bạn bè và người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS tìm đọc câu chuyện từ nguồn GV giới thiệu, biết ghi tên truyện, tác giả, nguồn đọc; chọn lọc nội dung phù hợp lứa tuổi và không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập phù hợp với bài.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG (5 phút) * Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc sách, gợi nhớ chủ điểm “Mỗi người một vẻ”. * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Đố bạn năng khiếu”: HS nêu một năng khiếu như hát, vẽ, kể chuyện, đá bóng; bạn khác đoán việc làm thể hiện năng khiếu đó.	- HS tham gia trò chơi, nêu năng khiếu và đoán.
- GV dẫn vào tiết Đọc mở rộng: Hôm nay các em đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách/truyện đã sưu tầm.
B. ĐỌC MỞ RỘNG	

Hoạt động 1: Đọc câu chuyện (12 phút) - Mục tiêu: HS đọc được câu chuyện phù hợp; Mục tiêu tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết chọn nguồn đọc tin cậy, phù hợp lứa tuổi và ghi đúng tên truyện, tác giả, nguồn đọc.

*** Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện về những người có năng khiếu nổi bật.	- HS đọc sách/truyện đã chuẩn bị hoặc đọc nguồn GV cung cấp.
	- HS chọn câu chuyện phù hợp với lứa tuổi, đọc thầm và ghi nhanh thông tin chính.
- GV gợi ý một số truyện phù hợp: Thần đồng đất Việt, Danh nhân thế giới, câu chuyện về nghệ sĩ, nhà khoa học, vận động viên, bạn nhỏ có năng khiếu.	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- Khi tìm truyện trên môi trường số, em nên chọn nguồn như thế nào để đọc an toàn và đúng nội dung?	- HS trả lời: Em chọn sách ở thư viện, tài liệu cô giới thiệu, nguồn có tên truyện và tác giả rõ ràng; em không bấm link lạ, không nhập thông tin cá nhân.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: GV hướng dẫn: Các em nên đọc truyện từ sách thư viện, SGK, tài liệu do GV giới thiệu hoặc trang đọc phù hợp lứa tuổi, có tên tác giả, tên nguồn rõ ràng. Khi tìm trên mạng, các em không bấm vào đường link lạ, không tải tệp không rõ nguồn, không nhập thông tin cá nhân để đọc truyện. Nếu nội dung quá dài, không phù hợp hoặc có quảng cáo lạ, các em dừng lại và báo với người lớn. Khi ghi phiếu đọc sách, các em cần ghi đúng tên câu chuyện, tác giả hoặc nguồn đọc để thể hiện sự tôn trọng tác giả và giúp bạn có thể tìm đọc lại.	- HS ghi lại tên truyện, tác giả hoặc nguồn đọc vào nháp.

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Viết phiếu đọc sách và trao đổi (15 phút) - Mục tiêu: HS hoàn thành phiếu đọc sách, biết chia sẻ nội dung câu chuyện với bạn.

*** Cách tiến hành:**

- Bài tập 2: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.	- 1 HS đọc yêu cầu.
- GV chiếu mẫu phiếu đọc sách trong SGK.	- HS quan sát mẫu phiếu.

<div></div> <div>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</div> <div><table><tr><th colspan="3">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th></tr><tr><td>Tên câu chuyện: ●</td><td>Tác giả: ●</td><td>Ngày đọc: ●</td></tr><tr><td>Tên nhân vật: ●</td><td>Năng khiếu nổi bật: ●</td><td>Mức độ yêu thích: ●</td></tr></table></div>	PHIẾU ĐỌC SÁCH			Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●	Tên nhân vật: ●	Năng khiếu nổi bật: ●	Mức độ yêu thích: ●	<div>- HS viết phiếu đọc sách cá nhân vào vở hoặc phiếu.</div>
PHIẾU ĐỌC SÁCH										
Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●								
Tên nhân vật: ●	Năng khiếu nổi bật: ●	Mức độ yêu thích: ●								
<div>- GV hướng dẫn HS điền: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, tên nhân vật, năng khiếu nổi bật, mức độ yêu thích.</div>	<div>- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.</div>									
<div>- Bài tập 3: Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện em đã đọc.</div>	<div>- HS đọc yêu cầu bài tập 3.</div>									
<div>- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2: Câu chuyện em đọc tên gì? Nhân vật có năng khiếu gì? Em học được điều gì?</div>	<div>- HS trao đổi nhóm 2 theo câu hỏi gợi ý.</div>									
<div>- GV mời một số HS chia sẻ trước lớp.</div>	<div>- HS chia sẻ: Em đọc truyện về một bạn nhỏ vẽ rất đẹp; em học được phải chăm chỉ luyện tập.</div>									
<div>D. VẬN DỤNG (3 phút)<div><div>* Mục tiêu: HS biết kể lại với người thân một câu chuyện đã đọc và hình thành thói quen đọc sách.</div><div>* Cách tiến hành:</div></div></div>										
<div>- GV giao nhiệm vụ: Kể với người thân một câu chuyện của tác giả mà em yêu thích.</div>	<div>- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.</div>									
<div>- GV nhận xét tuần học, khen HS tích cực đọc, viết và chia sẻ.</div>	<div>- HS lắng nghe, tự đánh giá hoạt động học của mình.</div>									
<div>- GV dặn HS chuẩn bị bài tuần 3.</div>	<div>- HS chuẩn bị bài mới.</div>									

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

TUẦN 3

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Bài 5: THẦN LẦN XANH VÀ TẮC KÈ

TIẾT 1: ĐỌC: THẦN LẦN XANH VÀ TẮC KÈ

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài Thần lần xanh và tắc kè; biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.
- Nhận biết được bối cảnh, diễn biến các sự việc qua lời kể của tác giả; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của thần lần xanh và tắc kè qua lời nói, hành động.
- Hiểu nội dung bài: Mỗi loài vật đều có đặc tính riêng và cần môi trường sống phù hợp; biết trân trọng đặc điểm riêng của bản thân và người khác.
- Biết vận dụng bài học để có ý thức bảo vệ môi trường sống của các loài vật quanh em.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và các loài vật trong tự nhiên.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, bảo vệ môi trường sống, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp BVMT: HS biết yêu quý các loài vật nhỏ trong tự nhiên; có ý thức bảo vệ cây xanh, không phá hoại nơi ở của các loài vật, giữ gìn cân bằng sinh thái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú vào bài mới; HS nói được môi trường sống và thói quen của một loài vật quen thuộc.</i>	
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 2: Nói về môi trường sống và thói quen của một loài vật mà em biết.	- HS trao đổi nhóm 2.
- GV gợi ý: Con vật đó sống ở đâu? Kiếm ăn vào lúc nào? Có đặc điểm gì giúp nó sống ở môi trường ấy?	- HS nêu ví dụ: Chim sống trên cây, bay bằng cánh; cá sống dưới nước, bơi bằng vây; mèo sống gần người, hay đi kiếm ăn ban đêm.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS trình bày, bạn khác lắng nghe và bổ sung.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc, yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát tranh minh họa.

 <p>5 THẦN LÂN XANH VÀ TẮC KÈ</p> <p>ĐỌC</p> <p>Nói về môi trường sống và thói quen của một loài vật.</p> <p>THẦN LÂN XANH VÀ TẮC KÈ</p> <p>Một buổi tối nọ, thần lân xanh đang bò trên cành cây. Đột nhiên, thần lân phát hiện tắc kè đang bò trên bức tường của một ngôi nhà.</p> <p>Thần lân thầm nghĩ: "Ồ, một người bạn mới!"</p> <p>Thần lân cất tiếng chào:</p> <p>– Chào cậu tớ là thần lân xanh. Tớ thích đi kiếm</p>	<p>- HS trả lời: Tranh vẽ thần lân xanh và tắc kè; hai bạn gặp nhau và trò chuyện.</p>
<p>- Tranh vẽ những con vật nào? Em đoán chúng đang làm gì?</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi tên bài.</p>
<p>- GV giới thiệu bài: Hôm nay chúng ta đọc câu chuyện Thần lân xanh và tắc kè để xem điều gì xảy ra khi hai bạn muốn đổi cuộc sống cho nhau.</p>	<p>- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.</p>
<p style="text-align: center;">B. KHÁM PHÁ</p> <p><i>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng từ khó, câu dài, đọc phân vai phù hợp lời người dẫn chuyện, thần lân xanh và tắc kè.</i></p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài; đọc rõ lời người dẫn chuyện, lời thần lân xanh và lời tắc kè.</p>	<p>- HS lắng nghe, theo dõi SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn giọng đọc: lời kể nhẹ nhàng; lời hai nhân vật lúc đầu háo hức, sau đó mệt mỏi, cuối bài vui vẻ.</p>	<p>- HS chú ý cách đọc lời nhân vật.</p>
<p>- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài, cả lớp theo dõi.</p>
<p>- GV phân vai đọc: người dẫn chuyện, thần lân xanh, tắc kè.</p>	<p>- HS đánh dấu vai đọc trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: thần lân, tắc kè, thầm nghĩ, kiếm ăn, thi thoảng, bức tường, bám dính.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: “Mình không thể bò trên tường / giống như tắc kè, / cũng không thể kiếm ăn / theo cách của tắc kè.”</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, ngắt nghỉ đúng chỗ.</p>
<p>- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3, mỗi bạn nhận một vai.</p>	<p>- HS luyện đọc theo nhóm 3, góp ý cho bạn.</p>
<p>- GV mời 2 nhóm đọc trước lớp.</p>	<p>- 2 nhóm đọc trước lớp.</p>
<p>- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm và cách ngắt nghỉ.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Đọc hiểu - Mục tiêu: HS trả lời được các câu hỏi SGK, hiểu ý nghĩa bài đọc; Mục tiêu tích hợp BVMT: HS biết bảo vệ môi trường tự nhiên và nơi ở của các loài vật nhỏ quanh em.

- GV mời HS đọc thầm bài, làm việc nhóm 2 để trả lời câu hỏi.	- HS đọc thầm, thảo luận nhóm 2.
- Câu 1: Thần lằn xanh và tắc kè đã tự giới thiệu những gì trong lần đầu gặp gỡ?	- HS trả lời: Hai bạn giới thiệu tên và thói quen kiếm ăn; thần lằn xanh kiếm ăn ban ngày, tắc kè kiếm ăn ban đêm.
- Câu 2: Vì sao hai bạn muốn đổi cuộc sống cho nhau?	- HS trả lời: Vì mỗi bạn thấy cuộc sống của mình quen thuộc, nhàm chán và muốn thử cuộc sống của bạn.
- Câu 3: Hai bạn đã nhận ra điều gì khi thay đổi môi trường sống của mình?	- HS trả lời: Thần lằn xanh không bám được trên tường, không kiếm ăn như tắc kè; tắc kè không chịu được nắng nóng ban ngày như thần lằn xanh.
- Câu 4: Các bạn cảm thấy thế nào khi quay lại cuộc sống trước đây của mình?	- HS trả lời: Hai bạn vui vẻ, hạnh phúc khi trở về môi trường sống phù hợp với mình.
- Câu 5: Tìm đọc đoạn văn trong bài có nội dung tương ứng với mỗi ý dưới đây.	- HS tìm đoạn: a) đoạn cuối; b) đoạn “Thần lằn xanh nhận ra...”; c) đoạn “Trong khi đó, tắc kè...”.
<p>Vài ngày sau...</p> <p>Thần lằn xanh nhận ra tay và chân của mình không bám dính như tắc kè: “Mình không thể bò trên tường giống như tắc kè, cũng không thể kiếm ăn theo cách của tắc kè. Mình đói quá rồi!”.</p> <p>Trong khi đó, tắc kè cũng cảm thấy mình không thể chịu được sức nóng của ban ngày: “Da của mình không giống da của thần lằn. Nóng quá! Mình không thể kiếm ăn ngoài trời. Mình đói quá rồi!”.</p> <p>Thế là hai bạn quyết định đổi lại cuộc sống cho nhau. Thần lằn xanh trở về với cái cây của mình và thích thú đi kiếm ăn vào ban ngày. Tắc kè quay trở lại bức tường thân yêu và vui vẻ đi tìm thức ăn vào buổi tối.</p>	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- Qua câu chuyện, các em thấy môi trường sống có ý nghĩa như thế nào đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi loài vật?	- HS trả lời: Môi trường sống rất quan trọng; mỗi loài vật cần nơi sống phù hợp để kiếm ăn, trú ẩn và phát triển.
- Tích hợp BVMT: GV diễn giải: Mỗi loài vật có đặc điểm cơ thể, cách kiếm ăn và nơi ở phù hợp. Nếu môi trường bị phá hại, các loài vật sẽ khó tìm thức ăn, khó trú ẩn và có thể không sống được. Vì vậy, khi ở nhà, ở trường hoặc nơi công cộng, các em cần biết bảo vệ cây xanh, không bắt hoặc trêu chọc những loài vật nhỏ như thần lằn, tắc kè, chim, bướm; không phá tổ chim, không bẻ cành, không xả rác làm ô nhiễm nơi sống của sinh vật. Bảo vệ môi trường không phải là việc xa vời, mà bắt đầu từ những việc nhỏ hằng ngày của mỗi học sinh.	- HS nêu việc làm cụ thể: Không bẻ cành, không phá tổ chim, bỏ rác đúng nơi, chăm sóc cây xanh, nhắc bạn không bắt các con vật nhỏ.
- GV chốt nội dung bài: Mỗi loài vật đều có	- HS nhắc lại nội dung bài.

đặc tính riêng với một môi trường sống phù hợp. Chúng ta cần trân trọng đặc điểm của mình và biết sống phù hợp với đặc điểm ấy.

D. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS liên hệ thực tế, biết nêu việc làm bảo vệ môi trường sống của một loài vật quen thuộc.*

- GV yêu cầu HS nêu một việc em có thể làm để bảo vệ môi trường sống của chim, cá, mèo, chó hoặc côn trùng có ích.

- HS chia sẻ: Em không ném đá chim, không làm đục nước ao, không xả rác, chăm sóc cây ở sân trường.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị tiết Luyện tập về danh từ.

- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 5: THẦN LẦN XANH VÀ TẮC KÈ****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kiến thức: danh từ là từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nhiên, thời gian,...).
- Tìm được danh từ chỉ thời gian, con vật, cây cối, người và hiện tượng tự nhiên trong đoạn văn, tranh ảnh và tình huống cụ thể.
- Đặt được câu có chứa danh từ theo yêu cầu; biết sử dụng danh từ phù hợp trong nói và viết.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng về riêng của bản thân, bạn bè và các loài vật trong tự nhiên.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, bảo vệ môi trường sống, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

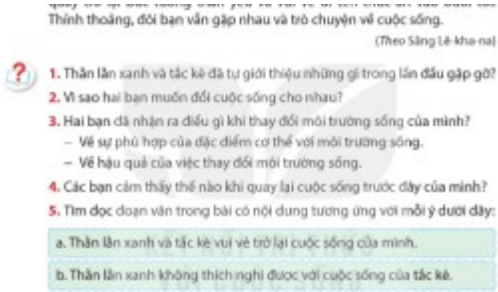
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết tra cứu hoặc quan sát thông tin về hiện tượng tự nhiên trên nguồn GV cung cấp; biết chọn từ khóa đơn giản và đối chiếu kết quả trước khi sử dụng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; ôn nhanh kiến thức về danh từ.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”.	- HS tham gia trò chơi theo tổ.
- GV nêu yêu cầu: Tìm 2 danh từ chỉ người, 2 danh từ chỉ vật, 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên.	- HS nêu: cô giáo, học sinh; bàn, sách; mưa, gió.
- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài: Hôm nay các em luyện tập thêm về danh từ qua đoạn văn, tranh và đặt câu.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
B. KHÁM PHÁ	

<p>Hoạt động 1: Tìm danh từ trong đoạn văn - Mục tiêu: HS xác định được danh từ chỉ thời gian, con vật, cây cối trong đoạn văn.</p>	
<p>- Bài tập 1: Tìm danh từ chỉ thời gian, con vật, cây cối trong đoạn văn dưới đây.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập.</p>
<p>- GV mời 1 HS đọc đoạn văn về tổ vành khuyên trong SGK.</p>	<p>- 1 HS đọc đoạn văn, cả lớp đọc thầm.</p>
	<p>- HS quan sát hình gợi ý các nhóm danh từ.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4: mỗi nhóm tìm một nhóm danh từ, sau đó đối chiếu trong nhóm.</p>	<p>- HS làm việc nhóm 4.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày.</p>	<p>- Đại diện nhóm trình bày.</p>
<p>- GV chốt đáp án.</p>	<p>- HS chữa bài: Danh từ chỉ thời gian: đêm đêm, một ngày; danh từ chỉ con vật: vành khuyên; danh từ chỉ cây cối: lá, bưởi, cỏ.</p>
<p>C. LUYỆN TẬP</p>	
<p>Hoạt động 2: Luyện tập mở rộng về danh từ - Mục tiêu: HS tìm được danh từ theo nhóm, đặt câu có danh từ; Mục tiêu tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết quan sát, tra cứu từ khóa đơn giản về hiện tượng tự nhiên từ nguồn GV cung cấp và kiểm tra lại trước khi sử dụng.</p>	
<p>- Bài tập 2: Tìm tiếp các danh từ chỉ người cho mỗi nhóm.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát tranh trong SGK và viết thêm danh từ chỉ người vào từng nhóm.</p>	<p>- HS làm việc nhóm 2.</p>
	<p>- HS nêu: Trong gia đình: mẹ, bố, ông, bà, anh, chị, em; trong trường học: học sinh, thầy giáo, cô giáo, hiệu trưởng; trong trận bóng đá: cầu thủ, thủ môn, tiền đạo, hậu vệ.</p>
<p>- Bài tập 3: Danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên nào có thể thay cho mỗi bông hoa dưới đây?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 3.</p>
<p>- GV cho HS đọc đoạn văn, tìm danh từ phù hợp để thay cho từng bông hoa.</p>	<p>- HS làm bài cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.</p>

- GV mời HS trình bày, nhận xét và chốt đáp án.	- HS nêu đáp án: nắng, mây, gió, chớp, sấm, mưa.
- Khi muốn tìm hiểu thêm về hiện tượng tự nhiên như mây, gió, sấm, chớp, em nên tìm thông tin ở đâu và cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Em tìm trên nguồn cô giới thiệu, trong SGK hoặc video học tập; em không bấm đường dẫn lạ và kiểm tra lại thông tin.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: GV hướng dẫn: Các em có thể dùng từ khóa đơn giản như “mây là gì”, “vì sao có sấm chớp” trên nguồn học tập do GV giới thiệu hoặc quan sát tranh, video ngắn đã được kiểm duyệt. Khi đọc thông tin, các em cần chọn nội dung phù hợp lứa tuổi, không mở đường dẫn lạ, không bấm quảng cáo, không sao chép nguyên văn. Sau khi tìm được thông tin, hãy đối chiếu với SGK hoặc hỏi lại thầy cô để chắc chắn từ mình chọn là danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên.	- HS thực hành nêu từ khóa: “mưa là gì”, “gió là gì”, “sấm chớp là gì”.
- Bài tập 4: Đặt câu có chứa danh từ: a. Chỉ một buổi trong ngày; b. Chỉ một ngày trong tuần; c. Chỉ một mùa trong năm.	- HS đọc yêu cầu bài tập 4.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân vào vở, sau đó đổi vở cho bạn kiểm tra.	- HS đặt câu vào vở.
- GV mời một số HS đọc câu đã đặt.	- HS nêu: Buổi sáng, em đến trường đúng giờ. Chủ nhật, gia đình em về thăm ông bà. Mùa hè, chúng em được nghỉ ngơi và đọc sách.
D. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để tìm và dùng danh từ trong thực tế lớp học.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh - Ai đúng”: mỗi nhóm bốc thăm 5 từ, chọn ra những danh từ và đặt một câu với một danh từ đã chọn.	- HS tham gia trò chơi; nêu ví dụ: “bảng”, “cô giáo”, “mùa xuân” là danh từ.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS xem lại các nhóm danh từ đã học.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 5: THẦN LẦN XANH VÀ TẮC KÈ****TIẾT 3: VIẾT: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết lắng nghe nhận xét chung của GV về bài viết đoạn văn nêu ý kiến.
- Biết đọc lại bài làm, phát hiện và sửa lỗi về cách mở đoạn, triển khai lí do, dẫn chứng, dùng từ, đặt câu và chính tả.
- Biết đọc bài của bạn, nêu được điều em muốn học tập và viết lại một số câu văn cho hay hơn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng về riêng của bản thân, bạn bè và các loài vật trong tự nhiên.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, bảo vệ môi trường sống, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể hỗ trợ gợi ý cách sửa câu, thay từ, làm câu văn rõ hơn; HS phải tự đọc lại, chọn lọc và chỉnh sửa dưới sự hướng dẫn của GV, không sao chép máy móc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập; giúp HS nhớ lại yêu cầu của đoạn văn nêu ý kiến.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Ô cửa bí mật”.	- HS tham gia trò chơi.
- GV nêu câu hỏi: Đoạn văn nêu ý kiến thường cần có những phần nào?	- HS trả lời: Cần có mở đầu, triển khai, kết thúc.
- GV hỏi tiếp: Khi nêu lí do yêu thích một câu chuyện, em cần nêu lí do như thế nào?	- HS trả lời: Lí do cần rõ ràng, có dẫn chứng cụ thể, câu văn viết liên tục, không xuống dòng tùy tiện.
B. KHÁM PHÁ	
<i>Hoạt động 1: Nghe nhận xét chung và đọc lại bài - Mục tiêu: HS hiểu ưu điểm, hạn chế thường gặp trong bài viết của lớp.</i>	

- Bài tập 1: Nghe thầy cô nhận xét chung.	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV nhận xét chung về bài viết của lớp: cách chọn câu chuyện, cách nêu ý kiến, cách trình bày lí do, dùng từ, đặt câu, chính tả.	- HS lắng nghe, ghi nhanh điều cần rút kinh nghiệm.
- GV nêu một số lỗi tiêu biểu cần sửa: mở đoạn chưa rõ, lí do còn chung chung, thiếu dẫn chứng, câu quá dài hoặc sai chính tả.	- HS tự đánh dấu phần bài của mình cần xem lại.
- Bài tập 2: Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô rồi sửa chữa lỗi.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV chiếu bảng tiêu chí: Cách viết mở đầu, triển khai, kết thúc; cách trình bày lí do và dẫn chứng; cách dùng từ, đặt câu; chính tả.	- HS quan sát bảng tiêu chí, đối chiếu với bài làm của mình.
	- HS đọc lại bài và sửa lỗi bằng bút chì.

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Sửa câu, học tập bài của bạn - Mục tiêu: HS biết sửa lỗi và viết lại câu hay hơn; Mục tiêu tích hợp AI (4.AI.2): HS biết dùng gợi ý AI như một nguồn tham khảo có kiểm soát, không sao chép máy móc.

- Nếu một câu văn của em còn lặp từ hoặc chưa rõ ý, công cụ AI có thể giúp gợi ý điều gì?	- HS trả lời: AI có thể gợi ý cách thay từ, sửa câu lặp, làm câu rõ hơn.
- Tích hợp AI (4.AI.2): GV diễn giải: Trong giờ học, GV có thể chiếu một ví dụ câu văn cần sửa và dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý vài cách diễn đạt khác nhau. Các em cần nhớ AI chỉ là công cụ hỗ trợ, không viết thay bài cho mình. Khi nhận gợi ý, các em phải đọc lại, xem câu có đúng ý của mình không, có phù hợp với câu chuyện mình chọn không, có tự nhiên như lời văn của học sinh lớp 4 không. Nếu gợi ý quá dài, quá khó hoặc không đúng nội dung, các em cần bỏ đi hoặc chỉnh lại	- HS nêu nguyên tắc: Em chỉ tham khảo gợi ý, tự chọn lọc, không chép nguyên văn; em hỏi thầy cô khi chưa chắc.

bằng lời của mình. Việc dùng AI đúng cách giúp các em học cách sửa câu, mở rộng vốn từ, nhưng bài viết cuối cùng vẫn phải là suy nghĩ thật của chính các em.	
- Bài tập 3: Đọc bài làm của bạn và nêu những điều em muốn học tập.	- HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV yêu cầu HS đối vở trong nhóm 2, đọc bài của bạn và ghi 1 điều muốn học tập.	- HS đối vở, đọc bài của bạn và ghi nhận xét.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ điều học được từ bài của bạn.	- HS nêu: Em học cách mở đoạn tự nhiên; em học cách nêu dẫn chứng cụ thể; em học cách dùng từ gợi cảm.
- Bài tập 4: Viết lại một số câu văn cho hay hơn.	- HS đọc yêu cầu bài tập 4.
- GV yêu cầu HS chọn 1 - 2 câu trong bài của mình để viết lại.	- HS viết lại câu vào vở.
- GV nhận xét nhanh một số câu đã sửa tốt.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
D. VẬN DỤNG	
<i>* Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về danh từ và biết trao đổi với người thân sau bài học.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Cùng người thân thi tìm nhanh danh từ thuộc 2 nhóm: danh từ chỉ động vật hoang dã và danh từ chỉ cây ăn quả.	- HS nêu ví dụ: hổ, sư tử, voi; cây xoài, cây cam, cây mít.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài Nghệ sĩ trồng.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 6: NGHỆ SĨ TRỒNG****TIẾT 1 - 2: ĐỌC: NGHỆ SĨ TRỒNG***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và bước đầu đọc diễn cảm bài Nghệ sĩ trồng.
- Biết đọc lời người dẫn chuyện, lời người dân trên đảo, lời độc thoại của cô bé Mi-lô với giọng điệu phù hợp.
- Nhận biết được những thông tin chính về Mi-lô: ước mơ, nơi ở, đam mê và hành trình theo đuổi tiếng trống.
- Làm được các bài luyện tập theo văn bản: nhận biết nhạc cụ và tìm từ ngữ phù hợp với bảng nghề nghiệp, công việc, sản phẩm.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu về hành trình vượt khó của Mi-lô; hiểu thông điệp: Để thực hiện ước mơ, mỗi người cần nỗ lực, cố gắng vượt lên khó khăn.
- Đọc lại được bài Nghệ sĩ trồng với giọng diễn cảm phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và các loài vật trong tự nhiên.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, bảo vệ môi trường sống, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.1): HS nhận biết AI có thể hỗ trợ luyện nghe nhịp, gợi ý cách tập nhạc hoặc tạo âm thanh minh họa, nhưng ước mơ và thành công vẫn cần sự nỗ lực, luyện tập của con người.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết tìm hiểu âm thanh/hình ảnh nhạc cụ từ nguồn GV giới thiệu; biết ghi tên nguồn, chọn lọc thông tin phù hợp, không mở đường dẫn lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
-------------------------	------------------------

A. KHỞI ĐỘNG

** Mục tiêu: Tạo hứng thú với bài đọc; HS chia sẻ được một nhạc cụ em yêu thích.*

- GV yêu cầu HS trao đổi với bạn: Em yêu thích nhạc cụ nào? Vì sao?	- HS trao đổi nhóm 2.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ: Em thích trống, sáo, đàn ghi-ta, pi-a-no vì âm thanh hay hoặc vui tươi.
- GV giới thiệu bài: Câu chuyện Nghệ sĩ trống kể về cô bé Mi-lô yêu tiếng trống và không ngừng theo đuổi ước mơ của mình.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc, yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát tranh.



- HS trả lời: Tranh vẽ bạn nhỏ chơi trống bên bờ biển; bạn ấy có thể mơ ước trở thành nghệ sĩ trống.

- Tranh vẽ bạn nhỏ đang làm gì? Em đoán bạn ấy có ước mơ gì?	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
--	--

B. KHÁM PHÁ - HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC VĂN BẢN

** Mục tiêu:*

- HS đọc đúng từ khó, câu dài; biết chia đoạn và luyện đọc với giọng phù hợp.
- HS bước đầu nhận biết ước mơ, đam mê của nhân vật Mi-lô.

** Cách tiến hành:*

- GV đọc mẫu toàn bài; nhấn giọng ở các từ ngữ thể hiện ước mơ, đam mê, sự kiên trì của Mi-lô.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn giọng đọc: lời kể nhẹ nhàng;	- HS chú ý cách đọc từng đoạn.

lời người dân trên đảo ngăn cản; lời Mi-lô quyết tâm, say mê.	
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài.
- GV chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “một ban nhạc”; đoạn 2 tiếp theo đến “con sóng xô bờ”; đoạn 3 tiếp theo đến “thầm nghĩ”; đoạn 4 tiếp theo đến “nhún nhảy”; đoạn 5 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.	- 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: tim-pan-ni, trống công-ga, trống bông-gô, Cu-ba, Ku-chi-tô, A-na-ca-ô-na, nhún nhảy.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: “Ban ngày, / cô chăm chú lắng nghe tất cả những âm thanh xung quanh: / tiếng những tàu lá cọ đu đưa trong gió, / tiếng vỗ cánh của những chú chim ruồi...”	- HS luyện đọc câu dài, ngắt nghỉ đúng.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 5.	- HS luyện đọc trong nhóm 5.
- GV mời 1 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và sửa lỗi.	- 1 nhóm đọc trước lớp, các nhóm khác nhận xét.

C. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 2: TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

* Mục tiêu:

- HS nêu được ước mơ, nơi ở, đam mê, thuận lợi, khó khăn và sự nỗ lực của Mi-lô.
- Mục tiêu tích hợp AI (4.A1.1): HS hiểu AI có thể hỗ trợ luyện nghe, luyện nhịp nhưng không thay thế sự cố gắng, luyện tập thật của người học.

* Cách tiến hành:

- Câu 1: Bài đọc cho biết những thông tin nào về Mi-lô?	- HS đọc câu hỏi 1.
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1, 2 và tìm thông tin theo các ô gợi ý: ước mơ, nơi ở, đam mê, thành tích nổi bật.	- HS đọc thầm và ghi ý ra nháp.

 <p>Thế rồi, Mi-lô thuyết phục cha cho cô tham gia một lớp nhạc cụ. Trống tim-pan-ni, trống công-ga, trống bông-gô... loại nào cô cũng chơi được. Thấy giáo nhận ra tài năng của Mi-lô và bắt đầu dạy cô mỗi ngày.</p> <p>– Sẽ đến ngày mình được chơi trong một ban nhạc thú thật. – Mi-lô thầm nghĩ.</p> <p>Khi chị gái Cu-chi-tô thành lập A-na-ca-ô-na, nhóm nhảy nữ đầu tiên của Cu-ba, cô bé Mi-lô 10 tuổi đã gia nhập ban nhạc với vai trò của một tay trống. Nghe tiếng trống của Mi-lô, ai cũng muốn nhún nhảy.</p> <p>Cứ cố gắng như vậy, cuối cùng Mi-lô đã trở thành một nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.</p> <p>(Theo Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> Cu-ba: một nước ở châu Mỹ, thủ đô là Ha-và-na. Chim nước: loài chim nhỏ nhất trong các loài chim, khi bay có thể giữ nguyên một vị trí, cánh vỗ nhiều lần tạo ra tiếng vo ve như tiếng nước. <p>1. Bài đọc cho biết những thông tin gì về Mi-lô?</p> <p>ước mơ nơi ở đam mê thành tích nổi bật</p> <p>2. Mọi người làm gì khi thấy Mi-lô chơi trống? Vì sao họ lại làm như vậy?</p> <p>3. Hành trình trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới của Mi-lô có những</p>	<p>- HS nêu: Mi-lô ước mơ được chơi trống trong một ban nhạc; sống trên đảo ở Cu-ba; đam mê chơi trống; sau này trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng.</p>
<p>- Hiện nay, nếu một bạn muốn tập nhện trống, công nghệ hoặc AI có thể hỗ trợ bạn ấy những gì?</p>	<p>- HS trả lời: AI có thể phát nhện mẫu, gợi ý cách tập, giúp nghe lại âm thanh.</p>
<p>- Tích hợp AI (4.A1.1): GV diễn giải: Một số ứng dụng học nhạc, công cụ tạo nhện hoặc AI có thể phát mẫu tiết tấu, giúp người học nghe lại nhện, gợi ý cách luyện tập từng bước, thậm chí tạo âm thanh minh họa. Nhưng AI không thể thay cho đôi tay luyện tập, sự kiên trì và tình yêu âm nhạc của con người. Câu chuyện về Mi-lô cho thấy ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi bạn ấy chăm chú lắng nghe âm thanh xung quanh, không bỏ cuộc dù gặp định kiến và rèn luyện đều đặn. Vì vậy, khi dùng công nghệ, các em cần xem đó là công cụ hỗ trợ, còn sự cố gắng vẫn là điều quan trọng nhất.</p>	<p>- HS nêu bài học: Dùng công nghệ để học tốt hơn nhưng vẫn phải tự luyện tập, không phụ thuộc.</p>
<p>- GV chốt tiết 1: Mi-lô có ước mơ và đam mê rõ ràng; bạn sống trong không gian tràn ngập âm nhạc và luôn hướng tới tiếng trống.</p>	<p>- HS nhắc lại ý chính của tiết học.</p>
<p>- GV mời HS đọc nối tiếp các đoạn còn lại của bài.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp bài.</p>
<p>- Câu 2: Mọi người làm gì khi thấy Mi-lô chơi trống? Vì sao họ lại làm như vậy?</p>	<p>- HS trả lời: Mọi người hét lên: “Về nhà ngay! Nhạc cụ này không dành cho con gái!” vì họ cho rằng chỉ con trai mới được chơi trống.</p>
<p>- Câu 3: Hành trình trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới của Mi-lô có những thuận lợi và khó khăn gì?</p>	<p>- HS nêu thuận lợi: có đam mê, có tài năng, được bố và thầy ủng hộ; khó khăn: bị định kiến, bị ngăn cản, chơi trống vất vả.</p>
<p>- Câu 4: Dựa vào bài đọc, hãy cho biết vì sao Mi-lô trở thành một nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.</p>	<p>- HS trả lời: Vì Mi-lô có ước mơ, đam mê, tài năng, quyết tâm luyện tập và được người thân, thầy giáo ủng hộ.</p>
<p>- Câu 5: Em có ấn tượng nhất với hành</p>	<p>- HS chia sẻ: Em ấn tượng việc Mi-lô không bỏ cuộc</p>

động nào của Mi-lô? Vì sao?	dù bị ngăn cản vì bạn rất kiên trì.
- GV chốt nội dung bài: Để thực hiện ước mơ, mỗi người cần nỗ lực, cố gắng vượt lên hoàn cảnh và khó khăn.	- HS nhắc lại nội dung bài.
<p align="center">C. LUYỆN TẬP - HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN ĐỌC</p> <p align="center">* Mục tiêu:</p> <p align="center">- HS nhận biết được các sự vật được gọi là nhạc cụ.</p> <p align="center">- HS tìm được từ ngữ phù hợp với các cột nghề nghiệp - công việc - sản phẩm.</p> <p align="center">- Mục tiêu tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết tìm hiểu nhạc cụ từ nguồn GV giới thiệu và chọn lọc thông tin an toàn, phù hợp.</p> <p align="center">* Cách tiến hành:</p>	
- Bài tập 1: Những sự vật nào dưới đây được gọi là nhạc cụ?	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
A. trống đồng B. pi-a-nô C. sáo trúc D. ghi-ta E. chuông G. vi-ô-lông H. còi I. trống cơm	- HS đọc các phương án.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, chọn các sự vật là nhạc cụ.	- HS thảo luận và chọn: A, B, C, D, G, I.
- Nếu muốn nghe thử âm thanh của sáo trúc, vi-ô-lông hoặc trống cơm, em nên tìm ở đâu để an toàn?	- HS trả lời: Em nghe từ video cô cho, thư viện học tập của lớp hoặc nguồn cô đã kiểm duyệt.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: GV hướng dẫn: Khi muốn tìm hiểu âm thanh hoặc hình ảnh nhạc cụ, các em chỉ sử dụng đường dẫn, video hoặc thư viện âm thanh do GV cung cấp; không tự mở trang lạ, không tải tệp không rõ nguồn. Khi ghi thông tin vào vở, các em nên ghi ngắn gọn tên nhạc cụ, đặc điểm âm thanh và nguồn nghe/quan sát. Nếu hai nguồn nói khác nhau, các em cần hỏi GV hoặc đối chiếu với SGK, không vội chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng cho bạn.	- HS thực hành nói: Em tìm “âm thanh sáo trúc” từ video cô gửi và ghi lại nguồn nghe.
- Bài tập 2: Tìm từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV cho HS quan sát bảng trong SGK, làm việc cá nhân vào vở.	- HS quan sát bảng.

3. Hành trình trở thành nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới của Mi-lô có những thuận lợi và khó khăn gì?

4. Dựa vào bài đọc, hãy cho biết vì sao Mi-lô trở thành một nghệ sĩ trống nổi tiếng thế giới.

5. Em có ấn tượng nhất với hành động nào của Mi-lô? Vì sao?

1. Những sự vật nào dưới đây được gọi là nhạc cụ?

A. trống đồng B. pi-a-nô C. sáo trúc D. ghi-ta
E. chuông G. vi-ô-lông H. còi I. trống cơm

2. Tìm từ ngữ phù hợp với các cột trong bảng.

Nghề nghiệp	Công việc	Sản phẩm
họa sĩ	vẽ	tranh
nhạc sĩ	?	?
nhà văn	?	?
kiến trúc sư	?	?

- HS hoàn thành: Họa sĩ - vẽ - tranh; nhạc sĩ - sáng tác - bài hát; nhà văn - sáng tác, viết - tác phẩm văn học; kiến trúc sư - vẽ, thiết kế - công trình kiến trúc.

D. VẬN DỤNG

* Mục tiêu:

- HS liên hệ việc theo đuổi ước mơ và tôn trọng năng khiếu của bạn bè.
- Biết nói lời động viên, cổ vũ bạn luyện tập đúng đắn.

* Cách tiến hành:

- GV yêu cầu HS nói một câu động viên bạn có ước mơ hoặc năng khiếu riêng.	- HS nói: Mình tin bạn sẽ hát hay hơn nếu luyện tập đều đặn; mình tôn trọng ước mơ của bạn.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 6: NGHỆ SĨ TRỒNG****TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Tìm hiểu được cách viết báo cáo thảo luận nhóm.
- Nhận biết được các phần của báo cáo: phần đầu, phần chính, phần cuối.
- Biết trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận nhóm: cách trình bày quốc hiệu - tiêu ngữ, tiêu đề báo cáo và các kết quả thảo luận.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng về riêng của bản thân, bạn bè và các loài vật trong tự nhiên.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, bảo vệ môi trường sống, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết trình bày báo cáo thảo luận nhóm bằng công cụ soạn thảo/bảng đơn giản dưới sự hướng dẫn của GV; biết lưu, đặt tên tệp phù hợp và không chia sẻ thông tin cá nhân không cần thiết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

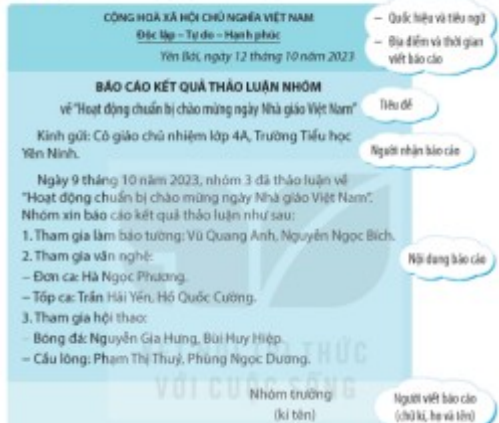
- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú vào bài; HS nhớ lại hoạt động thảo luận nhóm trong học tập.</i>	
- GV hỏi: Khi nhóm mình thảo luận xong một việc, làm thế nào để báo lại kết quả cho cô và cả lớp?	- HS trả lời: Nhóm cử đại diện trình bày, ghi kết quả vào phiếu hoặc viết báo cáo.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ.	- HS chia sẻ kinh nghiệm thảo luận nhóm.
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay giúp các em tìm hiểu cách viết báo cáo thảo luận nhóm rõ ràng, dễ theo dõi.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.

B. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Đọc báo cáo và trả lời câu hỏi - Mục tiêu: HS nhận biết được nội dung, người viết, người nhận và các phần của báo cáo.

- Bài tập 1: Đọc báo cáo dưới đây và trả lời câu hỏi.	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
a. Báo cáo trên viết về điều gì?	- HS trả lời: Báo cáo viết về kết quả thảo luận nhóm về hoạt động chuẩn bị chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam.
b. Ai là người viết báo cáo? Báo cáo được gửi cho ai?	- HS trả lời: Người viết là nhóm trưởng Vũ Quang Anh; báo cáo gửi cô giáo chủ nhiệm lớp 4A.
c. Báo cáo gồm mấy phần? Mỗi phần có những thông tin gì?	- HS trả lời: Báo cáo gồm phần đầu, phần chính, phần cuối.
<p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM</p> <p>1. Đọc báo cáo dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> 	- HS lắng nghe, thực hiện theo hướng dẫn của GV.
- GV hướng dẫn HS xác định từng phần: quốc hiệu và tiêu ngữ, địa điểm và thời gian viết báo cáo, tiêu đề, người nhận, nội dung báo cáo, người viết báo cáo.	- HS chỉ trên báo cáo từng phần theo hướng dẫn.
- GV chốt ghi nhớ: Báo cáo thảo luận nhóm thường gồm 3 phần; nội dung báo cáo nêu kết quả thảo luận được sắp xếp theo mục để dễ theo dõi.	- HS đọc lại ghi nhớ.

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Trao đổi điều cần lưu ý khi viết báo cáo - Mục tiêu: HS nêu được các điểm cần lưu ý khi viết báo cáo; Mục tiêu tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết dùng công cụ soạn thảo/bảng đơn giản để trình bày báo cáo nhóm an toàn, rõ ràng.

- Bài tập 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết báo cáo thảo luận nhóm.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV chia lớp thành nhóm 4, giao nhiệm vụ: Thảo luận theo 3 nội dung: Cách trình bày quốc hiệu và tiêu ngữ; cách trình bày tiêu đề	- HS thảo luận nhóm 4, ghi ý vào phiếu.

báo cáo; cách trình bày các kết quả thảo luận.	
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: Quốc hiệu, tiêu ngữ đặt ở đầu; tiêu đề viết rõ nội dung; kết quả thảo luận trình bày theo mục hoặc gạch đầu dòng.
- Nếu nhóm viết báo cáo trên máy tính hoặc máy tính bảng, các em cần chú ý điều gì để báo cáo rõ ràng và an toàn?	- HS trả lời: Cần gõ rõ ràng, lưu đúng tên tệp, không đưa thông tin cá nhân, đọc lại trước khi nộp.
- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 5.2.CB1a: GV diễn giải: Khi được GV hướng dẫn dùng Word, Google Docs hoặc bảng đơn giản để trình bày báo cáo, các em cần gõ đúng tên báo cáo, dùng cỡ chữ dễ đọc, trình bày các ý theo mục rõ ràng. Khi lưu tệp, nên đặt tên ngắn gọn như “Bao_cao_nhom_3_Ngay_20_11”, không đặt tên chứa số điện thoại, địa chỉ nhà hoặc thông tin riêng tư. Nếu làm chung trên công cụ trực tuyến, chỉ chia sẻ cho thành viên nhóm và GV theo hướng dẫn, không gửi đường dẫn công khai. Trước khi nộp, nhóm cần đọc lại để sửa lỗi chính tả, kiểm tra xem thông tin có đúng, đủ và lịch sự hay chưa.	- HS nêu cách đặt tên tệp an toàn: Bao_cao_nhom_2, Bao_cao_thao_luan_ngay_20_11.
- GV yêu cầu mỗi nhóm viết nhanh khung báo cáo 3 phần vào phiếu học tập.	- HS viết khung báo cáo gồm phần đầu, phần chính, phần cuối.
- GV nhận xét, góp ý cách trình bày của từng nhóm.	- HS lắng nghe, chỉnh sửa phiếu nhóm.
D. VẬN DỤNG	
<i>* Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức để chuẩn bị báo cáo cho một hoạt động nhóm gần gũi.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Về nhà trao đổi với người thân hoặc bạn trong nhóm, nghĩ trước một hoạt động có thể viết báo cáo ngắn, ví dụ: hoạt động trang trí lớp, chăm sóc cây, làm báo tường.	- HS nêu hoạt động dự kiến: báo cáo chăm sóc cây lớp em; báo cáo chuẩn bị ngày 20/11.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Nói và nghe.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 6: NGHỆ SĨ TRỒNG****TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: KỂ CHUYỆN BỐN ANH TÀI***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe kể chuyện Bốn anh tài và ghi lại được những chi tiết quan trọng.
- Trả lời được câu hỏi theo tranh và kể lại được câu chuyện theo trình tự phù hợp.
- Biết rút ra bài học về tinh thần đoàn kết, dũng cảm, hợp tác để làm việc có ích cho tập thể.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và các loài vật trong tự nhiên.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, bảo vệ môi trường sống, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: Qua câu chuyện Bốn anh tài, HS bồi dưỡng tinh thần đoàn kết, dũng cảm, biết hợp tác để làm việc có ích cho tập thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo tâm thế nghe kể chuyện; gợi nhớ việc hợp tác trong nhóm.</i>	
- GV hỏi: Khi gặp một việc khó, vì sao chúng ta cần hợp tác với bạn bè?	- HS trả lời: Vì mỗi người có một thế mạnh, cùng nhau sẽ làm được việc khó hơn.
- GV mời 2 - 3 HS trả lời.	- HS chia sẻ ý kiến cá nhân.
- GV giới thiệu: Câu chuyện Bốn anh tài sẽ cho chúng ta thấy sức mạnh của sự đoàn kết và lòng dũng cảm.	- HS lắng nghe, chuẩn bị nghe kể.
B. KHÁM PHÁ <i>Hoạt động 1: Nghe kể chuyện và ghi chi tiết quan trọng - Mục tiêu: HS nghe hiểu, ghi lại được chi tiết chính theo từng tranh.</i>	

- GV kể lần 1 câu chuyện Bốn anh tài với giọng rõ ràng, nhấn ở các chi tiết Cầu Khây lên đường, gặp bạn, chiến đấu với yêu tinh và kết thúc câu chuyện.	- HS lắng nghe lần 1.
- GV yêu cầu HS quan sát tranh, ghi nhanh chi tiết quan trọng vào vở nháp.	- HS quan sát tranh, ghi ý chính từng tranh: Cầu Khây lên đường; gặp bạn; cùng chiến đấu; dân làng yên vui.
<p>(Theo Tiếng Việt 4, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)</p>  <p>1. Nghe kể chuyện và ghi lại những chi tiết quan trọng.</p> <p>Vì sao Cầu Khây lên đường diệt yêu tinh?</p> <p>Cầu Khây tìm được những người bạn nào để cùng diệt yêu tinh?</p> <p>Cầu Khây và những người bạn đã chiến đấu với yêu tinh như thế nào?</p> <p>Câu chuyện kết thúc ra sao?</p> <p>2. Trả lời câu hỏi dưới tranh.</p>	- HS theo dõi tranh minh họa.
- GV kể lần 2, dừng sau mỗi tranh để HS bổ sung chi tiết.	- HS nghe lần 2, bổ sung chi tiết còn thiếu.
- Vì sao Cầu Khây lên đường diệt yêu tinh?	- HS trả lời: Vì yêu tinh hại dân, Cầu Khây muốn giúp dân làng.
- Cầu Khây tìm được những người bạn nào để cùng diệt yêu tinh?	- HS kể tên các bạn theo nội dung chuyện đã nghe.
<p style="text-align: center;">C. LUYỆN TẬP</p> <p><i>Hoạt động 2: Kể lại câu chuyện - Mục tiêu: HS kể lại được câu chuyện theo tranh; Mục tiêu tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết quý trọng tinh thần dũng cảm, đoàn kết, hợp tác vì việc chung.</i></p>	
- Những điều gì giúp các nhân vật trong câu chuyện chiến thắng yêu tinh?	- HS trả lời: Các nhân vật có lòng dũng cảm, biết đoàn kết, mỗi người phát huy khả năng riêng.
- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Trong câu chuyện, mỗi nhân vật có một khả năng riêng, nhưng nếu chỉ hành động một mình thì khó chiến thắng yêu tinh. Khi các bạn biết tin tưởng, hợp tác và cùng hướng tới việc giúp dân làng, sức mạnh của từng người được kết nối thành sức mạnh chung. Bài học ấy cũng gần gũi với lớp học của chúng ta: khi làm việc nhóm, khi giúp bạn, khi tham gia hoạt động chung, mỗi bạn cần biết nhận nhiệm vụ, tôn trọng phần việc của bạn khác, không bỏ cuộc trước khó khăn. Đoàn kết, dũng cảm, có trách nhiệm với tập	- HS nêu việc làm cụ thể: Khi làm việc nhóm, em nhận nhiệm vụ, không tranh cãi, biết giúp bạn và hoàn thành phần việc của mình.

thể là những phẩm chất tốt đẹp mà học sinh cần rèn luyện hằng ngày.	
- Bài tập 2: Trả lời câu hỏi dưới tranh.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, mỗi bạn trả lời một tranh.	- HS thảo luận nhóm 4 theo tranh.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét.
- Bài tập 3: Kể lại câu chuyện trên.	- HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV hướng dẫn: Kể theo trình tự 4 tranh, dùng lời của em, giọng kể rõ ràng, không nhìn chép nguyên văn.	- HS luyện kể trong nhóm 4.
- GV mời 2 - 3 HS kể trước lớp.	- 2 - 3 HS kể trước lớp, bạn khác nhận xét về nội dung, giọng kể, trình tự.
D. VẬN DỤNG	
<i>* Mục tiêu: HS liên hệ bài học về tinh thần đoàn kết trong học tập và đời sống.</i>	
- GV yêu cầu HS nêu một việc lớp mình cần đoàn kết để thực hiện tốt.	- HS nêu: Cùng giữ lớp sạch, cùng chăm sóc cây, cùng luyện văn nghệ, cùng giúp bạn học chậm.
- GV dặn HS tìm đọc câu chuyện có nhân vật mang điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách, ví dụ Dế Mèn phiêu lưu kí, Chuyện phiêu lưu của Mít Đặc và các bạn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ tìm đọc.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 4

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Bài 7: NHỮNG BỨC CHÂN DUNG

TIẾT 1: ĐỌC: NHỮNG BỨC CHÂN DUNG

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm câu chuyện Những bức chân dung; biết đọc lời người dẫn chuyện và lời nhân vật phù hợp với tâm trạng.
- Nhận biết được sự việc chính, đặc điểm nhân vật Màu Nước, Hoa Nhỏ, Bông Tuyết, Mắt Xanh qua lời nói, hành động.
- Hiểu nội dung bài: Vẻ đẹp của con người không chỉ ở hình thức bên ngoài mà còn ở cách nhìn chân thực, nhân ái về mỗi người.
- Biết tóm tắt mỗi sự việc trong câu chuyện bằng 1 - 3 câu, biết nhận xét nhân vật bằng lời nói lịch sự, tích cực.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân và bạn bè; không chê bai ngoại hình, biết nhận xét chân thành, lịch sự và nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú vào bài học; HS dự đoán được tên thân mật của các nhân vật trong tranh.</i>	
- GV chiếu tranh minh họa và các tên: Hoa Nhỏ, Bông Tuyết, Màu Nước, Mắt Xanh. 	- HS quan sát tranh và đọc các tên gợi ý.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2: Đoán xem các nhân vật trong tranh có tên thân mật là gì.	- HS trao đổi nhóm 2, dự đoán tên nhân vật dựa vào hình dáng, trang phục, hoạt động.
- GV mời 2 - 3 nhóm nêu dự đoán và giải thích ngắn gọn.	- HS trình bày: Bạn đang vẽ là Màu Nước; bạn nhỏ như bông hoa có thể là Hoa Nhỏ; bạn mặc váy trắng là Bông Tuyết; bạn còn lại là Mắt Xanh.
- GV nhận xét và dẫn dắt: Mỗi cái tên đều gợi	- HS lắng nghe.

ra một nét riêng đáng yêu. Bài đọc hôm nay giúp các em hiểu vì sao mỗi người cần được nhìn nhận bằng sự chân thành.	
- GV ghi tên bài lên bảng.	- HS ghi tên bài vào vở.
B. KHÁM PHÁ <i>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng từ khó, câu dài; biết đọc diễn cảm lời nhân vật trong câu chuyện.</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài; chú ý giọng kể nhẹ nhàng, lời Hoa Nhỏ hồn nhiên, lời Màu Nước chân thành.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài, cả lớp theo dõi.
- GV hướng dẫn chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “rất giống người thật”; đoạn 2 tiếp đến “kéo dài lông mi ra”; đoạn 3 tiếp đến “Hoa Nhỏ rất thích”; đoạn 4 là phần còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: chân dung, Bông Tuyết, Mắt Xanh, Màu Nước, nài nỉ, cặp mắt, giải thích.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.
- GV hướng dẫn đọc câu dài: “Màu Nước vẽ chân dung rất đẹp, nhưng các cô bé vẫn muốn được vẽ theo ý mình.”	- HS luyện đọc câu dài, ngắt nghỉ phù hợp.
- GV cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 4.	- HS luyện đọc nhóm 4, góp ý cách đọc cho bạn.
- GV mời 2 nhóm đọc nối tiếp trước lớp.	- 2 nhóm đọc trước lớp.
- GV nhận xét, sửa phát âm, nhắc HS đọc rõ lời nhân vật.	- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm.
C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi - Mục tiêu: HS hiểu nội dung câu chuyện và trả lời được các câu hỏi SGK; Mục tiêu tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết nhận xét bạn bằng lời tích cực, tôn trọng vẻ riêng của mỗi người.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc thầm bài, làm việc nhóm 2 để trả lời câu hỏi.	- HS đọc thầm bài, trao đổi nhóm 2.
- Câu 1: Tìm câu văn nêu nhận xét về hai bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh.	- HS trả lời: Hai bức chân dung thực sự là hai tác phẩm nghệ thuật, bởi người trong tranh được vẽ rất đẹp và rất giống người thật.
- Câu 2: Cách vẽ chân dung Hoa Nhỏ có gì khác với cách vẽ chân dung Bông Tuyết và Mắt Xanh?	- HS trả lời: Hoa Nhỏ đề nghị Màu Nước vẽ thêm mắt to, lông mi dài, miệng nhỏ; nhưng cuối cùng bức chân dung chỉ hao hao giống cô bé thôi, Hoa Nhỏ vẫn rất thích.

<p>- Câu 3: Đóng vai Màu Nước, thuyết phục các cô bé đồng ý để cậu vẽ chân dung giống người thật.</p>	<p>- HS đóng vai: “Mỗi bạn đều có vẻ đẹp riêng. Nếu vẽ đúng vẻ riêng ấy thì bức chân dung mới chân thật và có hồn.”</p>
<p>- Câu 4: Điều gì khiến các cô bé nhận ra Màu Nước nói đúng?</p>	<p>- HS trả lời: Khi đặt các bức chân dung cạnh nhau, các cô bé nhận ra bức nào cũng nửa nả nhau nếu chỉ vẽ theo một kiểu; vẻ đẹp phải được thể hiện đúng với đặc điểm riêng.</p>
<p>- Câu 5: Tóm tắt mỗi sự việc trong câu chuyện Những bức chân dung bằng 1 - 3 câu.</p>  <p>bức chân dung đẹp phải là bức chân dung thể hiện được vẻ riêng đó. (Theo bà cô-lại Nô-sép)</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm câu văn nêu nhận xét về hai bức chân dung của Bông Tuyết và Mắt Xanh. 2. Cách vẽ chân dung Hoa Nhỏ có gì khác với cách vẽ chân dung Bông Tuyết và Mắt Xanh? 3. Đóng vai Màu Nước, thuyết phục các cô bé đồng ý để cậu vẽ chân dung giống người thật. 4. Điều gì khiến các cô bé nhận ra Màu Nước nói đúng? 	<p>- HS nêu: 1) Màu Nước vẽ chân dung Bông Tuyết và Mắt Xanh rất đẹp. 2) Màu Nước vẽ chân dung cho Hoa Nhỏ và các cô bé khác. 3) Các cô bé ngắm tranh khi đặt cạnh nhau và hiểu lời Màu Nước.</p>
<p>- Khi nhận xét về bạn, em nên nói thế nào để bạn cảm thấy được tôn trọng?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần nhận xét nhẹ nhàng, không chê bai ngoại hình, nêu điểm tốt trước rồi góp ý sau.</p>
<p>- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Trong cuộc sống, mỗi người có ngoại hình, tính cách, sở thích và khả năng riêng. Có bạn vẽ đẹp, có bạn hát hay, có bạn học Toán nhanh, có bạn rất biết giúp đỡ người khác. Khi nhìn bạn, chúng ta không nên chỉ chú ý vào điểm chưa giống mình hoặc chưa đúng ý mình rồi chê bai. Người có lối sống đẹp là người biết nhìn ra điểm tốt, biết góp ý nhẹ nhàng và chân thành. Ở lớp, các em cần nói lời nhận xét lịch sự như: “Mình thích cách bạn trình bày rõ ràng”, “Bạn có nét riêng rất đáng yêu”, “Mình góp ý để bài của bạn tốt hơn”. Đó là cách xây dựng tình bạn, xây dựng tập thể lớp đoàn kết và nhân ái.</p>	<p>- HS nêu việc làm: Lắng nghe bạn, không trêu chọc tên gọi hoặc ngoại hình của bạn, khen điểm tốt của bạn, góp ý bằng lời lịch sự.</p>
<p>- GV chốt nội dung: Mỗi người đều có vẻ đẹp riêng. Biết nhìn nhận chân thành và tôn trọng vẻ riêng của người khác giúp chúng ta sống nhân ái hơn.</p>	<p>- HS nhắc lại nội dung bài.</p>
<p>D. VẬN DỤNG * Mục tiêu: HS biết vận dụng bài học để nhận xét tích cực về một người bạn hoặc người thân.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS viết nhanh 1 câu nhận xét tích cực về một bạn trong lớp.</p>	<p>- HS viết câu: “Bạn Minh nói năng nhẹ nhàng và luôn giúp bạn trong nhóm.”</p>

- GV mời vài HS đọc câu của mình; nhắc HS dùng lời chân thành, lịch sự.	- HS đọc câu, bạn khác lắng nghe và nhận xét.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 7: NHỮNG BỨC CHÂN DUNG****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: QUY TẮC VIẾT TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được cách viết hoa tên cơ quan, tổ chức qua các ví dụ trong SGK.
- Phân biệt được tên cơ quan, tổ chức với tên người; biết tách tên cơ quan, tổ chức thành các bộ phận theo mẫu.
- Thực hành viết đúng một số tên cơ quan, tổ chức quen thuộc ở trường học, địa phương.
- Biết vận dụng quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức khi nói, viết và trình bày báo cáo.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

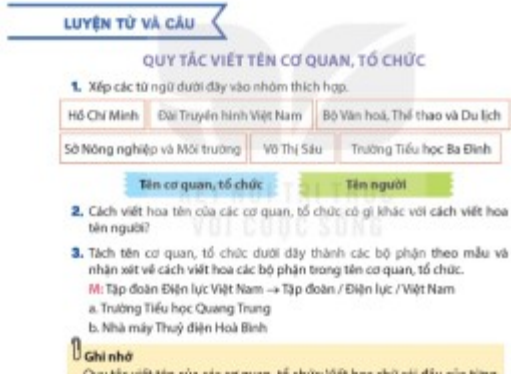
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết tìm kiếm, đối chiếu tên cơ quan, tổ chức trên nguồn chính thống hoặc nguồn do GV giới thiệu; không chép thông tin chưa kiểm chứng.
- Tích hợp AI (4.A1.2): HS quan sát cách GV dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý kiểm tra tên cơ quan, tổ chức, nhưng phải đối chiếu lại với nguồn chính thống và quy tắc viết hoa trong SGK.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Củng cố kiến thức về danh từ riêng; tạo tình huống dẫn vào quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: HS nêu tên 2 người, 2 địa danh và 1 tên trường học mà em biết.	- HS tham gia trò chơi: Nguyễn Trãi, Trần Thị Lý, Hà Nội, Cần Thơ, Trường Tiểu học Ba Đình.
- GV ghi nhanh một số từ HS nêu lên bảng.	- HS quan sát các từ trên bảng.
- GV hỏi: Trong các tên vừa nêu, tên nào là	- HS phân loại theo hiểu biết ban đầu.

tên người, tên nào là tên cơ quan, tổ chức?	
- GV dẫn dắt: Tên người, tên địa danh và tên cơ quan, tổ chức đều cần viết hoa đúng. Hôm nay chúng ta học quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
B. KHÁM PHÁ <i>Hoạt động 1: Xếp từ ngữ vào nhóm thích hợp - Mục tiêu: HS nhận diện tên cơ quan, tổ chức và tên người trong các ví dụ SGK.</i>	
- GV mời HS đọc yêu cầu Bài tập 1: Xếp các từ ngữ dưới đây vào nhóm thích hợp. 	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, xếp các từ vào nhóm “Tên cơ quan, tổ chức” và “Tên người”.	- HS làm việc nhóm 2: Tên cơ quan, tổ chức: Hội Chữ Minh, Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trường Tiểu học Ba Đình; Tên người: Võ Thị Sáu.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, chốt kết quả và hỏi: Các chữ cái đầu trong tên cơ quan, tổ chức được viết như thế nào?	- HS trả lời: Chữ cái đầu của mỗi bộ phận trong tên cơ quan, tổ chức được viết hoa.
C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Tìm hiểu quy tắc viết tên cơ quan, tổ chức - Mục tiêu: HS rút ra được quy tắc viết hoa; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết đối chiếu tên cơ quan, tổ chức trên nguồn tin cậy.</i>	
- GV mời HS đọc Bài tập 2: Cách viết hoa tên của các cơ quan, tổ chức có gì khác với cách viết hoa tên người?	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 4, đối chiếu các ví dụ ở bài 1.	- HS trao đổi nhóm 4, nêu nhận xét: Tên người thường viết hoa chữ cái đầu của họ, tên đệm, tên; tên cơ quan, tổ chức viết hoa chữ cái đầu của từng bộ phận tạo thành tên.
- GV chốt ghi nhớ: Quy tắc viết tên của cơ quan, tổ chức: Viết hoa chữ cái đầu của từng	- 2 - 3 HS đọc lại ghi nhớ.

bộ phận tạo thành tên.	
- Khi cần viết đúng tên một cơ quan, tổ chức ở địa phương, em nên kiểm tra thông tin ở đâu?	- HS trả lời: Em nên xem thông báo của trường, trang web chính thức, văn bản của cơ quan hoặc hỏi thầy cô, người lớn.
- Tích hợp NLS: GV diễn giải: Khi sử dụng internet để tìm tên một cơ quan, tổ chức, các em không nên chỉ nhìn một kết quả bất kì rồi chép ngay. Cần ưu tiên nguồn chính thống như cổng thông tin của cơ quan, trang web của trường, văn bản thông báo của nhà trường hoặc tài liệu do GV cung cấp. Sau khi tìm được tên, các em đối chiếu với quy tắc đã học: tên gồm những bộ phận nào, chữ cái đầu của từng bộ phận đã viết hoa chưa. Làm như vậy giúp các em viết đúng, tránh lan truyền thông tin sai và rèn thói quen sử dụng thông tin số an toàn, có trách nhiệm.	- HS nêu cách làm: Chọn nguồn đáng tin cậy, đọc kĩ tên, đối chiếu quy tắc viết hoa rồi mới ghi vào vở.
D. THỰC HÀNH <i>Hoạt động 3: Tách và viết tên cơ quan, tổ chức - Mục tiêu: HS vận dụng quy tắc để tách, nhận xét và viết tên cơ quan, tổ chức; Mục tiêu tích hợp AI: HS biết AI chỉ là công cụ gợi ý, cần tự kiểm chứng theo SGK và nguồn chính thống.</i>	
- GV mời HS đọc Bài tập 3: Tách tên cơ quan, tổ chức dưới đây thành các bộ phận theo mẫu và nhận xét về cách viết hoa các bộ phận trong tên cơ quan, tổ chức.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV hướng dẫn mẫu: Tập đoàn Điện lực Việt Nam -> Tập đoàn / Điện lực / Việt Nam.	- HS quan sát mẫu.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2 với các tên: Trường Tiểu học Quang Trung; Nhà máy Thủy điện Hoà Bình.	- HS làm nhóm 2: Trường / Tiểu học / Quang Trung; Nhà máy / Thủy điện / Hoà Bình.
- GV mời HS đọc Bài tập 4: Thực hành viết tên cơ quan, tổ chức.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4.
- GV yêu cầu HS viết: Tên trường học của em; Tên một cơ quan, tổ chức ở địa phương em.	- HS viết vào vở: Trường Tiểu học ...; Ủy ban nhân dân phường ...; Trạm Y tế phường ...
- GV quan sát, hỗ trợ HS viết đúng chữ hoa.	- HS tự kiểm tra và sửa lỗi viết hoa.
- Nếu dùng ChatGPT hoặc Gemini để kiểm tra một tên cơ quan, tổ chức, em cần làm gì để tránh viết sai?	- HS trả lời: Em không chép ngay, phải kiểm tra lại với SGK, văn bản của trường hoặc hỏi GV.
- Tích hợp AI: GV diễn giải: AI như ChatGPT	- HS nêu nguyên tắc: AI chỉ hỗ trợ; em phải kiểm

hoặc Gemini có thể hỗ trợ gợi ý cách tách tên cơ quan, tổ chức, nhắc em kiểm tra chữ viết hoa. Tuy nhiên, AI có thể trả lời chưa đúng với tên chính thức, nhất là khi địa danh hoặc tên cơ quan đã thay đổi. Vì vậy, các em chỉ sử dụng AI dưới sự hướng dẫn của GV, không nhập thông tin cá nhân, không chép máy móc. Sau khi có gợi ý, các em phải đối chiếu với SGK, văn bản của nhà trường hoặc nguồn chính thống. Người học mới là người quyết định cách viết cuối cùng.

chúng, chọn lọc và tự sửa cho đúng quy tắc.

E. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS vận dụng quy tắc viết hoa vào thực tế ở trường và địa phương.*

- GV giao nhiệm vụ: Về nhà hỏi người thân tên đầy đủ của một cơ quan, tổ chức ở địa phương và viết lại đúng quy tắc vào vở.

- HS ghi nhiệm vụ về nhà.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết: Lập dàn ý cho báo cáo thảo luận nhóm.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 7: NHỮNG BỨC CHÂN DUNG****TIẾT 3: VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết xác định yêu cầu của đề bài viết báo cáo thảo luận nhóm.
- Biết thảo luận để xác định nội dung, cách thức thực hiện, phân công nhiệm vụ và lập dàn ý báo cáo theo mẫu.
- Biết góp ý, chỉnh sửa dàn ý để báo cáo có đủ phần đầu, phần chính, phần cuối.
- Bước đầu biết trình bày kết quả thảo luận rõ ràng, có trật tự, phù hợp mục đích báo cáo.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.2): HS quan sát cách GV dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý khung dàn ý báo cáo thảo luận nhóm; biết đối chiếu với mẫu SGK, chọn lọc và chỉnh sửa, không sao chép máy móc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

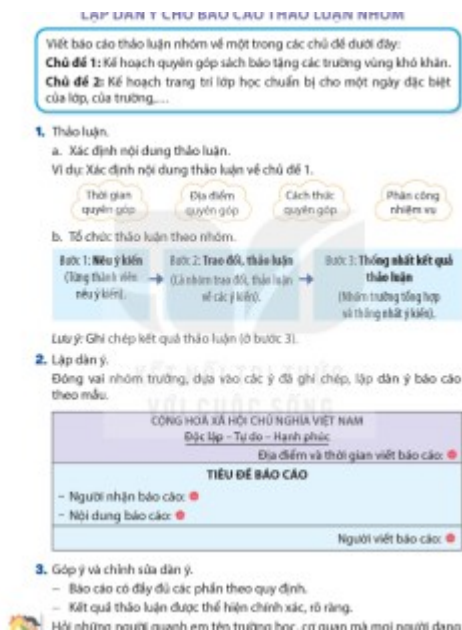
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về báo cáo thảo luận nhóm, tạo tâm thế vào bài viết.</i>	
- GV hỏi: Một báo cáo thảo luận nhóm thường dùng để làm gì?	- HS trả lời: Báo cáo thảo luận nhóm dùng để trình bày kết quả thảo luận của nhóm về một nội dung.
- GV mời HS nhắc lại các phần cơ bản của một báo cáo đã học ở tuần trước.	- HS nêu: Phần đầu, phần chính, phần cuối.
- GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: Hôm nay các em sẽ lập dàn ý cho báo cáo thảo luận nhóm.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.

B. KHÁM PHÁ - LUYỆN TẬP

Hoạt động 1: Xác định yêu cầu đề bài - Mục tiêu: HS hiểu đề bài, chọn chủ đề và xác định nội dung cần thảo luận.

- GV chiếu đề bài trong SGK: Viết báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề dưới đây.



- HS quan sát đề bài.

- GV mời HS đọc hai chủ đề: Kế hoạch quyên góp sách báo tặng các trường vùng khó khăn; Kế hoạch trang trí lớp học chuẩn bị cho một ngày đặc biệt của lớp, của trường.

- 2 HS đọc hai chủ đề trước lớp.

- GV yêu cầu HS chọn 1 chủ đề phù hợp với nhóm.

- HS chọn chủ đề theo nhóm và nêu lí do chọn.

- GV hướng dẫn HS xác định nội dung thảo luận: thời gian, địa điểm, cách thức, phân công nhiệm vụ.

- HS xác định các ý cần thảo luận.

- GV phát phiếu thảo luận, yêu cầu nhóm trưởng điều hành nhóm ghi ý kiến.

- Nhóm trưởng điều hành, thư kí ghi kết quả thảo luận.

C. THỰC HÀNH

Hoạt động 2: Lập dàn ý báo cáo - Mục tiêu: HS lập được dàn ý theo mẫu; Mục tiêu tích hợp AI: HS biết sử dụng gợi ý AI dưới sự hướng dẫn của GV để kiểm tra cấu trúc, không sao chép máy móc.

- GV hướng dẫn HS dựa vào mẫu trong SGK để lập dàn ý: Quốc hiệu và tiêu ngữ; địa điểm và thời gian; tiêu đề báo cáo; người nhận; nội dung báo cáo; người viết báo cáo.

- HS quan sát mẫu, xác định các mục cần có.

- GV yêu cầu các nhóm lập dàn ý vào phiếu hoặc vở.

- HS lập dàn ý theo kết quả thảo luận của nhóm.

- GV quan sát, hỗ trợ nhóm còn lúng túng.	- HS hỏi GV khi chưa rõ cách ghi mục.
- Khi sử dụng AI để gợi ý dàn ý báo cáo, em cần kiểm tra lại những điểm nào?	- HS trả lời: Cần kiểm tra đúng mẫu SGK, đúng chủ đề, đủ phần, thông tin chính xác, phù hợp với nhóm.
- Tích hợp AI: GV diễn giải: ChatGPT hoặc Gemini có thể gợi ý rất nhanh một khung dàn ý, ví dụ phần tiêu đề, người nhận, nội dung chính và phân công nhiệm vụ. Tuy nhiên, bài viết của học sinh phải dựa trên kết quả thảo luận thật của nhóm, đúng mẫu SGK và đúng tình hình lớp mình. Vì vậy, sau khi xem gợi ý của AI, các em cần tự hỏi: Nội dung này có đúng chủ đề của nhóm không? Có đủ các phần của báo cáo không? Có thông tin nào chưa chính xác hoặc không phù hợp với lớp mình không? Các em chỉ chọn phần gợi ý phù hợp, dùng lời văn của mình để chỉnh sửa. Không sao chép nguyên văn vì báo cáo phải phản ánh ý kiến thật của nhóm.	- HS nêu cách thực hiện: Chỉ dùng AI để tham khảo, sau đó nhóm tự chỉnh sửa theo kết quả thảo luận.
- GV mời 2 nhóm trình bày dàn ý.	- Đại diện nhóm trình bày dàn ý.
- GV cùng cả lớp nhận xét: dàn ý có đủ phần chưa, nội dung có rõ chưa, phân công nhiệm vụ có cụ thể chưa.	- HS nhận xét, góp ý cho nhóm bạn.
- GV yêu cầu các nhóm chỉnh sửa dàn ý.	- HS chỉnh sửa dàn ý theo góp ý.
D. VẬN DỤNG * Mục tiêu: HS vận dụng kỹ năng lập dàn ý vào một tình huống học tập hoặc sinh hoạt lớp.	
- GV giao nhiệm vụ: Trao đổi với người thân về tên trường học, cơ quan mà mọi người đang học tập, công tác; ghi lại tên đúng quy tắc viết hoa.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài Đò ngang.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 8: ĐÒ NGANG****TIẾT 1 - 2: ĐỌC: ĐÒ NGANG***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Đò ngang; biết đọc lời nhân vật phù hợp với tâm trạng.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa đò ngang và thuyền mảnh; hiểu suy nghĩ, cảm xúc của đò ngang qua lời kể và đối thoại.
- Hiểu nội dung bài: Mỗi người, mỗi việc đều có giá trị riêng; người chăm chỉ làm tốt công việc của mình sẽ được tôn trọng, yêu quý.
- Biết giải thích thành ngữ trong bài và vận dụng thành ngữ để nói về con người, công việc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

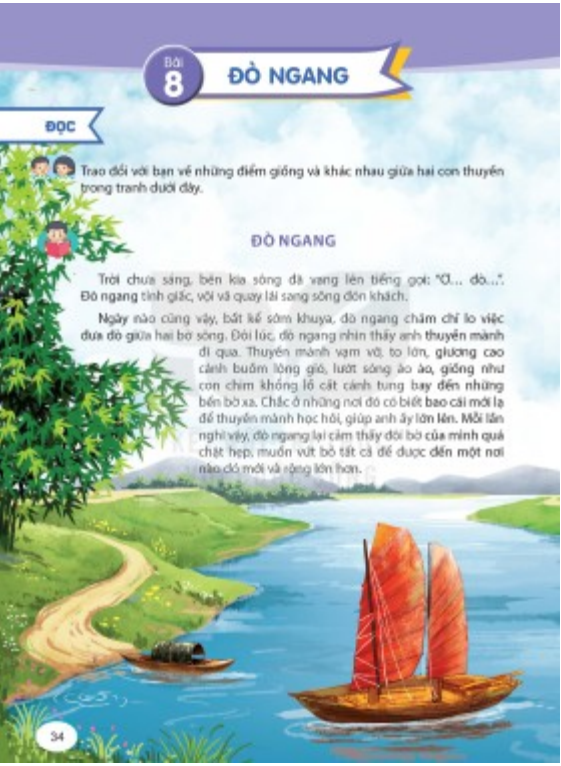
- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng lao động bình dị, hiểu mỗi công việc đều đáng quý; rèn lối sống chăm chỉ, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao.
- Tích hợp ATGT: HS nhận biết một số nguy cơ khi đi đò, đi thuyền; biết mặc áo phao, ngồi ngay ngắn, nghe hướng dẫn của người lớn khi tham gia giao thông đường thủy.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: HS trao đổi được điểm giống và khác nhau giữa hai con thuyền trong tranh, tạo hứng thú vào bài đọc.</i>	
- GV chiếu tranh minh họa bài Đò ngang.	- HS quan sát tranh.

 <p>BÀI 8 ĐÒ NGANG</p> <p>ĐỌC</p> <p>Trao đổi với bạn về những điểm giống và khác nhau giữa hai con thuyền trong tranh dưới đây.</p> <p>ĐÒ NGANG</p> <p>Trời chưa sáng, bên kia sông đã vang lên tiếng gọi: “Ồ... đồ...”. Đò ngang tỉnh giấc, vội vã quay lại sông đón khách.</p> <p>Ngày nào cũng vậy, bất kể sớm khuya, đò ngang chầm chỉ lo việc đưa đò giữa hai bờ sông. Đôi lúc, đò ngang nhìn thấy ảnh thuyền mảnh đi qua. Thuyền mảnh vạm vó, to lớn, giường cao cánh buồm lồng gió, lướt sóng ào ào, giống như con chim khổng lồ cắt cánh tung bay đến những bến bờ xa. Chắc ở những nơi đó có biết bao cái mới lạ để thuyền mảnh học hỏi, giúp anh ấy lớn lên. Mỗi lần nghĩ vậy, đò ngang lại cảm thấy đôi bờ của mình quá chật hẹp, muốn vút bỏ tất cả để được đến một nơi nào đó mới và rộng lớn hơn.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2: Nêu những điểm giống và khác nhau giữa hai con thuyền trong tranh. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trao đổi: Giống nhau đều là thuyền đi trên sông; khác nhau là đò ngang nhỏ, đơn giản, còn thuyền mảnh có cánh buồm, đi xa hơn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV mời 2 - 3 nhóm chia sẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đại diện nhóm chia sẻ, nhóm khác bổ sung.
<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn dắt: Câu chuyện hôm nay kể về đò ngang và thuyền mảnh. Qua cuộc trò chuyện của hai nhân vật, chúng ta sẽ hiểu giá trị riêng của mỗi công việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi tên bài.
<p>B. KHÁM PHÁ</p> <p><i>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản Đò ngang, biết đọc lời đò ngang và thuyền mảnh với giọng phù hợp.</i></p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài; giọng kể chậm rãi, lời đò ngang bản khoăn, lời thuyền mảnh thân tình. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, theo dõi SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 1 HS đọc toàn bài. 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc toàn bài.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “một nơi nào đó mới và rộng lớn hơn”; đoạn 2 tiếp đến “mỗi người một vẻ”; đoạn 3 là phần còn lại. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đánh dấu đoạn trong SGK.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: đò ngang, thuyền mảnh, bên bờ, băng khuâng, trăm khách, ra reo mừng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS luyện đọc từ khó.

- GV hướng dẫn giải nghĩa từ “đăm chiêu”: có vẻ đang phải băn khoăn, suy nghĩ.	- HS nêu lại nghĩa từ “đăm chiêu”.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: “Thực ra ở bất cứ đâu cũng có những điều để chúng ta học hỏi.”	- HS luyện đọc câu dài, ngắt nghỉ đúng.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3.	- HS luyện đọc theo nhóm 3.
- GV mời 2 nhóm đọc trước lớp.	- 2 nhóm đọc trước lớp.
- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm và nhắc HS đọc đúng lời nhân vật.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Tìm hiểu bài - Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi SGK và hiểu ý nghĩa câu chuyện; Mục tiêu tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng mọi công việc, chăm chỉ làm tốt nhiệm vụ của mình.

- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1, 2 và trả lời câu hỏi.	- HS đọc thầm và chuẩn bị câu trả lời.
- Câu 1: Thuyền mảnh hiện ra như thế nào trong cảm nhận của đồ ngang?	- HS trả lời: Thuyền mảnh hiện ra thật đẹp, mạnh mẽ, cánh buồm lồng gió, đi được nhiều nơi xa, gặp nhiều điều mới lạ.
- Câu 2: Đồ ngang nhận ra mình khác thuyền mảnh như thế nào?	- HS trả lời: Đồ ngang không đi xa, chỉ chở khách qua lại giữa hai bờ sông, làm công việc giản dị hằng ngày.
- Câu 3: Theo em, thuyền mảnh muốn nói gì với đồ ngang qua câu: “Ở bất cứ đâu cũng có những điều để chúng ta học hỏi.”?	- HS trả lời: Thuyền mảnh muốn nói mỗi nơi, mỗi công việc đều có điều đáng quý, không phải chỉ đi xa mới có giá trị.
- Câu 4: Thuyền mảnh giúp đồ ngang nhận ra giá trị của mình như thế nào?	- HS trả lời: Thuyền mảnh giúp đồ ngang hiểu rằng đồ ngang chở khách qua sông mỗi ngày, được mọi người quý mến vì làm công việc có ích.
- Câu 5: Theo em, câu chuyện muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.	- HS chọn C: Người chăm chỉ làm tốt công việc của mình sẽ được tôn trọng và yêu quý.

<p>Thuyền mảnh nghĩ ngợi nói:</p> <p>– Thực ra ở bất cứ đâu cũng có những điều để chúng ta học hỏi. Như ở ngay bên sông này, anh được gặp rất nhiều thuyền từ khắp nơi đổ về. Và mỗi ngày anh đều đón hàng trăm khách mới, mỗi người một vẻ.</p> <p>Thấy đò ngang dầm chiều, thuyền mảnh nói với giọng thân mật:</p> <p>– Quan trọng nhất là đò ngang được mọi người quý mến vì làm công việc nổi lại đời đời. Mỗi khi đò ngang cập bến, mọi người đều ủa ra reo mừng. Quí thật, tôi cũng muốn được như vậy.</p> <p>Bên kia sông chợt vang lên tiếng: “Ồ... ồ...”. Đò ngang chào thuyền mảnh rồi vội vã sang sông đón khách.</p> <p>(Theo VB Quàng)</p> <p>Từ ngữ</p> <p>Đám chèo: có vẻ đang phải băn khoăn, suy nghĩ.</p> <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thuyền mảnh hiện ra như thế nào trong cảm nhận của đò ngang? 2. Đò ngang nhận ra mình khác thuyền mảnh như thế nào? 3. Theo em, thuyền mảnh muốn nói gì với đò ngang qua câu: “Ồ bất cứ đâu cũng có những điều để chúng ta học hỏi?” 4. Thuyền mảnh giúp đò ngang nhận ra giá trị của mình như thế nào? 5. Theo em, câu chuyện muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em. <p>A. Ở đâu cũng có những điều mới lạ cho chúng ta học hỏi.</p> <p>B. Mỗi người một việc, việc nào cũng đáng quý.</p> <p>C. Người chăm chỉ làm tốt công việc của mình sẽ được tôn trọng và yêu quý.</p>	
<p>- Trong lớp mình, những công việc nhỏ nào cũng cần được trân trọng?</p>	<p>- HS trả lời: Trục nhật, xếp bàn ghế, giữ trật tự, giúp bạn, chăm sóc cây lớp học đều đáng trân trọng.</p>
<p>- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Câu chuyện nhắc chúng ta rằng không có công việc nào là tầm thường nếu công việc ấy có ích và được làm bằng trách nhiệm. Bạn trực nhật lau bảng sạch, bạn xếp bàn ghế ngay ngắn, bạn nhặt rác trong sân trường, cô lao công quét lớp, bác bảo vệ giữ cổng trường an toàn - tất cả đều góp phần làm cuộc sống tốt đẹp hơn. Người có lối sống đẹp không chỉ mơ làm việc lớn mà còn biết làm tốt việc nhỏ mỗi ngày. Với học sinh, chăm chỉ học tập, hoàn thành nhiệm vụ, giúp bạn, giữ vệ sinh lớp học cũng là cách rèn ý thức trách nhiệm và sống có ích.</p>	<p>- HS nêu việc làm: Em sẽ làm tốt nhiệm vụ trực nhật, không xem thường công việc của bạn, cảm ơn người đã giúp lớp sạch đẹp.</p>
<p>- GV chốt nội dung bài: Mỗi người, mỗi việc đều đáng quý. Người chăm chỉ làm tốt công việc của mình sẽ được tôn trọng và yêu quý.</p>	<p>- HS nhắc lại nội dung bài.</p>
<p>D. LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN</p> <p><i>Hoạt động 3: Luyện tập thành ngữ - Mục tiêu: HS hiểu nghĩa một số thành ngữ và biết dùng thành ngữ phù hợp trong câu.</i></p>	
<p>- GV mời HS đọc Bài tập 1: Tìm cách giải thích ở cột B phù hợp với thành ngữ ở cột A.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.</p>

 <p>1. Tìm cách giải thích ở cột B phù hợp với thành ngữ ở cột A.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>A</th> <th>B</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Mỗi người một vẻ</td> <td>Mạnh dạn, táo bạo, có nhiều sáng kiến và sẵn sàng thực hiện sáng kiến</td> </tr> <tr> <td>Dám nghĩ dám làm</td> <td>Sức lực dồi dào của người đã trưởng thành, có thể gánh vác công việc nặng nhọc</td> </tr> <tr> <td>Miệng nói tay làm</td> <td>Đa dạng, phong phú với những phong cách, dáng vẻ riêng</td> </tr> <tr> <td>Sức dài vai rộng</td> <td>Nhanh nhẹn, chăm chỉ trong công việc</td> </tr> </tbody> </table>	A	B	Mỗi người một vẻ	Mạnh dạn, táo bạo, có nhiều sáng kiến và sẵn sàng thực hiện sáng kiến	Dám nghĩ dám làm	Sức lực dồi dào của người đã trưởng thành, có thể gánh vác công việc nặng nhọc	Miệng nói tay làm	Đa dạng, phong phú với những phong cách, dáng vẻ riêng	Sức dài vai rộng	Nhanh nhẹn, chăm chỉ trong công việc	
A	B										
Mỗi người một vẻ	Mạnh dạn, táo bạo, có nhiều sáng kiến và sẵn sàng thực hiện sáng kiến										
Dám nghĩ dám làm	Sức lực dồi dào của người đã trưởng thành, có thể gánh vác công việc nặng nhọc										
Miệng nói tay làm	Đa dạng, phong phú với những phong cách, dáng vẻ riêng										
Sức dài vai rộng	Nhanh nhẹn, chăm chỉ trong công việc										
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, nối thành ngữ với nghĩa phù hợp.</p>	<p>- HS làm nhóm 4: Mỗi người một vẻ - Đa dạng, phong phú với những phong cách, dáng vẻ riêng; Dám nghĩ dám làm - Mạnh dạn, táo bạo, có nhiều sáng kiến; Miệng nói tay làm - Nhanh nhẹn, chăm chỉ trong công việc; Sức dài vai rộng - Sức lực dồi dào của người đã trưởng thành.</p>										
<p>- GV mời HS đọc Bài tập 2: Thành ngữ nào ở trên có thể thay cho bông hoa trong mỗi câu sau?</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p>										
<p>- GV yêu cầu HS làm bài cá nhân rồi trao đổi cặp đôi.</p>	<p>- HS làm bài cá nhân, đổi vở kiểm tra.</p>										
<p>- GV chốt đáp án: a) dám nghĩ dám làm; b) mỗi người một vẻ; c) miệng nói tay làm.</p>	<p>- HS chữa bài vào vở.</p>										
<p>E. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS vận dụng nội dung bài học để liên hệ công việc hằng ngày và an toàn khi đi thuyền, đi đò.</i></p>											
<p>- Khi đi đò hoặc đi thuyền, em cần làm gì để bảo đảm an toàn cho bản thân?</p>	<p>- HS trả lời: Em mặc áo phao, ngồi ngay ngắn, không đùa nghịch, nghe lời người lớn.</p>										
<p>- Tích hợp ATGT: GV nhắc HS: Khi tham gia giao thông đường thủy, các em cần mặc áo phao, ngồi đúng vị trí, không đùa nghịch, không nghiêng người ra mép thuyền, không tự ý lên xuống khi chưa có hướng dẫn. Nếu đi cùng người lớn, các em phải nghe theo sự chỉ dẫn để chuyển đi an toàn.</p>	<p>- HS nhắc lại một việc cần làm để bảo đảm an toàn.</p>										
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài và chuẩn bị tiết Viết báo cáo thảo luận nhóm.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>										

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 8: ĐÒ NGANG****TIẾT 3: VIẾT: VIẾT BÁO CÁO THẢO LUẬN NHÓM***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được báo cáo thảo luận nhóm dựa vào dàn ý đã lập ở bài 7.
- Biết trình bày báo cáo có đủ phần đầu, phần chính, phần cuối; các ý rõ ràng, đúng nội dung thảo luận.
- Biết đọc soát, phát hiện lỗi về cấu trúc báo cáo, nội dung, cách dùng từ, viết câu và chính tả.
- Biết chỉnh sửa báo cáo theo nhận xét của thầy cô và bạn bè.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.2): HS quan sát gợi ý rà soát cấu trúc báo cáo do GV tạo bằng ChatGPT/Gemini; biết tự kiểm tra, chỉnh sửa và không sao chép máy móc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Gợi nhớ dàn ý đã lập, tạo tâm thế viết báo cáo.</i>	
- GV yêu cầu HS lấy dàn ý báo cáo đã lập ở bài 7.	- HS lấy dàn ý đã chuẩn bị.
- GV hỏi: Khi viết báo cáo thảo luận nhóm, chúng ta cần dựa vào những ý nào?	- HS trả lời: Cần dựa vào chủ đề, thời gian, địa điểm, cách thực hiện, phân công nhiệm vụ, người nhận báo cáo.
- GV dẫn dắt vào bài viết báo cáo.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
B. THỰC HÀNH VIẾT	

Hoạt động 1: Viết báo cáo theo dàn ý - Mục tiêu: HS viết được báo cáo thảo luận nhóm theo yêu cầu đề bài.

<p>- GV chiếu đề bài: Viết báo cáo thảo luận nhóm về một trong các chủ đề đã chọn.</p> 	<p>- HS đọc lại đề bài và quan sát mẫu.</p>
<p>- GV nhắc HS dùng dấu gạch ngang đánh dấu mỗi kết quả thảo luận trong phần nội dung báo cáo.</p>	<p>- HS ghi nhớ cách trình bày.</p>
<p>- GV yêu cầu HS viết báo cáo dựa vào dàn ý nhóm đã lập.</p>	<p>- HS viết báo cáo vào vở.</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng về phần người nhận, nội dung báo cáo hoặc người viết báo cáo.</p>	<p>- HS hoàn thiện bài viết.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS đọc một phần báo cáo đã viết.</p>	<p>- 1 - 2 HS đọc bài trước lớp.</p>
<p>- GV nhận xét nhanh, nhắc HS viết câu rõ ràng, không xuống dòng tùy tiện.</p>	<p>- HS lắng nghe và điều chỉnh bài.</p>

C. ĐỌC SOÁT VÀ CHỈNH SỬA

Hoạt động 2: Đọc soát báo cáo - Mục tiêu: HS biết tự rà soát và sửa lỗi; **Mục tiêu tích hợp AI:** HS biết dùng gợi ý AI dưới sự kiểm soát của GV để kiểm tra cấu trúc, không thay thế phần tự viết.

<p>- GV hướng dẫn HS đọc soát bài viết theo các tiêu chí: cấu trúc báo cáo, nội dung báo cáo, cách dùng từ, viết câu, chính tả.</p>	<p>- HS đọc soát bài theo tiêu chí.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn trong nhóm để góp ý.</p>	<p>- HS đổi vở, góp ý cho bạn bằng bút chì hoặc lời nói lịch sự.</p>
<p>- GV mời một số HS nêu lỗi đã phát hiện và cách sửa.</p>	<p>- HS nêu ví dụ lỗi và cách sửa.</p>
<p>- Khi AI gợi ý sửa một báo cáo, em có nên sửa theo tất cả gợi ý không? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Không nên sửa theo tất cả, vì có gợi ý chưa đúng với nội dung nhóm hoặc chưa phù hợp với mẫu SGK.</p>
<p>- Tích hợp AI: GV diễn giải: AI có thể giúp kiểm tra nhanh xem bài báo cáo đã đủ phần đầu, phần chính, phần cuối chưa; câu có quá</p>	<p>- HS nêu nguyên tắc: Chỉ tham khảo, kiểm tra lại, tự viết và tự chịu trách nhiệm với bài của mình.</p>

dài không; có lỗi chính tả dễ nhận thấy không. Tuy nhiên, AI không biết đầy đủ hoạt động thật của nhóm, cũng không thể thay thế ý kiến thảo luận của các em. Vì vậy, khi xem một gợi ý từ ChatGPT hoặc Gemini do GV trình chiếu, các em cần đọc kĩ, chọn gợi ý đúng, bỏ gợi ý không phù hợp, tự sửa bằng lời văn của mình. Các em không đưa thông tin cá nhân của mình hoặc của bạn lên công cụ AI và không dùng AI để viết thay toàn bộ bài.

D. VẬN DỤNG

* *Mục tiêu: HS vận dụng kỹ năng viết báo cáo vào sinh hoạt lớp.*

- GV giao nhiệm vụ: Nhóm trưởng giữ lại báo cáo để tuần sau có thể dùng khi tổ chức hoạt động lớp.

- Nhóm trưởng thu dần ý và báo cáo của nhóm.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị Đọc mở rộng.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 8: ĐỒ NGANG
TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc được một câu chuyện có nhân vật mang điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách.
- Biết viết phiếu đọc sách theo mẫu: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, nhân vật, nội dung chính, điểm nổi bật của nhân vật, điều em học được.
- Biết trao đổi với bạn về những điều thú vị trong câu chuyện đã đọc.
- Biết tìm trong từ điển thành ngữ hoặc hỏi người thân về nghĩa của thành ngữ nói về con người.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết tôn trọng vẻ riêng của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: HS biết chọn nguồn đọc phù hợp, an toàn do GV/thư viện giới thiệu; ghi tên văn bản, tác giả và không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng.
- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết trân trọng điểm nổi bật của nhân vật và của bạn bè; biết học tập những nét tốt đẹp về tính cách, ý chí, lòng nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc sách và gợi nhớ các nhân vật có điểm nổi bật.</i>	
- GV hỏi: Em nhớ nhân vật nào có ngoại hình hoặc tính cách rất nổi bật trong truyện đã đọc?	- HS suy nghĩ.
- GV mời HS chia sẻ nhanh tên truyện hoặc tên nhân vật.	- HS chia sẻ: Dế Mèn, Tốt-tô-chan, Mít Đặc, một nhân vật trong truyện đã đọc.
- GV dẫn dắt vào tiết Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.

B. ĐỌC MỞ RỘNG

Hoạt động 1: Đọc và viết phiếu đọc sách - Mục tiêu: HS đọc câu chuyện và ghi được thông tin vào phiếu; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết chọn nguồn đọc an toàn, ghi rõ tên văn bản, tác giả.

- GV nêu yêu cầu: Đọc một câu chuyện có nhân vật mang điểm nổi bật về ngoại hình hoặc tính cách.

tủ sách của lớp, thư viện của trường.

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH	
Tên câu chuyện: ●	Tác giả: ●
Ngày đọc: ●	Nhân vật: ●
Nội dung chính: ●	Điểm nổi bật của nhân vật: ●
Điều em học được từ nhân vật: ●	
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	

3. Trao đổi với bạn những điều thú vị về câu chuyện em đã đọc.

Ghi về những điều em đã ghi trong phiếu đọc sách hoặc những điều thú vị khác.

Mình thích cô bé Tốt-tô-chan cả tính trong truyện Tộc-tô-chan, cô bé bên cửa sổ.

Bạn Biệt Tuốt trong Chuyện phiêu lưu của Mít đọc với các bạn rất thông minh.

Tìm trong từ điển thành ngữ một số thành ngữ nói về con người. Trao đổi với người thân về nghĩa của những thành ngữ đó và ghi vào sổ tay.

- HS đọc yêu cầu SGK.

- GV hướng dẫn HS chọn sách từ tủ sách lớp, thư viện trường hoặc nguồn đọc GV giới thiệu.

- HS chọn sách/câu chuyện phù hợp.

- GV yêu cầu HS viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SGK.

- HS viết phiếu đọc sách: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, nhân vật, nội dung chính, điểm nổi bật của nhân vật, điều em học được.

- Khi đọc truyện trên internet hoặc từ một bản in không rõ nguồn, em cần chú ý điều gì?

- HS trả lời: Em cần chọn nguồn an toàn, hỏi người lớn khi chưa chắc chắn, không bấm liên kết lạ, ghi rõ tên truyện và tác giả.

- Tích hợp NLS: GV diễn giải: Khi tìm truyện để đọc, các em nên ưu tiên sách ở thư viện, tủ sách lớp, sách gia đình hoặc trang đọc do GV, cha mẹ giới thiệu. Nếu đọc trên môi trường số, cần chú ý tên tác giả, nguồn đăng, nội dung có phù hợp lứa tuổi không. Không nên bấm vào các liên kết lạ, không tải tệp không rõ nguồn, không chia sẻ thông tin cá nhân để đọc truyện. Khi ghi phiếu đọc sách, các em cần ghi đúng tên câu chuyện, tác giả nếu có và trung thực với nội dung mình đã đọc.

- HS nêu cách chọn nguồn đọc: Tủ sách lớp, thư viện, sách do GV hoặc cha mẹ giới thiệu.

C. TRAO ĐỔI

Hoạt động 2: Chia sẻ nội dung đã đọc - Mục tiêu: HS biết nói rõ điều thú vị về nhân vật; Mục tiêu

<i>tích hợp đạo đức, lối sống: HS biết học tập điểm tốt của nhân vật và tôn trọng vẻ riêng của bạn bè.</i>	
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 4: Kể cho bạn nghe những điều thú vị về câu chuyện em đã đọc.	- HS trao đổi nhóm 4.
- GV gợi ý: Nhân vật có điểm nổi bật gì? Em học được điều gì từ nhân vật?	- HS nêu: Nhân vật thông minh, dũng cảm, chăm chỉ, tốt bụng hoặc có vẻ ngoài đặc biệt.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày trước lớp, bạn khác lắng nghe và đặt câu hỏi.
- Khi nghe bạn kể về một nhân vật khác với nhân vật mình thích, em nên thể hiện thái độ thế nào?	- HS trả lời: Em cần lắng nghe, tôn trọng ý kiến của bạn, có thể hỏi thêm bằng lời lịch sự.
- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV diễn giải: Mỗi nhân vật trong truyện có một nét đáng nhớ, cũng như mỗi bạn trong lớp có một thế mạnh riêng. Có bạn mạnh dạn, có bạn kiên trì, có bạn nhân hậu, có bạn rất sáng tạo. Khi nghe bạn chia sẻ, chúng ta cần lắng nghe, không chê bai sở thích đọc sách của bạn, biết học điều tốt từ nhân vật và từ bạn bè. Đó là cách rèn lối sống tôn trọng, biết học hỏi, biết hướng tới những phẩm chất đẹp như chăm chỉ, dũng cảm, nhân ái và trách nhiệm.	- HS nêu việc học được: Em học sự chăm chỉ của nhân vật, sự dũng cảm, lòng tốt hoặc cách bạn trình bày tự tin.
D. VẬN DỤNG * Mục tiêu: HS biết mở rộng vốn thành ngữ nói về con người và chia sẻ với người thân.	
- GV giao nhiệm vụ: Tìm trong từ điển thành ngữ hoặc hỏi người thân một số thành ngữ nói về con người; ghi lại nghĩa của một thành ngữ em thích.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài tuần sau.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

TUẦN 5

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Bài 9: BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRÚNG

TIẾT 1: ĐỌC: BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRÚNG

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ Bầu trời trong quả trứng; biết ngắt nhịp phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảm xúc của gà con.
- Nhận biết được sự thay đổi trong cảm nhận của gà con về bầu trời và cuộc sống bên ngoài quả trứng.
- Hiểu nội dung bài thơ: Cuộc sống có nhiều điều mới mẻ, thú vị; mỗi chặng đường trưởng thành đều mở ra những trải nghiệm riêng.
- Biết liên hệ với trải nghiệm của bản thân khi bắt đầu làm quen một điều mới.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý thiên nhiên, tôn trọng trải nghiệm và cảm xúc của bạn bè.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết quan sát tranh/video do GV cung cấp về vòng đời gà con, chọn thông tin phù hợp, không tự ý truy cập nguồn lạ và biết hỏi người lớn khi cần tìm hiểu thêm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; giới thiệu chủ điểm Trải nghiệm và khám phá; gợi mở nội dung bài đọc.</i>	
- GV chiếu tranh chủ điểm và yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát tranh chủ điểm.



- GV hỏi: Tranh chủ điểm vẽ những hoạt động nào?

- HS trả lời: Tranh vẽ các bạn cắm trại, quan sát cây cối, chụp ảnh, khám phá thiên nhiên.

- GV giới thiệu chủ điểm: Trải nghiệm và khám phá. Ở chủ điểm này, các em sẽ được đọc, viết, nói và nghe về những hoạt động quan sát, tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh; từ đó biết yêu thiên nhiên, biết chia sẻ cảm xúc khi tham gia các trải nghiệm.

- HS lắng nghe và nêu thêm một trải nghiệm mình từng tham gia.

- GV yêu cầu HS quan sát tranh bài đọc và đóng vai nói lời trò chuyện giữa các chú gà con mới nở với chú gà còn ở trong quả trứng.

- HS quan sát tranh và trao đổi nhóm 2.



- GV mời 2 cặp HS trình bày.

- HS đóng vai: “Ở ngoài kia có gì vui không?”; “Có nắng, có gió, có mẹ và các bạn.”

- GV dẫn dắt: Hôm nay chúng ta học bài thơ

- HS lắng nghe, ghi tên bài.

Bầu trời trong quả trứng để nghe gà con kể về thế giới nhỏ bé trong quả trứng và thế giới rộng lớn bên ngoài.

B. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ, hiểu nghĩa từ khó, biết đọc với giọng hồn nhiên, tò mò của gà con.

- GV đọc mẫu bài thơ, giọng nhẹ nhàng, hồn nhiên; nhấn giọng ở các từ: màu nâu, không có gió, không có nắng, lạ sao, bỗng thấy, sao mà xanh đến thế.

- HS lắng nghe và đọc thầm theo.

- GV hướng dẫn HS chia bài thơ thành 2 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “Tôi sinh ra vì sao”; đoạn 2 còn lại.

- HS đánh dấu đoạn vào SGK.

- GV mời HS đọc nối tiếp từng đoạn.

- 2 HS đọc nối tiếp đoạn, cả lớp theo dõi.

- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: chiếc chiếu, giun, sâu, đập vỡ, xao xác, xanh đến thế.

- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.

- GV hướng dẫn luyện ngắt nhịp: Tôi kể với các bạn/ Một màu trời đã lâu// Đó là một màu nâu/ Bầu trời trong quả trứng//.

- HS luyện đọc ngắt nhịp theo hướng dẫn.

- GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm 2.

- HS luyện đọc nhóm 2, thay nhau đọc từng đoạn.

- GV mời 2 nhóm đọc trước lớp.

- HS đọc trước lớp, nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm và khen HS đọc có tiến bộ.

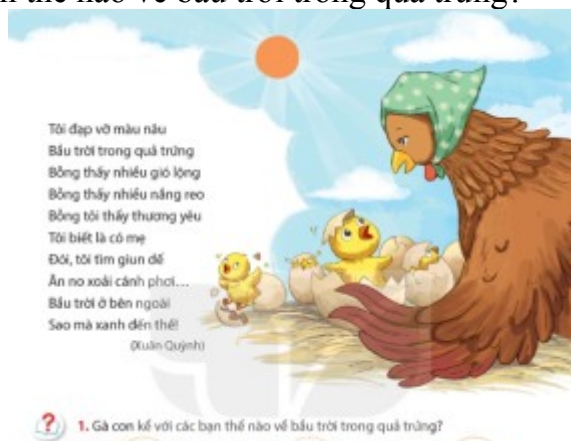
- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm.

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi - Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài thơ; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết dùng thông tin/tranh/video do GV cung cấp một cách an toàn để tìm hiểu thêm về vòng đời gà con.

- GV mời HS đọc câu hỏi 1: Gà con kể với các bạn thế nào về bầu trời trong quả trứng?

- HS đọc câu hỏi 1.



- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm câu thơ phù hợp.	- HS tìm trong bài thơ.
- GV mời HS trả lời.	- HS trả lời: Bầu trời trong quả trứng chỉ có một màu nâu, không có gió, không có nắng, không có lắm sắc màu.
- GV nêu câu hỏi 2: Gà con thấy bầu trời và cuộc sống bên ngoài có gì khác với bầu trời và cuộc sống bên trong quả trứng?	- HS đọc câu hỏi 2.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2.	- HS trao đổi: Bên ngoài có nhiều nắng, gió, sắc màu, mẹ, anh em, thức ăn và những điều mới lạ.
- GV chốt ý.	- HS lắng nghe.
- GV nêu câu hỏi 3: Theo em, gà con thích cuộc sống nào hơn? Vì sao?	- HS suy nghĩ.
- GV mời HS nêu ý kiến.	- HS trả lời: Gà con thích cuộc sống bên ngoài hơn vì có mẹ, có bạn, có thức ăn, có bầu trời xanh và nhiều điều mới.
- GV nhận xét, tôn trọng các cách lí giải hợp lí.	- HS bổ sung ý kiến cho bạn.
- GV nêu câu hỏi 5: Tác giả muốn nói điều gì qua bài thơ? Chọn câu trả lời đúng hoặc nêu ý kiến của em.	- HS đọc các phương án.
- GV gợi ý HS đối chiếu các phương án A, B, C.	- HS chọn C hoặc nêu ý kiến phù hợp.
- GV chốt: Cuộc sống có vô vàn điều bất ngờ ở phía trước.	- HS nhắc lại nội dung bài.
- Khi muốn xem thêm hình ảnh hoặc video về gà con nở ra từ quả trứng, em nên tìm hiểu bằng cách nào để an toàn?	- HS trả lời: Em xem tranh SGK, xem video cô mở hoặc hỏi người lớn trước khi tìm trên mạng.
- Tích hợp NLS: GV diễn giải: Các em có thể quan sát tranh trong SGK, video ngắn do GV mở trên lớp hoặc nguồn học tập do thầy cô, cha mẹ giới thiệu. Khi tự học ở nhà, các em không tự ý gõ tìm kiếm và bấm vào nhiều trang lạ; cần hỏi người lớn, chọn video phù hợp lứa tuổi, không bình luận hay chia sẻ thông tin cá nhân. Khi xem, các em chỉ ghi lại thông tin cần thiết như: gà con lớn lên trong trứng, mổ vỏ ra ngoài, cần được gà mẹ che chở và học cách kiếm ăn.	- HS nêu việc cần làm: Không bấm đường link lạ, không tự tải video, không chia sẻ thông tin cá nhân.

D. VẬN DỤNG

<i>* Mục tiêu: HS biết liên hệ bài thơ với trải nghiệm của bản thân khi bắt đầu một điều mới.</i>	
- GV hỏi: Em đã từng bước vào một môi trường hoặc trải nghiệm mới nào? Lúc đó em cảm thấy thế nào?	- HS trả lời: Lần đầu đi học lớp 4, lần đầu tham quan, lần đầu tham gia câu lạc bộ,... em thấy hồi hộp, tò mò, vui.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ.	- HS chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS đọc lại bài thơ và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 9: BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: ĐỘNG TỪ***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.
- Tìm được động từ phù hợp với người, vật trong tranh và trong câu tục ngữ.
- Đặt được câu có 1 - 2 động từ dựa vào tranh, nói đúng nghĩa và đúng ngữ cảnh.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý thiên nhiên, tôn trọng trải nghiệm và cảm xúc của bạn bè.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý từ ngữ như động từ, nhưng cần tự đọc ngữ cảnh, kiểm tra nghĩa và sửa lại cho đúng yêu cầu bài học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Củng cố bài đọc, tạo hứng thú nhận biết các từ chỉ hoạt động.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Làm nhanh động tác”. GV nêu các từ: chạy, bay, bơi, hát, cười, nói.	- HS lắng nghe luật chơi.
- GV mời HS thực hiện động tác hoặc mô phỏng nhanh theo từ GV nêu.	- HS thực hiện động tác: chạy tại chỗ, vẫy tay như bay, mô phỏng bơi, hát, cười, nói.
- GV dẫn dắt: Các từ vừa nêu cho biết hoạt động, trạng thái của người, vật. Hôm nay chúng ta tìm hiểu về động từ.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP	
<i>Hoạt động 1: Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp - Mục tiêu: HS nhận biết động từ qua tranh và hiểu</i>	

động từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

- GV mời HS đọc yêu cầu bài 1: Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐỘNG TỪ

1. Tìm từ chỉ hoạt động thích hợp với người và vật trong tranh.

2. Các từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây có điểm gì chung?

Trời xanh mà tôi **yêu**
 Trời xanh ấy mang theo
 Cả nỗi lo nỗi sợ:
 Tôi **lo** bão lo gió
 Tôi **sợ** cắt sẹ diều
 Thoảng bóng nó nơi nào
 Tôi nấp ngay cánh mẹ...
 (Xuân Quỳnh)

Ghi nhớ
 Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

3. Tìm động từ trong các câu tục ngữ dưới đây:
 a. Yêu trẻ, trẻ đến nhà. b. Thương người như thể thương thân.
 c. Uống nước nhớ nguồn. d. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

4. Dựa vào tranh ở bài tập 1, đặt câu có chứa 1 – 2 động từ.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- GV yêu cầu HS quan sát tranh và các chiếc lá ghi từ: chạy, bay, bơi, hót, đậu, đi, cười, vẫy, nói.

- HS quan sát tranh, đọc các từ trên lá.

- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, ghép từ với người, vật phù hợp.

- HS thảo luận nhóm 4, ghép: chim bay/hót/đậu; cá bơi; người đi/chạy/cười/nói/vẫy.

- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.

- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét.

- GV nhận xét và hỏi: Các từ vừa tìm được cho biết điều gì?

- HS trả lời: Các từ cho biết hoạt động của người, chim, cá.

- GV chốt ghi nhớ: Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

- HS đọc ghi nhớ trong SGK.

C. THỰC HÀNH

Hoạt động 2: Luyện tập về động từ - Mục tiêu: HS tìm được động từ trong ngữ liệu; Mục tiêu tích hợp AI: HS biết dùng gợi ý của AI một cách có kiểm chứng, không sao chép máy móc.

- GV mời HS đọc bài 2: Các từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây có điểm gì chung?

- HS đọc yêu cầu bài 2.

- GV hướng dẫn HS đọc các từ in đậm: yêu, mang, lo, sợ, nấp.

- HS đọc đoạn thơ và các từ in đậm.

- GV hỏi: Các từ này chỉ hoạt động hay trạng

- HS trả lời: Các từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự

thái?	vật.
- GV mời HS đọc bài 3: Tìm động từ trong các câu tục ngữ.	- HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.	- HS gạch chân động từ, trao đổi với bạn.
- GV chốt đáp án: đến, thương, nhớ, ăn.	- HS chữa bài vào vở.
- GV mời HS đọc bài 4: Dựa vào tranh ở bài tập 1, đặt câu có chứa 1 - 2 động từ.	- HS đọc yêu cầu bài 4.
- GV yêu cầu HS viết 2 câu vào vở.	- HS viết câu: Các bạn đang đi bên bờ suối. Chú chim bay trên bầu trời.
- GV mời một số HS đọc câu.	- HS đọc câu, bạn khác nhận xét động từ trong câu.
- Nếu cô dùng ChatGPT hoặc Gemini để gợi ý thêm động từ cho bức tranh, các em có nên chép nguyên kết quả không? Vì sao?	- HS trả lời: Không nên chép nguyên vì cần kiểm tra từ đó có đúng tranh, đúng nghĩa và đúng yêu cầu bài hay không.
- Tích hợp AI: GV diễn giải: AI có thể gợi ý rất nhanh các từ như “chạy, nhảy, trò chuyện, quan sát, bay, đậu”. Tuy nhiên, AI có thể đưa ra từ chưa đúng tranh hoặc chưa đúng nghĩa. Vì vậy, khi dùng gợi ý của ChatGPT/Gemini dưới sự hướng dẫn của GV, các em cần tự đọc lại tranh, hỏi: “Từ này có chỉ hoạt động hoặc trạng thái không? Có phù hợp với người, vật trong tranh không?”. Chỉ chọn từ đúng, sửa lại câu bằng lời văn của mình và không sao chép máy móc.	- HS nêu cách kiểm tra: đọc lại tranh, xác định người/vật đang làm gì, chọn động từ phù hợp.
D. VẬN DỤNG * Mục tiêu: HS vận dụng động từ vào nói, viết câu về hoạt động hằng ngày.	
- GV yêu cầu HS nói 1 câu có động từ về hoạt động sau giờ học.	- HS nói: Chiều nay em đọc sách. Em giúp mẹ tưới cây.
- GV nhận xét, dặn HS tìm thêm 5 động từ trong bài đọc Tiếng nói của cỏ cây.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 9: BẦU TRỜI TRONG QUẢ TRỨNG****TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được bố cục bài văn thuật lại một sự việc gồm mở bài, thân bài, kết bài.
- Biết xác định các hoạt động được thuật lại theo trình tự thời gian hoặc trình tự diễn biến sự việc.
- Bước đầu nêu được điểm cần lưu ý khi viết bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý thiên nhiên, tôn trọng trải nghiệm và cảm xúc của bạn bè.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý trình tự sự việc hoặc khung dàn ý, nhưng cần chọn lọc, kiểm chứng với yêu cầu SGK và viết bằng trải nghiệm thật của mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

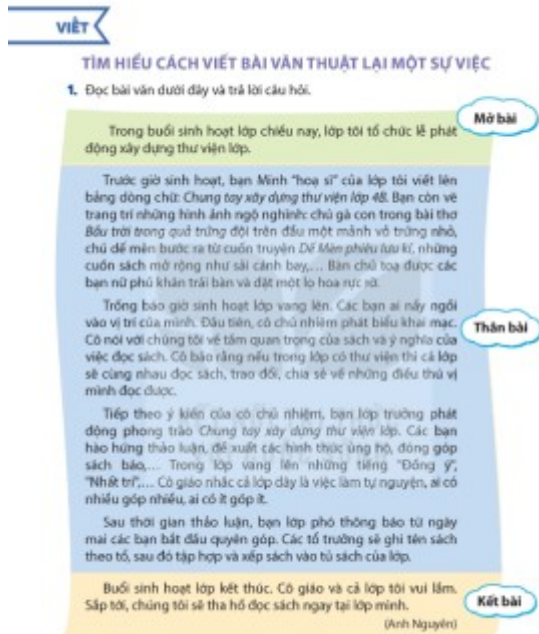
- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về đoạn văn, tạo tâm thế tìm hiểu bài văn thuật lại một sự việc.</i>	
- GV hỏi: Khi kể lại một việc em đã tham gia, em thường kể theo thứ tự nào?	- HS trả lời: Em kể theo thứ tự trước, trong và sau khi sự việc diễn ra.
- GV mời 2 HS chia sẻ ngắn về một hoạt động của lớp.	- HS chia sẻ: buổi sinh hoạt lớp, hoạt động đọc sách, tham quan,...
- GV dẫn dắt: Một bài văn thuật lại sự việc cần có trình tự rõ ràng. Hôm nay các em tìm hiểu cách viết dạng bài này.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.
B. KHÁM PHÁ	

Hoạt động 1: Đọc bài văn và nhận xét - Mục tiêu: HS nhận biết bố cục và trình tự thuật lại sự việc trong bài văn mẫu.

- GV mời HS đọc bài văn trong SGK: Trong buổi sinh hoạt lớp chiều nay, lớp tôi tổ chức lễ phát động xây dựng thư viện lớp.



- 1 HS đọc bài văn, cả lớp đọc thầm.

- GV yêu cầu HS trả lời câu a: Bài văn trên có mấy phần? Đó là những phần nào?

- HS trả lời: Bài văn có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

- GV chốt: Bài văn có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

- GV nêu câu b: Phần mở bài giới thiệu những gì?

- HS đọc câu hỏi b.

- GV gợi ý HS đọc lại đoạn mở bài.

- HS trả lời: Mở bài giới thiệu buổi sinh hoạt lớp và việc phát động xây dựng thư viện lớp.

- GV chốt: Mở bài giới thiệu sự việc được chứng kiến hoặc tham gia.

- HS ghi nhớ.

- GV nêu câu c, d: Phần thân bài gồm mấy đoạn? Ý chính của mỗi đoạn là gì? Những hoạt động được thuật lại theo trình tự nào?

- HS đọc câu hỏi c, d.

<p>a. Bài văn trên có mấy phần? Đó là những phần nào? b. Phần mở bài giới thiệu những gì? c. Phần thân bài gồm mấy đoạn? Ý chính của mỗi đoạn là gì? d. Nếu những hoạt động được thuật lại ở thân bài theo đúng trình tự.</p> <p>Gi:</p>  <p>e. Những từ ngữ nào giúp em nhận biết các hoạt động được thuật lại theo trình tự? g. Phần kết bài chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc gì về kết quả của hoạt động?</p> <p>2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục của bài viết (mở bài, thân bài, kết bài) - Cách sắp xếp các hoạt động - Cách bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc về sự việc <p>Ghi nhớ Bài văn thuật lại một sự việc thường gồm 3 phần: - Mở bài: Giới thiệu sự việc được chứng kiến hoặc tham gia. - Thân bài: Thuật lại các hoạt động, việc làm chính theo trình tự thời gian hoặc phạm vi không gian bằng một hoặc nhiều đoạn văn. - Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về sự việc được chứng kiến hoặc tham gia.</p> <p> Ghi lại trình tự các hoạt động trong một buổi sinh hoạt lớp của lớp em.</p>	
<p>- GV tổ chức HS làm việc nhóm 4, hoàn thành phiếu: trước giờ sinh hoạt, trong giờ sinh hoạt, kết quả.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4, ghi: trước giờ sinh hoạt lớp; cô giáo khai mạc; lớp trưởng phát động; các tổ bắt đầu quyền góp.</p>
<p>- GV chốt: Thân bài kể các hoạt động theo trình tự thời gian và diễn biến sự việc.</p>	<p>- HS lắng nghe và bổ sung vào vở.</p>
<p>C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Trao đổi điểm cần lưu ý - Mục tiêu: HS rút ra cách viết bài văn thuật lại một sự việc; Mục tiêu tích hợp AI: HS biết dùng gợi ý AI để tham khảo trình tự, không thay thế trải nghiệm và suy nghĩ thật.</i></p>	
<p>- GV mời HS đọc yêu cầu bài 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến hoặc tham gia.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài 2.</p>
<p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 theo các gợi ý: bố cục bài viết; cách sắp xếp hoạt động; cách bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày.</p>	<p>- HS trình bày: Bài văn có mở bài, thân bài, kết bài; hoạt động sắp xếp theo trình tự hợp lí; kết bài nêu cảm xúc, suy nghĩ.</p>
<p>- Nếu dùng ChatGPT/Gemini để gợi ý dàn ý cho một hoạt động trải nghiệm, em cần làm gì để bài viết vẫn là bài của mình?</p>	<p>- HS trả lời: Em chỉ dùng gợi ý để tham khảo, sau đó tự viết theo trải nghiệm thật và không đưa thông tin riêng tư.</p>
<p>- Tích hợp AI: GV diễn giải: AI có thể giúp gợi ý khung như “trước hoạt động - trong hoạt động - sau hoạt động” hoặc nhắc các ý cần có:</p>	<p>- HS nêu: Em kiểm tra dàn ý có đúng trình tự, đúng sự việc mình tham gia hay không.</p>

thời gian, địa điểm, người tham gia, việc đầu tiên, việc tiếp theo, kết quả. Nhưng các em phải tự nhớ lại trải nghiệm thật của lớp mình, tự chọn chi tiết đúng, tự viết câu bằng lời của mình. Không được để AI viết thay toàn bộ bài, không đưa tên trường, địa chỉ, số điện thoại hoặc thông tin riêng của lớp lên công cụ AI.

D. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS biết ghi nhanh trình tự một hoạt động sinh hoạt lớp của em.*

- GV giao nhiệm vụ: Ghi lại trình tự các hoạt động trong một buổi sinh hoạt lớp của em theo 3 ý: trước khi bắt đầu, trong lúc diễn ra, sau khi kết thúc.

- HS ghi nhiệm vụ vào vở.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài Tiếng nói của cỏ cây.

- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 10: TIẾNG NÓI CỦA CỎ CÂY****TIẾT 1 - 2: ĐỌC: TIẾNG NÓI CỦA CỎ CÂY***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng và đọc diễn cảm câu chuyện Tiếng nói của cỏ cây; biết đọc lời người dẫn chuyện và lời nhân vật phù hợp.
- Hiểu được việc làm của Ta-nhi-a trong vườn nhà ông bà và sự thay đổi của hoa hồng, hoa huệ.
- Hiểu nội dung bài: Cây cối cũng cần môi trường sống phù hợp; con người cần yêu quý, chăm sóc cây cối và thiên nhiên.
- Biết vận dụng bài học vào việc chăm sóc cây xanh ở nhà, ở lớp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý thiên nhiên, tôn trọng trải nghiệm và cảm xúc của bạn bè.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp BVMT: HS biết trồng, chăm sóc cây cối, không bẻ cành, hái hoa; hiểu cây xanh góp phần làm đẹp cảnh quan và bảo vệ môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú vào bài đọc; gợi nhớ trải nghiệm trồng và chăm sóc cây cối.</i>	
- GV mời HS chia sẻ với bạn những điều em biết về cách trồng hoặc chăm sóc cây cối.	- HS trao đổi nhóm 2.

	
- GV gợi ý: Trồng cây ở chỗ có đủ ánh sáng; làm cỏ vườn thường xuyên; đảm bảo cây nhận được đủ nước.	- HS nêu việc chăm sóc cây: tưới nước, nhổ cỏ, đặt cây nơi có ánh sáng, không bẻ cành.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp.
- GV dẫn dắt: Bài đọc Tiếng nói của cỏ cây kể về một bạn nhỏ biết lắng nghe và chăm sóc vườn cây bằng tình yêu thương.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.
B. KHÁM PHÁ <i>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng từ khó, câu dài; biết đọc phân biệt lời người dẫn chuyện và lời các nhân vật.</i>	
- GV đọc mẫu bài Tiếng nói của cỏ cây, giọng kể nhẹ nhàng, chậm rãi; lời bụi hoa hồng khẽ, lời cây hoa huệ dịu dàng.	- HS lắng nghe và đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS chia bài thành 4 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “đều hỏi”; đoạn 2 tiếp đến “cửa sổ”; đoạn 3 tiếp đến “chịu quá”; đoạn 4 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn.
- GV mời HS đọc nối tiếp đoạn.	- 4 HS đọc nối tiếp đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Ta-nhi-a, khóm hoa, bụi hoa hồng, hoa huệ, mơ hồ, khẽ nói.	- HS luyện đọc từ khó.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: Những	- HS luyện đọc câu dài theo hướng dẫn.

đêm hè/ thường có mưa rào/ làm cho đất dịu mát//.	
- GV tổ chức cho HS luyện đọc nhóm 4.	- HS luyện đọc nhóm 4.
- GV mời 1 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp, nhóm khác nhận xét.
- GV nhận xét, sửa giọng đọc và khen nhóm đọc tốt.	- HS lắng nghe và rút kinh nghiệm.
C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Tìm hiểu bài - Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc; Mục tiêu tích hợp BVMT: HS biết yêu cây xanh, chăm sóc cây và không làm hại môi trường sống của cây.</i>	
- GV mời HS đọc câu hỏi 1: Chi tiết nào cho thấy Ta-nhi-a cảm thấy thoải mái trong những ngày hè ở nhà ông bà? 	- HS đọc câu hỏi 1.
- GV yêu cầu HS tìm chi tiết trong bài.	- HS trả lời: Ta-nhi-a được thỏa thích chạy nhảy trong vườn, thấy những ngày hè ở nhà ông bà thật dễ chịu.
- GV chốt ý.	- HS lắng nghe.
- GV nêu câu hỏi 2: Nêu công việc Ta-nhi-a đã làm trong vườn nhà ông bà theo các ý: Việc đã làm - Lí do.	- HS đọc câu hỏi 2.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4.	- HS thảo luận: Ta-nhi-a chuyển bụi hoa hồng đến cửa sổ vì hoa hồng muốn được mọi người nhìn thấy; chuyển cây hoa huệ ra chỗ ít bị che khuất hơn vì hoa huệ cần được tỏa sáng.
- GV mời nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày.
- GV nêu câu hỏi 3: Nhờ việc làm của Ta-nhi-a, cây hồng và cây huệ nở hoa đẹp như thế nào?	- HS đọc câu hỏi 3.

- GV mời HS trả lời cá nhân.	- HS trả lời: Bụi hoa hồng có những bông hồng mềm mại; cây hoa huệ có những bông hoa trắng muốt, đẹp hơn trước.
- GV nhận xét, chốt ý.	- HS lắng nghe.
- GV nêu câu hỏi 4: Trong câu chuyện, Ta-nhi-a đã suy đoán nguyên nhân biến đổi của cây hồng và cây huệ là gì?	- HS đọc câu hỏi 4.
- GV mời HS trả lời.	- HS trả lời: Ta-nhi-a nghĩ có lẽ do chỗ ở mới của cây phù hợp hơn.
- GV hỏi tiếp câu 5: Theo em, Ta-nhi-a đã có thêm những trải nghiệm gì trong mùa hè?	- HS trả lời: Bạn có thêm trải nghiệm chăm sóc cây, lắng nghe cỏ cây, hiểu cây cũng cần môi trường sống phù hợp.
- Nếu cây trong lớp bị héo, đất khô hoặc có rác quanh gốc cây, em sẽ làm gì?	- HS trả lời: Em báo cô, tưới nước vừa đủ, nhặt rác, không bẻ cành và nhắc bạn cùng giữ gìn.
- Tích hợp BVMT: GV diễn giải: Cây xanh làm cho lớp học và sân trường mát mẻ, đẹp hơn, giúp không khí trong lành. Vì vậy, các em cần biết chăm sóc cây bằng việc vừa sức: tưới nước đúng lúc, nhặt rác quanh gốc cây, không bẻ cành, không hái hoa, không giẫm lên bồn cây. Khi trồng cây, cần đặt cây ở nơi có ánh sáng và đủ nước. Chăm sóc cây cũng là cách chúng ta bảo vệ môi trường sống của mình.	- HS nêu cam kết: Em sẽ không hái hoa, không giẫm lên bồn cây và biết chăm sóc cây lớp em.

D. THỰC HÀNH THEO VĂN BẢN ĐỌC

Hoạt động 3: Luyện tập theo văn bản - Mục tiêu: HS phân biệt danh từ, động từ và đặt câu thể hiện cảm xúc của nhân vật.

<p>- GV mời HS đọc bài 1: Xếp các từ dưới đây vào nhóm thích hợp.</p> 	- HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2, phân loại danh từ và động từ.	- HS trao đổi nhóm 2, xếp từ vào hai nhóm.
- GV chốt: Danh từ: vườn, cây, đất, hoa, bạn; động từ: đi, trồng, chọn, hỏi, ngắm.	- HS chữa bài vào vở.
- GV mời HS đọc bài 2: Đóng vai cây hoa	- HS đọc yêu cầu bài 2.

hồng hoặc cây hoa huệ trong câu chuyện, đặt câu nêu tình cảm, cảm xúc của cây khi trở nên đẹp hơn trước. Tìm động từ trong câu em đặt.	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân.	- HS viết câu: Tôi rất vui khi được đứng bên cửa sổ và khoe sắc. Động từ: vui, đứng, khoe.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày.	- HS trình bày, bạn khác nhận xét.
E. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS biết liên hệ việc chăm sóc cây xanh ở nhà, ở trường.</i>	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để chăm sóc cây xanh trong tuần này.	- HS nêu: Em tưới cây, nhặt lá khô, không bẻ cành, nhắc bạn bỏ rác đúng nơi.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS quan sát một hoạt động trải nghiệm đã tham gia để chuẩn bị tiết Viết.	- HS lắng nghe và ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 10: TIẾNG NÓI CỦA CỎ CÂY****TIẾT 3: VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết chọn một hoạt động trải nghiệm đã tham gia để lập dàn ý bài văn thuật lại sự việc.
- Biết sắp xếp các việc theo trình tự hợp lí trong phần thân bài.
- Biết góp ý và chỉnh sửa dàn ý theo yêu cầu: hoạt động sắp xếp đúng trình tự, nêu rõ kết quả, thể hiện suy nghĩ, cảm xúc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý thiên nhiên, tôn trọng trải nghiệm và cảm xúc của bạn bè.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 3.1.CB1a, 5.2.CB1a: HS biết dùng bảng/sơ đồ đơn giản trên giấy hoặc công cụ số do GV hướng dẫn để sắp xếp trình tự hoạt động và trình bày dàn ý an toàn, rõ ràng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Gợi nhớ cách viết bài văn thuật lại một sự việc và tạo hứng thú lập dàn ý.</i>	
- GV hỏi: Bài văn thuật lại một sự việc thường có mấy phần?	- HS trả lời: Bài văn thường có 3 phần.
- GV mời HS nhắc lại tên các phần.	- HS nêu: Mở bài, thân bài, kết bài.
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay các em sẽ lập dàn ý cho một bài văn thuật lại hoạt động trải nghiệm mình đã tham gia.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.
B. THỰC HÀNH	
<i>Hoạt động 1: Chuẩn bị và lập dàn ý - Mục tiêu: HS chọn được hoạt động trải nghiệm, liệt kê việc đã</i>	

làm và sắp xếp theo trình tự hợp lý; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết dùng bảng/sơ đồ đơn giản để tổ chức thông tin an toàn, rõ ràng.

- GV mời HS đọc đề bài: Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.



- HS đọc đề bài.

- GV hướng dẫn HS chọn hoạt động trải nghiệm: tham quan làng nghề, làm sản phẩm thủ công, tham gia hoạt động câu lạc bộ, sinh hoạt lớp,...

- HS chọn một hoạt động đã tham gia.

- GV yêu cầu HS liệt kê các việc đã làm, sắp xếp theo trình tự hợp lý.

- HS ghi nhanh các việc theo trình tự: chuẩn bị, bắt đầu, hoạt động chính, kết quả.

- GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài.

- HS đọc khung gợi ý trong SGK.

- GV gợi ý: Mở bài giới thiệu hoạt động; thân bài kể lần lượt các việc; kết bài nêu kết quả, suy nghĩ, cảm xúc.

- HS ghi nhớ cách lập dàn ý.

- GV yêu cầu HS làm dàn ý cá nhân vào vở.

- HS lập dàn ý cá nhân.

- Khi có nhiều việc cần sắp xếp, em có thể dùng công cụ nào để trình bày dàn ý rõ hơn?

- HS trả lời: Em có thể dùng bảng, sơ đồ mũi tên, PowerPoint hoặc Canva theo hướng dẫn của GV.

- Tích hợp NLS: GV diễn giải: Các em có thể lập bảng trên giấy, dùng sơ đồ mũi tên trong vở hoặc dưới sự hướng dẫn của GV dùng PowerPoint/Canva để tạo sơ đồ đơn giản. Khi dùng công cụ số, các em chỉ ghi nội dung học tập cần thiết như tên hoạt động, các việc đã làm, cảm xúc chung; không đưa thông tin riêng như số điện thoại, địa chỉ nhà, hình ảnh

- HS nêu lưu ý: Không đưa thông tin riêng tư, không tự ý đăng hình bạn lên mạng.

cá nhân của bạn khi chưa được phép. Dù dùng công cụ nào, điều quan trọng là sắp xếp thông tin rõ ràng, đúng trình tự.

C. GÓP Ý VÀ CHỈNH SỬA

Hoạt động 2: Góp ý dàn ý - Mục tiêu: HS biết nhận xét, chỉnh sửa dàn ý theo tiêu chí cụ thể.

- GV yêu cầu HS đổi vở trong nhóm 2, đọc dàn ý của bạn.	- HS đổi vở, đọc dàn ý của bạn.
- GV nêu tiêu chí góp ý: Các hoạt động được sắp xếp theo trình tự hợp lí; nêu rõ kết quả; thể hiện suy nghĩ, cảm xúc khi tham gia hoạt động.	- HS góp ý bằng lời lịch sự: Bạn nên thêm thời gian, địa điểm; bạn nên sắp xếp lại việc sau cùng.
- GV mời 2 HS chia sẻ điều đã chỉnh sửa sau khi nghe góp ý.	- HS chia sẻ phần đã chỉnh sửa.

D. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS hoàn thiện dàn ý và chuẩn bị nói về trải nghiệm đáng nhớ.*

- GV yêu cầu HS hoàn thiện dàn ý ở nhà.	- HS ghi nhiệm vụ.
- GV dặn HS chuẩn bị nói về một trải nghiệm đáng nhớ trong tiết sau.	- HS lắng nghe và thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 10: TIẾNG NÓI CỦA CỎ CÂY****TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Thuộc lại được một hoạt động trải nghiệm đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.
- Biết nói rõ thời gian, địa điểm, người tham gia, các hoạt động chính và cảm xúc của bản thân.
- Biết trao đổi, góp ý cho bạn bằng thái độ lịch sự, tôn trọng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý thiên nhiên, tôn trọng trải nghiệm và cảm xúc của bạn bè.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết trình bày trải nghiệm bằng lời nói hoặc hình ảnh đã được phép sử dụng; biết tôn trọng quyền riêng tư của bạn và không chia sẻ thông tin cá nhân trên môi trường số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Tạo tâm thế tự tin trước khi nói; gợi nhớ một trải nghiệm đáng nhớ.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Một từ gợi nhớ”. GV nêu các từ: tham quan, làm gốm, trồng cây, đọc sách, sinh hoạt lớp.	- HS lắng nghe.
- GV mời HS chọn một từ và nói nhanh tên trải nghiệm liên quan.	- HS nói: Em nhớ buổi tham quan bảo tàng; em nhớ hoạt động trồng cây; em nhớ buổi làm gốm.
- GV dẫn dắt vào bài Nói và nghe: Trải nghiệm đáng nhớ.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.

B. NÓI

Hoạt động 1: Thuật lại trải nghiệm - Mục tiêu: HS biết dựa vào dàn ý để nói rõ ràng về hoạt động trải nghiệm đã tham gia.

- GV mời HS đọc yêu cầu: Thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.
- Các hoạt động được sắp xếp theo trình tự hợp lý.
 - Nêu rõ kết quả của các hoạt động.
 - Chú ý thể hiện suy nghĩ, cảm xúc khi tham gia hoạt động.

NÓI VÀ NGHE**TRẢI NGHIỆM ĐÁNG NHỚ**

Yêu cầu: Thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.

1. Nói.

- Dựa vào dàn ý đã lập ở hoạt động Viết, em hãy thuật lại hoạt động trải nghiệm theo yêu cầu.
- Khi nói, cần thể hiện cảm xúc của mình qua giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,... để người nghe cảm nhận được hoạt động trải nghiệm đó thực sự đáng nhớ đối với em.
- Để làm nổi bật nội dung của hoạt động trải nghiệm em đã tham gia, có thể kết hợp sử dụng tranh ảnh, sơ đồ, đồ vật,...

2. Trao đổi, góp ý.

- Hoạt động được giới thiệu rõ thời gian, địa điểm, những người tham gia,...
- Nội dung các hoạt động được thuật lại theo đúng trình tự.
- Suy nghĩ, cảm xúc của người nói được thể hiện qua lời nói, giọng nói, cử chỉ, điệu bộ,...



1. Nói với người thân về những trải nghiệm thú vị mà các bạn ở lớp đã chia sẻ.

2. Tìm đọc bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống giúp ta khôn lớn, trưởng thành.

- G: - Khi mẹ vắng nhà của Trần Đăng Khoa
- Khúc đồng dao đêm lập của Kao Sơn
- Trên đôi mắt mờ và mơ của Văn Thành Lê

- HS đọc yêu cầu.

- GV hướng dẫn HS dựa vào dàn ý đã lập ở tiết Viết để nói theo trình tự: giới thiệu hoạt động, kể các việc đã làm, nêu kết quả và cảm xúc.

- HS quan sát gợi ý trong SGK.

- GV yêu cầu HS luyện nói trong nhóm 4.

- HS luyện nói trong nhóm 4, bạn nghe và ghi nhận xét.

- GV mời 3 - 4 HS trình bày trước lớp.

- HS trình bày trước lớp.

- GV nhắc HS nói rõ ràng, nhìn người nghe, dùng giọng nói, cử chỉ, điệu bộ phù hợp.

- HS chú ý cách nói.

- GV nhận xét, khen HS tự tin và biết chia sẻ cảm xúc chân thật.

- HS lắng nghe nhận xét.

C. TRAO ĐỔI, GÓP Ý

Hoạt động 2: Trao đổi và góp ý - Mục tiêu: HS biết nhận xét phần nói của bạn; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết dùng hình ảnh/tranh minh họa an toàn, tôn trọng quyền riêng tư khi chia sẻ trải nghiệm.

- GV nêu tiêu chí góp ý: Hoạt động được giới thiệu rõ thời gian, địa điểm, người tham gia;

- HS đọc tiêu chí.

nội dung thuật lại đúng trình tự; suy nghĩ, cảm xúc được thể hiện qua lời nói, giọng nói, cử chỉ.	
- GV mời HS góp ý cho bạn bằng lời lịch sự.	- HS góp ý: Bạn nói rõ hoạt động; bạn cần thêm cảm xúc sau hoạt động; bạn nên nói chậm hơn.
- GV nhận xét chung.	- HS lắng nghe.
- Nếu em muốn dùng ảnh chụp buổi trải nghiệm để minh họa khi nói, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Cần xin phép, không dùng ảnh riêng tư của bạn, không đưa thông tin cá nhân lên mạng.
- Tích hợp NLS: GV diễn giải: Khi dùng ảnh, video hoặc tranh minh họa cho phần nói, các em phải chọn hình ảnh phù hợp, được thầy cô hoặc cha mẹ cho phép. Nếu trong ảnh có bạn bè, cần hỏi ý kiến bạn hoặc dùng ảnh chung đã được lớp cho phép. Không đưa địa chỉ nhà, số điện thoại, tài khoản cá nhân hoặc hình ảnh riêng tư lên mạng. Khi trình bày trên PowerPoint/Canva, chỉ dùng thông tin cần thiết và tập trung vào nội dung học tập.	- HS nêu cách làm: Chọn ảnh chung phù hợp, dùng tranh minh họa hoặc hình GV cung cấp.
D. VẬN DỤNG * Mục tiêu: HS biết chia sẻ trải nghiệm với người thân và mở rộng đọc văn bản cùng chủ đề.	
- GV giao nhiệm vụ: Nói với người thân về một trải nghiệm thú vị mà các bạn ở lớp đã chia sẻ.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV gợi ý HS tìm đọc bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống giúp ta khôn lớn, trưởng thành.	- HS lắng nghe gợi ý đọc mở rộng.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

TUẦN 6

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Bài 11: TẬP LÀM VĂN

TIẾT 1: ĐỌC: TẬP LÀM VĂN

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài Tập làm văn; biết nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện sự ngạc nhiên, bối rối và cảm xúc của bạn nhỏ.
- Nhận biết được mục đích về quê của bạn nhỏ, diễn biến việc quan sát cây hoa hồng và những điều bạn học được sau khi đọc gợi ý.

- Hiểu nội dung bài đọc: Khi muốn miêu tả đúng một sự vật, cần quan sát kĩ, biết kết hợp quan sát thực tế với trí tưởng tượng và tình cảm chân thành.
- Biết liên hệ bài học với việc chăm sóc cây cối, quan sát sự vật xung quanh và viết văn trung thực, không làm qua loa.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý cây cối, người thân, bạn bè; tôn trọng ước mơ và khả năng riêng của mỗi người.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết chăm chỉ quan sát, làm việc cẩn thận, trung thực khi viết bài; biết yêu quý và chăm sóc cây cối quanh em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập; giới thiệu tiếp nội dung chủ điểm Trải nghiệm và khám phá; gợi mở yêu cầu quan sát khi miêu tả sự vật.</i>	
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2: Khi muốn miêu tả một sự vật, làm thế nào để tả đúng đặc điểm của sự vật đó?	- HS trao đổi: Cần nhìn kĩ sự vật, sờ, ngửi nếu phù hợp, nhớ màu sắc, hình dáng, hoạt động và cảm xúc của mình.
- GV mời 2-3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ ý kiến; HS khác nhận xét, bổ sung.
- GV giới thiệu: Ở chủ điểm Trải nghiệm và khám phá, các em không chỉ đọc về những trải nghiệm thú vị mà còn học cách quan sát, ghi lại điều mình thấy, mình cảm nhận. Bài Tập làm văn hôm nay sẽ giúp các em hiểu vì sao quan sát thật kĩ lại quan trọng khi viết văn.	- HS lắng nghe.
- GV ghi tên bài lên bảng.	- HS ghi tên bài vào vở.
B. KHÁM PHÁ <i>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng, hiểu nghĩa từ khó và bước đầu nắm diễn biến câu chuyện.</i>	

<p>- GV chiếu tranh minh họa, yêu cầu HS quan sát và nêu nội dung tranh.</p> 	<p>- HS quan sát tranh và trả lời: Bạn nhỏ đang chăm sóc cây hoa hồng để quan sát và viết bài văn.</p>
<p>- GV đọc mẫu toàn bài, giọng kể nhẹ nhàng; nhấn giọng ở các từ ngữ: bồi rồi, bí quá, bị gai cào, chăm sóc, bảo vệ, mưa rào nhỏ.</p>	<p>- HS lắng nghe, đọc thầm theo.</p>
<p>- GV hướng dẫn chia đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “ba mươi cây số”; đoạn 2 tiếp theo đến “nhỏ trong bài văn của mình”; đoạn 3 còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV mời HS đọc nối tiếp đoạn.</p>	<p>- 3 HS đọc nối tiếp đoạn; cả lớp theo dõi.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: ngoại ô, mảnh vườn, xào xạc, hồng mịt, lá chắt, oạch.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: Hồng không phải mít mà cũng có gai./ Gai hồng không hề được óc lu như gai bưởi.</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài theo hướng dẫn.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 3.</p>	<p>- HS luyện đọc theo nhóm 3, góp ý cho bạn.</p>
<p>- GV mời 1 nhóm đọc trước lớp và nhận xét.</p>	<p>- HS đọc trước lớp, nhóm khác nhận xét.</p>
<p>C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi - Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc; Mục tiêu tích hợp: HS hình thành thói quen quan sát trung thực, chăm sóc cây cối và làm việc cẩn thận.</i></p>	
<p>- GV mời HS đọc câu hỏi 1: Mục đích về quê của bạn nhỏ là gì?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi 1.</p>

 <p>Hồng không phải mít mà cũng có gai. Gai hồng không thể được ốc lù, như gai bưởi. Gai hồng giữ cho bông hồng thể đẹp...</p> <p>Tôi đây có thể kết luận được rồi. Tôi đọc gọi ý cuối cùng trong sách: "Em đã chăm sóc, bảo vệ cây hoa đó như thế nào?". Khó ghê Ông bà trồng và chăm sóc đây chứ! Nhưng vẫn còn kịp. Tôi vào bếp lấy cái bình, múc nước rồi hăm hồ nước theo ý văn của mình và tẽ cái "oạch" trước khi viết đoạn kết:</p> <p>Từ tay tôi, cái bình tưới như chú voi con để thương đừng đùa voi, nốc lên cây hoa hồng một cơn mưa rào nhỏ.</p> <p>(Theo Trần Quốc Toản)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xào xạc: từ mô phỏng tiếng như tiếng lá cây lay động, va chạm nhẹ vào nhau. - Lở chớ (trước mắt, mở hốt): nhỏ xuống thành giọt, nối tiếp nhau không dứt. <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mục đích về quê của bạn nhỏ là gì? 2. Khi ở quê, bạn nhỏ đã làm gì để tả được cây hoa theo yêu cầu? 3. Những câu văn nào là kết quả của sự quan sát kết hợp với trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ? 4. Em thích câu văn nào nhất trong bài văn của bạn nhỏ? Theo em, bài văn của bạn nên viết thêm những ý nào? 5. Em học được điều gì về cách viết văn miêu tả sau khi đọc câu chuyện trên? 	
- GV yêu cầu HS tìm chi tiết trong bài để trả lời.	- HS tìm chi tiết.
- GV chốt câu trả lời.	- HS trả lời: Bạn nhỏ về quê để tìm được nhiều ý cho bài văn "Tả cây hoa nhà em".
- GV nêu câu hỏi 2: Khi ở quê, bạn nhỏ đã làm gì để tả được cây hoa theo yêu cầu?	- HS đọc câu hỏi 2.
- GV mời HS làm việc nhóm 2.	- HS thảo luận nhóm 2.
- GV nhận xét và nhấn mạnh những việc bạn nhỏ đã làm.	- HS trả lời: Bạn nhỏ ra ngoài vườn quan sát cây hoa hồng, nhìn kỹ thân, cành, lá, gai, hoa; đọc gợi ý trong sách; chăm sóc cây bằng cách tưới nước và nhổ cỏ.
- GV nêu câu hỏi 3: Những câu văn nào là kết quả của sự quan sát kết hợp với trí tưởng tượng phong phú của bạn nhỏ?	- HS đọc câu hỏi 3.
- GV gợi ý HS tìm các câu miêu tả có hình ảnh so sánh, liên tưởng.	- HS tìm và gạch chân câu văn trong SGK.
- GV nhận xét.	- HS trả lời: "Thân cây hoa to bằng ngón tay cái"; "Cánh hoa nhỏ như ngón tay út, xoè ra nhiều lá hình trái tim viền răng cưa"; "Từ tay tôi, cái bình tưới như chú voi con dễ thương...".
- GV nêu câu hỏi 4: Em thích câu văn nào nhất trong bài văn của bạn nhỏ? Theo em, bài văn của bạn nên viết thêm những ý nào?	- HS đọc câu hỏi 4.
- GV mời HS chia sẻ cá nhân.	- HS chia sẻ câu văn mình thích và nêu ý cần bổ sung: màu hoa, mùi hương, thời điểm cây nở, cảm xúc khi chăm cây.
- GV nêu câu hỏi: Nếu muốn viết hay và đúng về một sự vật, em cần có thái độ học tập như thế nào?	- HS trả lời: Em cần quan sát kỹ, ghi chép trung thực, chăm chỉ sửa bài và biết chăm sóc cây cối.
- GV diễn giải tích hợp: Khi làm một việc, dù	- HS lắng nghe, nêu việc mình có thể làm: tưới cây,

là viết văn, chăm sóc cây hay học một môn học, các em cần chăm chỉ, cẩn thận và trung thực. Không nên viết qua loa, không quan sát mà tưởng tượng sai sự thật. Bạn nhỏ trong bài đã biết sửa cách học của mình: quan sát cây, đọc gợi ý, tưới cây, nhổ cỏ. Đó là biểu hiện của lối sống có trách nhiệm, biết yêu lao động và yêu thiên nhiên.	không bẻ hoa, quan sát kỹ trước khi viết.
- GV chốt nội dung bài đọc.	- HS nhắc lại: Muốn tả đúng sự vật cần quan sát kỹ, có cảm xúc và viết trung thực.
D. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS vận dụng nội dung bài đọc để quan sát một cây hoặc đồ vật quen thuộc.</i>	
- GV yêu cầu HS về nhà quan sát một cây, một bông hoa hoặc một đồ vật em thích và ghi nhanh 3 đặc điểm nổi bật.	- HS ghi nhiệm vụ: quan sát, ghi 3 đặc điểm nổi bật.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Luyện tập về động từ.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 11: TẬP LÀM VĂN****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CẤU: LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố kiến thức về động từ; nhận biết được động từ trong đoạn văn và trong tranh.
- Tìm được động từ phù hợp với hoạt động của người, vật; đặt câu có sử dụng động từ.
- Biết dùng động từ chính xác khi nói, viết để câu văn rõ nghĩa và sinh động.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

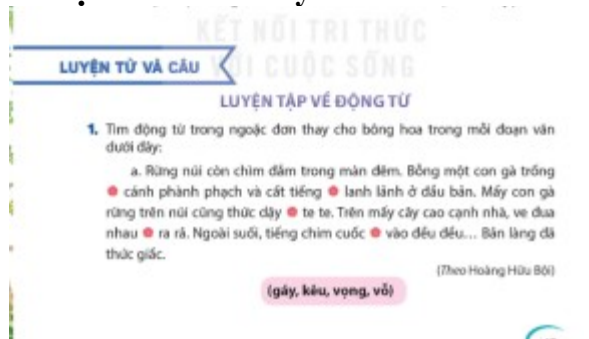
- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý cây cối, người thân, bạn bè; tôn trọng ước mơ và khả năng riêng của mỗi người.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về động từ, tạo hứng thú vào tiết học.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Làm theo động từ”. GV nêu các từ: đi, chạy, vỗ tay, cúi chào, ngồi, đứng.	- HS thực hiện nhanh động tác tương ứng.
- GV hỏi: Các từ cô vừa nêu thuộc nhóm từ nào? Vì sao?	- HS trả lời: Đó là động từ vì chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.
- GV dẫn dắt vào bài: Hôm nay các em luyện tập về động từ để dùng từ chính xác hơn khi nói và viết.	- HS lắng nghe, ghi bài.
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP	
<i>Hoạt động 1: Tìm động từ trong đoạn văn - Mục tiêu: HS nhận diện động từ thay cho bông hoa trong đoạn văn.</i>	

<p>- GV mời HS đọc Bài tập 1: Tìm động từ trong ngoặc đơn thay cho bông hoa trong mỗi đoạn văn dưới đây.</p> 	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm hai đoạn văn và quan sát nhóm từ gợi ý.</p>	<p>- HS đọc thầm đoạn văn, tìm vị trí cần điền động từ.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 2.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 2.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày.</p>	<p>- HS trình bày: Đoạn a điền gáy, kêu, vọng, vỗ; đoạn b điền nhảy, tìm, kêu, hót.</p>
<p>- GV nhận xét, chốt đáp án đúng.</p>	<p>- HS chữa bài vào vở.</p>
<p>- GV hỏi: Các động từ vừa tìm được giúp đoạn văn có tác dụng gì?</p>	<p>- HS trả lời: Các động từ giúp thể hiện hoạt động, âm thanh của sự vật, làm đoạn văn sinh động hơn.</p>
<p>Hoạt động 2: Tìm động từ theo tranh <i>* Mục tiêu: HS quan sát tranh, tìm được động từ phù hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh.</i></p>	
<p>- GV mời HS đọc Bài tập 2: Nhìn tranh, tìm động từ phù hợp với hoạt động được thể hiện trong tranh.</p> 	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát từng tranh và làm việc cá nhân.</p>	<p>- HS quan sát tranh và ghi nhanh động từ.</p>
<p>- GV mời HS nêu động từ tìm được.</p>	<p>- HS nêu: leo, cầm, chèo, bay, lặn/ bơi.</p>
<p>Hoạt động 3: Đặt câu với động từ <i>* Mục tiêu: HS ghi lại động từ chỉ hoạt động di chuyển và đặt câu đúng ngữ pháp.</i></p>	
<p>- GV mời HS đọc Bài tập 3: Ghi lại các động từ chỉ hoạt động di chuyển tìm được ở bài tập 2 và đặt câu với các từ đó.</p>	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chọn 2 động từ và đặt</p>	<p>- HS làm bài vào vở.</p>

câu.	
- GV mời HS đọc câu đã đặt.	- HS đọc câu: Bạn Nam leo núi rất cẩn thận. Chú chim bay trên bầu trời. Các vận động viên chèo thuyền rất nhanh.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ, đặt câu.	- HS lắng nghe, sửa bài.
C. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức động từ vào nói, viết câu trong đời sống.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: mỗi nhóm viết 5 động từ chỉ việc em thường làm ở nhà.	- HS viết: quét nhà, rửa bát, học bài, đọc sách, tưới cây.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết viết bài văn thuật lại một sự việc.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 11: TẬP LÀM VĂN****TIẾT 3: VIẾT: VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm đã tham gia theo dàn ý đã lập.
- Biết sắp xếp các việc theo trình tự hợp lý; thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về hoạt động trải nghiệm.
- Biết đọc soát, chỉnh sửa bài viết theo các tiêu chí: trình tự sự việc, dùng từ đặt câu, chính tả, cảm xúc cá nhân.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý cây cối, người thân, bạn bè; tôn trọng ước mơ và khả năng riêng của mỗi người.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS biết mình có quyền được chia sẻ trải nghiệm, bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc cá nhân bằng lời văn phù hợp; đồng thời biết tôn trọng bài viết và cảm xúc của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Gợi nhớ dàn ý đã lập ở bài trước, tạo tâm thế chuẩn bị viết bài.</i>	
- GV hỏi: Khi viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm, các em cần chú ý những phần nào?	- HS trả lời: Cần có mở bài, thân bài, kết bài; các việc kể theo trình tự; có cảm xúc, suy nghĩ.
- GV mời HS nhắc lại bố cục bài văn thuật lại một sự việc.	- HS nhắc lại: Mở bài giới thiệu hoạt động; thân bài thuật lại các việc; kết bài nêu kết quả, cảm xúc.
- GV dẫn dắt vào bài: Tiết học hôm nay các em sẽ viết bài văn hoàn chỉnh dựa vào dàn ý đã lập.	- HS ghi tên bài.

B. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

Hoạt động 1: Viết bài văn - Mục tiêu: HS viết được bài văn thuật lại hoạt động trải nghiệm theo dàn ý; Mục tiêu tích hợp QCN: HS mạnh dạn bày tỏ trải nghiệm, cảm xúc cá nhân bằng lời văn phù hợp.

- GV mời HS đọc đề bài: **Viết bài văn thuật lại một hoạt động trải nghiệm em đã tham gia và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về hoạt động đó.**



- 1 HS đọc đề bài.

- GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở bài 10.

- HS mở vở, đọc lại dàn ý đã lập.

- GV nhắc HS: bài viết cần có đủ mở bài, thân bài, kết bài; các câu trong đoạn phải liên kết; không xuống dòng tùy tiện.

- HS lắng nghe, ghi nhớ yêu cầu.

- GV hỏi: Khi kể về một trải nghiệm của bản thân, em cần làm gì để bài viết vừa chân thật vừa thể hiện được cảm xúc của mình?

- HS trả lời: Em cần kể đúng sự việc, viết bằng cảm xúc thật, dùng lời văn lịch sự và tôn trọng người tham gia hoạt động.

- GV diễn giải tích hợp: Mỗi bạn đều có những trải nghiệm riêng và có quyền được bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của mình. Tuy nhiên, khi viết, các em cần dùng lời văn phù hợp, không chê bai, không làm tổn thương người khác trong câu chuyện. Khi đọc bài của bạn, chúng ta cũng cần tôn trọng cảm xúc riêng của bạn, góp ý bằng lời nói nhẹ nhàng để bạn sửa bài tốt hơn.

- HS lắng nghe và nêu cách góp ý lịch sự: “Mình thấy câu này nên viết rõ hơn...”

- GV yêu cầu HS viết bài vào vở.

- HS viết bài vào vở.

Hoạt động 2: Đọc soát và chỉnh sửa bài viết

** Mục tiêu: HS biết tự đọc soát, phát hiện lỗi và chỉnh sửa bài viết theo tiêu chí.*

- GV yêu cầu HS đọc lại bài làm để phát hiện lỗi.

- HS đọc thầm bài làm của mình.

- GV chiếu tiêu chí đọc soát: trình tự sắp xếp các việc; dùng từ, đặt câu; chính tả; cách thể hiện suy nghĩ, cảm xúc.	- HS đối chiếu bài viết với tiêu chí.
- GV yêu cầu HS đối vở trong nhóm 2 để góp ý.	- HS đối vở, góp ý nhẹ nhàng cho bạn.
- GV mời 1-2 HS chia sẻ câu văn đã sửa cho hay hơn.	- HS chia sẻ câu văn đã sửa.
C. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS vận dụng bài học để ghi chép việc làm trong ngày bằng động từ chính xác.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Viết vào sổ tay 5 việc em đã làm trong ngày và gạch chân các động từ.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài Nhà phát minh 6 tuổi.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 12: NHÀ PHÁT MINH 6 TUỔI****TIẾT 1 - 2: ĐỌC: NHÀ PHÁT MINH 6 TUỔI***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài Nhà phát minh 6 tuổi; biết nhấn giọng ở những chi tiết thể hiện sự tò mò, suy nghĩ và niềm vui của Ma-ri-a.
- Nhận biết được thông tin về nhân vật Ma-ri-a, việc làm thí nghiệm, câu trả lời bạn tìm được và ý nghĩa câu nói của người cha.
- Hiểu nội dung bài đọc: Sự quan sát, ham học hỏi, kiên trì suy nghĩ có thể khơi nguồn cho những phát hiện sáng tạo.
- Biết trân trọng quyền học tập, quyền phát triển năng khiếu và ước mơ khoa học của trẻ em.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý cây cối, người thân, bạn bè; tôn trọng ước mơ và khả năng riêng của mỗi người.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS nhận biết trẻ em có quyền được học tập, khám phá, phát triển năng khiếu, sở trường và được người lớn khuyến khích những ý tưởng sáng tạo phù hợp lứa tuổi.
- Tích hợp AI (4.AI.2): HS hiểu AI có thể gợi ý hoặc hỗ trợ tìm hiểu kiến thức khoa học, nhưng con người cần quan sát, đặt câu hỏi, kiểm chứng và tự đưa ra kết luận.
- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS học tập tinh thần chăm học, kiên trì quan sát, không bỏ cuộc khi gặp khó khăn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Gợi hứng thú học tập, kết nối với chủ điểm Trải nghiệm và khám phá; không thực hiện tích hợp trong hoạt động khởi động.</i>	

- GV yêu cầu HS trao đổi với bạn: Kể một câu chuyện về thời niên thiếu của một nhà bác học mà em đã đọc hoặc được nghe kể.	- HS trao đổi nhóm 2.
- GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ: Ê-đi-xon, Niu-ton, Ma-ri Quy-ri,...
- GV dẫn dắt: Có những phát hiện bắt đầu từ sự tò mò rất hồn nhiên của trẻ nhỏ. Bài Nhà phát minh 6 tuổi sẽ kể về Ma-ri-a, một cô bé rất thích quan sát và suy nghĩ.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.

B. KHÁM PHÁ

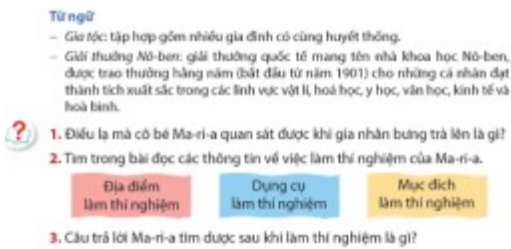
Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng, hiểu nghĩa từ khó, nắm bố cục và diễn biến chính của bài.

- GV chiếu tranh minh họa, yêu cầu HS quan sát và nêu sự việc trong tranh.



- HS quan sát tranh và trả lời: Ma-ri-a quan sát bộ làm thí nghiệm với bộ đồ trà.

- GV đọc mẫu bài, giọng kể chậm rãi, rõ ràng; nhấn giọng ở các từ: rất thích quan sát, lặng lẽ, không hiểu vì sao, nghĩ mãi, reo lên.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn chia đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “khỏi phòng khách”; đoạn 2 tiếp theo đến “gia tộc tôi”; đoạn 3 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV mời HS đọc nối tiếp đoạn.	- 3 HS đọc nối tiếp đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: Ma-ri-a,	- HS luyện đọc từ khó.

đại học, thí nghiệm, ngạc nhiên, Nô-ben, xuất sắc.	
- GV hướng dẫn giải nghĩa từ: gia tộc, Giải thưởng Nô-ben.	- HS đọc phần từ ngữ, nêu nghĩa theo SGK.
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: Ông hằng bông cô con gái nhỏ lên vai,/ đi thẳng ra phòng khách,/ hân hoan nói:/ “Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!”.	- HS luyện đọc câu dài theo hướng dẫn.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc nhóm 3.	- HS luyện đọc nhóm 3, góp ý cho bạn.
C. LUYỆN TẬP <i>Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi - Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc; Mục tiêu tích hợp QCN: HS nhận biết quyền được học tập, khám phá và phát triển năng khiếu, sở trường.</i>	
- GV mời HS đọc câu hỏi 1: Điều lạ mà cô bé Ma-ri-a quan sát được khi gia nhân bung trà lên là gì? 	- HS đọc câu hỏi 1.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm chi tiết trong bài.	- HS tìm chi tiết.
- GV chốt câu trả lời.	- HS trả lời: Khi nước trà rót ra đĩa, chén trà không rơi xuống mà như bị dính chặt vào đĩa.
- GV nêu câu hỏi 2: Tìm trong bài đọc các thông tin về việc làm thí nghiệm của Ma-ri-a.	- HS đọc câu hỏi 2.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, hoàn thành theo 3 ý: địa điểm, dụng cụ, mục đích.	- HS thảo luận nhóm 4.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: Địa điểm ở phòng bếp; dụng cụ là bộ đồ trà; mục đích là tìm hiểu vì sao chén trà không rơi khỏi đĩa.
- GV nêu câu hỏi 3: Câu trả lời Ma-ri-a tìm được sau khi làm thí nghiệm là gì?	- HS trả lời: Ma-ri-a tìm ra rằng giữa chén và đĩa có nước nên chén bị hút vào đĩa.
- GV nêu câu hỏi 4: Câu nói của người cha “Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!” thể hiện điều gì?	- HS trả lời: Người cha vui mừng, tự hào, tin rằng Ma-ri-a có khả năng học tập, nghiên cứu khoa học.
- GV hỏi: Theo em, trẻ em có cần được khuyến khích khi đặt câu hỏi, quan sát và thử	- HS trả lời: Có, vì khi được khuyến khích, trẻ em tự tin học hỏi và phát triển khả năng của mình.

tìm câu trả lời không? Vì sao?	
- GV diễn giải tích hợp: Mỗi trẻ em đều có quyền được học tập, được khám phá thế giới và phát triển năng khiếu, sở trường của mình. Khi các em tò mò, biết đặt câu hỏi và thử tìm lời giải bằng cách an toàn, người lớn cần hướng dẫn, khích lệ. Tuy nhiên, các em cũng phải biết hỏi người lớn trước khi làm thí nghiệm, không tự ý dùng vật sắc nhọn, nước nóng hoặc đồ nguy hiểm. Quyền được học tập luôn đi cùng trách nhiệm học tập an toàn, nghiêm túc.	- HS lắng nghe, nêu việc cần làm: đặt câu hỏi, quan sát, tìm hiểu dưới sự hướng dẫn của người lớn.
Hoạt động 3: Luyện tập theo văn bản <i>* Mục tiêu: HS luyện tìm từ ngữ và chuyển câu sử dụng dấu gạch ngang theo yêu cầu SGK.</i>	
- GV mời HS đọc Bài tập 1: Tìm trong bài đọc Nhà phát minh 6 tuổi những từ có chứa tiếng “gia”, nêu nghĩa của những từ đó.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV hướng dẫn HS tìm trong văn bản.	- HS tìm từ trong bài.
- GV mời HS trả lời.	- HS trả lời: gia đình, gia nhân, gia tộc.
- GV mời HS đọc Bài tập 2: Chuyển câu sử dụng dấu ngoặc kép sau đây thành câu sử dụng dấu gạch ngang.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV hướng dẫn cách chuyển lời nói trực tiếp.	- HS lắng nghe.
- GV mời HS làm bài vào vở.	- HS viết: Ông hằng bông cô con gái nhỏ lên vai, đi thẳng ra phòng khách, hân hoan nói: - Đây sẽ là giáo sư đời thứ bảy của gia tộc tôi!
D. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS liên hệ bài học với tinh thần ham học, kiên trì; Mục tiêu tích hợp: HS biết học tập lối sống chăm chỉ, có ước mơ và không bỏ cuộc.</i>	
- GV hỏi: Nếu gặp một hiện tượng lạ trong cuộc sống, em sẽ làm gì?	- HS trả lời: Em sẽ quan sát kĩ, ghi lại điều thấy, hỏi thầy cô/cha mẹ, tìm sách phù hợp để đọc, không tự làm việc nguy hiểm.
- GV diễn giải tích hợp: Qua câu chuyện về Ma-ri-a, các em học được tinh thần ham quan sát, kiên trì suy nghĩ, không bỏ cuộc khi chưa hiểu vấn đề. Người có lý tưởng sống tốt là người biết đặt mục tiêu học tập, rèn luyện mỗi ngày để sau này làm việc có ích cho gia đình, quê hương và đất nước. Các em có thể bắt đầu từ việc nhỏ: đọc sách, hỏi thầy cô, ghi lại điều	- HS lắng nghe và nêu một việc mình sẽ làm để học tập tốt hơn.

mình quan sát, làm thí nghiệm an toàn theo hướng dẫn.	
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 12: NHÀ PHÁT MINH 6 TUỔI****TIẾT 3: VIẾT: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được bố cục của bài văn kể lại một câu chuyện gồm mở bài, thân bài, kết bài.
- Biết tìm các sự việc chính, diễn biến và cách kể trong bài văn kể lại câu chuyện Cô bé Lọ Lem.
- Hiểu vai trò của từ ngữ dẫn dắt, kết nối sự việc trong bài văn kể chuyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý cây cối, người thân, bạn bè; tôn trọng ước mơ và khả năng riêng của mỗi người.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết rút ra bài học sống nhân ái, hiền hậu, biết vượt qua khó khăn và biết mong muốn điều tốt đẹp cho bản thân, người khác.

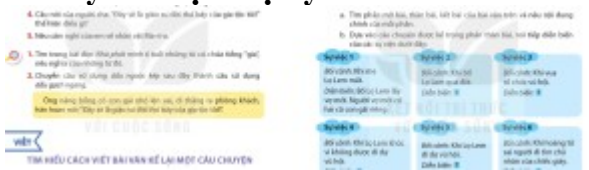
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Kết nối kiến thức đọc hiểu với yêu cầu tìm hiểu cách viết bài văn kể lại một câu chuyện.</i>	
- GV hỏi: Khi kể lại một câu chuyện, em thường kể những nội dung nào?	- HS trả lời: Em kể tên câu chuyện, nhân vật, sự việc chính, kết thúc và bài học.
- GV mời HS nêu tên một truyện cổ tích đã đọc hoặc đã nghe.	- HS nêu: Cô bé Lọ Lem, Tấm Cám, Sọ Dừa,...
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay giúp các em hiểu cách viết bài văn kể lại một câu chuyện sao cho đủ sự việc, rõ trình tự và có bài học.	- HS lắng nghe, ghi bài.
B. KHÁM PHÁ	

Hoạt động 1: Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu - Mục tiêu: HS nhận biết bố cục, sự việc chính và cách kể trong bài văn; Mục tiêu tích hợp: HS biết rút ra bài học đạo đức, lối sống từ câu chuyện.

<p>- GV mời HS đọc Bài tập 1: Đọc bài văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.</p> 	<p>- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc thầm bài văn kể lại câu chuyện Cô bé Lọ Lem.</p>	<p>- HS đọc thầm bài văn.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi a: Bài văn trên có mấy phần? Đó là những phần nào?</p>	<p>- HS trả lời: Bài văn có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.</p>
<p>- GV chốt: Bài văn có 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.</p>	<p>- HS ghi nhớ bố cục.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi b: Phần mở bài giới thiệu những gì?</p>	<p>- HS trả lời: Phần mở bài giới thiệu câu chuyện Cô bé Lọ Lem và lí do biết câu chuyện/ấn tượng về câu chuyện.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi c: Dựa vào câu chuyện được kể trong phần thân bài, nối tiếp diễn biến của các sự việc dưới đây.</p>	<p>- HS đọc các ô sự việc trong SGK.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 để hoàn thành sơ đồ sự việc.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4, bổ sung diễn biến còn thiếu cho từng sự việc.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi d: Trong bài văn, câu chuyện được kể lại theo cách nào?</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi d.</p>
<p>- GV yêu cầu HS quan sát các phương án trong SGK.</p>	<p>- HS chọn phương án: Theo sự việc diễn ra trong câu chuyện.</p>
<p>- GV chốt: Câu chuyện được kể theo sự việc diễn ra trong câu chuyện.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>- GV hỏi: Sau khi đọc câu chuyện Cô bé Lọ Lem, em rút ra bài học gì về cách sống?</p>	<p>- HS trả lời: Cần sống hiền hậu, chăm chỉ, không ganh ghét; biết ước mơ điều tốt đẹp.</p>
<p>- GV diễn giải tích hợp: Câu chuyện giúp các em hiểu rằng người hiền hậu, chăm chỉ, biết yêu thương và không làm điều xấu sẽ được mọi người quý mến. Trong cuộc sống, có lúc chúng ta gặp khó khăn, nhưng cần giữ lòng tốt, sống thật thà, biết cố gắng. Đó là biểu hiện của đạo đức, lối sống đẹp: nhân ái, không ganh ghét, không bắt nạt người yếu thế và luôn hướng đến điều tốt lành.</p>	<p>- HS lắng nghe và liên hệ: Em sẽ giúp đỡ bạn, không chê bai, không bắt nạt người khác.</p>

C. LUYỆN TẬP

Hoạt động 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một câu chuyện - Mục tiêu: HS nắm được cách viết bài văn kể chuyện.

- GV mời HS đọc Bài tập 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn kể lại một câu chuyện.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 theo các gợi ý: bố cục bài văn, trình tự sự việc, từ ngữ dẫn dắt và kết nối.	- HS thảo luận nhóm 2.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: Bài văn cần có mở bài, thân bài, kết bài; kể theo trình tự; dùng từ ngữ nối như một ngày nọ, sau đó, cuối cùng,...
- GV chốt ghi nhớ.	- HS đọc lại ghi nhớ.

D. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS bước đầu chuẩn bị ý tưởng cho bài văn kể lại một câu chuyện.*

- GV yêu cầu HS về nhà chọn một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, ghi lại 5 sự việc chính.	- HS ghi nhiệm vụ vào vở.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 12: NHÀ PHÁT MINH 6 TUỔI****TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc được bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống phù hợp với lứa tuổi.
- Biết viết phiếu đọc sách theo mẫu, ghi được tên bài đọc, tác giả, ngày đọc, trải nghiệm được nhắc đến, suy nghĩ của em.
- Biết trao đổi với bạn về một điều thú vị trong bài thơ, bài văn đã đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý cây cối, người thân, bạn bè; tôn trọng ước mơ và khả năng riêng của mỗi người.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết chọn bài đọc từ sách, thư viện lớp hoặc nguồn số do GV/người lớn giới thiệu; ghi rõ tên bài đọc, tác giả, không sao chép nội dung trên mạng máy móc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú chia sẻ sách, kết nối với nội dung đọc mở rộng.</i>	
- GV hỏi: Trong tuần qua, em đã đọc bài thơ hoặc bài văn nào viết về trải nghiệm trong cuộc sống?	- HS suy nghĩ, nhớ lại bài đã đọc.
- GV mời 2 HS chia sẻ nhanh tên bài đã đọc.	- HS chia sẻ tên bài đọc.
- GV dẫn dắt vào tiết Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe, ghi bài.
B. THỰC HÀNH ĐỌC MỞ RỘNG	
<i>Hoạt động 1: Đọc bài thơ, bài văn về trải nghiệm - Mục tiêu: HS đọc và lựa chọn được bài đọc phù</i>	

hợp; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết chọn nguồn đọc an toàn, có kiểm chứng và ghi thông tin nguồn đọc.

- GV mời HS đọc **Bài tập 1: Đọc bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống.**

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bài thơ, bài văn viết về những trải nghiệm trong cuộc sống.

G:

Bài thơ, bài văn viết về trải nghiệm cùng gia đình: đi du lịch, về quê,.... (Điêu của Đặng Hấn, Về quê của Nguyễn Lâm Thắng)	Bài thơ, bài văn viết về trải nghiệm ở trường học: học tập, vui chơi, đi thư viện, làm kế hoạch nhà, trồng cây,.... (Bài thơ về cây của Đinh Xuân Tiến, Ngôi trường mới của Ngô Quân Miên)
--	--

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên bài thơ, bài văn: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●
Trải nghiệm trong cuộc sống được nhắc đến: ●		
Suy nghĩ của em về trải nghiệm: ●		
Em đã có trải nghiệm này chưa? Cùng với ai: ●		
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		

3. Trao đổi với bạn về một điều thú vị trong bài thơ, bài văn mà em đã đọc.

Tim thêm những câu chuyện về các thần đồng hoặc nhà bác học nổi tiếng trên thế giới và ở Việt Nam (Thần đồng âm nhạc Mô-da, Kể chuyện thần đồng Việt Nam,...).

54

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1.

- GV giới thiệu một số gợi ý trong SGK: Khi mẹ vắng nhà, Khúc đồng dao lẩm lạp, Trên đôi mắt và mơ.

- HS lắng nghe gợi ý.

- GV hỏi: Khi tìm bài đọc trên mạng hoặc sách điện tử, em cần chú ý điều gì để đọc an toàn và đúng yêu cầu?

- HS trả lời: Chọn nguồn do GV/cha mẹ giới thiệu, không vào trang lạ, ghi tên tác giả, đọc hiểu rồi viết lại bằng lời của mình.

- GV diễn giải tích hợp: Các em có thể đọc sách giấy ở thư viện lớp, thư viện trường hoặc đọc bài do thầy cô, cha mẹ giới thiệu trên thiết bị số. Khi đọc trên môi trường số, các em cần chọn nguồn phù hợp lứa tuổi, không bấm vào đường link lạ, không sao chép nguyên văn để nộp bài, phải ghi lại tên bài đọc, tác giả và điều mình hiểu bằng lời của mình. Nếu không chắc nguồn có đáng tin cậy không, em cần hỏi người lớn.

- HS lắng nghe, nêu quy tắc đọc an toàn trên môi trường số.

Hoạt động 2: Viết phiếu đọc sách

* Mục tiêu: HS hoàn thành phiếu đọc sách đúng mẫu, nêu được suy nghĩ về trải nghiệm trong bài đọc.

- GV mời HS đọc **Bài tập 2: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.**

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên bài thơ, bài văn: ●	Tác giả: ●	Ngày đọc: ●
Trải nghiệm trong cuộc sống được nhắc đến: ●		
Suy nghĩ của em về trải nghiệm: ●		
Em đã có trải nghiệm này chưa? Cùng với ai: ●		

- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 2.

- GV hướng dẫn HS điền các mục: tên bài thơ/bài văn, tác giả, ngày đọc, trải nghiệm được nhắc đến, suy nghĩ của em, mức độ yêu thích.	- HS quan sát mẫu phiếu đọc sách.
- GV yêu cầu HS viết phiếu đọc sách vào vở hoặc phiếu học tập.	- HS viết phiếu đọc sách.
- GV mời 2 HS trình bày phiếu đọc sách.	- HS trình bày; HS khác nhận xét, bổ sung.

C. TRAO ĐỔI, CHIA SẺ

Hoạt động 3: Trao đổi với bạn về một điều thú vị trong bài đọc - Mục tiêu: HS biết chia sẻ cảm nhận và lắng nghe ý kiến của bạn.

- GV mời HS đọc Bài tập 3: Trao đổi với bạn về một điều thú vị trong bài thơ, bài văn mà em đã đọc.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 3.
- GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm 2: tên bài đọc, điều thú vị, cảm xúc hoặc bài học rút ra.	- HS trao đổi nhóm 2.
- GV mời đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ: Em thích chi tiết..., vì...; bài đọc giúp em hiểu...
- GV nhận xét, khen HS biết nói rõ ràng, lắng nghe bạn.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

D. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS tiếp tục mở rộng đọc sách và vận dụng kỹ năng ghi phiếu đọc.*

- GV giao nhiệm vụ: Tìm đọc thêm một câu chuyện về các thần đồng hoặc nhà bác học nổi tiếng trên thế giới và ở Việt Nam; ghi lại tên tác phẩm, tác giả, nhân vật chính.	- HS ghi nhiệm vụ đọc mở rộng.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài tuần sau.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

TUẦN 7

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

Bài 13: CON VỆT XANH

TIẾT 1: ĐỌC: CON VỆT XANH

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài Con vệt xanh; biết đọc lời nhân vật Tũ, lời anh trai và lời con vệt với giọng phù hợp.

- Nhận biết được các sự việc trong câu chuyện; hiểu cảm xúc, hành động và sự thay đổi trong suy nghĩ của nhân vật Tũ.
- Hiểu nội dung bài đọc: Cần yêu thương, chăm sóc loài vật; biết suy nghĩ trước khi nói và biết nhận lỗi, sửa lỗi.
- Biết liên hệ với việc chăm sóc vật nuôi, nói lời lễ phép, tôn trọng người thân và bạn bè.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý loài vật, tôn trọng cảm xúc của bạn bè và quan tâm đến người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết quan sát thông tin/hình ảnh, âm thanh về loài vật từ nguồn do GV cung cấp; không tự ý truy cập trang lạ, biết ghi nhớ nguồn thông tin khi chia sẻ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú vào bài; giới thiệu chủ điểm Trải nghiệm và khám phá; gợi mở hiểu biết của HS về thế giới loài vật.</i>	
- GV yêu cầu HS trao đổi với bạn: Nói một điều thú vị mà em biết về thế giới loài vật.	- HS trao đổi nhóm 2: Con vật biết bắt chước tiếng người; chó biết giữ nhà; mèo bắt chuột; chim biết làm tổ,...
- GV nhắc lại chủ điểm Trải nghiệm và khám phá: Ở chủ điểm này, các em được đọc, viết, nói về những trải nghiệm giúp mình hiểu hơn về cuộc sống, con người và thế giới xung quanh.	- HS lắng nghe, nhớ lại nội dung chủ điểm.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc và hỏi: Tranh vẽ ai? Bạn nhỏ đang làm gì với con vật?	- HS quan sát tranh và trả lời: Bạn nhỏ đang chăm sóc, trò chuyện với một con vật xanh ở trong vườn.

 <p>Tuần 7</p> <p>Bài 13 CON VỆ XANH</p> <p>ĐỌC</p> <p>Trào đổi với bạn một điều thú vị mà em biết về thế giới loài vật.</p> <p>CON VỆ XANH</p> <p>Một hôm, trong vườn nhà Tú xuất hiện một con vệt nhỏ bị thương ở cánh. Thương vệt, Tú chăm sóc nó rất cẩn thận. Anh của Tú bảo, vệt có thể bắt chước tiếng người nên Tú rất hào hứng được nghe nó nói.</p> <p>Đi học về, Tú chạy đến bên con vệt nhỏ. Nhìn ra Tú, vệt nhảy nhót, há miệng cười. Tú vừa cho ăn, vừa nói với nó như một đứa trẻ con:</p> <p>— Vệt à, đau!</p> <p>Vệt xù lông cổ, rụt đầu, giu một cái, không thành tiếng dạ, nhưng Tú cũng xui xoa:</p> <p>— Giải làm!</p> <p>Chợt anh của Tú gọi:</p> <p>— Tú ơi!</p> <p>Tú phụng phịu:</p> <p>— Cái gì?</p> <p>— Anh gọi mà em trả lời vậy à?</p> <p>Ra phụ anh đi.</p> <p>Tú buồn bực, vừa đi vừa lẩm bẩm:</p> <p>— Kêu chi kêu hoài!</p> <p>Lần nào Tú cũng phụng phịu như thế với anh khi đang chơi với vệt.</p> <p>Vệt mỗi ngày một lớn, lông xanh óng ả, biết huyet sáo lãnh lót nhưng vẫn không nói tiếng nào. Một hôm, Tú gọi:</p> <p>— Vệt à!</p>	
<p>- GV dẫn dắt: Bài đọc Con vệt xanh sẽ giúp các em hiểu vì sao cần yêu thương con vật và cẩn thận trong lời nói hằng ngày.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>- GV ghi tên bài lên bảng.</p>	<p>- HS ghi tên bài vào vở.</p>
<p>B. KHÁM PHÁ</p> <p><i>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản, hiểu nghĩa từ khó và nắm diễn biến chính của câu chuyện.</i></p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng; lời Tú lúc đầu vui, sau đó ngạc nhiên, bối rối; lời con vệt rõ, ngắn, thể hiện tiếng bắt chước.</p>	<p>- HS lắng nghe, đọc thầm theo.</p>
<p>- GV hướng dẫn chia đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “nó nghe nó nói”; đoạn 2 tiếp theo đến “khấp nơi”; đoạn 3 còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV mời HS đọc nối tiếp đoạn.</p>	<p>- 3 HS đọc nối tiếp đoạn; cả lớp theo dõi.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: bị thương, sẵn sóc, nhảy nhót, phụng phịu, sung sướng, bàng hoàng.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đồng thanh.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc câu: Tú bung bát, / vừa đi vừa lẩm bẩm: / Kêu chi kêu hoài!</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài theo hướng dẫn.</p>
<p>- GV tổ chức HS luyện đọc nhóm 3 và đọc phân vai.</p>	<p>- HS luyện đọc nhóm 3, phân vai: người dẫn chuyện, Tú, con vệt.</p>

- GV nhận xét, sửa lỗi phát âm, ngắt nghỉ cho HS.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
C. LUYỆN TẬP Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi - Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết sử dụng nguồn số an toàn khi tìm hiểu thêm về loài vật.	
<p>- GV mời HS đọc câu hỏi 1: Tủ đã làm gì khi thấy con vẹt bị thương trong vườn nhà?</p> <p>Nghe đâu một giọng the thé gắt lại: – Cái gì? Trời ơi, con vẹt nói! Tủ sướng quá, nhảy lên reo hò, Tủ khoe khắp nơi. Hôm sau, mấy đứa bạn tới nhà, Tủ hành điện gọi: – Vẹt à, dạ! Vẹt đáp the the: – Cái gì? Các bạn ngạc nhiên thích thú, cười ầm lên. Tủ vô nghiêm mặt: – Anh chăm sóc vẹt cực khổ, vậy mà anh gọi, vẹt trả lời “cái gì” à? – Kêu chi kêu hoài! Các bạn cười bỏ, tranh nhau gọi vẹt. Nhưng Tủ sững sờ ngồi lặng thinh. Bạn về rồi, Tủ vẫn ngồi lặng như thế. Tủ nhớ lại bao lần anh gọi, Tủ đã trả lời “Cái gì?” và căn nhắc “Kêu chi kêu hoài”. Tủ hối hận quá, chỉ mong anh gọi để Tủ “dạ” một tiếng thật to, thật lễ phép. Con vẹt nhìn Tủ, dường như cũng biết lời nên xù lông cổ, rút đầu, gù một cái nghe như tiếng: “Dạ!”. (Theo Lý Lan)</p> <p> 1. Tủ đã làm gì khi thấy con vẹt bị thương trong vườn nhà?</p>	- HS đọc câu hỏi 1.
- GV yêu cầu HS tìm chi tiết trong đoạn đầu để trả lời.	- HS tìm chi tiết.
- GV chốt câu trả lời.	- HS trả lời: Tủ chăm sóc con vẹt rất cẩn thận, bắt chước tiếng người cho nó nghe, cho nó ăn và gọi nó là vẹt ạ.
- GV nêu câu hỏi 2: Những chi tiết nào cho thấy Tủ yêu thương vẹt?	- HS đọc câu hỏi 2.
- GV mời HS thảo luận nhóm 2.	- HS thảo luận, tìm chi tiết.
- GV nhận xét.	- HS trả lời: Tủ chăm sóc vẹt, tập cho vẹt nói, khoe với anh trai, vui sướng khi vẹt nói được.
- GV nêu câu hỏi 3: Nêu tâm trạng, cảm xúc của Tủ trong mỗi tình huống: nghe anh trai nói vẹt có thể bắt chước tiếng người; lần đầu tiên nghe vẹt bắt chước tiếng mình; nghe thấy vẹt bắt chước những lời nói trống không với anh.	- HS đọc câu hỏi 3.
- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 3, mỗi bạn trả lời một tình huống.	- HS làm việc nhóm 3.
- GV nhận xét và chốt.	- HS trả lời: Lúc nghe anh nói, Tủ háo hức; khi nghe vẹt nói lần đầu, Tủ sung sướng; khi nghe vẹt bắt chước lời nói trống không, Tủ bàng hoàng, xấu hổ và nhận ra lỗi của mình.
- GV nêu câu hỏi 4: Đoạn kết của câu chuyện cho biết Tủ đã nhận ra điều gì và sẽ thay đổi	- HS đọc câu hỏi 4.

như thế nào?	
- GV mời HS trả lời cá nhân.	- HS trả lời: Từ nhận ra mình đã nói trống không với anh và sẽ nói năng lễ phép, nhẹ nhàng hơn.
- GV nêu câu hỏi: Khi muốn tìm hiểu thêm về loài vẹt, em có nên tự ý mở mọi trang mạng thấy được không? Vì sao?	- HS trả lời: Không nên tự ý mở trang lạ vì có thể gặp nội dung không phù hợp hoặc không chính xác; cần hỏi GV/người lớn.
- GV diễn giải tích hợp: Nếu lớp có điều kiện, GV có thể mở một đoạn âm thanh/video ngắn về tiếng vẹt từ nguồn đã được kiểm tra trước. Các em chỉ quan sát, lắng nghe theo hướng dẫn, không tự bấm vào đường link lạ, không tải hình ảnh/video không rõ nguồn. Khi chia sẻ thông tin về con vẹt, em nên nói rõ thông tin đó được GV cho xem hoặc đọc từ sách/nguồn nào. Biết dùng công cụ số an toàn sẽ giúp các em học thêm điều bổ ích mà vẫn bảo vệ bản thân trên môi trường mạng.	- HS lắng nghe, nêu quy tắc: xem nguồn do GV/cha mẹ giới thiệu, không bấm link lạ, không chia sẻ thông tin chưa kiểm chứng.
- GV chốt nội dung bài đọc.	- HS nhắc lại: Câu chuyện khuyên em yêu thương loài vật, nói lời lịch sự và biết sửa lỗi.
D. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS vận dụng bài học vào lời nói, việc làm hằng ngày.</i>	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em sẽ làm để chăm sóc vật nuôi hoặc bảo vệ loài vật nhỏ xung quanh.	- HS nêu: Cho vật nuôi ăn đúng cách, không trêu chọc, không đánh đập, nói lời yêu thương và chăm sóc cẩn thận.
- GV dặn HS kể cho người thân nghe câu chuyện Con vẹt xanh và chia sẻ điều mình học được.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 13: CON VỆT XANH****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- củng cố kiến thức về động từ; tìm được động từ theo yêu cầu và đặt câu có động từ phù hợp với tranh.
- Nhận biết được động từ thể hiện hoạt động, trạng thái, tình cảm, cảm xúc.
- Biết dùng động từ chính xác khi nói và viết câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý loài vật, tôn trọng cảm xúc của bạn bè và quan tâm đến người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý từ ngữ, câu văn nhưng cần tự kiểm tra, đối chiếu với kiến thức đã học; không chép nguyên đáp án của AI.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Củng cố kiến thức cũ về động từ, tạo hứng thú vào tiết luyện tập.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Truyền điện”: mỗi HS nêu nhanh một động từ chỉ hoạt động hoặc cảm xúc.	- HS tham gia trò chơi: chạy, hát, nói, nhớ, yêu, thương, tiếc, cười, khóc,...
- GV nhận xét, tuyên dương HS nêu đúng từ.	- HS lắng nghe.
- GV dẫn dắt: Hôm nay các em tiếp tục luyện tập về động từ qua các bài tập trong SGK.	- HS ghi tên bài vào vở.
B. LUYỆN TẬP	
Hoạt động 1: Tìm động từ theo yêu cầu - Mục tiêu: HS tìm được động từ có tiếng cho trước;	

Mục tiêu tích hợp AI: HS biết kiểm chứng gợi ý từ công cụ AI bằng kiến thức đã học.

- GV mời HS đọc **Bài tập 1: Tìm các động từ theo mẫu.**

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐỘNG TỪ

1. Tìm các động từ theo mẫu.

a. Chứa tiếng "yêu" **Mi**: yêu quý b. Chứa tiếng "thương" **Mi**: thương mến
c. Chứa tiếng "nhớ" **Mi**: nhớ mong d. Chứa tiếng "tiếc" **Mi**: tiếc nuối

2. Tìm động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc thay cho bông hoa (mỗi từ chỉ dùng một lần).

Mẹ ơi!

Con **•** mẹ quá! Sao mẹ đi công tác lâu thế? Tôi nào em Chi cũng khóc đòi mẹ. Con **•** em lắm. Chúng con rất mong mẹ về.

Hôm nay con vừa giành được giải Nhất cuộc thi cô vua mẹ ạ. Ai cũng **•** con. Con con, con rất **•** bác. Đúng đã dạy con học cô. Thế mà hồi xưa khi mới học cô, con **•** môn này thế. Con còn **•** mẹ vì mẹ cứ thuyết phục con học. Bây giờ thì con **•** cô vua lắm.

Mai con lại nhận tin tiếp cho mẹ nhé. Con **•** mẹ!

Con gái

3. Sử dụng các động từ dưới đây để đặt câu phù hợp với tranh.

ôm sốt mệt nhức khát đau

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4: nhóm 1 tìm từ chứa tiếng "yêu", nhóm 2 tìm tiếng "thương", nhóm 3 tìm tiếng "nhớ", nhóm 4 tìm tiếng "tiếc".

- HS làm việc nhóm 4, ghi từ vào phiếu.

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- Đại diện nhóm trình bày: yêu quý, yêu thương; thương mến, thương nhớ; nhớ mong, nhớ nhung; tiếc nuối, tiếc thương.

- GV hỏi: Nếu một công cụ AI như ChatGPT/Gemini gợi ý thêm nhiều động từ, em cần làm gì trước khi dùng vào bài của mình?

- HS trả lời: Em cần kiểm tra lại xem từ đó có phải động từ không, có đúng nghĩa và phù hợp câu không.

- GV diễn giải tích hợp: AI có thể giúp gợi ý nhanh một số từ như yêu quý, thương nhớ, tiếc nuối. Tuy nhiên, các em không được chép ngay mà phải tự hỏi: Từ đó có phải là động từ không? Có phù hợp với câu không? Có đúng nghĩa mình muốn nói không? Khi học Tiếng Việt, điều quan trọng là các em tự hiểu nghĩa từ, biết dùng từ đúng hoàn cảnh. AI chỉ là công cụ hỗ trợ, còn người học phải kiểm tra, chọn lọc và chịu trách nhiệm với câu trả lời của mình.

- HS lắng nghe, nhắc lại nguyên tắc: AI chỉ gợi ý, em phải tự kiểm chứng.

- GV chốt đáp án đúng.

- HS chữa bài vào vở.

Hoạt động 2: Tìm động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc

* Mục tiêu: HS tìm được động từ thay cho bông hoa trong đoạn văn.

- GV mời HS đọc Bài tập 2: Tìm động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc thay cho bông hoa.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV hướng dẫn HS đọc kĩ đoạn tin nhắn, chú ý ngữ cảnh trước và sau bông hoa.	- HS đọc đoạn văn, tìm từ phù hợp.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm 2.	- HS làm cá nhân, trao đổi nhóm 2.
- GV chốt đáp án gợi ý.	- HS nêu: nhớ, yêu, lo, mong, nhớ, yêu,... và giải thích theo ngữ cảnh.

Hoạt động 3: Đặt câu với động từ phù hợp với tranh

** Mục tiêu: HS chọn động từ phù hợp và đặt câu đúng ngữ pháp, có ý nghĩa.*

- GV mời HS đọc Bài tập 3: Sử dụng các động từ dưới đây để đặt câu phù hợp với tranh.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV hướng dẫn HS quan sát từng tranh và chọn động từ: ốm, sốt, nhức, đau, khát, mệt.	- HS quan sát tranh và chọn từ.
- GV yêu cầu HS đặt câu cá nhân vào vở.	- HS viết câu: Bạn nhỏ bị sốt. Bạn Nam đau chân. Mẹ khát nước. Em bé mệt vì ốm.
- GV mời HS đọc câu của mình và nhận xét.	- HS đọc câu, lớp nhận xét, sửa câu cho hay hơn.

C. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS vận dụng động từ vào giao tiếp hằng ngày.*

- GV yêu cầu HS đặt một câu có động từ thể hiện tình cảm với người thân.	- HS đặt câu: Em yêu quý ông bà. Em nhớ mẹ khi mẹ đi công tác.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 13: CON VỆT XANH****TIẾT 3: VIẾT: LUYỆN VIẾT MỞ BÀI, KẾT BÀI CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Phân biệt được mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp; kết bài mở rộng, kết bài không mở rộng.
- Viết được mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn kể lại câu chuyện Cô bé Lọ Lem.
- Biết chỉnh sửa câu văn để mở bài, kết bài rõ ý, hấp dẫn và đúng yêu cầu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý loài vật, tôn trọng cảm xúc của bạn bè và quan tâm đến người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp NLS 3.2.CB1a: HS biết sử dụng mẫu bảng/sơ đồ do GV cung cấp để sắp xếp ý mở bài, kết bài; trình bày sản phẩm rõ ràng, không sao chép văn mẫu trên mạng.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG	
<i>* Mục tiêu: Kết nối bài cũ, tạo tâm thế vào nội dung luyện viết mở bài, kết bài.</i>	
- GV hỏi: Khi kể lại một câu chuyện, bài văn thường có những phần nào?	- HS trả lời: Bài văn thường có mở bài, thân bài, kết bài.
- GV mời HS nhắc lại tên một câu chuyện đã học hoặc đã đọc mà em thích.	- HS nêu: Cô bé Lọ Lem, Con vẹt xanh, Nhà phát minh 6 tuổi,...
- GV dẫn dắt: Tiết học hôm nay giúp các em luyện viết mở bài, kết bài cho bài văn kể lại một câu chuyện.	- HS lắng nghe, ghi bài.
B. KHÁM PHÁ - LUYỆN TẬP	

Hoạt động 1: Xếp mở bài, xác định kiểu kết bài - Mục tiêu: HS phân biệt được các cách mở bài, kết bài; Mục tiêu tích hợp NLS: HS biết dùng bảng/sơ đồ số đơn giản để sắp xếp ý khi viết.

- GV mời HS đọc **Bài tập 1: Xếp các mở bài dưới đây vào nhóm thích hợp.**

Tôi nào cũng vậy, bằng giọng ồm ồm, bà lại kể cho em nghe một câu chuyện cổ tích từ ngày xưa ngày xưa. Trong những câu chuyện bà kể, em nhớ mãi câu chuyện Cô bé Lọ Lem với bao nhiêu phép biến hoá nhiệm màu.

Mở bài trực tiếp: Giới thiệu ngay vào câu chuyện.

Mở bài gián tiếp: Giới thiệu câu chuyện kết hợp nêu bối cảnh được nghe, đọc hoặc nêu cảm nghĩ, kỉ niệm gắn với câu chuyện,...

2. Xác định kiểu kết bài của mỗi đoạn dưới đây:

Em rất thích câu chuyện Cô bé Lọ Lem.

Em rất thích câu chuyện này vì cái kết thật có hậu. Cô bé Lọ Lem xứng đáng là một trong những câu chuyện cổ tích hay nhất thế giới.

Câu chuyện Cô bé Lọ Lem mặc dù đã kết thúc

Kết bài mở rộng: Nêu suy nghĩ, cảm xúc,... và những liên tưởng, suy luận được gợi ra từ câu chuyện.

Kết bài không mở rộng:

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.

- GV hướng dẫn HS đọc từng đoạn mở bài và xác định: đoạn nào giới thiệu ngay vào câu chuyện, đoạn nào giới thiệu bằng cách nêu cảm nghĩ, hoàn cảnh được nghe/đọc câu chuyện.

- HS đọc các đoạn mở bài.

- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 2.

- HS thảo luận nhóm 2 và phân loại.

- GV chốt: mở bài trực tiếp giới thiệu ngay vào câu chuyện; mở bài gián tiếp giới thiệu câu chuyện kết hợp nêu bối cảnh, cảm nghĩ, kỉ niệm gắn với câu chuyện.

- HS ghi nhớ hai cách mở bài.

- GV mời HS đọc **Bài tập 2: Xác định kiểu kết bài của mỗi đoạn.**

- HS đọc yêu cầu bài 2, xác định: kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng.

- GV hỏi: Khi dùng bảng hoặc sơ đồ trên máy tính để ghi ý mở bài, kết bài, em cần chú ý điều gì?

- HS trả lời: Cần nhập nội dung ngắn gọn, tự viết bằng lời của mình, không chép văn mẫu.

- GV diễn giải tích hợp: Khi GV cung cấp một mẫu bảng hoặc sơ đồ đơn giản trên Word/PowerPoint, các em có thể dùng để sắp xếp ý mở bài, thân bài, kết bài. Việc dùng công cụ số giúp bài làm rõ ràng, dễ nhìn, nhưng các em cần tự viết ý bằng lời của mình, không sao chép văn mẫu trên mạng. Nếu mượn ý từ sách hay bài mẫu, cần biến thành cách diễn đạt của mình và kiểm tra lại xem có đúng câu chuyện, đúng yêu cầu không.

- HS lắng nghe, nêu cách dùng bảng/sơ đồ để lập ý.

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

- HS chữa bài vào vở.

Hoạt động 2: Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng

** Mục tiêu: HS viết được mở bài gián tiếp, kết bài mở rộng khác cho bài văn kể lại câu chuyện Cô bé Lọ Lem.*

- GV mời HS đọc Bài tập 3: Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng khác cho bài văn kể lại câu chuyện Cô bé Lọ Lem.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV gợi ý mở bài gián tiếp: nêu hoàn cảnh được đọc/nghe câu chuyện, cảm nhận chung rồi dẫn vào tên truyện.	- HS lắng nghe gợi ý.
- GV gợi ý kết bài mở rộng: nêu suy nghĩ, bài học hoặc mong muốn sau khi đọc câu chuyện.	- HS lắng nghe gợi ý.
- GV yêu cầu HS viết cá nhân vào vở.	- HS viết mở bài, kết bài vào vở.
- GV mời 2-3 HS đọc bài làm, lớp góp ý.	- HS đọc bài; HS khác góp ý về cách dùng từ, đặt câu, nội dung.

C. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS vận dụng kiểu mở bài, kết bài khi kể chuyện cho người thân.*

- GV giao nhiệm vụ: Kể cho người thân nghe câu chuyện Con vẹt xanh và chia sẻ người thân cảm nghĩ của em về câu chuyện.	- HS ghi nhiệm vụ.
- GV dặn HS chuẩn bị bài Chân trời cuối phố.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 14: CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ****TIẾT 1 - 2: ĐỌC: CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài Chân trời cuối phố; biết đọc với giọng kể chậm rãi, thể hiện sự tò mò, ngỡ ngàng của chú cún.
- Nhận biết được thông tin về nhân vật cún theo gợi ý: hình dáng, tính cách, nơi ở, tiếng kêu.
- Hiểu nội dung bài đọc: Mỗi trải nghiệm mới giúp chúng ta hiểu thêm thế giới; cần biết khám phá trong giới hạn an toàn.
- Biết liên hệ quyền vui chơi, khám phá trong môi trường an toàn và bổn phận nghe lời người lớn khi ra ngoài.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý loài vật, tôn trọng cảm xúc của bạn bè và quan tâm đến người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp QCN:** HS nhận biết trẻ em có quyền vui chơi, khám phá trong môi trường an toàn; biết giữ an toàn khi ra ngoài và báo người lớn khi gặp nguy cơ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập, gợi nhớ trải nghiệm lần đầu đến một nơi mới.</i>	
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2: Nói về lần đầu tiên em được đến một nơi nào đó và chia sẻ cảm xúc của em khi đó.	- HS trao đổi: lần đầu đi biển, đi thư viện, đi chợ cùng mẹ, về quê,...; em thấy vui, lạ, háo hức.
- GV mời 2-3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp.
- GV chiếu tranh bài đọc và hỏi: Chú cún trong tranh đang nhìn thấy điều gì?	- HS quan sát: Chú cún đứng trước cổng, tò mò nhìn ra con đường và thế giới bên ngoài.

<div style="text-align: center;">  </div> <div style="text-align: center;">  </div> <p>Nói về lần đầu tiên em được đến một nơi nào đó (lần đầu ra biển, lần đầu đến thư viện, lần đầu ra chợ cùng mẹ,...). Chia sẻ cảm xúc của em khi đó.</p> <div style="text-align: center;">  </div> <h3 style="text-align: center;">CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ</h3> <p>Có chú cún sống trong ngôi nhà nhỏ. Từ cổng nhà, cún nhìn thấy dãy phố với những mái tôn cũ kĩ và con đường lầy lội mùa mưa. Từ đầu phố tới cuối phố chỉ vài trăm mét, nhưng cún chưa một lần đi hết dãy phố của mình. Đường vẫn còn lầy lội, mà cún thì quá nhỏ. Mỗi lần chủ định ra cổng là người lớn trong nhà lại nhắc: “Cún, vào nhà!”.</p> <p>Nằm cuộn tròn trên chiếc chổi rơm đầu hè, cún nghĩ: “Ở cuối dãy phố có gì nhỉ?”. Đầu tiên vì tò mò. Rồi tò mò chuyển thành bức mình. Bực đến nỗi, đang nằm yên cún bỗng ngẩng cổ lên sủa:</p> <p>– Ang! Ang!...</p> <p>Người lớn tưởng có khách, nhìn ra sân. Sân vắng hoe. Chỉ có chiếc lá mít vừa rụng, quay quay trước mũi cún.</p> 	
- GV dẫn dắt vào bài Chân trời cuối phố.	- HS lắng nghe.
- GV ghi tên bài lên bảng.	- HS ghi bài.
B. KHÁM PHÁ <i>Hoạt động 1: Đọc văn bản - Mục tiêu: HS đọc đúng, hiểu từ ngữ và nắm diễn biến câu chuyện.</i>	
- GV đọc mẫu toàn bài, giọng kể nhẹ nhàng; nhấn giọng ở các từ: chật hẹp, mênh mông, lạ mít, ngỡ ngàng, sững sờ.	- HS lắng nghe, đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn chia đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “ngó đầu ra”; đoạn 2 tiếp theo đến “san sát”; đoạn 3 còn lại.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV mời HS đọc nối tiếp đoạn.	- 3 HS đọc nối tiếp đoạn.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: cuộn tròn, ngó đầu, mênh mông, san sát, vui vẻ, ngỡ ngàng.	- HS luyện đọc từ khó.
- GV giải nghĩa từ: đâm chiêu là vẻ đang phải băn khoăn, suy nghĩ.	- HS ghi nhớ nghĩa từ.
- GV tổ chức HS luyện đọc theo nhóm 3, sau đó đọc trước lớp.	- HS luyện đọc nhóm 3; đại diện nhóm đọc trước lớp.
- GV nhận xét, sửa lỗi cho HS.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
C. LUYỆN TẬP Hoạt động 2: Tìm hiểu bài - Mục tiêu: HS hiểu nội dung câu chuyện; Mục tiêu tích hợp QCN: HS biết quyền được vui chơi, khám phá gắn với yêu cầu an toàn.	

<p>- GV mời HS đọc câu hỏi 1: Tìm thông tin về nhân vật cún trong câu chuyện theo gợi ý.</p> <p>Một sáng trời đẹp, người nhà mở cổng cho cún ra ngoài. Cún mừng rỡ nhảy xuống sân rồi chạy vụt đi. Con đường trước nhà khô ráo sau trận gió đêm. Chú cún thả phồng một mạch qua dãy phố yên ắng. Con đường dốc dần lên cao. Một cơn gió mát bất chợt ủa đến, cún dừng lại và ngẩng lên nhìn.</p> <p>Bao nhiêu điều mới lạ mở ra trước mắt.</p> <p>Cuối dãy phố của cún, bên trái là bắt đầu một dãy phố khác. Bên phải là bến sông với con đò đang trôi ra xa bờ. Trước mặt, dọc bờ sông bên kia: làng quê với những bãi bờ, cây cối, nhà cửa....</p> <p>Cún đứng một mình trên đường, hết nhìn trước mặt lại ngó sang trái, sang phải.</p> <p>Giờ thì cún hiểu. Phố tiếp phố. Làng tiếp làng. Bến sông này nối dài tới bến sông khác... Cuối con phố của cún là những chân trời mở ra vô tận.</p> <p>Những chân trời đang chờ cún lớn lên từng ngày.</p> <p>(Theo Trần Đức Tiến)</p>  <p>1. Tìm thông tin về nhân vật cún trong câu chuyện theo gợi ý.</p> <p>2. Những chi tiết nào cho thấy cún rất tò mò muốn biết về dãy phố bên ngoài?</p>	<p>- 1 HS đọc câu hỏi 1.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, điền thông tin: hình dáng, tính cách, nơi ở, tiếng kêu.</p>	<p>- HS làm việc nhóm 4.</p>
<p>- GV mời nhóm trình bày.</p>	<p>- HS trình bày: cún nhỏ, sống trong ngôi nhà nhỏ, tò mò, thích khám phá, tiếng kêu “ăng! ăng!”.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 2: Những chi tiết nào cho thấy cún rất tò mò muốn biết về dãy phố bên ngoài?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi 2.</p>
<p>- GV mời HS đọc thầm đoạn văn và tìm chi tiết.</p>	<p>- HS tìm chi tiết: cún nhìn ra dãy phố, thắc mắc ở cuối dãy phố có gì, tưởng tượng con đường là bức tường, muốn chạy hết dãy phố.</p>
<p>- GV nhận xét.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 3: Khi có dịp chạy hết dãy phố, những cảnh vật hiện ra trước mắt đã giúp cún nhận ra điều gì?</p>	<p>- HS đọc câu hỏi 3.</p>
<p>- GV gợi ý HS chú ý các từ ngữ chỉ cảnh vật bên ngoài.</p>	<p>- HS tìm ý trong bài.</p>
<p>- GV chốt.</p>	<p>- HS trả lời: Cún nhận ra thế giới bên ngoài rộng lớn hơn rất nhiều; ngoài dãy phố còn có làng xóm, bến sông, con đò, con đường mở ra vô tận.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 4: Tìm những từ ngữ chỉ cảm xúc của cún và giải thích vì sao cún có những cảm xúc đó.</p>	<p>- HS đọc câu hỏi 4.</p>
<p>- GV mời HS trả lời cá nhân.</p>	<p>- HS trả lời: Cún mừng rỡ, ngỡ ngàng, sững sờ, vui vẻ vì lần đầu thấy thế giới rộng lớn và nhiều điều mới lạ.</p>

- GV hỏi: Khi muốn khám phá một nơi mới, em cần làm gì để vừa được trải nghiệm vừa bảo đảm an toàn?	- HS trả lời: Em cần xin phép người lớn, đi cùng người thân, không tự ý đi xa, không theo người lạ, báo người lớn khi gặp nguy cơ.
- GV diễn giải tích hợp: Trẻ em có quyền được vui chơi, được khám phá và được học hỏi từ cuộc sống. Nhưng quyền đó phải đi cùng sự an toàn. Khi ra khỏi nhà, đến nơi lạ, đi chơi ở công viên, bờ sông, siêu thị hay khu phố đông người, các em cần xin phép người lớn, đi cùng người thân hoặc thầy cô, không tự ý tách đoàn, không đi theo người lạ, không chạy ra đường, bờ sông, nơi nguy hiểm. Nếu bị lạc hoặc gặp điều không an toàn, em phải báo ngay cho người lớn tin cậy, chú bảo vệ, công an hoặc gọi số điện thoại của gia đình. Khám phá đúng cách sẽ giúp chúng ta vui hơn, hiểu biết hơn và an toàn hơn.	- HS lắng nghe, nêu 1 quy tắc an toàn khi khám phá nơi mới.
- GV chốt nội dung bài.	- HS nhắc lại: Câu chuyện cho thấy mỗi trải nghiệm mới giúp ta hiểu thêm về thế giới, nhưng phải khám phá an toàn.

Hoạt động 3: Luyện tập theo văn bản

* Mục tiêu: HS nhận biết công dụng của dấu hai chấm và tìm từ ngữ thay thế.

- GV mời HS đọc Bài tập 1: Tìm các câu văn có sử dụng dấu hai chấm trong bài đọc và cho biết công dụng của các dấu hai chấm đó.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV hướng dẫn HS tìm câu có dấu hai chấm trong bài.	- HS tìm câu có dấu hai chấm.
- GV mời HS trình bày công dụng: báo hiệu lời nói trực tiếp hoặc phân giải thích.	- HS trả lời: Dấu hai chấm báo hiệu lời của cún hoặc phân giải thích/miêu tả tiếp theo.
- GV mời HS đọc Bài tập 2: Tìm từ ngữ có thể thay thế cho các từ mừng rỡ, yên ắng.	- 1 HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV nhận xét, chốt đáp án gợi ý.	- HS nêu: mừng rỡ có thể thay bằng vui sướng, hớn hờ; yên ắng có thể thay bằng yên tĩnh, lặng im.

D. VẬN DỤNG

* Mục tiêu: HS liên hệ trải nghiệm của bản thân và rèn ý thức an toàn.

- GV yêu cầu HS tưởng tượng cùng cún đi trên dãy phố và nói 1 điều em nhìn thấy, nghe thấy, ngửi thấy hoặc cảm xúc của em.	- HS nói: Em nhìn thấy con đường rộng; em nghe tiếng gió thổi; em ngửi thấy mùi bùn khô; em thấy vui vẻ, háo hức.
- GV dặn HS kể cho người thân một trải	- HS lắng nghe, thực hiện.

nghiệm khám phá an toàn của em.	
---------------------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 14: CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ****TIẾT 3: VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết chọn một đề bài phù hợp để lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện.
- Biết chuẩn bị thông tin về câu chuyện: tên truyện, các sự việc chính, trình tự sự việc.
- Lập được dàn ý gồm mở bài, thân bài, kết bài; biết góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý loài vật, tôn trọng cảm xúc của bạn bè và quan tâm đến người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

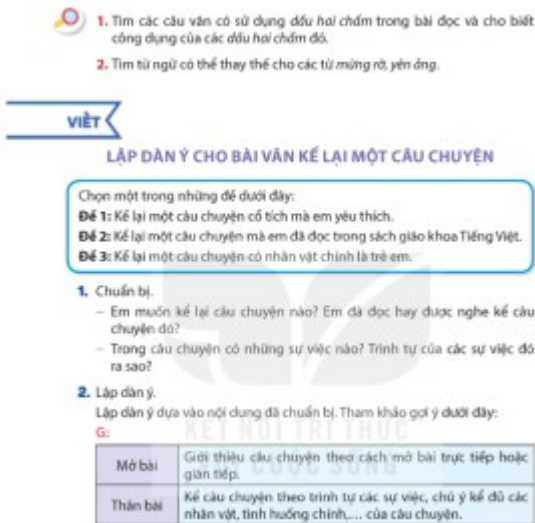
- **Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý trình tự sự việc hoặc dàn ý, nhưng phải tự kiểm tra, chỉnh sửa theo yêu cầu bài học và không sao chép máy móc.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Gợi nhớ cấu trúc bài văn kể chuyện và kết nối với nội dung lập dàn ý.</i>	
- GV hỏi: Khi kể lại một câu chuyện, em cần nhớ những gì?	- HS trả lời: Cần nhớ tên truyện, nhân vật, các sự việc chính, trình tự sự việc, ý nghĩa câu chuyện.
- GV mời HS chia sẻ nhanh tên một câu chuyện em có thể kể lại.	- HS chia sẻ: Cô bé Lọ Lem, Con vẹt xanh, Chân trời cuối phố,...
- GV dẫn dắt vào tiết Lập dàn ý cho bài văn kể lại một câu chuyện.	- HS lắng nghe, ghi bài.
B. LUYỆN TẬP Hoạt động 1: Chọn đề, chuẩn bị ý - Mục tiêu: HS xác định được câu chuyện sẽ kể và các sự việc chính; Mục tiêu tích hợp AI: HS biết dùng gợi ý AI có kiểm chứng để hỗ trợ lập dàn ý.	

<p>- GV mời HS đọc đề bài và 3 đề lựa chọn trong SGK.</p> 	<p>- 1 HS đọc yêu cầu và các đề bài.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chọn 1 đề: kể câu chuyện cổ tích em yêu thích; kể chuyện đã đọc trong SGK Tiếng Việt; kể câu chuyện có nhân vật chính là trẻ em.</p>	<p>- HS chọn 1 đề phù hợp.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: ghi tên truyện và 3-5 sự việc chính.</p>	<p>- HS ghi tên truyện và các sự việc chính.</p>
<p>- GV hỏi: Nếu GV cho xem một gợi ý dàn ý do ChatGPT/Gemini tạo ra, em có thể dùng ngay không? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Không dùng ngay; cần kiểm tra với truyện đã đọc, sửa chi tiết và viết bằng lời của mình.</p>
<p>- GV diễn giải tích hợp: AI có thể gợi ý nhanh các sự việc hoặc cách sắp xếp dàn ý, nhưng gợi ý đó có thể thiếu, sai hoặc không đúng câu chuyện em chọn. Vì vậy, khi dùng AI dưới sự hướng dẫn của GV, các em phải đối chiếu với truyện đã đọc, bỏ chi tiết không đúng, thêm chi tiết quan trọng và viết lại bằng lời của mình. Dàn ý tốt không phải là dàn ý chép nguyên từ AI, mà là dàn ý do em hiểu câu chuyện, biết chọn sự việc chính và sắp xếp hợp lý.</p>	<p>- HS lắng nghe, nêu cách kiểm tra gợi ý AI: đọc lại truyện, so sánh nhân vật, sự việc, trình tự.</p>
<p>- GV nhận xét việc chọn đề của HS.</p>	<p>- HS hoàn thiện phần chuẩn bị.</p>
<p>Hoạt động 2: Lập dàn ý * Mục tiêu: HS lập được dàn ý theo bố cục mở bài, thân bài, kết bài.</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo bảng gợi ý: Mở bài - Thân bài - Kết bài.</p>	<p>- HS quan sát bảng gợi ý.</p>
<p>- GV nhắc HS phần thân bài cần kể các sự</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>

việc theo trình tự, chú ý nhân vật, tình huống chính và kết quả.	
- GV yêu cầu HS lập dàn ý vào vở.	- HS lập dàn ý vào vở.
- GV mời 2 HS trình bày dàn ý trước lớp.	- HS trình bày dàn ý; HS khác nhận xét về đủ thông tin và trình tự sự việc.
Hoạt động 3: Góp ý và chỉnh sửa dàn ý <i>* Mục tiêu: HS biết góp ý theo tiêu chí và chỉnh sửa dàn ý cho rõ ràng, đầy đủ.</i>	
- GV hướng dẫn tiêu chí góp ý: thông tin về câu chuyện rõ ràng, đầy đủ; các sự việc sắp xếp theo trình tự hợp lí.	- HS đọc tiêu chí góp ý.
- GV yêu cầu HS đổi vở theo nhóm 2 để góp ý.	- HS đổi vở, góp ý cho bạn.
- GV mời HS sửa nhanh một ý chưa hợp lí trong dàn ý của mình.	- HS chỉnh sửa dàn ý.
- GV nhận xét, khen HS biết góp ý nhẹ nhàng, cụ thể.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
C. VẬN DỤNG <i>* Mục tiêu: HS chuẩn bị cho bài viết kể lại câu chuyện ở tiết sau.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Về nhà kể lại câu chuyện theo dàn ý cho người thân nghe và hỏi người thân góp ý thêm.	- HS ghi nhiệm vụ.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4**Bài 14: CHÂN TRỜI CUỐI PHỐ****TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE: VIỆC LÀM CÓ ÍCH***Thời gian thực hiện:***I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết chuẩn bị và kể lại một việc có ích đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.
- Biết chia sẻ theo trình tự: việc gì, ở đâu, khi nào, với ai, diễn biến, kết quả và cảm xúc.
- Biết lắng nghe, ghi chép ý quan trọng trong bài nói của bạn và trao đổi lịch sự.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị ý kiến và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn bằng lời nói lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách trả lời, cách viết, cách trình bày và cách vận dụng phù hợp với nội dung bài học.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực tham gia đọc, viết, luyện tập và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: Biết yêu quý loài vật, tôn trọng cảm xúc của bạn bè và quan tâm đến người xung quanh.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ trật tự, lắng nghe khi bạn trình bày và thực hiện đúng yêu cầu học tập.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 2.3.CB1a: HS biết ghi chép ý chính khi nghe bạn trình bày; nếu dùng thiết bị số để ghi âm/chụp sản phẩm học tập phải xin phép và chỉ dùng trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, tivi/máy chiếu, tranh và bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, phiếu thảo luận phù hợp với từng tiết.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô ly, bảng con, bút chì, đồ dùng học tập cá nhân.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
A. KHỞI ĐỘNG <i>* Mục tiêu: Gợi mở việc làm có ích và tạo tâm thế chia sẻ.</i>	
- GV hỏi: Em đã từng làm việc gì có ích cho gia đình, lớp học hoặc cộng đồng?	- HS suy nghĩ: dọn lớp, chăm sóc cây, giúp mẹ, quyên góp sách, chăm sóc vật nuôi,...
- GV mời 2 HS chia sẻ ngắn.	- HS chia sẻ trước lớp.
- GV dẫn dắt vào tiết Nói và nghe: Việc làm có ích.	- HS lắng nghe, ghi bài.
B. CHUẨN BỊ NÓI <i>Hoạt động 1: Chuẩn bị câu chuyện về việc làm có ích - Mục tiêu: HS xác định được nội dung cần nói.</i>	
- GV mời HS đọc yêu cầu: Kể lại một việc có	- 1 HS đọc yêu cầu.

ích mà em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

NÓI VÀ NGHE

VIỆC LÀM CÓ ÍCH

Yêu cầu: Kể lại một việc có ích mà em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

1. Chuẩn bị.

G:

- Lựa chọn một việc có ích em đã từng làm cùng bạn bè hoặc người thân.

Việc có ích cho cộng đồng (quyên góp sách báo, vệ sinh trường, lớp,...)

Việc có ích cho trường lớp (vệ sinh trường, lớp,...)

Việc có ích cho gia đình (chăm sóc vật nuôi,...)

- Em đã làm việc đó ở đâu? Khi nào? Với những ai?
- Em đã tham gia làm những việc gì?
- Việc đó có ích như thế nào?

2. Chia sẻ với bạn việc có ích em đã làm cùng bạn bè hoặc người thân.

- Kể lại công việc em đã tham gia theo đúng trình tự và nêu cảm xúc của em.
- Nêu lợi ích của công việc đó.

Lưu ý:

Người nói

- Kể rõ ràng, rành mạch các sự việc theo đúng trình tự.
- Có thể dùng các cử chỉ biểu lộ cảm xúc để hỗ trợ cho phần nói.

Người nghe

- Chăm chú lắng nghe, thể hiện bằng cử chỉ gật đầu, cười,...
- Đặt câu hỏi sau khi người nói kết thúc phần chia sẻ của mình.

3. Ghi chép những ý quan trọng trong bài phát biểu của bạn để trao đổi

- GV hướng dẫn HS chọn việc có ích: quyên góp sách báo, vệ sinh trường lớp, chăm sóc vật nuôi, giúp đỡ người thân,...

- HS quan sát gợi ý trong SGK.

- GV nêu câu hỏi gợi ý: Em đã làm việc đó ở đâu? Khi nào? Với những ai? Em đã tham gia làm những việc gì? Việc đó có ích như thế nào?

- HS lắng nghe các câu hỏi gợi ý.

- GV yêu cầu HS ghi nhanh ý vào vở.

- HS ghi nhanh ý chính vào vở.

C. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

Hoạt động 2: Chia sẻ với bạn - Mục tiêu: HS nói rõ ràng, nghe tích cực; **Mục tiêu tích hợp NLS:** HS biết ghi chép ý chính khi nghe, biết xin phép nếu dùng thiết bị số để ghi/chụp sản phẩm.

- GV tổ chức HS nói trong nhóm 4, mỗi em trình bày khoảng 2 phút.

- HS nói trong nhóm 4.

- GV nhắc người nói: kể rõ việc đã làm theo đúng trình tự, dùng cử chỉ phù hợp, nêu cảm xúc và lợi ích của việc đó.

- HS kể rõ việc làm có ích, kết quả và cảm xúc.

- GV nhắc người nghe: chăm chú lắng nghe, ghi lại 1-2 ý quan trọng và đặt câu hỏi sau khi bạn nói xong.

- HS nghe, ghi 1-2 ý quan trọng, chuẩn bị câu hỏi cho bạn.

- GV hỏi: Nếu muốn dùng điện thoại hoặc máy tính bảng để ghi âm phần nói của bạn hay chụp phiếu ghi ý của nhóm, em cần làm gì

- HS trả lời: Em cần xin phép GV và bạn, chỉ dùng để học, không chia sẻ tùy tiện.

trước?	
- GV diễn giải tích hợp: Khi học nói và nghe, các em có thể dùng giấy, vở hoặc công cụ số do GV cho phép để ghi ý chính. Nếu muốn ghi âm, chụp ảnh bài làm, bảng nhóm hoặc hình ảnh của bạn, em phải xin phép GV và bạn được ghi/chụp. Không tự ý đăng lên mạng, không gửi cho người khác nếu chưa được đồng ý. Kỹ năng số không chỉ là biết dùng thiết bị, mà còn biết tôn trọng quyền riêng tư, dùng thiết bị đúng mục đích học tập.	- HS lắng nghe và nhắc lại quy tắc dùng thiết bị số khi học nói và nghe.
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày trước lớp; HS khác lắng nghe, nhận xét.

Hoạt động 3: Ghi chép và trao đổi với bạn

** Mục tiêu: HS ghi được ý quan trọng trong bài phát biểu của bạn và trao đổi lịch sự.*

- GV yêu cầu HS ghi chép những ý quan trọng trong bài phát biểu của một bạn.	- HS ghi vào vở: bạn làm việc gì, với ai, kết quả ra sao, cảm xúc của bạn.
- GV mời HS đặt câu hỏi hoặc nêu điều em học được từ việc làm có ích của bạn.	- HS đặt câu hỏi: Bạn làm việc đó trong bao lâu? Bạn thấy vui nhất lúc nào?
- GV nhận xét cách nói, cách nghe và cách ghi chép của HS.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

D. VẬN DỤNG

** Mục tiêu: HS tiếp tục thực hiện việc làm có ích phù hợp lứa tuổi.*

- GV giao nhiệm vụ: Trong tuần, em chọn một việc có ích vừa sức để làm ở nhà hoặc ở lớp và kể lại cho người thân nghe.	- HS ghi nhiệm vụ.
- GV dặn HS tìm đọc câu chuyện về những trải nghiệm trong cuộc sống theo gợi ý.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

TUẦN 8

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

CHỦ ĐIỂM: TRẢI NGHIỆM VÀ KHÁM PHÁ

Bài 15: GẠT CHỮ TRÊN NON (3 tiết)

TIẾT 1 - 2: ĐỌC - GẠT CHỮ TRÊN NON; LUYỆN TỪ VÀ CÂU: CÁCH DÙNG VÀ CÔNG DỤNG CỦA TỪ ĐIỂN

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và đọc diễn cảm bài thơ Gặt chữ trên non; biết ngắt nhịp thơ phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả cảnh vật vùng cao và hành trình đến trường của bạn nhỏ.
- Hiểu được nội dung bài thơ: ca ngợi tinh thần vượt khó, niềm vui đi học và khát vọng học chữ của các bạn nhỏ ở vùng cao.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu trong SGK; biết nêu cảm nhận về hình ảnh thơ em thích.
- Nhận biết cách dùng và công dụng của từ điển; bước đầu biết tra nghĩa từ theo các bước đơn giản.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động luyện đọc, học thuộc lòng, tự tra cứu từ khó theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm đôi, nhóm 4 để tìm ý, giải nghĩa từ và nhận xét câu trả lời của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng cách dùng từ điển để tìm hiểu nghĩa từ mới trong học tập.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, học thuộc thơ, kiên trì tìm hiểu nghĩa từ.
- Nhân ái: Biết trân trọng tinh thần ham học của các bạn nhỏ ở vùng cao.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ gìn sách vở, sử dụng từ điển và thiết bị học tập đúng mục đích.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp NLS (3.1.CB1a): HS biết dùng từ điển giấy hoặc từ điển số dưới sự hướng dẫn của GV để tra nghĩa từ, đối chiếu kết quả và không nhập thông tin cá nhân khi sử dụng công cụ số.**
- **Tích hợp AI (4.A1.1): HS nhận biết AI có thể hỗ trợ GV tạo bảng kiểm đọc soát bài viết, gợi ý cách sửa câu; HS không sao chép máy móc mà tự suy nghĩ, tự chỉnh sửa bài của mình.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, bảng kiểm, một số hình ảnh minh họa phù hợp với bài học.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li, bảng con, bút chì, màu vẽ, sách/câu chuyện đã đọc nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Tạo không khí học tập vui vẻ, gợi mở chủ điểm Trải nghiệm và khám phá; giúp HS liên hệ trải nghiệm đi học và khám phá điều mới.	
* Cách tiến hành: - GV cho HS quan sát tranh chủ điểm Trải nghiệm và khám phá, trao đổi nhanh: Các bạn nhỏ trong tranh đang làm gì? Theo em, trải nghiệm và khám phá giúp ta hiểu thêm điều gì?	
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trải nghiệm đáng nhớ của bản thân khi được đi tham quan, đi học, đọc sách hoặc tìm hiểu một điều mới.	- HS quan sát tranh, nêu được: các bạn đang khám phá thiên nhiên, dựng lều, quan sát cây cối, đi trên đường rừng hoặc tham gia hoạt động ngoài trời.
- GV giới thiệu chủ điểm: Ở chủ điểm Trải	- HS chia sẻ: em từng đi tham quan bảo tàng, đi dã ngoại, đọc sách về núi rừng, học một điều mới trong lớp.
	- HS lắng nghe, hiểu nội dung chủ điểm gắn với

<p>nghiệm và khám phá, các em sẽ gặp những câu chuyện, bài thơ nói về hành trình học tập, những vùng đất, con người và cảm xúc đáng nhớ.</p>	<p>trải nghiệm học tập và khám phá cuộc sống.</p>
<p>- GV dẫn vào bài: Bài thơ Gặt chữ trên non sẽ đưa chúng ta đến với các bạn nhỏ vùng cao trên đường đi tìm con chữ.</p> 	<p>- HS ghi tên bài vào vở.</p>
<p>2. KHÁM PHÁ * Mục tiêu: - Đọc đúng, đọc diễn cảm bài thơ; hiểu từ khó, hình ảnh thơ và nội dung chính của văn bản. * Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài thơ với giọng nhẹ nhàng, trong sáng; nhấn giọng ở các từ ngữ: bình minh, tiếng trống, gặt chữ, đỉnh trời.</p>	<p>- HS lắng nghe giọng đọc mẫu, theo dõi SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chia bài thơ thành các đoạn phù hợp theo mạch thơ, đọc nối tiếp từng đoạn.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp theo đoạn, chú ý phát âm và ngắt nghỉ đúng.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: bình minh, nhuộm hồng, thung sâu, đường xa, rủ ran, đỉnh trời.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó cá nhân, nhóm, cả lớp.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện ngắt nhịp ở một số dòng thơ: Bình minh vừa tỉnh giấc / Ngủ nhuộm hồng núi xanh // Em đi tìm cái chữ / Vượt suối lại băng rừng //.</p>	<p>- HS đọc lại các dòng thơ theo nhịp GV hướng dẫn.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 4, mỗi em đọc một đoạn, bạn nghe và góp ý về phát âm, nhịp đọc.</p>	<p>- HS luyện đọc trong nhóm 4, góp ý cho bạn đọc rõ tiếng, đúng nhịp, thể hiện cảm xúc.</p>
<p>- GV mời HS đọc phần từ ngữ: Thung là gì?</p>	<p>- HS đọc: Thung (thung lũng): dải đất trũng, thấp giữa các sườn núi.</p>
<p>- GV gợi ý HS quan sát hình ảnh núi rừng trong bài để hiểu: thung là dải đất trũng, thấp giữa các sườn núi.</p>	<p>- HS quan sát tranh, hiểu thung là vùng thấp giữa núi.</p>
<p>- GV gọi 1 - 2 HS đặt câu có từ thung hoặc thung lũng để kiểm tra việc hiểu nghĩa từ.</p>	<p>- HS đặt câu: Bản làng nằm trong một thung lũng xanh mát. / Dưới thung, suối chảy róc rách.</p>

- GV nhận xét, chốt: Khi gặp từ khó, các em cần dựa vào ngữ cảnh, tranh minh họa và có thể tra từ điển để hiểu chính xác hơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách tìm hiểu nghĩa từ.
3. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH * Mục tiêu: - Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; nêu được cảm nhận về hình ảnh thơ; biết thực hành sử dụng từ điển để tra nghĩa từ. * Mục tiêu tích hợp: - HS biết tra nghĩa từ bằng từ điển giấy hoặc từ điển số dưới sự hướng dẫn của GV; biết đối chiếu kết quả và dùng công cụ số an toàn. * Cách tiến hành:	
- GV gọi HS đọc câu hỏi 1: Bài thơ viết về các bạn nhỏ ở đâu? Những cảnh vật nào giúp em biết điều đó?	- HS đọc câu hỏi, tìm chi tiết: các bạn nhỏ ở vùng cao; cảnh vật có núi xanh, thung sâu, suối, rừng, mây, đỉnh trời.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, gạch chân từ ngữ gợi cảnh vùng cao trong bài thơ.	- HS gạch chân các từ ngữ liên quan đến núi rừng, đường xa, suối, thung.
- GV mời HS trả lời, nhận xét và chốt ý.	- HS trả lời: Bài thơ viết về các bạn nhỏ ở vùng cao. Em biết điều đó qua các hình ảnh núi xanh, thung sâu, suối, rừng, mây và đỉnh trời.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 2: Những chi tiết nào cho thấy việc đi học của bạn nhỏ ở vùng cao rất vất vả?	- HS đọc câu hỏi và xác định chi tiết: vượt suối, băng rừng, đường xa, chân mỏi.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi và nêu bằng chứng trong bài thơ.	- HS trao đổi nhóm đôi, nêu bằng chứng trong bài thơ.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 3: Trên đường đi học, bạn nhỏ nghe thấy những âm thanh nào? Theo em, những âm thanh đó đem lại cảm xúc gì cho bạn nhỏ?	- HS trả lời: bạn nhỏ nghe tiếng trống, tiếng chim, tiếng mưa, tiếng rừng; những âm thanh ấy làm đường đi học vui hơn, gợi niềm háo hức.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 4: Theo em, hai dòng thơ “Đường xa chân có mỏi/ Chữ vẫn gửi trên lưng” thể hiện điều gì?	- HS nêu ý hiểu: dù đường xa, bạn nhỏ vẫn mang theo ước mơ học chữ; tinh thần ham học giúp bạn vượt qua vất vả.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 5: Em thích hình ảnh thơ nào nhất? Vì sao?	- HS chọn hình ảnh thơ yêu thích và giải thích: Em thích “Gặt chữ trên đỉnh trời” vì hình ảnh đẹp, cho thấy việc học chữ rất quý.
- GV chốt nội dung: Bài thơ ca ngợi tinh thần ham học, sự bền bỉ vượt khó của các bạn nhỏ vùng cao trên hành trình đi tìm con chữ.	- HS nhắc lại nội dung bài theo cách hiểu của mình.
- GV hỏi: Khi gặp các từ cao ngất, cheo leo, hoang vu trong bài học hoặc sách đọc thêm, các em có thể làm gì để hiểu đúng nghĩa của từ?	- HS trả lời: Có thể hỏi thầy cô, hỏi người lớn, đọc chú giải hoặc tra từ điển.
- GV diễn giải: Các em có thể dùng từ điển giấy hoặc từ điển số dưới sự hướng dẫn của thầy cô. Khi dùng từ điển số, các em chỉ gõ từ cần tra, không nhập họ tên, số điện thoại, địa chỉ nhà	- HS lắng nghe, ghi nhớ: dùng từ điển số phải an toàn, không nhập thông tin cá nhân, phải kiểm tra nghĩa với ngữ cảnh trong bài.

<p>hoặc thông tin riêng của bản thân. Sau khi thấy kết quả, các em cần đọc kỹ nghĩa, ví dụ, rồi đối chiếu với câu trong bài để chọn nghĩa phù hợp. Công cụ số giúp tìm nhanh nhưng các em vẫn phải suy nghĩ, kiểm tra lại và không xem mọi kết quả trên mạng đều đúng.</p>	
<p>- GV giới thiệu tranh/bảng hướng dẫn sử dụng từ điển trong SGK.</p>	<p>- HS quan sát hình hướng dẫn sử dụng từ điển.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS thực hành 4 bước: tìm mục chữ cái đầu, tìm tiếng/từ cần tra, đọc nghĩa, đọc ví dụ để hiểu cách dùng.</p>	<p>- HS nhắc lại 4 bước tra từ theo SGK.</p>
<p>- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: tra nhanh nghĩa của một trong các từ cao ngất, cheo leo, hoang vu và nêu cách dùng từ đó trong một câu.</p> 	<p>- HS thảo luận nhóm 4, tra nghĩa và đặt câu: Con đường lên núi rất cheo leo. / Khu rừng hoang vu rất vắng vẻ.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3: Những ý nào dưới đây nêu đúng công dụng của từ điển?</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 3.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc từng phương án A, B, C, D và suy nghĩ xem công dụng nào đúng với từ điển.</p>	<p>- HS làm việc cá nhân, đánh dấu phương án đúng.</p>
<p>- GV mời HS chọn đáp án và giải thích.</p>	<p>- HS trả lời: Đáp án đúng là A, B, D; phương án C không đúng.</p>
<p>- GV chốt: Từ điển giúp cung cấp thông tin về từ loại, cách dùng, ví dụ và nghĩa của từ; không phải là công cụ dạy cách nhớ từ một cách máy móc.</p> 	<p>- HS ghi nhớ công dụng của từ điển.</p>
<p>4. VẬN DỤNG</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- củng cố nội dung bài học; biết liên hệ tinh thần ham học của bạn nhỏ vùng cao với bản thân.</p> <p>* Cách tiến hành:</p> <p>- GV tổ chức cho HS đọc thuộc lòng một khổ</p> <p>- HS đọc thuộc lòng hoặc đọc diễn cảm khổ thơ</p>	

thơ em thích hoặc thi đọc diễn cảm theo nhóm.	đã chọn.
- GV nêu câu hỏi liên hệ: Sau bài thơ, em muốn cố gắng điều gì trong việc học của mình?	- HS chia sẻ: Em sẽ đi học đúng giờ, chăm chỉ đọc sách, không ngại khó khi gặp bài khó.
- GV nhận xét, dặn dò HS về nhà học thuộc lòng bài thơ và kể cho người thân nghe những điều em biết về việc đi học của các bạn nhỏ vùng cao.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

Bài 15: GẶT CHỮ TRÊN NON (3 tiết)

TIẾT 3: VIẾT - VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe dựa vào dàn ý đã lập ở Bài 14.
- Biết đọc soát, phát hiện lỗi về mở bài, kết bài, trình tự kể, dùng từ, đặt câu và chính tả.
- Biết sửa một số lỗi trong bài viết để bài văn rõ ràng, mạch lạc hơn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự hoàn thành bài viết, tự đọc soát theo bảng kiểm.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý bài viết với bạn bằng lời nhận xét lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách diễn đạt phù hợp để kể lại câu chuyện sinh động hơn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Cần thận khi viết, đọc soát và sửa lỗi.
- Trung thực: Viết bài bằng lời văn của mình, không chép bài của bạn hoặc chép máy móc từ công cụ hỗ trợ.
- Trách nhiệm: Có ý thức tiếp thu góp ý để hoàn thiện bài viết.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp AI (4.A1.1): GV dùng ChatGPT/Gemini để tạo bảng kiểm đọc soát bài văn kể chuyện; HS nhận biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý, không viết thay bài và không sao chép nguyên văn kết quả AI.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, bảng kiểm, một số hình ảnh minh họa phù hợp với bài học.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li, bảng con, bút chì, màu vẽ, sách/câu chuyện đã đọc nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Gợi nhớ dàn ý bài văn kể lại một câu chuyện đã lập ở bài trước; tạo tâm thế sẵn sàng viết bài. * Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nhắc lại đề bài: Viết bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	- HS nhắc lại đề bài.
- GV hỏi: Bài văn kể lại một câu chuyện thường có mấy phần? Mỗi phần cần nêu điều gì?	- HS trả lời: Bài văn có mở bài, thân bài, kết bài; mở bài giới thiệu câu chuyện, thân bài kể các sự việc, kết bài nêu suy nghĩ hoặc bài học.
- GV nhận xét, dẫn vào tiết viết: Hôm nay các em dựa vào dàn ý đã lập để viết thành bài văn hoàn chỉnh.	- HS lắng nghe và chuẩn bị vở viết.
2. THỰC HÀNH * Mục tiêu: - Viết được bài văn kể lại một câu chuyện theo đúng bố cục, trình tự sự việc và lời văn của bản	

thân.	
* Cách tiến hành:	
- GV mời HS đọc yêu cầu bài 1 trong SGK.	- HS đọc yêu cầu bài 1.
- GV nhắc HS mở lại dàn ý đã lập ở Bài 14, xác định câu chuyện mình chọn kể.	- HS xem lại dàn ý, xác định câu chuyện mình kể.
- GV hướng dẫn HS viết bài theo bố cục: mở bài giới thiệu câu chuyện; thân bài kể các sự việc chính theo trình tự; kết bài nêu cảm nghĩ hoặc bài học.	- HS lắng nghe cách triển khai từng phần.
- GV lưu ý HS dùng từ ngữ nối trình tự: lúc đầu, sau đó, tiếp theo, cuối cùng; viết câu rõ ý, không xuống dòng tùy tiện trong thân bài.	- HS ghi nhớ cách dùng từ nối và cách trình bày bài văn.
- GV cho HS viết bài vào vở trong thời gian quy định, theo dõi và hỗ trợ HS còn lúng túng.	- HS viết bài vào vở, tự điều chỉnh câu văn trong khi viết.
3. LUYỆN TẬP	
* Mục tiêu:	
- Biết đọc soát bài viết theo tiêu chí; sửa được một số lỗi để bài văn hoàn chỉnh hơn.	
* Mục tiêu tích hợp:	
- HS nhận biết AI có thể hỗ trợ tạo bảng kiểm đọc soát, nhưng bài viết và quyết định sửa bài là của chính HS.	
* Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Khi đã viết xong bài, chúng ta cần đọc soát những điểm nào để bài văn tốt hơn?	- HS trả lời: Cần đọc soát mở bài, kết bài, trình tự sự việc, dùng từ, đặt câu, chính tả.
- GV diễn giải: Giáo viên có thể dùng ChatGPT hoặc Gemini để tạo một bảng kiểm ngắn gồm các tiêu chí như: mở bài đã giới thiệu được câu chuyện chưa, các sự việc đã đúng trình tự chưa, câu văn đã rõ chưa, còn lỗi chính tả không. Tuy nhiên, AI chỉ giúp gợi ý cách kiểm tra. Các em không đưa bài viết có thông tin riêng của mình lên mạng nếu chưa được thầy cô cho phép; không nhờ AI viết thay bài; khi sửa câu, phải đọc lại, suy nghĩ xem câu sửa có đúng ý mình không.	- HS lắng nghe, hiểu rằng AI chỉ là công cụ hỗ trợ; bài viết phải do bản thân suy nghĩ, viết và sửa.
- GV chiếu hoặc phát bảng kiểm đọc soát trong SGK.	- HS quan sát bảng kiểm.
- GV yêu cầu HS đọc lại bài làm của mình, đánh dấu chỗ cần sửa theo các tiêu chí: cách viết mở bài, kết bài; trình tự kể; cách dùng từ, đặt câu; chính tả.	- HS đọc lại bài, dùng bút chì đánh dấu chỗ cần sửa.
- GV tổ chức cho HS đổi vở với bạn cùng bàn để góp ý một điểm em thấy hay và một điểm cần sửa.	- HS đổi vở, góp ý lịch sự: Bài của bạn kể rõ sự việc; bạn cần sửa một lỗi chính tả hoặc thêm cảm nghĩ ở kết bài.

	
4. VẬN DỤNG * Mục tiêu: - Biết chia sẻ nội dung câu chuyện đã viết với người thân và tiếp tục hoàn thiện bài sau góp ý. * Cách tiến hành:	
- GV mời 1 - 2 HS đọc một đoạn em viết tốt trước lớp.	- HS xung phong đọc đoạn văn của mình.
- GV nhận xét, khen HS biết kể rõ trình tự, dùng từ phù hợp, có cảm xúc.	- HS lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm.
- GV dẫn HS về nhà đọc lại bài văn cho người thân nghe và hỏi thêm góp ý để hoàn thiện bài.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

Bài 16: TRƯỚC NGÀY XA QUÊ (4 tiết)
TIẾT 1 - 2: ĐỌC - TRƯỚC NGÀY XA QUÊ
Thời gian thực hiện:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Trước ngày xa quê; biết thể hiện cảm xúc bồi hồi, lưu luyến của nhân vật.
- Hiểu tâm trạng của bạn nhỏ trước ngày chuyển lên thành phố học; nhận biết được tình cảm với thầy cô, bạn bè, quê hương.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu trong SGK; tìm được động từ thể hiện cảm xúc và đặt câu về tình cảm với quê hương.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động luyện đọc, chuẩn bị câu trả lời và tự liên hệ cảm xúc của bản thân.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm đôi, nhóm 4 để tìm chi tiết và nhận xét ý kiến của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết đặt mình vào hoàn cảnh nhân vật để nêu lời chia tay phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ với bạn bè khi bạn phải xa quê, xa lớp.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc và tìm hiểu bài.
- Trách nhiệm: Biết giữ gìn tình cảm với gia đình, thầy cô, bạn bè và quê hương.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp NLS (2.3.CB1a): HS biết lựa chọn cách giao tiếp phù hợp, văn minh khi muốn gửi lời tạm biệt, lời cảm ơn tới thầy cô, bạn bè qua lời nói trực tiếp hoặc thông điệp số dưới sự hướng dẫn của GV.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, bảng kiểm, một số hình ảnh minh họa phù hợp với bài học.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li, bảng con, bút chì, màu vẽ, sách/câu chuyện đã đọc nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: - Tạo hứng thú học tập; gọi liên hệ về cảm xúc khi gặp gỡ hoặc tạm biệt người thân, bạn bè. * Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi: Khi gặp gỡ hoặc tạm biệt một người em yêu quý, em thường nói điều gì?	- HS trao đổi nhóm đôi: Em thường nói lời chào, lời cảm ơn, lời hẹn gặp lại.
- GV cho HS trao đổi nhóm đôi trong 1 phút, sau đó mời một số HS chia sẻ.	- HS chia sẻ: Em thấy buồn, nhớ, lưu luyến nhưng cũng mong gặp lại.
- GV dẫn vào bài: Văn bản Trước ngày xa quê kể về tâm trạng của một bạn nhỏ trước khi chuyển lên thành phố học.	- HS lắng nghe và ghi tên bài.
2. KHÁM PHÁ * Mục tiêu:	

<p>- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; hiểu nghĩa từ khó và bước đầu nắm được mạch cảm xúc của nhân vật.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, xúc động; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện nỗi buồn và sự lưu luyến: òa khóc, không muốn đi, im lặng, thương yêu vô hạn.</p>	<p>- HS lắng nghe giọng đọc mẫu.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chia văn bản thành các đoạn: đoạn 1 từ đầu đến chuẩn bị lên đường; đoạn 2 tiếp theo đến nhận nhó; đoạn 3 tiếp theo đến nằm lầy lầy; đoạn 4 còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: nghịch ngợm, gõ ghề, thăm thiết, mênh mông, lầy lầy.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó cá nhân và cả lớp.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: Vậy là tôi phải xa quê, nơi tôi đã từng đội nắng đội gió mà lớn lên với tình thương yêu vô hạn.</p>	<p>- HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ đúng.</p>
<p>- GV tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm 4, mỗi em đọc một đoạn.</p>	<p>- HS luyện đọc theo nhóm 4, nhận xét giọng đọc của bạn.</p>
	
<p>- GV mời HS đọc phần từ ngữ: sử dụng từ điển để tìm nghĩa của các từ nghịch ngợm, gõ ghề.</p>	<p>- HS đọc phần từ ngữ trong SGK.</p>
<p>- GV yêu cầu HS giải thích lại bằng lời của mình.</p>	<p>- HS giải thích: nghịch ngợm là hay đùa nghịch; gõ ghề là dùng tay hoặc vật gõ vào ghề tạo tiếng động.</p>
<p>- GV nhận xét và chốt nghĩa phù hợp với văn bản.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>
<p>3. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu; nhận biết cảm xúc nhân vật và luyện tập dùng động từ thể hiện cảm xúc.</p> <p>* Mục tiêu tích hợp:</p> <p>- HS biết lựa chọn lời nói, lời nhắn phù hợp, lịch sự khi chia tay thầy cô, bạn bè; không viết lời</p>	

<p>nhấn gây buồn, gây tổn thương người khác.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
- GV gọi HS đọc câu hỏi 1: Tìm chi tiết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi biết sẽ chuyển lên thành phố học.	- HS tìm chi tiết: bạn nhỏ òa khóc, không muốn đi, im lặng, buồn bã.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, tìm chi tiết trong văn bản.	- HS trả lời: Khi biết sắp chuyển lên thành phố học, bạn nhỏ òa khóc, không muốn đi, im lặng và buồn bã.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 2: Buổi chia tay của bạn nhỏ với thầy giáo và các bạn có gì đặc biệt?	- HS đọc câu hỏi 2.
- GV tổ chức HS trao đổi nhóm đôi và trả lời.	- HS trao đổi nhóm đôi: Buổi chia tay kéo dài, mọi người muốn nói nhiều điều nhưng không nói nên lời; thầy và các bạn nhìn bạn nhỏ bằng tình thương.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 3: Hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí của bạn nhỏ như thế nào trước ngày xa quê?	- HS trả lời: quê hương hiện lên với con đường làng, mái chòi, gió, nắng, bè tre, những trò nghịch ngợm, kỉ niệm tuổi thơ.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 4: Nếu được dự buổi chia tay, em sẽ nói gì với bạn nhỏ?	- HS nói: Mình chúc bạn học tốt, luôn nhớ về lớp mình và hẹn ngày gặp lại.
- GV gọi HS đọc câu hỏi 5: Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện?	- HS nêu: Cần biết yêu quê hương, trân trọng thầy cô, bạn bè và những kỉ niệm đẹp.
- GV chốt nội dung: Câu chuyện thể hiện tình cảm sâu nặng của bạn nhỏ với quê hương, thầy cô, bạn bè trước ngày xa quê.	- HS nhắc lại nội dung bài.
<p>Từ ngữ</p> <p>Sử dụng từ điển để tìm nghĩa của các từ gạch chân, ghi nhớ.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm chi tiết thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi biết tin sẽ chuyển lên thành phố học. 2. Buổi chia tay của bạn nhỏ với thầy giáo và các bạn có gì đặc biệt? 3. Hình ảnh quê hương hiện lên trong tâm trí của bạn nhỏ như thế nào trước ngày xa quê? 4. Nếu được dự buổi chia tay, em sẽ nói gì với bạn nhỏ? 5. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện trên? <p>1. Tìm trong bài đọc những động từ thể hiện cảm xúc của các bạn nhỏ. 2. Dạng 2 - 3 câu miêu tả cảm xúc của em đối với quê hương, trong đó có sử dụng động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc.</p>	
- GV hỏi: Nếu em muốn gửi lời tạm biệt cho một người bạn sắp chuyển trường, em nên nói hoặc viết như thế nào để bạn cảm thấy được yêu thương và được tôn trọng?	- HS trả lời: Nên nói nhẹ nhàng, chúc bạn học tốt, hẹn gặp lại, không nói những câu làm bạn buồn.
- GV diễn giải: Khi giao tiếp trực tiếp hoặc viết lời nhắn qua tin nhắn, bảng lớp, thiệp điện tử, các em cần dùng lời lẽ chân thành, lịch sự, rõ ràng. Nên nói lời cảm ơn, lời chúc, lời hẹn gặp lại; không trêu chọc nỗi buồn của bạn, không đăng hình ảnh hay thông tin riêng của bạn lên mạng khi chưa được đồng ý. Đó là cách giao tiếp văn minh, an toàn trong môi trường học tập và môi trường số.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách giao tiếp văn minh và an toàn khi viết lời nhắn.

- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Viết 1 - 2 câu lời nhắn chia tay bạn nhỏ trong bài, sau đó chia sẻ trước lớp.	- HS thảo luận nhóm 4 và viết lời nhắn: Chúc bạn lên thành phố học tốt. Chúng mình sẽ luôn nhớ bạn và mong ngày bạn về thăm lớp.
- GV nhận xét, khen các nhóm có lời nhắn chân thành, biết động viên bạn.	- HS lắng nghe, sửa câu nếu cần.
- GV yêu cầu HS thực hiện bài tập 1 phần luyện tập: Tìm trong bài đọc những động từ thể hiện cảm xúc của các bạn nhỏ.	- HS tìm: òa khóc, buồn, nhớ, thương, muốn, nghĩ.
- GV mời HS nêu các động từ tìm được.	- HS nêu kết quả, bạn khác bổ sung.
- GV yêu cầu HS làm bài tập 2: Đặt 2 - 3 câu nêu tình cảm của em đối với quê hương, trong đó có sử dụng động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc.	- HS đặt câu: Em yêu quê hương của em. Em nhớ con đường làng nhỏ và hàng tre trước ngõ. Em thương những người bạn đã cùng em lớn lên.
- GV nhận xét, sửa câu cho HS.	- HS lắng nghe và sửa câu.
4. VẬN DỤNG * Mục tiêu: - Biết liên hệ tình cảm quê hương, thầy cô, bạn bè với cuộc sống của bản thân. * Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS viết nhanh vào vở một câu thể hiện tình cảm của em với quê hương hoặc lớp học.	- HS viết câu: Em luôn nhớ mái trường và những người bạn thân yêu. / Em yêu con đường quen thuộc dẫn về nhà.
- GV mời 2 - 3 HS đọc câu đã viết.	- HS đọc câu trước lớp.
- GV dẫn HS về nhà kể cho người thân nghe cảm xúc của bạn nhỏ trong bài Trước ngày xa quê.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

.....

.....

.....

Bài 16: TRƯỚC NGÀY XA QUÊ (4 tiết)**TIẾT 3 - 4: VIẾT - TRẢ BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN; ĐỌC MỞ RỘNG****Thời gian thực hiện:****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe và hiểu nhận xét chung của GV về bài văn kể lại một câu chuyện.
- Biết đọc lại bài của mình, nhận ra ưu điểm, lỗi cần sửa và viết lại một số câu/đoạn cho hay hơn.
- Đọc mở rộng một câu chuyện về trải nghiệm trong cuộc sống; viết phiếu đọc sách theo mẫu và trao đổi với bạn về trải nghiệm trong câu chuyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự đọc soát, sửa lỗi và hoàn thiện bài viết.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết góp ý bài của bạn, trao đổi về sách đã đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách diễn đạt mới để bài văn sinh động hơn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực sửa bài, đọc sách và hoàn thành phiếu đọc sách.
- Trung thực: Nhận lỗi trong bài viết của mình, không sao chép nhận xét của bạn.
- Trách nhiệm: Biết giữ gìn sách, ghi thông tin sách chính xác khi đọc mở rộng.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp NLS (3.2.CB1a):** HS biết ghi chép thông tin đọc sách vào phiếu đọc sách; khi tìm thêm sách, biết ưu tiên nguồn sách phù hợp lứa tuổi, có tên tác giả hoặc nguồn rõ ràng.
- **Tích hợp AI (4.A1.1):** GV có thể dùng AI để tạo câu hỏi gợi ý sửa câu văn; HS chỉ sử dụng gợi ý dưới sự hướng dẫn của GV và tự quyết định cách sửa bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh và câu bài tập cắt từ SGK, thẻ từ, phiếu học tập, bảng kiểm, một số hình ảnh minh họa phù hợp với bài học.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở bài tập Tiếng Việt, vở ô li, bảng con, bút chì, màu vẽ, sách/câu chuyện đã đọc nếu có.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. KHỞI ĐỘNG	
* Mục tiêu:	
- Tạo tâm thế tích cực khi nhận xét, sửa bài; giúp HS hiểu việc sửa bài là cơ hội học tập.	
* Cách tiến hành:	
- GV nêu câu hỏi: Khi được thầy cô nhận xét bài viết, em cần có thái độ như thế nào?	- HS trả lời: Cần lắng nghe, ghi nhớ, không buồn khi có lỗi, cố gắng sửa bài.
- GV mời HS chia sẻ: Em thường sửa lỗi bài viết bằng cách nào?	- HS chia sẻ: Em đọc lại bài, gạch chân lỗi, hỏi thầy cô hoặc bạn, viết lại câu cho đúng.
- GV dẫn vào bài: Hôm nay các em sẽ nghe nhận xét, đọc lại bài và sửa để bài văn kể chuyện hay hơn.	- HS lắng nghe.
2. LUYỆN TẬP	
* Mục tiêu:	
- Biết tiếp nhận nhận xét, nhận ra lỗi trong bài và sửa bài theo tiêu chí.	

<p>* Mục tiêu tích hợp:</p> <p>- HS biết AI chỉ hỗ trợ tạo câu hỏi gợi ý sửa câu; không dùng AI viết thay bài hoặc sửa bài mà không hiểu lí do.</p> <p>* Cách tiến hành:</p>	
- GV nhận xét chung bài làm của lớp: ưu điểm về bố cục, trình tự sự việc, cách kể; hạn chế về dùng từ, đặt câu, chính tả hoặc kết bài.	- HS lắng nghe nhận xét chung, ghi nhớ những lỗi cần tránh.
- GV phát bài và yêu cầu HS đọc lại bài của mình, gạch chân chỗ cần sửa theo các tiêu chí trong SGK.	- HS nhận bài, đọc lại và đánh dấu chỗ cần sửa.
- GV hướng dẫn HS đọc bảng tiêu chí: bài có đủ mở bài, thân bài, kết bài; sắp xếp sự việc theo trình tự; kể đầy đủ sự việc chính; dùng từ, viết câu đúng; không mắc lỗi chính tả.	- HS đối chiếu bài của mình với bảng tiêu chí.
- GV yêu cầu HS sửa lỗi trong bài, viết lại 1 - 2 câu hoặc một đoạn ngắn cho hay hơn.	- HS sửa lỗi, viết lại câu/đoạn đã chọn.
- GV mời một số HS đọc câu đã sửa trước lớp.	- HS đọc câu đã sửa, bạn khác nhận xét.
	
- GV hỏi: Khi muốn sửa một câu văn còn lủng củng, em có thể tự hỏi những câu nào trước khi viết lại?	- HS trả lời: Câu đã rõ ý chưa? Có đủ chủ ngữ, vị ngữ chưa? Có từ nào dùng chưa đúng không? Có lỗi chính tả không?
- GV diễn giải: Giáo viên có thể dùng AI để tạo những câu hỏi gợi ý như: Câu này đã rõ ai làm gì chưa? Có từ nào lặp lại nhiều lần không? Có thể thay bằng từ chính xác hơn không? Nhưng AI không hiểu hết cảm xúc và trải nghiệm của các em. Vì vậy, các em chỉ dùng gợi ý để suy nghĩ, sau đó tự viết lại câu bằng lời văn của mình, kiểm tra xem câu sửa có đúng với câu chuyện em kể không.	- HS lắng nghe, hiểu cách dùng gợi ý AI một cách có trách nhiệm.
- GV yêu cầu HS chọn một câu văn trong bài, tự đặt câu hỏi kiểm tra và sửa lại.	- HS chọn một câu trong bài và viết lại câu rõ hơn.
- GV nhận xét câu sửa, khen HS biết giữ ý của mình nhưng diễn đạt rõ hơn.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
<p>3. THỰC HÀNH – HOẠT ĐỘNG: ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>* Mục tiêu:</p> <p>- Đọc được câu chuyện về trải nghiệm trong cuộc sống; ghi phiếu đọc sách và trao đổi với bạn về trải nghiệm trong câu chuyện.</p> <p>* Mục tiêu tích hợp:</p> <p>- HS biết ghi thông tin sách chính xác, ưu tiên nguồn sách phù hợp lứa tuổi; không lấy thông tin</p>	

không rõ nguồn để ghi vào phiếu đọc sách.

*** Cách tiến hành:**

- GV hỏi: Khi đọc một câu chuyện ngoài SGK và ghi phiếu đọc sách, em cần ghi những thông tin nào để người khác biết rõ em đã đọc sách gì?	- HS trả lời: Cần ghi tên câu chuyện, tác giả, nhân vật, chi tiết ấn tượng, nội dung chính, cảm nghĩ.										
- GV diễn giải: Khi ghi phiếu đọc sách, các em cần ghi tên câu chuyện, tác giả, các nhân vật, nhân vật em thích nhất, chi tiết gây ấn tượng, trải nghiệm của nhân vật và mức độ yêu thích. Nếu tìm sách ở thư viện số hoặc trang đọc trực tuyến, các em cần chọn nguồn phù hợp lứa tuổi, có tên tác giả hoặc nhà xuất bản rõ ràng; không bấm vào quảng cáo lạ, không đăng nhập bằng tài khoản cá nhân nếu chưa có sự đồng ý của người lớn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách chọn nguồn sách phù hợp và ghi thông tin đọc sách an toàn.										
- GV giới thiệu mẫu phiếu đọc sách trong SGK.	- HS quan sát mẫu phiếu đọc sách.										
- GV yêu cầu HS đọc câu chuyện đã chuẩn bị hoặc chọn một câu chuyện về trải nghiệm trong cuộc sống, sau đó hoàn thành phiếu đọc sách.	- HS đọc sách/câu chuyện và hoàn thành phiếu đọc sách.										
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm đôi: Kể cho bạn nghe trải nghiệm được nhắc đến trong câu chuyện và điều em học được.	- HS trao đổi nhóm đôi, kể ngắn gọn câu chuyện và chia sẻ bài học.										
 <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc câu chuyện về những trải nghiệm trong cuộc sống. 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <p>PHIẾU ĐỌC SÁCH</p> <table border="1"> <tr> <td>Tên câu chuyện</td> <td>Tác giả</td> </tr> <tr> <td>Các nhân vật</td> <td>Nhân vật em thích nhất</td> </tr> <tr> <td>Chi tiết gây ấn tượng nhất</td> <td>Trải nghiệm của nhân vật</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Ghi văn bản trình bày các sự việc trong câu chuyện</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Mức độ yêu thích</td> </tr> </table> <p>3. Trao đổi với bạn về những trải nghiệm được nói đến trong câu chuyện đã đọc.</p> <p>Nói với người thân những cảm xúc của bạn nhỏ trong bài đọc Trước ngày xa quê</p>		Tên câu chuyện	Tác giả	Các nhân vật	Nhân vật em thích nhất	Chi tiết gây ấn tượng nhất	Trải nghiệm của nhân vật	Ghi văn bản trình bày các sự việc trong câu chuyện		Mức độ yêu thích	
Tên câu chuyện	Tác giả										
Các nhân vật	Nhân vật em thích nhất										
Chi tiết gây ấn tượng nhất	Trải nghiệm của nhân vật										
Ghi văn bản trình bày các sự việc trong câu chuyện											
Mức độ yêu thích											

4. VẬN DỤNG

*** Mục tiêu:**

- Củng cố thói quen đọc sách, sửa bài và chia sẻ cảm xúc sau khi đọc.

*** Cách tiến hành:**

- GV mời 2 HS giới thiệu phiếu đọc sách của mình trước lớp.	- HS giới thiệu phiếu đọc sách: tên câu chuyện, tác giả, nhân vật, trải nghiệm nổi bật, điều em học được.
- GV nhận xét, khen HS ghi đủ thông tin, biết nêu cảm nghĩ rõ ràng.	- HS lắng nghe nhận xét.
- GV dẫn HS về nhà nói với người thân những cảm xúc của bạn nhỏ trong bài Trước ngày xa quê và tiếp tục đọc một câu chuyện về trải nghiệm trong cuộc sống.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I - PHẦN ÔN TẬP (TIẾT 1 - 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng và bước đầu đọc diễn cảm được các văn bản đã học trong chủ điểm Mỗi người một vẻ và Trải nghiệm và khám phá.
- Nhận diện được tên bài, nhân vật, chi tiết tiêu biểu và nêu ngắn gọn nội dung chính của một số bài đọc đã học.
- Nêu được chi tiết hoặc nhân vật em nhớ nhất trong một bài đọc; biết giải thích lí do lựa chọn bằng lời nói rõ ràng.
- Phân biệt được danh từ chung, danh từ riêng trong ngữ liệu; biết xếp danh từ vào nhóm thích hợp.
- Nghe - viết đúng đoạn văn Đi máy bay Hà Nội - Điện Biên; biết tự soát và sửa lỗi chính tả.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động ôn lại bài cũ, đọc yêu cầu, hoàn thành phiếu ôn tập và tự soát lỗi bài viết.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn khi nêu tên bài, nội dung bài đọc và phân loại danh từ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết dựa vào dấu hiệu nghĩa của từ, tên người, tên địa lí để phân loại danh từ chính xác.

3. Phẩm chất:

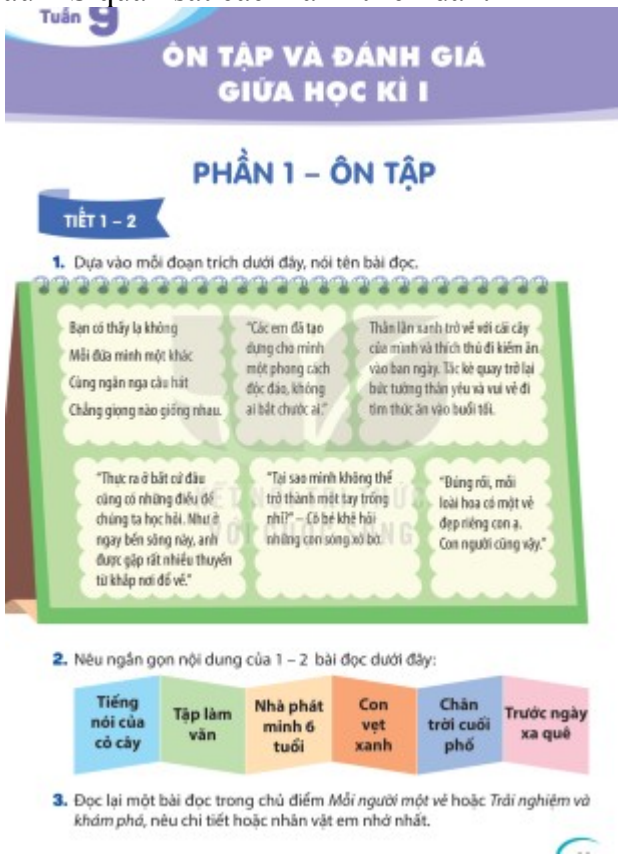
- Chăm chỉ: tích cực đọc lại văn bản, hoàn thành bài tập ôn tập và luyện viết cẩn thận.
- Trách nhiệm: tự giác chuẩn bị bài, giữ trật tự khi nghe bạn đọc, trung thực khi tự soát lỗi.
- Yêu nước: thêm yêu tiếng Việt, trân trọng cảnh đẹp quê hương, đất nước qua các văn bản đã học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi/máy chiếu, SGK Tiếng Việt 4 tập một, phiếu ôn tập tên bài - nội dung bài, bảng nhóm phân loại danh từ, đoạn nghe - viết, tranh SGK trang 69 - 70.
- HS: SGK, vở ghi, vở ô li, bút chì, bút mực, bảng con/phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 (35 phút)	
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập tích cực, giúp HS nhớ lại các chủ điểm và bài đọc đã học.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Vòng quay chủ điểm”: yêu cầu HS nêu tên hai chủ điểm đã học trong nửa đầu học kì I.	- HS tham gia trò chơi, nêu: Mỗi người một vẻ; Trải nghiệm và khám phá.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hỏi: Trong các bài đã học, bài nào để lại cho em ấn tượng nhất? Vì sao?	- HS chia sẻ bài em thích và nêu lí do ngắn gọn.
- GV nhận xét, dẫn vào bài ôn tập giữa học kì I.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Luyện tập - Bài 1: Nói tên các bài đã học (10 phút) Mục tiêu: HS nhận biết được các đoạn trích, lời nhân vật hoặc khổ thơ và nêu đúng tên bài đọc tương ứng. *Cách tiến hành:	
<p>- GV chiếu nội dung bài tập 1 trong SGK, yêu cầu HS quan sát các mảnh trích dẫn.</p> 	<p>- HS quan sát nội dung bài tập 1 trong SGK.</p>
- GV giao nhiệm vụ cá nhân: đọc thầm từng mảnh, gạch chân từ khóa giúp nhận ra bài đọc.	- HS đọc thầm, ghi nhanh tên bài dự đoán vào nháp.
- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4 để thống nhất tên bài đọc.	- HS thảo luận nhóm 4, đối chiếu câu trả lời.
- GV mời đại diện nhóm trình bày và yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS trình bày: Tiếng nói của cô cây, Tập làm văn, Nhà phát minh 6 tuổi, Con vẹt xanh, Chân trời cuối phố, Trước ngày xa quê,...

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV chốt đáp án, nhắc HS khi nhận diện bài đọc cần dựa vào nhân vật, hình ảnh, sự việc hoặc lời nói đặc trưng trong bài.	- HS lắng nghe, sửa đáp án nếu cần.
- GV khen nhóm nêu đúng, nói rõ ràng, biết lắng nghe bạn.	- HS ghi nhớ cách nhận diện bài đọc qua chi tiết tiêu biểu.
3. Luyện tập - Bài 2: Nêu ngắn gọn nội dung bài đọc (10 phút) <i>Mục tiêu: HS nêu được nội dung chính của 1 - 2 bài đọc đã học bằng câu ngắn gọn, rõ ý.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 2: Nêu ngắn gọn nội dung của 1 - 2 bài đọc dưới đây.	- HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV hướng dẫn HS dùng mẫu câu: “Bài ... nói về ... Qua bài đọc, em hiểu ...”.	- HS lắng nghe mẫu trả lời.
- GV cho HS làm việc nhóm đôi: mỗi bạn chọn một bài, nêu nội dung, bạn còn lại góp ý cho câu trả lời rõ hơn.	- HS làm việc nhóm đôi, lần lượt nêu nội dung bài đã chọn.
- GV mời 4 - 5 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ, ví dụ: Bài Tập làm văn nói về việc bạn nhỏ biết quan sát đời sống để viết bài văn chân thật. Bài Con vẹt xanh giúp em hiểu cần yêu thương, chăm sóc con vật và biết chịu trách nhiệm với việc mình làm.
- GV nhận xét, sửa cách diễn đạt còn dài dòng, giúp HS nói gọn đúng trọng tâm.	- HS lắng nghe, hoàn thiện câu trả lời.
4. Luyện tập - Bài 3: Đọc lại một bài và nêu chi tiết/nhân vật em nhớ nhất (8 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại một bài trong hai chủ điểm, nêu được chi tiết hoặc nhân vật đáng nhớ và giải thích lí do lựa chọn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 3.	- HS đọc yêu cầu bài 3.
- GV chia lớp thành các nhóm theo tổ, phát bảng nhóm gồm các cột: Tên bài đọc - Nhân vật/chi tiết em nhớ - Lí do em nhớ.	- HS làm việc nhóm, mỗi bạn nêu một ý và ghi vào bảng nhóm.
- GV nhắc HS chọn chi tiết cụ thể, không nói chung chung.	- HS ghi nhớ cần nêu rõ tên bài, chi tiết/nhân vật và lí do.
- GV mời 2 - 3 nhóm trình bày nhanh kết quả.	- HS trình bày, ví dụ: Em nhớ nhân vật cô bé trong Nhà phát minh 6 tuổi vì bạn rất ham học hỏi, dám đặt câu hỏi và tìm hiểu sự vật.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh				
- GV chốt: Khi chia sẻ cảm nhận về văn bản, các em cần nói đúng nội dung bài và thể hiện suy nghĩ riêng của mình.	- HS lắng nghe, bổ sung ý cho nhóm.				
5. Vận dụng (2 phút) <i>Mục tiêu: HS củng cố cách nêu nội dung bài đọc và chuẩn bị cho tiết ôn tập tiếp theo.</i> *Cách tiến hành:					
- GV yêu cầu HS về nhà đọc lại một bài em thích và chuẩn bị phân loại danh từ ở tiết sau.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.				
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.				
TIẾT 2 (35 phút)					
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về danh từ chung, danh từ riêng trước khi làm bài tập.</i> *Cách tiến hành:					
- GV hỏi: Danh từ chung là gì? Danh từ riêng là gì?	- HS trả lời: Danh từ chung là tên gọi chung của một loại sự vật; danh từ riêng là tên riêng của người, địa danh, cơ quan,...				
- GV yêu cầu HS nêu một ví dụ về danh từ chung và một ví dụ về danh từ riêng.	- HS nêu ví dụ: học sinh, dòng sông; Hà Nội, Tô Thị,...				
- GV dẫn vào bài tập phân loại danh từ.	- HS lắng nghe.				
2. Luyện tập - Bài 4: Tìm danh từ chung và danh từ riêng (15 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm được danh từ chung, danh từ riêng trong các câu ca dao và xếp vào nhóm thích hợp.</i> *Cách tiến hành:					
- GV chiếu bài tập 4 trong SGK, yêu cầu HS đọc các câu ca dao.  <p>4. Tìm danh từ chung và danh từ riêng trong các câu ca dao dưới đây và xếp vào nhóm thích hợp.</p> <p>Đông Đăng có phố Kỳ Lừa Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh.</p> <p>Ái qua Nông Cống tỉnh Thanh Đứng chân nhớ Triệu Thị Trinh anh hùng.</p> <p>Gió đưa cành trúc la đà Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương. Mặt mù khói toả ngàn sương Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.</p> <p>Ơn trời mưa nắng phải thì Nơi thì bủa cày, nơi thì cây sào Công lênh chẳng quản bao lâu Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Danh từ chung</th> <th>Danh từ riêng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Danh từ chung	Danh từ riêng			- HS quan sát bài tập 4 trong SGK và đọc thầm.
Danh từ chung	Danh từ riêng				

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhắc HS tìm danh từ chỉ người, chỉ vật, chỉ hiện tượng tự nhiên; sau đó tìm tên người, tên địa lí.	- HS gạch chân danh từ trong ngữ liệu.
- GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS làm cá nhân trước khi trao đổi nhóm đôi.	- HS làm phiếu cá nhân, sau đó trao đổi nhóm đôi.
- GV mời đại diện HS trình bày theo từng nhóm danh từ.	- HS trình bày: Danh từ chung chỉ người: nàng; chỉ vật: phố, chùa, tỉnh, chân, cành, trúc, chuông, chày, mặt gương, trời, nước, cơm, bạc, vàng; chỉ hiện tượng tự nhiên: gió, khói, sương, mưa, nắng; danh từ riêng: Tô Thị, Triệu Thị Trinh, Đồng Đăng, Kỳ Lừa, Tam Thanh, Trấn Vũ, Thọ Xương, Yên Thái, Tây Hồ.
- GV chốt đáp án, nhấn mạnh: tên người, tên địa lí Việt Nam là danh từ riêng và cần viết hoa đúng quy tắc.	- HS lắng nghe, sửa bài.

3. Thực hành viết - Bài 5: Nghe - viết (14 phút)

Mục tiêu: HS nghe - viết đúng đoạn *Đi máy bay Hà Nội - Điện Biên*, biết trình bày đoạn văn và tự soát lỗi.

***Cách tiến hành:**

<p>- GV giới thiệu đoạn nghe - viết <i>Đi máy bay Hà Nội - Điện Biên</i>.</p>  <p>The worksheet contains a table with 5 columns: 'Chỉ người', 'Chỉ vật', 'Chỉ hiện tượng tự nhiên', 'Tên người', and 'Tên địa lí'. Below the table is a section titled '5. Nghe - viết' with the text of the listening exercise and a small illustration of a plane.</p>	- HS quan sát phần nghe - viết trong SGK.
- GV đọc mẫu đoạn văn một lượt, yêu cầu HS lắng nghe nội dung.	- HS lắng nghe GV đọc mẫu.
- GV hỏi: Đoạn văn tả điều gì? Những tên riêng nào cần viết hoa?	- HS trả lời: Đoạn văn tả cảnh nhìn từ máy bay; cần viết hoa Hà Nội, Điện Biên, Hòa Bình,...
- GV hướng dẫn HS luyện viết từ khó: Hà Nội, Điện Biên, Hòa Bình, nương rẫy, xanh lam, trùng điệp.	- HS viết từ khó vào bảng con/vở nháp.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhắc tư thế ngồi viết, cách trình bày đoạn văn, viết hoa chữ đầu câu và tên riêng.	- HS điều chỉnh tư thế ngồi viết.
- GV đọc từng cụm từ cho HS viết bài vào vở.	- HS nghe - viết bài vào vở.
- GV đọc lại toàn bài, yêu cầu HS soát lỗi và đổi vở kiểm tra chéo.	- HS dùng bút chì soát lỗi, đổi vở kiểm tra chéo và sửa lỗi nếu có.
4. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về danh từ chung, danh từ riêng vào viết câu, viết đoạn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà tìm và viết 3 câu có danh từ chung, danh từ riêng trong sách em đọc.	- HS ghi nhiệm vụ vào vở.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết ôn tập tiếp theo.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I - PHẦN ÔN TẬP (TIẾT 3 - 4)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nêu được tên bài thơ đã học, tên tác giả và đọc được một đoạn thơ/bài thơ theo yêu cầu.
- Nhận biết được câu chủ đề trong từng đoạn văn; bước đầu hiểu câu chủ đề nêu ý chính của đoạn.
- Tìm được động từ trong đoạn văn cho sẵn và mở rộng thêm động từ theo nhóm nghĩa.
- Viết được đoạn văn 4 - 5 câu theo chủ đề tự chọn, có sử dụng động từ phù hợp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc yêu cầu, nhớ lại bài thơ đã học, tự hoàn thành bài tập về động từ.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn động từ phù hợp với chủ đề để viết đoạn văn rõ ý.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực ôn bài, làm bài, viết đoạn văn và sửa lỗi.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân, tham gia đúng vai trò trong nhóm.
- Nhân ái: biết tôn trọng ý kiến của bạn, góp ý bài viết nhẹ nhàng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi/máy chiếu, SGK Tiếng Việt 4 tập một, phiếu học tập tìm câu chủ đề, bảng nhóm động từ, tranh/bảng bài tập SGK trang 70 - 71.
- HS: SGK, vở ghi, vở bài tập/phiếu học tập, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 3 (35 phút)	
1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về thơ, tác giả và câu chủ đề đã học.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Đọc một câu - đoán bài thơ”.	- HS nghe câu thơ, đoán tên bài thơ đã học.
- GV yêu cầu HS nêu lại: Câu chủ đề thường có vai trò gì trong đoạn văn?	- HS trả lời: Câu chủ đề nêu ý chính hoặc khái quát nội dung của đoạn văn.
- GV nhận xét, giới thiệu nội dung ôn tập tiết 3.	- HS lắng nghe, ghi bài.
2. Luyện tập - Bài 1: Nêu tên bài thơ, tác giả và đọc đoạn thơ đã học (10 phút) <i>Mục tiêu: HS nhớ được tên bài thơ, tên tác giả và đọc được một đoạn thơ/bài thơ trong các chủ điểm đã học.</i> *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																				
<p>- GV chiếu yêu cầu bài 1, yêu cầu HS đọc các dòng gợi ý.</p> <p>1. Dựa vào từng gợi ý dưới đây, nói tên bài thơ và tên tác giả. Đọc một đoạn thơ hoặc một bài thơ em thuộc.</p> <div><p>(1) Bài thơ chia sẻ niềm vui và những khó khăn trong hành trình học chữ của các bạn nhỏ vùng cao.</p><p>(2) Bài thơ là câu chuyện của một chú gà con kể với các bạn về những trải nghiệm thú vị của mình.</p></div> <p>70</p>	<p>- HS quan sát yêu cầu bài tập 1.</p>																				
<p>- GV hướng dẫn HS dựa vào gợi ý để nêu tên bài thơ và tác giả.</p>	<p>- HS đọc thầm gợi ý và nhớ lại bài thơ đã học.</p>																				
<p>- GV tổ chức HS trao đổi cặp đôi: một bạn nêu gợi ý, một bạn nêu tên bài thơ, tác giả và đọc một đoạn thơ.</p>	<p>- HS trao đổi cặp đôi theo hướng dẫn.</p>																				
<p>- GV mời 4 - 6 HS đọc đoạn thơ/bài thơ trước lớp.</p>	<p>- HS đọc thơ trước lớp, các bạn theo dõi và nhận xét.</p>																				
<p>- GV nhận xét giọng đọc, cách ngắt nhịp và sự chính xác khi nêu tên bài thơ, tác giả.</p>	<p>- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.</p>																				
<p>3. Luyện tập - Bài 2: Tìm câu chủ đề trong từng đoạn (10 phút) <i>Mục tiêu: HS xác định đúng câu chủ đề trong các đoạn văn và hiểu ý chính mỗi đoạn.</i> <i>*Cách tiến hành:</i></p>																					
<p>- GV yêu cầu HS đọc ba đoạn văn trong bài 2.</p> <p>2. Tìm câu chủ đề trong từng đoạn dưới đây:</p> <div><p>a. Biển động. Gió thổi trên những rừng dương. Sóng đập dữ dội vào mạn thuyền. Cây cột buồm vọt lên, lá cờ đuôi nheo bay phấp phất. Mưa cát ngang mặt những tia nước lạnh. Bãi cát vật vờ với nước, với sóng. (Trần Nhật Thu)</p><p>b. Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long, Bãi Cháy hoặc Tuần Châu,... ta có cảm giác như đi trước cửa gió. Ngon gió lúc êm ả như ru, lúc phấp phất như quạt, mang cái trong lành, cái tươi mát của đại dương vào đất liền. Trong tiếng gió thổi, ta nghe tiếng thông reo, tiếng sóng vỗ, tiếng ve ràn và cả tiếng máy, tiếng xe, tiếng còi từ trên các tầng thang, bến cảng vọng lại. (Theo Thế Sánh)</p><p>c. Chuẩn chuẩn ngô mặc áo kẻ ca rô đen vàng thích phơi mình ngoài nắng, trên ngọn chuối hoặc bờ ao. Chuẩn chuẩn ớt với bộ cánh đỏ rực hoặc vàng tươi, suốt ngày là cả hết chỗ này sang chỗ khác. Chuẩn chuẩn nước thích soi gương, ưa đứng im trên cọng khoai giữa bên bờ ao ngắm bóng mình in dưới nước,... Ớt là và xinh xắn hơn cả là các bé chuẩn kim, cả thân hình chỉ nhỉnh hơn chiếc kim khâu,... Ngán ấy loại chuẩn chuẩn cũng đủ cho chúng tôi mê tới trong suốt mùa hè. (Theo Trần Đức Tiến)</p></div> <p>3. Tìm các động từ trong một đoạn văn (a, b hoặc c) ở bài tập 2.</p> <p>4. Tìm thêm 2 – 3 động từ thích hợp với mỗi sự vật dưới đây:</p> <table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr><tr><td>(học sinh)</td><td>(ong)</td><td>(cá)</td><td>(cây)</td><td>(thuyền)</td></tr><tr><td>chào</td><td>bay</td><td>bơi</td><td>mọc</td><td>trôi</td></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> <p>5. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) theo chủ đề tự chọn, có chứa động từ ở bài tập 4.</p> <p>71</p>						(học sinh)	(ong)	(cá)	(cây)	(thuyền)	chào	bay	bơi	mọc	trôi						<p>- HS đọc thầm ba đoạn văn.</p>
																					
(học sinh)	(ong)	(cá)	(cây)	(thuyền)																	
chào	bay	bơi	mọc	trôi																	
																					
<p>- GV nhắc HS tìm câu nêu ý bao quát của đoạn, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.</p>	<p>- HS lắng nghe cách tìm câu chủ đề.</p>																				

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV giao nhiệm vụ nhóm đôi: đọc từng đoạn, gạch chân câu chủ đề.	- HS làm việc nhóm đôi, thống nhất câu trả lời.
- GV mời HS trình bày và giải thích vì sao chọn câu đó.	- HS trình bày, nêu lí do lựa chọn.
- GV chốt: Đoạn 1 nói về biển động; đoạn 2 nói về cảm giác khi đi bên bờ Hạ Long vào ngày hè; đoạn 3 nói về sự phong phú của các loại chuồn chuồn trong mùa hè.	- HS lắng nghe, sửa bài.
4. Luyện tập - Bài 3: Tìm động từ trong đoạn văn (8 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận diện được các động từ trong đoạn văn cho sẵn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc bài 3 và nhắc lại khái niệm động từ.	- HS đọc yêu cầu bài 3 và nêu: Động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái.
- GV hướng dẫn: động từ là từ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật, hiện tượng.	- HS lắng nghe hướng dẫn.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào phiếu, sau đó chia sẻ nhóm đôi.	- HS làm bài cá nhân, trao đổi với bạn để kiểm tra.
- GV mời HS nêu các động từ tìm được trong từng đoạn.	- HS nêu: động, thét, đập, rít, bay, cắt, vãi, đi, mang, thổi, nghe, reo, vỗ, vọng; mặc, thích, phơi, soi, đứng, ngắm, mê tơi,...
- GV chốt đáp án, sửa các trường hợp HS nhầm danh từ/tính từ với động từ.	- HS sửa bài và ghi nhớ cách nhận diện động từ.
5. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: củng cố kiến thức về câu chủ đề và động từ.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nêu một động từ chỉ hoạt động học tập và đặt câu với động từ đó.	- HS nêu và đặt câu, ví dụ: đọc - Em đọc lại bài thơ em yêu thích.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị viết đoạn ở tiết 4.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.
TIẾT 4 (35 phút)	
1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại động từ đã tìm và chuẩn bị mở rộng vốn động từ.</i> *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV tổ chức trò chơi “Tiếp sức động từ”: mỗi nhóm nêu nhanh các động từ thuộc một nhóm nghĩa.	- HS tham gia trò chơi, nêu động từ theo nhóm.
- GV nhận xét và chuyển vào bài 4.	- HS lắng nghe.
2. Luyện tập - Bài 4: Tìm thêm động từ cho mỗi nhóm (10 phút) <i>Mục tiêu: HS mở rộng vốn động từ theo nhóm sự vật, hoạt động và hiện tượng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chiếu bảng bài tập 4, yêu cầu HS quan sát các hình và từ mẫu: chào, bay, bơi, mọc, trôi.	- HS quan sát bảng bài tập 4 trong SGK.
- GV chia lớp thành 5 nhóm, mỗi nhóm phụ trách một cột từ.	- HS nhận nhiệm vụ theo nhóm.
- GV yêu cầu nhóm ghi thêm 2 - 3 động từ phù hợp vào bảng nhóm.	- HS thảo luận, ghi thêm động từ phù hợp.
- GV mời các nhóm trình bày theo hình thức tiếp sức.	- HS trình bày, ví dụ: trao đổi, học, hỏi, trả lời, suy nghĩ; làm tổ, hút mật, chui, đậu; quấy, nhảy, thở, ăn; nở, đổ, phát triển, kết trái; cập bến, dừng, chìm, trôi,...
- GV nhận xét, bổ sung từ đúng, loại bỏ từ không phải động từ.	- HS sửa bài.
3. Luyện tập - Bài 5: Viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn (18 phút) <i>Mục tiêu: HS viết được đoạn văn 4 - 5 câu theo chủ đề tự chọn, có sử dụng động từ ở bài tập 4.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu bài 5.	- HS đọc yêu cầu bài 5.
- GV gợi ý các chủ đề: hoạt động học tập, hoạt động của ong, cá, cây, thuyền hoặc một sự việc em quan sát được.	- HS chọn chủ đề mình muốn viết.
- GV nhắc HS đoạn văn cần có câu mở đoạn, các câu triển khai và dùng động từ phù hợp với chủ đề.	- HS lắng nghe tiêu chí viết đoạn.
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn vào vở.	- HS viết đoạn văn 4 - 5 câu.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi: Em viết về ai/cái gì? Sự vật đó đang làm gì? Hoạt động diễn ra như thế nào?	- HS chỉnh sửa câu văn theo gợi ý của GV.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp.	- HS đọc đoạn văn; lớp nhận xét về nội dung, động từ và cách diễn đạt.
- GV nhận xét, khen đoạn văn có động từ chính xác, câu văn rõ ý.	- HS lắng nghe, sửa bài.
- GV nhắc HS đọc lại đoạn văn, gạch chân động từ đã sử dụng.	- HS gạch chân động từ trong đoạn văn của mình.
4. Vận dụng (4 phút) <i>Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về động từ vào nói và viết hằng ngày.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV yêu cầu HS về nhà viết thêm 2 câu có dùng động từ chỉ hoạt động của người thân hoặc con vật.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 9

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I - PHẦN ÔN TẬP (TIẾT 5)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc được lời thoại trong tranh, hiểu các sự việc chính của câu chuyện Nai con Bam-bi.
- Tóm tắt được câu chuyện theo trình tự sự việc và nhân vật trong tranh.
- Viết được mở bài hoặc kết bài cho câu chuyện theo một cách phù hợp.
- Biết trao đổi, chỉnh sửa câu văn để bài viết rõ ý, có cảm xúc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: đọc yêu cầu, quan sát tranh và tự lựa chọn cách viết mở bài/kết bài.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để tóm tắt câu chuyện, lắng nghe và góp ý bài viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn sự việc quan trọng, sắp xếp theo trình tự và diễn đạt bằng lời của mình.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực quan sát tranh, viết bài và sửa bài.
- Nhân ái: biết yêu quý, cảm thông với nhân vật trong câu chuyện; góp ý với bạn nhẹ nhàng.
- Trách nhiệm: hoàn thành đoạn mở bài/kết bài, giữ vở sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi/máy chiếu, SGK Tiếng Việt 4 tập một, tranh câu chuyện Nai con Bam-bi, phiếu tóm tắt câu chuyện, bảng tiêu chí viết mở bài/kết bài.
- HS: SGK, vở ghi, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 5 (35 phút)	
1. Khởi động (5 phút) <i>Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về tóm tắt câu chuyện, mở bài và kết bài trong bài văn kể chuyện.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	
- GV hỏi: Khi tóm tắt một câu chuyện, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Cần nêu nhân vật chính, sự việc chính, trình tự câu chuyện, không kể quá dài.
- GV hỏi tiếp: Mở bài và kết bài trong bài văn kể chuyện có nhiệm vụ gì?	- HS trả lời: Mở bài giới thiệu câu chuyện; kết bài nêu kết thúc hoặc cảm nghĩ/bài học.
- GV nhận xét, dẫn vào bài ôn tập tiết 5.	- HS lắng nghe.
2. Luyện tập - Bài 1: Đọc lời thoại và tóm tắt câu chuyện (17 phút) <i>Mục tiêu: HS quan sát tranh, đọc lời thoại, nêu được các sự việc chính và tóm tắt câu chuyện Nai con Bam-bi.</i> <i>*Cách tiến hành:</i>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV cho HS quan sát tranh câu chuyện Nai con Bam-bi trong SGK.</p> <p>TIẾT 5</p> <p>1. Đọc lời dưới tranh rồi tóm tắt câu chuyện.</p> <p>Nai con Bam-bi</p> <p>(Theo Lưu Hồng Hà)</p> <div>  <p>Bam-bi đã lớn, nai mẹ quyết định cho con sống tự lập, để mong con sớm trưởng thành.</p> </div> <div>  <p>Mẹ ơi! Mẹ ở đâu?</p> <p>Nai mẹ lặn lội bỏ đi từ lúc nào không hay, Bam-bi hoảng hốt kêu khóc, gọi mẹ vang vọng cả rừng.</p> </div> <div>  <p>Bỗng, nai bố xuất hiện với vẻ nghiêm nghị, khích lệ Bam-bi rồi quay người, bước đi.</p> </div> <div>  <p>Nhìn theo bóng bố xa dần, Bam-bi cảm thấy yên tâm. Nó thấy tương lai của mình qua bóng dáng của bố.</p> </div> <div>  <p>Kể từ đó, Bam-bi bắt đầu làm quen với cuộc sống tự lập. Bam-bi khắc ghi trong tim lời dạy của bố mẹ, khám phá thế giới, học cách suy nghĩ, dùng hiểu biết của mình để xử lý các tình huống,... Nhiều năm trôi qua, Bam-bi giờ đã trở thành chàng nai thông minh, dũng cảm.</p> </div> <p>2. Viết mở bài hoặc kết bài cho câu chuyện <i>Nai con Bam-bi</i> theo ý em.</p> <p>72</p>	<p>- HS quan sát tranh trong SGK.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc lời thoại trong tranh và phần lời dẫn.</p>	<p>- HS đọc lời thoại và phần lời dẫn.</p>
<p>- GV hỏi: Câu chuyện có những nhân vật nào? Sự việc nào xảy ra ở từng tranh?</p>	<p>- HS trả lời: Có Bam-bi, nai mẹ, bướm và những con vật trong rừng; từng tranh kể việc Bam-bi lạc mẹ, gặp mẹ, nhìn thấy bướm, trưởng thành và trở thành chàng nai nhanh nhẹn.</p>
<p>- GV chia nhóm 4, giao nhiệm vụ: sắp xếp các sự việc chính vào phiếu tóm tắt theo trình tự.</p>	<p>- HS làm việc nhóm 4, ghi sự việc chính.</p>
<p>- GV nhắc HS khi tóm tắt cần dùng lời của mình, không chép nguyên lời trong SGK.</p>	<p>- HS lắng nghe yêu cầu tóm tắt ngắn gọn.</p>
<p>- GV mời 2 nhóm tóm tắt trước lớp.</p>	<p>- Đại diện nhóm tóm tắt trước lớp; nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV chốt cách tóm tắt: nêu nhân vật chính, sự việc mở đầu, sự việc phát triển, kết thúc và ý nghĩa của câu chuyện.	- HS lắng nghe, hoàn thiện phiếu tóm tắt.
- GV khen nhóm tóm tắt đủ ý, đúng trình tự.	- HS ghi nhớ cách tóm tắt câu chuyện.
3. Luyện tập - Bài 2: Viết mở bài hoặc kết bài cho câu chuyện (10 phút) <i>Mục tiêu: HS viết được một mở bài hoặc kết bài phù hợp với câu chuyện Nai con Bam-bi.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc bài 2: Viết mở bài hoặc kết bài cho câu chuyện Nai con Bam-bi theo ý em.	- HS đọc yêu cầu bài 2.
- GV nhắc HS có thể viết mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp; kết bài có thể nêu cảm nghĩ, bài học hoặc ấn tượng về nhân vật.	- HS lắng nghe cách viết mở bài/kết bài.
- GV gợi ý: Em muốn giới thiệu câu chuyện như thế nào? Sau câu chuyện, em nghĩ gì về Bam-bi?	- HS chọn viết mở bài hoặc kết bài.
- GV yêu cầu HS viết vào vở, sau đó đổi vở cho bạn bên cạnh góp ý.	- HS viết mở bài hoặc kết bài vào vở, đổi vở góp ý.
- GV mời 2 - 3 HS đọc bài viết trước lớp.	- HS đọc bài viết; lớp nhận xét nhẹ nhàng.
- GV nhận xét, sửa lỗi diễn đạt, khuyến khích HS thêm cảm xúc chân thành.	- HS sửa bài theo góp ý.
4. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: HS chia sẻ câu chuyện với người thân và củng cố cách tóm tắt truyện.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS về nhà kể tóm tắt câu chuyện Nai con Bam-bi cho người thân nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị kiểm tra đọc.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 9

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I (TIẾT 6 - 7)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc thành tiếng một đoạn/bài đã học, đảm bảo đúng tiếng, rõ lời, biết ngắt nghỉ hợp lý và trả lời được câu hỏi liên quan.
- Đọc hiểu văn bản thơ Con chim chiền chiện và truyện Trai ngọc và Hải Quỳ; trả lời đúng các câu hỏi theo yêu cầu.
- Nhận biết được từ ngữ đồng nghĩa, động từ trong ngữ cảnh; vận dụng kiến thức tiếng Việt đã học để làm bài.
- Viết được bài văn theo một trong hai đề: thuật lại một sự việc/hoạt động đã đối với em hoặc kể lại một câu chuyện đã đọc, đã nghe về trí thông minh hoặc khả năng tìm tòi, sáng tạo.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự giác làm bài kiểm tra, đọc kỹ yêu cầu và quản lý thời gian làm bài.
- Giao tiếp và hợp tác: thực hiện đúng quy định khi kiểm tra đọc thành tiếng; biết lắng nghe hướng dẫn của GV.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng kiến thức đọc hiểu, từ ngữ, ngữ pháp và kỹ năng viết để hoàn thành bài đánh giá.

3. Phẩm chất:

- Trung thực: làm bài bằng khả năng của bản thân, không nhìn bài bạn, không trao đổi khi làm bài cá nhân.
- Chăm chỉ: chuẩn bị bài, đọc kỹ, viết cẩn thận và kiểm tra lại bài trước khi nộp.
- Trách nhiệm: nghiêm túc chấp hành nội quy kiểm tra, giữ gìn bài làm sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: đề đọc thành tiếng, phiếu/bài kiểm tra đọc hiểu - viết, đồng hồ bấm giờ, bảng tiêu chí đánh giá đọc thành tiếng, SGK trang 73 - 75.
- HS: bút mực, bút chì, giấy kiểm tra/vở kiểm tra, SGK khi GV yêu cầu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 6 (35 phút) - KIỂM TRA ĐỌC	
1. Khởi động - Ổn định và phổ biến yêu cầu kiểm tra (5 phút) <i>Mục tiêu: HS nắm được nội dung, cách thực hiện và thái độ cần có trong giờ đánh giá đọc.</i> *Cách tiến hành:	
- GV ổn định lớp, kiểm tra đồ dùng học tập của HS.	- HS ổn định chỗ ngồi, chuẩn bị bút, giấy/SGK theo yêu cầu.
- GV phổ biến: tiết học gồm đọc thành tiếng và chuẩn bị phần đọc hiểu theo hướng dẫn.	- HS lắng nghe nội dung kiểm tra.
- GV nhắc HS đọc rõ ràng, bình tĩnh, trả lời đúng trọng tâm, thực hiện nghiêm túc.	- HS ghi nhớ quy định kiểm tra.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
2. Đánh giá đọc thành tiếng (18 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc thành tiếng đoạn/bài đã học, biết ngắt nghỉ, thể hiện giọng đọc phù hợp và trả lời câu hỏi ngắn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS lần lượt bốc thăm hoặc nhận phiếu đọc một đoạn trong các bài đã học.	- HS bốc thăm/nhận phiếu đọc, chuẩn bị trong thời gian quy định.
- GV yêu cầu HS đọc thành tiếng trước lớp/bàn kiểm tra và trả lời một câu hỏi về nội dung đoạn đọc.	- HS đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi của GV.
- GV đánh giá theo tiêu chí: đọc đúng, đọc rõ, ngắt nghỉ, tốc độ, trả lời câu hỏi.	- HS khác giữ trật tự, chuẩn bị lượt đọc của mình.
- GV nhận xét ngắn gọn sau từng lượt đọc, động viên HS đọc bình tĩnh, rõ ràng.	- HS lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm.
- GV ghi kết quả vào bảng theo dõi.	- HS hoàn thành phần đọc thành tiếng.
3. Hướng dẫn đọc hiểu văn bản trong phần đánh giá (9 phút) <i>Mục tiêu: HS nắm cách đọc thầm văn bản Con chim chiến chiến và Trai ngọc và Hải Quỳ để trả lời câu hỏi.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát văn bản Con chim chiến chiến trong SGK và nhắc HS đọc kĩ nhan đề, thể loại, câu hỏi sau bài. 	- HS quan sát văn bản Con chim chiến chiến trong SGK.
- GV hướng dẫn HS đọc thầm, gạch chân từ ngữ quan trọng, không vội chọn đáp án khi chưa đọc hết câu hỏi.	- HS lắng nghe cách đọc thầm và làm bài đọc hiểu.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV giới thiệu văn bản Trai ngọc và Hải Quỳ, nhắc HS chú ý nhân vật, sự việc chính và lời nói của nhân vật.</p>  <p>II. Đọc hiểu.</p> <p>TRAI NGỌC VÀ HẢI QUỲ</p> <p>Cả mực tung tăng đi học trong làn nước biển xanh biếc, cái lọ mực kè kè một bên.</p> <p>– Thế mực đi đâu đấy? – Cô trai he he cái vô sản sủa ra hốt.</p> <p>– Thưa cô, cháu đi học à!</p> <p>Cả mực lễ phép trả lời rồi vội vã bơi đi, nó lo sợ khi nhìn thấy vẻ ngoài của cô trai. Cả mực bơi nhanh đến một bông hoa mềm mại đang toả ra quây lầy châu. Có trái lớn tiếng gọi cả con; nhưng không kịp, những ngón tay hoa đã khép lại. Cả mực định nếm lọ mực vào bông hoa để mực toang ra, cả con có thể chạy trốn. Nhưng cả con đã bị những cánh hoa thò chất lầy và kéo tuột vào lòng bông hoa. Thế là mất hết chú cả con.</p> <p>Cả mực sợ hãi, chạy lại gần cô trai. Lúc này cô trai mở to miệng nhìn cảnh tượng vừa xảy ra. Cả mực kinh ngạc thấy trong lòng cô trai có một viên ngọc sáng đẹp lạ thường.</p> <p>Cô trai cần dặn:</p> <p>– Bông hoa đẹp thế kia nhưng rất dỏ. Đó là hải quỳ. Cháu phải tránh xa.</p> <p>Bé mực cảm động. Nó định nói với cô trai: “Còn cô, bên trong tấm áo xấu xí của cô là một tấm lòng bằng ngọc!”</p> <p>Itô ra, cái đẹp bên ngoài chưa hẳn là cái tốt, cái xấu bên ngoài chưa hẳn là cái xấu.</p> <p>(Phạm Văn Long)</p>	<p>- HS quan sát, đọc lướt nhan đề và ghi nhớ cách làm bài.</p>
<p>- GV dặn HS tiết sau sẽ hoàn thành phần đọc hiểu và viết trong thời gian quy định.</p>	<p>- HS lắng nghe nhiệm vụ tiết sau.</p>
<p>4. Củng cố, dặn dò (3 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS chuẩn bị tâm thế cho phần đọc hiểu - viết ở tiết 7.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV nhắc HS chuẩn bị bút viết, đọc kỹ yêu cầu khi làm bài tiết 7.</p>	<p>- HS ghi nhớ yêu cầu.</p>
<p>- GV nhận xét tinh thần học tập của lớp.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p>
<p>TIẾT 7 (35 phút) - KIỂM TRA ĐỌC HIỂU - VIẾT</p>	
<p>1. Khởi động - Phổ biến quy định làm bài (3 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS hiểu yêu cầu làm bài đọc hiểu - viết và thực hiện nghiêm túc.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV ổn định lớp, phát đề/phiếu làm bài hoặc yêu cầu HS mở đúng trang SGK theo hướng dẫn.</p>	<p>- HS ổn định, nhận đề/phiếu hoặc mở SGK theo yêu cầu.</p>
<p>- GV nhắc HS đọc kỹ từng câu hỏi, làm bài độc lập, trình bày sạch đẹp.</p>	<p>- HS lắng nghe, chuẩn bị làm bài.</p>
<p>2. Đánh giá đọc hiểu và kiến thức tiếng Việt (17 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS đọc thầm văn bản, trả lời câu hỏi đọc hiểu và làm bài tập về từ ngữ, động từ.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm văn bản Con chim chiền chiện và Trai ngọc và Hải Quỳ.</p> <p>1. Cá mực mang gì đi học? Tìm câu trả lời đúng. A. Nước biển xanh biếc. B. Những bông hoa đẹp. C. Một cái lọ mực. D. Nhiều đồ dùng học tập.</p> <p>2. Khi gặp cô trai, vì sao cá mực lễ phép trả lời rồi vội vã bơi đi? Tìm câu trả lời đúng. A. Vì cá mực sợ muốn giờ học. B. Vì cá mực hơi sợ khi nhìn thấy vẻ ngoài của cô trai. C. Vì cá mực muốn đi ngắm bông hoa đẹp. D. Vì cá mực muốn bơi đi gặp cá con.</p> <p>3. Vì sao cá mực muốn đến gần hải quỳ? Tìm câu trả lời đúng. A. Vì cá mực nghe thấy tiếng gọi của hải quỳ. B. Vì hải quỳ đẹp, những cánh tay hoa mềm mại như gọi chào. C. Vì cá mực muốn cùng cá con đến chơi với hải quỳ. D. Vì cá mực muốn bơi đến gần hơn để câu cá con.</p> <p>4. Cô trai đã làm gì khi thấy cá mực và cá con bơi đến gần hải quỳ? 5. Cá mực đã hiểu ra điều gì về cô trai và hải quỳ? 6. Em rút ra được bài học gì từ câu chuyện này? 7. Tìm từ có nghĩa giống với mỗi từ dưới đây và đặt câu với một từ tìm được. vội vã sợ hãi cảm động</p> <p>8. Tìm động từ trong mỗi câu dưới đây: - Cá mực lễ phép trả lời rồi vội vã bơi đi. - Cá mực đến gần hơn, những cánh tay hoa mềm mại như gọi chào. - Cá mực sợ hãi, chạy lại gần cô trai. - Bè mực cảm động.</p> <p>B. VIẾT Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1: Viết bài văn thuật lại một giờ học đáng nhớ đối với em. Đề 2: Viết bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe về trí thông minh hoặc khả năng tìm tòi, sáng tạo của con người.</p>	<p>- HS đọc thầm văn bản.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS làm lần lượt các câu hỏi 1 - 8: chọn đáp án đúng, trả lời ngắn, tìm từ ngữ đồng nghĩa, tìm động từ.</p>	<p>- HS làm bài đọc hiểu và bài tập tiếng Việt cá nhân.</p>
<p>- GV nhắc HS kiểm tra lại câu trả lời trước khi chuyển sang phần viết.</p>	<p>- HS soát lại đáp án, sửa lỗi nếu phát hiện.</p>
<p>3. Đánh giá viết (13 phút) Mục tiêu: HS viết được bài văn theo một trong hai đề, đảm bảo đúng yêu cầu, rõ bố cục, diễn đạt mạch lạc. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc phần B. Viết và chọn 1 trong 2 đề.</p>	<p>- HS đọc đề, chọn một đề phù hợp với khả năng.</p>
<p>- GV nhắc lại yêu cầu: Đề 1 viết bài văn thuật lại một sự việc/hoạt động đã đối với em; Đề 2 viết bài văn kể lại một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe về trí thông minh hoặc khả năng tìm tòi, sáng tạo.</p>	<p>- HS xác định nội dung cần viết.</p>
<p>- GV nhắc HS lập nhanh ý chính trước khi viết, bài văn cần có mở bài, thân bài, kết bài.</p>	<p>- HS lập nhanh ý chính và viết bài vào giấy/vở kiểm tra.</p>
<p>- GV theo dõi thời gian, nhắc HS viết chữ rõ ràng, dùng từ phù hợp, kiểm tra lỗi chính tả trước khi nộp.</p>	<p>- HS hoàn thành bài viết, đọc lại và sửa lỗi.</p>
<p>- GV thu bài đúng thời gian quy định.</p>	<p>- HS nộp bài.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
4. Củng cố sau kiểm tra (2 phút) <i>Mục tiêu: HS tự đánh giá thái độ làm bài và rút kinh nghiệm cho các bài kiểm tra sau.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nhận xét chung tinh thần làm bài, không chữa đáp án chi tiết trong giờ kiểm tra.	- HS lắng nghe nhận xét chung.
- GV dặn HS tiếp tục đọc sách, ôn lại kiến thức từ ngữ, câu, đoạn văn đã học.	- HS ghi nhớ việc cần rèn luyện thêm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 TUẦN 10 - CHỦ ĐIỂM 3: NIỀM VUI SÁNG TẠO Bài 17: VẼ MÀU - Tiết 1: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Vẽ màu; biết ngắt nhịp thơ, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ màu sắc và cảm xúc của bạn nhỏ.
- Nhận biết được các màu sắc của sự vật trong bài thơ; nêu được thời điểm xuất hiện màu sắc ở các khổ thơ 2, 3, 4.
- Hiểu được tình cảm của bạn nhỏ đối với thiên nhiên, cuộc sống và mẹ; nêu được điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ.
- Học thuộc lòng bài thơ; biết chia sẻ ý tưởng về bức tranh mình muốn vẽ bằng lời nói rõ ràng, tự nhiên.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc thầm, luyện đọc, ghi nhớ từ ngữ chỉ màu sắc và tự điều chỉnh cách đọc theo góp ý.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn để trả lời câu hỏi đọc hiểu và chia sẻ ý tưởng vẽ tranh.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ màu sắc trong bài thơ với quan sát thực tế, tưởng tượng bức tranh của riêng mình.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: biết yêu thương mẹ, trân trọng tình cảm gia đình và những sáng tạo của bạn bè.
- Chăm chỉ: tích cực luyện đọc, học thuộc lòng và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: biết giữ trật tự, lắng nghe bạn đọc, nhận xét lịch sự và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh chủ điểm Niềm vui sáng tạo, tranh và bài thơ Vẽ màu trong SGK, thẻ từ luyện đọc, phiếu câu hỏi.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 - 1. Khởi động (5 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối chủ điểm Niềm vui sáng tạo với trải nghiệm vẽ tranh của học sinh.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Ôn bài cũ: GV mời 2 HS đọc nối tiếp một đoạn bài Trước ngày xa quê. - GV hỏi: Vì sao bạn nhỏ phải xa quê? 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 HS đọc bài trước lớp. - HS trả lời: Bạn nhỏ theo bố lên thành phố học.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi: Buổi chia tay của bạn nhỏ có gì đặc biệt? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời: Thầy giáo và các bạn đến chia tay, mọi người ít cười đùa hơn, không khí lưu luyến và xúc động.
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu chủ điểm Niềm vui sáng tạo và cho HS quan sát tranh chủ điểm/bài học trong SGK. - GV hỏi: Tranh gợi cho em nghĩ đến điều gì về sáng tạo? 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát tranh. - HS nêu: Tranh có nhiều màu sắc, nét vẽ sinh động; các bạn nhỏ đang thể hiện trí tưởng tượng và niềm vui sáng tạo.
<ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS giới thiệu ngắn một bức tranh em từng vẽ và nói về những màu em đã dùng. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS chia sẻ: Em vẽ gia đình/cây cối/bầu trời; em dùng màu xanh, đỏ, vàng... để bức tranh vui tươi hơn.
<ul style="list-style-type: none"> - GV dẫn vào bài: Bài thơ Vẽ màu sẽ giúp các em cảm nhận màu sắc qua trí tưởng tượng của bạn nhỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (16 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS đọc đúng bài thơ, biết ngắt nhịp, đọc diễn cảm và hiểu nghĩa một số từ ngữ.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, hồn 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nghe GV đọc, theo dõi bài thơ trong

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
nhiên; nhấn giọng ở các từ chỉ màu sắc: màu đỏ, màu xanh, nắng vàng, áo tím, màu mực, màu nâu, màu trắng.	SGK.
- GV hướng dẫn đọc: đọc rõ từng dòng thơ, ngắt nhịp phù hợp, chú ý thể hiện cảm xúc trong các câu thơ về màu sắc.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc.
- GV gọi 1 HS đọc toàn bài thơ.	- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.
- GV chia bài thơ thành 5 khổ, yêu cầu HS dùng bút chì đánh dấu trong SGK.	- HS đánh dấu 5 khổ thơ theo hướng dẫn.
- GV gọi HS đọc nối tiếp từng khổ thơ.	- 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ; cả lớp theo dõi và nhận xét.
- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: nhuộm bùng, bình minh, hoàng hôn, đại ngàn, sương rơi.	- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm nếu có.
- GV hướng dẫn ngắt nhịp: Màu đỏ / cánh hoa hồng / Nhuộm bùng / cho đôi má // Còn màu xanh / chiếc lá / Làm mát / những rặng cây.	- 2 - 3 HS đọc câu thơ theo nhịp; cả lớp nhận xét.
- GV tổ chức cho HS luyện đọc trong nhóm bàn, mỗi bạn đọc một khổ thơ.	- HS luyện đọc trong nhóm, góp ý cho bạn về phát âm, nhịp thơ và giọng đọc.
- GV mời một số nhóm đọc trước lớp và nhận xét.	- Đại diện nhóm đọc trước lớp; HS khác nhận xét bạn đọc rõ, đúng nhịp, có cảm xúc.
3. Luyện tập - Hoạt động 2: Tìm hiểu bài (11 phút) <i>Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ chỉ màu sắc, hiểu thời điểm miêu tả màu sắc, cảm nhận tình cảm của bạn nhỏ và nêu ý tưởng sáng tạo.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát câu hỏi trong SGK và nêu yêu cầu câu 1: Tìm từ ngữ chỉ màu sắc của mỗi sự vật. 	- HS quan sát, đọc yêu cầu và chuẩn bị trả lời.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân rồi trao đổi nhóm đôi để hoàn thành câu 1.	- HS trả lời: hoa hồng - màu đỏ; lá cây - màu xanh; nắng - màu vàng; hoàng hôn - áo tím; đêm - màu mực; rừng đại ngàn - màu nâu.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nêu câu 2: Các khổ thơ 2, 3, 4 nói về màu sắc của cảnh vật ở những thời điểm nào?	- HS trả lời: Khổ 2 nói về buổi sáng/bình minh; khổ 3 nói về buổi chiều/hoàng hôn; khổ 4 nói về ban đêm.
- GV nêu câu 3: Theo em, bạn nhỏ muốn nói gì qua hai dòng thơ “Em tô thêm màu trắng / Trên tóc mẹ sương rơi...”?	- HS trả lời: Bạn nhỏ nhận ra mẹ đã vất vả, mái tóc mẹ điểm bạc; bạn nhỏ rất yêu thương, biết ơn và thương mẹ.
- GV hỏi thêm: Em học được điều gì từ tình cảm của bạn nhỏ dành cho mẹ?	- HS nêu: Em cần yêu thương cha mẹ, biết giúp đỡ cha mẹ, nói lời cảm ơn và chăm ngoan học tập.
- GV nêu câu 4: Nếu được vẽ một bức tranh với đề tài tự chọn, em sẽ vẽ gì? Em chọn màu nào để vẽ? Vì sao?	- HS chia sẻ: Em vẽ quê hương/lớp học/gia đình/công viên; em chọn màu xanh, vàng, đỏ vì những màu đó làm bức tranh tươi vui, gần gũi.
- GV mời HS nêu nội dung bài thơ.	- HS nêu: Bài thơ thể hiện thế giới màu sắc phong phú qua trí tưởng tượng của bạn nhỏ và tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, tình yêu mẹ.
- GV chốt: Màu sắc trong tranh và trong thơ giúp con người bày tỏ cảm xúc, tình yêu với cuộc sống và những người thân yêu.	- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung chính.
4. Luyện tập - Học thuộc lòng (6 phút) <i>Mục tiêu: HS bước đầu học thuộc lòng bài thơ, đọc rõ nhịp và thể hiện cảm xúc.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc nhẩm từng khổ thơ, sau đó che dần một số từ khóa để học thuộc.	- HS đọc nhẩm, ghi nhớ các từ ngữ chỉ màu sắc và hình ảnh thơ.
- GV tổ chức cho HS đọc thuộc lòng theo nhóm bàn.	- HS đọc thuộc trong nhóm; bạn nghe nhắc nhẹ nếu bạn quên.
- GV mời một số HS đọc thuộc lòng trước lớp.	- Một số HS đọc thuộc lòng; lớp nhận xét giọng đọc và mức độ thuộc bài.
5. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc quan sát màu sắc, bày tỏ cảm xúc và chuẩn bị cho tiết học sau.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một màu sắc em yêu thích và cảm xúc của em khi nhìn thấy màu đó.	- HS nêu: Em thích màu xanh vì gợi cảm giác mát mẻ; em thích màu vàng vì gợi nắng ấm và niềm vui.
- GV dặn HS về nhà đọc thuộc bài thơ, quan sát một cảnh vật có màu sắc đẹp và chuẩn bị	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
tiết Luyện từ và câu.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 10 - CHỦ ĐIỂM 3: NIỀM VUI SÁNG TẠO

Bài 17: VẼ MÀU - Tiết 2: Luyện từ và câu - Biện pháp nhân hoá

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Hiểu được khái niệm nhân hoá: gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người.
- Nhận biết được các sự vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong câu, đoạn văn, đoạn thơ.
- Tìm được từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người được dùng để tả vật hoặc hiện tượng tự nhiên.
- Đặt được 1 - 2 câu có sử dụng biện pháp nhân hoá, làm cho câu văn sinh động, gần gũi.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc yêu cầu, làm bài cá nhân, tự kiểm tra kết quả trước khi chia sẻ.
- Giao tiếp và hợp tác: biết thảo luận nhóm đôi, nhóm bốn, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết vận dụng hiểu biết về nhân hoá để tạo câu văn mới, giàu hình ảnh.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực làm bài tập, tìm ví dụ và sửa câu theo góp ý.
- Nhân ái: biết dùng lời góp ý nhẹ nhàng, tôn trọng sản phẩm câu văn của bạn.
- Trách nhiệm: hoàn thành nhiệm vụ cá nhân và nhiệm vụ nhóm, giữ trật tự trong giờ học.

4. Tích hợp:

- AI (4.A1.1): HS nhận biết AI chỉ là công cụ hỗ trợ gợi ý câu văn nhân hoá; HS cần tự đọc, tự chọn, tự chỉnh sửa để câu văn đúng nghĩa, phù hợp và mang dấu ấn sáng tạo của mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài tập trong SGK, bảng phụ ghi ví dụ, phiếu học tập; tài khoản GV để minh họa ChatGPT/Gemini khi cần.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì, bảng con/phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 2 - 1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú và gợi mở cách dùng từ ngữ chỉ người để nói về con vật, cây cối.</i> *Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS hát hoặc nghe một đoạn bài hát Con chim vành khuyên.	- HS hát/vận động nhẹ theo nhạc.
- GV hỏi: Trong bài hát nhắc đến những con vật nào?	- HS trả lời: Chim vành khuyên, chào mào, chích choè, sơn ca, sáo nâu...
- GV hỏi: Các từ anh, cô, chị được dùng để gọi ai trong bài hát?	- HS trả lời: Các từ đó vốn dùng để gọi người nhưng được dùng để gọi các loài chim.
- GV dẫn vào bài: Cách dùng từ ngữ chỉ người để gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật được gọi là biện pháp nhân hoá.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá - Bài tập 1: Nhận biết cách gọi con vật bằng từ ngữ gọi người (9 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Mục tiêu: HS xác định được các từ in đậm dùng để gọi con vật và nhận xét được tác dụng của cách gọi đó.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS quan sát bài tập 1 trong SGK và mời 1 HS đọc yêu cầu.</p> <p>màu nào đó vẽ ra sao?</p> <p>* Học thuộc lòng bài thơ.</p> <p>LUYỆN TỪ VÀ CÂU</p> <p>BIỆN PHÁP NHÂN HOÁ</p> <p>1. Mỗi từ in đậm trong đoạn văn dưới đây dùng để gọi con vật nào? Em có nhận xét gì về cách dùng những từ đó trong đoạn văn?</p> <p>Mùa xuân, ngày nào cũng là ngày hội. Muốn loài vật trên đồng lũ lượt kéo nhau đi. Những anh chuồn ớt đỏ thắm như ngọn lửa. Những cô chuồn chuồn kim nhìn ăn để thân hình mảnh dẻ, mắt to, mình nhỏ xiu, thuật tha bay lượn. Các chú bộ ngựa vùng gươm tập múa võ trên những chiếc lá to. Các à cánh cam diêm dứa, các chị cào cào xoè áo lụa dóm dắng.... Đạo mạo như bác giang, bác dè cũng vui vẻ dạo chơi trên bờ đầm.</p> <p>(Theo Xuân Quỳnh)</p> 	<p>- HS quan sát, 1 HS đọc yêu cầu bài tập.</p>
<p>- GV hỏi: Bài tập có mấy yêu cầu?</p>	<p>- HS trả lời: Có 2 yêu cầu: xác định từ in đậm dùng để gọi con vật nào và nhận xét cách dùng từ đó.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn văn, gạch chân các từ in đậm và trao đổi nhóm đôi.</p>	<p>- HS đọc thầm, gạch chân từ in đậm và trao đổi với bạn.</p>
<p>- GV mời HS trình bày: anh, cô, chú, chị, bác dùng để gọi con vật nào?</p>	<p>- HS trình bày: anh dùng để gọi chuồn ớt; cô dùng để gọi chuồn chuồn kim; chú dùng để gọi bộ ngựa; chị dùng để gọi cào cào; bác dùng để gọi giang, dè.</p>
<p>- GV hỏi: Em có nhận xét gì về cách dùng những từ đó trong đoạn văn?</p>	<p>- HS trả lời: Đó là những từ thường dùng để gọi người nhưng được dùng để gọi con vật, làm con vật gần gũi, sinh động như con người.</p>
<p>- GV chốt: Đây là một cách nhân hoá, giúp thế giới loài vật trở nên gần gũi và đáng yêu hơn.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>3. Khám phá - Bài tập 2: Tìm từ ngữ tả hoạt động, đặc điểm của người dùng để tả vật (9 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS tìm được từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người được dùng để tả cây cối, hiện tượng tự nhiên.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS quan sát bài tập 2 và mời HS đọc</p>	<p>- HS quan sát, đọc thầm và 1 HS đọc to đoạn</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>đoạn thơ.</p> <p>2. Tìm trong đoạn thơ dưới đây những từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người được dùng để tả các vật hoặc hiện tượng tự nhiên.</p>  <p>Ghi nhớ Nhân hoá là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi, sinh động hơn.</p> <p>3. Trong đoạn thơ dưới đây, những vật và hiện tượng tự nhiên nào được nhân hoá? Chúng được nhân hoá bằng cách nào?</p> <p>Đồng làng vương chút heo may Mầm cây tỉnh giấc, vườn đầy tiếng chim Hạt mưa mãi miết tròn tròn Cây đào trước cửa lim dim mắt cười Quất gom từng giọt nắng rơi Làm thành quả – trâm mắt trời vàng mơ... (Đỗ Quang Hưng)</p>	<p>thơ.</p>
- GV yêu cầu HS tìm các sự vật, hiện tượng tự nhiên được nhắc đến trong đoạn thơ.	- HS nêu: bụi tre, hàng bưởi, chớp, sấm, cây dừa, ngọn mừng toi.
- GV yêu cầu HS làm phiếu nhóm đôi: ghép sự vật với từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người.	- HS làm phiếu: bụi tre - tàn ngắn gỡ tóc; hàng bưởi - bể lũ con; chớp - rạch ngang trời; sấm - ghé xuống sân, khanh khách cười; cây dừa - sải tay bơi; ngọn mừng toi - nhảy múa.
- GV mời đại diện nhóm trình bày và nhận xét.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV hỏi: Những từ ngữ ấy có tác dụng gì?	- HS trả lời: Làm cây cối, hiện tượng tự nhiên giống như có hoạt động, cảm xúc của con người nên câu thơ sinh động hơn.
- GV rút ghi nhớ: Nhân hoá là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người.	- HS đọc lại ghi nhớ 2 - 3 lần.
<p>4. Luyện tập - Bài tập 3, 4 (10 phút) Mục tiêu: HS nhận biết hình ảnh nhân hoá trong đoạn thơ và đặt câu có sử dụng biện pháp nhân hoá. Mục tiêu tích hợp: HS biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý câu văn nhân hoá; câu văn cuối cùng phải do HS tự chọn, tự sửa và tự chịu trách nhiệm. *Cách tiến hành:</p>	
- GV nêu bài tập 3: Trong đoạn thơ, những vật và hiện tượng tự nhiên nào được nhân hoá? Chúng được nhân hoá bằng cách nào?	- HS đọc yêu cầu và xác định nhiệm vụ học tập.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để tìm hình ảnh nhân hoá.	- HS thảo luận: mầm cây tỉnh giấc; hạt mưa mãi miết tròn tròn; cây đào lim dim mắt cười;

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	quất gom từng giọt nắng rơi.
- GV mời đại diện nhóm trình bày cách nhân hoá.	- HS trình bày: Các sự vật được tả bằng hoạt động, trạng thái của người như tỉnh giấc, trốn tìm, lim dim mắt cười, gom.
- GV nêu bài tập 4: Đặt 1 - 2 câu về con vật, cây cối, đồ vật, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.	- HS đọc yêu cầu và làm bài cá nhân vào vở.
- GV gợi ý: Có thể nhân hoá con mèo, cây phượng, quyển sách, mặt trời, đám mây...	- HS viết câu: Cây phượng đang tay che mát sân trường. Chú mèo lười biếng nằm lim dim bên cửa sổ.
- Tích hợp AI (4.A1.1): GV giới thiệu ChatGPT hoặc Gemini trên tài khoản giáo viên như một công cụ có thể gợi ý câu văn nhân hoá. GV minh hoạ cách nhập yêu cầu an toàn: “Gợi ý 3 câu nhân hoá về cây phượng cho học sinh lớp 4”. GV nhấn mạnh: AI chỉ đưa ra gợi ý, có thể dùng từ chưa phù hợp hoặc câu chưa đúng nghĩa; HS không sao chép nguyên văn mà phải đọc lại, chọn ý phù hợp, sửa câu theo hiểu biết của mình và giữ dấu ấn sáng tạo cá nhân.	- HS lắng nghe và nêu lại: Em có thể tham khảo gợi ý của AI nhưng phải tự kiểm tra, tự sửa, không chép nguyên văn và không nhập thông tin cá nhân vào công cụ số.
- GV mời HS đọc câu đã đặt và nhận xét câu của bạn theo tiêu chí: có sự vật được nhân hoá, từ ngữ dùng phù hợp, câu rõ nghĩa.	- HS đọc câu; lớp nhận xét nhẹ nhàng và sửa câu nếu cần.
5. Vận dụng (3 phút) <i>Mục tiêu: củng cố khái niệm nhân hoá và vận dụng vào giao tiếp, viết câu hằng ngày.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Thế nào là nhân hoá?	- HS trả lời: Nhân hoá là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên bằng từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả con người.
- GV yêu cầu HS về nhà tìm một câu thơ, câu văn có nhân hoá và chuẩn bị tiết viết.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 10 - CHỦ ĐIỂM 3: NIỀM VUI SÁNG TẠO

Bài 17: VẼ MÀU - Tiết 3: Viết - Tìm hiểu cách viết đoạn văn tưởng tượng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cách viết đoạn văn tưởng tượng dựa trên một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Biết nêu các cách phát huy trí tưởng tượng: bổ sung lời kể, tả; bổ sung lời thoại; thay hoặc viết tiếp đoạn kết.
- Trao đổi được những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tưởng tượng để đoạn văn thú vị, hấp dẫn.
- Biết vận dụng hiểu biết ban đầu để chuẩn bị cho việc viết đoạn văn tưởng tượng ở tiết sau.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc ngữ liệu, xác định yêu cầu và ghi lại ý chính trong quá trình học.
- Giao tiếp và hợp tác: biết trao đổi nhóm, lắng nghe ý kiến bạn và trình bày kết quả thảo luận rõ ràng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết so sánh đoạn văn gốc với đoạn văn tưởng tượng để phát hiện chi tiết được thêm vào.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực đọc ngữ liệu, thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ trong vở.
- Nhân ái: biết tôn trọng trí tưởng tượng, cách nghĩ riêng của bạn khi trao đổi.
- Trách nhiệm: biết thực hiện nhiệm vụ nhóm, trình bày sạch đẹp và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài viết trong SGK, bảng phụ ghi câu hỏi, phiếu học tập nhóm.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 3 - 1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Kết nối kiến thức về nhân hoá, trí tưởng tượng với hoạt động tìm hiểu cách viết đoạn văn tưởng tượng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Ở tiết trước, các em đã học biện pháp tu từ nào?	- HS trả lời: Chúng em đã học biện pháp nhân hoá.
- GV yêu cầu HS đặt nhanh một câu có nhân hoá về cây cối hoặc con vật.	- HS đặt câu: Cây bàng vẫy tay chào chúng em. Chú chim hót vang chào buổi sáng.
- GV dẫn vào bài: Khi viết đoạn văn tưởng tượng, chúng ta cũng có thể dùng nhân hoá, lời kể, lời tả, lời thoại để câu chuyện hấp dẫn hơn.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá - Bài tập 1: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết đoạn văn tưởng tượng đã viết thêm chi tiết gì so với đoạn văn gốc và tác dụng của các chi tiết ấy.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát bài tập 1 trong SGK, mời HS đọc đoạn văn và các câu hỏi.	- HS quan sát, đọc đoạn văn và yêu cầu.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>4. Đặt 1 – 2 câu về con vật hoặc cây cối, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.</p> <p>VIẾT</p> <p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỜNG TƯỢNG</p> <p>1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> <p>Ngày xưa, muôn loài sống trong rừng già tối tăm, ẩm ướt. Gõ kiến được giao nhiệm vụ đến các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời. Gõ kiến gõ cửa nhà công, công mãi mùa. Gõ cửa nhà liêu liêu, liêu liêu bận cãi nhau. Gõ cửa nhà chích choè, chích choè mãi hát.... Chỉ có gà trống nhận lời đi tìm mặt trời.</p> <p>(Theo Vũ Tú Nam)</p>	
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: Ý chính của đoạn văn là gì?	- HS trả lời: Muôn loài sống trong rừng già tối tăm, ẩm ướt; Gõ kiến được giao nhiệm vụ đến các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời.
- GV hỏi: Đoạn văn tường tượng đã viết thêm những gì so với đoạn văn của Vũ Tú Nam?	- HS trả lời: Đoạn văn thêm lời nói/lời thoại của công và chích choè.
- GV hỏi: Những chi tiết đó là lời của ai?	- HS trả lời: Đó là lời của công và lời của chích choè.
- GV hỏi: Theo em, các chi tiết tường tượng ấy có gì thú vị?	- HS trả lời: Các chi tiết làm đoạn văn sinh động hơn, thể hiện rõ tính cách nhân vật và giúp câu chuyện hấp dẫn hơn.
- GV chốt: Khi viết đoạn văn tường tượng, người viết có thể thêm lời kể, lời tả, lời thoại để câu chuyện giàu hình ảnh và cảm xúc hơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
<p>3. Khám phá - Bài tập 2, 3: Tìm cách viết đoạn văn tường tượng (14 phút)</p> <p><i>Mục tiêu: HS nêu được các cách viết đoạn văn tường tượng và những điểm cần lưu ý khi viết.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS quan sát bài tập 2, 3 trong SGK và mời HS đọc yêu cầu.</p> <p>a. Đoạn văn tường tượng dưới đây đã viết thêm những gì so với đoạn văn của Vũ Tú Nam?</p> <p>Ngày xưa, muôn loài sống trong rừng già tối tăm, ẩm ướt. Gõ kiến được giao nhiệm vụ đến các nhà hỏi xem ai có thể đi tìm mặt trời. Gõ kiến gõ cửa nhà công, công mãi mùa, chỉ mãi mùa. "Mãi mùa này này mùa!" Gõ kiến gõ cửa nhà liêu liêu, liêu liêu bận cãi nhau. Gõ kiến gõ cửa nhà chích choè, chích choè mãi hát. "Gà con tiến bước nhanh, viết bài nhanh mà xem đây, ai đi tìm mặt trời, chuẩn yểu cảnh này, kìa sao đi được?" Chỉ có gà trống nhận lời đi tìm mặt trời.</p> <p>b. Theo em, các chi tiết tường tượng trong đoạn văn trên có gì thú vị?</p> <p>2. Nếu viết đoạn văn tường tượng dựa trên câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, em thích cách viết nào?</p> <p>Viết thêm chi tiết đời kể, tả... cho câu chuyện. Viết thêm lời thoại của nhân vật cho câu chuyện. Thay hoặc viết tiếp đoạn kết cho câu chuyện.</p> <p>3. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn tường tượng dựa trên câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>c. Theo em, còn những cách viết đoạn văn tường tượng nào khác ngoài những cách được nêu ở bài tập 2?</p> <p>Làm thế nào để viết được đoạn văn tường tượng thú vị, hấp dẫn?</p> <p>Điểm như</p> <ul style="list-style-type: none"> Khi viết đoạn văn tường tượng dựa trên một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, người viết cần phát huy trí tưởng tượng để thay đổi, bổ sung chi tiết cho câu chuyện. Có nhiều cách viết đoạn văn tường tượng như bổ sung chi tiết đời kể, tả..., lời thoại cho nhân vật, thay hoặc viết tiếp đoạn kết. <p>Kể cho người thân nghe một câu chuyện tường tượng về loài vật và chia sẻ những chi tiết mà em thích trong câu chuyện đó.</p>	<p>- HS quan sát, đọc yêu cầu bài tập.</p>
- GV hỏi: Nếu viết đoạn văn tường tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, em có	- HS trả lời: Viết thêm chi tiết lời kể, tả; viết thêm lời thoại của nhân vật; thay hoặc viết tiếp

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
thể chọn những cách viết nào?	đoạn kết cho câu chuyện.
- GV yêu cầu HS chọn một cách viết em thích và giải thích vì sao.	- HS chia sẻ: Em thích viết thêm lời thoại vì nhân vật trở nên gần gũi hơn; em thích viết tiếp đoạn kết vì có thể tạo bất ngờ cho người đọc.
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: Khi viết đoạn văn tưởng tượng, cần lưu ý điều gì?	- HS thảo luận và nêu: Cần dựa vào câu chuyện đã đọc/nghe, phát huy trí tưởng tượng hợp lí, làm cho chi tiết mới phù hợp với nhân vật và mạch truyện.
- GV hỏi: Làm thế nào để đoạn văn tưởng tượng thú vị, hấp dẫn?	- HS trả lời: Có thể dùng lời thoại, từ ngữ gợi tả, biện pháp nhân hoá, so sánh; tạo chi tiết bất ngờ nhưng vẫn hợp lí.
- GV chốt ghi nhớ: Khi viết đoạn văn tưởng tượng dựa trên câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, người viết cần phát huy trí tưởng tượng để thay đổi, bổ sung chi tiết cho câu chuyện.	- HS đọc lại ghi nhớ trong SGK.
4. Luyện tập nhanh (3 phút) <i>Mục tiêu: HS bước đầu vận dụng bằng cách nêu ý tưởng tưởng tượng ngắn.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu tình huống: Nếu viết tiếp câu chuyện về Gõ kiến đi tìm mặt trời, em sẽ thêm chi tiết gì?	- HS nêu ý tưởng: Em sẽ cho Gõ kiến gặp bạn cú mèo; em sẽ cho Gõ kiến tìm được ánh sáng nhờ sự giúp đỡ của các bạn trong rừng.
- GV nhận xét, khen các ý tưởng phù hợp, có sáng tạo.	- HS lắng nghe, điều chỉnh ý tưởng nếu cần.
5. Vận dụng (2 phút) <i>Mục tiêu: HS kể lại cho người thân một câu chuyện tưởng tượng và chuẩn bị tiết học sau.</i> *Cách tiến hành:	
- GV dặn HS về nhà kể cho người thân nghe một câu chuyện tưởng tượng về loài vật và chia sẻ chi tiết em thích nhất.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 10 - CHỦ ĐIỂM 3: NIỀM VUI SÁNG TẠO

Bài 18: ĐỒNG CỎ NỞ HOA - Tiết 1 - 2: Đọc

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Đồng cỏ nở hoa; biết đọc lời người dẫn chuyện và lời nhân vật với giọng phù hợp.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật Bồng qua hình dáng, hành động, lời nói, niềm say mê vẽ tranh và trí tưởng tượng phong phú.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; hiểu ý nghĩa câu chuyện: đam mê hội họa đem đến niềm vui và giúp con người sáng tạo.
- Nhận biết được từ ngữ thuộc trường nghĩa sáng tạo và đặt được câu với từ ngữ phù hợp sau văn bản đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chủ động đọc văn bản, ghi chú chi tiết về nhân vật và tự luyện đọc theo yêu cầu.
- Giao tiếp và hợp tác: biết đọc nhóm, trao đổi để trả lời câu hỏi, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phân tích chi tiết trong tranh vẽ của Bồng để hiểu trí tưởng tượng và niềm đam mê sáng tạo.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: biết trân trọng những tài năng nhỏ tuổi, những sản phẩm sáng tạo làm đẹp cuộc sống.
- Chăm chỉ: học tập tinh thần say mê, kiên trì luyện tập của nhân vật Bồng.
- Nhân ái: biết khích lệ, tôn trọng năng khiếu và ước mơ của bạn bè; nhận xét bằng lời nói nhẹ nhàng.
- Trách nhiệm: có ý thức rèn luyện năng khiếu, tiếp thu góp ý và sử dụng khả năng của mình vào việc tốt.

4. Tích hợp:

- Lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS hiểu người có ước mơ, năng khiếu cần chăm chỉ rèn luyện, tự tin, khiêm tốn tiếp thu góp ý; biết dùng khả năng sáng tạo để làm đẹp cuộc sống và trở thành người có ích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Đồng cỏ nở hoa, phiếu câu hỏi, thẻ từ sáng tác - sáng tạo - sáng chế.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì, bút mực.

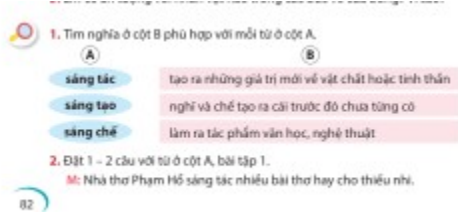
III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 1 - 1. Khởi động (5 phút) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập, kết nối bài đọc với sở thích sáng tạo của học sinh. *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Nếu có thời gian rảnh rỗi, em sẽ làm gì? Vì sao em thích làm việc đó?	- HS chia sẻ: Em vẽ tranh, đọc sách, làm đồ chơi, sáng tác truyện ngắn... vì những việc đó giúp em vui và sáng tạo hơn.
- GV cho HS quan sát tranh bài Đồng cỏ nở hoa và hỏi: Tranh vẽ bạn nhỏ đang làm gì?	- HS quan sát và trả lời: Tranh vẽ một bạn nhỏ đang ngồi vẽ ngoài đồng cỏ, xung quanh có

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	<p>màu sắc rất đẹp.</p>
<p>- GV dẫn vào bài: Câu chuyện hôm nay kể về Bồng, một cô bé có tài hội họa và trí tưởng tượng rất phong phú.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi tên bài.</p>
<p>2. Khám phá - Hoạt động 1: Đọc văn bản (18 phút) Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản, hiểu nghĩa từ khó và bước đầu nhận biết nhân vật chính. *Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể nhẹ nhàng, vui tươi; lời ông họa sĩ thể hiện sự ngạc nhiên, khen ngợi.</p>	<p>- HS nghe GV đọc, theo dõi bài trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS đọc: ngắt nghỉ đúng dấu câu, đọc rõ lời nhân vật Bồng và ông họa sĩ Phan.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc.</p>
<p>- GV gọi 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài; cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến “các chàng công tử”; đoạn 2 tiếp theo đến “đến kì nở hoa”; đoạn 3 còn lại.</p>	<p>- HS dùng bút chì đánh dấu các đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV gọi HS đọc nối tiếp từng đoạn.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp từng đoạn; lớp nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: hội họa, họa sĩ, lúa con, đồng xu, lá răm, giầu, giờ hồn.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, đọc đồng thanh và sửa lỗi phát âm.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hướng dẫn luyện đọc câu dài: “Nó vẽ như người ta thờ, như người ta nhìn, như người ta nghe.”	- HS luyện đọc câu dài, biết ngắt hơi sau các cụm so sánh.
- GV giải nghĩa từ: mắt lá răm, xấp tranh, giỏ hồn.	- HS lắng nghe, nêu lại nghĩa từ theo hiểu biết.
- GV tổ chức HS luyện đọc trong nhóm 3.	- HS luyện đọc theo nhóm, góp ý cho bạn đọc đúng và rõ.
- GV mời đại diện nhóm đọc trước lớp và nhận xét.	- Đại diện nhóm đọc; cả lớp lắng nghe và nhận xét.
3. Luyện tập - Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi 1, 2 (12 phút) <i>Mục tiêu: HS nhận biết tài năng hội họa của Bồng và điều đáng chú ý trong các bức tranh của Bồng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV nêu câu 1: Tài năng hội họa của Bồng được giới thiệu như thế nào ở đoạn mở đầu?	- HS trả lời: Bồng là cô bé có tài hội họa; còn nhỏ nhưng mê vẽ như người ta thờ, nhìn, nghe; Bồng vẽ các nàng tiên, cô công chúa, chàng công tử.
- GV hỏi thêm: Cách nói “vẽ như người ta thờ, như người ta nhìn, như người ta nghe” cho thấy điều gì?	- HS trả lời: Cho thấy Bồng vẽ rất tự nhiên, say mê và việc vẽ gần như một phần không thể thiếu của bạn.
- GV nêu câu 2: Điều đáng chú ý trong những bức tranh Bồng vẽ là gì?	- HS trả lời: Tranh của Bồng rất giống, sinh động; con mèo Kết ra mèo Kết, con chó Lu ra con chó Lu, cây cau ra cây cau, bố mẹ Bồng không lẫn với ai.
- GV chốt tiết 1: Bồng có niềm say mê đặc biệt với hội họa và có khả năng quan sát, tưởng tượng rất phong phú.	- HS lắng nghe và nhắc lại ý chính.
TIẾT 2 - 1. Khởi động (3 phút) <i>Mục tiêu: Ôn lại nội dung tiết 1 và chuẩn bị tìm hiểu sâu ý nghĩa câu chuyện.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Ở tiết trước, em biết điều gì về Bồng?	- HS trả lời: Bồng là cô bé có tài hội họa, mê vẽ, vẽ rất giống và có trí tưởng tượng phong phú.
- GV dẫn vào tiết 2: Chúng ta sẽ tìm hiểu lời nhận xét của ông họa sĩ Phan và ý nghĩa câu chuyện.	- HS lắng nghe, mở SGK phần câu hỏi.
2. Khám phá - Hoạt động 3: Trả lời câu hỏi 3, 4, 5 (15 phút)	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p><i>Mục tiêu: HS hiểu nhận xét của ông họa sĩ, phát hiện trí tưởng tượng phong phú của Bống và nêu cảm nhận về nhân vật trong tranh.</i></p> <p><i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu người có ước mơ, năng khiếu cần chăm chỉ rèn luyện, tự tin, khiêm tốn tiếp thu góp ý và dùng khả năng sáng tạo để làm đẹp cuộc sống.</i></p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV cho HS quan sát câu hỏi trong SGK và nêu câu 3: Em hiểu thế nào về nhận xét của ông họa sĩ Phan “Chà chà! Vẽ như đồng cỏ đến kì nở hoa!”?</p> 	<p>- HS quan sát câu hỏi, đọc thầm để trả lời.</p>
<p>- GV gợi ý: Em có thể chọn đáp án hoặc nêu ý kiến riêng.</p>	<p>- HS trả lời: Câu nói khen Bống có năng khiếu vẽ tranh; tranh của Bống sinh động, phong phú và hứa hẹn bạn có thể trở thành họa sĩ tài năng.</p>
<p>- GV nêu câu 4: Những chi tiết nào trong bài cho thấy Bống có trí tưởng tượng rất phong phú?</p>	<p>- HS trả lời: Bống vẽ con gà mái có hàng chấm chấm là gà con bú mẹ; vẽ chuột nhắt cạnh vòng tròn có hai chóp nhọn là lưng con mèo; Bống còn tưởng tượng lời nói với con chuột.</p>
<p>- GV nêu câu 5: Em có ấn tượng với nhân vật nào trong các bức vẽ của Bống? Vì sao?</p>	<p>- HS chia sẻ: Em ấn tượng với con mèo vì Bống tưởng tượng rất vui; em thích con gà mẹ vì chi tiết gà con bú mẹ rất đáng yêu.</p>
<p>- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GV hỏi dẫn: Qua nhân vật Bống, em hiểu người có năng khiếu hoặc ước mơ cần làm gì để phát triển khả năng của mình? GV diễn giải: Năng khiếu chỉ là điểm khởi đầu. Muốn trở thành người sáng tạo, các em cần chăm chỉ luyện tập, quan sát đời sống, biết lắng nghe góp ý của thầy cô, bạn bè, người có kinh nghiệm; đồng thời phải tự tin nhưng không tự cao. Khi biết dùng tài năng để làm đẹp lớp học, gia đình, quê hương, các em đang rèn lối sống có ích, biết góp phần làm cuộc</p>	<p>- HS trả lời: Em cần chăm chỉ rèn luyện, tự tin, biết nhận góp ý, không chê bai bạn và dùng khả năng của mình để làm việc tốt.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
sống tốt đẹp hơn.	
- GV mời HS nêu nội dung bài.	- HS nêu: Câu chuyện ca ngợi niềm say mê hội hoạ, trí tưởng tượng phong phú của Bồng và khuyên chúng ta trân trọng, rèn luyện khả năng sáng tạo.
3. Luyện tập theo văn bản đọc (10 phút) <i>Mục tiêu: HS mở rộng vốn từ về sáng tạo và đặt câu đúng với từ đã học.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát phần luyện tập trong SGK và mời HS đọc bài 1. 	- HS quan sát, đọc yêu cầu bài tập.
- GV yêu cầu HS ghép nghĩa ở cột B với các từ sáng tác, sáng tạo, sáng chế.	- HS trả lời: sáng tác - làm ra tác phẩm văn học, nghệ thuật; sáng tạo - tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần; sáng chế - nghĩ và chế tạo ra cái trước đó chưa từng có.
- GV nêu bài 2: Đặt 1 - 2 câu với từ ở cột A.	- HS đặt câu: Nhà thơ sáng tác nhiều bài thơ cho thiếu nhi. Các bạn nhỏ rất sáng tạo khi làm đồ dùng học tập từ vật liệu tái chế.
- GV nhận xét, sửa lỗi dùng từ và khen HS đặt câu đúng nghĩa.	- HS lắng nghe, sửa câu vào vở nếu cần.
4. Luyện đọc lại (5 phút) <i>Mục tiêu: HS đọc lại đoạn văn có lời nhân vật với giọng phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV chọn đoạn ông hoạ sĩ Phan xem tranh của Bồng và hướng dẫn đọc phân vai.	- HS luyện đọc theo vai: người dẫn chuyện, Bồng, ông hoạ sĩ Phan.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét nhóm đọc rõ lời nhân vật.
5. Vận dụng (2 phút) <i>Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc rèn luyện năng khiếu, sở thích cá nhân.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói một việc em sẽ làm để rèn luyện sở thích hoặc năng khiếu của mình.	- HS nêu: Em sẽ luyện vẽ mỗi ngày; em sẽ đọc thêm sách; em sẽ hỏi thầy cô để sửa sản phẩm

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	của mình tốt hơn.
- GV dẫn HS đọc lại bài, chuẩn bị tiết viết tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 10 - CHỦ ĐIỂM 3: NIỀM VUI SÁNG TẠO

Bài 18: ĐỒNG CỎ NỖ HOA - Tiết 3: Viết - Tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết lựa chọn một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe để viết đoạn văn tưởng tượng.
- Biết chọn phương án viết đoạn văn tưởng tượng: bổ sung lời kể, tả; viết tiếp đoạn kết; hoặc phương án khác phù hợp.
- Tìm được ý cho phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn tưởng tượng.
- Biết trao đổi, chỉnh sửa ý tưởng để nội dung tưởng tượng rõ ràng, thú vị và phù hợp với câu chuyện gốc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự lựa chọn câu chuyện yêu thích, tự ghi ý vào vở theo gợi ý.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi ý tưởng với bạn, góp ý cụ thể và tiếp thu góp ý để hoàn thiện dàn ý.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn chi tiết tưởng tượng hợp lí, tạo bất ngờ nhưng không làm sai mạch truyện.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực tìm ý, viết nháp và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái: tôn trọng ý tưởng của bạn, góp ý nhẹ nhàng, không chê bai sản phẩm của bạn.
- Trách nhiệm: trình bày dàn ý rõ ràng, biết tự sửa bài trước khi chia sẻ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, hình bài viết trong SGK, bảng gợi ý tìm ý, phiếu lập ý.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút chì, bút mực.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 3 - 1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Kích hoạt hiểu biết về đoạn văn tưởng tượng và tạo tâm thế viết bài.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Ở tiết trước, chúng ta đã học những cách nào để viết đoạn văn tưởng tượng?	- HS trả lời: Bổ sung lời kể, tả; bổ sung lời thoại; thay hoặc viết tiếp đoạn kết.
- GV yêu cầu HS kể tên một câu chuyện em thích và muốn tưởng tượng thêm chi tiết.	- HS nêu: Sự tích cây vú sữa, Cây khế, Cóc kiện Trời, Bốn anh tài...
- GV dẫn vào bài: Tiết này, các em sẽ tìm ý cho đoạn văn tưởng tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá - Bài tập 1: Chuẩn bị (10 phút) <i>Mục tiêu: HS biết lựa chọn câu chuyện và phương án viết đoạn văn tưởng tượng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát SGK, đọc đề bài: Viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.	- HS quan sát SGK, đọc đề bài và xác định nhiệm vụ.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh						
<p>VIẾT</p> <p>TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN TƯỜNG TƯỢNG</p> <p>Đề bài: Viết đoạn văn tường tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <p>a. Lựa chọn câu chuyện yêu thích. b. Lựa chọn một phương án viết đoạn văn tường tượng. Ví dụ: Sự tích cây vú sữa</p> <p>Phương án 1: Bổ sung lời kể, tả cho câu chuyện</p> <p>Cách 1: Tả cụ thể tâm trạng nhớ mẹ của cậu bé và hành trình tìm mẹ vô cùng gian nan, cuối cùng cậu đã tìm được mẹ.</p> <p>Cách 2: Kể về sự thay đổi của cậu bé khi nhận ra lỗi lầm của mình: chầm chậm làm lành, tự giác làm theo lời mẹ khuyên bảo trước đây....</p> <p>Phương án 2: Viết tiếp đoạn kết</p> <p>Cách 1: Mẹ cậu trở về sau nhiều ngày đi tìm con, hai mẹ con được gặp nhau trong hạnh phúc.</p> <p>Cách 2: Các sự việc trong câu chuyện chỉ là do cậu bé ngủ mơ. Nếu cảm nghĩ của cậu khi nhớ lại giấc mơ đáng sợ đó.</p> <p>Phương án khác (theo lựa chọn của em)</p> <p>2. Tìm ý.</p> <p>G:</p> <table border="1"> <tr> <td>Mở đầu</td><td>Giới thiệu tên câu chuyện đã gợi cho em những liên tưởng, tưởng tượng.</td></tr> <tr> <td>Triển khai</td><td>Kể, tả lại những gì em đã tưởng tượng về câu chuyện theo phương án đã lựa chọn. Lưu ý: - Cần tạo được sự bất ngờ, thú vị... cho người đọc. - Có thể sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh để lời văn thêm sinh động.</td></tr> <tr> <td>Kết thúc</td><td>Nêu cảm nghĩ hoặc gợi ra những điều tưởng tượng tiếp theo.</td></tr> </table>	Mở đầu	Giới thiệu tên câu chuyện đã gợi cho em những liên tưởng, tưởng tượng.	Triển khai	Kể, tả lại những gì em đã tưởng tượng về câu chuyện theo phương án đã lựa chọn. Lưu ý: - Cần tạo được sự bất ngờ, thú vị... cho người đọc. - Có thể sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh để lời văn thêm sinh động.	Kết thúc	Nêu cảm nghĩ hoặc gợi ra những điều tưởng tượng tiếp theo.	
Mở đầu	Giới thiệu tên câu chuyện đã gợi cho em những liên tưởng, tưởng tượng.						
Triển khai	Kể, tả lại những gì em đã tưởng tượng về câu chuyện theo phương án đã lựa chọn. Lưu ý: - Cần tạo được sự bất ngờ, thú vị... cho người đọc. - Có thể sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh để lời văn thêm sinh động.						
Kết thúc	Nêu cảm nghĩ hoặc gợi ra những điều tưởng tượng tiếp theo.						
- GV hỏi: Bước chuẩn bị gồm những việc gì?	- HS trả lời: Chọn câu chuyện yêu thích và chọn một phương án viết đoạn văn tường tượng.						
- GV gợi ý: Có thể chọn truyện Sự tích cây vú sữa và lựa chọn phương án bổ sung lời kể, tả hoặc viết tiếp đoạn kết.	- HS lắng nghe, suy nghĩ câu chuyện mình sẽ chọn.						
- GV yêu cầu HS ghi nhanh vào vở: tên câu chuyện, phương án viết, nhân vật/chi tiết muốn tường tượng thêm.	- HS ghi: Tên truyện; phương án; chi tiết em muốn bổ sung hoặc viết tiếp.						
<p>3. Luyện tập - Bài tập 2: Tìm ý (16 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS lập được các ý chính cho đoạn văn tường tượng theo ba phần mở đầu, triển khai, kết thúc.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>							
- GV hướng dẫn HS quan sát bảng gợi ý trong SGK: Mở đầu, Triển khai, Kết thúc.	- HS quan sát bảng gợi ý, đọc từng mục.						
- GV hỏi: Phần mở đầu cần nêu điều gì?	- HS trả lời: Giới thiệu tên câu chuyện đã gợi cho em những liên tưởng, tưởng tượng.						
- GV hỏi: Phần triển khai cần nêu điều gì?	- HS trả lời: Kể, tả lại những gì em đã tưởng tượng về câu chuyện theo phương án đã lựa chọn.						

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV nhắc HS: Ở phần triển khai cần tạo sự bất ngờ, thú vị, có thể dùng nhân hoá, so sánh để lời văn sinh động.	- HS lắng nghe, bổ sung ý vào vở.
- GV hỏi: Phân kết thúc cần nêu điều gì?	- HS trả lời: Nêu cảm nghĩ hoặc gợi ra những điều tưởng tượng tiếp theo.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: viết các ý chính cho đoạn văn tưởng tượng vào vở.	- HS viết ý vào vở theo ba phần.
- GV tổ chức HS trao đổi nhóm đôi, góp ý cho nhau về ý tưởng.	- HS đọc ý tưởng cho bạn nghe; bạn góp ý về chi tiết chưa rõ, chỗ cần thêm cảm xúc hoặc lời thoại.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ dàn ý trước lớp.	- HS trình bày dàn ý; lớp nhận xét theo tiêu chí: rõ câu chuyện, có chi tiết tưởng tượng, ý tưởng phù hợp.
4. Chỉnh sửa ý tưởng (3 phút) <i>Mục tiêu: HS biết tự điều chỉnh dàn ý để đoạn văn tưởng tượng rõ, hấp dẫn và phù hợp.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS đọc lại ý đã tìm và đánh dấu chỗ cần bổ sung.	- HS đọc lại dàn ý, thêm lời thoại, cảm xúc hoặc chi tiết tả nêu cần.
- GV nhắc: Chi tiết tưởng tượng cần thú vị nhưng vẫn liên quan đến câu chuyện gốc.	- HS lắng nghe và tự điều chỉnh.
5. Vận dụng (2 phút) <i>Mục tiêu: HS chuẩn bị cho tiết viết hoàn chỉnh đoạn văn tưởng tượng.</i> *Cách tiến hành:	
- GV dặn HS về nhà kể ý tưởng cho người thân nghe và hoàn thiện dàn ý để chuẩn bị viết đoạn văn.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

TUẦN 10 - CHỦ ĐIỂM 3: NIỀM VUI SÁNG TẠO

Bài 18: ĐỒNG CỎ NỞ HOA - Tiết 4: Nói và nghe - Chúng em sáng tạo

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết giới thiệu về một sản phẩm do em tự tay làm ra theo gợi ý: tên sản phẩm, hình dáng, chất liệu, màu sắc, cách làm, điểm đặc biệt.
- Biết sử dụng tranh ảnh, vật thật hoặc hình minh họa để phần nói rõ ràng, hấp dẫn hơn.
- Biết nghe bạn trình bày, trao đổi, góp ý về nội dung, cách nói, cử chỉ, điệu bộ và ghi lại điều em yêu thích.
- Đọc mở rộng hoặc tìm đọc sách, truyện về các phát minh khoa học theo yêu cầu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị sản phẩm hoặc ý tưởng sản phẩm, tự sắp xếp nội dung nói theo trình tự.
- Giao tiếp và hợp tác: trình bày tự tin, lắng nghe, đặt câu hỏi và góp ý lịch sự cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết lựa chọn cách giới thiệu, hình ảnh minh họa và ngôn ngữ phù hợp để làm nổi bật sản phẩm.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: chuẩn bị sản phẩm/nội dung giới thiệu đầy đủ, tích cực tham gia hoạt động nói và nghe.
- Nhân ái: tôn trọng sản phẩm sáng tạo của bạn, góp ý nhẹ nhàng, khích lệ bạn tiến bộ.
- Trách nhiệm: sử dụng công cụ số an toàn, không đưa thông tin cá nhân lên mạng, không sao chép sản phẩm của người khác.

4. Tích hợp:

- AI (4.A1.1): HS biết dùng ChatGPT, Canva hoặc PowerPoint Designer dưới sự hướng dẫn của GV để tham khảo cách sắp xếp ý, tạo hình minh họa đơn giản cho phần giới thiệu sản phẩm; không sao chép nội dung AI và không đưa thông tin cá nhân lên công cụ số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh phần Nói và nghe trong SGK, một số sản phẩm mẫu, giấy A4, bút màu; tài khoản GV dùng ChatGPT, Canva hoặc PowerPoint Designer để minh họa.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, sản phẩm tự làm hoặc hình ảnh sản phẩm nếu có, bút chì, bút màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
TIẾT 4 - 1. Khởi động (4 phút) <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối bài học với sản phẩm sáng tạo của học sinh.</i> *Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Em đã từng tự tay làm sản phẩm nào?	- HS chia sẻ: Em làm máy bay giấy, con diều, đèn ông sao, thiệp, mô hình, đồ chơi từ vật liệu tái chế...
- GV cho HS quan sát tranh Nói và nghe trong SGK và hỏi: Các hình gợi ý những sản phẩm nào?	- HS quan sát và trả lời: Có máy bay giấy, đèn ông sao, con diều và một số sản phẩm tự làm.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>CHỪNG EM SÁNG TẠO</p> <p>Yêu cầu: Giới thiệu về một sản phẩm mà em tự tay làm ra.</p> <p>1. Chuẩn bị:</p> <p>G:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể giới thiệu về chiếc máy bay, con diều, chiếc đèn ông sao,... hoặc bất kì sản phẩm nào do em tự tay làm ra. - Giới thiệu tên gọi, hình dáng, chất liệu, màu sắc, cách làm, điểm đặc biệt nhất của sản phẩm. - Kết hợp sử dụng tranh ảnh, vật thật,... để cuốn hút người nghe. <p>2. Nói:</p> <p>Giới thiệu sản phẩm em đã làm (chú ý sử dụng các tính từ, hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm của sản phẩm đó).</p> <p>3. Trao đổi, góp ý:</p> <p>Trao đổi, góp ý về nội dung, cách nói, cử chỉ, điệu bộ,... khi nói. Ghi lại những góp ý của bạn hoặc cách làm một sản phẩm em yêu thích.</p> <p>1. Chia sẻ với người thân về sản phẩm em đã giới thiệu ở hoạt động Nói và nghe.</p> <p>2. Tìm đọc sách, truyền về các chất minh khoa học.</p>	
<p>- GV dẫn vào bài: Hôm nay các em sẽ giới thiệu sản phẩm mà mình tự tay làm ra.</p>	<p>- HS lắng nghe, chuẩn bị sản phẩm hoặc ý tưởng sản phẩm.</p>
<p>2. Khám phá - Chuẩn bị nội dung nói (9 phút)</p> <p>Mục tiêu: HS biết chuẩn bị các ý chính để giới thiệu sản phẩm rõ ràng, hấp dẫn.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết công cụ AI/công cụ số chỉ hỗ trợ gợi ý sắp xếp ý và minh họa; nội dung nói phải do HS tự chuẩn bị, không sao chép và không đưa thông tin cá nhân lên công cụ số.</p> <p>*Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV mời HS đọc yêu cầu: Giới thiệu về một sản phẩm mà em tự tay làm ra.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và xác định nhiệm vụ.</p>
<p>- GV hỏi: Khi giới thiệu sản phẩm, em cần nói những nội dung nào?</p>	<p>- HS trả lời: Tên sản phẩm, hình dáng, chất liệu, màu sắc, cách làm, điểm đặc biệt và công dụng của sản phẩm.</p>
<p>- GV yêu cầu HS ghi nhanh dàn ý giới thiệu sản phẩm vào vở.</p>	<p>- HS ghi dàn ý theo các mục: tên sản phẩm, vật liệu, cách làm, điểm đặc biệt, điều em thích.</p>
<p>- Tích hợp AI (4.A1.1): GV giới thiệu 3 công cụ có thể hỗ trợ khi chuẩn bị bài nói: ChatGPT/Gemini giúp gợi ý câu hỏi sắp xếp ý; Canva giúp chọn bố cục minh họa đơn giản; PowerPoint Designer giúp sắp xếp hình ảnh trên slide. GV minh họa bằng tài khoản giáo viên: nhập yêu cầu “Gợi ý bố cục giới thiệu chiếc đèn ông sao cho học sinh lớp 4” và cho HS quan sát các mục gợi ý. GV nhấn mạnh:</p>	<p>- HS lắng nghe và nhắc lại: Em chỉ dùng công cụ dưới sự hướng dẫn của GV/người lớn; không sao chép nguyên văn; không đưa thông tin cá nhân lên công cụ số.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
công cụ chỉ giúp tham khảo cách sắp xếp ý, không nói thay học sinh; không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại, tên lớp, hình ảnh cá nhân hoặc thông tin riêng tư.	
- GV hướng dẫn HS chọn một hình ảnh hoặc vật thật phù hợp để minh hoạ khi nói.	- HS chọn sản phẩm/vật thật/tranh ảnh minh hoạ để chuẩn bị trình bày.
3. Luyện tập - Nói trong nhóm (10 phút) <i>Mục tiêu: HS luyện giới thiệu sản phẩm, biết dùng từ ngữ gợi tả và hình ảnh so sánh để làm nổi bật sản phẩm.</i> *Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS nói trong nhóm 4, mỗi bạn trình bày khoảng 1 phút.	- HS lần lượt giới thiệu sản phẩm trong nhóm.
- GV nhắc HS khi nói cần nhìn người nghe, nói rõ ràng, dùng cử chỉ tự nhiên và giới thiệu theo trình tự.	- HS thực hành nói rõ ràng, biết chỉ vào sản phẩm hoặc hình ảnh khi giới thiệu.
- GV yêu cầu bạn nghe đặt 1 câu hỏi hoặc nêu 1 điều yêu thích về sản phẩm của bạn.	- HS nghe và hỏi: Bạn dùng vật liệu gì? Bạn làm trong bao lâu? Em thích màu sắc/cách trang trí của sản phẩm.
- GV quan sát, hỗ trợ nhóm còn lúng túng.	- HS điều chỉnh cách nói theo góp ý của GV và bạn.
4. Thực hành - Trình bày trước lớp và trao đổi, góp ý (9 phút) <i>Mục tiêu: HS trình bày sản phẩm trước lớp, biết nhận xét và ghi lại điều em yêu thích.</i> *Cách tiến hành:	
- GV mời một số HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Em giới thiệu tên sản phẩm, vật liệu, cách làm, điểm đặc biệt và cảm xúc khi hoàn thành.
- GV hướng dẫn lớp góp ý theo tiêu chí: nội dung đủ ý, cách nói rõ ràng, cử chỉ phù hợp, sản phẩm/hình ảnh minh hoạ rõ.	- HS nhận xét bạn bằng lời lịch sự: Bạn nói rõ tên sản phẩm; bạn cần nói chậm hơn; em thích cách bạn trang trí sản phẩm.
- GV yêu cầu HS ghi lại một góp ý của bạn hoặc cách làm một sản phẩm em yêu thích.	- HS ghi vào vở một điều học được từ phần trình bày của bạn.
- GV nhận xét, tuyên dương HS biết sáng tạo và biết góp ý văn minh.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
5. Vận dụng - Đọc mở rộng (3 phút) <i>Mục tiêu: HS chia sẻ sản phẩm với người thân và hình thành hứng thú tìm đọc sách, truyện về phát minh khoa học.</i> *Cách tiến hành:	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV yêu cầu HS chia sẻ với người thân về sản phẩm đã giới thiệu ở hoạt động Nói và nghe.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ, có thể giới thiệu lại sản phẩm ở nhà.
- GV giao nhiệm vụ tìm đọc sách, truyện về các phát minh khoa học và ghi lại tên bài/tên sách em đã đọc.	- HS lắng nghe và thực hiện ở nhà.
- GV nhận xét tiết học, nhấn mạnh: Sáng tạo cần sự chuẩn bị, nỗ lực và biết lắng nghe góp ý.	- HS lắng nghe, nêu cảm nghĩ về tiết học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

TUẦN 11 CHỦ ĐIỂM: NIỀM VUI SÁNG TẠO BÀI 19: THANH ÂM CỦA NÚI TIẾT 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Thanh âm của núi; biết ngắt nghỉ phù hợp ở các câu văn miêu tả âm thanh tiếng khèn.
- Hiểu nghĩa một số từ ngữ trong bài; nắm được vẻ đẹp của tiếng khèn và tình cảm của người Mông với nhạc cụ dân tộc.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; xác định đúng chủ đề của bài đọc và nêu được cảm nhận về nét đẹp văn hóa vùng miền.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: chuẩn bị bài, đọc văn bản theo yêu cầu, chủ động nêu điều chưa hiểu về từ ngữ, hình ảnh trong bài.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn để giới thiệu nhạc cụ dân tộc và chia sẻ cảm nhận về tiếng khèn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết liên hệ nét đẹp văn hóa trong bài với việc giữ gìn bản sắc dân tộc.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: luyện đọc nghiêm túc, ghi nhớ từ ngữ mới và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Nhân ái, trách nhiệm: biết tôn trọng, trân trọng nét đẹp văn hóa của các dân tộc Việt Nam.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS trân trọng âm thanh, nhạc cụ và nét đẹp văn hóa vùng miền; biết lắng nghe, chia sẻ cảm nhận về văn hóa dân tộc bằng thái độ tôn trọng.
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS quan sát/nghe âm thanh, hình ảnh nhạc cụ và văn hóa vùng núi từ nguồn GV cung cấp; biết chọn thông tin phù hợp, không tự ý mở nguồn lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Thanh âm của núi, hình ảnh/âm thanh khèn đã được GV chọn lọc, thẻ từ: Tây Bắc, vượn vương, huyền diệu.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút, thẻ nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: HS gợi nhớ chủ điểm Niềm vui sáng tạo, tạo hứng thú vào bài đọc	
- GV cho HS trao đổi nhóm đôi: Kể tên một nhạc cụ dân tộc mà em biết hoặc đã từng nghe.	- HS trao đổi nhóm đôi; có thể nêu: khèn, đàn bầu, đàn tranh, đàn đá, sáo trúc, trống cơm,...
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp: Em biết gì về hình dáng, cấu tạo hoặc cách chơi nhạc cụ đó?	- HS chia sẻ: Khèn có nhiều ống trúc, người thổi khèn dùng hơi và ngón tay để tạo âm thanh; đàn bầu có một dây; sáo trúc được thổi bằng miệng,...
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc, yêu cầu HS quan sát và nêu cảnh trong tranh. 	- HS quan sát tranh: Tranh vẽ cảnh vùng núi, có ruộng bậc thang, hoa đào, các bạn nhỏ và người thổi khèn trên đường.
- GV giới thiệu: Trong tiết đọc hôm nay, các em sẽ đến với Tây Bắc, lắng nghe thanh âm của chiếc khèn người Mông qua bài Thanh âm của núi.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Thanh âm của núi.
- GV nhận xét, dẫn vào hoạt động đọc văn bản.	- HS chuẩn bị đọc bài, chú ý giọng đọc chậm rãi, tha thiết.
2. Hoạt động 1: Đọc văn bản Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; hiểu nghĩa một số từ ngữ khó Mục tiêu tích hợp: NLS - HS biết sử dụng nguồn âm thanh, hình ảnh do GV cung cấp một cách an toàn, không tự ý mở nguồn lạ khi tìm hiểu nhạc cụ dân tộc.	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, giàu cảm xúc, nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả tiếng khèn: lạ lùng, ngân nga, réo rắt, vãn vương, huyền diệu.	- HS lắng nghe, theo dõi văn bản trong SGK, dùng bút chì đánh dấu những từ ngữ gợi âm thanh tiếng khèn.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ khó: Tây Bắc, Mông, vãn vương, huyền diệu, lòng ngực, khát khao.	- HS luyện đọc cá nhân và đọc nối tiếp: Tây Bắc, người Mông, vãn vương, huyền diệu, khát khao.
- GV yêu cầu HS chia văn bản thành 4 đoạn và	- HS đọc nối tiếp: Đoạn 1: từ đầu đến say mê;

đọc nối tiếp theo đoạn.	đoạn 2: tiếp đến bến bờ hiện tại; đoạn 3: tiếp đến cho các thế hệ sau; đoạn 4: phần còn lại.
- GV hướng dẫn cách ngắt nghỉ ở câu dài: Đường được cắt từ âm thanh huyền điệu,/ chảy mãi từ nguồn lịch sử/ cho đến tận bến bờ hiện tại.	- HS luyện ngắt nghỉ câu dài theo hướng dẫn, đọc lại câu văn rõ nhịp.
- GV cho HS đọc trong nhóm 4, mỗi em đọc một đoạn, bạn nghe và góp ý cách đọc.	- HS đọc theo nhóm 4; bạn nghe góp ý: đọc rõ tiếng, ngắt nghỉ đúng, nhấn giọng ở từ gọi âm thanh.
- GV giải nghĩa từ ngữ: Tây Bắc là vùng núi phía tây ở miền Bắc nước ta; vãn vương là thường cứ phải nghĩ đến, nhớ đến, không dứt ra được; huyền diệu là rất kì lạ, không thể hiểu hết được.	- HS ghi nhớ nghĩa từ: Tây Bắc, vãn vương, huyền diệu; nêu ví dụ: Tiếng khèn làm du khách vãn vương.
- GV chiếu hình ảnh chiếc khèn và nhắc HS: Khi muốn nghe âm thanh khèn hoặc xem video về nhạc cụ dân tộc, các em chỉ mở đường dẫn, tư liệu do thầy cô hoặc người lớn chọn lọc. Vì sao chúng ta không tự ý mở video lạ trên mạng? 	- HS trả lời: Vì video lạ có thể không phù hợp, có quảng cáo hoặc thông tin sai; em cần xem nguồn do GV cung cấp và hỏi người lớn khi muốn tìm hiểu thêm.
- GV diễn giải: Nhạc cụ dân tộc là tư liệu văn hóa quý. Khi tìm hiểu trên môi trường số, các em cần chọn nguồn phù hợp, không bấm vào đường dẫn lạ, không bình luận thiếu lịch sự về trang phục, giọng nói, phong tục của các dân tộc. Biết chọn lọc thông tin giúp các em học an toàn và thể hiện sự tôn trọng văn hóa.	- HS lắng nghe và nêu việc nên làm: xem tư liệu GV gửi, ghi lại tên nhạc cụ, không tự ý tải video, không nhận xét chê bai văn hóa vùng miền.
- GV mời một nhóm đọc tốt đọc lại toàn bài.	- Một nhóm HS đọc lại văn bản; cả lớp nhận xét giọng đọc và cách ngắt nghỉ.
3. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài, trả lời đúng câu hỏi đọc hiểu và nêu cảm nhận về tiếng khèn Mục tiêu tích hợp: lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống - HS biết trân trọng nhạc cụ, âm thanh và nét đẹp văn hóa của đồng bào dân tộc bằng thái độ tôn trọng, không kì thị, không chê bai khác biệt văn hóa.	
- GV nêu câu 1: Đến Tây Bắc, du khách thường có cảm nhận như thế nào về tiếng khèn của	- HS trả lời: Du khách thấy tiếng khèn của người Mông rất lạ lùng, ngân nga, réo rắt, vãn

người Mông?	vương, làm say mê lòng người.
- GV nêu câu 2: Đóng vai một người Mông, giới thiệu về chiếc khèn. Em sẽ giới thiệu những gì?	- HS trả lời: Em sẽ giới thiệu khèn được làm từ gỗ và các ống trúc, có âm thanh to nhỏ, dài ngắn khác nhau; tiếng khèn gắn với đời sống của người Mông.
- GV nêu câu 3: Theo em, vì sao tiếng khèn trở thành báu vật của người Mông?	- HS trả lời: Vì tiếng khèn gắn bó với người Mông từ lâu đời, theo người Mông trong cuộc sống hằng ngày, trong lễ hội và được truyền lại qua nhiều thế hệ.
- GV nêu câu 4: Đoạn cuối bài đọc muốn nói điều gì về tiếng khèn và người thổi khèn?	- HS trả lời: Đoạn cuối cho thấy tiếng khèn thể hiện tâm hồn, khát vọng sống và tình yêu cuộc sống của người Mông; người thổi khèn gửi vào đó tình cảm tha thiết.
- GV nêu câu 5: Xác định chủ đề của bài đọc Thanh âm của núi. Em chọn đáp án nào?	- HS trả lời: Em chọn C. Tiếng khèn của người Mông là nét văn hóa quý báu, cần được lưu giữ, bảo tồn.
- GV hỏi: Khi nói về nhạc cụ, trang phục, phong tục của một dân tộc khác, chúng ta nên nói với thái độ như thế nào?	- HS trả lời: Chúng ta cần nói với thái độ tôn trọng, lịch sự, không chê bai, không cười cợt vì mỗi dân tộc đều có nét đẹp riêng.
- GV diễn giải: Tiếng khèn trong bài không chỉ là âm thanh của một nhạc cụ mà còn là tiếng nói của văn hóa, của lịch sử và tâm hồn người Mông. Khi biết trân trọng tiếng khèn, các em cũng đang học cách trân trọng sự đa dạng của đất nước Việt Nam. Mỗi vùng miền, mỗi dân tộc có phong tục, lời ca, tiếng nhạc riêng; thái độ đúng của người học sinh là lắng nghe, tìm hiểu, tự hào và ứng xử văn minh.	- HS nêu bài học: Em cần yêu quý, giữ gìn nét đẹp văn hóa dân tộc; khi nghe nhạc cụ dân tộc em sẽ lắng nghe chăm chú và giới thiệu với bạn bằng lời nói lịch sự.
4. Vận dụng Mục tiêu: HS liên hệ thực tế, chia sẻ điều học được sau bài đọc	
- GV yêu cầu HS nói 1 - 2 câu giới thiệu chiếc khèn hoặc một nhạc cụ dân tộc mà em biết.	- HS nói: Chiếc khèn của người Mông có âm thanh ngân nga, réo rắt. Em rất thích nghe tiếng khèn vì âm thanh ấy gợi về đẹp của núi rừng Tây Bắc.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS luyện đọc lại bài và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

-

BÀI 19: THANH ÂM CỦA NÚI**TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ BIỆN PHÁP NHÂN HOÁ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận diện được một số vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong thơ, văn.
- Nêu được tác dụng của hình ảnh nhân hoá trong việc làm cho sự vật trở nên gần gũi, sinh động.
- Đặt được câu có sử dụng biện pháp nhân hoá nói về con vật, cây cối hoặc hiện tượng tự nhiên.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc đoạn thơ, đoạn văn, tìm từ ngữ nhân hoá theo yêu cầu.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi nhóm đôi, nhóm bốn để thống nhất hình ảnh nhân hoá và tác dụng.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: vận dụng nhân hoá để đặt câu sinh động, phù hợp ngữ cảnh.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: hoàn thành các bài tập luyện từ và câu.
- Trách nhiệm: lắng nghe, góp ý câu văn của bạn bằng lời lịch sự.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, tranh bài tập nhân hoá, bảng phụ ghi đoạn thơ/đoạn văn, thẻ từ.
- HS: SGK, vở ô ly, bút, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: HS gợi nhớ kiến thức về biện pháp nhân hoá	
- GV hỏi: Nhân hoá là gì?	- HS trả lời: Nhân hoá là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng tự nhiên bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả người.
- GV yêu cầu HS đặt một câu có nhân hoá về mây, gió hoặc nắng.	- HS đặt câu: Mây trắng thông thả dạo chơi trên bầu trời. Gió khẽ hát bên hàng cây.
- GV nhận xét và giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em luyện tập nhận diện và sử dụng biện pháp nhân hoá.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Luyện từ và câu.
2. Hoạt động 1: Nhận diện vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá Mục tiêu: HS tìm được các vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong đoạn thơ, đoạn văn	
text bold	- HS đọc yêu cầu bài tập 1 và chuẩn bị làm việc nhóm.
- GV chiếu đoạn thơ a, yêu cầu HS đọc thầm và gạch chân sự vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá.	- HS tìm: chim, hạt mưa, cào cào, trăng được nhân hoá bằng các từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người như mừng, rủ nhau, trú bóng, gõ cửa,...

<p>đoạn văn dưới đây. Cho biết chúng được nhân hoá bằng cách nào.</p> <p>Gọi vật, hiện tượng tự nhiên bằng những từ ngữ chỉ người.</p> <p>Dùng từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để kể, tả về vật, hiện tượng tự nhiên.</p> <p>Trò chuyện, xưng hô với vật, hiện tượng tự nhiên như với người.</p> <p>a. Chim mừng, riu cánh vỗ Rủ nhau về cang đồng Cào cào ao xanh, đỏ Giã gạo ngay ngoài đồng.</p> <p>Hạt nù hạt trấu bóng Đung đưa nhờ chỉ gió Mách tin mùa chín rộ Đến từng ngõ, từng nhà.</p> <p>(Quang Khải)</p>  <p>b. Một ngày cuối năm, khi đi qua trắng cỏ, cậu bé nhìn thấy một cái c.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS nêu cách nhân hoá trong đoạn a.</p>	<p>- HS trả lời: Tác giả dùng từ ngữ chỉ hoạt động, cảm xúc của người để tả chim, hạt mưa, cào cào, trắng nên cảnh vật trở nên vui tươi, gần gũi.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn b và tìm sự vật được nhân hoá.</p>	<p>- HS trả lời: Cây được gọi là cậu bé; cây biết chào, biết hỏi, biết trả lời hoặc im lặng như người.</p>
<p>- GV hỏi: Cách nhân hoá ở đoạn b làm cho cây hiện lên như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cây hiện lên như một người bạn nhỏ, có nét nhút nhát, đáng yêu và gần gũi với cậu bé.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn c, thảo luận nhóm đôi tìm các vật, hiện tượng được nhân hoá.</p>	<p>- HS trả lời: Chim, bóng chim, vườn cây, bác cu gáy được tả bằng những từ ngữ gọi hoạt động, âm thanh, cảm xúc như tiếng chim, bóng chim bay nhảy, bác cu gáy trầm ngâm.</p>
<p>- GV chốt: Có thể nhân hoá bằng cách gọi vật như người, dùng từ ngữ chỉ hoạt động/đặc điểm của người hoặc cho vật trò chuyện, xưng hô như người.</p>	<p>- HS ghi nhớ 3 cách nhân hoá và nêu lại bằng lời của mình.</p>
<p>3. Hoạt động 2: Nêu tác dụng và đặt câu nhân hoá Mục tiêu: HS nêu được tác dụng của hình ảnh nhân hoá và đặt câu có nhân hoá</p>	
<p>text bold</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 2, quan sát tranh và đoạn thơ.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn thơ nói về cây rom, gà mái, bụi chuối, ngô bắp và chọn hình ảnh em thích.</p>	<p>- HS trả lời mẫu: Em thích hình ảnh “Có đàn chim sẻ bên thềm lú lo” vì âm thanh chim sẻ làm cảnh quê thêm vui và sống động.</p>

<p>của anh anh nham hoa do.</p> <p>Chẳng đầu bằng chính nhà em Có đàn chim sẽ bên thêm lâu lo. Có nàng gà mái hoa mơ Cúc ta, cúc tác khi vừa đẻ xong. Có bà chuối mặt lưng ong Có ông ngô bắp râu hồng như tơ. (Đoàn Thị Lam Luyến)</p> <p>3. Đặt 2 – 3 câu có hình ảnh nhân hoá nói về cảnh vật, hiện tượng tự nhiên. M: Những chi mây đang dạo chơi trên bầu trời.</p> <p>VIẾT</p> <p>VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỜNG TƯỢNG</p> <p>Đề bài: Viết đoạn văn tường tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.</p>	
<p>- GV hỏi: Hình ảnh “Cô nàng gà mái hoa mơ” có gì thú vị?</p>	<p>- HS trả lời: Gà mái được gọi là “cô nàng” như một con người nên hình ảnh gà mái trở nên duyên dáng, đáng yêu.</p>
<p>text bold</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 3 và làm bài vào vở.</p>
<p>- GV cho HS viết câu vào vở rồi chia sẻ trong nhóm đôi.</p>	<p>- HS viết câu: Mây trắng đang dạo chơi trên bầu trời. Chị nắng ghé qua hiên nhà. Dòng suối reo vui dưới chân núi.</p>
<p>- GV mời HS đọc câu, cả lớp nhận xét câu có sử dụng nhân hoá chưa và dùng từ có hợp lí không.</p>	<p>- HS đọc câu, nhận xét: Câu “Chị nắng ghé qua hiên nhà” có nhân hoá vì gọi nắng bằng “chị” và dùng hoạt động “ghé qua” như người.</p>
<p>4. Vận dụng Mục tiêu: HS vận dụng nhân hoá để nói, viết câu gần gũi với đời sống</p>	
<p>- GV yêu cầu HS quan sát một sự vật quanh lớp và nói một câu nhân hoá.</p>	<p>- HS nói: Chiếc bảng đang im lặng chờ chúng em viết bài. Cây phượng ngoài sân đang tay che bóng mát.</p>
<p>- GV nhận xét, dặn HS ghi nhớ cách dùng nhân hoá và chuẩn bị tiết Viết.</p>	<p>- HS lắng nghe và ghi nhớ nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

BÀI 19: THANH ẨM CỦA NÚI**TIẾT 3: VIẾT - VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỜNG TƯỢNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Viết được đoạn văn tường tượng dựa vào một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe, có nội dung kết nối với câu chuyện.
- Biết bổ sung chi tiết tường tượng hợp lí, tạo sự bất ngờ, thú vị cho người đọc.
- Biết đọc soát và sửa đoạn văn theo các tiêu chí: nội dung, cách viết mở đầu/kết thúc, dùng từ, đặt câu, chính tả.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chọn câu chuyện, tự suy nghĩ chi tiết tường tượng.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn để góp ý đoạn văn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát triển trí tưởng tượng, lựa chọn cách viết riêng, không rập khuôn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: hoàn thành đoạn văn theo yêu cầu.
- Trung thực, trách nhiệm: viết bằng ý tưởng và lời văn của mình; biết tiếp thu góp ý để sửa bài.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp AI (4.A1.2): HS biết AI có thể gợi ý từ ngữ, hình ảnh hoặc tình huống cho đoạn văn tường tượng nhưng không thay thế trí tưởng tượng và cảm xúc riêng của người viết.**

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/tivi, bảng tiêu chí đoạn văn tường tượng, phiếu lập ý, ví dụ gợi ý từ ChatGPT/Gemini đã được GV kiểm duyệt.
- HS: SGK, vở ô ly, bút, nháp.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
Mục tiêu: HS gợi nhớ yêu cầu của đoạn văn tường tượng	
- GV hỏi: Khi viết đoạn văn tường tượng dựa vào một câu chuyện, em có thể viết thêm những gì?	- HS trả lời: Em có thể viết thêm chi tiết, lời kể, lời thoại, thay hoặc viết tiếp đoạn kết của câu chuyện.
- GV hỏi: Đoạn văn tường tượng cần đảm bảo điều gì?	- HS trả lời: Đoạn văn cần liên quan đến câu chuyện đã đọc/đã nghe, có chi tiết hợp lí, thú vị, câu văn rõ nghĩa và không mắc lỗi chính tả.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em sẽ viết đoạn văn tường tượng và đọc soát để đoạn văn hấp dẫn hơn.	- HS lắng nghe và chuẩn bị vở viết.
2. Hoạt động 1: Chuẩn bị ý cho đoạn văn	
Mục tiêu: HS xác định câu chuyện, hướng tường tượng và các chi tiết sẽ viết	
text bold	- HS đọc đề bài và xác định yêu cầu: viết một đoạn văn tường tượng dựa vào câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- GV yêu cầu HS chọn câu chuyện mình muốn	- HS chọn câu chuyện: Cô bé Lọ Lem, Con vẹt

viết và ghi nhanh tên câu chuyện vào nháp.	xanh, Bầu trời mùa thu, Đôi cánh của ngựa trắng hoặc một câu chuyện đã đọc.
- GV gợi ý: Em có thể viết thêm chi tiết, viết thêm lời thoại của nhân vật hoặc viết tiếp đoạn kết.	- HS chọn hướng viết: Em sẽ viết tiếp đoạn kết; em sẽ thêm lời thoại của nhân vật; em sẽ tưởng tượng một sự việc mới.
- GV yêu cầu HS lập nhanh 3 ý: mở đầu, triển khai, kết thúc.	- HS ghi nháp: Mở đầu giới thiệu câu chuyện; triển khai kể chi tiết tưởng tượng; kết thúc nêu cảm nghĩ hoặc điều em muốn gửi gắm.

3. Hoạt động 2: Thực hành viết đoạn văn

Mục tiêu: HS viết được đoạn văn tưởng tượng theo yêu cầu

Mục tiêu tích hợp: AI - HS biết dùng gợi ý AI như tư liệu tham khảo đã được GV kiểm duyệt, không sao chép máy móc và giữ ý tưởng, cảm xúc riêng trong bài viết.

- GV hỏi: Nếu cô dùng ChatGPT hoặc Gemini để tạo vài gợi ý mở đầu cho đoạn văn, các em có được chép nguyên văn vào bài không? Vì sao?	- HS trả lời: Không được chép nguyên văn vì AI chỉ gợi ý. Bài viết phải là ý tưởng và lời văn của em; em cần tự chọn, sửa và viết lại cho phù hợp.
- GV diễn giải: AI có thể giúp gợi ý một số từ ngữ, hình ảnh hoặc tình huống như “nhân vật gặp lại bạn”, “câu chuyện có một kết thúc bất ngờ”. Tuy nhiên, AI không biết chính xác cảm xúc, trải nghiệm và cách tưởng tượng riêng của từng bạn. Vì vậy, khi GV cho xem gợi ý AI, các em chỉ dùng để mở rộng suy nghĩ, sau đó phải tự viết bằng lời của mình, kiểm tra xem chi tiết có hợp với câu chuyện không, có đúng yêu cầu bài học không.	- HS nêu cách sử dụng đúng: Em đọc gợi ý, chọn ý phù hợp, bỏ ý không hợp lí, thêm cảm xúc và lời văn của mình, không sao chép nguyên câu AI.
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn 5 - 7 câu vào vở, chú ý có mở đầu, chi tiết tưởng tượng và kết thúc.	- HS viết đoạn văn vào vở; ví dụ: Sau khi tiếng khèn ngân vang, cậu bé trong câu chuyện tưởng tượng mình được đi trên con đường núi đầy hoa. Tiếng khèn dẫn cậu đến một phiên chợ rực rỡ sắc màu...
- GV đi đến từng nhóm, nhắc HS viết câu rõ nghĩa, tránh kể lan man.	- HS điều chỉnh bài: thêm dấu câu, sửa từ lặp, bỏ chi tiết không liên quan.

4. Hoạt động 3: Đọc soát và chia sẻ

Mục tiêu: HS biết đọc soát, góp ý và sửa đoạn văn

- GV chiếu bảng tiêu chí: nội dung có kết nối với câu chuyện; chi tiết tưởng tượng thú vị; cách viết mở đầu/kết thúc; dùng từ, đặt câu; chính tả.	- HS đọc tiêu chí và tự rà soát đoạn văn của mình.
- GV yêu cầu HS đổi vở cho bạn cùng bàn để	- HS đổi vở, góp ý: Bạn viết chi tiết tưởng

góp ý một điểm tốt và một điểm cần sửa.	tượng hay; bạn cần thêm câu kết thúc hoặc sửa lỗi chính tả.
- GV mời 2 HS đọc đoạn văn trước lớp.	- HS đọc bài; cả lớp nhận xét: đoạn văn có chi tiết tưởng tượng bất ngờ, câu văn rõ ràng, biết liên hệ câu chuyện đã đọc.
5. Vận dụng Mục tiêu: HS chia sẻ ý tưởng viết đoạn văn với người thân	
- GV dẫn HS về nhà đọc lại đoạn văn và kể cho người thân nghe chi tiết tưởng tượng em thích nhất.	- HS ghi nhớ: Em sẽ đọc lại bài, sửa lỗi và chia sẻ với người thân.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

BÀI 20: BẦU TRỜI MÙA THU

TIẾT 4 - 5: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Bầu trời mùa thu; biết phân biệt lời người kể và lời nhân vật.
- Hiểu cách các bạn nhỏ quan sát, tưởng tượng và dùng từ ngữ để tả bầu trời.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; tìm được câu có sử dụng so sánh, nhân hoá và đặt câu về hiện tượng tự nhiên.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc văn bản, tìm từ ngữ miêu tả bầu trời.
- Giao tiếp và hợp tác: thảo luận nhóm để chia sẻ cảm nhận về các câu văn tả bầu trời.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: viết được câu văn tả bầu trời theo quan sát và cảm nhận riêng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: luyện đọc, hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu và luyện tập.
- Trách nhiệm: có ý thức giữ gìn môi trường thiên nhiên, cảnh quan trường lớp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp BVMT: HS biết quan sát vẻ đẹp thiên nhiên mùa thu; có ý thức giữ gìn cây xanh, cảnh quan trường lớp, không xả rác làm ảnh hưởng môi trường.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

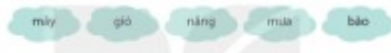
- GV: Máy chiếu/tivi, tranh bài đọc Bầu trời mùa thu, thẻ câu văn, phiếu nhóm, bảng bài tập luyện tập theo văn bản đọc.
- HS: SGK, vở, bút, bảng con.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: HS chia sẻ trải nghiệm quan sát bầu trời, tạo hứng thú vào bài đọc	
- GV hỏi: Em thấy bầu trời đẹp nhất vào lúc nào? Vì sao?	- HS trả lời: Em thấy bầu trời đẹp nhất vào buổi sáng vì trong xanh; lúc hoàng hôn vì có màu vàng, đỏ; sau cơn mưa vì trời sáng và mát.
- GV chiếu tranh minh họa, yêu cầu HS quan sát cảnh thầy giáo và học sinh ngoài cánh đồng. 	- HS quan sát tranh: Thầy giáo cùng các bạn nhỏ đứng giữa cánh đồng, cùng nhìn lên bầu trời mùa thu.

- GV giới thiệu: Bài Bầu trời mùa thu giúp các em thấy mỗi người có thể quan sát thiên nhiên bằng cảm xúc và trí tưởng tượng rất riêng.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Bầu trời mùa thu.
2. Hoạt động 1: Đọc văn bản Mục tiêu: HS đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản; hiểu từ ngữ trong bài	
- GV đọc mẫu toàn bài, giọng chậm rãi, nhẹ nhàng, nhấn giọng ở các câu tả bầu trời.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK và đánh dấu những câu văn tả bầu trời mà em thích.
- GV hướng dẫn HS đọc các từ khó: cánh đồng, trầm ngâm, mệt mỏi, mặt nước, lắng nghe, bụi cây.	- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đọc đồng thanh và sửa phát âm nếu cần.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp đoạn, chú ý phân biệt lời thầy giáo và lời học sinh.	- HS đọc nối tiếp: người kể chuyện đọc chậm rãi; lời thầy giáo rõ ràng; lời học sinh hồn nhiên, giàu tưởng tượng.
- GV giải nghĩa từ “trầm ngâm”: có dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì.	- HS ghi nhớ nghĩa từ và đặt câu: Ông em ngồi trầm ngâm bên hiên nhà.
- GV cho HS luyện đọc nhóm 4, mỗi bạn đọc một đoạn, bạn khác góp ý.	- HS đọc nhóm 4, góp ý cách đọc: đọc đủ tiếng, ngắt nghỉ đúng, thể hiện cảm xúc ở câu văn tả bầu trời.
- GV mời một nhóm đọc trước lớp.	- Nhóm HS đọc; cả lớp nhận xét giọng đọc và cách thể hiện lời nhân vật.
3. Hoạt động 2: Trả lời câu hỏi Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài, biết nêu cảm nhận riêng về hình ảnh bầu trời Mục tiêu tích hợp: BVMT - HS biết yêu vẻ đẹp thiên nhiên, có ý thức giữ gìn cây xanh, cảnh quan và không xả rác để bầu trời, cánh đồng, trường lớp luôn sạch đẹp.	
- GV nêu câu 1: Các bạn học sinh được thầy giáo giao cho nhiệm vụ gì?	- HS trả lời: Các bạn được thầy giáo giao nhiệm vụ quan sát bầu trời mùa thu và chọn những từ ngữ thích hợp để nói về bầu trời.
- GV nêu câu 2: Em có nhận xét gì về cách tả bầu trời của các bạn nhỏ trong những câu văn dưới đây?	- HS trả lời: Các bạn tả bầu trời bằng trí tưởng tượng phong phú. Mỗi bạn nhìn bầu trời theo một cách riêng như bầu trời được rửa mặt sau cơn mưa, bầu trời dịu dàng, trầm ngâm, ghé sát mặt đất,...

	
<p>- GV nêu câu 3: Trong bài có rất nhiều câu văn tả bầu trời, em thích câu văn nào? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Em thích câu “Bầu trời xanh như mặt nước một mối trong ao” vì câu văn vừa có so sánh vừa có nhân hoá, làm bầu trời hiện lên sinh động.</p>
<p>- GV nêu câu 4: Theo em, vì sao hình ảnh bầu trời trong các câu văn của mỗi bạn nhỏ rất khác nhau?</p>	<p>- HS trả lời: Vì mỗi bạn có cách quan sát, cảm xúc và trí tưởng tượng riêng nên cùng nhìn bầu trời nhưng lại có những câu văn khác nhau.</p>
<p>- GV nêu câu 5: Viết 1 - 2 câu văn tả bầu trời theo quan sát và cảm nhận của em.</p>	<p>- HS viết: Bầu trời sáng nay trong xanh như một tấm khăn mới giặt. Những đám mây trắng thông thả trôi như đàn cừu nhỏ.</p>
<p>- GV hỏi: Muốn bầu trời, cánh đồng và sân trường luôn đẹp trong mắt chúng ta, mỗi bạn cần làm gì hằng ngày?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần không xả rác, chăm sóc cây xanh, giữ vệ sinh lớp học và sân trường, nhắc bạn bỏ rác đúng nơi quy định.</p>
<p>- GV diễn giải: Vẻ đẹp của bầu trời mùa thu không tách rời cảnh vật xung quanh. Nếu sân trường có nhiều rác, cây bị bẻ cành, khói bụi nhiều thì bầu trời và cảnh vật sẽ kém trong lành. Vì vậy, khi yêu thích những câu văn tả bầu trời, các em cũng cần biến tình yêu thiên nhiên thành hành động cụ thể: tiết kiệm giấy, bỏ rác đúng nơi, chăm sóc cây, không hái hoa bẻ cành và nhắc nhau giữ gìn môi trường học tập sạch đẹp.</p>	<p>- HS nêu cam kết: Em sẽ bỏ rác đúng nơi, không bẻ cành, chăm sóc cây lớp em và giữ lớp học sạch sẽ.</p>
<p>4. Hoạt động 3: Luyện tập theo văn bản đọc Mục tiêu: HS củng cố biện pháp so sánh, nhân hoá và đặt câu về hiện tượng tự nhiên</p>	
<p>text bold</p>	<p>- HS đọc các đáp án và chọn câu đúng.</p>
<p>- GV yêu cầu HS giải thích vì sao chọn câu A.</p>	<p>- HS trả lời: Chọn A. “Bầu trời xanh như mặt nước một mối trong ao.” Câu có so sánh “như mặt nước” và nhân hoá “một mối”.</p>

<p>3. Trong bài có rất nhiều câu văn tả bầu trời, em thích câu văn nào? Vì sao?</p> <p>4. Theo em, vì sao hình ảnh bầu trời trong các câu văn của mỗi bạn nhỏ rất khác nhau?</p> <p>5. Viết 1 – 2 câu văn tả bầu trời theo quan sát và cảm nhận của em.</p> <p> 1. Câu văn nào dưới đây sử dụng cả hai biện pháp so sánh và nhân hoá?</p> <p>A. Bầu trời xanh như mặt nước một màu trong ao.</p> <p>B. Mưa hè, nước dạo chơi cùng những làn sóng.</p> <p>C. Bầu trời được rửa mặt sau cơn mưa.</p> <p>D. Bầu trời dịu dàng.</p> <p>2. Đặt câu kể, tả về một hiện tượng tự nhiên, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.</p> <p></p> <p>VIẾT</p> <p>TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN TƯƠNG TƯỢNG</p> <p>1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.</p> <p>2. Đọc nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và nhược điểm trong đoạn văn</p>	
<p>text</p> <p>bold</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và chọn từ: mây, gió, nắng, mưa, bão.</p>
<p>- GV mời HS đặt câu với từ “mây”.</p>	<p>- HS đặt câu: Những đám mây trắng đang rủ nhau dạo chơi trên bầu trời.</p>
<p>- GV mời HS đặt câu với từ “gió”.</p>	<p>- HS đặt câu: Chị gió khẽ hát qua hàng cây trước lớp.</p>
<p>- GV mời HS đặt câu với từ “mưa”.</p>	<p>- HS đặt câu: Mưa tí tách gõ cửa mái nhà vào buổi chiều.</p>
<p>5. Vận dụng</p> <p>Mục tiêu: HS vận dụng bài học để quan sát thiên nhiên và viết câu văn</p>	
<p>- GV yêu cầu HS về nhà quan sát bầu trời vào một thời điểm trong ngày và viết 2 câu văn có hình ảnh đẹp.</p>	<p>- HS ghi nhiệm vụ: Em sẽ quan sát bầu trời buổi sáng hoặc chiều và viết câu văn tả lại cảm nhận của mình.</p>
<p>- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Trả bài viết đoạn văn tương tượng.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.</p>

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

TIẾT 6: VIẾT - TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN TƯƠNG TƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nghe và hiểu nhận xét chung của GV về bài viết đoạn văn tương tượng.
- Biết đọc nhận xét, tự phát hiện ưu điểm, lỗi trong bài viết và sửa lỗi phù hợp.
- Biết học tập câu văn, chi tiết tương tượng hay của bạn để cải tiến bài viết của mình.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự đọc lại bài, tự xác định lỗi cần sửa.
- Giao tiếp và hợp tác: trao đổi với bạn về cách sửa lỗi, học tập ưu điểm trong bài của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết chọn cách sửa câu, sửa ý để bài viết rõ hơn, hấp dẫn hơn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: sửa bài cẩn thận, hoàn thiện bài viết.
- Trung thực, trách nhiệm: tiếp thu góp ý, tự chỉnh sửa bài bằng lời văn của mình.

4. Tích hợp:

- Tích hợp AI (4.D2.1): HS hiểu bài viết cần được đọc soát, góp ý và cải tiến nhiều lần; AI chỉ là công cụ hỗ trợ phát hiện lỗi đơn giản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bài viết đã chấm/nhận xét, bảng tiêu chí, ví dụ câu văn cần sửa, một ví dụ gợi ý sửa câu bằng AI đã được GV kiểm duyệt.
- HS: Bài viết của HS, bút chì, bút màu, vở.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: HS gợi nhớ tiêu chí của đoạn văn tương tượng	
- GV hỏi: Một đoạn văn tương tượng tốt cần có những điểm nào?	- HS trả lời: Đoạn văn cần có nội dung kết nối với câu chuyện, chi tiết tương tượng thú vị, cách viết mở đầu/kết thúc hợp lí, dùng từ đúng và không mắc lỗi chính tả.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay các em sẽ nghe nhận xét, đọc lại bài và sửa đề đoạn văn tốt hơn.	- HS lắng nghe và chuẩn bị bài viết của mình.
2. Hoạt động 1: Nghe nhận xét chung Mục tiêu: HS nắm được ưu điểm và lỗi thường gặp trong bài viết của lớp	
- GV nhận xét chung ưu điểm của lớp: nhiều bạn biết tương tượng chi tiết mới, một số bạn có câu văn giàu hình ảnh.	- HS lắng nghe, tự đối chiếu với bài viết của mình.
- GV nêu lỗi thường gặp: mở đoạn chưa rõ, chi tiết tương tượng chưa gắn với câu chuyện, lặp từ, thiếu dấu câu hoặc sai chính tả.	- HS ghi nhớ các lỗi thường gặp để rà soát bài của mình.
- GV tuyên dương một số câu văn hay, đọc cho cả lớp nghe.	- HS nghe và nêu điều học được: câu văn của bạn có hình ảnh đẹp, chi tiết bắt ngờ, cách kết

	thức thú vị.
3. Hoạt động 2: Đọc nhận xét và sửa bài Mục tiêu: HS tự sửa lỗi, cải tiến câu văn theo góp ý Mục tiêu tích hợp: AI - HS biết AI chỉ hỗ trợ gợi ý sửa lỗi đơn giản; HS phải đối chiếu với nhận xét của GV, tự chọn cách sửa để giữ ý tưởng và giọng văn của mình.	
<p>- GV yêu cầu HS đọc nhận xét trong bài viết của mình và đánh dấu một lỗi cần sửa trước.</p> <p>em viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn có đủ mở đầu, triển khai, kết thúc không? - Những điều em tưởng tượng có kết nối với câu chuyện không? - Đoạn văn có mắc lỗi về dùng từ, viết câu, chính tả không? <p>3. Trao đổi với bạn để tìm cách sửa lỗi, khắc phục nhược điểm trong bài làm của mình. Viết lại câu văn em muốn chỉnh sửa cho hay hơn.</p> <p>4. Đọc bài làm của các bạn trong nhóm hoặc bài làm được thầy cô khen, ghi lại những điều em muốn học tập.</p> 	<p>- HS đọc nhận xét, đánh dấu lỗi: thiếu câu kết, lặp từ, câu chưa rõ ý hoặc sai chính tả.</p>
<p>- GV hỏi: Nếu AI gợi ý sửa một câu văn của em, em có nên thay ngay toàn bộ câu văn theo AI không? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Không nên thay ngay. Em cần đọc lại, xem gợi ý có đúng ý mình không, có phù hợp câu chuyện không, rồi tự sửa theo lời văn của mình.</p>
<p>- GV diễn giải: Khi sửa bài, điều quan trọng nhất là người viết hiểu mình muốn nói gì. AI có thể phát hiện lỗi lặp từ, lỗi câu chưa rõ hoặc gợi ý cách diễn đạt khác, nhưng AI không thay thế nhận xét của thầy cô, bạn bè và suy nghĩ của chính em. Các em cần so sánh gợi ý với yêu cầu bài học, chọn phần phù hợp, bỏ phần không cần thiết và tự viết lại để đoạn văn vẫn giữ được giọng văn của mình.</p>	<p>- HS nêu cách làm: Em đọc gợi ý, đối chiếu với nhận xét của GV, chọn cách sửa phù hợp, không chép nguyên văn AI và kiểm tra lại chính tả.</p>
<p>- GV cho HS sửa bài cá nhân trong 5 phút.</p>	<p>- HS sửa bài: thêm câu kết, thay từ lặp, tách câu dài, sửa lỗi chính tả.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đổi bài với bạn cùng bàn để kiểm tra lại phần sửa.</p>	<p>- HS đổi bài, góp ý: Bạn đã sửa rõ hơn; bạn cần thêm dấu chấm; câu này nên thay từ cho tự nhiên hơn.</p>
4. Hoạt động 3: Học tập bài viết của bạn Mục tiêu: HS biết học tập cách viết hay, nhận xét tích cực bài của bạn	
<p>- GV mời 2 HS đọc đoạn văn sau khi sửa.</p>	<p>- HS đọc đoạn văn; cả lớp lắng nghe và nêu ưu điểm: chi tiết tưởng tượng rõ, câu văn có hình ảnh, kết thúc tạo cảm xúc.</p>
<p>- GV hỏi: Em muốn học tập điều gì từ bài viết của bạn?</p>	<p>- HS trả lời: Em muốn học cách bạn mở đoạn hấp dẫn, cách bạn dùng từ gợi hình hoặc cách bạn kết thúc bất ngờ.</p>
5. Vận dụng	

Mục tiêu: HS tiếp tục hoàn thiện bài viết sau tiết học

- GV dẫn HS về nhà đọc lại đoạn văn đã sửa cho người thân nghe và hỏi thêm góp ý.

- HS ghi nhớ nhiệm vụ: Em sẽ đọc lại bài, hoàn thiện câu văn và giữ lại bản sửa trong vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

uigeli.xyz
BÀI 20: BẦU TRỜI MÙA THU
TIẾT 7: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc được sách báo viết về các thông tin khoa học và công nghệ phù hợp lứa tuổi.
- Biết viết phiếu đọc sách theo mẫu: tên sách báo, tác giả, ngày đọc, nội dung chính, kiến thức hoặc phát minh được nói tới, thông tin bổ ích.
- Biết trao đổi với bạn về những kiến thức hoặc phát minh khoa học trong sách báo đã đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: tự chọn sách báo phù hợp, đọc và ghi chép thông tin chính.
- Giao tiếp và hợp tác: chia sẻ phiếu đọc sách, lắng nghe bạn giới thiệu thông tin khoa học.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết rút ra thông tin bổ ích từ bài đọc và liên hệ với học tập, đời sống.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: duy trì thói quen đọc sách báo, ghi phiếu đọc sách đầy đủ.
- Trách nhiệm: chọn nội dung đọc phù hợp, chia sẻ thông tin chính xác, không nói quá hoặc bịa thông tin.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Một số sách báo khoa học và công nghệ cho thiếu nhi, phiếu đọc sách mẫu, máy chiếu/tivi.
- HS: Sách/báo đã chuẩn bị, phiếu đọc sách, bút.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: HS chia sẻ nhanh cuốn sách hoặc thông tin khoa học đã đọc	
- GV hỏi: Gần đây em đã đọc hoặc nghe thông tin nào thú vị về khoa học, công nghệ?	- HS trả lời: Em đọc về máy bay, tàu vũ trụ, bóng đèn, ti vi, ô tô, phát minh của các nhà khoa học, cách trồng cây bằng công nghệ mới,...
- GV giới thiệu: Tiết Đọc mở rộng hôm nay giúp các em đọc sách báo về khoa học, công nghệ và ghi lại thông tin bổ ích.	- HS lắng nghe, lấy sách/báo và phiếu đọc sách đã chuẩn bị.
2. Hoạt động 1: Đọc sách báo về khoa học và công nghệ Mục tiêu: HS đọc và xác định thông tin chính trong sách báo	
text bold	- HS đọc yêu cầu bài tập 1 và quan sát gợi ý sách báo trong SGK.
- GV giới thiệu một số sách báo gợi ý: Mười vạn câu hỏi vì sao, Tìm hiểu về các phát minh, Một trăm phát minh làm nên lịch sử.	- HS quan sát tranh sách, chọn một cuốn sách/bài báo phù hợp để đọc.

<p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc sách báo viết về các thông tin khoa học và công nghệ.</p> <p>Mười vạn câu hỏi vì sao là bộ sách gồm 12 tập, chứa đựng một khối lượng kiến thức khoa học đồ sộ, thuộc hầu hết các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, được trình bày một cách dễ hiểu, sinh động.</p> <p>Cuốn truyện tranh tìm hiểu về các phát minh kể về những phát minh đầy vui nhộn, giúp các em có thêm hiểu biết về khoa học, biết trân trọng các phẩm chất đáng quý của những người làm công tác nghiên cứu khoa học.</p> <p>Cuốn sách Một hôm phát minh làm nên lịch sử cung cấp những thông tin thú vị về sự ra đời của các loại dụng cụ và thiết bị hữu dụng như bóng điện, tivi, ô tô,...</p> <p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <p>PHIẾU ĐỌC SÁCH</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc cá nhân trong 7 - 10 phút và ghi nhanh thông tin quan trọng.</p>	<p>- HS đọc cá nhân, ghi lại: tên sách/bài báo, tác giả, nội dung chính, phát minh hoặc kiến thức khoa học được nói tới.</p>
<p>- GV đi đến các nhóm, hỗ trợ HS xác định thông tin chính nếu bài đọc dài.</p>	<p>- HS hỏi GV khi chưa hiểu từ ngữ hoặc chưa xác định được nội dung chính.</p>
<p>3. Hoạt động 2: Viết phiếu đọc sách Mục tiêu: HS hoàn thành phiếu đọc sách theo mẫu</p>	
<p>text bold</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 2 và quan sát mẫu phiếu đọc sách.</p>
<p>- GV hướng dẫn từng mục trong phiếu: tên sách báo, tác giả, ngày đọc, nội dung chính, kiến thức/phát minh khoa học, thông tin bổ ích, mức độ yêu thích.</p> <p>PHIẾU ĐỌC SÁCH</p> <p>Tên sách báo: ● Tác giả: ● Ngày đọc: ●</p> <p>Nội dung chính: ●</p> <p>Kiến thức hoặc phát minh khoa học được nói tới: ●</p> <p>Thông tin bổ ích đối với em: ●</p> <p>Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</p>	<p>- HS điền phiếu: Tên sách báo: Mười vạn câu hỏi vì sao; Nội dung chính: giải thích các hiện tượng khoa học; Thông tin bổ ích: giúp em hiểu vì sao có mưa, gió, cầu vồng,...</p>
<p>- GV nhắc HS viết ngắn gọn, đúng thông tin trong sách, không ghi theo trí nhớ mơ hồ.</p>	<p>- HS rà soát phiếu đọc sách, sửa mục còn thiếu hoặc viết chưa rõ.</p>
<p>4. Hoạt động 3: Trao đổi về nội dung đã đọc Mục tiêu: HS chia sẻ thông tin khoa học với bạn, biết lắng nghe và nhận xét</p>	
<p>text bold</p>	<p>- HS đọc yêu cầu bài tập 3 và chuẩn bị chia sẻ trong nhóm.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm 4, mỗi em giới thiệu phiếu đọc sách trong 1 phút.</p>	<p>- HS giới thiệu: Em đọc về phát minh bóng đèn. Em biết bóng đèn giúp con người có ánh sáng vào ban đêm và làm việc thuận tiện hơn.</p>
<p>- GV hướng dẫn bạn nghe đặt một câu hỏi sau</p>	<p>- HS đặt câu hỏi: Phát minh đó do ai làm ra?</p>

khi bạn trình bày.	Phát minh đó có ích gì cho cuộc sống? Em thích thông tin nào nhất?
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp; các bạn nhận xét: bạn nói rõ tên sách, nội dung chính và thông tin bổ ích.
5. Vận dụng Mục tiêu: HS duy trì thói quen đọc sách báo khoa học phù hợp	
- GV dẫn HS về nhà chia sẻ với người thân một thông tin bổ ích trong sách báo đã đọc.	- HS ghi nhớ: Em sẽ kể cho người thân nghe về một phát minh hoặc kiến thức khoa học em thấy thú vị.
- GV nhận xét tiết học và dặn HS chuẩn bị bài tuần sau.	- HS lắng nghe và hoàn thành phiếu đọc sách nếu chưa xong.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-
-

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 12

BÀI 21: LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

TIẾT 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, rõ ràng văn bản Làm thỏ con bằng giấy; biết ngắt nghỉ ở các bước hướng dẫn, giọng đọc rõ ràng, mạch lạc.
- Nhận biết được các đồ vật cần chuẩn bị, các bước làm thỏ con bằng giấy và ý nghĩa của việc hướng dẫn theo trình tự.
- Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu; giới thiệu được cách làm một đồ chơi đơn giản được nói đến trong bài đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị đồ dùng học tập, hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến của bạn, trình bày kết quả rõ ràng, lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, tạo sản phẩm hoặc trình bày ý tưởng phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, chuẩn bị bài và tham gia hoạt động nhóm.
- Trách nhiệm: Biết giữ vệ sinh lớp học, tiết kiệm giấy khi làm sản phẩm thủ công.
- Nhân ái: Biết chia sẻ sản phẩm, cách làm đồ chơi với bạn bè.

4. Tích hợp:

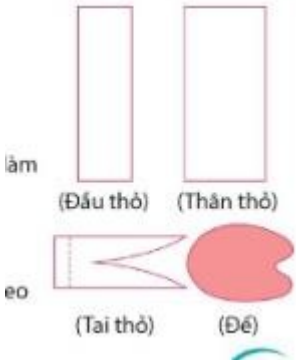
- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết làm việc cẩn thận, khéo léo, kiên trì khi thực hiện sản phẩm thủ công; biết tiết kiệm giấy, giữ vệ sinh lớp học và chia sẻ sản phẩm với bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, tranh bài đọc và các hình cắt từ SGK, mẫu thỏ giấy, giấy màu, kéo, hồ dán, phiếu đọc hiểu.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở, bút, thước, giấy nháp hoặc giấy màu.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Tạo hứng thú, kết nối trải nghiệm của HS với bài đọc.	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ nhanh: Em biết làm những đồ chơi nào? Em đã từng tự làm đồ chơi bằng giấy, lá cây, vỏ hộp hoặc vật liệu tái chế chưa?	- HS nêu: Em biết làm máy bay giấy, con diều giấy, chong chóng, thuyền giấy, ngôi nhà bằng hộp giấy,...
- GV mời HS trao đổi nhóm 2: Khi muốn hướng dẫn bạn làm một đồ chơi, em cần nói những gì để bạn làm đúng?	- HS trao đổi: Cần nói rõ đồ dùng cần chuẩn bị, từng bước làm, cách làm an toàn và lưu ý khi hoàn thành sản phẩm.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc và yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát tranh: các bạn nhỏ đang dự sinh nhật, bạn Hà chuẩn bị tặng Hoa một con thỏ bằng giấy.
- GV yêu cầu HS quan sát hình và nêu: Tranh gợi cho em suy nghĩ gì về món quà tự làm?	- HS nêu: Món quà tự làm tuy đơn giản nhưng thể hiện sự khéo léo, tình cảm và sự quan tâm của người tặng.
	
- GV giới thiệu bài: Hôm nay các em đọc bài Làm thỏ con bằng giấy để biết bạn Hà đã chuẩn bị món quà như thế nào và học cách đọc một văn bản hướng dẫn thực hiện công việc.	- HS lắng nghe, ghi tên bài vào vở.
2. Khám phá - Đọc văn bản Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản, hiểu nghĩa từ ngữ và nắm được trình tự văn bản hướng dẫn.	
- GV đọc mẫu toàn bài, nhấn giọng ở tên mục: Dụng cụ, vật liệu; Cách làm; Bước 1; Bước 2; Bước 3.	- HS nghe GV đọc, theo dõi trong SGK và chú ý cách ngắt nghỉ theo từng mục.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: hồ dán, hình chữ nhật, đường kẻ nét đứt, đầu thỏ, thân thỏ, tai thỏ, đế.	- HS luyện đọc cá nhân và đọc nối tiếp các từ khó.
- GV chia văn bản thành các phần: phần nêu tình huống, phần Dụng cụ, vật liệu, phần Cách làm gồm ba bước.	- HS dùng bút chì đánh dấu các phần trong SGK.
- GV cho HS đọc nối tiếp từng phần trong	- HS đọc nối tiếp trong nhóm, bạn nghe góp ý

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
nhóm 4, chú ý đọc rõ từng bước hướng dẫn.	cách phát âm, ngắt nghỉ.
- GV mời 2 nhóm đọc trước lớp.	- Đại diện 2 nhóm đọc; lớp nhận xét bạn đọc rõ, đúng trình tự các bước.
- GV giải nghĩa từ: bộ phận là phần gắn liền với phần dưới của vật, giữ cho vật đứng vững.	- HS nêu ví dụ: Đế của thỏ giấy giúp thỏ đứng được; đế giày giúp giày vững khi đi.
- GV kết luận: Văn bản hướng dẫn cần trình bày theo trình tự rõ ràng để người đọc dễ làm theo.	- HS nhắc lại: Muốn làm đúng cần đọc kỹ dụng cụ, vật liệu và từng bước thực hiện.
3. Khám phá - Trả lời câu hỏi Mục tiêu: HS hiểu nội dung bài đọc, xác định vật liệu, các bước thực hiện và ý nghĩa của bài đọc. Mục tiêu tích hợp: HS biết kiên trì, khéo léo, tiết kiệm giấy, giữ vệ sinh lớp học khi làm đồ chơi thủ công.	
- Bài tập 1: Dựa vào bài đọc, cho biết cần chuẩn bị những đồ vật nào dưới đây khi làm thỏ con bằng giấy.	- HS chọn: giấy trắng, bút chì, hồ dán, kéo, giấy màu, bút màu.
- GV chiếu hình các vật liệu và bộ phận con thỏ, yêu cầu HS đối chiếu với văn bản. 	- HS quan sát, nêu: cần giấy trắng để làm đầu, thân, tai, đế; cần giấy màu để cắt đế; cần bút màu để vẽ trang trí.
- Bài tập 2: Để làm được thỏ con bằng giấy, cần phải thực hiện những bước nào? Nêu hoạt động chính trong mỗi bước.	- HS trả lời: Bước 1 cắt các hình; bước 2 dán đầu, thân, tai thỏ vào đế; bước 3 vẽ trang trí tai, mặt, râu, mũi, miệng, tay.
- GV hỏi: Khi làm đồ chơi bằng giấy, vì sao chúng ta cần đọc kỹ từng bước trước khi cắt, dán?	- HS trả lời: Vì nếu làm sai trình tự thì sản phẩm có thể bị lệch, hỏng hoặc phải làm lại, gây lãng phí giấy.
- GV nhấn mạnh: Khi làm sản phẩm thủ công, các em cần cẩn thận, kiên trì, không nóng vội. Nếu cắt sai, dán lệch, các em bình tĩnh chỉnh lại; giấy vụn phải bỏ vào đúng nơi quy định, phần giấy còn dùng được thì giữ lại để làm sản phẩm khác. Sản phẩm đẹp không chỉ nhờ khéo tay mà còn nhờ thái độ làm việc trách nhiệm,	- HS nêu việc làm cụ thể: Em sẽ dùng giấy vừa đủ, không vò bỏ giấy thừa bãi, thu gom giấy vụn sau khi làm, nhường kéo/hồ dán cho bạn và giúp bạn nếu bạn chưa làm được.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
biết tiết kiệm và biết chia sẻ cách làm với bạn.	
- Bài tập 3: Dựa vào bài đọc, trình bày 1 - 2 bước làm thỏ con bằng giấy.	- HS trình bày: Bước 1, cắt hai hình chữ nhật từ giấy trắng để làm đầu và thân thỏ; cắt hình tai và đế từ giấy. Bước 2, dùng hồ dán đầu thỏ, thân thỏ với nhau rồi dán lên đế.
- Bài tập 4: Giới thiệu về chú thỏ con bằng giấy được nói đến trong bài đọc.	- HS giới thiệu: Chú thỏ con được làm bằng giấy trắng và giấy màu. Thỏ có đầu, thân, tai, đế; được vẽ mắt, râu, mũi, miệng rất đáng yêu. Đây là món quà Hà tự làm để tặng Hoa.
- GV kết luận nội dung bài: Bài đọc giúp chúng ta biết cách làm thỏ con bằng giấy và hiểu rằng một món quà tự làm có thể chứa đựng nhiều tình cảm.	- HS ghi nhớ nội dung chính của bài.
4. Luyện đọc lại Mục tiêu: HS đọc lại văn bản rõ ràng, mạch lạc, thể hiện đúng cách đọc văn bản hướng dẫn.	
- GV hướng dẫn HS đọc lại phần Cách làm, nhấn vào các từ chỉ trình tự: Bước 1, Bước 2, Bước 3.	- HS luyện đọc cá nhân, chú ý đọc rõ từng bước.
- GV tổ chức cho HS đọc theo nhóm 3, mỗi bạn đọc một bước làm.	- HS đọc theo nhóm 3, góp ý để bạn đọc rõ ràng và đúng giọng hướng dẫn.
- GV mời một nhóm đọc trước lớp.	- Một nhóm đọc trước lớp; các nhóm khác nhận xét về độ rõ, đúng và tự nhiên.
- GV nhận xét, khen HS đọc tiến bộ và chuyển hoạt động.	- HS lắng nghe, tự điều chỉnh cách đọc.
5. Vận dụng Mục tiêu: HS vận dụng bài đọc để chia sẻ cách làm một đồ chơi đơn giản.	
- GV giao nhiệm vụ: Em hãy nói với bạn một đồ chơi đơn giản em có thể làm và nêu 2 bước thực hiện.	- HS nêu: Em làm máy bay giấy. Bước 1 gấp đôi tờ giấy. Bước 2 gấp hai mép giấy tạo cánh máy bay.
- GV dặn dò: Về nhà đọc lại bài, chuẩn bị cho tiết Luyện từ và câu: Tính từ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 21: LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái.
- Tìm được tính từ theo yêu cầu; xếp tính từ vào nhóm phù hợp; đặt câu có sử dụng tính từ.
- Vận dụng tính từ để nói, viết câu miêu tả sự vật, hoạt động trong thực tế.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị đồ dùng học tập, hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến của bạn, trình bày kết quả rõ ràng, lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, tạo sản phẩm hoặc trình bày ý tưởng phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực làm bài tập, tìm từ và đặt câu.
- Trung thực: Tự làm bài, biết sửa lỗi sau khi nghe góp ý.
- Trách nhiệm: Hợp tác trong nhóm, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, hình bài tập SGK, thẻ từ tính từ, bảng nhóm.
- HS: SGK, vở, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Ôn lại động từ và tạo tình huống dẫn vào bài học về tính từ.	
- GV yêu cầu HS nêu nhanh 3 động từ chỉ hoạt động khi làm thủ công.	- HS nêu: cắt, dán, vẽ, gấp, trang trí.
- GV hỏi: Nếu muốn nói chiếc thủ công đẹp như thế nào, em sẽ dùng những từ nào?	- HS nêu: đáng yêu, xinh xắn, nhỏ nhắn, trắng, mềm mại.
- GV giới thiệu: Những từ nêu đặc điểm như đáng yêu, xinh xắn, nhỏ nhắn là tính từ. Hôm nay chúng ta học bài Tính từ.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá kiến thức Mục tiêu: HS hình thành hiểu biết ban đầu về tính từ qua ví dụ trong SGK.	
- GV nêu: Tính từ là từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái.	- HS nhắc lại khái niệm: Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái.
- GV yêu cầu HS lấy ví dụ tính từ chỉ màu sắc, hình dáng, mùi hương, âm thanh.	- HS nêu: đỏ, xanh, tròn, dài, thơm, ngát, trong trẻo, rì rào.
- GV yêu cầu HS đặt một câu có tính từ.	- HS đặt câu: Bông hoa hồng rất thơm. Chú thủ công nhỏ nhắn và đáng yêu.
- GV kết luận: Khi miêu tả, tính từ giúp câu	- HS ghi nhớ vai trò của tính từ.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
văn cụ thể, sinh động hơn.	
3. Luyện tập Mục tiêu: HS tìm, phân loại và sử dụng tính từ trong câu.	
<p>- Bài tập 1: Tìm từ chỉ đặc điểm theo yêu cầu dưới đây.</p> 	<p>- HS tìm: vị của quả táo: ngọt, chua; mùi hương của hoa hồng: thơm, ngát; kích thước của một chú voi: to lớn, khổng lồ; màu của mặt trời: đỏ, vàng; hình dáng của cầu vồng: cong, rực rỡ; âm thanh trong giờ ra chơi: ồn ào, náo nhiệt.</p>
<p>- GV cho HS làm việc nhóm 4, mỗi nhóm chọn một yêu cầu và ghi thêm 2 tính từ phù hợp.</p>	<p>- HS làm nhóm: Ví dụ nhóm tìm thêm cho mùi hương của hoa hồng: dịu nhẹ, nồng nàn.</p>
<p>- Bài tập 2: Tìm các từ chỉ đặc điểm trong đoạn văn và xếp vào nhóm thích hợp.</p> 	<p>- HS tìm các tính từ: rất nhanh, thoăn thoắt, mãnh, lùn cùn, mềm mại, rực rỡ, nhanh nhẹn, chậm rãi, bé nhỏ.</p>
<p>- GV hỏi: Các từ tìm được chỉ đặc điểm của sự vật hay đặc điểm của hoạt động?</p>	<p>- HS trả lời: Mạnh, lùn cùn, mềm mại, rực rỡ, bé nhỏ chỉ đặc điểm của sự vật; rất nhanh, thoăn thoắt, nhanh nhẹn, chậm rãi chỉ đặc điểm của hoạt động.</p>
<p>- Bài tập 3: Đặt câu có sử dụng 1 - 2 tính từ nói về đặc điểm của từng sự vật, hoạt động: Bữa sáng của em; Bộ quần áo em thích; Một hoạt động trong giờ học.</p>	<p>- HS đặt câu: Bữa sáng của em nóng hổi và thơm ngon. Bộ quần áo em thích có màu xanh nhạt và rất gọn gàng. Hoạt động thảo luận nhóm diễn ra sôi nổi, hào hứng.</p>
<p>- Bài tập 4: Chơi trò chơi Đoán đồ vật. GV nêu luật chơi: mỗi đội nhận 3 - 5 đồ vật, một bạn dùng tính từ tả để đội đoán tên.</p>	<p>- HS chơi: Bạn tả “tròn, nhỏ, màu đỏ, thơm”, đội đoán là quả táo; bạn tả “dài, nhọn, màu vàng”, đội đoán là bút chì.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV kết luận: Tính từ giúp ta tả rõ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạng thái.	- HS nhắc lại: Tính từ là từ chỉ đặc điểm.
4. Vận dụng Mục tiêu: HS vận dụng tính từ để nói câu miêu tả đồ vật quen thuộc.	
- GV yêu cầu HS quan sát một đồ vật trong lớp và nói một câu có ít nhất 2 tính từ.	- HS nói: Quyển sách của em mới, sạch và có bìa màu xanh. Chiếc bảng lớp rộng, phẳng và sạch sẽ.
- GV dặn HS về nhà viết 3 câu có tính từ để tả đồ chơi em thích.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 21: LÀM THỎ CON BẰNG GIẤY**TIẾT 3: VIẾT - TÌM HIỂU CÁCH VIẾT HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được cấu trúc bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc gồm phần chuẩn bị và phần hướng dẫn thực hiện.
- Biết nêu dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị và sắp xếp các bước thực hiện theo trình tự hợp lí.
- Trao đổi được những điểm cần lưu ý khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị đồ dùng học tập, hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến của bạn, trình bày kết quả rõ ràng, lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, tạo sản phẩm hoặc trình bày ý tưởng phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, đọc mẫu và ghi nhớ cách trình bày.
- Trách nhiệm: Biết trình bày hướng dẫn rõ ràng để người khác có thể thực hiện.
- Trung thực: Không sao chép máy móc hướng dẫn chưa kiểm chứng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 3.1.CB1a, 5.2.CB1a: HS sắp xếp các bước làm thỏ giấy thành sơ đồ/hình minh họa đơn giản bằng công cụ số dưới sự hướng dẫn của GV.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, hình bài viết mẫu trong SGK, phiếu học tập, bảng kiểm cấu trúc bài hướng dẫn.
- HS: SGK, vở, bút, giấy nháp.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Kết nối bài đọc với nội dung viết bài hướng dẫn.	
- GV hỏi: Khi đọc bài Làm thỏ con bằng giấy, phần nào giúp em biết cần chuẩn bị gì và làm theo bước nào?	- HS trả lời: Phần Dụng cụ, vật liệu giúp biết cần chuẩn bị gì; phần Cách làm giúp biết các bước thực hiện.
- GV nêu: Muốn người khác làm được một sản phẩm, ta cần viết hướng dẫn rõ ràng. Hôm nay các em tìm hiểu cách viết hướng dẫn thực hiện một công việc.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Khám phá - Đọc bài hướng dẫn và trả lời câu hỏi Mục tiêu: HS nhận diện phần chuẩn bị, phần hướng dẫn thực hiện và cách trình bày bài viết hướng dẫn.	
- Bài tập 1: Đọc bài hướng dẫn dưới đây và thực hiện yêu cầu: Cách làm một chú nhé ọ bằng lá.	- HS đọc thầm bài hướng dẫn và quan sát hình minh họa trong SGK.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>Chuẩn bị</p> <p>Một chiếc lá to bằng bàn tay (ví dụ: lá mít), hai sợi dây cước nhỏ (có thể tước lớp vỏ ngoài của một cành cây nhỏ để làm dây). Bạn có thể chuẩn bị kéo hoặc dùng tay để tước lá.</p> <p>Hướng dẫn thực hiện</p> <p>Bước 1: Dùng kéo cắt (hoặc dùng tay xé) hai đường chéo theo gân lá để tạo thành hai chiếc sừng.</p> <p>Bước 2: Cuộn phần lá hai bên lại thành hình tròn để tạo bụng nghé. Bước một sợi dây quanh cuộn lá để không bị bung ra. Sau đó dùng sợi dây còn lại buộc vào cuống lá, luồn dây qua bụng để kéo, tạo chuyển động cho đầu nghé.</p> <p>Thế là chú nghé ọ đang yêu đã sẵn sàng chơi với chúng mình rồi. Khi chơi, chúng mình chỉ cần cầm chiếc dây giật nhẹ để đầu nghé ngúc ngoắc lên xuống, giống như đang lắc lư vậy. Các bạn làm thử xem nào.</p> <p>a. Bài viết hướng dẫn thực hiện công việc gì? b. Phần chuẩn bị yêu cầu phải có những gì? c. Phần hướng dẫn thực hiện gồm mấy bước? Nêu nội dung của mỗi bước.</p> <p>2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.</p> <p>Cấu trúc bài viết Cách trình bày Cách dùng từ, đặt câu</p> <p>Ghi nhớ</p> <p>Bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc thường gồm 2 phần: – Phần chuẩn bị: Nêu những dụng cụ hoặc vật liệu cần có để thực hiện công việc.</p>	
- GV hỏi: Bài viết hướng dẫn thực hiện công việc gì?	- HS trả lời: Bài viết hướng dẫn cách làm một chú nghé ọ bằng lá.
- GV hỏi: Phần chuẩn bị yêu cầu phải có những gì?	- HS trả lời: Cần có một chiếc lá to bằng bàn tay, hai sợi dây nhỏ và có thể chuẩn bị kéo hoặc dùng tay để tước lá.
- GV hỏi: Phần hướng dẫn thực hiện gồm mấy bước? Nêu nội dung từng bước.	- HS trả lời: Gồm 2 bước. Bước 1 cắt hoặc xé hai đường chéo theo gân lá để tạo thành hai chiếc sừng. Bước 2 cuộn phần lá hai bên lại thành hình tròn để tạo bụng nghé và luồn dây để kéo.
- GV yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK.	- HS đọc: Bài viết hướng dẫn thực hiện một công việc thường gồm phần chuẩn bị và phần hướng dẫn thực hiện.
- GV kết luận: Bài hướng dẫn phải rõ dụng cụ, vật liệu và trình tự từng bước để người đọc làm theo được.	- HS ghi nhớ cấu trúc bài hướng dẫn.
<p>3. Luyện tập - Trao đổi về cách viết bài hướng dẫn</p> <p>Mục tiêu: HS nêu được những điểm cần lưu ý khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết sắp xếp các bước bằng sơ đồ/hình minh họa đơn giản trên giấy hoặc công cụ số dưới sự hướng dẫn của GV.</p>	
- Bài tập 2: Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài hướng dẫn thực hiện một công việc.	- HS trao đổi: Cần nêu đủ dụng cụ, vật liệu; các bước phải đúng trình tự; câu văn ngắn gọn, rõ ràng; có thể kèm hình minh họa.
- GV hỏi: Nếu dùng bảng hoặc sơ đồ để sắp	- HS trả lời: Em sẽ trình bày mục Chuẩn bị,

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
xếp các bước hướng dẫn, em sẽ trình bày những mục nào?	Bước 1, Bước 2, Bước 3, Lưu ý và Kết quả.
- GV hướng dẫn: Khi dùng công cụ số đơn giản như PowerPoint, Word hoặc bảng trực tuyến của lớp để lập sơ đồ các bước, các em chỉ nhập nội dung học tập cần thiết, không nhập họ tên đầy đủ, địa chỉ, số điện thoại hay hình ảnh riêng tư. Các em có thể dùng các ô, mũi tên, số thứ tự để thể hiện trình tự: Chuẩn bị → Bước 1 → Bước 2 → Hoàn thành. Sau khi tạo sơ đồ, cần đọc lại xem bước nào còn thiếu, bước nào chưa rõ rồi chỉnh sửa trước khi chia sẻ với nhóm.	- HS thực hành trên phiếu hoặc bảng nhóm: sắp xếp các bước làm tờ giấy thành sơ đồ; nêu miệng cách trình bày nếu thực hiện trên PowerPoint/Word theo hướng dẫn của GV.
- GV cho HS làm việc nhóm 4: lập nhanh một sơ đồ 3 bước cho một đồ chơi đơn giản.	- HS làm nhóm: Ví dụ Làm máy bay giấy: Chuẩn bị giấy → Gấp đôi tờ giấy → Gấp hai cánh → Phóng thử và chỉnh cánh.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác góp ý xem các bước đã rõ và đúng trình tự chưa.
- GV kết luận: Khi viết hướng dẫn, cần trình bày ngắn gọn, đúng trình tự, dễ làm theo.	- HS hoàn thiện ghi nhớ vào vở.
4. Vận dụng	
Mục tiêu: HS vận dụng để nêu ý tưởng viết hướng dẫn làm một đồ chơi đơn giản.	
- GV yêu cầu HS nói tên một đồ chơi đơn giản em muốn viết hướng dẫn và nêu các vật liệu cần chuẩn bị.	- HS nêu: Em muốn viết hướng dẫn làm thuyền giấy; cần giấy hình chữ nhật. Em muốn viết hướng dẫn làm chong chóng giấy; cần giấy màu, que tre, ghim.
- GV dặn HS về nhà tìm đọc bài viết hướng dẫn cách làm một đồ chơi đơn giản và cùng người thân làm đồ chơi đó nếu phù hợp.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 22: BỨC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ

TIẾT 1 - 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, trôi chảy văn bản Bức tường có nhiều phép lạ; biết đọc lời nhân vật phù hợp với tình huống.
- Nhận biết được chi tiết không gian nơi Quy ngồi học, những khó khăn của Quy và cách Quy vượt qua khi làm bài văn.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; hiểu ý nghĩa: trí tưởng tượng, tình yêu thương và trải nghiệm giúp bài viết trở nên sinh động.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị đồ dùng học tập, hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến của bạn, trình bày kết quả rõ ràng, lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, tạo sản phẩm hoặc trình bày ý tưởng phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực đọc bài, trả lời câu hỏi và luyện đọc.
- Nhân ái: Biết trân trọng tình cảm gia đình, kí ức tuổi thơ và những điều tốt đẹp quanh mình.
- Trách nhiệm: Tự tin chia sẻ ý tưởng, tôn trọng ý kiến của bạn.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:** HS phát huy trí tưởng tượng, tình thân hợp tác và sự tự tin khi khám phá điều mới; biết dùng phép lạ của trí tuệ, lòng tốt để làm việc có ích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, tranh bài đọc SGK, phiếu đọc hiểu, bảng phụ ghi đoạn luyện đọc.
- HS: SGK, vở, bút, giấy nháp.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Tạo hứng thú và dẫn vào câu chuyện về trí tưởng tượng.	
- GV yêu cầu HS chia sẻ: Em từng tưởng tượng điều gì mà em mong là có thật?	- HS chia sẻ: Em mong có cánh cửa thần kì, chiếc bút tự sửa lỗi, căn phòng đọc sách biết kể chuyện,...
- GV hỏi: Trí tưởng tượng giúp em điều gì trong học tập và cuộc sống?	- HS trả lời: Trí tưởng tượng giúp em nghĩ ra ý tưởng mới, viết văn hay hơn, giải quyết vấn đề sáng tạo hơn.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc và yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát tranh: bạn nhỏ đang nhìn bức tường, trên tường hiện ra cảnh mưa bão, thuyền giấy, xe ô tô, bò kéo cày.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
 <p>22 BỨC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ</p> <p>ĐỌC</p> <p>Nói về một điều tưởng tượng mà em mong là có thật.</p> <p>BỨC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ</p> <p>Quy chống tay, tí má, nhìn lên bức tường trước mặt. Màu với xanh mát hiện ra như tấm màn ảnh rộng. Quy đọc nhẩm để bài tập làm văn: "Em hãy tả lại quang cảnh một trận mưa rào." Quy thở dài: "Trời thì nắng mà bài văn lại yêu cầu tả mưa."</p> <p>Quy nghĩ đến bố. Bố Quy là một người viết văn. Bố tài thật, cứ ngồi vào bàn là bố viết được ngay. Cũng có khi, bố tí cầm lên tay, nhìn thẳng vào bức tường trước mặt. Nhìn một lúc, lúc nữa... rồi bố cầm bút, viết lia lịa, quên cả ăn cơm. Bức tường này có phép lạ gì đấy? Nhưng sao Quy nhìn mãi mà bức tường chưa bảo Quy cách làm bài?</p> <p>Bố vào. Đứng lúc quái!</p> <p>Quy chạy lại:</p> <p>- Bố à, còn nhìn mãi bức tường như bố nhìn mà chẳng thấy trận mưa rào đâu cả.</p> <p>Bố hiểu ngay, tìm tìm:</p> <p>- Bố thấy những trận mưa rào hồi năm ngoái, năm kia. Con chạy ra nghịch mưa, ướt hết.</p>	
<p>- GV giới thiệu: Bài Bức tường có nhiều phép lạ sẽ giúp các em hiểu vì sao một bức tường quen thuộc lại có thể gọi ra rất nhiều điều thú vị.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi tên bài.</p>
<p>2. Khám phá - Đọc văn bản</p> <p>Mục tiêu: HS đọc đúng văn bản, hiểu nghĩa từ và bước đầu nắm diễn biến câu chuyện.</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài, chú ý giọng kể nhẹ nhàng, lời Quy hồn nhiên, lời bố ân cần.</p>	<p>- HS nghe đọc, theo dõi văn bản trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: quyền vở, bức tường, trận mưa rào, sấm chớp, thuyền giấy, cặm cũi.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó cá nhân và đồng thanh.</p>
<p>- GV chia đoạn: Đoạn 1 từ đầu đến Chẳng lẽ nào; đoạn 2 tiếp đến năm ngoái, năm kia; đoạn 3 phần còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu các đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV cho HS đọc nối tiếp từng đoạn trong nhóm 3.</p>	<p>- HS đọc nối tiếp trong nhóm, góp ý cho bạn đọc đúng lời nhân vật.</p>
<p>- GV mời 3 HS đọc nối tiếp trước lớp.</p>	<p>- 3 HS đọc trước lớp; lớp nhận xét về giọng đọc và cách ngắt nghỉ.</p>
<p>- GV giải nghĩa từ: mãi mê là chăm chú vào một việc; cặm cũi là làm việc chăm chú, miệt mài.</p>	<p>- HS đặt câu: Em mãi mê đọc sách. Bạn Lan cặm cũi làm bài.</p>
<p>- GV kết luận: Câu chuyện mở ra từ một bài văn khó nhưng nhờ gợi ý của bố, Quy đã nhìn thấy nhiều điều thú vị từ bức tường.</p>	<p>- HS nêu lại ý chính của phần vừa đọc.</p>

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3. Khám phá - Trả lời câu hỏi Mục tiêu: HS trả lời đúng câu hỏi, hiểu ý nghĩa câu chuyện. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng trí tưởng tượng, sự tự tin và lòng tốt để tạo ra ý tưởng có ích trong học tập, cuộc sống.	
- Câu 1: Tìm chi tiết tả không gian nơi Quy đang ngồi học.	- HS trả lời: Quy ngồi ở bàn, nhìn lên bức tường trước mặt. Bức tường màu vôi xanh mát hiện ra như tấm màn ảnh rộng.
- Câu 2: Hành động và suy nghĩ nào của Quy cho biết Quy đang gặp khó khăn với bài làm văn?	- HS trả lời: Quy đọc đề bài “Em hãy tả lại quang cảnh một trận mưa rào”, ngồi mãi chưa viết được, nhìn bức tường và nghĩ sao bức tường có phép lạ được nhỉ.
- Câu 3: Điều gì khiến Quy nghĩ bức tường vôi xanh có phép lạ?	- HS trả lời: Vì khi nghe bố kể về những trận mưa, Quy nhìn lên bức tường và tưởng tượng thấy nhiều cảnh như mưa rào, thuyền giấy, bờ cỏ, người đi cày.
- Câu 4: Vì sao bố kể cho Quy nghe về những trận mưa? Tìm câu trả lời đúng.	- HS chọn đáp án C: Vì bố muốn gợi cho Quy nhớ lại những trận mưa mà Quy đã gặp.
- Câu 5: Theo em, vì sao Quy có thể làm được bài văn mà không cần nhìn bức tường có nhiều phép lạ nữa?	- HS trả lời: Vì Quy đã nhớ lại trải nghiệm thật của mình, biết tưởng tượng từ những điều bố gợi ra và tự viết bằng cảm xúc của mình.
- GV hỏi: Trí tưởng tượng có phải chỉ để mơ mộng không, hay còn giúp chúng ta làm được điều có ích?	- HS trả lời: Trí tưởng tượng giúp chúng ta nghĩ ra cách viết bài, sáng tạo sản phẩm, tìm cách giải quyết vấn đề và làm cuộc sống đẹp hơn.
- GV diễn giải: Trí tưởng tượng là một khả năng rất đáng quý. Khi biết kết hợp trí tưởng tượng với sự chăm chỉ, lòng tốt và trách nhiệm, các em có thể nghĩ ra nhiều việc có ích: viết một câu chuyện hay để chia sẻ niềm vui, thiết kế một đồ dùng học tập tiện lợi, nghĩ ra cách giúp bạn học tốt hơn hoặc làm đẹp lớp học. Điều quan trọng là ý tưởng sáng tạo phải hướng tới điều tốt đẹp, không làm tổn thương người khác và không xa rời sự thật cần có trong học tập.	- HS nêu việc làm: Em có thể tưởng tượng cách trang trí góc đọc sách, nghĩ ra trò chơi học tập cho nhóm, viết câu chuyện khuyên bạn bảo vệ cây xanh hoặc sáng tạo đồ chơi từ giấy bỏ đi.
- GV kết luận: Câu chuyện ca ngợi trí tưởng tượng và cho thấy trải nghiệm thật, tình cảm gia đình giúp bài văn trở nên sinh động.	- HS ghi nhớ nội dung chính.
4. Luyện đọc lại và luyện tập theo văn bản đọc Mục tiêu: HS đọc diễn cảm, vận dụng kiến thức về tính từ và câu văn miêu tả.	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV hướng dẫn HS luyện đọc đoạn từ “Bố hiểu ngay...” đến “Bây giờ con ngồi vào bàn”.	- HS luyện đọc cá nhân, chú ý giọng bố ân cần, giọng Quy hồn nhiên.
- GV tổ chức đọc phân vai: người dẫn chuyện, Quy, bố.	- HS đọc phân vai theo nhóm 3; nhóm khác nhận xét.
<p>- Bài tập 1: Tìm 3 - 5 tính từ chỉ đặc điểm của sự vật hoặc hoạt động có trong bài Bức tường có nhiều phép lạ.</p> <p>Quy nhón miệng cười: - Vâng. - Bố còn gặp lại trận mưa bão khi bố còn bé tí. Bà nội đi cấy về, sấm chớp liên hồi. Quy chớp mắt: - Bố có thấy cái thuyền giấy con thả ở rãnh nước không ạ? - Có chứ! - Cả chiếc ô tô chạy trong mưa? Hôm ấy, trời đang nắng thì mưa... Bố lại tìm tìm: - Thế mà con bảo chẳng thấy gì. Quy ngơ ngác: - Thật đấy ạ. - Bây giờ con ngồi vào bàn. Mắt nhìn bức tường, nhưng con hãy nghĩ đến những trận mưa mà con biết! Quy ngồi vào bàn, nhìn lên bức tường và thấy chiếc thuyền giấy trôi bồng bênh giữa sân, những vai áo ướt sũng nước mưa của người đi cấy, những hạt mưa đan nhau rơi xuống rào rào... Quy cầm bút, cầm cu viết, quên cả ngừng lên nhìn bức tường có nhiều phép lạ.</p> <p>KẾT NỐI TRI THỨC (Theo Phong Thu)</p> <p>1. Tìm chi tiết tả không gian nơi Quy đang ngồi học. 2. Hành động và suy nghĩ nào của Quy cho biết Quy đang gặp khó khăn với bài làm văn? 3. Điều gì khiến Quy nghĩ bức tường với xanh có phép lạ? 4. Vì sao bố kể cho Quy nghe về những trận mưa? Tìm câu trả lời đúng: A. Vì những trận mưa gắn với kỉ niệm tuổi thơ của bố. B. Vì bố muốn Quy tả những trận mưa mà bố đã từng gặp. C. Vì bố muốn gọi cho Quy nhớ lại những trận mưa mà Quy đã gặp. D. Vì bố muốn Quy nhớ về bà nội của mình.</p>	<p>- HS tìm: xanh mát, rộng, nghịch, ướt, bồng bênh, xối xả, cặm cũi.</p>
- Bài tập 2: Viết 2 - 3 câu tả một cơn mưa, trong đó có sử dụng những tính từ tả tiếng mưa.	- HS viết: Mưa rào ào ào trút xuống mái nhà. Tiếng mưa lộp bộp trên sân, rồi rì rào trên tán lá. Không khí trở nên mát lạnh.
- GV nhận xét, khen HS biết dùng tính từ phù hợp để câu văn sinh động.	- HS sửa câu văn nếu cần.
5. Vận dụng Mục tiêu: HS liên hệ bài học với việc viết văn và sáng tạo trong cuộc sống.	
- GV yêu cầu HS chia sẻ: Khi gặp đề văn khó, em sẽ làm gì để có ý tưởng viết bài?	- HS trả lời: Em sẽ nhớ lại trải nghiệm của mình, quan sát tranh, hỏi thêm người lớn, lập dàn ý, chọn chi tiết tiêu biểu rồi viết.
- GV dặn HS đọc lại bài, chuẩn bị tiết Viết hướng dẫn thực hiện một công việc.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 22: BƯỚC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ

TIẾT 3: VIẾT - VIẾT HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MỘT CÔNG VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết chuẩn bị ý để viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi yêu thích.
- Viết được bài hướng dẫn có phần chuẩn bị và phần hướng dẫn thực hiện theo trình tự rõ ràng.
- Đọc soát, chỉnh sửa được cách trình bày các bước, cách dùng từ, đặt câu trong bài viết.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị đồ dùng học tập, hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến của bạn, trình bày kết quả rõ ràng, lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, tạo sản phẩm hoặc trình bày ý tưởng phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực viết bài, đọc soát và chỉnh sửa.
- Trách nhiệm: Viết hướng dẫn rõ ràng, an toàn, không hướng dẫn việc nguy hiểm.
- Sáng tạo: Biết chọn đồ chơi yêu thích và trình bày hướng dẫn hấp dẫn.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 3.2.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết dùng bảng kiểm/công cụ số đơn giản để sắp xếp các bước hướng dẫn theo trình tự; đọc lại thông tin, điều chỉnh câu chữ rõ ràng, không sao chép hướng dẫn chưa kiểm chứng.
- Tích hợp AI (4.C5.1): Sử dụng tư duy thuật toán để hiểu cách huấn luyện máy tính thực hiện nhiệm vụ. Gợi ý hoạt động: Trải nghiệm dùng Teachable Machine dạy máy nhận diện đồ vật theo từng bước hướng dẫn cụ thể.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, hình bài viết SGK, bảng kiểm, phiếu lập dàn ý, ví dụ sơ đồ các bước.
- HS: SGK, vở, bút, giấy nháp.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Ôn lại cấu trúc bài hướng dẫn và định hướng nhiệm vụ viết.	
- GV hỏi: Bài hướng dẫn thực hiện một công việc thường gồm những phần nào?	- HS trả lời: Gồm phần chuẩn bị và phần hướng dẫn thực hiện.
- GV hỏi: Khi viết phần hướng dẫn thực hiện, cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Cần sắp xếp các bước theo đúng trình tự, câu văn ngắn gọn, dễ hiểu.
- GV giới thiệu: Tiết này các em sẽ viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi mà em yêu thích.	- HS lắng nghe, xác định nhiệm vụ viết.
2. Khám phá - Chuẩn bị và lập dàn ý Mục tiêu: HS chọn được đồ chơi để viết hướng dẫn và lập dàn ý theo mẫu. Mục tiêu tích hợp: HS biết dùng bảng kiểm/công cụ số đơn giản để sắp xếp các bước hướng	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
dẫn rõ ràng, không sao chép nguồn chưa kiểm chứng.	
<p>- GV chiếu đề bài: Viết hướng dẫn các bước làm một đồ chơi mà em yêu thích.</p> 	<p>- HS đọc đề bài, xác định yêu cầu: viết hướng dẫn làm một đồ chơi yêu thích.</p>
- GV hỏi: Em chọn đồ chơi nào để viết hướng dẫn?	- HS nêu: Em chọn máy bay giấy, thuyền giấy, con diều, chong chóng, đèn lồng giấy,...
- GV hỏi: Đồ chơi đó được làm bằng gì? Cần chuẩn bị dụng cụ, vật liệu nào?	- HS trả lời theo sản phẩm: Ví dụ làm máy bay giấy cần một tờ giấy hình chữ nhật; làm chong chóng cần giấy màu, que, ghim, kéo.
- GV yêu cầu HS lập dàn ý gồm hai phần: Những dụng cụ, vật liệu cần chuẩn bị; Hướng dẫn thực hiện.	- HS lập dàn ý vào phiếu hoặc vở.
- GV hỏi: Khi tham khảo hướng dẫn trên mạng hoặc từ video, em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Cần chọn nguồn rõ ràng, phù hợp lứa tuổi, không làm theo bước nguy hiểm, không sao chép nguyên văn.
- GV hướng dẫn: Các em có thể dùng bảng kiểm trên giấy, Word hoặc PowerPoint để sắp xếp các bước làm đồ chơi theo thứ tự. Mỗi bước chỉ viết một việc chính, ví dụ: Chuẩn bị giấy → Gấp đôi giấy → Gấp hai cánh → Chỉnh và phóng thử. Nếu xem một hướng dẫn trên mạng, các em phải đọc lại, bỏ những bước không phù hợp hoặc không an toàn, viết lại bằng lời của mình và không nhập thông tin cá nhân vào công cụ số.	- HS dùng bảng kiểm để sắp xếp các bước; HS nêu: Em chỉ dùng nguồn GV giới thiệu, không chép nguyên văn, không làm bước nguy hiểm như dùng dao nhọn hoặc vật nóng.
- GV mời 2 HS đọc dàn ý trước lớp.	- 2 HS đọc dàn ý; lớp góp ý về trình tự, dụng cụ và mức độ rõ ràng.
- GV kết luận: Dàn ý càng rõ thì bài hướng	- HS chỉnh sửa dàn ý.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
dẫn càng dễ hiểu và dễ làm theo.	
3. Thực hành viết hướng dẫn Mục tiêu: HS viết được bài hướng dẫn thực hiện một công việc theo dàn ý đã lập. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu hoạt động hướng dẫn từng bước có liên quan đến tư duy thuật toán; biết AI/máy tính cần được con người huấn luyện bằng các bước rõ ràng và được kiểm tra lại.	
- GV yêu cầu HS viết bài theo dàn ý đã lập, chú ý trình bày từng bước bằng số thứ tự hoặc gạch đầu dòng.	- HS viết bài vào vở: nêu tên đồ chơi, vật liệu cần chuẩn bị và từng bước làm.
- GV nhắc HS dùng câu ngắn, rõ; mỗi bước chỉ nêu một việc chính; nếu có lưu ý an toàn thì ghi cuối bài.	- HS rà soát trong khi viết, bổ sung lưu ý nếu cần.
- GV hỏi: Vì sao máy tính hoặc AI muốn nhận diện đúng một đồ vật cũng cần được hướng dẫn bằng các bước rõ ràng?	- HS trả lời: Vì máy tính cần dữ liệu, ví dụ và quy tắc; nếu con người đưa ví dụ sai hoặc thiếu bước kiểm tra thì kết quả có thể sai.
- GV liên hệ AI (4.C5.1): Khi dùng Teachable Machine để dạy máy nhận diện đồ vật, con người cũng phải làm theo một quy trình giống như viết hướng dẫn: chọn đồ vật, chụp nhiều hình mẫu đúng, gắn nhãn, cho máy học, sau đó thử kiểm tra kết quả. Nếu đưa ảnh chưa rõ hoặc gắn nhãn sai, máy có thể nhận diện sai. Vì vậy, tư duy theo từng bước rõ ràng không chỉ giúp viết bài tốt mà còn giúp các em hiểu cách con người huấn luyện máy tính làm một nhiệm vụ.	- HS nêu lại quy trình đơn giản: chọn đồ vật → chụp ảnh mẫu → đặt tên nhóm → cho máy học → kiểm tra kết quả; HS hiểu con người vẫn phải kiểm tra và sửa sai cho máy.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi: Em đang làm bước nào? Sau bước đó cần làm gì?	- HS hoàn thành bài viết theo khả năng, hỏi GV khi chưa rõ cách diễn đạt.
4. Đọc soát và chỉnh sửa Mục tiêu: HS biết đọc soát, phát hiện và chỉnh sửa lỗi trong bài hướng dẫn.	
- GV đưa bảng kiểm: Bài có đủ phần chuẩn bị chưa? Các bước đúng trình tự chưa? Câu văn rõ chưa? Có lỗi chính tả không?	- HS dùng bảng kiểm để tự rà soát bài viết.
- GV cho HS đổi vở theo cặp để góp ý.	- HS đọc bài của bạn và góp ý: thiếu dụng cụ, bước chưa rõ, cần thêm lưu ý an toàn, câu cần viết ngắn hơn.
- GV mời 1 - 2 HS đọc đoạn hướng dẫn đã chỉnh sửa.	- HS đọc bài; lớp nhận xét điểm rõ ràng, dễ làm theo.
- GV kết luận và dặn HS hoàn thiện bài viết ở	- HS ghi nhớ, hoàn thiện bài.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
nhà nếu chưa xong.	
5. Vận dụng Mục tiêu: HS chia sẻ bài hướng dẫn với người thân hoặc bạn bè.	
- GV giao nhiệm vụ: Về nhà đọc bài hướng dẫn cho người thân nghe và hỏi xem người thân có làm theo được không.	- HS ghi nhiệm vụ và chuẩn bị chia sẻ bài viết.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

-

BÀI 22: BƯỚC TƯỜNG CÓ NHIỀU PHÉP LẠ**TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN: NHÀ PHÁT MINH VÀ BÀ CỤ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe câu chuyện Nhà phát minh và bà cụ, ghi lại được những sự việc chính theo tranh.
- Kể lại được câu chuyện theo trình tự; nêu được điều ấn tượng nhất về nhà phát minh Ê-đi-xon.
- Biết nhận xét, góp ý về nội dung, cách nói, cử chỉ, điệu bộ khi bạn kể chuyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc bài, chuẩn bị đồ dùng học tập, hoàn thành nhiệm vụ cá nhân theo hướng dẫn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến của bạn, trình bày kết quả rõ ràng, lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập, tạo sản phẩm hoặc trình bày ý tưởng phù hợp.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tập trung nghe kể, ghi nhớ sự việc chính.
- Trách nhiệm: Tự tin kể chuyện, lắng nghe bạn kể và góp ý lịch sự.
- Nhân ái: Biết trân trọng người có ý tưởng mới, biết kiên trì và giúp ích cho người khác.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:** HS trân trọng người có ý tưởng mới, biết kiên trì, chủ động học hỏi và vận dụng sáng tạo để giải quyết công việc phù hợp lứa tuổi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/tivi, tranh kể chuyện Nhà phát minh và bà cụ, phiếu ghi sự việc chính.
- HS: SGK, vở, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
Mục tiêu: Tạo hứng thú nghe kể chuyện và kết nối với chủ điểm sáng tạo.	
- GV hỏi: Em biết nhà phát minh nào? Nhà phát minh thường làm công việc gì?	- HS nêu: Ê-đi-xon, Anh-xtanh, các nhà khoa học; họ nghĩ ra, chế tạo hoặc cải tiến những đồ vật có ích.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em nghe câu chuyện Nhà phát minh và bà cụ để hiểu một ý tưởng nhỏ có thể trở thành phát minh có ích như thế nào.	- HS lắng nghe, chuẩn bị nghe kể.
2. Khám phá - Nghe kể chuyện và ghi lại sự việc chính	
Mục tiêu: HS nghe hiểu câu chuyện, ghi nhớ được các sự việc chính qua tranh.	
- GV chiếu 4 tranh và yêu cầu HS quan sát, dự đoán nội dung câu chuyện.	- HS quan sát: tranh 1 có bóng đèn và nhiều người; tranh 2 Ê-đi-xon gặp bà cụ; tranh 3 Ê-đi-xon làm xe; tranh 4 bà cụ ngồi trên chiếc xe.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>Kể chuyện NHÀ PHÁT MINH VÀ BÀ CỤ (theo <i>Hồng Việt 3</i>, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)</p> <p>1. Nghe kể chuyện và ghi lại những sự việc chính.</p>  <p>2. Kể lại câu chuyện.</p> <p>3. Điều gì ấn tượng nhất về nhà phát minh Ê-đi-xơn là gì? Vì sao?</p>	
- GV kể chuyện lần 1 với giọng chậm rãi, rõ các sự việc.	- HS nghe, không ngắt lời, ghi nhớ nhân vật và sự việc chính.
- GV kể chuyện lần 2, dừng sau mỗi tranh để HS ghi nhanh chi tiết quan trọng.	- HS ghi: phát minh bóng đèn; gặp bà cụ đi bộ khó khăn; chế tạo xe; bà cụ được đi xe và mọi người vui mừng.
- GV hỏi: Nhân vật chính trong câu chuyện là ai?	- HS trả lời: Nhân vật chính là nhà phát minh Ê-đi-xơn và bà cụ.
- GV hỏi: Sự việc nào cho thấy Ê-đi-xơn biết quan tâm đến người khác?	- HS trả lời: Ông thấy bà cụ đi bộ khó khăn nên nghĩ cách chế tạo một chiếc xe để giúp bà đi lại dễ hơn.
<p>3. Thực hành kể chuyện</p> <p>Mục tiêu: HS kể lại câu chuyện theo tranh, đúng trình tự và có giọng kể phù hợp.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết trân trọng ý tưởng mới, tinh thần kiên trì, chủ động học hỏi và vận dụng sáng tạo để làm việc có ích.</p>	
- GV hướng dẫn HS kể theo 4 tranh: tranh 1 nêu phát minh; tranh 2 nêu cuộc gặp với bà cụ; tranh 3 nêu việc chế tạo; tranh 4 nêu kết quả.	- HS luyện kể trong nhóm 4, mỗi bạn kể một tranh.
- GV mời một nhóm kể nối tiếp trước lớp.	- Nhóm kể trước lớp; các nhóm khác lắng nghe và nhận xét.
- GV hỏi: Điều gì ở nhà phát minh Ê-đi-xơn khiến em ấn tượng nhất? Vì sao?	- HS trả lời: Em ấn tượng vì ông không chỉ giỏi sáng tạo mà còn biết nghĩ đến người khác; ông kiên trì chế tạo xe để giúp bà cụ.
- GV hỏi: Từ câu chuyện, em học được điều gì khi có một ý tưởng mới?	- HS trả lời: Em cần mạnh dạn nêu ý tưởng, thử thực hiện, không sợ khó, và dùng ý tưởng

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
	để giúp ích cho người khác.
- GV diễn giải: Một phát minh có giá trị không chỉ vì nó mới lạ mà còn vì nó giúp cuộc sống tốt đẹp hơn. Các em có thể chưa tạo ra phát minh lớn, nhưng có thể bắt đầu từ việc nhỏ: nghĩ cách sắp xếp góc học tập gọn hơn, làm đồ dùng học tập từ vật liệu tái chế, giúp bạn học bài dễ hơn, hoặc tìm cách tiết kiệm giấy, nước, điện. Khi gặp khó khăn, các em cần kiên trì, thử lại, hỏi thầy cô, bạn bè và người thân để biến ý tưởng thành việc làm có ích.	- HS nêu việc làm: Em sẽ thử làm một hộp đựng bút từ lõi giấy, làm thẻ nhắc việc học, nghĩ cách phân loại rác trong lớp hoặc giúp bạn làm đồ dùng học tập.
- GV nhận xét cách kể chuyện: nội dung, trình tự, giọng kể, cử chỉ, điệu bộ.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho lần kể sau.
4. Vận dụng Mục tiêu: HS vận dụng bài học để chia sẻ với người thân và tìm đọc thêm chuyện về nhà khoa học.	
- GV yêu cầu HS kể cho người thân nghe câu chuyện Nhà phát minh và bà cụ.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ: kể lại câu chuyện cho người thân nghe.
- GV dẫn HS tìm đọc một câu chuyện về nhà khoa học hoặc người có ý tưởng sáng tạo.	- HS chuẩn bị tìm đọc và ghi tên câu chuyện, tác giả nếu có.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 13

BÀI 23: BÉT-TÔ-VEN VÀ BẢN XÔ-NÁT ÁNH TRẮNG

TIẾT 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Bét-tô-ven và bản xô-nát Ánh trắng; biết ngắt nghỉ ở câu dài, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảm xúc.
- Nhận biết được thông tin chính về Bét-tô-ven, hoàn cảnh ông gặp cha con cô gái mù và cách ông dùng âm nhạc để sẻ chia.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; tìm được các câu văn miêu tả vẻ đẹp của bản nhạc; nêu được ý nghĩa tên gọi Ánh trắng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước văn bản, tìm hiểu nghĩa từ khó và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến bạn khi tìm chi tiết trong bài.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ âm nhạc với cảm xúc, trình bày cảm nhận bằng lời riêng.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết đồng cảm, chia sẻ với người gặp khó khăn.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, tìm ý và hoàn thành nhiệm vụ.

- Trách nhiệm: Tôn trọng tài năng, công sức sáng tạo nghệ thuật và biết lắng nghe cảm xúc của người khác.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS trân trọng tài năng, nghị lực sáng tạo của người nghệ sĩ; biết lắng nghe âm nhạc bằng thái độ lịch sự, chia sẻ cảm xúc chân thành và tôn trọng cảm nhận của bạn.

- Tích hợp AI (4.A1.2): HS nhận thức sự rung cảm tâm hồn là giá trị nghệ thuật mà AI không bao giờ có được; biết dùng AI chỉ để tham khảo thông tin, còn cảm xúc thẩm mỹ phải do con người tự cảm nhận.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa Bét-tô-ven bên đàn pi-a-nô, ảnh chân dung Bét-tô-ven, bảng từ ngữ, phiếu câu hỏi đọc hiểu.

- HS: SGK, vở ghi, bút, chuẩn bị tên một bài hát thiếu nhi yêu thích.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu:</i> Tạo hứng thú vào bài đọc; kết nối trải nghiệm âm nhạc của HS với nội dung văn bản.	
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhanh theo nhóm 2: Kể tên một số bài hát thiếu nhi mà em yêu thích. Tác giả của những bài hát đó là ai?	- HS trao đổi nhóm 2; có thể nêu: Em yêu thích bài “Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng”, “Đi học”, “Bụi phấn”, “Cho con”... và nêu tên tác giả nếu biết.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp và nhắc HS nói rõ vì sao bài hát đó làm em nhớ nhất.	- HS chia sẻ: Em thích vì giai điệu vui tươi, lời ca gần gũi, gợi tình cảm gia đình, bạn bè hoặc quê hương.
- GV giới thiệu: Âm nhạc có thể làm con người vui, xúc động, an ủi và giúp ta cảm nhận vẻ đẹp cuộc sống. Hôm nay chúng ta đọc câu chuyện về Bét-tô-ven và bản xô-nát Ánh trăng.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Bét-tô-ven và bản xô-nát Ánh trăng.
- GV chiếu tranh minh họa trong SGK, yêu cầu HS quan sát và dự đoán nội dung câu chuyện.	- HS quan sát tranh, dự đoán: Câu chuyện có Bét-tô-ven, cây đàn pi-a-nô, cô gái và người cha; có thể liên quan đến một bản nhạc rất xúc động.
	
- GV kết luận chuyển ý: Bức tranh gợi một không gian yên bình và giàu cảm xúc. Các em cùng đọc văn bản để biết bản nhạc Ánh trăng ra đời như thế nào.	- HS chuẩn bị đọc văn bản, chú ý giọng đọc chậm rãi, tha thiết.

2. Khám phá - Đọc văn bản Mục tiêu: Đọc đúng, hiểu từ khó, bước đầu nắm được mạch câu chuyện.	
- GV đọc mẫu toàn bài với giọng chậm rãi, sâu lắng; nhấn giọng ở các từ ngữ: đại thi hào, vàng trắng vàng, du dương, huyền ảo, lặng im.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK và nhận biết cách đọc.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ khó: Bét-tô-ven, xô-nát, Đa-nuýp, Viên, đàn dương cầm.	- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp; sửa phát âm theo hướng dẫn của GV.
- GV chia văn bản thành 3 đoạn và giao nhiệm vụ đọc nối tiếp trong nhóm 3.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm: đoạn 1 giới thiệu Bét-tô-ven; đoạn 2 kể cuộc gặp cha con cô gái mù; đoạn 3 kể bản nhạc ra đời.
- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ và giải thích nhanh nghĩa của xô-nát, sông Đa-nuýp, Viên, đàn dương cầm.	- HS nêu: Xô-nát là bản nhạc gồm ba hoặc bốn chương; sông Đa-nuýp là sông dài ở châu Âu; Viên là thủ đô nước Áo; đàn dương cầm là tên gọi khác của đàn pi-a-nô.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét cách đọc rõ tiếng, đúng nhịp, thể hiện cảm xúc.	- HS đọc trước lớp; HS khác nhận xét: bạn đọc rõ, ngắt nghỉ đúng, giọng nhẹ nhàng.
- GV kết luận: Khi đọc văn bản này, các em cần giữ giọng kể nhẹ nhàng, sâu lắng để thể hiện sự xúc động trước âm nhạc và tình cảm con người.	- HS ghi nhớ cách đọc và chuẩn bị trả lời câu hỏi.
3. Khám phá - Đọc hiểu Mục tiêu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu, tìm chi tiết trong văn bản; biết trân trọng tài năng và sự đồng cảm của người nghệ sĩ. Mục tiêu tích hợp: HS trân trọng tài năng, nghị lực sáng tạo của người nghệ sĩ; biết chia sẻ cảm xúc chân thành, lịch sự khi nghe âm nhạc và khi trao đổi với bạn.	
- GV nêu câu hỏi 1: Đoạn mở đầu giới thiệu những gì về Bét-tô-ven?	- HS trả lời: Đoạn mở đầu giới thiệu Bét-tô-ven là nhà soạn nhạc cổ điển vĩ đại trên thế giới; ông sáng tác nhiều bản nhạc nổi tiếng, trong đó có bản xô-nát Ánh trăng.
- GV nêu câu hỏi 2: Bét-tô-ven đã gặp cha con cô gái mù trong hoàn cảnh nào? Cô gái mù có ước mơ gì?	- HS trả lời: Ông gặp hai cha con cô gái mù khi đang dạo bên dòng sông Đa-nuýp. Cô gái mù ước một lần được ngắm ánh trăng trên dòng sông Đa-nuýp.
- GV chiếu ảnh chân dung Bét-tô-ven và nhắc HS quan sát thái độ, ánh mắt trong tranh minh họa để cảm nhận không khí câu chuyện.	- HS quan sát, nêu cảm nhận: Gương mặt Bét-tô-ven nghiêm nghị, sâu lắng; ông giống một người nghệ sĩ đang lắng nghe và thấu hiểu nỗi buồn của người khác.

<p>thứ hai ở châu Âu, chảy qua nhiều nước Trung Âu và ước Áo.</p> <p>Đó khác của dân gi-a-nô.</p> <p>liệu những gì về</p> <p>à con cô gái mù? Có gái mù có</p> <p>để giúp cô gái mình?</p> <p>êu tả vẻ đẹp của em đã dành tặng</p> <p>ô-ven dành tặng Ánh trăng?</p>  <p>Lô-t-vích van Bét-tô-ven (1770 – 1827)</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 3: Bét-tô-ven đã làm gì để giúp cô gái thực hiện ước mơ của mình?</p>	<p>- HS trả lời: Bét-tô-ven ngồi xuống và bắt đầu chơi đàn. Ông dùng âm nhạc để giúp cô gái tưởng tượng, cảm nhận vẻ đẹp của ánh trăng trên dòng sông.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 4: Tìm những câu văn miêu tả vẻ đẹp của bản nhạc mà Bét-tô-ven đã dành tặng cô gái mù.</p>	<p>- HS tìm và nêu: “Những nốt nhạc ngân hừng vang lên, tràn đầy cảm xúc yêu thương của nhà soạn nhạc thiên tài, lúc êm ái, nhẹ nhàng như ánh trăng, lúc lại mạnh mẽ như sóng sông Đa-nuýp.”</p>
<p>- Khi nghe một bản nhạc hay hoặc nghe bạn chia sẻ cảm nhận, chúng ta cần thể hiện thái độ như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cần lắng nghe trật tự, không cười chê cảm nhận của bạn, biết nói lời nhận xét lịch sự và tôn trọng cảm xúc của người khác.</p>
<p>- GV diễn giải: Âm nhạc của Bét-tô-ven không chỉ hay vì kỹ thuật mà còn hay vì chứa tình yêu thương, sự đồng cảm. Khi các em nghe nhạc, xem tranh, đọc thơ hoặc nghe bạn trình bày, điều quan trọng là biết lắng nghe bằng sự tôn trọng. Có bạn thấy bản nhạc buồn, có bạn thấy dịu dàng, có bạn lại thấy mạnh mẽ; mỗi cảm nhận đều đáng được lắng nghe nếu các em trình bày chân thành, lịch sự.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ: Khi cảm nhận nghệ thuật, cần tôn trọng tài năng của người sáng tạo và tôn trọng cảm nhận của bạn.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 5: Vì sao bản nhạc Bét-tô-ven dành tặng cô gái mù lại có tên là Ánh trăng?</p>	<p>- HS trả lời: Vì bản nhạc giúp cô gái mù cảm nhận được vẻ đẹp của ánh trăng, dòng sông và thế giới huyền ảo qua âm thanh; âm nhạc thay cho đôi mắt để cô gái “ngắm” ánh trăng bằng tâm hồn.</p>
<p>- GV kết luận: Câu chuyện cho thấy âm nhạc chân chính có sức mạnh làm dịu nỗi buồn, đánh thức vẻ đẹp trong tâm hồn và nối con người với nhau bằng yêu thương.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại ý nghĩa câu chuyện bằng lời ngắn gọn.</p>
<p>4. Luyện tập - Luyện đọc diễn cảm Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm đoạn văn, thể hiện được cảm xúc của nhân vật và không khí câu chuyện.</p>	

- GV chọn đoạn từ “Xúc động trước tình cảm...” đến “ảo diệu với ánh trăng” và hướng dẫn HS đọc chậm, nhấn giọng ở các hình ảnh so sánh.	- HS đánh dấu chỗ ngắt nghỉ, luyện đọc theo hướng dẫn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3, góp ý cho nhau về tốc độ, giọng đọc và cách nhấn giọng.	- HS đọc theo nhóm; bạn nghe góp ý: đọc rõ hơn, chậm hơn ở đoạn miêu tả bản nhạc.
- GV mời 2 - 3 HS đọc diễn cảm trước lớp.	- HS đọc diễn cảm; lớp nhận xét, bình chọn bạn đọc thể hiện cảm xúc tốt.
- GV nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt và nhắc HS đọc ở nhà cho người thân nghe.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.
5. Vận dụng trải nghiệm Mục tiêu: Liên hệ bài học với trải nghiệm nghe nhạc; biết phân biệt vai trò hỗ trợ thông tin của AI với cảm xúc thẩm mỹ riêng của con người. Mục tiêu tích hợp: HS nhận thức sự rung cảm tâm hồn là giá trị nghệ thuật mà AI không thể thay thế; biết dùng AI chỉ để tham khảo thông tin, còn cảm xúc và nhận xét phải do bản thân tự cảm nhận.	
- GV hỏi: Theo em, một công cụ AI có thể tìm thông tin về Bét-tô-ven hoặc gợi ý vài câu nhận xét về bản nhạc không? Vậy AI có thể cảm thấy xúc động như con người khi nghe bản nhạc không?	- HS trả lời: AI có thể giúp tìm thông tin hoặc gợi ý câu, nhưng AI không có trái tim, không có trải nghiệm và cảm xúc thật như con người.
- GV diễn giải: Khi học bài này, các em có thể nhờ ChatGPT/Gemini dưới sự hướng dẫn của GV để tìm hiểu thêm tên một bản nhạc, thời gian sáng tác hoặc nghĩa của từ khó. Tuy nhiên, cảm xúc trước âm nhạc phải do chính các em lắng nghe, suy nghĩ và nói bằng lời thật của mình. Nếu chỉ chép câu trả lời của AI, bài nói có thể đúng chữ nhưng thiếu rung cảm. Người học cần dùng AI như một công cụ tham khảo, không để AI thay mình cảm nhận nghệ thuật.	- HS lắng nghe, nêu cam kết: Em có thể dùng AI để tham khảo thông tin, nhưng sẽ tự viết cảm nhận và kiểm tra lại với SGK, thầy cô.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Kể với người thân một bài hát hoặc bản nhạc em yêu thích, nêu cảm xúc của em khi nghe.	- HS ghi nhiệm vụ: kể cho người thân nghe và chuẩn bị bài Luyện tập về tính từ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 13

BÀI 23: BÉT-TÔ-VEN VÀ BẢN XÔ-NÁT ÁNH TRẮNG

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được tính từ chỉ đặc điểm của tiếng nhạc, dòng sông và cảnh vật trong bài đọc.
- Biết thay thế ô trống bằng tính từ phù hợp; dùng tính từ để viết câu miêu tả.
- Củng cố khả năng lựa chọn từ ngữ chính xác, giàu hình ảnh khi nói và viết.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự đọc yêu cầu bài tập, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm để thống nhất tính từ phù hợp.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chọn tính từ hay, phù hợp ngữ cảnh để làm câu văn sinh động.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện tập, hoàn thành bài đúng thời gian.
- Trách nhiệm: Có ý thức dùng từ chính xác, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/ti vi, tranh/bài tập cắt từ SGK, phiếu học tập, bảng phụ.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô li, bảng con, bút, phiếu học tập.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về tính từ và tạo hứng thú cho tiết luyện tập.	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: mỗi nhóm nêu 3 tính từ tả tiếng nhạc hoặc dòng sông.	- HS tham gia: tiếng nhạc du dương, êm ái, tha thiết; dòng sông xanh đẹp, hiền hòa, lặng lẽ.
- GV hỏi: Tính từ thường dùng để làm gì?	- HS trả lời: Tính từ dùng để chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái của sự vật, hoạt động.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em luyện tập dùng tính từ để miêu tả âm thanh, cảnh vật và con người rõ hơn.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Luyện tập - Bài tập 1 Mục tiêu: Tìm được tính từ trong bài đọc và xếp vào nhóm phù hợp.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài: Tìm tính từ có trong bài đọc Bét-tô-ven và bản xô-nát Ánh trắng theo 2 nhóm dưới đây.	- HS đọc yêu cầu, xác định 2 nhóm: tính từ chỉ đặc điểm của tiếng nhạc và tính từ chỉ đặc điểm của dòng sông.
- GV chiếu phần bài tập trong SGK và hướng dẫn HS đọc lại đoạn văn, gạch chân các tính từ.	- HS quan sát bài tập, đọc thầm văn bản, tìm từ theo yêu cầu.
	

- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Nhóm 1, 2 tìm tính từ tả tiếng nhạc; nhóm 3, 4 tìm tính từ tả dòng sông.	- HS làm việc nhóm; ghi kết quả vào phiếu.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- HS trình bày: Tính từ tả tiếng nhạc: du dương, êm ái, nhẹ nhàng, mạnh mẽ, huyền ảo; tính từ tả dòng sông: xinh đẹp, lấp lánh, lặng im.
- GV nhận xét và chốt: Tính từ giúp câu văn miêu tả cụ thể hơn, làm người đọc hình dung rõ âm thanh và cảnh vật.	- HS sửa bài vào vở.

3. Luyện tập - Bài tập 2

Mục tiêu: *Biết chọn tính từ phù hợp để hoàn chỉnh các cụm từ so sánh.*

- GV yêu cầu HS đọc đề bài: Tính từ nào dưới đây có thể thay cho mỗi ô vuông?	- HS đọc đề, quan sát các từ: trắng, đen, đỏ, hiền, xấu, đẹp và các cụm: như bột, như than, như gấc, như ma, như tuyết, như tiên.
- GV hướng dẫn HS làm cá nhân trước, sau đó đổi vở kiểm tra theo cặp.	- HS làm bài cá nhân, trao đổi với bạn bên cạnh.
- GV mời HS nêu đáp án từng cụm từ.	- HS nêu: hiền như bột; đen như than; đỏ như gấc; trắng như tuyết; đẹp như tiên; xấu như ma.
- GV hỏi: Vì sao không thể nói “đỏ như bột” hoặc “trắng như than”?	- HS trả lời: Vì hình ảnh so sánh phải phù hợp với đặc điểm của sự vật; than thường màu đen, tuyết thường màu trắng.
- GV kết luận: Khi dùng tính từ và hình ảnh so sánh, các em cần chọn từ đúng nghĩa, phù hợp thực tế và phù hợp ngữ cảnh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

4. Luyện tập - Bài tập 3

Mục tiêu: *Vận dụng tính từ để đọc hiểu đoạn thơ và viết câu miêu tả.*

- GV yêu cầu HS đọc đề bài 3: Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu.	- HS đọc yêu cầu, xác định câu a, b trong bài tập.
- GV hỏi câu a: Tìm các tính từ chỉ màu xanh trong đoạn thơ. Mỗi tính từ được dùng để tả đặc điểm của sự vật nào?	- HS trả lời: xanh (tre xanh, lúa xanh, dòng xanh mát, xanh màu ước mơ); các từ xanh được dùng để tả tre, lúa, dòng nước, ước mơ.
- GV hỏi câu b: Viết 2 - 3 câu có sử dụng tính từ em tìm được ở bài tập a.	- HS viết câu: “Lúa xanh trải dài quanh xóm. Dòng sông xanh mát ôm lấy con đường làng. Em yêu màu xanh của quê hương.”
- GV mời HS đọc câu trước lớp, nhận xét cách dùng tính từ.	- HS đọc bài; lớp nhận xét câu có dùng tính từ, diễn đạt rõ ý.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: *Vận dụng kiến thức về tính từ vào nói, viết trong đời sống hằng ngày.*

- GV yêu cầu HS chọn một sự vật quanh lớp và nói 1 câu có tính từ.	- HS nói: “Chiếc bảng xanh rất sạch.” “Quyển sách mới có bìa đẹp.” “Giọng đọc của bạn nhẹ nhàng.”
- GV nhận xét tiết học, dặn HS quan sát cách	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài Tìm hiểu cách

viết đơn ở bài sau.

viết đơn.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 13

BÀI 23: BÉT-TÔ-VEN VÀ BẢN XÔ-NÁT ÁNH TRĂNG

TIẾT 3: VIẾT - TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được mục đích, người viết, nơi gửi và nội dung của một lá đơn.
- Nêu được các mục cần có của đơn và cách sắp xếp các mục theo đúng quy định.
- Biết trao đổi về một tình huống cần viết đơn trong cuộc sống.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc mẫu đơn, tìm thông tin theo câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận cặp đôi, trình bày nhận xét về hình thức và nội dung đơn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định tình huống phù hợp cần viết đơn.

3. Phẩm chất:

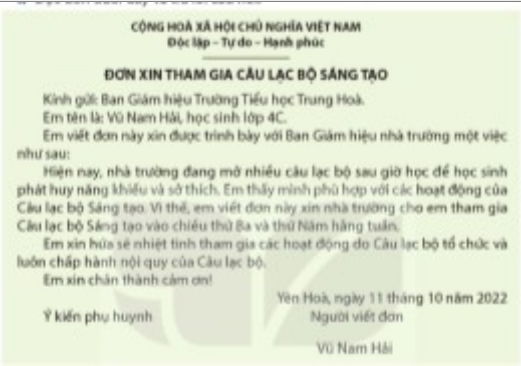
- Trách nhiệm: Có ý thức trình bày đơn rõ ràng, đúng sự thật.
- Trung thực: Biết viết thông tin chính xác khi làm đơn.
- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu mẫu đơn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Mẫu đơn trong SGK cắt riêng, bảng ghi các phần của đơn, phiếu thảo luận.
- HS: SGK, vở ghi, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Gợi nhớ những tình huống cần viết đơn và tạo tâm thế vào bài.	
- GV hỏi: Khi em muốn xin tham gia câu lạc bộ, xin nghỉ học hoặc xin cấp lại thẻ thư viện, em cần viết văn bản gì?	- HS trả lời: Em cần viết đơn.
- GV yêu cầu HS nêu một tình huống em từng nghe hoặc từng gặp cần viết đơn.	- HS nêu: xin phép nghỉ học, xin tham gia câu lạc bộ, xin xác nhận, xin mượn phòng học, xin cấp giấy khen bị mất...
- GV giới thiệu: Hôm nay các em tìm hiểu cách viết đơn để biết một lá đơn cần có những phần nào và trình bày ra sao.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Tìm hiểu cách viết đơn.
2. Khám phá - Đọc mẫu đơn Mục tiêu: Đọc mẫu đơn, xác định mục đích, người viết, nơi gửi và các mục của đơn.	
- GV chiếu mẫu Đơn xin tham gia câu lạc bộ Sáng tạo trong SGK và yêu cầu HS đọc thầm.	- HS quan sát mẫu đơn, đọc thầm toàn bộ nội dung.

	
<p>- GV mời 1 HS đọc mẫu đơn trước lớp.</p>	<p>- HS đọc rõ các phần: quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, nơi nhận đơn, người viết đơn, nội dung đơn, địa điểm, thời gian và chữ kí.</p>
<p>- GV hỏi câu a: Đơn trên được viết nhằm mục đích gì?</p>	<p>- HS trả lời: Đơn được viết để xin tham gia Câu lạc bộ Sáng tạo.</p>
<p>- GV hỏi câu b: Đơn do ai viết? Đơn được gửi cho ai?</p>	<p>- HS trả lời: Đơn do Vũ Nam Hải, học sinh lớp 4C viết; đơn gửi Ban Giám hiệu Trường Tiểu học Trưng Trắc.</p>
<p>- GV hỏi câu c: Người viết đã trình bày những gì trong đơn?</p>	<p>- HS trả lời: Người viết giới thiệu bản thân, nêu nguyện vọng, lí do, cam kết tham gia sinh hoạt và chấp hành nội quy câu lạc bộ.</p>
<p>- GV hỏi câu d: Đơn gồm có những mục nào? Nêu cách sắp xếp các mục đó.</p>	<p>- HS trả lời: Đơn gồm quốc hiệu, tiêu ngữ; tên đơn; nơi nhận đơn; thông tin người viết; nội dung đơn; địa điểm, ngày tháng năm; chữ kí và họ tên. Các mục được sắp xếp theo thứ tự từ trên xuống dưới.</p>
<p>3. Luyện tập - Trao đổi về cách viết đơn Mục tiêu: Rút ra những điểm cần lưu ý khi viết đơn.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: Khi viết đơn, cần lưu ý điều gì về hình thức?</p>	<p>- HS thảo luận và nêu: Viết đúng quốc hiệu, tiêu ngữ; tên đơn rõ ràng; bố cục cân đối; chữ viết sạch đẹp; ngày tháng và chữ kí đầy đủ.</p>
<p>- GV hỏi: Khi viết nội dung đơn, cần lưu ý điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Cần nêu rõ mình là ai, viết đơn gửi ai, xin việc gì, lí do và lời cam kết; nội dung cần ngắn gọn, đúng sự thật.</p>
<p>- GV chốt kiến thức ghi nhớ: Cần trình bày đơn đúng quy định, nội dung rõ ràng, chính xác, lịch sự.</p>	<p>- HS ghi nhớ: đơn phải có đủ các phần và sắp xếp hợp lí.</p>
<p>4. Vận dụng trải nghiệm Mục tiêu: Liên hệ tình huống thực tế cần viết đơn.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS trao đổi với bạn: Em có thể viết đơn trong tình huống nào ở trường hoặc ở nhà?</p>	<p>- HS trao đổi: xin tham gia câu lạc bộ, xin nghỉ học, xin mượn sách thư viện, xin tham gia đội văn nghệ, xin phép tham quan cùng lớp.</p>
<p>- GV mời 2 HS nêu tình huống và nói tên đơn cần viết.</p>	<p>- HS nêu: Em viết Đơn xin tham gia câu lạc bộ Mĩ thuật; em viết Đơn xin nghỉ học vì bị ốm.</p>

- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài Người tìm đường lên các vì sao.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài đọc mới.
--	---------------------------------------

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 13

BÀI 24: NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO

TIẾT 1 - 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Người tìm đường lên các vì sao; biết ngắt nghỉ ở câu dài, nhấn giọng ở các chi tiết thể hiện sự kiên trì của nhân vật.
- Nhận biết được ước mơ, quá trình học tập, nghiên cứu và thành tựu của Xi-ôn-cốp-xki.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; rút ra được bài học về ước mơ, sự kiên trì và tinh thần khám phá khoa học.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc văn bản, tìm hiểu từ khó và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm, lắng nghe và bổ sung ý kiến khi tìm chi tiết về nhân vật.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ ước mơ khoa học với việc học tập, đặt câu hỏi và tìm cách giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, tìm ý và hoàn thành phiếu học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập, rèn luyện để theo đuổi ước mơ.
- Nhân ái: Biết tôn trọng ước mơ của bạn, động viên bạn vượt khó.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS bồi dưỡng ước mơ học tập, nghiên cứu khoa học; biết kiên trì, mạnh dạn đặt câu hỏi và theo đuổi mục tiêu tốt đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa Xi-ôn-cốp-xki, hình tên lửa, phiếu đọc hiểu, bảng nhóm.
- HS: SGK, vở ghi, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Tạo hứng thú với chủ đề khoa học, ước mơ khám phá bầu trời.	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm 2: Kể tên một nhà khoa học hoặc nói những điều em biết về người đó.	- HS trao đổi: có thể kể về Ê-đi-xon, Anh-xtanh, Ma-ri Quy-ri, Niu-ton, Xi-ôn-cốp-xki...
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Nhà khoa học thường ham tìm tòi, kiên trì nghiên cứu, phát minh ra điều có ích.
- GV giới thiệu: Bài đọc hôm nay kể về một người từ nhỏ đã mơ ước bay lên bầu trời và đã bền bỉ nghiên cứu để mở đường cho ngành du hành vũ trụ.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Người tìm đường lên các vì sao.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc và yêu cầu HS dự đoán nội dung.	- HS quan sát tranh, dự đoán: Cậu bé nhìn lên bầu trời, mơ ước bay lên các vì sao; sau này trở thành nhà khoa học.



2. Khám phá - Đọc văn bản

Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, hiểu từ khó và nắm mạch sự việc chính.

- GV đọc mẫu văn bản với giọng kể chậm rãi, nhấn giọng ở các chi tiết: mơ ước, không nản chí, hì hục làm thí nghiệm, phương tiện bay tới các vì sao.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK.
- GV hướng dẫn HS đọc từ khó: Xi-ôn-cốp-xki, khí cầu, Sa hoàng, tên lửa, thí nghiệm.	- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp và sửa phát âm.
- GV chia văn bản thành 3 đoạn: ước mơ thuở nhỏ; quá trình tự học, làm thí nghiệm; thành tựu sau nhiều năm nghiên cứu.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK.
- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 3.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm, bạn nghe nhận xét cách đọc.
- GV hướng dẫn HS đọc phần Từ ngữ: khí cầu, Sa hoàng.	- HS nêu: khí cầu là dụng cụ hình quả cầu chứa đầy khí nhẹ có thể bay lên cao; Sa hoàng là từ dùng để chỉ các vị vua nước Nga trước đây.
- GV mời đại diện nhóm đọc trước lớp, nhận xét giọng đọc và sửa lỗi nếu có.	- HS đọc trước lớp; các bạn nhận xét, bổ sung.

3. Khám phá - Đọc hiểu

Mục tiêu: Tìm thông tin trong văn bản, hiểu phẩm chất của nhân vật; bồi dưỡng ước mơ học tập, nghiên cứu khoa học.

Mục tiêu tích hợp: HS bồi dưỡng ước mơ học tập, nghiên cứu khoa học; biết kiên trì, mạnh dạn đặt câu hỏi và theo đuổi mục tiêu tốt đẹp.

- GV nêu câu hỏi 1: Chi tiết nào cho thấy từ nhỏ Xi-ôn-cốp-xki đã ham tìm tòi, khám phá?	- HS trả lời: Ông đã mơ ước bay lên bầu trời, có lần đại dột nhảy qua cửa sổ để bay theo những cánh chim; khi ốm bị nặng tai, ông càng say mê tìm tòi trong sách vở.
- GV nêu câu hỏi 2: Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào?	- HS trả lời: Ông đọc không biết bao nhiêu sách, nghĩ ra điều gì lại làm thí nghiệm, có khi làm hàng trăm lần; sau này ông tự chế tạo khí cầu bằng kim loại.
- GV chiếu hình minh họa tên lửa và yêu cầu HS tìm đoạn văn nói về thành tựu của Xi-ôn-cốp-xki.	- HS quan sát hình, tìm đoạn: Hơn bốn mươi năm khổ công nghiên cứu, ông đã tìm tòi, phát minh khí cầu kim loại và trở thành một trong những người đặt nền móng cho phương tiện bay tới các vì sao.

<p>Ông là quanh năm ông chỉ ăn bánh mì sườn. Qua nhiều lần thí nghiệm, ông đã tìm ra cách chế tạo khí cầu bay bằng kim loại. Sa hoàng chưa tin nên không ủng hộ. Không nản chí, ông tiếp tục đi sâu vào lý thuyết bay trong không gian. Được gọi ý từ chiếc pháo thăng thiên, sau này, ông đã đề xuất mô hình tên lửa nhiều tầng trở thành một phương tiện bay tới các vì sao.</p> <p>Hơn bốn mươi năm khổ công nghiên cứu, tìm tòi, Xi-ôn-cốp-xki đã thực hiện được điều ông hằng tâm niệm: "Các vì sao không phải để tồn tại mà là để chinh phục".</p> <p>(Theo Lê Nguyễn Long – Phạm Ngọc Toàn)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khí cầu: dụng cụ hình quả cầu, chứa đầy khí nhẹ, có thể bay lên cao. – Sa hoàng: từ dùng để chỉ các vị vua của nước Nga từ năm 1547 đến năm 1721). <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chỉ tiết nào cho thấy từ nhỏ Xi-ôn-cốp-xki đã ham tìm tòi, khám phá? 2. Xi-ôn-cốp-xki đã kiên trì thực hiện ước mơ của mình như thế nào? 3. Những nghiên cứu, tìm tòi của Xi-ôn-cốp-xki đã đem lại kết quả gì? 4. Theo em, nhan đề "Người tìm đường lên các vì sao" muốn nói điều gì? 	
<p>- GV nêu câu hỏi 3: Những nghiên cứu, tìm tòi của Xi-ôn-cốp-xki đã đem lại kết quả gì?</p>	<p>- HS trả lời: Ông đã phát minh khí cầu kim loại; những tìm tòi của ông trở thành nền móng cho việc chế tạo phương tiện bay tới các vì sao.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, nhan đề "Người tìm đường lên các vì sao" muốn nói điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Nhan đề muốn nói Xi-ôn-cốp-xki là người mở đường cho ước mơ bay vào vũ trụ, tìm cách giúp con người tiến gần hơn đến các vì sao.</p>
<p>- GV hỏi: Muốn theo đuổi một ước mơ đẹp, chúng ta cần có những phẩm chất nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cần chăm học, kiên trì, ham đọc sách, dám đặt câu hỏi, không bỏ cuộc khi gặp khó khăn.</p>
<p>- GV diễn giải: Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi con người bền bỉ học tập và làm việc. Xi-ôn-cốp-xki không chỉ mơ bay lên trời mà còn đọc sách, làm thí nghiệm, sửa sai sau nhiều lần thất bại. Với học sinh, ước mơ có thể bắt đầu từ việc nhỏ: đọc thêm sách, hỏi điều chưa hiểu, hoàn thành bài học, kiên trì luyện tập. Khi bạn có ước mơ khác mình, chúng ta cần tôn trọng và động viên bạn theo đuổi ước mơ đúng đắn.</p>	<p>- HS lắng nghe và liên hệ: Em cần chăm học, đọc sách khoa học, không nản khi gặp bài khó; em sẽ tôn trọng ước mơ của bạn.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 5: Nếu trở thành một nhà khoa học, em muốn sáng chế những gì? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời theo ý riêng: Em muốn sáng chế rô-bốt dọn rác để bảo vệ môi trường; em muốn sáng chế máy bay an toàn; em muốn làm thiết bị giúp người khuyết tật học tập thuận lợi hơn.</p>
<p>4. Luyện tập theo văn bản đọc Mục tiêu: <i>Củng cố từ ngữ chỉ phẩm chất và vận dụng viết câu về nhà khoa học/phát minh.</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1: Tìm những tính từ nêu phẩm chất của nhà khoa học.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và tìm từ.</p>
<p>- GV mời HS nêu kết quả.</p>	<p>- HS nêu: miệt mài, thông thái.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Đặt 2 - 3 câu giới thiệu về một nhà khoa học hoặc một phát minh khoa học mà em biết.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu, chọn nhà khoa học hoặc phát minh để viết câu.</p>

- GV cho HS làm cá nhân vào vở, sau đó chia sẻ trong nhóm 2.	- HS viết: “Ma-ri Quy-ri là nhà khoa học nổi tiếng với những nghiên cứu về phóng xạ. Bà làm việc rất miệt mài và có nhiều đóng góp cho khoa học.”
- GV mời HS đọc câu, nhận xét cách dùng từ.	- HS đọc câu; lớp nhận xét câu giới thiệu rõ đối tượng, có dùng tính từ phù hợp.
5. Vận dụng trải nghiệm Mục tiêu: Liên hệ bài học với việc nuôi dưỡng ước mơ khoa học trong đời sống.	
- GV yêu cầu HS viết nhanh vào giấy nháp: Một việc em sẽ làm trong tuần này để tiến gần hơn tới ước mơ của mình.	- HS viết: đọc một cuốn sách khoa học, hỏi thầy cô điều chưa hiểu, luyện tập môn học yêu thích, tìm hiểu về một nhà phát minh.
- GV mời 2 HS chia sẻ và nhắc lớp biết động viên ước mơ của bạn.	- HS chia sẻ; các bạn vỗ tay, động viên bạn thực hiện mục tiêu.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết đơn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 13

BÀI 24: NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO

TIẾT 3: VIẾT - VIẾT ĐƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết chọn một trong hai đề để viết đơn theo mẫu đã học.
- Viết được đơn có đủ các phần chính: quốc hiệu, tiêu ngữ, tên đơn, nơi nhận, nội dung, địa điểm, thời gian, chữ kí.
- Biết đọc soát và chỉnh sửa đơn về nội dung, cách trình bày, dùng từ, đặt câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động chọn đề, lập ý và viết đơn đúng thời gian.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn để góp ý, chỉnh sửa bài viết.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định tình huống viết đơn và diễn đạt nguyện vọng rõ ràng, lịch sự.

3. Phẩm chất:

- Trung thực: Viết thông tin đúng, rõ ràng, không bịa đặt.
- Trách nhiệm: Biết trình bày nguyện vọng phù hợp, cam kết thực hiện đúng nội quy.
- Chăm chỉ: Tích cực viết, đọc soát và sửa lỗi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Mẫu đơn trong SGK, bảng tiêu chí đọc soát, phiếu viết đơn.
- HS: SGK, vở, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Gợi nhớ cấu trúc đơn đã học ở bài trước.	
- GV hỏi: Một lá đơn thường gồm những phần nào?	- HS trả lời: Quốc hiệu, tiêu ngữ; tên đơn; nơi nhận; thông tin người viết; nội dung đơn; địa điểm, ngày tháng; chữ kí và họ tên.
- GV yêu cầu HS nhắc lại điều quan trọng khi viết nội dung đơn.	- HS trả lời: Nội dung cần rõ ràng, ngắn gọn, lịch sự và đúng sự thật.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em vận dụng kiến thức đã học để viết một lá đơn hoàn chỉnh.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. Thực hành - Chuẩn bị viết đơn Mục tiêu: Chọn đề, xác định người nhận đơn, mục đích viết đơn và nội dung cần trình bày.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài: Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1 viết đơn xin tham gia câu lạc bộ em yêu thích; Đề 2 viết đơn xin nghỉ một buổi học.	- HS đọc đề, xác định có 2 lựa chọn viết đơn.
- GV hỏi: Nếu chọn đề 1, đơn cần gửi cho ai và nội dung chính là gì?	- HS trả lời: Có thể gửi Ban Giám hiệu, giáo viên chủ nhiệm hoặc ban phụ trách câu lạc bộ; nội dung là xin tham gia câu lạc bộ, nêu lí do và lời cam kết.
- GV hỏi: Nếu chọn đề 2, đơn cần gửi cho ai	- HS trả lời: Gửi giáo viên chủ nhiệm; nội

và nội dung chính là gì?	dùng là xin nghỉ một buổi học, nêu lí do nghỉ, lời hứa bổ sung bài học.
- GV hướng dẫn HS lập nhanh dàn ý cho lá đơn đã chọn.	- HS ghi ra nháp: tên đơn, nơi nhận, thông tin bản thân, lí do, nguyện vọng, lời cam kết.
3. Thực hành - Viết đơn	
Mục tiêu: <i>Viết được lá đơn đúng cấu trúc, trình bày rõ ràng, nội dung lịch sự.</i>	
- GV yêu cầu HS viết bài vào vở theo đề đã chọn.	- HS viết đơn vào vở; trình bày cẩn thận, đủ các phần.
- GV nhắc HS khi viết đơn xin nghỉ học cần nêu lí do chính đáng, không viết lan man.	- HS chú ý viết lí do ngắn gọn: bị ốm, đi khám bệnh, gia đình có việc cần thiết...
- GV nhắc HS khi viết đơn xin tham gia câu lạc bộ cần nêu sở thích, khả năng và lời cam kết.	- HS viết: Em yêu thích câu lạc bộ Khoa học/Mĩ thuật/Bóng đá; em hứa tham gia đầy đủ và chấp hành nội quy.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng về cách xưng hô, trình bày ngày tháng, chữ kí.	- HS hỏi khi cần, chỉnh bài theo hướng dẫn của GV.
4. Luyện tập - Đọc soát và chỉnh sửa	
Mục tiêu: <i>Biết tự đọc soát, phát hiện lỗi và chỉnh sửa đơn.</i>	
- GV chiếu bảng tiêu chí đọc soát: Quốc hiệu, tiêu ngữ; tên đơn; nơi nhận; nội dung đơn.	- HS quan sát tiêu chí, dùng để đọc soát bài của mình.
- GV yêu cầu HS đổi vở theo cặp để đọc soát.	- HS đổi vở, góp ý cho bạn: thiếu ngày tháng, chưa ghi người nhận, lí do chưa rõ, chữ kí chưa đủ.
- GV mời 1 - 2 HS đọc bài trước lớp.	- HS đọc bài; lớp nhận xét: bài đủ phần, nội dung rõ, lời văn lịch sự.
- GV nhận xét chung và nhắc HS sửa lỗi còn mắc.	- HS sửa lỗi trong bài: bổ sung phần còn thiếu, sửa câu chưa rõ.
5. Vận dụng trải nghiệm	
Mục tiêu: <i>Vận dụng cách viết đơn vào tình huống thực tế.</i>	
- GV yêu cầu HS nêu một tình huống trong đời sống mà em có thể viết đơn.	- HS nêu: xin tham gia đội văn nghệ, xin mượn sân tập, xin cấp lại thẻ thư viện, xin nghỉ học.
- GV dẫn HS hoàn thiện lá đơn và chuẩn bị hoạt động Đọc mở rộng.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị sách/truyện về nhà khoa học hoặc phát minh khoa học.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 13

BÀI 24: NGƯỜI TÌM ĐƯỜNG LÊN CÁC VÌ SAO

TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được một câu chuyện hoặc văn bản về nhà khoa học, nhà phát minh hoặc một phát minh khoa học.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu; nêu được tên văn bản, tác giả, nhà khoa học/phát minh và thông tin nổi bật.
- Biết trao đổi với bạn về thông tin thú vị đã đọc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động chọn sách, đọc và ghi thông tin vào phiếu.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, chia sẻ với bạn về nội dung đã đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn lọc thông tin nổi bật, trình bày ngắn gọn, dễ hiểu.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực đọc sách và hoàn thành phiếu đọc sách.
- Trách nhiệm: Ghi nguồn đọc rõ ràng, không sao chép máy móc.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến chia sẻ của bạn, biết học tập tinh thần say mê nghiên cứu của các nhà khoa học.

4. Tích hợp:

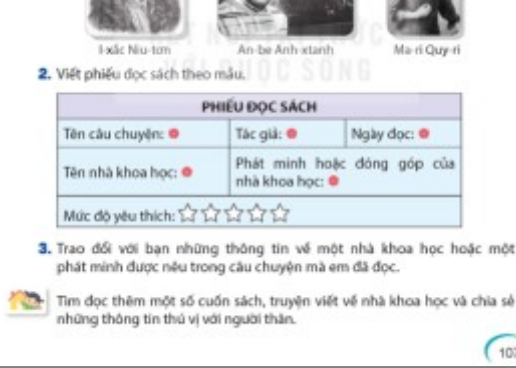
- Tích hợp NLS 1.1.CB1a: HS tìm đọc thêm văn bản về nhà khoa học, nhà phát minh hoặc người có ước mơ đẹp; ghi tên văn bản, tác giả và thông tin nổi bật; biết ưu tiên nguồn đọc an toàn, phù hợp lứa tuổi.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh/ảnh một số nhà khoa học, mẫu phiếu đọc sách, sách/báo khoa học phù hợp.
- HS: Sách/truyện đã tìm đọc, phiếu đọc sách, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc sách về khoa học, kết nối với bài Người tìm đường lên các vì sao.	
- GV hỏi: Sau khi học bài Người tìm đường lên các vì sao, em muốn tìm hiểu thêm về nhà khoa học hoặc phát minh nào?	- HS trả lời: Em muốn tìm hiểu Ê-đi-xơn, Niu--ton, Anh-xtanh, Ma-ri Quy-ri, tên lửa, bóng đèn, điện thoại...
- GV giới thiệu: Tiết Đọc mở rộng giúp các em chia sẻ những điều thú vị về nhà khoa học, phát minh khoa học hoặc người có ước mơ đẹp.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách và phiếu đọc sách.
2. Khám phá - Chọn và đọc văn bản Mục tiêu: Biết chọn nguồn đọc phù hợp, ghi thông tin cơ bản về văn bản. Mục tiêu tích hợp: HS biết chọn văn bản từ sách, thư viện lớp hoặc nguồn số an toàn do GV/người lớn giới thiệu; ghi tên văn bản, tác giả và thông tin nổi bật, không sao chép nội dung trên mạng máy móc.	
- GV chiếu gợi ý trong SGK về một số nhà khoa học và yêu cầu HS quan sát.	- HS quan sát các hình gợi ý: I-xắc Niu-ton, An-be Anh-xtanh, Ma-ri Quy-ri.

 <p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <p>3. Trao đổi với bạn những thông tin về một nhà khoa học hoặc một phát minh được nêu trong câu chuyện mà em đã đọc.</p> <p>Tìm đọc thêm một số cuốn sách, truyện viết về nhà khoa học và chia sẻ những thông tin thú vị với người thân.</p>	
<p>- Khi tìm đọc trên sách hoặc môi trường số, em cần chọn nguồn như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Em cần chọn sách ở thư viện lớp, sách do thầy cô/người lớn giới thiệu hoặc trang có nguồn rõ; không mở đường dẫn lạ, không chép nguyên nội dung trên mạng.</p>
<p>- GV diễn giải: Khi dùng thiết bị số để tìm thêm thông tin, các em chỉ nên dùng từ khóa đơn giản như “truyện về Ê-đi-xơn cho thiếu nhi”, “Ma-ri Quy-ri”, “nhà phát minh bóng đèn”. Các em cần xem nguồn có rõ tên sách, tác giả, nhà xuất bản hoặc trang đáng tin cậy không. Nếu thấy quảng cáo lạ, hình ảnh không phù hợp hoặc yêu cầu nhập thông tin cá nhân, các em phải dừng lại và hỏi người lớn. Thông tin đọc được cần ghi ngắn gọn bằng lời của mình, không sao chép nguyên văn.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại nguyên tắc: chọn nguồn an toàn, ghi nguồn, viết bằng lời của mình.</p>
<p>- GV cho HS đọc thầm văn bản/sách đã chuẩn bị trong 5 - 7 phút.</p>	<p>- HS đọc thầm, đánh dấu chi tiết nổi bật về nhà khoa học hoặc phát minh.</p>
<p>3. Thực hành - Viết phiếu đọc sách</p>	
<p>Mục tiêu: Hoàn thành phiếu đọc sách theo mẫu, ghi thông tin ngắn gọn, rõ ràng.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc mẫu Phiếu đọc sách trong SGK.</p>	<p>- HS đọc các mục: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, tên nhà khoa học, phát minh hoặc đóng góp, mức độ yêu thích.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS ghi phiếu: thông tin nào chưa biết thì có thể hỏi GV hoặc ghi “chưa rõ” để tìm hiểu thêm, không tự bịa.</p>	<p>- HS viết phiếu đọc sách, ghi thông tin theo văn bản đã đọc.</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS chọn chi tiết nổi bật.</p>	<p>- HS hoàn thành phiếu: ví dụ Ê-đi-xơn phát minh bóng đèn; Ma-ri Quy-ri nghiên cứu về phóng xạ; Niu-tơn phát hiện quy luật hấp dẫn.</p>
<p>4. Luyện tập - Trao đổi với bạn</p>	
<p>Mục tiêu: Biết trình bày thông tin đã đọc và lắng nghe bạn chia sẻ.</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4: Mỗi bạn trình bày 1 phút về nhà khoa học hoặc phát minh trong phiếu đọc sách.</p>	<p>- HS lần lượt trình bày: tên câu chuyện, nhà khoa học/phát minh, điều em thấy thú vị.</p>
<p>- GV yêu cầu bạn nghe đặt 1 câu hỏi hoặc nêu 1 điều học được từ phần trình bày.</p>	<p>- HS hỏi: Nhà khoa học đó gặp khó khăn gì? Phát minh đó giúp ích gì cho con người? Em</p>

	học được điều gì từ nhân vật?
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp; lớp lắng nghe, nhận xét nội dung rõ ràng, giọng nói phù hợp.
5. Vận dụng trải nghiệm	
Mục tiêu: Lan tỏa thói quen đọc sách khoa học và chia sẻ thông tin bổ ích.	
- GV giao nhiệm vụ: Tìm đọc thêm một số cuốn sách/truyện viết về nhà khoa học và chia sẻ thông tin thú vị với người thân.	- HS ghi nhiệm vụ, có thể mượn sách ở thư viện hoặc đọc sách do gia đình/thầy cô giới thiệu.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS đọc sách tích cực.	- HS lắng nghe, giữ phiếu đọc sách trong vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 14

BÀI 25: BAY CÙNG ƯỚC MƠ

TIẾT 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Bay cùng ước mơ; biết ngắt nghỉ ở câu dài, đọc lời nhân vật với giọng hồn nhiên, trong sáng.
- Nhận biết được bối cảnh câu chuyện, cảm xúc của các bạn nhỏ khi quan sát ngôi làng, bầu trời và những ước mơ của từng bạn.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; nêu được cảm nghĩ về hình ảnh các bạn nhỏ bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh.
- Biết liên hệ bản thân, nói được ước mơ của mình và việc cần làm để nuôi dưỡng ước mơ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước văn bản, tìm hiểu từ khó và chuẩn bị ý kiến chia sẻ.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ước mơ của bạn và phản hồi lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết hình dung, tưởng tượng và trình bày ước mơ bằng lời riêng.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết tôn trọng ước mơ của bạn, không chê bai, chế giễu.
- Chăm chỉ: Có ý thức học tập, rèn luyện để thực hiện ước mơ.
- Trách nhiệm: Biết nuôi dưỡng ước mơ phù hợp, có ích cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được ước mơ, học tập và phát triển năng lực; biết nuôi dưỡng ước mơ phù hợp, có ích cho bản thân, gia đình và cộng đồng.
- Tích hợp AI (4.C2.1): HS nhận biết ứng dụng AI trong lĩnh vực hàng không và chinh phục không gian; hiểu AI có thể hỗ trợ phi công điều khiển máy bay, hạ cánh an toàn nhưng con người vẫn cần học tập, rèn luyện và chịu trách nhiệm với ước mơ của mình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh chủ điểm Chắp cánh ước mơ, tranh minh họa bài đọc, bảng từ ngữ, phiếu câu hỏi đọc hiểu, video/hình ảnh ngắn về AI hỗ trợ hàng không do GV chọn lọc.
- HS: SGK, vở ghi, bút, chuẩn bị một ước mơ của bản thân.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Tạo hứng thú vào chủ điểm Chắp cánh ước mơ; kết nối trải nghiệm của HS với bài đọc.	
<p>- GV chiếu tranh chủ điểm Chắp cánh ước mơ, yêu cầu HS quan sát và trao đổi nhóm 2: Em nhìn thấy những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó gợi cho em suy nghĩ gì về ước mơ?</p> 	<p>- HS quan sát tranh, trao đổi nhóm 2; nêu: tranh có các bạn nhỏ, ngôi sao, bầu trời, ánh trăng; gợi cảm giác trong sáng, bay bổng, khơi dậy ước mơ.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp: Em có một ước mơ nào muốn kể với bạn không?</p>	<p>- HS chia sẻ: Em mơ làm giáo viên, bác sĩ, cầu thủ, phi công, nhà khoa học, họa sĩ...; nêu lí do ngắn gọn.</p>
<p>- GV giới thiệu: Tuần này, các em bước vào chủ điểm Chắp cánh ước mơ. Bài đọc Bay cùng ước mơ sẽ giúp chúng ta hiểu ước mơ của trẻ em trong sáng và đáng trân trọng như thế nào.</p>	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Bay cùng ước mơ.</p>
2. Khám phá - Đọc văn bản Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, hiểu từ khó và nắm được mạch câu chuyện.	
<p>- GV chiếu tranh minh họa bài đọc, yêu cầu HS quan sát và dự đoán: Các bạn nhỏ đang ở đâu? Các bạn có thể đang nói chuyện gì?</p>	<p>- HS quan sát tranh, dự đoán: Các bạn nhỏ nằm trên bãi cỏ, nhìn bầu trời, trò chuyện về ước mơ và những điều muốn làm trong tương lai.</p>

	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, hồn nhiên; nhấn giọng ở các từ ngữ gợi ước mơ: bay như đám mây, làm cô giáo, làm y tá, làm phi công, lái tàu vũ trụ, làm họa sĩ.</p>	<p>- HS lắng nghe, theo dõi SGK và nhận biết cách đọc lời người kể, lời nhân vật.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: bù nhìn, oách, phi công, tàu vũ trụ, rực rỡ, óng ánh, thăm thẳm.</p>	<p>- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp; sửa phát âm theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV chia văn bản thành 3 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “mở mắt và mơ thôi”; đoạn 2 tiếp theo đến phần các bạn đổi ước mơ; đoạn 3 còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK, đọc nối tiếp trong nhóm 3; bạn nghe nhận xét cách đọc.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS tìm hiểu từ ngữ: bù nhìn là vật giả hình người, thường làm bằng rơm, dùng để dọa chim, thú.</p>	<p>- HS nêu lại nghĩa từ bằng lời của mình và đặt câu ngắn: Bù nhìn được đặt ngoài ruộng để dọa chim.</p>
<p>3. Khám phá - Đọc hiểu Mục tiêu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu, tìm chi tiết trong văn bản; biết tôn trọng và nuôi dưỡng ước mơ. Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được ước mơ, học tập, phát triển năng lực; biết tôn trọng ước mơ khác nhau của bạn.</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 1: Tìm thông tin về bối cảnh diễn ra câu chuyện.</p>	<p>- HS trả lời: Câu chuyện diễn ra vào một ngày đẹp trời, khi các bạn nhỏ nằm trên bãi cỏ, ngắm ngôi làng và bầu trời; địa điểm là bãi cỏ ở ngôi làng.</p>

<p>Thế là cả lũ kể về ước mơ của mình. Tuyệt ước mơ làm cô giáo. Văn ước mơ làm chú bộ đội ngoài đảo, để tha hồ đọc thư của học sinh gửi cho. Diệp mơ làm y tá, vì muốn được chăm sóc sức khỏe cho ông nó. Lê mơ thành lái xe, ngồi trên cái xe thật xịn đi lại vòng vòng cho oách. Thành mơ làm phi công. Phi công nhảy dù cực mát.</p> <p>– Thôi, tớ không làm bộ đội hải quân nữa, tớ cũng làm phi công lái máy bay giống Thành. – Văn bảo.</p> <p>– Tớ cũng không lái xe nữa, tớ lái tàu vũ trụ. – Lê nói.</p> <p>– Tớ làm họa sĩ, vẽ tất cả các thứ mà mọi người mơ. – Tuyệt lập tức từ bỏ ước mơ làm cô giáo.</p> <p>Cứ thế, chúng tớ thay đổi ước mơ liên tục, cho đến khi những tia nắng cuối ngày nấp sau lưng đồi hoặc đi ngủ từ lúc nào không hay.</p> <p>Đêm ấy, tớ mơ thấy các ước mơ như những quả bóng bay lớn đủ màu sắc, chao liêng khắp đồi. Cả hội bám vào những quả bóng ước mơ của mình, lông lơ bay lên vào thăm thẳm trời xanh.</p> <p>(Theo Văn Thành Lê)</p>  <p>Từ ngữ Bù nhìn: vật giả hình người, thường làm bằng sơn, dùng để dọa chim, thú.</p> <p>1. Tìm thông tin về bối cảnh diễn ra câu chuyện.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thời gian</th> <th>Địa điểm</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> <p>2. Các bạn nhỏ cảm nhận như thế nào khi quan sát ngôi làng và bầu trời?</p> <p>3. Các bạn nhỏ đã ước mơ những gì? Đóng vai một bạn nhỏ trong câu chuyện, nói về ước mơ của mình và giải thích vì sao mình có ước mơ đó.</p> <p>4. Nếu cảm nghĩ của em về hình ảnh bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh.</p> <p>5. Nếu tham gia vào câu chuyện của các bạn nhỏ, em sẽ kể những gì về ước mơ của mình?</p>	Thời gian	Địa điểm			
Thời gian	Địa điểm				
<p>- GV nêu câu hỏi 2: Các bạn nhỏ cảm nhận như thế nào khi quan sát ngôi làng và bầu trời?</p>	<p>- HS trả lời: Các bạn thấy đồng lúa, ngôi nhà, vườn rau, bù nhìn, mảnh áo mưa, bầu trời rất đẹp; nhìn xuống rồi lại nhìn lên, các bạn thấy trời cao, xanh thăm thẳm.</p>				
<p>- GV nêu câu hỏi 3: Các bạn nhỏ đã ước mơ những gì? Đóng vai một bạn nhỏ trong câu chuyện, nói về ước mơ của mình và giải thích vì sao mình có ước mơ đó.</p>	<p>- HS trả lời: Tuyệt ước mơ làm cô giáo; Diệp mơ làm y tá; Lê mơ làm phi công rồi lái tàu vũ trụ; có bạn muốn làm họa sĩ. HS đóng vai và nói: Tớ muốn làm cô giáo vì tớ muốn dạy các em nhỏ biết đọc, biết viết.</p>				
<p>- Theo em, vì sao mỗi ước mơ của các bạn nhỏ đều đáng được lắng nghe và tôn trọng?</p>	<p>- HS trả lời: Vì mỗi bạn có sở thích, khả năng, hoàn cảnh riêng; ước mơ nào tốt đẹp, có ích cũng đáng được trân trọng và động viên.</p>				
<p>- GV diễn giải: Trẻ em có quyền được ước mơ, học tập và phát triển năng lực. Có bạn mơ làm cô giáo để dạy học, có bạn mơ làm y tá để chăm sóc ông, có bạn mơ làm phi công để khám phá bầu trời. Khi nghe bạn nói ước mơ, các em cần lắng nghe, không cười chê, không nói ước mơ của bạn là viễn vông. Một lời động viên đúng lúc có thể giúp bạn tự tin hơn trên con đường thực hiện ước mơ.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ: Em sẽ tôn trọng ước mơ của bạn và biết động viên bạn bằng lời nói tích cực.</p>				

- GV nêu câu hỏi 4: Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh bạn nhỏ mơ mình và các bạn bám vào những quả bóng ước mơ bay lên trời xanh.	- HS trả lời: Hình ảnh ấy rất đẹp, hồn nhiên, cho thấy ước mơ làm tâm hồn trẻ em bay cao, mở ra thế giới rộng lớn và nhiều hi vọng.
- GV nêu câu hỏi 5: Nếu tham gia vào câu chuyện của các bạn nhỏ, em sẽ kể những gì về ước mơ của mình?	- HS trả lời theo ý riêng: Em sẽ kể em mơ làm bác sĩ để chữa bệnh, làm giáo viên để dạy trẻ em, làm kĩ sư để chế tạo máy móc, làm cầu thủ để mang vinh quang cho đất nước...
- GV kết luận: Câu chuyện ca ngợi những ước mơ trong sáng của trẻ em; nhắc chúng ta biết nuôi dưỡng ước mơ bằng học tập, rèn luyện và những việc làm cụ thể mỗi ngày.	- HS nhắc lại ý nghĩa câu chuyện bằng lời ngắn gọn.

4. Luyện tập - Luyện đọc diễn cảm

Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm đoạn văn, thể hiện được sự hồn nhiên và cảm xúc bay bổng của các nhân vật.

- GV chọn đoạn có lời thoại của các bạn nhỏ và hướng dẫn HS đọc: lời Diệp nhẹ nhàng, lời Lê hồn nhiên, lời người kể chậm rãi, giàu hình ảnh.	- HS đánh dấu chỗ ngắt nghỉ, luyện đọc theo hướng dẫn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 4; mỗi bạn đọc một lượt, bạn nghe góp ý về tốc độ, giọng đọc và cách nhấn giọng.	- HS luyện đọc nhóm 4; góp ý cho nhau: đọc rõ lời nhân vật, không đọc quá nhanh.
- GV mời 2 - 3 HS đọc diễn cảm trước lớp.	- HS đọc diễn cảm; lớp nhận xét, bình chọn bạn đọc thể hiện đúng cảm xúc.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Liên hệ bài học với ước mơ của bản thân; nhận biết AI có thể hỗ trợ con người trong hàng không nhưng không thay thế sự học tập, trách nhiệm của con người.

Mục tiêu tích hợp: HS nhận biết ứng dụng AI trong lĩnh vực hàng không và chinh phục không gian; biết sử dụng thông tin do GV cung cấp một cách phù hợp.

- GV hỏi: Nếu một bạn ước mơ làm phi công hoặc nhà du hành vũ trụ, bạn ấy cần rèn luyện những gì?	- HS trả lời: Cần học giỏi, có sức khỏe, biết kỉ luật, kiên trì luyện tập, học về khoa học, công nghệ và ngoại ngữ.
- GV chiếu hình/video ngắn do GV chọn lọc về cách AI hỗ trợ phi công quan sát thời tiết, xử lý dữ liệu bay, cảnh báo nguy hiểm và hỗ trợ hạ cánh an toàn trong điều kiện khó khăn. GV hỏi: AI giúp ích gì cho con người trong trường hợp này?	- HS quan sát, trả lời: AI giúp phân tích thông tin nhanh, cảnh báo nguy hiểm, hỗ trợ phi công ra quyết định; nhưng phi công vẫn phải học tập, rèn luyện và chịu trách nhiệm điều khiển máy bay.
- GV diễn giải: AI có thể giúp con người xử lý nhiều thông tin trong hàng không và chinh phục không gian, nhưng ước mơ, lòng dũng cảm, sự kiên trì và trách nhiệm vẫn thuộc về con người. Vì vậy, muốn chạm tới ước mơ, mỗi HS cần bắt	- HS nêu cam kết: Em sẽ học tập chăm chỉ, rèn luyện thói quen tốt và tôn trọng ước mơ của mình, của bạn.

đầu từ việc học tốt, đọc sách, giữ sức khỏe và làm việc nhỏ thật nghiêm túc.

- GV giao nhiệm vụ về nhà: Viết 2 - 3 câu về ước mơ của em và một việc em sẽ làm trong tuần này để tiến gần hơn tới ước mơ đó.

- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị tiết Luyện tập về tính từ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 14

BÀI 25: BAY CÙNG ƯỚC MƠ

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố hiểu biết về tính từ, biết nhận diện và sử dụng tính từ chỉ mức độ, màu sắc, tốc độ.
- Tìm được từ ngữ thích hợp để tả mức độ cao, nhanh, chậm của con vật; biết đặt câu có dùng tính từ và từ chỉ mức độ.
- Biết thay thế cụm từ trong đoạn văn bằng từ ngữ gọi tả phù hợp, làm câu văn sinh động hơn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự đọc yêu cầu bài tập, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm, thống nhất đáp án và góp ý cách dùng từ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn từ chính xác, phù hợp ngữ cảnh để diễn đạt hay hơn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện tập, hoàn thành bài đúng thời gian.
- Trách nhiệm: Có ý thức dùng từ chính xác, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Nhân ái: Biết quan sát, gọi tên đặc điểm con vật bằng thái độ yêu quý, không chê bai, miệt thị.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu/ti vi, bài tập cắt từ SGK, thẻ từ chỉ mức độ, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô li, bảng con, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về tính từ và tạo hứng thú cho tiết luyện tập.	
- GV tổ chức trò chơi “Từ nào hay hơn”: GV nêu sự vật/con vật, HS nói nhanh một tính từ phù hợp để miêu tả.	- HS tham gia: con mèo nhanh nhẹn, con rùa chậm chạp, bầu trời xanh biếc, ánh nắng vàng rực.
- GV hỏi: Tính từ thường dùng để làm gì?	- HS trả lời: Tính từ dùng để chỉ đặc điểm, tính chất, trạng thái của sự vật, hoạt động.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em luyện tập dùng tính từ và từ chỉ mức độ để miêu tả chính xác, sinh động hơn.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.

2. Luyện tập - Bài tập 1

Mục tiêu: Tìm từ ngữ thích hợp để tả độ cao tăng dần của các con vật.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài 1: Tìm từ ngữ thích hợp để tả độ cao tăng dần của mỗi con vật trong hình.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TÍNH TỪ

1. Tìm từ ngữ thích hợp để tả độ cao tăng dần của mỗi con vật trong hình.



2. Đặt 3 câu có dùng từ hơi, khá, rất, quá, lắm kết hợp với từ chậm hoặc nhanh để tả đặc điểm của các con vật theo mẫu.



M: Gấu túi di chuyển hơi chậm.



3. Tìm từ thay cho mỗi ô vuông trong bảng dưới đây:

G: Các từ được sắp xếp theo mức độ tăng dần về màu sắc từ trái sang phải.

trắng trắng	trắng	trắng tinh
đỏ đỏ	đỏ	?
?	tím	?
?	xanh	?

111

- HS đọc yêu cầu, quan sát các con vật và các thẻ từ: rất cao, cao, hơi cao, khá cao.

- GV hướng dẫn HS làm cá nhân vào vở, sau đó trao đổi nhóm 2 để kiểm tra thứ tự.

- HS làm bài cá nhân, trao đổi với bạn bên cạnh.

- GV mời HS nêu kết quả và giải thích cách sắp xếp.

- HS trình bày: ngựa - hơi cao; lạc đà - cao; voi - khá cao; hươu cao cổ - rất cao. Các từ được sắp xếp theo mức độ cao tăng dần.

- GV nhận xét, chốt: Khi miêu tả, các em cần chọn tính từ và từ chỉ mức độ phù hợp với đặc điểm thực tế.

- HS sửa bài vào vở.

3. Luyện tập - Bài tập 2

Mục tiêu: Đặt câu có dùng từ chỉ mức độ kết hợp với tính từ chậm hoặc nhanh.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài 2: Đặt 3 câu có dùng từ hơi, khá, rất, quá, lắm kết hợp với từ chậm hoặc nhanh để tả đặc điểm của các con vật theo mẫu.

- HS đọc đề, xác định yêu cầu: đặt 3 câu, có từ chỉ mức độ và tính từ chậm/nhanh.

- GV nhắc HS quan sát các con vật trong hình,

- HS quan sát hình: rùa, ốc sên, gấu túi thường

chọn con vật phù hợp với đặc điểm nhanh hoặc chậm.	chậm; mèo, ngựa, báo thường nhanh.
- GV cho HS viết 3 câu vào vở, sau đó chia sẻ nhóm 4.	- HS viết: Con rùa bò rất chậm. Chú mèo chạy khá nhanh. Báo gê-pa chạy nhanh lắm.
- GV mời HS đọc câu trước lớp, nhận xét cách dùng từ chỉ mức độ.	- HS đọc câu; lớp nhận xét: câu đúng mẫu, từ chỉ mức độ phù hợp với con vật.
4. Luyện tập - Bài tập 3 Mục tiêu: Tìm từ thay cho ô vuông theo mức độ tăng dần về màu sắc.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 3: Tìm từ thay cho mỗi ô vuông trong bảng dưới đây. GV nhắc gợi ý: Các từ được sắp xếp theo mức độ tăng dần về màu sắc từ trái sang phải.	- HS đọc yêu cầu, quan sát bảng màu sắc trong SGK.
- GV tổ chức cho HS làm việc nhóm 4 bằng phiếu học tập, điền từ còn thiếu vào bảng.	- HS thảo luận nhóm 4, thống nhất đáp án.
- GV mời đại diện nhóm trình bày.	- HS trình bày: trắng trắng - trắng - trắng tinh; đỏ đỏ - đỏ - đỏ rực; tím tím - tím - tím ngắt; xanh xanh - xanh - xanh biếc.
- GV nhận xét: Các từ láy như trắng trắng, đỏ đỏ, tím tím, xanh xanh thường chỉ mức độ nhẹ; các từ như trắng tinh, đỏ rực, tím ngắt, xanh biếc gợi màu sắc đậm, rõ.	- HS lắng nghe, sửa bài và ghi nhớ cách dùng từ.
5. Luyện tập - Bài tập 4 Mục tiêu: Biết thay thế cụm từ in đậm bằng từ ngữ gợi tả phù hợp.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 4: Từ ngữ nào có thể thay thế cho từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây?  <p>4. Từ ngữ nào có thể thay thế cho từ ngữ in đậm trong đoạn văn dưới đây?</p> <p>xanh xanh vàng rực trong veo chậm rãi xanh biếc vàng nhạt trong trong chậm chậm</p> <p>Mặt trời vừa hé những tia nắng đầu ngày. Thoảng chốc, nắng đã bùng lên toả khắp nơi, khiến vạn vật đều rất vàng theo màu nắng. Những đám mây trôi rất chậm trên nền trời hơi xanh như dùng dằng chờ gió đến</p>	- HS đọc đề và quan sát các thẻ từ: xanh xanh, vàng rực, trong veo, chậm rãi, xanh biếc, vàng nhạt, trong trong, chậm chậm.
- GV cho HS làm cá nhân, gạch chân cụm từ in đậm và chọn từ thay thế phù hợp.	- HS làm bài cá nhân vào vở.
- GV mời HS nêu đáp án từng cụm từ.	- HS nêu: rất vàng có thể thay bằng vàng rực; rất chậm có thể thay bằng chậm chậm hoặc chậm rãi; hơi xanh có thể thay bằng xanh xanh; rất trong có thể thay bằng trong veo.
- GV hỏi: Vì sao “trong veo” hay hơn “rất trong” trong câu văn tả hồ nước?	- HS trả lời: Vì “trong veo” gợi hình ảnh mặt nước sạch, sáng, nhìn rõ và sinh động hơn.
- GV kết luận: Từ ngữ gợi tả giúp câu văn giàu	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

hình ảnh, cảm xúc hơn; khi viết văn, các em nên chọn từ đúng nghĩa, hợp cảnh.

6. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Vận dụng tình từ và từ chỉ mức độ vào nói, viết trong đời sống.

- GV yêu cầu HS chọn một cảnh vật hoặc con vật quen thuộc, nói một câu có tính từ gợi tả.

- HS nói: Bầu trời xanh biếc. Chú mèo chạy rất nhanh. Dòng nước trong veo. Ánh nắng vàng rực.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS quan sát một con vật em yêu thích để chuẩn bị bài Viết.

- HS lắng nghe, chuẩn bị bài Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả con vật.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 14

BÀI 25: BAY CÙNG ƯỚC MƠ

TIẾT 3: VIẾT - TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cấu tạo của bài văn miêu tả con vật gồm mở bài, thân bài, kết bài.
- Xác định được nội dung chính của từng phần trong bài văn; nhận biết thân bài có thể tả ngoại hình, hoạt động, thói quen của con vật.
- Phân biệt được mở bài trực tiếp, mở bài gián tiếp; kết bài không mở rộng, kết bài mở rộng.
- Biết trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn miêu tả con vật.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc văn bản mẫu, tìm thông tin theo yêu cầu.
- Giao tiếp và hợp tác: Thảo luận nhóm, chia sẻ nhận xét về bố cục và cách miêu tả.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn chi tiết nổi bật của con vật để chuẩn bị viết bài.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu quý, chăm sóc vật nuôi và các con vật quanh mình.
- Chăm chỉ: Tích cực quan sát, ghi chép và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức trình bày bài viết rõ ràng, đúng yêu cầu, không sao chép văn mẫu.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS biết tìm kiếm hình ảnh, bài thơ, câu chuyện hoặc thông tin phù hợp về con vật/ước mơ chăm sóc con vật trên môi trường số; ghi tên tác giả, nguồn đọc và chọn lọc nội dung phù hợp lứa tuổi, không sao chép máy móc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bài văn mẫu Su là chú rùa nhỏ, bảng mở bài/kết bài cắt từ SGK, phiếu thảo luận, bảng ghi nhớ.
- HS: SGK, vở, bút, chuẩn bị tên một con vật em yêu thích.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Gợi nhớ trải nghiệm quan sát con vật, tạo tâm thế vào bài học.	

- GV hỏi: Em yêu thích con vật nào? Khi tả một con vật, em thường muốn tả những đặc điểm gì?	- HS trả lời: Em thích mèo, chó, rùa, thỏ, chim...; khi tả có thể tả hình dáng, màu lông, mắt, tai, hoạt động, thói quen.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả con vật qua bài văn mẫu về chú rùa Su.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Tìm hiểu cách viết bài văn miêu tả con vật.

2. Khám phá - Đọc bài văn mẫu

Mục tiêu: Đọc bài văn mẫu, xác định các phần mở bài, thân bài, kết bài và nội dung chính của từng phần.

<p>- GV chiếu bài văn Su là chú rùa nhỏ và yêu cầu HS đọc thầm.</p> <p>đầy đi. Chờ mãi gió không tới, mây lại dừng soi mình xuống mặt hồ nước rất trong, phẳng lặng.</p> <p>VIẾT</p> <p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT</p> <p>1. Đọc bài văn sau và thực hiện yêu cầu.</p> <p>Su là chú rùa nhỏ, ngộ nghĩnh, đáng yêu mà ông bà em nuôi đã bảy năm rồi.</p> <p>Chú rùa Su có cái mai rất cứng, trông như được ghép bởi các mảnh gỗ gỗ ghép màu nâu vàng. Nó như một chiếc áo giáp mà Su chẳng bao giờ cởi ra. Chú có chiếc đầu tròn trơn nhẵn về phía mũi. Mỗi khi cảm thấy nguy hiểm, chú lại thu cái đầu nhỏ vào trong mai. Phải đến khi mở hé đôi mắt nhỏ xíu như hạt đậu, thấy an toàn rồi, chú mới chịu chui ra ngoài.</p> <p>Su có bốn chiếc chân tí hon. Mỗi bàn chân có năm ngón ngắn ngủn với những chiếc móng dài mà không hề sắc nhọn, bởi Su rất chậm chỉ tập đi bộ. Mảnh vườn nhỏ của ông bà em, không có chỗ nào mà chú chưa bò qua. Chậm đi bộ là thế, nhưng lần nào thì đi nhanh với em, chú cũng thua. Em bế chú lên và bảo: "Su có lên nhé! Lăn sau, tớ sẽ chờ".</p> <p>Em rất thích chú rùa Su và có lẽ Su cũng rất thích em.</p> <p>(Nguyễn Ngọc Minh Anh)</p> <p>a. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn trên. Nêu nội dung chính của mỗi phần.</p> <p>b. Phần thân bài có mấy đoạn? Mỗi đoạn miêu tả đặc điểm gì của con rùa?</p> <p>2. Nêu những điểm khác nhau giữa hai cách mở bài và hai cách kết bài dưới đây:</p> <p>112</p>	<p>- HS quan sát bài văn mẫu, đọc thầm toàn bộ nội dung.</p>
--	--

- GV mời 1 HS đọc bài văn trước lớp, cả lớp theo dõi và chú ý các đoạn văn.	- HS đọc rõ ràng; HS khác theo dõi, đánh dấu các đoạn trong SGK.
- GV hỏi câu a: Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn trên. Nêu nội dung chính của mỗi phần.	- HS trả lời: Mở bài giới thiệu chú rùa Su; thân bài tả mai rùa, đầu, chân, hoạt động và thói quen; kết bài nêu tình cảm của người viết với Su.
- GV hỏi câu b: Phần thân bài có mấy đoạn? Mỗi đoạn miêu tả đặc điểm gì của con rùa?	- HS trả lời: Phần thân bài có 2 đoạn. Đoạn 1 tả mai, đầu, chân và hình dáng của Su. Đoạn 2 tả hoạt động, thói quen đi lại, ăn uống và phản ứng khi gặp nguy hiểm.
- GV chốt: Khi tả con vật, thân bài không liệt kê ròi rạc mà cần chọn đặc điểm nổi bật, sắp xếp theo trình tự để người đọc hình dung rõ con vật.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

3. Khám phá - Nhận xét mở bài, kết bài

Mục tiêu: Phân biệt được hai cách mở bài và hai cách kết bài trong bài văn miêu tả con vật.

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Nêu những điểm khác nhau giữa hai cách mở bài và hai cách kết bài dưới đây.

MỞ BÀI

Mở bài trực tiếp: Su là chú rùa nhỏ ngộ nghĩnh, đáng yêu mà ông bà em nuôi đã bảy năm rồi.

Mở bài gián tiếp: Trước đây, em luôn nghĩ rùa không đáng yêu vì đó là loài vật chậm chạp, nặng nề. Nhưng em đã thay đổi suy nghĩ ấy khi gặp Su. Su là chú rùa nhỏ ở nhà ông bà em. Chơi với Su, em phát hiện ra Su là con vật ngộ nghĩnh và đáng yêu nhất mà em từng gặp.

KẾT BÀI

Kết bài không mở rộng: Em rất thích chú rùa Su và có lẽ Su cũng rất thích em.

Kết bài mở rộng: Mỗi khi sang nhà ông bà chơi, em lại chăm sóc và chơi đùa với Su. Từ ngày có Su, em thường tìm đọc sách báo về rùa để hiểu hơn về Su. Su đúng là một người bạn thú vị.

3. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn miêu tả con vật.
- Bố cục của bài viết
 - Cách lựa chọn đặc điểm của con vật, cách miêu tả...
 - Cách trình bày bài viết

Ghi nhớ

- Bài văn miêu tả con vật thường gồm 3 phần:
- Mở bài: Giới thiệu về con vật theo cách mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp.
 - Thân bài: Tả đặc điểm ngoại hình, hoạt động... của con vật.
 - Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc... về con vật theo cách kết bài mở rộng hoặc không mở rộng.



Quan sát một con vật (trong nhà, trong tranh ảnh hoặc trên tivi...), tìm một số tính từ tả đặc điểm ngoại hình của con vật đó. Ghi chép và trao đổi với người thân những tính từ tìm được.

113

- HS đọc yêu cầu, quan sát bảng mở bài và kết bài trong SGK.

- GV hỏi: Mở bài trực tiếp khác mở bài gián tiếp như thế nào?

- HS trả lời: Mở bài trực tiếp giới thiệu ngay con vật được tả. Mở bài gián tiếp dẫn dắt bằng kỉ niệm, suy nghĩ hoặc hoàn cảnh rồi mới giới thiệu con vật.

- GV hỏi: Kết bài không mở rộng khác kết bài mở rộng như thế nào?

- HS trả lời: Kết bài không mở rộng nêu tình cảm ngắn gọn với con vật. Kết bài mở rộng nêu thêm suy nghĩ, việc làm, bài học hoặc mong muốn gắn với con vật.

- GV nhận xét: Cả hai cách mở bài và kết bài đều đúng. Khi viết, các em chọn cách phù hợp với nội dung và cảm xúc của mình.

- HS lắng nghe, ghi nhớ.

4. Luyện tập - Rút ra ghi nhớ

Mục tiêu: Trao đổi những điểm cần lưu ý khi viết bài văn miêu tả con vật.

Mục tiêu tích hợp: HS biết tìm nguồn thông tin phù hợp, ghi nguồn và dùng thông tin để quan sát, học hỏi; không sao chép văn mẫu trên mạng.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: Khi viết bài văn miêu tả con vật, cần lưu ý điều gì về bố cục, cách lựa chọn đặc điểm và cách trình bày?

- HS thảo luận nhóm 4, ghi nhanh ý kiến vào phiếu.

- GV mời đại diện nhóm trình bày.

- HS trình bày: Bài văn có 3 phần; cần chọn đặc

	điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, thói quen; dùng từ ngữ gợi tả; trình bày sạch, rõ đoạn.
- Khi tìm thêm hình ảnh, bài thơ hoặc câu chuyện về con vật trên mạng để có thêm vốn từ, các em cần chú ý điều gì?	- HS trả lời: Cần dùng nguồn do thầy cô/người lớn giới thiệu, ghi tên tác giả, nguồn đọc; không mở đường dẫn lạ, không chép nguyên văn bài mẫu trên mạng.
- GV diễn giải: Môi trường số có nhiều hình ảnh, bài viết và câu chuyện về con vật. Các em có thể xem để hiểu thêm đặc điểm con vật, học thêm từ ngữ miêu tả, nhưng phải chọn nguồn an toàn, phù hợp lứa tuổi. Khi viết bài, các em cần viết bằng quan sát và cảm xúc của mình; không chép nguyên bài văn mẫu hoặc câu trả lời của công cụ số.	- HS lắng nghe, nhắc lại nguyên tắc: chọn nguồn an toàn, ghi nguồn, viết bằng lời của mình.
- GV chốt ghi nhớ: Bài văn miêu tả con vật thường gồm 3 phần: mở bài giới thiệu con vật; thân bài tả ngoại hình, hoạt động, thói quen; kết bài nêu suy nghĩ, cảm xúc về con vật.	- HS đọc lại ghi nhớ trong SGK và ghi nhớ cấu tạo bài văn.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Chuẩn bị cho bài Quan sát con vật ở tiết sau.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Ở nhà, quan sát một con vật trong nhà, trong tranh ảnh hoặc trên ti vi; ghi lại 3 - 5 từ ngữ tả đặc điểm nổi bật của con vật đó.	- HS ghi nhiệm vụ: quan sát con vật, ghi đặc điểm ngoại hình, hoạt động, thói quen.
- GV nhắc HS quan sát bằng thái độ yêu quý, không trêu chọc hoặc làm con vật sợ hãi.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài Quan sát con vật.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 14

BÀI 26: CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN

TIẾT 1 - 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Con trai người làm vườn; biết ngắt nghỉ ở câu dài, đọc lời nhân vật phù hợp với tâm trạng.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa ước mơ của cậu bé và mong muốn của người cha; tìm được chi tiết thể hiện ước mơ mãnh liệt của cậu bé.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; nêu được ý nghĩa câu chuyện: có đam mê và lòng kiên trì thì sẽ thực hiện được ước mơ.

- Tìm được danh từ chỉ người làm việc trên biển; biết đóng vai người con trai kể lại hành trình trên biển.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc văn bản, tìm hiểu từ khó và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết thảo luận nhóm, lắng nghe, bổ sung ý kiến khi tìm chi tiết trong bài.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết nhập vai nhân vật, kể lại sự việc bằng lời riêng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, tìm ý và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Biết kiên trì theo đuổi ước mơ đúng đắn; biết giúp gia đình bằng việc vừa sức.
- Nhân ái: Biết tôn trọng mong muốn của người thân, biết chia sẻ và thấu hiểu.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết yêu lao động, trân trọng người làm vườn và thành quả chăm sóc cây trái; rèn tính kiên trì, trách nhiệm, biết giúp đỡ gia đình bằng việc vừa sức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc, bảng từ ngữ, phiếu đọc hiểu, thẻ danh từ chỉ người làm việc trên biển.
- HS: SGK, vở ghi, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Tạo hứng thú với bài đọc; kết nối hiểu biết của HS về công việc trên biển và công việc làm vườn.	
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 2: Em biết những công việc nào gắn với biển? Em biết những công việc nào gắn với vườn cây?	- HS trao đổi: công việc gắn với biển có thủy thủ, thuyền trưởng, ngư dân; công việc gắn với vườn cây có người làm vườn, trồng cây, chăm sóc hoa, hái quả.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS trình bày; HS khác bổ sung.
- GV giới thiệu: Bài đọc Con trai người làm vườn kể về một cậu bé yêu biển nhưng có người cha mong con nối nghiệp làm vườn. Các em cùng đọc để xem cậu bé đã theo đuổi ước mơ như thế nào.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Con trai người làm vườn.
2. Khám phá - Đọc văn bản Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, hiểu từ khó và nắm được mạch câu chuyện.	
- GV chiếu tranh minh họa, yêu cầu HS quan sát: Tranh vẽ những ai? Căn phòng của cậu bé có những chi tiết nào liên quan đến ước mơ?	- HS quan sát tranh, trả lời: Tranh vẽ cậu bé trong phòng và người cha ngoài vườn; trên tường có tranh, hình ảnh tàu thuyền, biển cả, cho thấy cậu bé yêu biển.

<p>BÀI 26 CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN</p> <p>ĐỌC</p> <p>Trao đổi với bạn những hiểu biết của em về công việc của một thủy thủ.</p> <p>CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN</p>  <p>Có một cậu bé vô cùng yêu biển. Cậu biết đến biển qua sách báo. Cậu nói với cha: – Con muốn trở thành thuyền trưởng.</p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi; nhấn giọng ở các chi tiết thể hiện ước mơ: vô cùng yêu biển, muốn trở thành thuyền trưởng, không chú ý nghe, vẫn rất thích biển, không phải là hảo huyên.</p>	<p>- HS lắng nghe, theo dõi SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: thuyền trưởng, thủy thủ, thuyền phó, bình tĩnh, hảo huyên, sinh lực.</p>	<p>- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp và sửa phát âm.</p>
<p>- GV chia văn bản thành 3 đoạn: đoạn 1 giới thiệu cậu bé yêu biển và mong muốn của người cha; đoạn 2 kể sự kiên trì theo đuổi ước mơ; đoạn 3 kể khi người con trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK, đọc nối tiếp trong nhóm 3.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm đọc trước lớp, nhận xét cách đọc rõ tiếng, đúng nhịp, phù hợp lời nhân vật.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; HS khác nhận xét, bổ sung.</p>
<p>3. Khám phá - Đọc hiểu</p> <p>Mục tiêu: Tìm thông tin trong văn bản, hiểu ước mơ và sự kiên trì của nhân vật; trân trọng lao động và trách nhiệm với gia đình.</p> <p>Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu lao động, trân trọng người làm vườn và thành quả chăm sóc cây trái; rèn tính kiên trì, trách nhiệm, biết giúp đỡ gia đình bằng việc vừa sức.</p>	
<p>- GV nêu câu hỏi 1: Ước mơ của cậu bé và mong muốn của người cha khác nhau như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cậu bé ước mơ trở thành thuyền trưởng, được sống với biển. Người cha mong cậu trở thành người làm vườn giống cha để kế thừa công việc của gia đình.</p>

<p>Thời gian trôi qua, cậu bé đã lớn khôn. Bạn bè anh đều tiếp quản công việc của cha mẹ mình. Còn anh vẫn giữ nguyên tình yêu với biển.</p> <p>Một ngày, anh tạm biệt cha lên đường. Anh lên tàu, trở thành thủy thủ, hằng ngày được nhìn thấy biển cả mênh mông. Một lần, trong đêm bão to, tàu của anh gặp hải tặc. Thuyền trưởng, thuyền phó đều gặp nạn. Anh bình tĩnh hướng dẫn mọi người đối phó với mưa bão và chiến thắng hải tặc. Tất cả mọi người trên tàu đều nể phục tài năng và sự dũng cảm của anh.</p> <p>Nhiều năm sau, khi đã là một thuyền trưởng, anh trở về thăm cha. Nhìn anh tràn trề sinh lực, sắc mặt tươi tắn, bờ vai to khỏe, người cha cảm động rơi nước mắt:</p> <p>– Con trai, bằng lòng kiên trì, con đã chứng minh được ước mơ của con không phải là ảo huyền. Cha đã sai rồi.</p> <p>Thuyền trưởng cao lớn cũng rơi lệ. Đó là những giọt nước mắt của niềm tự hào, hạnh phúc.</p> <p>(Theo Lỗ Tấn, Thiện Minh dịch)</p> <p>? 1. Ước mơ của cậu bé và mong muốn của người cha khác nhau như thế nào? 2. Những chi tiết nào thể hiện ước mơ mãnh liệt của cậu bé? 3. Người con được miêu tả như thế nào khi đã trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha?</p> <p>Ngoại hình Cảm xúc</p> <p>4. Theo em, vì sao người cha rơi nước mắt khi người con trở về? 5. Câu chuyện muốn nói điều gì? Tìm câu trả lời đúng. A. Nên biết ước mơ vừa với sức của mình. B. Có đam mê và lòng kiên trì thì sẽ thực hiện được ước mơ. C. Kế thừa công việc của cha mẹ là việc tốt nhất đối với con cái. D. Muốn thành công thì phải có thật nhiều ước mơ.</p> <p>? 1. Tìm các danh từ chỉ người làm việc trên biển trong đoạn văn dưới đây: Anh lên tàu, trở thành thủy thủ, hằng ngày được nhìn thấy biển cả mênh mông. Một lần, trong đêm bão to, tàu của anh gặp hải tặc. Thuyền trưởng, thuyền phó đều gặp nạn. Anh bình tĩnh hướng dẫn mọi người đối phó với mưa bão và chiến thắng hải tặc.</p> <p>2. Đóng vai người con trai, kể cho người bố nghe về hành trình trên biển của mình.</p> 	
<p>- GV nêu câu hỏi 2: Những chi tiết nào thể hiện ước mơ mãnh liệt của cậu bé?</p>	<p>- HS trả lời: Cậu biết đến biển qua sách báo; nói với cha muốn trở thành thuyền trưởng; khi cha đưa ra vườn, cậu vẫn nghĩ về biển; cậu tìm báo, tạp chí về tàu thuyền, cắt hình tàu dán đầu giường để mỗi ngày nhìn thấy.</p>
<p>- GV hỏi thêm: Người cha làm vườn có đáng trân trọng không? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Có. Vì người làm vườn chăm sóc cây trái, tạo ra hoa quả, làm đẹp cuộc sống; công việc nào chân chính cũng đáng quý.</p>
<p>- GV diễn giải: Câu chuyện không xem nhẹ công việc làm vườn. Người cha yêu lao động, mong con tiếp nối công việc chăm sóc cây cối. Người con có ước mơ khác nhưng vẫn cần hiểu công sức của cha. Trong đời sống, các em có thể giúp gia đình bằng việc vừa sức như tưới cây, nhặt lá, lau bàn học, chăm sóc góc học tập. Biết yêu lao động và có trách nhiệm với gia đình là cách nuôi dưỡng ước mơ tốt đẹp.</p>	<p>- HS lắng nghe, liên hệ: Em có thể tưới cây, phụ bố mẹ dọn nhà, chăm sóc vật nuôi, giữ góc học tập sạch sẽ.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 3: Người con được miêu tả như thế nào khi đã trở thành thuyền trưởng và trở về thăm cha?</p>	<p>- HS trả lời: Người con tràn trề sinh lực, sắc mặt tươi tắn, bờ vai to khỏe; người cha xúc động rơi nước mắt khi nhìn thấy con trưởng thành.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, vì sao người cha rơi nước mắt khi người con trở về?</p>	<p>- HS trả lời: Vì người cha xúc động, tự hào, nhận ra ước mơ của con không phải ảo huyền; con đã</p>

	kiên trì và thành công.
- GV nêu câu hỏi 5: Câu chuyện muốn nói điều gì? Tìm câu trả lời đúng.	- HS trả lời: Câu chuyện muốn nói: Có đam mê và lòng kiên trì thì sẽ thực hiện được ước mơ.
- GV kết luận: Ước mơ cần đi cùng sự kiên trì, học tập và hành động. Khi mỗi người có ước mơ khác nhau, chúng ta cần biết lắng nghe, tôn trọng và động viên nhau.	- HS nhắc lại ý nghĩa câu chuyện.
4. Luyện tập theo văn bản đọc Mục tiêu: <i>Củng cố từ ngữ chỉ nghề nghiệp trên biển và vận dụng kể lại bằng lời nhân vật.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1: Tìm các danh từ chỉ người làm việc trên biển trong đoạn văn.	- HS đọc yêu cầu và tìm từ trong đoạn văn.
- GV mời HS nêu kết quả.	- HS nêu: thủy thủ, thuyền trưởng, thuyền phó.
- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Đóng vai người con trai, kể cho người bố nghe về hành trình trên biển của mình.	- HS đọc yêu cầu, xác định cần nhập vai người con, kể bằng ngôi thứ nhất.
- GV cho HS chuẩn bị nhóm 2: một bạn đóng vai người con, một bạn đóng vai người bố lắng nghe và đặt câu hỏi.	- HS luyện nói nhóm 2: “Thưa cha, con đã lên tàu, trở thành thủy thủ rồi cố gắng học hỏi để thành thuyền trưởng. Có lần tàu gặp bão, con bình tĩnh hướng dẫn mọi người vượt qua...”
- GV mời 2 cặp trình bày trước lớp.	- HS đóng vai; lớp nhận xét: kể đúng nội dung, giọng tự nhiên, thể hiện niềm tự hào.
5. Luyện đọc diễn cảm Mục tiêu: <i>Luyện đọc đoạn văn thể hiện cảm xúc của người cha và người con.</i>	
- GV chọn đoạn từ “Nhiều năm sau...” đến hết bài, hướng dẫn HS đọc chậm, nhấn giọng ở các chi tiết miêu tả người con trưởng thành và lời người cha.	- HS đánh dấu chỗ ngắt nghỉ, luyện đọc theo hướng dẫn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3, góp ý cách đọc lời nhân vật.	- HS luyện đọc; bạn nghe góp ý về giọng đọc, tốc độ và cảm xúc.
- GV mời HS đọc diễn cảm trước lớp, nhận xét và tuyên dương.	- HS đọc diễn cảm; lớp bình chọn bạn đọc tốt.
6. Vận dụng trải nghiệm Mục tiêu: <i>Liên hệ bài học với việc nuôi dưỡng ước mơ và trách nhiệm trong gia đình.</i>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh vào giấy nháp: Một ước mơ của em và một việc em có thể làm để vừa theo đuổi ước mơ, vừa giúp đỡ gia đình.	- HS viết: Em mơ làm bác sĩ, em sẽ học tốt môn Khoa học và phụ mẹ dọn nhà; em mơ làm cầu thủ, em sẽ luyện tập thể thao và giúp bố tưới cây.
- GV mời 2 HS chia sẻ, nhắc HS tôn trọng ước mơ khác nhau của bạn.	- HS chia sẻ; lớp lắng nghe, vỗ tay động viên.

- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài Viết: Quan sát con vật.

- HS ghi nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 14 BÀI 26: CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN TIẾT 3: VIẾT - QUAN SÁT CON VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Biết lựa chọn một con vật để quan sát; biết quan sát trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, ti vi, sách báo phù hợp.
- Ghi chép được đặc điểm ngoại hình, hoạt động, thói quen nổi bật của con vật.
- Biết sắp xếp ý quan sát theo trình tự phù hợp; trao đổi, góp ý để làm rõ đặc điểm nổi bật của con vật.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị, quan sát và ghi chép kết quả.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm, góp ý cho bạn về nội dung quan sát.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn chi tiết thú vị, sắp xếp ý để chuẩn bị viết bài miêu tả.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Yêu quý con vật, biết quan sát bằng thái độ nhẹ nhàng, không làm hại con vật.
- Chăm chỉ: Quan sát kĩ, ghi chép đầy đủ, cẩn thận.
- Trách nhiệm: Có ý thức chăm sóc vật nuôi, cây cối phù hợp với khả năng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp BVMT: HS quan sát con vật bằng thái độ yêu quý, không trêu chọc hoặc làm hại vật nuôi; biết chăm sóc cây, con vật phù hợp khả năng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng quan sát con vật cắt từ SGK, tranh ảnh một số con vật, phiếu ghi chép quan sát.
- HS: SGK, vở, bút, chuẩn bị thông tin về một con vật đã quan sát.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Gợi nhớ cấu tạo bài văn miêu tả con vật và chuẩn bị cho hoạt động quan sát.	
- GV hỏi: Bài văn miêu tả con vật thường gồm mấy phần? Thân bài thường tả những gì?	- HS trả lời: Bài văn có 3 phần; thân bài thường tả ngoại hình, hoạt động, thói quen của con vật.
- GV tổ chức cho HS nêu nhanh tên một con vật em muốn quan sát.	- HS nêu: mèo, chó, thỏ, rùa, chim, cá, gà, voi, hươu cao cổ...
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em quan sát và ghi chép để chuẩn bị viết bài văn miêu tả con vật.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Quan sát con vật.
2. Chuẩn bị quan sát	

Mục tiêu: Biết lựa chọn con vật, cách quan sát và giác quan cần sử dụng.

Mục tiêu tích hợp: HS biết quan sát con vật bằng thái độ yêu quý, an toàn, không trêu chọc hoặc làm hại vật nuôi.

- GV yêu cầu HS đọc mục 1: Chuẩn bị. GV hỏi: Trước khi quan sát, em cần lựa chọn điều gì?

VIẾT

QUAN SÁT CON VẬT

1. Chuẩn bị.

- Lựa chọn con vật để quan sát.

Vật nuôi trong nhà **Động vật hoang dã**

- Quan sát trực tiếp con vật hoặc quan sát qua tranh ảnh, trên ti vi,...
- Sử dụng các giác quan để cảm nhận (nhìn hình thức, nghe tiếng kêu, chạm vào con vật,...).

2. Quan sát và ghi chép kết quả quan sát.

a. Đặc điểm ngoại hình.

Ví dụ:

Đặc điểm bao quát		
Hình dạng, kích thước	Màu sắc	Bộ lông (dài)
bé nhỏ,...	trắng muốt,...	miền mai,...

Đặc điểm của từng bộ phận			
Mắt	Mũi	Miệng	Đặc điểm khác
tròn xoe,...	nhỏ xíu,...	cong cong,...	?

Lưu ý: Quan sát kĩ đặc điểm nổi bật của con vật khiến em thấy thú vị (ví dụ: sừng trâu cong vút, đuôi mèo dài, mõ vẹt khoằm,...).

b. Hoạt động, thói quen.

Nằm	Chạy	Trèo cây	Hoạt động, thói quen khác
cuộn tròn,...	êm ru,...	nhẹ nhàng thoắt,...	?

Lưu ý: Quan sát kĩ hoạt động, thói quen nổi bật của con vật khiến em thấy thú vị (ví dụ: mèo chạy nhảy êm như ru, rùa đi rất chậm, ngựa chạy rất nhanh, tắc kè có thể đổi màu,...).

116

- HS đọc SGK và trả lời: Cần lựa chọn con vật để quan sát, có thể là vật nuôi trong nhà hoặc động vật hoang dã qua tranh ảnh, ti vi.

- GV hỏi: Các em có thể quan sát con vật bằng những cách nào?

- HS trả lời: Quan sát trực tiếp con vật hoặc quan sát qua tranh ảnh, trên ti vi; có thể nhìn hình thức, nghe tiếng kêu, chạm vào con vật nếu an toàn và được người lớn cho phép.

- Khi quan sát vật nuôi hoặc động vật, chúng ta cần chú ý điều gì để bảo vệ con vật và bảo vệ bản thân?

- HS trả lời: Không kéo đuôi, ném đá, nhốt chặt, chọc phá con vật; không lại gần con vật lạ; rửa tay sau khi tiếp xúc; hỏi người lớn khi cần.

- GV diễn giải: Quan sát không có nghĩa là làm con vật sợ hãi. Các em cần nhìn ngắm nhẹ nhàng, giữ khoảng cách an toàn, không làm đau con vật. Biết yêu quý con vật cũng là biết bảo vệ môi trường sống quanh mình: cho vật nuôi ăn đúng cách, giữ nơi ở sạch sẽ, chăm sóc cây cối và không phá nơi sống của các loài vật.

- HS lắng nghe, ghi nhớ cách quan sát an toàn, thân thiện.

3. Quan sát và ghi chép kết quả

Mục tiêu: Ghi chép được đặc điểm ngoại hình, hoạt động, thói quen của con vật.	
- GV yêu cầu HS đọc mục 2a: Đặc điểm ngoại hình. GV hướng dẫn HS quan sát đặc điểm bao quát và từng bộ phận.	- HS đọc bảng gợi ý: hình dáng, kích thước, màu sắc, bộ lông/da; mắt, mũi, miệng và đặc điểm khác.
- GV nêu ví dụ với con mèo: Hình dáng, kích thước thế nào? Màu sắc ra sao? Bộ lông có đặc điểm gì?	- HS trả lời: Con mèo bé nhỏ, màu trắng muốt, bộ lông mềm mại; mắt tròn xoe, mũi nhỏ xiu, miệng cong cong.
- GV yêu cầu HS ghi nhanh vào phiếu 3 - 5 đặc điểm ngoại hình của con vật em chọn.	- HS ghi vào phiếu: Con thỏ có bộ lông trắng, đôi tai dài, mắt đỏ, chân nhỏ; con chó có bộ lông vàng, mắt đen, đuôi cong...
- GV yêu cầu HS đọc mục 2b: Hoạt động, thói quen. GV hỏi: Có thể quan sát những hoạt động nào của con vật?	- HS trả lời: Quan sát con vật nằm, chạy, trèo cây, ăn, ngủ, kêu, chơi đùa, tìm mồi.
- GV cho HS bổ sung đặc điểm hoạt động, thói quen vào phiếu.	- HS ghi: Mèo chạy nhanh, trèo cây thoăn thoắt, thích nằm phơi nắng; rùa bò chậm rãi, rụt đầu khi có tiếng động.
4. Sắp xếp ý	
Mục tiêu: Biết lựa chọn cách sắp xếp ý phù hợp khi chuẩn bị viết bài văn miêu tả con vật.	
- GV yêu cầu HS đọc mục 3: Sắp xếp ý. Có mấy cách sắp xếp ý được gợi ý trong SGK?	- HS trả lời: Có 2 cách: Cách 1 miêu tả đặc điểm ngoại hình rồi miêu tả hoạt động, thói quen; Cách 2 miêu tả đặc điểm ngoại hình kết hợp với hoạt động, thói quen.
- GV yêu cầu HS chọn một cách sắp xếp ý phù hợp với con vật mình quan sát.	- HS chọn cách sắp xếp: Em chọn cách 1 để tả con mèo từ hình dáng đến hoạt động; em chọn cách 2 để vừa tả đôi tai thỏ vừa nói thỏ hay vênh tai khi nghe tiếng động.
- GV nhắc HS: Khi sắp xếp ý, nên ưu tiên những chi tiết nổi bật, thú vị khiến con vật khác với con vật khác.	- HS lắng nghe, đánh dấu chi tiết nổi bật trong phiếu.
5. Trao đổi, góp ý	
Mục tiêu: Biết chia sẻ kết quả quan sát, lắng nghe và góp ý cho bạn.	
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4: Mỗi bạn trình bày kết quả quan sát của mình trong 1 phút.	- HS trình bày trong nhóm: tên con vật, đặc điểm ngoại hình, hoạt động, thói quen nổi bật.
- GV yêu cầu bạn nghe góp ý: Bạn đã ghi đủ ngoại hình, hoạt động, thói quen chưa? Có chi tiết nào nổi bật cần bổ sung không?	- HS góp ý: Bạn nên thêm màu lông, tiếng kêu, dáng chạy; bạn nên nói rõ con vật có thói quen gì thú vị.
- GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp, nhận xét và bổ sung.	- HS chia sẻ; lớp nhận xét nội dung rõ, có chi tiết nổi bật, trình tự hợp lí.

6. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Hoàn thiện phiếu quan sát để chuẩn bị viết đoạn văn/bài văn miêu tả con vật.

- GV giao nhiệm vụ: Về nhà quan sát thêm con vật đã chọn, bổ sung 2 - 3 chi tiết về hoạt động hoặc thói quen mà em thấy thú vị.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị bài luyện viết đoạn văn miêu tả con vật.
- GV nhắc HS giữ thái độ yêu quý, chăm sóc con vật phù hợp khả năng, không trêu chọc hoặc làm hại con vật.	- HS lắng nghe, thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 14**BÀI 26: CON TRAI NGƯỜI LÀM VƯỜN****TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE - ƯỚC MƠ CỦA EM****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Chuẩn bị được nội dung nói về một ước mơ của bản thân hoặc ước mơ dành cho người thân, bạn bè, vật nuôi.
- Biết chia sẻ ước mơ rõ ràng, có lí do và việc làm để thực hiện ước mơ; sử dụng tranh ảnh, cử chỉ, từ ngữ phù hợp để trình bày hấp dẫn.
- Biết lắng nghe, ghi lại ước mơ thú vị của bạn; đặt câu hỏi hoặc phản hồi lịch sự.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động chuẩn bị nội dung nói, chọn cách trình bày phù hợp.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết nói rõ ràng, lắng nghe, đặt câu hỏi và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn hình ảnh, ví dụ, cách diễn đạt để chia sẻ ước mơ sinh động.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết tôn trọng ước mơ của bạn, không chê bai, chế giễu.
- Chăm chỉ: Có ý thức học tập, rèn luyện để thực hiện ước mơ.
- Trách nhiệm: Biết biến ước mơ thành việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

4. Tích hợp:

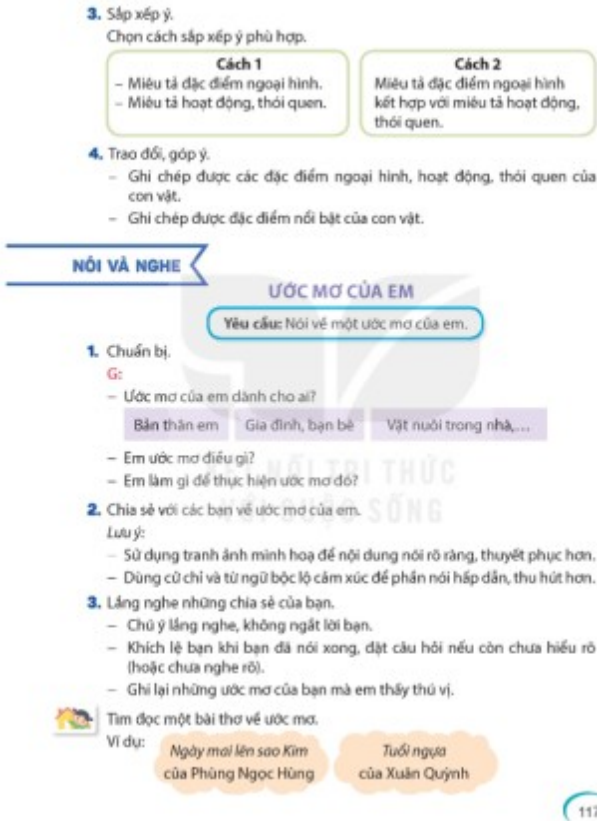
- Tích hợp QCN: HS biết chia sẻ ước mơ của mình, lắng nghe ước mơ của bạn; tôn trọng sự khác biệt và động viên bạn thực hiện ước mơ đúng đắn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh/băng gờ ý Nói và nghe: Ước mơ của em, phiếu chuẩn bị nội dung nói, thẻ nhận xét.
- HS: SGK, vở, bút, tranh ảnh minh họa nếu có.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động Mục tiêu: Tạo hứng thú chia sẻ ước mơ; kết nối với bài đọc Bay cùng ước mơ và Con trai người làm vườn.	

<p>- GV hỏi: Sau khi học hai bài đọc về ước mơ, em nhớ nhất điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em nhớ các bạn nhỏ có nhiều ước mơ; em nhớ cậu bé yêu biển đã kiên trì để trở thành thuyền trưởng.</p>
<p>- GV giới thiệu: Tiết Nói và nghe hôm nay giúp các em chia sẻ ước mơ của mình và lắng nghe ước mơ của bạn.</p>	<p>- HS lắng nghe, chuẩn bị nội dung nói.</p>
<p>2. Chuẩn bị nội dung nói Mục tiêu: <i>Biết xác định người/đối tượng dành ước mơ, nội dung ước mơ và việc làm để thực hiện.</i> Mục tiêu tích hợp: <i>HS biết trẻ em có quyền được nói lên ước mơ, được lắng nghe và tôn trọng.</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc mục 1: Chuẩn bị. GV hỏi: Ước mơ của em có thể dành cho ai?</p> 	<p>- HS đọc SGK và trả lời: Có thể là ước mơ dành cho bản thân, gia đình, bạn bè, vật nuôi trong nhà...</p>
<p>- GV hướng dẫn HS chuẩn bị theo 3 câu hỏi: Em ước mơ điều gì? Vì sao em có ước mơ đó? Em sẽ làm gì để thực hiện ước mơ?</p>	<p>- HS ghi nhanh ý vào phiếu: Em ước mơ làm bác sĩ vì muốn chữa bệnh cho mọi người; em sẽ học chăm, đọc sách, giữ sức khỏe.</p>
<p>- GV hỏi: Khi bạn có ước mơ khác em, em cần thể hiện thái độ như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Cần lắng nghe, tôn trọng, không cười chê, biết động viên bạn thực hiện ước mơ tốt đẹp.</p>
<p>- GV diễn giải: Mỗi trẻ em đều có quyền được ước mơ và nói lên mong muốn của mình. Có bạn mơ làm nghề này, có bạn mơ giúp gia đình, có bạn mơ chăm sóc vật nuôi. Ước mơ khác nhau</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ cách tôn trọng ước mơ của bạn.</p>

nhưng đều đáng quý nếu hướng tới điều tốt đẹp. Khi lắng nghe bạn, các em cần nhìn bạn bằng ánh mắt thân thiện, không ngắt lời, không so sánh hơn thua.	
3. Chia sẻ với bạn về ước mơ của em Mục tiêu: Trình bày được ước mơ rõ ràng, có lí do và việc làm cụ thể.	
- GV yêu cầu HS đọc mục 2: Chia sẻ với các bạn về ước mơ của em. GV nhắc HS có thể dùng tranh ảnh minh họa, cử chỉ, từ ngữ bộc lộ cảm xúc.	- HS đọc yêu cầu, chuẩn bị cách nói.
- GV tổ chức cho HS nói trong nhóm 4, mỗi bạn trình bày khoảng 1 phút.	- HS lần lượt chia sẻ: Em ước mơ làm giáo viên để dạy các em nhỏ; em ước mơ gia đình luôn mạnh khỏe; em ước mơ chăm sóc chú mèo của em thật tốt.
- GV yêu cầu các bạn trong nhóm nhận xét theo 3 tiêu chí: nói rõ ước mơ, nêu được lí do, nêu được việc làm để thực hiện.	- HS nghe và nhận xét: Bạn nói rõ ràng, có lí do, nên thêm việc làm cụ thể hơn.
- GV mời 3 - 4 HS chia sẻ trước lớp.	- HS trình bày trước lớp; lớp lắng nghe, vỗ tay động viên.
4. Lắng nghe và chia sẻ cùng bạn Mục tiêu: Biết lắng nghe, đặt câu hỏi và ghi lại những ước mơ thú vị.	
- GV yêu cầu HS đọc mục 3: Lắng nghe những chia sẻ của bạn. GV nhắc HS chú ý lắng nghe, không ngắt lời bạn.	- HS đọc yêu cầu, chuẩn bị lắng nghe.
- GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi sau khi bạn nói xong: Vì sao bạn có ước mơ đó? Bạn sẽ bắt đầu từ việc gì? Ai có thể giúp bạn thực hiện ước mơ?	- HS đặt câu hỏi lịch sự: Bạn sẽ làm gì để trở thành bác sĩ? Bạn muốn giúp ai khi thực hiện ước mơ đó?
- GV yêu cầu HS ghi lại một ước mơ của bạn mà em thấy thú vị.	- HS ghi: Em thích ước mơ làm phi công của bạn Minh; em thích ước mơ mở vườn hoa của bạn Lan.
- GV nhận xét cách nói, cách nghe; tuyên dương HS biết dùng lời động viên tích cực.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
5. Vận dụng trải nghiệm Mục tiêu: Lan tỏa ước mơ tốt đẹp và biến ước mơ thành hành động cụ thể.	
- GV yêu cầu HS hoàn thành câu: “Để tiến gần hơn tới ước mơ, tuần này em sẽ...”	- HS nói: Em sẽ đọc thêm sách, luyện viết chữ, giúp bố mẹ việc nhà, chăm sóc vật nuôi, hỏi thầy cô điều chưa hiểu.
- GV dặn HS chia sẻ ước mơ với người thân và xin lời khuyên để thực hiện ước mơ.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị bài tuần sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 15
BÀI 27: NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN
TIẾT 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản **Nếu em có một khu vườn**; biết ngắt nghỉ phù hợp ở các câu văn miêu tả, nhấn giọng ở từ ngữ gợi hình ảnh, màu sắc, âm thanh.
- Nhận biết được những loài cây, hoa, con vật trong khu vườn mơ ước của bạn nhỏ; hiểu được tình yêu thiên nhiên, cây cỏ và ước mơ có một khu vườn xanh đẹp.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; ghép được từ ngữ chỉ cây, hoa, lá với đặc điểm phù hợp; nêu được loài cây mình thích và lí do.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc văn bản, tìm hiểu nghĩa từ khó và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe ý kiến bạn khi tìm chi tiết trong bài.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ ước mơ về khu vườn với việc chăm sóc cây, giữ gìn môi trường sống.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu quý cây cối, con vật nhỏ và sự sống quanh mình.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, tìm ý, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức chăm sóc cây xanh, giữ vệ sinh khu vườn, sân trường và nơi ở.

4. Tích hợp:

- Tích hợp BVMT: HS biết yêu cây xanh, khu vườn và các con vật nhỏ quanh mình; có ý thức chăm sóc cây, giữ sạch sân vườn, không bẻ cành, hái hoa tùy tiện.
- Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: HS biết chăm sóc khu vườn bằng cách tưới cây vừa đủ, tận dụng nước hợp lí khi phù hợp; không xả rác, hóa chất xuống ao hồ, kênh rạch quanh nhà và trường học.

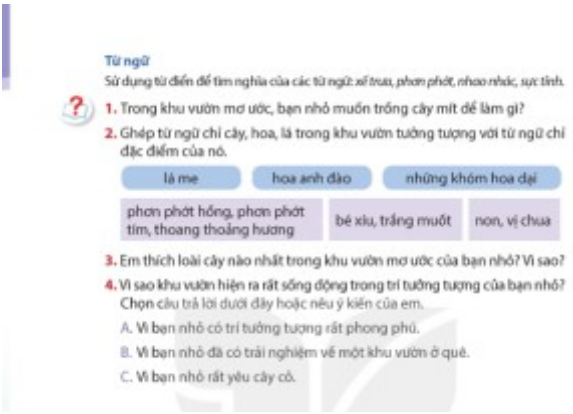
II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc, phần câu hỏi đọc hiểu cắt từ SGK, bảng từ ngữ, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút; chuẩn bị tên một loài cây em thích.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú với chủ điểm Chắp cánh ước mơ; kết nối trải nghiệm của HS với khu vườn mơ ước.</i>	
- GV giới thiệu tiếp chủ điểm Chắp cánh ước mơ và hỏi: Nếu có một khu vườn riêng, em sẽ trồng những cây gì? Vì sao?	- HS chia sẻ theo nhóm 2: Em muốn trồng cây xoài, cây hoa hồng, cây rau, cây mít... vì cây cho bóng mát, hoa đẹp, quả ngon hoặc gắn với kỉ

	niệm gia đình.
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp, khuyến khích HS nói rõ lí do lựa chọn.	- HS trình bày: Em thích trồng cây mít vì có quả ăn, có bóng mát; em thích trồng hoa vì khu vườn sẽ đẹp và có nhiều bướm.
- GV nhận xét, dẫn vào bài: Mỗi bạn có một khu vườn trong trí tưởng tượng. Hôm nay, chúng ta đọc văn bản Nếu em có một khu vườn để xem khu vườn mơ ước của bạn nhỏ có gì đặc biệt.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Nếu em có một khu vườn .
2. Khám phá - Đọc văn bản <i>Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, hiểu từ khó và nắm được mạch miêu tả khu vườn mơ ước.</i>	
<p>- GV chiếu tranh minh họa trong SGK, yêu cầu HS quan sát và dự đoán: Khu vườn trong bài có những hình ảnh nào?</p> 	- HS quan sát tranh, dự đoán: Có cây mít, hoa, cỏ, hai bạn nhỏ, khu vườn xanh mát và nhiều hình ảnh thiên nhiên.
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, trong trẻo; nhấn giọng ở các từ ngữ miêu tả màu sắc, hương thơm và âm thanh trong khu vườn.</p>	- HS lắng nghe, theo dõi SGK và nhận biết cách đọc.
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ khó: xê-tra, phơn phớt, nhao nhác, sức tĩnh, trắng muốt, thoang thoảng.</p>	- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp; sửa phát âm theo hướng dẫn của GV.

- GV chia văn bản thành 4 đoạn theo các hình ảnh chính: cây mít, cây me, cây anh đào, vườn hoa - tiếng chim.	- HS đánh dấu đoạn trong SGK, chuẩn bị đọc nối tiếp.
- GV giao nhiệm vụ đọc nối tiếp trong nhóm 4, bạn nghe nhận xét cách đọc rõ tiếng, ngắt nghỉ đúng.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm 4; góp ý cho bạn đọc rõ hơn ở các câu dài.
- GV hướng dẫn HS đọc phần Từ ngữ và giải thích nhanh nghĩa của xê-tra, phon phốt, nhao nhác, sức tỉnh.	- HS nêu: xê-tra là vật giả hình người dùng để dọa chim, thú; phon phốt là màu nhạt; nhao nhác là dáng vẻ ồn ào, vội vã; sức tỉnh là chột tỉnh ra.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét giọng đọc và sửa lỗi nếu có.	- HS đọc trước lớp; HS khác nhận xét: bạn đọc đúng, giọng nhẹ nhàng, phù hợp với văn bản miêu tả.
3. Khám phá - Đọc hiểu <i>Mục tiêu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu, tìm chi tiết trong văn bản và cảm nhận về đẹp của khu vườn mơ ước.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu cây xanh, khu vườn, con vật nhỏ; biết tiết kiệm nước khi chăm sóc cây và không làm bẩn nguồn nước.</i>	
- GV nêu câu hỏi 1: Trong khu vườn mơ ước, bạn nhỏ muốn trồng cây mít để làm gì?	- HS trả lời: Bạn nhỏ muốn trồng cây mít để hái lá mít làm trâu chia cho các bạn, để có bóng mát và có những trò chơi tuổi thơ trong khu vườn.
- GV nêu câu hỏi 2: Ghép từ ngữ chỉ cây, hoa, lá trong khu vườn tưởng tượng với từ ngữ chỉ đặc điểm của nó. 	- HS ghép: lá me - non, vị chua; hoa anh đào - phon phốt hồng, phon phốt tím, thoang thoảng hương; những khóm hoa dại - bé xiu, trắng muốt.
- GV nêu câu hỏi 3: Em thích loài cây nào nhất trong khu vườn mơ ước của bạn nhỏ? Vì sao?	- HS trả lời theo ý riêng: Em thích cây me vì có bóng mát và lá me nấu canh; em thích hoa anh đào vì màu hoa đẹp, hương thơm nhẹ; em thích cây mít vì gọi trò chơi tuổi thơ.
- GV nêu câu hỏi 4: Vì sao khu vườn hiện ra rất sống động trong trí tưởng tượng của bạn nhỏ? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.	- HS trả lời: Khu vườn sống động vì bạn nhỏ có trí tưởng tượng phong phú, rất yêu cây cỏ và có những trải nghiệm gần gũi với khu vườn.

- GV hỏi: Khi chăm sóc một khu vườn, em cần làm gì để cây xanh tốt mà vẫn tiết kiệm nước?	- HS trả lời: Em tưới cây vừa đủ, tưới vào sáng sớm hoặc chiều mát, dùng nước tiết kiệm, không để vòi nước chảy tràn.
- GV diễn giải: Khu vườn trong bài đẹp vì có cây, hoa, bướm, tiếng chim và tình yêu thiên nhiên của bạn nhỏ. Ngoài việc yêu cây, chúng ta cần chăm sóc cây đúng cách: không bẻ cành, hái hoa, không giẫm lên cỏ; khi tưới cây phải dùng nước vừa đủ, không xả rác hoặc hóa chất xuống ao hồ, kênh rạch vì nguồn nước bẩn sẽ làm cây, con vật và con người bị ảnh hưởng.	- HS lắng nghe, liên hệ: Em sẽ chăm sóc cây ở nhà, ở lớp; không hái hoa, không xả rác và biết tiết kiệm nước khi tưới cây.
- GV chốt nội dung: Văn bản thể hiện ước mơ có một khu vườn xanh mát, tràn đầy sự sống; qua đó nhắc chúng ta biết yêu quý và bảo vệ thiên nhiên.	- HS nhắc lại nội dung bài bằng lời ngắn gọn.
4. Luyện tập - Luyện đọc diễn cảm <i>Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm đoạn văn miêu tả khu vườn, thể hiện được cảm xúc yêu mến thiên nhiên.</i>	
- GV chọn đoạn miêu tả cây anh đào và những khóm hoa dại, hướng dẫn HS đọc chậm, nhấn giọng ở các từ: phơn phớt hồng, phơn phớt tím, thoang thoang, trắng muốt.	- HS đánh dấu chỗ ngắt nghỉ, luyện đọc theo hướng dẫn.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 3, góp ý cho nhau về tốc độ, giọng đọc và cách nhấn giọng.	- HS đọc theo nhóm; bạn nghe góp ý: đọc rõ hơn, nhẹ nhàng hơn ở câu miêu tả hoa.
- GV mời 2 - 3 HS đọc diễn cảm trước lớp.	- HS đọc diễn cảm; lớp nhận xét, bình chọn bạn đọc thể hiện cảm xúc tốt.
- GV nhận xét, tuyên dương HS đọc tốt và nhắc HS đọc lại bài cho người thân nghe.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Liên hệ bài học với việc chăm sóc cây xanh ở nhà, ở trường.</i>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh vào giấy nháp: Một việc em có thể làm trong tuần này để chăm sóc cây hoặc giữ khu vườn, sân trường xanh sạch.	- HS viết: tưới cây vừa đủ, nhặt lá khô, không bẻ cành, không xả rác, nhắc bạn khóa vòi nước sau khi dùng.
- GV mời 2 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ việc làm cụ thể; lớp lắng nghe và bổ sung.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết Luyện từ và câu: Đấu gạch ngang .	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 15

BÀI 27: NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - DẤU GẠCH NGANG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một số công dụng của dấu gạch ngang: đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật; đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê; nối các từ ngữ trong một liên danh.
- Xác định được công dụng của dấu gạch ngang trong các đoạn văn, câu văn cụ thể.
- Biết thay dấu phù hợp vào vị trí cần dùng dấu gạch ngang và nêu được công dụng của dấu câu đó.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự đọc yêu cầu bài tập, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm để thống nhất công dụng của dấu gạch ngang.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng dấu gạch ngang đúng khi viết câu, đoạn văn có liệt kê hoặc lời thoại.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện tập, hoàn thành bài đúng thời gian.
- Trách nhiệm: Có ý thức dùng dấu câu chính xác, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy tính, máy chiếu/ti vi, bài tập cắt từ SGK, bảng phụ ghi ghi nhớ, phiếu học tập.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ô li, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi nhớ dấu câu đã học và tạo tâm thế vào tiết luyện tập.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Dấu câu ở đâu?": GV đọc nhanh một câu có lời nói của nhân vật, HS nêu dấu câu thường gặp trước lời nói trực tiếp.	- HS tham gia: trước lời nói trực tiếp thường có dấu gạch ngang hoặc dấu hai chấm kết hợp dấu gạch ngang tùy cách trình bày.
- GV hỏi: Ngoài lời nói trực tiếp, em còn thấy dấu gạch ngang xuất hiện ở đâu?	- HS nêu theo hiểu biết: trong phần liệt kê các ý, nối tên địa danh hoặc các từ ngữ trong một cụm liên danh.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em nhận biết rõ hơn công dụng của dấu gạch ngang .	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Luyện tập - Bài tập 1 <i>Mục tiêu: Xác định công dụng của dấu gạch ngang trong từng đoạn văn, câu văn.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc Bài tập 1: Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn dưới đây.	- HS đọc yêu cầu, quan sát 3 trường hợp a, b, c và các ô gợi ý công dụng.

<p>LUYỆN TỪ VÀ CẤU</p> <p>DẤU GẠCH NGANG</p> <p>1. Xác định công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn dưới đây:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div style="width: 45%;"> <p>a. Dưới đây là một số loài được cho là lớn nhất trong thế giới động vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cá voi xanh - Voi châu Phi - Hươu cao cổ - Lạc đà một bướu. </div> <div style="width: 45%;"> <p>b. Năm 1976, thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.</p> </div> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div style="width: 45%;"> <p>c. Đốm và Mun im lặng, ngắm những bông hoa chiếu tàn tìm hiểu. Đốm hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sao lại gọi là hoa chiếu tàn? - Là bởi vì trưa nở, chiều tàn. - Đúng ày giới thật? Gì cũng biết! <p>Mun được khen phỏng mũi, cao hứng nói tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Còn hoa mười giờ thì cứ dùng mười giờ là nở bung. <p>(Theo Trần Đức Tiến)</p> </div> <div style="width: 45%;"> <p>Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật</p> <p>Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê</p> <p>Nối các từ ngữ trong một liên danh</p> </div> </div> <p style="text-align: right;">119</p>	
<p>- GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4: đọc từng đoạn, gạch chân dấu gạch ngang, trao đổi công dụng.</p>	<p>- HS làm việc nhóm 4; thư kí ghi kết quả vào phiếu.</p>
<p>- GV hỏi trường hợp a: Dấu gạch ngang trong đoạn liệt kê các loài động vật dùng để làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.</p>
<p>- GV hỏi trường hợp b: Trong cụm Sài Gòn – Gia Định, dấu gạch ngang dùng để làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.</p>
<p>- GV hỏi trường hợp c: Những dấu gạch ngang đứng trước câu nói của Đốm và Mun dùng để làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Dấu gạch ngang dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.</p>
<p>- GV chốt: Cùng là dấu gạch ngang nhưng công dụng khác nhau tùy vị trí và ngữ cảnh trong câu, đoạn.</p>	<p>- HS sửa bài vào vở.</p>
<p>3. Luyện tập - Bài tập 2</p> <p><i>Mục tiêu: Nhận biết công dụng của dấu gạch ngang trong đoạn liệt kê và liên danh.</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc Bài tập 2: Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp sau.</p> <p>2. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi trường hợp sau:</p> <p>a. Để trồng cây trong chậu, em hãy làm theo các bước sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị đất, cho một phần đất vào chậu - Dùng xẻng nhỏ xới đất cho đất tơi xốp - Đặt cây vào chậu, cho nốt phần đất còn lại, dùng tay ấn nhẹ đất cho chắc gốc cây - Tưới một chút nước vào gốc cây cho đất ẩm và gốc cây chắc hơn. <p>b. Chương trình học bổng Vì mái trường xanh đã đến với các em học sinh khắp ba miền Bắc – Trung – Nam.</p> <p>Ghi nhớ Dấu gạch ngang có thể được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê và nối các từ ngữ trong một liên danh.</p> <p>3. Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa dưới đây? Nêu công dụng của dấu câu đó.</p> <p>a. Nhạc sĩ Hoàng Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hồ Nội Huế Sài Gòn</p>	<p>- HS đọc yêu cầu và xác định có 2 trường hợp a, b.</p>
<p>- GV cho HS làm cá nhân vào vở, sau đó đổi vở</p>	<p>- HS làm bài cá nhân, trao đổi với bạn bên cạnh.</p>

kiểm tra theo cặp.	
- GV hỏi câu a: Các dòng “Chuẩn bị đất...”, “Dùng xẻng nhỏ...”, “Đặt cây...” được đặt sau dấu gạch ngang. Dấu gạch ngang có công dụng gì?	- HS trả lời: Dấu gạch ngang đánh dấu các bước, các ý trong một đoạn liệt kê.
- GV hỏi câu b: Trong cụm Bắc – Trung – Nam , dấu gạch ngang có công dụng gì?	- HS trả lời: Dấu gạch ngang nối các từ ngữ trong một liên danh.
- GV kết luận và yêu cầu HS đọc phần Ghi nhớ trong SGK.	- HS đọc ghi nhớ: Dấu gạch ngang có thể được dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê và nối các từ ngữ trong một liên danh.
4. Luyện tập - Bài tập 3 <i>Mục tiêu: Vận dụng dùng dấu gạch ngang trong câu, đoạn văn cụ thể.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc Bài tập 3: Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa dưới đây? Nêu công dụng của dấu câu đó.	- HS đọc yêu cầu, quan sát hai trường hợp a, b.
- GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm 2, thay bông hoa bằng dấu câu phù hợp.	- HS thảo luận nhóm 2, thống nhất dùng dấu gạch ngang.
- GV mời HS nêu kết quả câu a.	- HS nêu: Nhạc sĩ Hoàng Vân đã phổ nhạc cho bài thơ Hà Nội – Huế – Sài Gòn của nhà thơ Lê Nguyên. Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.
- GV mời HS nêu kết quả câu b.	- HS nêu: Có thể thay mỗi bông hoa trước các bước bằng dấu gạch ngang để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
- GV nhận xét, nhắc HS khi viết đoạn hướng dẫn các bước hoặc liệt kê ý, dấu gạch ngang giúp trình bày rõ ràng, dễ đọc.	- HS sửa bài vào vở, ghi nhớ cách dùng.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Vận dụng dấu gạch ngang vào viết câu, đoạn ngắn trong đời sống.</i>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh 2 câu: một câu có liên danh, một đoạn ngắn liệt kê 3 việc chăm sóc cây.	- HS viết: Em muốn đi tuyến Thành phố Hồ Chí Minh – Đà Lạt. Để chăm sóc cây, em cần: - Tưới cây vừa đủ. - Nhật lá khô. - Không bẻ cành, hái hoa.
- GV mời 2 HS đọc bài, nhận xét cách dùng dấu gạch ngang.	- HS đọc bài; lớp nhận xét dấu gạch ngang được dùng đúng công dụng.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết Viết: Luyện viết đoạn văn miêu tả con vật.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 15**BÀI 27: NẾU EM CÓ MỘT KHU VƯỜN****TIẾT 3: VIẾT - LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được cách lựa chọn từ ngữ, chi tiết tiêu biểu khi miêu tả ngoại hình hoặc hoạt động của con vật.
- Trả lời được câu hỏi về các đoạn văn mẫu; hiểu tác dụng của từ ngữ miêu tả trong việc làm nổi bật đặc điểm con vật.
- Viết được đoạn văn tả hoạt động hoặc một đặc điểm ngoại hình của con vật mà em yêu thích.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc đoạn văn, lựa chọn con vật và viết đoạn văn theo yêu cầu.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý với bạn về chi tiết miêu tả và cách dùng từ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn đặc điểm nổi bật, sử dụng từ ngữ gợi tả để đoạn văn sinh động.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực viết bài, đọc soát và sửa lỗi.
- Nhân ái: Biết yêu quý, chăm sóc con vật gần gũi.
- Trách nhiệm: Không trêu chọc, làm hại vật nuôi và biết giữ gìn môi trường sống của con vật.

4. Tích hợp:

- Tích hợp BVMT: HS quan sát con vật/khu vườn bằng thái độ yêu quý; chọn chi tiết phù hợp để viết đoạn văn, không trêu chọc hoặc làm hại vật nuôi, cây cối.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Các đoạn văn mẫu và tranh con vật cắt từ SGK, bảng gợi ý viết đoạn, phiếu đọc soát.
- HS: SGK, vở viết, bút; chuẩn bị tên một con vật em yêu thích.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi nhớ cách quan sát con vật và tạo hứng thú viết đoạn văn miêu tả.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Đoán con vật”: GV nêu đặc điểm, HS đoán tên con vật.	- HS tham gia: có bốn chân, tai dài, thích ăn cà rốt là con thỏ; có vòi dài là con voi; có cánh bay quanh hoa là con ong.
- GV hỏi: Khi miêu tả con vật, em có thể tả những gì?	- HS trả lời: Có thể tả hình dáng, màu sắc, bộ lông, mắt, tai, chân, dáng đi, hoạt động, thói quen.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em luyện viết đoạn văn tả hoạt động hoặc một đặc điểm ngoại hình của con vật.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Viết.
2. Khám phá - Đọc đoạn văn mẫu	

Mục tiêu: Đọc các đoạn văn, xác định con vật được tả và nhận xét cách dùng từ ngữ miêu tả.

Mục tiêu tích hợp: HS quan sát con vật bằng thái độ yêu quý, chọn chi tiết phù hợp, không làm hại vật nuôi, cây cối.

- GV yêu cầu HS đọc **Bài tập 1: Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.**

- Nhạc sĩ Hoàng Văn đã phổ nhạc cho bài thơ **Hồ Nội** **Huế** **Sỏi Gòn** của nhà thơ Lê Nguyễn.
- Để làm một con diều giấy, chúng ta phải thực hiện 3 bước:
 - Làm khung diều
 - Đo và cắt áo diều
 - Ráp các bộ phận của diều.

VIẾT

LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CON VẬT

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Đoạn 1

Trời nắng gắt. Con ong **xanh biếc**, to bằng quả ớt nhờ lướt nhanh những cặp chân **dài và mảnh** trên nền đất. Bụng nó **tròn, thon, bóng loáng**, mặt trời chiếu vào **đóng ánh** xanh như hạt ngọc. Nó dừng lại, ngúc đầu lên, mình nhón nhảy rung rinh, gió hai chân trước vuốt râu rồi lại bay lên, đậu xuống, **thoăn thoắt** ra khắp mảnh vườn.

(Theo Vũ Tú Nam)

Đoạn 2

Rõ ron bám theo vảy nõm, tung tăng lên lõi quanh các nhánh cây, rẽ cỏ ngập nước. Nó **nổ nghịch như một đứa trẻ hiếu động**. Khi thì nó ngậm một cái rễ cỏ kéo mạnh cho chìm xuống rồi **phồng vút qua như một mũi tên**. Lúc nó lại **ngoi lên như đang chơi trốn tìm**, đảo mắt nhìn theo bóng gã chuẩn chuẩn. Nó tròn miệng thổi làm mặt nước nổi lên một cái **bong bóng nhỏ tí xíu như hạt ngọc trong suốt trên mặt nước**.

(Theo Nguyễn Văn Chương)

Đoạn 3

Cái vòi của voi con thật kì lạ. Gần như không có việc gì mà **chú** không dùng đến vòi. **Chú** dùng vòi để thở, để nhận biết lá lành hay lá độc, để phun bụi đất phủ lên lưng vào những trưa nắng, để dò đường và rẽ lối đi trong rừng, ... Đặc biệt, vòi còn giúp voi con **biểu lộ tâm tình**: chú đập vòi chạn chát xuống đất khi **giận dữ**, đu đưa vòi khi **thoải mái, yên tâm**. Nhưng vượt lên tất cả, cái vòi giúp voi con tồn tại: voi con dùng vòi để hít nước khi khát, để bê cành và vơ cỏ lên miệng khi ăn, ...

(Theo Vũ Hùng)

- Mỗi đoạn văn tả con vật nào?
- Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn có tác dụng gì đối với việc miêu tả con vật?
- Em thích cách miêu tả con vật trong đoạn văn nào? Vì sao?



Nói với người thân về khu vườn mơ ước của em.

121

- HS đọc 3 đoạn văn, quan sát tranh minh họa và xác định yêu cầu a, b, c.

- GV hỏi câu a: Mỗi đoạn văn tả con vật nào?

- HS trả lời: Đoạn 1 tả con ong; đoạn 2 tả cá rô ron; đoạn 3 tả con voi.

- GV hỏi câu b: Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn có tác dụng gì đối với việc miêu tả con vật?

- HS trả lời: Các từ in đậm giúp miêu tả đặc điểm con vật cụ thể, sinh động hơn; người đọc dễ hình dung hình dáng, màu sắc, hoạt động và tính nết của con vật.

- GV hỏi câu c: Em thích cách miêu tả con vật trong đoạn văn nào? Vì sao?	- HS trả lời theo ý riêng: Em thích đoạn tả con ong vì có nhiều từ gợi hoạt động nhanh nhẹn; em thích đoạn tả voi vì cho thấy voi hiền lành, biết biểu lộ tình cảm.
- GV hỏi: Khi quan sát con vật để viết văn, chúng ta cần có thái độ như thế nào?	- HS trả lời: Cần quan sát nhẹ nhàng, yêu quý con vật, không đuổi bắt, chọc phá hoặc làm con vật sợ.
- GV diễn giải: Muốn viết hay, các em cần quan sát thật kĩ nhưng phải quan sát bằng tình yêu thương. Không vì muốn nhìn rõ mà kéo đuôi, chọc vào mắt, nhốt chặt hoặc làm con vật hoảng sợ. Với vật nuôi, các em có thể giúp người lớn cho ăn, thay nước, giữ chuồng sạch. Với cây cối trong khu vườn, các em cũng cần chăm sóc nhẹ nhàng, không bẻ cành, hái hoa tùy tiện.	- HS lắng nghe, liên hệ: Em sẽ quan sát con vật bằng mắt, ghi chép đặc điểm, không làm hại con vật và cây cối.
3. Thực hành - Chuẩn bị viết đoạn văn <i>Mục tiêu: Chọn con vật, xác định nội dung tả và sắp xếp ý trước khi viết.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc Bài tập 2: Viết đoạn văn tả hoạt động hoặc một đặc điểm ngoại hình của con vật mà em yêu thích.	- HS đọc yêu cầu, xác định cần viết một đoạn văn, không viết cả bài văn.
- GV hướng dẫn HS chọn một con vật: vật nuôi trong nhà, con vật đã quan sát ở trường, ở vườn thú hoặc trên tranh ảnh, phim ảnh.	- HS chọn con vật: con mèo, con chó, con thỏ, con bê, con nhím, con chim, con ong...
- GV gợi ý lập ý nhanh: Con vật em tả là con gì? Em tả ngoại hình hay hoạt động? Đặc điểm nào nổi bật nhất?	- HS ghi ý ra nháp: bộ lông trắng, đôi mắt tròn, tai dài, dáng chạy nhanh, thói quen ăn cỏ, cách kêu...
4. Thực hành - Viết đoạn văn và đọc soát <i>Mục tiêu: Viết được đoạn văn tả con vật có chi tiết cụ thể, dùng từ ngữ gợi tả.</i>	
- GV yêu cầu HS viết đoạn văn vào vở, chú ý mở đoạn giới thiệu con vật, các câu sau tả đặc điểm hoặc hoạt động nổi bật.	- HS viết đoạn văn vào vở; sử dụng từ ngữ gợi tả như mềm mại, nhanh nhẹn, tròn xoe, tinh nghịch, chậm rãi.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi gợi mở: Con vật có màu gì? Bộ phận nào đáng chú ý? Nó thường làm gì?	- HS hỏi khi cần và bổ sung chi tiết vào bài.
- GV yêu cầu HS đổi vở theo cặp để đọc soát: đoạn văn đã tả đúng yêu cầu chưa, có câu nào chưa rõ, có từ nào lặp nhiều không?	- HS đổi vở, góp ý cho bạn: thêm đặc điểm nổi bật, sửa câu chưa rõ, thay từ lặp.
- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn văn trước lớp.	- HS đọc bài; lớp nhận xét đoạn văn có chi tiết cụ thể, dùng từ hay, thể hiện tình yêu con vật.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Liên hệ việc quan sát, chăm sóc con vật và khu vườn trong đời sống.

- GV giao nhiệm vụ: Nói với người thân về khu vườn mơ ước của em và một con vật em muốn chăm sóc trong khu vườn đó.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị chia sẻ với người thân.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài đọc Bốn mùa mơ ước .	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 15

BÀI 28: BỐN MÙA MƠ ƯỚC

TIẾT 1 - 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm bài thơ **Bốn mùa mơ ước**; biết ngắt nhịp thơ phù hợp, nhấn giọng ở các hình ảnh gợi ước mơ và vẻ đẹp bốn mùa.
- Nhận biết được ước mơ của bạn nhỏ trong từng mùa; hiểu được ý nghĩa của ước mơ tuổi thơ gắn với tình yêu thiên nhiên, con người và đất nước.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; học thuộc 4 khổ thơ đầu hoặc cả bài thơ theo yêu cầu; tìm được thành ngữ, từ ngữ nói về ước mơ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước bài thơ, tìm hình ảnh thơ yêu thích và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết hỏi - đáp với bạn về lí do bạn nhỏ có những ước mơ trong mỗi mùa.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ ước mơ của bản thân với việc học tập, vui chơi và làm việc tốt.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết tôn trọng ước mơ của bạn, không chê bai hay áp đặt.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, học thuộc thơ và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trách nhiệm: Nuôi dưỡng ước mơ tốt đẹp, có ích cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được ước mơ, vui chơi, học tập và bày tỏ mong muốn tốt đẹp; biết tôn trọng ước mơ của bạn, không chê bai hay áp đặt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc, phần câu hỏi đọc hiểu cắt từ SGK, phiếu học tập, thẻ từ ngữ về ước mơ.
- HS: SGK, vở ghi, bút; chuẩn bị nói một ước mơ của em.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc thơ, kết nối với chủ điểm Chắp cánh ước mơ.</i>	
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2: Hãy nói về một ước mơ của em.	- HS trao đổi: Em mơ làm bác sĩ, giáo viên, họa sĩ, cầu thủ, nhà khoa học; em mơ được đi du lịch, trồng nhiều cây, giúp đỡ người khó khăn.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp, nhắc HS lắng nghe và không cười chê ước mơ của bạn.	- HS chia sẻ ước mơ; lớp lắng nghe, vỗ tay động viên bạn.
- GV giới thiệu: Bài thơ Bốn mùa mơ ước đưa chúng ta vào thế giới ước mơ trong trẻo của một bạn nhỏ qua bốn mùa trong năm.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Bốn mùa mơ ước .

2. Khám phá - Đọc văn bản

Mục tiêu: Đọc đúng bài thơ, hiểu từ ngữ và bước đầu cảm nhận hình ảnh thơ.

- GV chiếu tranh minh họa bài thơ, yêu cầu HS quan sát và dự đoán các hình ảnh mơ ước trong tranh.



- HS quan sát tranh, dự đoán: bạn nhỏ mơ làm cơn gió, vầng trăng, ngọn lửa, cánh én, mưa, mây...

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở các từ: cánh én, cơn gió, vầng trăng, ngọn lửa, bốn mùa, chân trời bao la.

- HS lắng nghe, theo dõi SGK và nhận biết cách đọc thơ.

- GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ ngữ khó: trong veo, rộn rã, lung linh, giá lạnh, dậm dãi, chân trời bao la.

- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp; sửa phát âm theo hướng dẫn.

- GV hướng dẫn HS đọc nối tiếp từng khổ thơ trong nhóm 4.

- HS đọc nối tiếp khổ thơ trong nhóm; bạn nghe nhận xét cách ngắt nhịp, giọng đọc.

- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét cách đọc rõ tiếng, đúng nhịp thơ.

- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét, bổ sung.

3. Khám phá - Đọc hiểu

Mục tiêu: Tìm hiểu ước mơ của bạn nhỏ trong từng mùa và ý nghĩa của ước mơ tuổi thơ.

Mục tiêu tích hợp: HS hiểu quyền được ước mơ, vui chơi, học tập, bày tỏ mong muốn; biết tôn trọng ước mơ của bạn.

- GV nêu câu hỏi 1: Mỗi mùa, bạn nhỏ mơ ước điều gì?	- HS trả lời: Mùa xuân bạn nhỏ mơ làm cánh én; mùa hè mơ làm cơn gió; mùa thu mơ làm vàng trắng to; mùa đông mơ làm ngọn lửa.
- GV tổ chức hoạt động hỏi - đáp nhóm 2 theo câu hỏi 2: Cùng bạn hỏi - đáp về lí do bạn nhỏ có những ước mơ đó trong mỗi mùa.	- HS hỏi - đáp: Vì sao bạn nhỏ mơ làm cánh én? Vì muốn gọi nắng xuân về muôn nơi. Vì sao mơ làm cơn gió? Vì muốn làm dịu nắng hè và đem mưa mát.
- GV nêu câu hỏi 3: Theo mơ ước của bạn nhỏ, khung cảnh mỗi mùa hiện ra có gì đẹp?	- HS trả lời: Mùa xuân có nắng, tiếng cười; mùa hè có mây, mưa dịu mát; mùa thu có vàng trắng, trời thu xanh, ngôi sao nhỏ; mùa đông có ngọn lửa, bữa cơm ấm nóng.
- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, khổ thơ cuối muốn nói điều gì về ước mơ của tuổi thơ? Chọn câu trả lời đúng hoặc nêu ý kiến của em. 	- HS trả lời: Khổ thơ cuối muốn nói ước mơ đưa trẻ thơ đi tới tương lai, mở ra những con đường rộng lớn phía chân trời.
- GV hỏi: Khi bạn nói ước mơ của mình, chúng ta nên ứng xử như thế nào?	- HS trả lời: Cần lắng nghe, tôn trọng, không chê bai; có thể hỏi thêm hoặc động viên bạn cố gắng thực hiện ước mơ.
- GV diễn giải: Trẻ em có quyền được ước mơ, vui chơi, học tập và bày tỏ mong muốn tốt đẹp. Ước mơ của mỗi bạn có thể khác nhau: có bạn mơ làm bác sĩ, có bạn mơ làm họa sĩ, có bạn mơ chăm sóc thiên nhiên. Dù ước mơ khác nhau, chúng ta không cười chê, không áp đặt bạn phải giống mình; biết động viên bạn nuôi dưỡng ước mơ đúng đắn bằng việc học tập và rèn luyện mỗi ngày.	- HS lắng nghe, liên hệ: Em sẽ tôn trọng ước mơ của bạn và cố gắng học tập để thực hiện ước mơ của mình.
- GV chốt nội dung: Bài thơ ca ngợi những ước mơ trong trẻo, đẹp đẽ của tuổi thơ; ước mơ giúp các em yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và hướng tới tương lai.	- HS nhắc lại nội dung bài thơ bằng lời ngắn gọn.

4. Luyện tập theo văn bản đọc

Mục tiêu: Củng cố từ ngữ, thành ngữ nói về ước mơ và vận dụng đặt câu.

- GV yêu cầu HS đọc Bài tập 1: Những thành ngữ nào dưới đây nói về ước mơ, mong muốn của con người?	- HS đọc các thẻ từ: Cầu được ước thấy; Ước sao được vậy; Được voi đòi tiên; Có bay thẳng cánh; Muốn gì được nấy; Rừng vàng biển bạc.
- GV cho HS thảo luận nhóm 4, chọn các thành ngữ nói về ước mơ, mong muốn.	- HS thảo luận và nêu: Cầu được ước thấy; Ước sao được vậy; Được voi đòi tiên; Muốn gì được nấy.
- GV lưu ý: Được voi đòi tiên nói về mong muốn quá mức, chưa phù hợp; khi dùng cần chú ý sắc thái nghĩa.	- HS lắng nghe, ghi nhớ sắc thái nghĩa của thành ngữ.
- GV yêu cầu HS đọc Bài tập 2: Từ nào dưới đây có nghĩa giống với từ ước mơ? Đặt câu với 2 trong số các từ tìm được.	- HS đọc và tìm: ao ước, mong ước, khát vọng, hoài bão.
- GV mời HS đặt câu với hai từ vừa tìm được.	- HS đặt câu: Em mong ước trở thành bác sĩ. Hoài bão của em là giúp nhiều người có cuộc sống tốt đẹp hơn.

5. Luyện đọc thuộc lòng

Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm và học thuộc bài thơ.

- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm từng khổ thơ, chú ý giọng đọc trong sáng, giàu cảm xúc.	- HS luyện đọc theo hướng dẫn, nhấn giọng ở hình ảnh mơ ước.
- GV cho HS học thuộc 4 khổ thơ đầu hoặc cả bài thơ theo hình thức đọc nối tiếp, che dần từ khóa.	- HS học thuộc theo nhóm, đọc nối tiếp và hỗ trợ nhau nhớ câu thơ.
- GV mời 2 - 3 HS đọc thuộc trước lớp.	- HS đọc thuộc; lớp nhận xét giọng đọc và mức độ thuộc bài.

6. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Liên hệ ước mơ trong bài thơ với ước mơ của bản thân.

- GV yêu cầu HS viết nhanh một câu: Em sẽ làm gì trong tuần này để tiến gần hơn tới ước mơ của mình?	- HS viết: Em sẽ đọc sách, luyện chữ, học Toán chăm hơn, tập vẽ, tập nói trước lớp, chăm sóc cây xanh.
- GV mời 2 HS chia sẻ và nhắc lớp động viên ước mơ của bạn.	- HS chia sẻ; lớp vỗ tay, động viên bạn thực hiện mục tiêu.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết Viết: Lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 15**BÀI 28: BỐN MÙA MƠ ƯỚC****TIẾT 3: VIẾT - LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết chọn một trong hai đề bài để lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật.
- Xác định được các phần của dàn ý: mở bài, thân bài, kết bài; biết lựa chọn trình tự miêu tả phù hợp.
- Lập được dàn ý có đủ ý chính, sắp xếp hợp lí, chọn được đặc điểm nổi bật của con vật để miêu tả.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động chọn đề, chọn con vật và ghi ý theo mẫu.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn để bổ sung ý, chỉnh sửa dàn ý.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn đặc điểm thú vị, cách sắp xếp ý phù hợp với con vật được tả.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực lập dàn ý, đọc soát và chỉnh sửa.
- Nhân ái: Biết yêu quý con vật, thể hiện tình cảm phù hợp trong bài viết.
- Trách nhiệm: Có ý thức chăm sóc, bảo vệ con vật và môi trường sống của chúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bảng cấu trúc dàn ý cắt từ SGK, phiếu lập dàn ý, bảng tiêu chí chỉnh sửa.
- HS: SGK, vở, bút; kết quả quan sát con vật đã chuẩn bị.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi nhớ cấu tạo bài văn miêu tả con vật.</i>	
- GV hỏi: Một bài văn miêu tả con vật thường gồm mấy phần? Đó là những phần nào?	- HS trả lời: Bài văn thường gồm 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.
- GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung từng phần.	- HS trả lời: Mở bài giới thiệu con vật; thân bài tả ngoại hình, hoạt động, thói quen; kết bài nêu tình cảm, suy nghĩ đối với con vật.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em lập dàn ý cho bài văn miêu tả con vật để chuẩn bị viết bài hoàn chỉnh.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Viết.
2. Khám phá - Tìm hiểu yêu cầu đề bài <i>Mục tiêu: Chọn đề, chọn con vật và xác định trình tự miêu tả.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc 2 đề bài trong SGK: Đề 1 miêu tả con vật em đã chăm sóc và gắn bó; Đề 2 miêu tả một con vật em đã được quan sát trên ti vi hoặc trong phim ảnh.	- HS đọc yêu cầu, xác định có 2 đề để lựa chọn.

<p>Loay trang 123 muốn gì được vậy muốn vàng đem bạc</p> <p>2. Từ nào dưới đây có nghĩa giống với từ ước mơ? Đặt câu với 2 trong số các từ tìm được.</p> <p>cao đẹp ao ước ngóng trông hoài bão mong ước to lớn khát vọng kì diệu</p> <p>VIẾT</p> <p>LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT</p> <p>Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <p>Đề 1: Miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gần bó.</p> <p>Đề 2: Miêu tả một con vật mà em đã được quan sát trên ti vi hoặc trong phim ảnh.</p> <p>1. Chuẩn bị.</p> <p>a. Lựa chọn con vật để miêu tả.</p> <p>b. Quan sát hoặc nhớ lại kết quả đã quan sát.</p> <p>c. Lựa chọn trình tự miêu tả.</p> <p>123</p>							
<p>- GV hỏi: Nếu chọn đề 1, em có thể tả con vật nào?</p>	<p>- HS trả lời: Em có thể tả con mèo, con chó, con thỏ, con gà, con cá, con chim mà em từng chăm sóc hoặc gần bó.</p>						
<p>- GV hỏi: Nếu chọn đề 2, em có thể tả con vật nào?</p>	<p>- HS trả lời: Em có thể tả con voi, hươu cao cổ, chim cánh cụt, cá heo, sư tử, gấu trúc... đã xem trên ti vi hoặc phim ảnh.</p>						
<p>- GV hướng dẫn HS chuẩn bị: lựa chọn con vật; quan sát hoặc nhớ lại kết quả quan sát; lựa chọn trình tự miêu tả.</p>	<p>- HS ghi nhanh vào nháp: tên con vật, nguồn quan sát, đặc điểm bao quát, đặc điểm nổi bật, hoạt động hoặc thói quen.</p>						
<p>3. Thực hành - Lập dàn ý</p> <p>Mục tiêu: Lập được dàn ý đủ ba phần, sắp xếp ý hợp lí.</p>							
<p>- GV chiếu bảng gợi ý dàn ý trong SGK và hướng dẫn từng phần.</p> <p>2. Lập dàn ý.</p> <table border="1"> <tr> <td>Mở bài</td><td>Giới thiệu về con vật.</td></tr> <tr> <td>Thân bài</td><td>Miêu tả các đặc điểm của con vật: - Đặc điểm ngoại hình (tả bao quát và tả chi tiết). - Hoạt động và thói quen. * Lưu ý: Miêu tả kĩ hơn những đặc điểm nổi bật của con vật hoặc những đặc điểm em thấy thú vị.</td></tr> <tr> <td>Kết bài</td><td>Tình cảm của em với con vật (hoặc suy nghĩ, cảm xúc, điều mong muốn... đối với con vật).</td></tr> </table> <p>3. Chỉnh sửa.</p>	Mở bài	Giới thiệu về con vật.	Thân bài	Miêu tả các đặc điểm của con vật: - Đặc điểm ngoại hình (tả bao quát và tả chi tiết). - Hoạt động và thói quen. * Lưu ý: Miêu tả kĩ hơn những đặc điểm nổi bật của con vật hoặc những đặc điểm em thấy thú vị.	Kết bài	Tình cảm của em với con vật (hoặc suy nghĩ, cảm xúc, điều mong muốn... đối với con vật).	<p>- HS quan sát bảng: Mở bài giới thiệu con vật; thân bài miêu tả đặc điểm ngoại hình, hoạt động và thói quen; kết bài nêu tình cảm, suy nghĩ hoặc điều mong muốn.</p>
Mở bài	Giới thiệu về con vật.						
Thân bài	Miêu tả các đặc điểm của con vật: - Đặc điểm ngoại hình (tả bao quát và tả chi tiết). - Hoạt động và thói quen. * Lưu ý: Miêu tả kĩ hơn những đặc điểm nổi bật của con vật hoặc những đặc điểm em thấy thú vị.						
Kết bài	Tình cảm của em với con vật (hoặc suy nghĩ, cảm xúc, điều mong muốn... đối với con vật).						
<p>- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào phiếu lập dàn ý.</p>	<p>- HS lập dàn ý theo con vật đã chọn.</p>						
<p>- GV gợi ý phần mở bài: Giới thiệu con vật em tả là con gì, em gặp hoặc chăm sóc nó trong hoàn cảnh nào.</p>	<p>- HS viết mở bài: Nhà em có một chú mèo tam thể rất đáng yêu; trong chuyến đi sở thú, em được quan sát một chú voi con hiền lành.</p>						
<p>- GV gợi ý phần thân bài: Tả bao quát rồi tả chi tiết ngoại hình; chọn vài hoạt động, thói quen nổi bật.</p>	<p>- HS ghi ý: bộ lông, đôi mắt, tai, chân, đuôi; dáng đi; cách ăn; cách chơi đùa; thói quen ngủ, kêu, chạy nhảy.</p>						

- GV gợi ý phần kết bài: Nêu tình cảm, suy nghĩ, điều mong muốn đối với con vật.	- HS ghi ý: Em rất yêu quý chú mèo; em mong mọi người chăm sóc và bảo vệ các loài vật.
4. Luyện tập - Chỉnh sửa dàn ý <i>Mục tiêu: Biết đọc soát, góp ý và chỉnh sửa dàn ý.</i>	
- GV yêu cầu HS đổi phiếu theo cặp, đọc dàn ý của bạn theo tiêu chí: đủ 3 phần, phần thân bài sắp xếp hợp lý, đặc điểm chọn lọc nổi bật.	- HS đổi phiếu, nhận xét và góp ý cho bạn.
- GV mời 2 HS trình bày dàn ý trước lớp.	- HS trình bày; lớp nhận xét: dàn ý đủ phần, ý rõ, có chi tiết nổi bật.
- GV nhận xét, nhắc HS không cần tả quá nhiều chi tiết; nên chọn đặc điểm tiêu biểu làm con vật hiện lên rõ nét.	- HS chỉnh sửa dàn ý: thêm đặc điểm nổi bật, sắp xếp lại ý, bỏ chi tiết trùng lặp.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Chuẩn bị cho bài văn miêu tả con vật ở tiết sau.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Về nhà quan sát thêm con vật em chọn hoặc xem lại tranh ảnh, ghi thêm 2 - 3 từ ngữ miêu tả hay.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị dàn ý hoàn chỉnh.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết Đọc mở rộng.	- HS lắng nghe, chuẩn bị một bài thơ viết về ước mơ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 15

BÀI 28: BỐN MÙA MƠ ƯỚC

TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được một bài thơ viết về ước mơ phù hợp lứa tuổi.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu; ghi tên bài thơ, tác giả, ngày đọc, ước mơ được nói đến, câu thơ hoặc khổ thơ yêu thích.
- Biết trao đổi với bạn cảm nghĩ sau khi đọc bài thơ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động chọn bài thơ, đọc và ghi thông tin vào phiếu.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày, lắng nghe và đặt câu hỏi khi bạn chia sẻ.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn lọc thông tin nổi bật, nêu cảm nghĩ ngắn gọn, rõ ràng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực đọc thơ và hoàn thành phiếu đọc sách.
- Nhân ái: Biết trân trọng ước mơ của bạn bè, chia sẻ cảm nghĩ bằng lời nói lịch sự.
- Trách nhiệm: Ghi nguồn đọc rõ ràng, không sao chép máy móc.

4. Tích hợp:

- Tích hợp BVMT: HS tìm đọc, chia sẻ văn bản về thiên nhiên bốn mùa; biết yêu quý cảnh vật, cây cối, con vật và giữ gìn môi trường xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Mẫu phiếu đọc sách, một số bài thơ/sách thơ về ước mơ, tranh ảnh thiên nhiên bốn mùa.
- HS: Bài thơ đã tìm đọc, phiếu đọc sách, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc thơ về ước mơ, kết nối với bài Bốn mùa mơ ước.</i>	
- GV hỏi: Sau khi học bài Bốn mùa mơ ước , em muốn tìm đọc thêm bài thơ về ước mơ nào?	- HS trả lời: Em muốn đọc thơ về ước mơ làm bác sĩ, làm cô giáo, ước mơ bay lên bầu trời, ước mơ về thiên nhiên xanh đẹp.
- GV giới thiệu: Tiết Đọc mở rộng giúp các em chia sẻ một bài thơ về ước mơ và cảm nghĩ của mình sau khi đọc.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài thơ và phiếu đọc sách.
2. Khám phá - Chọn và đọc bài thơ <i>Mục tiêu: Biết chọn bài thơ phù hợp, đọc và ghi thông tin cơ bản.</i> Mục tiêu tích hợp: HS tìm đọc, chia sẻ văn bản về thiên nhiên bốn mùa; biết yêu quý cảnh vật, cây cối, con vật và giữ gìn môi trường xung quanh.	
- GV yêu cầu HS đọc Đọc mở rộng trong SGK: Đọc một bài thơ viết về ước mơ.	- HS đọc yêu cầu và quan sát mẫu phiếu đọc sách.

<p>3. Chỉnh sửa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các ý trong phần thân bài được sắp xếp hợp lý. - Lựa chọn được các đặc điểm nổi bật của con vật. <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc một bài thơ viết về ước mơ.</p> <p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <div data-bbox="175 331 643 478"> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tên bài thơ: ●</td> <td>Ngày đọc: ●</td> </tr> <tr> <td>Tác giả: ●</td> <td>Ước mơ được nói đến trong bài thơ: ●</td> </tr> <tr> <td>Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: ●</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td> <td></td> </tr> </tbody> </table> </div> <p>3. Trao đổi với bạn những cảm nghĩ của em khi đọc bài thơ.</p> <p> Đọc bài thơ đến mùa mơ ước cho người thân nghe và nói về một hình ảnh em yêu thích trong bài thơ.</p>	PHIẾU ĐỌC SÁCH		Tên bài thơ: ●	Ngày đọc: ●	Tác giả: ●	Ước mơ được nói đến trong bài thơ: ●	Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: ●		Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		
PHIẾU ĐỌC SÁCH											
Tên bài thơ: ●	Ngày đọc: ●										
Tác giả: ●	Ước mơ được nói đến trong bài thơ: ●										
Câu thơ, khổ thơ em thích nhất: ●											
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆											
<p>- GV hướng dẫn HS chọn bài thơ từ sách, thư viện lớp hoặc nguồn do GV/người lớn giới thiệu; ưu tiên bài thơ có nội dung trong sáng, phù hợp lứa tuổi.</p>	<p>- HS chọn bài thơ đã chuẩn bị hoặc mượn sách/bài thơ GV giới thiệu.</p>										
<p>- GV hỏi: Khi đọc bài thơ về thiên nhiên, bốn mùa hoặc ước mơ xanh đẹp, em cần chú ý điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em chú ý hình ảnh cây cối, con vật, cảnh vật, những mong muốn tốt đẹp và thông điệp bảo vệ môi trường.</p>										
<p>- GV diễn giải: Nhiều bài thơ về ước mơ thường gắn với bầu trời, cánh chim, dòng sông, khu vườn, mùa xuân, mùa hè. Khi đọc, các em không chỉ cảm nhận vẻ đẹp của lời thơ mà còn biết yêu thiên nhiên hơn: giữ gìn cây xanh, không xả rác, yêu quý con vật và bảo vệ môi trường xung quanh bằng việc làm vừa sức.</p>	<p>- HS lắng nghe, liên hệ: Em sẽ đọc thơ và chọn một hình ảnh thiên nhiên em yêu thích để chia sẻ.</p>										
<p>- GV cho HS đọc thầm bài thơ trong 5 phút, đánh dấu câu thơ hoặc khổ thơ em thích.</p>	<p>- HS đọc thầm, đánh dấu hình ảnh hoặc câu thơ yêu thích.</p>										
<p>3. Thực hành - Viết phiếu đọc sách Mục tiêu: Hoàn thành phiếu đọc sách theo mẫu, ghi thông tin ngắn gọn, rõ ràng.</p>											
<p>- GV yêu cầu HS đọc mẫu phiếu đọc sách trong SGK.</p>	<p>- HS đọc các mục: tên bài thơ, ngày đọc; tác giả; ước mơ được nói đến; câu thơ/khổ thơ em thích nhất; mức độ yêu thích.</p>										
<p>- GV hướng dẫn HS ghi phiếu: thông tin nào chưa biết thì hỏi GV hoặc ghi “chưa rõ”, không tự bịa.</p>	<p>- HS viết phiếu đọc sách theo bài thơ đã đọc.</p>										
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS chọn câu thơ hoặc khổ thơ yêu thích và nêu lí do ngắn gọn.</p>	<p>- HS hoàn thành phiếu, kiểm tra lại chữ viết và thông tin.</p>										
<p>4. Luyện tập - Trao đổi với bạn Mục tiêu: Biết trình bày thông tin đã đọc và lắng nghe bạn chia sẻ.</p>											

- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4: Mỗi bạn trình bày 1 phút về bài thơ đã đọc.	- HS lần lượt trình bày: tên bài thơ, tác giả, ước mơ trong bài thơ, câu thơ em thích.
- GV yêu cầu bạn nghe đặt 1 câu hỏi hoặc nêu 1 điều học được từ phần trình bày của bạn.	- HS hỏi: Bạn thích hình ảnh nào nhất? Ước mơ trong bài thơ có gì đẹp? Bài thơ nhắc em làm điều gì?
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp; lớp lắng nghe, nhận xét nội dung rõ ràng, giọng nói phù hợp.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Lan tỏa thói quen đọc thơ và nuôi dưỡng ước mơ đẹp.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Đọc bài thơ Bốn mùa mơ cho người thân nghe và nói về một hình ảnh em yêu thích trong bài thơ.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị đọc thơ cho người thân nghe.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS đọc thơ tích cực và biết chia sẻ cảm nghĩ.	- HS lắng nghe, giữ phiếu đọc sách trong vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 16

BÀI 29: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI

TIẾT 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Ở vương quốc Tương Lai; biết phân biệt lời người dẫn chuyện và lời các nhân vật trong vở kịch.
- Nhận biết được cảnh trí, nhân vật, các sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế và công dụng của từng sự vật.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; nêu được ý nghĩa câu chuyện: ước mơ, trí tưởng tượng và sáng tạo của trẻ em có thể hướng tới cuộc sống tốt đẹp hơn.
- Biết liên hệ bản thân để nêu một phát minh hoặc sản phẩm có ích cho tương lai.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc trước văn bản, tìm hiểu từ khó và chuẩn bị ý kiến cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết đọc phân vai, trao đổi nhóm, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết hình dung, đề xuất sản phẩm tương lai phục vụ con người.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực đọc, tìm chi tiết và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập, sáng tạo để góp phần xây dựng cuộc sống tốt đẹp.
- Nhân ái: Biết nghĩ đến lợi ích của con người, gia đình, cộng đồng khi nêu ước mơ sáng chế.

4. Tích hợp:

- Tích hợp lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: HS biết tưởng tượng về tương lai tốt đẹp gắn với trách nhiệm học tập, sáng tạo; hiểu công nghệ cần phục vụ con người và cuộc sống nhân văn.

- Tích hợp AI (4.A2.1): HS nhận diện AI được tạo ra để hỗ trợ xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống; biết tưởng tượng, thiết kế một “người bạn AI” phù hợp, có ích cho con người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc, bảng từ ngữ, phiếu đọc hiểu, hình SGK cắt đúng phần bài 29, máy chiếu/ti vi.

- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút, chuẩn bị ý tưởng về một sản phẩm tương lai.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú với chủ điểm Chắp cánh ước mơ; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung bài đọc.</i>	
- GV giới thiệu chủ điểm Chắp cánh ước mơ: Ở các tuần trước, các em đã đọc, nói và viết về ước mơ. Tuần này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu những ước mơ hướng tới tương lai tốt đẹp.	- HS lắng nghe, nhận biết chủ điểm mới gắn với ước mơ và sáng tạo.
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 2: Em mong con người sẽ làm ra những sản phẩm gì để cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai?	- HS trao đổi nhóm 2; có thể nêu: rô-bốt chăm sóc người bệnh, xe bay, máy lọc không khí, thiết bị nhặt rác, máy giúp người khuyết tật đi lại thuận lợi.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp, khuyến khích HS nói rõ sản phẩm đó giúp ích cho ai.	- HS chia sẻ: Em muốn có rô-bốt tưới cây để giúp bố mẹ; em muốn có máy lọc nước biển thành nước ngọt để giúp vùng thiếu nước.
- GV chiếu tranh minh họa trong SGK và yêu cầu HS quan sát, dự đoán các bạn nhỏ trong tranh đang ở đâu, đang nói về điều gì.	- HS quan sát tranh, dự đoán: Các bạn nhỏ đang ở một nơi có nhiều máy móc hiện đại, có thể đang trò chuyện về những phát minh trong tương lai.

<p>Tuần 16</p> <p>Bài 29 Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI</p> <p>ĐỌC</p> <p>Trào đổi với bạn: Em mong con người sẽ làm ra những sản phẩm gì để cuộc sống tốt đẹp hơn trong tương lai?</p> <p>Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI</p> <p>Tin-tin và Mi-tin được một bà tiên giúp đỡ, đã vượt qua nhiều thử thách, đến nhiều xứ sở để tìm con chim xanh về chữa bệnh cho một bạn hàng xóm. Đoạn trích dưới đây thuật lại việc hai em tới Vương quốc Tương Lai và trò chuyện với những người bạn sắp ra đời trong công xưởng xanh.</p> <p>Cảnh trí Một gian phòng rộng có những hàng cột và mái vòm bằng ngọc bích. Phòng có một số ghế băng, đồ đạc, cây cối. Có nhiều trẻ em đang chơi đùa hoặc làm việc. Có em đi lại hoặc ngồi suy nghĩ.</p> <p>Nhân vật Tin-tin Mi-tin (em gái Tin-tin) Một số em bé</p> 	
<p>- GV dẫn vào bài: Vở kịch Ở vương quốc Tương Lai đưa chúng ta đến một nơi mà trẻ em sáng chế ra nhiều điều kì lạ để phục vụ cuộc sống.</p>	<p>- HS mở SGK, chuẩn bị đọc bài Ở vương quốc Tương Lai.</p>
<p>2. Khám phá - Đọc văn bản</p>	
<p><i>Mục tiêu: Đọc đúng văn bản kịch, hiểu từ khó và nắm được cảnh trí, nhân vật, sự việc chính.</i></p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng vui tươi, rõ lời thoại; nhấn giọng ở các từ ngữ: Vương quốc Tương Lai, sáng chế, hạnh phúc, ánh sáng kì lạ, thuốc trường sinh, máy biết bay.</p>	<p>- HS lắng nghe, theo dõi SGK, nhận biết cách đọc lời người dẫn chuyện và lời nhân vật.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ khó: Tin-tin, Mi-tin, trường sinh, sáng chế, kho báu, ánh sáng kì lạ.</p>	<p>- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp; sửa phát âm theo hướng dẫn của GV.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS nhận biết đặc điểm văn bản kịch: có phần cảnh trí, nhân vật và lời thoại của từng nhân vật.</p>	<p>- HS xác định: cảnh trí là không gian phòng rộng có máy móc; nhân vật gồm Tin-tin, Mi-tin và một số em bé.</p>
<p>- GV giao nhiệm vụ nhóm 6 đọc phân vai: người dẫn chuyện, Tin-tin, Mi-tin, các em bé.</p>	<p>- HS đọc phân vai trong nhóm; bạn nghe góp ý giọng đọc, cách ngắt nghỉ và thể hiện lời thoại.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ và giải thích nghĩa từ thuốc trường sinh.</p>	<p>- HS nêu: Thuốc trường sinh là loại thuốc uống vào sẽ sống lâu theo quan niệm của người xưa.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 nhóm đọc phân vai trước lớp, nhận xét giọng đọc phù hợp từng nhân vật.</p>	<p>- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét: bạn đọc lời Tin-tin, Mi-tin rõ ràng, lời các em bé hồn nhiên, hào hứng.</p>
<p>3. Khám phá - Đọc hiểu</p>	

Mục tiêu: Tìm chi tiết trong văn bản, hiểu ước mơ sáng tạo của các nhân vật.

Mục tiêu tích hợp: HS biết tưởng tượng về tương lai tốt đẹp gắn với trách nhiệm học tập, sáng tạo; nhận diện công nghệ/AI cần phục vụ con người và cuộc sống nhân văn.

- GV nêu câu hỏi 1: Vở kịch có những nhân vật nào?

Tin-tin: - Cậu đang làm gì với đôi cánh xanh ấy?
 Em bé thứ nhất: - Mình sẽ dùng nó vào việc sáng chế trên Trái Đất.
 Tin-tin: - Cậu sáng chế cái gì?
 Em bé thứ nhất: - Khi nào ra đời, mình sẽ chế ra một vật làm cho con người hạnh phúc.
 Mi-tin: - Vật đó ăn ngon chứ? Nó có ồn ào không?
 Em bé thứ nhất: - Không đâu, chẳng ồn ào gì cả. Mình chế sắp xong rồi, cậu có muốn xem không?
 Tin-tin: - Có chứ? Nó đâu?
 Em bé thứ hai: - Cậu có muốn xem vật mình sáng chế không?
 Tin-tin: - Có chứ, cái gì đấy?
 Em bé thứ hai: - Có ba mươi vị thuốc trường sinh ở kia, trong những chiếc lọ xanh.
 Em bé thứ ba: - (Từ trong đám đông đi ra) Mình mang đến một thứ ánh sáng mà chưa ai biết cả. (Em bé toả ra một thứ ánh sáng lạ thường). Thật là kì lạ phải không?
 Em bé thứ tư: - (Kéo tay Tin-tin) Cậu lại đây xem cái máy của mình, nó biết bay trên không như một con chim.
 Em bé thứ năm: - Hãy lại xem cái máy của mình đã. Nó biết dò tìm những kho báu còn giấu kín trên mặt trăng.

(Theo Mát-téc-lich, Nguyễn Trường Lịch dịch)

Từ ngữ
 Thuốc trường sinh: loại thuốc uống vào sẽ sống lâu (theo quan niệm của người xưa).

1. Vở kịch có những nhân vật nào?
2. Tìm công dụng của mỗi sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế.

Sự vật	Công dụng
thuốc trường sinh	để cuộc sống của con người tràn ngập ánh sáng
một thứ ánh sáng kì lạ	để làm giàu cho mọi người
máy giúp dò tìm kho báu	giúp con người di chuyển nhanh và thú vị
cái máy biết bay trên không	giúp con người sống lâu

- HS trả lời: Vở kịch có các nhân vật Tin-tin, Mi-tin và một số em bé ở Vương quốc Tương Lai.

- GV nêu câu hỏi 2: Tìm công dụng của mỗi sự vật do các em bé ở Vương quốc Tương Lai sáng chế.

- HS trả lời: Thuốc trường sinh giúp con người sống lâu; một thứ ánh sáng kì lạ làm cuộc sống tràn ngập ánh sáng; máy giúp dò tìm kho báu giúp làm giàu cho mọi người; cái máy biết bay trên không giúp con người di chuyển nhanh và thú vị.

- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: Những sự vật đó cho thấy các em bé có ước mơ gì?

- HS thảo luận và nêu: Các em bé mong muốn con người khỏe mạnh, hạnh phúc, giàu có, đi lại thuận tiện và sống trong thế giới văn minh hơn.

- GV nêu câu hỏi 3: Tác giả muốn nói điều gì qua nhân vật các em bé ở Vương quốc Tương Lai?

- HS trả lời: Tác giả muốn nói trẻ em có trí tưởng tượng phong phú, có ước mơ sáng tạo; tương lai tốt đẹp được tạo nên từ những ý tưởng nhân văn và sự học tập, lao động của con người.

- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, vì sao Tin-tin và Mi-tin đến có tên là Vương quốc Tương Lai? Chọn câu trả lời đúng.

- HS chọn đáp án B: Vì nơi đó là cuộc sống mơ ước trong tương lai.

- Muốn biến một ước mơ đẹp thành sản phẩm có ích, chúng ta cần làm gì ngay từ bây giờ?

- HS trả lời: Cần chăm học, đọc sách, quan sát, đặt câu hỏi, luyện tập, hợp tác với bạn và biết nghĩ đến lợi ích của mọi người.

- GV diễn giải: Các em bé trong vở kịch không chỉ mơ cho riêng mình mà mơ về cuộc sống tốt đẹp cho mọi người. Vì vậy, khi tưởng tượng về tương lai, chúng ta cần gắn ước mơ với trách nhiệm học tập, lao động, sáng tạo và lòng nhân ái. Công nghệ chỉ thật sự có ý nghĩa khi giúp con người sống an toàn, hạnh phúc, văn minh hơn.	- HS lắng nghe, liên hệ: Em cần học tập chăm chỉ, dùng ý tưởng sáng tạo để giúp gia đình, bạn bè và cộng đồng.
- GV nêu câu hỏi 5: Nếu là một công dân ở Vương quốc Tương Lai, em muốn sáng chế vật gì?	- HS nêu theo ý riêng: máy tái chế rác thành đồ dùng, rô-bốt chăm sóc cây, thiết bị cảnh báo cháy, chiếc xe không gây ô nhiễm, máy hỗ trợ người khuyết tật.
4. Luyện tập - Đọc phân vai <i>Mục tiêu: Luyện đọc lời thoại, thể hiện được tính cách hồn nhiên, hào hứng của các nhân vật.</i>	
- GV hướng dẫn HS chọn một đoạn đối thoại để luyện đọc phân vai; nhắc HS đọc lời dẫn chuyện chậm rãi, lời các em bé vui tươi, tự hào.	- HS đánh dấu lời thoại của nhân vật mình đảm nhận, luyện đọc đúng nhịp.
- GV cho HS luyện đọc theo nhóm 6, góp ý cho nhau về giọng đọc, cách ngắt nghỉ và thái độ khi đọc.	- HS đọc trong nhóm, lắng nghe bạn góp ý và điều chỉnh giọng đọc.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc phân vai trước lớp.	- HS đọc phân vai; lớp nhận xét nhóm đọc rõ lời thoại, thể hiện đúng không khí vui tươi của vở kịch.
- GV nhận xét, tuyên dương nhóm đọc tốt và nhắc HS biết mạnh dạn khi đọc kịch.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách đọc văn bản kịch.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Liên hệ bài học với việc tưởng tượng sản phẩm có ích cho tương lai.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS nhận diện AI là công cụ hỗ trợ xã hội, biết tưởng tượng một “người bạn AI” có ích nhưng không thay thế trách nhiệm và tình cảm của con người.</i>	
- GV hỏi: Nếu thiết kế một “người bạn AI” cho Vương quốc Tương Lai, em muốn người bạn đó giúp con người việc gì?	- HS trả lời: Em muốn người bạn AI nhắc người già uống thuốc; giúp người khiếm thị qua đường; phát hiện rác thải ở sông; tưới cây tự động khi đất khô.
- GV diễn giải: AI được tạo ra để hỗ trợ xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Khi tưởng tượng một người bạn AI, các em cần nghĩ đến việc làm có ích, an toàn, nhân văn. AI có thể giúp con người nhanh hơn, chính xác hơn trong một số việc, nhưng con người vẫn phải quyết định điều đúng, biết yêu thương, chịu trách nhiệm và không dùng công nghệ để gây hại.	- HS lắng nghe, nêu cam kết: Em sẽ dùng công nghệ đúng mục đích, không phụ thuộc máy móc và biết nghĩ đến lợi ích của mọi người.
- GV giao nhiệm vụ về nhà: Vẽ hoặc viết 3 - 4 câu giới thiệu một sản phẩm tương lai mà em mơ ước.	- HS ghi nhiệm vụ và chuẩn bị bài Luyện tập về dấu gạch ngang.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 16**BÀI 29: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI****TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Củng cố được các công dụng đã học của dấu gạch ngang trong đoạn văn, câu văn.
- Xác định được công dụng của dấu gạch ngang: đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê; đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật; nối các từ ngữ trong một liên danh.
- Biết thay thế kí hiệu cho trước bằng dấu gạch ngang phù hợp và đặt câu hỏi - đáp có sử dụng dấu gạch ngang.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự đọc yêu cầu bài tập, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm/cặp đôi để thống nhất câu trả lời.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn dấu câu phù hợp với mục đích diễn đạt.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện tập, hoàn thành bài đúng thời gian.
- Trách nhiệm: Có ý thức sử dụng dấu câu đúng, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Trung thực: Tự làm bài, biết sửa lỗi khi được góp ý.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bài tập cắt từ SGK, bảng phụ ghi công dụng của dấu gạch ngang, phiếu học tập, máy chiếu/tivi.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	
<i>Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về dấu gạch ngang đã học.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Nhớ nhanh”: HS nêu một công dụng của dấu gạch ngang đã học.	- HS nêu: Dấu gạch ngang có thể dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật, đánh dấu các ý trong liệt kê, nối các từ ngữ trong một liên danh.
- GV yêu cầu HS lấy ví dụ ngắn có dấu gạch ngang đánh dấu lời nói trực tiếp.	- HS nêu ví dụ: - Con chào cô ạ!; - Bạn giúp mình đọc đoạn này nhé!
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay giúp các em luyện tập nhận biết và sử dụng dấu gạch ngang trong nhiều trường hợp.	- HS lắng nghe, ghi tên bài.
2. Luyện tập - Bài tập 1	
<i>Mục tiêu: Xác định được công dụng của dấu gạch ngang trong từng đoạn văn.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 1: Nêu công dụng của dấu gạch ngang được sử dụng trong mỗi đoạn dưới đây.	- HS đọc yêu cầu, xác định có hai đoạn a, b cần tìm công dụng của dấu gạch ngang.

<p>a. Ma-ri Quy-ri là nhà bác học người Pháp gốc Ba Lan, bà đã giành được nhiều danh hiệu và giải thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thưởng Nô-ben Vật lý, Giải thưởng Nô-ben Hoá học - Tiến sĩ khoa học Vật lý xuất sắc - Huân chương Bắc đẩu bội tinh của Chính phủ Pháp - Viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Pháp. <p>(Theo Ngọc Liên)</p> <p>b. Hội hữu nghị và hợp tác Việt - Pháp được thành lập ngày 02 tháng 7 năm 1955. Hoạt động của Hội nhằm tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Pháp.</p> <p>(Hồng Phương tổng hợp)</p>	
<p>- GV cho HS làm việc nhóm 4: đọc đoạn a, quan sát vị trí dấu gạch ngang và nêu công dụng.</p>	<p>- HS thảo luận và trả lời: Ở đoạn a, dấu gạch ngang dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê các danh hiệu, giải thưởng của Ma-ri Quy-ri.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn b và nêu công dụng của dấu gạch ngang trong cụm “Việt - Pháp”.</p>	<p>- HS trả lời: Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.</p>
<p>- GV chốt: Cần đọc kĩ ngữ cảnh để biết dấu gạch ngang đang đánh dấu liệt kê, lời nói trực tiếp hay nối các từ ngữ trong liên danh.</p>	<p>- HS sửa bài vào vở, ghi nhớ cách xác định công dụng của dấu gạch ngang.</p>
<p>3. Luyện tập - Bài tập 2 <i>Mục tiêu: Biết thay kí hiệu cho trước bằng dấu gạch ngang phù hợp và nêu công dụng của dấu câu.</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Dấu câu nào có thể thay cho các bông hoa dưới đây? Nêu công dụng của dấu câu đó.</p>	<p>- HS đọc đề, xác định cần thay bông hoa bằng dấu gạch ngang và nêu công dụng.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS làm câu a cá nhân: đọc đoạn “Cậu học sinh mới”, tìm vị trí bông hoa trước lời nhân vật.</p>	<p>- HS làm bài: thay bông hoa bằng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.</p>
<p>- GV mời HS nêu lại đoạn đã thay dấu phù hợp.</p>	<p>- HS đọc: - Con tên là gì? - Thưa thầy, con là Lu-i Pa-xơ ạ! - Đã muốn đi học chưa hay còn thích chơi? - Thưa thầy, con thích đi học ạ!</p>
<p>- GV hướng dẫn HS làm câu b theo nhóm 2: thay bông hoa trong các cụm “khoa học ... công nghệ, giáo dục ... đào tạo, văn hoá ... thể thao”.</p>	<p>- HS trả lời: thay bằng dấu gạch ngang: khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hoá - thể thao. Dấu gạch ngang dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.</p>
<p>- GV kết luận: Khi dùng dấu gạch ngang, các em cần viết đúng vị trí, không lẫn với dấu trừ hoặc dấu gạch nối trong từ.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ.</p>
<p>4. Luyện tập - Bài tập 3 <i>Mục tiêu: Vận dụng dấu gạch ngang để ghi lại câu hỏi - đáp về một nhà khoa học.</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài 3: Cùng bạn hỏi - đáp về một nhà khoa học. Ghi lại 1 - 2 câu hỏi - đáp của em và bạn, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu, xác định cần làm việc theo cặp và ghi lại câu hỏi - đáp.</p>
<p>- GV gợi ý: Có thể hỏi - đáp về Ma-ri Quy-ri, Ê-đi-xon, Niu--ton, Xi-ôn-cốp-xki hoặc một nhà khoa học em biết.</p>	<p>- HS chọn một nhà khoa học để hỏi - đáp với bạn.</p>
<p>- GV cho HS làm nhóm 2: một bạn hỏi, một bạn</p>	<p>- HS thực hành: - Ê-đi-xon đã phát minh ra gì? -</p>

đáp, sau đó đổi vai.	Ông có nhiều phát minh, trong đó có bóng đèn điện. - Em học được điều gì từ ông? - Em học được sự kiên trì và ham tìm tòi.
- GV mời 2 - 3 cặp trình bày trước lớp, nhận xét cách dùng dấu gạch ngang.	- HS trình bày; lớp nhận xét: bạn dùng dấu gạch ngang đúng để đánh dấu lời hỏi - đáp.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Vận dụng dấu gạch ngang vào ghi chép trong đời sống học tập.</i>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh 2 câu có sử dụng dấu gạch ngang: một câu liệt kê, một câu ghi lời nói trực tiếp.	- HS viết vào vở, sau đó đọc cho bạn kiểm tra.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết bài văn miêu tả con vật.	- HS lắng nghe, ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 16**BÀI 29: Ở VƯƠNG QUỐC TƯƠNG LAI****TIẾT 3: VIẾT - VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Biết chọn một trong hai đề bài để viết bài văn miêu tả con vật theo dàn ý đã lập.
- Viết được bài văn có đủ mở bài, thân bài, kết bài; biết miêu tả ngoại hình, hoạt động, thói quen và tình cảm với con vật.
- Biết đọc soát và chỉnh sửa bài viết về nội dung, trình tự miêu tả, cách dùng từ, đặt câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động lựa chọn đề, dựa vào dàn ý để viết bài hoàn chỉnh.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cho bài viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn chi tiết nổi bật, diễn đạt sinh động khi miêu tả con vật.

3. Phẩm chất:

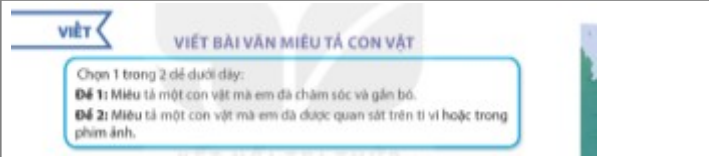
- Chăm chỉ: Tích cực viết bài, đọc soát và sửa lỗi.
- Trách nhiệm: Có ý thức hoàn thành bài viết đúng yêu cầu, trình bày sạch đẹp.
- Nhân ái: Biết yêu quý, chăm sóc con vật và thể hiện tình cảm phù hợp trong bài viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Đề bài trong SGK, bảng tiêu chí đọc soát, dàn ý mẫu, tranh con vật, máy chiếu/ti vi.
- HS: SGK, vở viết, bút, dàn ý bài văn miêu tả con vật đã lập ở bài trước.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi nhớ cấu trúc bài văn miêu tả con vật và tạo tâm thế viết bài.</i>	
- GV hỏi: Bài văn miêu tả con vật thường gồm mấy phần? Nêu nội dung từng phần.	- HS trả lời: Bài văn gồm 3 phần: mở bài giới thiệu con vật; thân bài tả ngoại hình, hoạt động, thói quen; kết bài nêu tình cảm, suy nghĩ đối với con vật.
- GV yêu cầu HS nhắc lại điều cần lưu ý khi tả con vật.	- HS nêu: Cần chọn đặc điểm nổi bật, tả theo trình tự hợp lí, dùng từ ngữ gợi tả và thể hiện tình cảm chân thật.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em dựa vào dàn ý đã lập để viết một bài văn miêu tả con vật hoàn chỉnh.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết và dàn ý.
2. Thực hành - Chuẩn bị viết bài <i>Mục tiêu: Chọn đề, xác định con vật miêu tả và rà soát dàn ý trước khi viết.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK: Chọn 1 trong 2 đề dưới đây: Đề 1 miêu tả một con vật mà em đã chăm sóc và gắn bó; Đề 2 miêu tả một con vật mà em đã được quan sát trên ti vi hoặc trong phim ảnh.	- HS đọc đề, xác định hai lựa chọn viết bài.

	
<p>- GV hỏi: Nếu chọn đề 1, em nên chọn con vật nào? Vì sao?</p>	<p>- HS trả lời: Em chọn con mèo/con chó/con thỏ vì em đã chăm sóc và biết rõ hình dáng, hoạt động, thói quen của nó.</p>
<p>- GV hỏi: Nếu chọn đề 2, em cần chú ý điều gì khi miêu tả con vật quan sát trên ti vi hoặc phim ảnh?</p>	<p>- HS trả lời: Cần dựa vào những gì đã quan sát được, không bịa quá xa; chọn đặc điểm nổi bật và viết bằng lời của mình.</p>
<p>- GV yêu cầu HS mở dàn ý đã lập, kiểm tra đủ ba phần và các ý chính trong thân bài.</p>	<p>- HS kiểm tra dàn ý: mở bài, thân bài, kết bài; bổ sung chi tiết còn thiếu nếu cần.</p>
<p>3. Thực hành - Viết bài văn <i>Mục tiêu: Viết được bài văn miêu tả con vật có bố cục rõ ràng, diễn đạt mạch lạc.</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS viết bài vào vở theo đề đã chọn, dựa vào dàn ý nhưng không chép máy móc từng ý.</p>	<p>- HS viết bài văn vào vở, trình bày cẩn thận, đủ ba phần.</p>
<p>- GV nhắc HS phần mở bài cần giới thiệu con vật tự nhiên, ngắn gọn.</p>	<p>- HS viết mở bài: “Nhà em có nuôi một chú mèo tam thể rất đáng yêu. Em đặt tên cho chú là Mi.”</p>
<p>- GV nhắc HS phần thân bài cần tả ngoại hình và hoạt động theo trình tự hợp lí.</p>	<p>- HS viết thân bài: tả dáng, bộ lông, đôi mắt, tai, chân, đuôi; tả hoạt động ăn, ngủ, chạy nhảy, chơi đùa.</p>
<p>- GV nhắc HS phần kết bài cần nêu tình cảm hoặc mong muốn của em đối với con vật.</p>	<p>- HS viết kết bài: “Em rất yêu quý chú mèo Mi và sẽ chăm sóc chú thật tốt.”</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng trong việc chọn từ ngữ, sắp xếp ý hoặc chuyển đoạn.</p>	<p>- HS hỏi khi cần, điều chỉnh bài viết theo gợi ý của GV.</p>
<p>4. Luyện tập - Đọc soát và chỉnh sửa <i>Mục tiêu: Biết đọc soát, phát hiện lỗi và chỉnh sửa bài viết.</i></p>	
<p>- GV chiếu bảng tiêu chí đọc soát: Các đặc điểm của con vật; trình tự sắp xếp các ý; cách dùng từ, viết câu.</p>	<p>- HS quan sát tiêu chí và tự đọc lại bài viết của mình.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đổi vở theo nhóm 2 để góp ý cho nhau.</p>	<p>- HS đổi vở, góp ý: bạn thiếu hoạt động của con vật, câu văn còn lặp từ, kết bài cần thể hiện tình cảm rõ hơn.</p>
<p>- GV mời 1 - 2 HS đọc đoạn văn hay trước lớp.</p>	<p>- HS đọc đoạn văn; lớp nhận xét đoạn văn có chi tiết nổi bật, từ ngữ gợi tả, câu văn mạch lạc.</p>
<p>- GV nhận xét chung và nhắc HS sửa lỗi còn mắc.</p>	<p>- HS sửa bài: bổ sung chi tiết, chỉnh câu, thay từ lặp, viết lại đoạn chưa hay.</p>
<p>5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Mở rộng thói quen đọc và quan sát để viết văn miêu tả tốt hơn.</i></p>	
<p>- GV giao nhiệm vụ: Tìm đọc các bài văn miêu tả con vật hoặc trao đổi với người thân về đặc điểm</p>	<p>- HS ghi nhiệm vụ, có thể hỏi người thân về thói quen, hoạt động của con vật để bổ sung bài viết.</p>

của con vật trong bài văn em viết.	
- GV dặn HS chuẩn bị bài Cánh chim nhỏ.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài đọc mới.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 16

BÀI 30: CÁNH CHIM NHỎ

TIẾT 1 - 2: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Cánh chim nhỏ; biết ngắt nghỉ ở câu dài, nhấn giọng ở những chi tiết thể hiện ước mơ và sự chia sẻ của nhân vật.
- Nhận biết được hoàn cảnh hai cậu bé gặp nhau, ước mơ của mỗi bạn và việc làm nhân ái của cậu bé mơ ước biết bay.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; nêu được nhận xét về tình bạn, lòng nhân ái và ý nghĩa của việc sẻ chia ước mơ.
- Tìm được từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhân vật và đặt câu với các từ ngữ đó.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc văn bản, tìm chi tiết, chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm, lắng nghe và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ bài đọc với cách giúp đỡ bạn bè trong đời sống.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết sẻ chia, cảm thông với bạn gặp khó khăn.
- Trách nhiệm: Có ý thức giúp đỡ bạn bằng việc làm phù hợp, an toàn.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, tìm ý và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

4. Tích hợp:

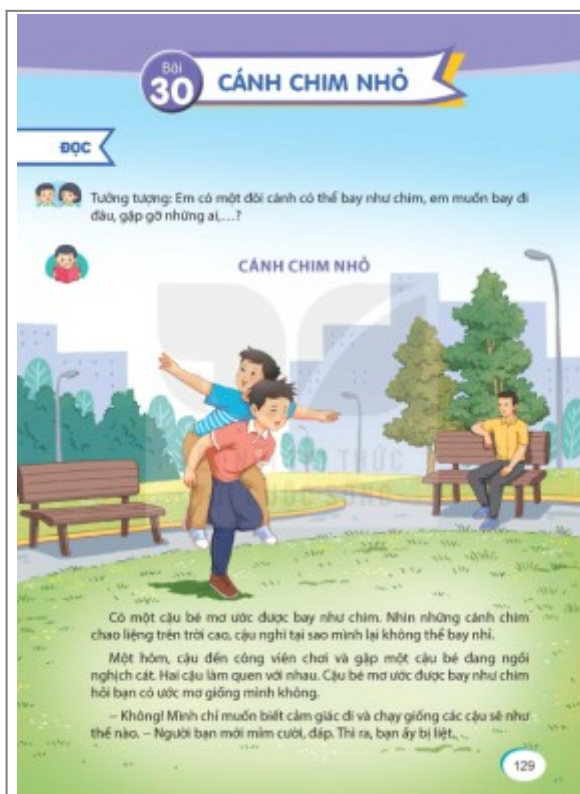
- **Tích hợp BVMT:** HS biết yêu quý loài chim và thiên nhiên; không bắt chim non, phá tổ chim, biết bảo vệ cây xanh và môi trường sống của các loài vật.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc, phiếu đọc hiểu, bảng từ ngữ, hình SGK cắt đúng bài 30, máy chiếu/ti vi.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút, chuẩn bị suy nghĩ về một ước mơ của bản thân.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú với bài đọc, kết nối ước mơ bay với hình ảnh cánh chim.</i>	
- GV tổ chức cho HS tưởng tượng: Nếu em có một đôi cánh có thể bay như chim, em muốn bay đi đâu, gặp gỡ những ai?	- HS trao đổi nhóm 2; có thể nêu: Em muốn bay đến biển, lên núi, thăm người thân, nhìn thành phố từ trên cao.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp và hỏi thêm: Vì sao em muốn bay đến nơi đó?	- HS chia sẻ: Em muốn bay để ngắm cảnh đẹp, giúp đỡ người thân, nhìn thấy thế giới rộng lớn hơn.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc, yêu cầu HS dự đoán câu chuyện.	- HS quan sát tranh, dự đoán: Câu chuyện có hai bạn nhỏ, một bạn cõng bạn chạy trong công viên; có thể liên quan đến ước mơ được bay hoặc được chạy.



- GV giới thiệu: Bài đọc Cánh chim nhỏ kể về một việc làm giản dị nhưng làm cho ước mơ của một bạn nhỏ trở nên gần hơn.

- HS mở SGK, chuẩn bị đọc bài.

2. Khám phá - Đọc văn bản

Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, hiểu từ khó và nắm được mạch sự việc chính.

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng nhẹ nhàng, cảm động; nhấn giọng ở các từ ngữ: bay như chim, mơ ước, chạy, rung rung, con đang bay.

- HS lắng nghe, theo dõi SGK và nhận biết giọng đọc.

- GV hướng dẫn HS luyện đọc các từ khó: liệt, ngồi ghế, rung rung, xây những tòa lâu đài, chạy tọt tọt lúc gió tạt mạnh vào mặt.

- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp; sửa phát âm theo hướng dẫn của GV.

- GV chia văn bản thành 3 đoạn: đoạn 1 hai cậu bé gặp nhau; đoạn 2 cuộc trò chuyện và mong muốn của mỗi bạn; đoạn 3 việc làm của cậu bé và niềm vui của người bạn.

- HS đánh dấu đoạn trong SGK.

- GV yêu cầu HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 3, chú ý giọng đọc lời nhân vật.

- HS đọc nối tiếp trong nhóm; bạn nghe nhận xét cách đọc rõ tiếng, đúng nhịp.

- GV mời đại diện nhóm đọc trước lớp, nhận xét và sửa lỗi nếu có.

- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét, bổ sung.

3. Khám phá - Đọc hiểu

Mục tiêu: Hiểu nội dung câu chuyện, nhận xét được việc làm nhân ái của nhân vật.

Mục tiêu tích hợp: HS biết yêu quý loài chim, thiên nhiên; không bắt chim non, phá tổ chim, biết bảo vệ cây xanh và môi trường sống của các loài vật.

<p>- GV nêu câu hỏi 1: Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì?</p> <p>—Ồ, ước gì mình chia sẻ được với cậu cảm giác đó. — Cậu bé muốn bay như chim nói với bạn.</p> <p>Thế rồi hai cậu bé cùng nhau xây những tòa lâu đài bằng cát và cười giòn tan. Khi cha của cậu bé bị liệt nói đã tới lúc phải về, cậu bé mơ ước biết bay đến thăm thì vào tai ông và được ông đồng ý. Cậu bảo bạn:</p> <p>— Mình chưa biết làm thế nào để giúp cậu đi và chạy được như mình. Nhưng điều này thì mình làm được.</p> <p>Dứt lời, cậu xoay người lại công bạn. Người bạn nhỏ ôm ghì lấy cậu. Lúc đầu, cậu đi từng bước ngắn. Rồi như được tiếp thêm sức mạnh, cậu bắt đầu chạy cho tới lúc gió tạt mạnh vào mặt cả hai.</p> <p>Người cha đứng lặng nhìn theo, mắt rưng rưng. Đứa con không đi được của ông đang dang rộng đôi cánh tay, vung vẩy trong gió và luôn miệng hét to:</p> <p>— Con đang bay, bố ơi! Con đang bay!</p> <p>(Theo Hạt giống tâm hồn, Thanh Thủy dịch)</p> <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hai cậu bé gặp nhau ở đâu? Mỗi cậu bé mơ ước hoặc mong muốn điều gì? 2. Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay đã làm gì? 3. Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn công chạy trong công viên? 4. Nếu nhận xét của em về việc làm của cậu bé mơ ước biết bay. <p>?</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài đọc <i>Cánh chim nhỏ</i>. 2. Đặt 1 – 2 câu với những từ ngữ em tìm được ở bài tập 1. <p>VIẾT</p> <p>TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung. 2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và nhược điểm của bài làm. <p>130</p>	<p>- HS trả lời: Hai cậu bé gặp nhau ở công viên. Một cậu bé mơ ước được bay như chim; cậu bé ngồi trên ghế mong muốn được chạy giống như các bạn nhỏ khác.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 2: Khi biết mong muốn của người bạn mới gặp, cậu bé mơ ước biết bay đã làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Cậu bé đã cõng người bạn lên lưng rồi chạy thật nhanh để bạn cảm nhận gió tạt vào mặt, tưởng như mình đang bay.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 3: Theo em, cậu bé bị liệt có cảm xúc như thế nào khi được bạn công chạy trong công viên?</p>	<p>- HS trả lời: Cậu bé rất vui sướng, xúc động, hạnh phúc; mắt cậu rưng rưng và cậu hét lên với bố: “Con đang bay, bố ơi!”.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 4: Nếu nhận xét của em về việc làm của cậu bé mơ ước biết bay.</p>	<p>- HS trả lời: Cậu bé rất nhân ái, biết quan tâm, chia sẻ ước mơ với bạn; việc làm của cậu giản dị nhưng đem lại niềm vui lớn cho người bạn mới gặp.</p>
<p>- Khi nhìn thấy chim bay, chúng ta thường nghĩ đến tự do và ước mơ. Vậy để bảo vệ những “cánh chim nhỏ” ngoài thiên nhiên, các em cần làm gì?</p>	<p>- HS trả lời: Không bắt chim non, không phá tổ chim, không ném đá chim, bảo vệ cây xanh để chim có nơi làm tổ, nhắc bạn cùng yêu quý thiên nhiên.</p>
<p>- GV diễn giải: Cánh chim trong bài đọc gợi ước mơ đẹp của trẻ thơ. Ngoài đời, chim cần cây xanh, bầu trời trong lành và môi trường sống an toàn. Khi các em biết bảo vệ cây, không phá tổ chim, không bắt chim non, các em đang giữ lại tiếng hát, vẻ đẹp và sự cân bằng của thiên nhiên quanh mình.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ: Em sẽ yêu quý loài chim, bảo vệ cây xanh và không làm hại các loài vật.</p>
<p>4. Luyện tập theo văn bản đọc</p>	

Mục tiêu: Củng cố từ ngữ thể hiện cảm xúc và vận dụng đặt câu.

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1: Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của hai bạn nhỏ trong bài đọc Cánh chim nhỏ.	- HS đọc yêu cầu, tìm từ ngữ trong văn bản.
- GV cho HS làm việc nhóm 2, gạch chân từ ngữ thể hiện cảm xúc trong bài.	- HS trao đổi, nêu: mơ ước, chia sẻ, muốn biết cảm giác, rung rung, hét to, con đang bay.
- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Đặt 1 - 2 câu với những từ ngữ em tìm được ở bài tập 1.	- HS viết câu: “Bạn nhỏ rung rung khi được cảm nhận như mình đang bay.” “Em rất vui khi được chia sẻ ước mơ với bạn.”
- GV mời HS đọc câu trước lớp, nhận xét cách dùng từ.	- HS đọc câu; lớp nhận xét câu đúng nghĩa, diễn đạt rõ cảm xúc.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Liên hệ bài học với việc quan tâm, giúp đỡ bạn bè trong đời sống.

- GV yêu cầu HS viết nhanh một việc em có thể làm để giúp bạn vui hơn khi bạn gặp khó khăn.	- HS viết: Em có thể lắng nghe bạn, rủ bạn cùng chơi, giúp bạn học bài, chia sẻ đồ dùng học tập, nói lời động viên.
- GV mời 2 HS chia sẻ, nhắc lớp biết giúp bạn đúng cách và bảo đảm an toàn.	- HS chia sẻ; lớp lắng nghe, vỗ tay động viên.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Trả bài văn miêu tả con vật.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 16**BÀI 30: CÁNH CHIM NHỎ****TIẾT 3: VIẾT - TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CON VẬT****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe và hiểu được nhận xét chung của GV về bài văn miêu tả con vật.
- Biết đọc lại bài làm, nhận ra ưu điểm và hạn chế về bố cục, nội dung miêu tả, trình tự sắp xếp ý, cách dùng từ, viết câu.
- Biết sửa lỗi và viết lại 1 - 2 đoạn trong bài cho hay hơn.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự đọc lại bài, phát hiện lỗi và chủ động sửa bài.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi với bạn để học tập cách viết hay.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn cách sửa phù hợp để bài viết rõ hơn, sinh động hơn.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực sửa lỗi, hoàn thiện bài viết.
- Trách nhiệm: Có ý thức tiếp thu góp ý và trình bày bài sạch đẹp.
- Nhân ái: Biết yêu quý con vật, thể hiện tình cảm chân thật trong bài viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bài viết đã chấm, bảng nhận xét chung, phiếu sửa lỗi, một số đoạn văn hay của HS.
- HS: Vở viết, bút, bài văn miêu tả con vật đã viết.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo tâm thế tiếp nhận nhận xét và sửa bài tích cực.</i>	
- GV hỏi: Khi nhận lại bài viết, chúng ta cần làm gì để bài sau tiến bộ hơn?	- HS trả lời: Cần đọc kỹ nhận xét, tìm lỗi, sửa lỗi, học cách viết hay của bạn và viết lại đoạn chưa tốt.
- GV nhắc HS: Nhận xét bài viết nhằm giúp các em tiến bộ, không so sánh hoặc chê bai bài của bạn.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài viết và bút để sửa lỗi.
2. Nhận xét chung bài viết <i>Mục tiêu: Nhận biết ưu điểm và hạn chế thường gặp trong bài văn miêu tả con vật.</i>	
- GV nhận xét chung: Nhiều bài có bố cục đủ mở bài, thân bài, kết bài; biết chọn con vật gần gũi, có chi tiết miêu tả ngoại hình và hoạt động.	- HS lắng nghe, đối chiếu với bài làm của mình.
- GV nêu những hạn chế cần khắc phục: một số bài còn tả chung chung, thiếu hoạt động của con vật, sắp xếp ý chưa hợp lí, dùng từ lặp hoặc câu văn còn dài.	- HS ghi nhớ các lỗi thường gặp để kiểm tra bài của mình.
- GV đọc 1 - 2 đoạn văn hay, yêu cầu HS nêu điểm đáng học tập.	- HS nhận xét: đoạn văn có mở bài tự nhiên, biết chọn từ gợi tả, có so sánh nhân hoá, thể hiện tình cảm rõ.
3. Luyện tập - Đọc lại và tự sửa bài	

Mục tiêu: Biết dùng tiêu chí để tự phát hiện lỗi và chỉnh sửa bài viết.

- GV yêu cầu HS đọc lại bài làm và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm, nhược điểm của bài mình.

- Bài làm có đủ mở bài, thân bài, kết bài không?
- Các đặc điểm của con vật có được lựa chọn và miêu tả theo trình tự hợp lí không?
- Bài làm mắc mấy lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả?

3. Đọc bài làm của các bạn được thầy cô khen, nêu những điều em muốn học tập.

Ví dụ:

Cách mở bài, kết bài	Cách lựa chọn từ ngữ miêu tả
Cách sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá	Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc

4. Viết lại 1 - 2 đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.

NÓI VÀ NGHE

Kể chuyện

ĐÔI CẢNH CỦA NGỰA TRẮNG
(Thy Ngọc)

1. Nghe kể chuyện.



2. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện trên.

3. Nêu những cảm xúc, suy nghĩ của em sau khi nghe câu chuyện.

1. Trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện Đôi cảnh của ngựa trắng.

2. Tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ.

Gợi ý:

- Bà điều ước, ước mơ cuối cùng (truyện cổ tích)
- Cậu bé chinh phục gió (truyện nước ngoài)

131

- HS đọc bài, gạch chân những chỗ cần sửa.

- GV hướng dẫn HS tự kiểm tra theo câu hỏi: Bài làm có đủ mở bài, thân bài, kết bài không? Các đặc điểm của con vật được lựa chọn và miêu tả theo trình tự hợp lí không? Bài làm mắc mấy lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả?

- HS tự kiểm tra bài viết theo từng tiêu chí, đánh dấu lỗi cần sửa.

- GV yêu cầu HS đổi vở nhóm 2 để góp ý cho nhau một điểm cần sửa và một điểm đáng học tập.

- HS trao đổi với bạn: bài của bạn tả bộ lông rất hay; bạn cần bổ sung hoạt động của con vật; câu này nên tách thành hai câu.

- GV quan sát, hỗ trợ HS sửa những lỗi khó về trình tự ý, từ ngữ và câu văn.

- HS sửa bài theo hướng dẫn, hỏi GV khi chưa rõ.

4. Thực hành - Viết lại đoạn văn

Mục tiêu: Viết lại 1 - 2 đoạn trong bài cho rõ hơn, hay hơn.

- GV yêu cầu HS chọn một đoạn trong bài cần viết lại: mở bài, một đoạn thân bài hoặc kết bài.

- HS chọn đoạn còn sơ sài hoặc có nhiều lỗi để viết lại.

- GV nhắc HS khi viết lại cần bổ sung chi tiết nổi bật, thay từ lặp, dùng câu văn ngắn gọn, thể hiện tình cảm với con vật.

- HS viết lại đoạn văn vào vở, cố gắng dùng từ gợi tả và sắp xếp ý mạch lạc.

- GV mời 2 - 3 HS đọc đoạn đã sửa trước lớp.

- HS đọc đoạn văn; lớp nhận xét đoạn sau khi sửa rõ hơn, sinh động hơn.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Tiếp tục hoàn thiện bài viết và học tập cách miêu tả trong đời sống.

- GV giao nhiệm vụ: Hoàn thiện bài văn sau khi sửa; đọc cho người thân nghe một đoạn em đã viết lại.	- HS ghi nhiệm vụ, chuẩn bị tiết Nói và nghe Kể chuyện Đôi cánh của ngựa trắng.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS biết sửa bài tích cực.	- HS lắng nghe, giữ bài viết để tiếp tục rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 16**BÀI 30: CÁNH CHIM NHỎ****TIẾT 4: NÓI VÀ NGHE - KỂ CHUYỆN ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nghe và hiểu được câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng qua lời kể của GV và tranh minh họa.
- Dựa vào tranh, kể lại được câu chuyện theo trình tự; biết dùng lời kể rõ ràng, tự nhiên.
- Nêu được cảm xúc, suy nghĩ sau khi nghe câu chuyện; biết trao đổi về ý nghĩa câu chuyện và tìm đọc thêm truyện viết về ước mơ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động quan sát tranh, ghi nhớ chi tiết chính của câu chuyện.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe, kể chuyện trong nhóm, nhận xét và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sắp xếp sự việc theo trình tự và kể bằng lời của mình.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực nghe kể, luyện kể và hoàn thành nhiệm vụ.
- Trách nhiệm: Biết lắng nghe bạn, không ngắt lời, nhận xét lịch sự.
- Nhân ái: Biết đồng cảm với ước mơ của nhân vật, trân trọng sự nỗ lực để đạt điều mong muốn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa câu chuyện trong SGK, bảng gợi ý trình tự kể, phiếu nhận xét kể chuyện, máy chiếu/ti vi.
- HS: SGK, vở ghi, bút, chuẩn bị một câu chuyện hoặc bài đọc về ước mơ nếu có.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú nghe kể chuyện, kết nối với bài đọc Cánh chim nhỏ.</i>	
- GV hỏi: Trong bài Cánh chim nhỏ, hình ảnh “cánh chim” gợi cho em điều gì?	- HS trả lời: Gợi ước mơ được bay, sự tự do, niềm vui và mong muốn vượt qua khó khăn.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em nghe và kể lại câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng, một câu chuyện cũng nói về ước mơ và sự nỗ lực.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Nói và nghe.
2. Nghe kể chuyện <i>Mục tiêu: Nghe và ghi nhớ những sự việc chính trong câu chuyện.</i>	
- GV chiếu tranh minh họa, yêu cầu HS quan sát 4 tranh và dự đoán nhân vật, sự việc.	- HS quan sát tranh: có ngựa trắng, ngựa mẹ, chim đại bàng, sói và cảnh ngựa trắng chạy trên đồi núi.

<p>– Bài làm có đủ mở bài, thân bài, kết bài không? – Các đặc điểm của con vật có được lựa chọn và miêu tả theo trình tự hợp lý không? – Bài làm mắc mấy lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả?</p> <p>3. Đọc bài làm của các bạn được thầy cô khen, nêu những điều em muốn học tập.</p> <p>Ví dụ:</p> <table border="1"> <tr> <td>Cách mở bài, kết bài</td> <td>Cách lựa chọn từ ngữ miêu tả</td> </tr> <tr> <td>Cách sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá</td> <td>Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc</td> </tr> </table> <p>4. Viết lại 1 – 2 đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.</p> <p>NÓI VÀ NGHE</p> <p>Kể chuyện ĐÔI CÁNH CỦA NGỰA TRẮNG (Thy Ngọc)</p> <p>1. Nghe kể chuyện.</p>  <p>2. Dựa vào tranh, kể lại câu chuyện trên.</p> <p>3. Nêu những cảm xúc, suy nghĩ của em sau khi nghe câu chuyện.</p> <p>1. Trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng. 2. Tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ.</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Bà điều ước, ước mơ cuối cùng (truyện cổ tích) – Cậu bé chinh phục gió (truyện nước ngoài) <p>131</p>	Cách mở bài, kết bài	Cách lựa chọn từ ngữ miêu tả	Cách sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá	Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc	
Cách mở bài, kết bài	Cách lựa chọn từ ngữ miêu tả				
Cách sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá	Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc				
<p>- GV kể lần 1 toàn bộ câu chuyện với giọng rõ ràng, truyền cảm.</p>	<p>- HS lắng nghe, ghi nhớ nhân vật và sự việc chính.</p>				
<p>- GV kể lần 2 kết hợp chỉ tranh: Ngựa trắng mơ có đôi cánh để bay; đại bàng khuyên ngựa hãy luyện đôi chân; khi gặp nguy hiểm, ngựa trắng chạy thật nhanh và hiểu rằng đôi chân chính là đôi cánh của mình.</p>	<p>- HS lắng nghe, quan sát tranh, ghi nhớ trình tự câu chuyện.</p>				
<p>- GV hỏi nhanh: Câu chuyện có những nhân vật nào? Ngựa trắng mơ ước điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Có ngựa trắng, ngựa mẹ, đại bàng, sói. Ngựa trắng mơ có đôi cánh để bay.</p>				
<p>3. Luyện tập - Kể lại câu chuyện theo tranh <i>Mục tiêu: Dựa vào tranh và gợi ý, kể lại câu chuyện theo trình tự.</i></p>					
<p>- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Mỗi bạn chọn một tranh, kể lại sự việc trong tranh bằng lời của mình.</p>	<p>- HS luyện kể theo nhóm 4, mỗi bạn kể một đoạn.</p>				
<p>- GV gợi ý tranh 1: Ngựa trắng sống bên mẹ, ngắm đại bàng bay và ước có đôi cánh.</p>	<p>- HS kể: Ngựa trắng nhìn đại bàng bay trên bầu trời và ao ước mình cũng có đôi cánh.</p>				
<p>- GV gợi ý tranh 2: Ngựa trắng hỏi đại bàng về đôi cánh.</p>	<p>- HS kể: Đại bàng nói với ngựa trắng rằng đôi cánh của ngựa chính là đôi chân khỏe, cần tập chạy để biết sức mạnh của mình.</p>				
<p>- GV gợi ý tranh 3: Ngựa trắng gặp nguy hiểm và phải chạy thật nhanh.</p>	<p>- HS kể: Khi gặp sói, ngựa trắng sợ hãi nhưng nhớ lời đại bàng, liền dồn sức chạy thật nhanh.</p>				
<p>- GV gợi ý tranh 4: Ngựa trắng hiểu ý nghĩa “đôi cánh” của mình.</p>	<p>- HS kể: Ngựa trắng chạy băng qua đồi núi, cảm nhận niềm vui và hiểu đôi chân khỏe chính là đôi cánh giúp mình vượt qua nguy hiểm.</p>				

- GV mời 1 - 2 nhóm kể nối tiếp trước lớp.	- HS kể trước lớp; lớp nhận xét giọng kể, trình tự, chi tiết và thái độ khi kể.
4. Trao đổi về câu chuyện <i>Mục tiêu: Nêu cảm xúc, suy nghĩ sau khi nghe và kể chuyện.</i>	
- GV hỏi: Sau khi nghe câu chuyện, em có cảm xúc hoặc suy nghĩ gì?	- HS trả lời: Em thấy câu chuyện hay; em hiểu muốn đạt ước mơ cần luyện tập; mỗi người có thể mạnh riêng cần biết phát huy.
- GV hỏi: Theo em, “đôi cánh” của ngựa trắng trong câu chuyện là gì?	- HS trả lời: Đó là đôi chân khỏe, sự nỗ lực, lòng dũng cảm và niềm tin vào khả năng của mình.
- GV yêu cầu HS liên hệ: Em sẽ làm gì để thực hiện một ước mơ của mình?	- HS nêu: Em sẽ chăm học, luyện tập hằng ngày, hỏi thầy cô khi chưa hiểu, không bỏ cuộc khi gặp khó khăn.
- GV kết luận: Ước mơ sẽ gần hơn khi chúng ta biết cố gắng, tin vào khả năng của mình và kiên trì rèn luyện.	- HS lắng nghe, ghi nhớ bài học.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Mở rộng việc đọc và chia sẻ câu chuyện về ước mơ.</i>	
- GV giao nhiệm vụ: Trao đổi với người thân về ý nghĩa của câu chuyện Đôi cánh của ngựa trắng.	- HS ghi nhiệm vụ, kể lại câu chuyện cho người thân nghe.
- GV gợi ý HS tìm đọc câu chuyện viết về ước mơ như Ba điều ước, Ước mơ cuối cùng, Cậu bé chinh phục gió.	- HS ghi tên truyện gợi ý, có thể tìm đọc ở thư viện hoặc nguồn do người lớn giới thiệu.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS kể chuyện tự nhiên, lắng nghe bạn lịch sự.	- HS lắng nghe, chuẩn bị bài tuần sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 17

BÀI 31: NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ

TIẾT 1: ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng, đọc diễn cảm bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ; biết ngắt nhịp thơ, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện ước mơ của bạn nhỏ.
- Nhận biết được những điều ước của bạn nhỏ khi có phép lạ; hiểu ý nghĩa của các hình ảnh thơ giàu tưởng tượng.
- Trả lời được các câu hỏi đọc hiểu; nêu được điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ.
- Học thuộc lòng bài thơ; biết bày tỏ và trân trọng những ước mơ tốt đẹp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động luyện đọc, học thuộc lòng và chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm, lắng nghe ước mơ của bạn và góp ý lịch sự.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ ước mơ trong bài thơ với những việc làm cụ thể để cuộc sống tốt đẹp hơn.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết yêu thương con người, mong muốn mọi người được sống trong hòa bình, an toàn.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, học thuộc lòng và hoàn thành nhiệm vụ học tập.
- Trách nhiệm: Biết nuôi dưỡng ước mơ đẹp, thực hiện việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ môi trường và cuộc sống.

4. Tích hợp:

- Tích hợp QCN: HS hiểu trẻ em có quyền được ước mơ, quyền học tập và phát triển năng lực; biết nuôi dưỡng ước mơ gắn với việc làm tốt cho bản thân, gia đình, cộng đồng.
- Tích hợp AI (4.D1.1): HS biết biến các ý tưởng “phép lạ” thành giải pháp AI thực tế để bảo vệ môi trường; đề xuất một thiết bị AI giúp gieo hạt, phủ xanh đồi trọc hoặc giảm ô nhiễm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc trong SGK, bài thơ phóng to, bảng từ khó, phiếu câu hỏi đọc hiểu, hình/clip ngắn về thiết bị AI bảo vệ môi trường nếu có.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút, chuẩn bị một ước mơ đẹp muốn chia sẻ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú học tập; kết nối trải nghiệm của HS với chủ điểm Chắp cánh ước mơ và bài thơ.</i>	
- GV giới thiệu chủ điểm Chắp cánh ước mơ: Trong chủ điểm này, các em sẽ đọc, viết, nói về những ước mơ đẹp của tuổi thơ và những việc cần làm để ước mơ bay xa.	- HS lắng nghe, nắm chủ điểm tuần 17.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2: Nếu có một phép lạ, em muốn dùng phép lạ đó để làm gì? Vì sao?	- HS trao đổi nhóm 2: Em muốn có phép lạ để cây xanh mọc nhanh, người nghèo có cơm ăn, mọi người không còn bệnh tật, thế giới không có chiến tranh...
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp, khuyến khích HS nói rõ điều ước đó giúp ích cho ai.	- HS chia sẻ trước lớp, nói rõ lí do: điều ước đó giúp bản thân, gia đình, bạn bè hoặc mọi người sống tốt hơn.
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc và yêu cầu HS dự đoán: Các bạn nhỏ trong bài thơ có thể đang mơ ước những điều gì?	- HS quan sát tranh và dự đoán: Các bạn nhỏ ước hạt giống lớn nhanh, được bay, được lặn biển, không còn bom đạn.
- GV kết luận chuyển ý: Bài thơ hôm nay đưa chúng ta đến với những ước mơ hồn nhiên nhưng rất đẹp, hướng đến cuộc sống bình yên, no đủ và không còn chiến tranh.	- HS lắng nghe, mở SGK bài Nếu chúng mình có phép lạ.

Tuần 17

Học 31 **NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ**

ĐỌC

Nếu có một phép lạ, em muốn dùng phép lạ đó để làm gì? Vì sao?

NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ

Nếu chúng mình có phép lạ
Bắt hạt giống nảy mầm nhanh
Chớp mắt thành cây đầy quả
Tha hồ hái chén ngọt lành.

Nếu chúng mình có phép lạ
Ngủ dậy thành người lớn ngay
Đưa thi lặn xuống đáy biển
Đưa thi lái máy bay.

Nếu chúng mình có phép lạ
Hái triệu vì sao xuống cùng
Đúc thành ống mặt trời mới
Mãi mãi không còn mùa đông.

Nếu chúng mình có phép lạ
Hoà trái bom thành trái ngon
Trong ruột không còn thuốc nổ
Chỉ toàn kẹo với bí tròn.

Nếu chúng mình có phép lạ
Nếu chúng mình có phép lạ

Từ ngữ:
- bom: vũ khí, vũ bằng kim loại, chứa chất nổ, gây sát thương, thường do máy bay thả xuống.
- thuốc nổ chất có khả năng phá hoại và sát thương bằng sức ép của nó khi bị kích nổ.

(Đinh Hải)



2. Khám phá - Đọc văn bản

Mục tiêu: Đọc đúng bài thơ, hiểu từ khó, biết ngắt nhịp và thể hiện giọng đọc vui tươi, tha thiết.

- GV đọc mẫu toàn bài với giọng hồn nhiên, vui tươi; nhấn giọng ở các từ ngữ: phép lạ, nảy mầm nhanh, người lớn, lặn xuống đáy biển, lái máy bay, không còn mùa đông, hóa trái bom thành trái ngon.	- HS lắng nghe, theo dõi SGK, nhận biết giọng đọc.
- GV yêu cầu 1 HS đọc toàn bài.	- 1 HS đọc toàn bài, cả lớp đọc thầm theo.
- GV hướng dẫn HS chia bài thơ thành 5 khổ thơ và luyện đọc nối tiếp.	- HS đánh dấu 5 khổ thơ trong SGK.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: phép lạ, nảy mầm, chớp mắt, người lớn, lặn, lái máy bay, triệu vì sao, thuốc nổ.	- HS luyện đọc cá nhân, đọc nối tiếp các từ khó.
- GV hướng dẫn HS luyện đọc nhịp thơ: “Nếu chúng mình / có phép lạ / Bắt hạt giống / nảy mầm nhanh / Chớp mắt / thành cây đầy quả / Tha hồ / hái chén ngọt lành.”	- HS luyện đọc câu thơ theo nhịp, chú ý ngắt nghỉ tự nhiên.
- GV cho HS đọc nối tiếp trong nhóm 5, mỗi bạn đọc một khổ thơ; bạn nghe nhận xét: đọc rõ hơn, nhấn giọng ở từ ngữ thể hiện ước mơ.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm 5; bạn nghe nhận xét: đọc rõ hơn, nhấn giọng ở từ ngữ thể hiện ước mơ.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét, bổ sung.

xét giọng đọc và sửa lỗi phát âm.	
3. Khám phá - Đọc hiểu <i>Mục tiêu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu; hiểu ý nghĩa những ước mơ trong bài thơ và quyền được sống an toàn, hòa bình của trẻ em.</i> <i>Mục tiêu tích hợp: HS hiểu trẻ em có quyền được ước mơ, được học tập, được sống trong môi trường an toàn; biết nuôi dưỡng ước mơ tốt đẹp.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc phần Từ ngữ và giải thích: bom, thuốc nổ.	- HS đọc chú giải: bom là vũ khí chứa chất nổ; thuốc nổ là chất có khả năng phá hoại và sát thương bằng sức ép khi nổ.
- GV nêu câu hỏi 1: Nếu có phép lạ, các bạn nhỏ ước những điều gì?	- HS thảo luận và tìm ý trong bài.
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 4, dùng bút chì gạch chân những hình ảnh thể hiện điều ước trong bài thơ.	- HS gạch chân các hình ảnh: hạt giống nảy mầm nhanh, ngủ dậy thành người lớn, lặn xuống đáy biển, lái máy bay, hái triêu vì sao, đúc thành ông mặt trời mới, không còn mùa đông, hóa trái bom thành trái ngon.
- GV mời đại diện nhóm trình bày, nhóm khác bổ sung. 	- Đại diện nhóm trình bày; nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nêu câu hỏi 2: Theo em, hai điều ước “không còn mùa đông” và “hóa trái bom thành trái ngon” có ý nghĩa gì?	- HS suy nghĩ cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm 2.
- GV gợi ý: Các em hãy nghĩ đến những khó khăn do giá rét, thiên tai, chiến tranh, bom đạn gây ra cho con người.	- HS trả lời: “Không còn mùa đông” là mong mọi người không còn chịu rét, không còn những hiểm họa do thiên nhiên gây ra; “hóa trái bom thành trái ngon” là mong không còn chiến tranh, bom đạn, mọi người được sống yên vui, no đủ.
- GV mời HS trả lời, GV chốt ý.	- HS lắng nghe, ghi nhớ ý nghĩa nhân văn của điều ước.
- GV nêu câu hỏi 3: Em thích ước mơ nào trong bài thơ? Vì sao?	- HS trả lời theo ý riêng: Em thích ước mơ hóa trái bom thành trái ngon vì em mong thế giới hòa bình; em thích ước mơ hạt giống nảy mầm nhanh vì mọi người có nhiều quả ngọt.
- GV nhắc HS nói theo mẫu: Em thích ước mơ... vì...	- HS nói đủ câu, biết giải thích lí do.

- GV nêu câu hỏi 4: Việc lặp lại hai lần câu thơ “Nếu chúng mình có phép lạ” ở cuối bài thơ nói lên điều gì?	- HS trả lời: Việc lặp lại câu thơ cho thấy mong ước của các bạn nhỏ rất tha thiết, mãnh liệt, các bạn thật sự muốn có phép lạ để làm cuộc sống tốt đẹp hơn.
- GV yêu cầu HS nêu nội dung chính của bài thơ.	- HS nêu: Bài thơ thể hiện những ước mơ hồn nhiên, đẹp đẽ của trẻ em về cuộc sống no đủ, bình yên, không còn chiến tranh.
- GV hỏi dẫn tích hợp: Những điều ước về “không còn mùa đông”, “hóa trái bom thành trái ngon” giúp em nghĩ đến quyền gì của trẻ em và của con người?	- HS trả lời: Đó là quyền được sống an toàn, được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, được học tập và vui chơi trong hòa bình.
- GV diễn giải: Trẻ em có quyền được sống, được học tập, được vui chơi trong môi trường an toàn, không có bạo lực và chiến tranh. Khi các em ước mơ về hòa bình, về cây trái, về niềm vui, đó là những ước mơ rất đẹp, biết hướng đến hạnh phúc của nhiều người. Mỗi bạn cần biết trân trọng ước mơ của mình, tôn trọng ước mơ của bạn và cố gắng học tập để biến ước mơ thành việc làm tốt.	- HS lắng nghe, liên hệ: Em sẽ không chê cười ước mơ của bạn; em sẽ chăm học và làm việc tốt để giúp cuộc sống xung quanh tốt hơn.
- GV chốt: Ước mơ đẹp cần gắn với tình yêu thương, trách nhiệm và hành động cụ thể.	- HS ghi nhớ giá trị của hòa bình và quyền được ước mơ.

4. Luyện tập - Học thuộc lòng

Mục tiêu: Luyện đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

- GV chọn khổ thơ 1 và khổ thơ 4, hướng dẫn HS đọc diễn cảm; nhấn giọng ở các từ ngữ chỉ ước mơ.	- HS luyện đọc khổ thơ theo hướng dẫn, chú ý nhịp thơ và giọng đọc vui tươi.
- GV cho HS luyện đọc thuộc lòng theo nhóm 5, mỗi bạn phụ trách một khổ thơ.	- HS học thuộc lòng trong nhóm; bạn nghe nhắc từ đầu dòng nếu bạn quên.
- GV tổ chức thi đọc thuộc lòng theo hình thức “truyền điện”: bạn đầu đọc khổ 1, bạn tiếp theo đọc khổ 2...	- HS tham gia thi đọc thuộc lòng; lớp cổ vũ, nhận xét.
- GV nhận xét, tuyên dương HS đọc đúng, nhớ bài và thể hiện cảm xúc.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Liên hệ bài thơ với ước mơ của bản thân; đề xuất ý tưởng AI “phép lạ” phục vụ cuộc sống.

Mục tiêu tích hợp: HS biết biến ý tưởng “phép lạ” thành giải pháp AI thực tế để bảo vệ môi trường, đồng thời hiểu AI chỉ là công cụ hỗ trợ con người.

- GV hỏi dẫn tích hợp AI: Nếu biến một điều ước trong bài thơ thành một thiết bị AI thật, em muốn thiết bị đó làm việc gì để bảo vệ môi trường?	- HS trả lời: Em muốn có máy bay AI gieo hạt phủ xanh đồi trọc; robot AI nhặt rác dưới sông; cảm biến AI báo cháy rừng; máy AI biến rác thành phân bón.
- GV gợi ý: Thiết bị AI có thể bay qua đồi trọc để gieo hạt, nhận diện nơi thiếu cây xanh, cảnh báo cháy rừng, nhặt rác ở sông hồ hoặc phân loại rác.	- HS lắng nghe gợi ý, chọn một ý tưởng phù hợp.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân: Viết nhanh tên thiết bị AI “phép lạ” của em và một việc thiết bị đó làm được.	- HS viết: “Máy bay AI gieo hạt xanh: bay qua vùng đất trống, nhận diện chỗ cần trồng cây và thả hạt giống.”
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ, GV kết luận: AI có thể hỗ trợ con người thực hiện những ý tưởng tốt đẹp, nhưng con người phải biết đặt mục tiêu nhân văn, sử dụng AI an toàn và có trách nhiệm.	- HS chia sẻ trước lớp, lắng nghe bạn và góp ý lịch sự.
- GV dặn HS về nhà học thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị tiết Luyện từ và câu.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 17

BÀI 31: NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ

TIẾT 2: LUYỆN TỪ VÀ CÂU - LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nhận diện được danh từ, động từ, tính từ trong nhóm từ và trong đoạn văn.
- Tìm được từ không cùng loại trong các nhóm từ; lựa chọn được từ phù hợp để hoàn chỉnh đoạn văn.
- Viết được 4 - 5 câu về chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng đúng các từ mơ, bà tiên, kì lạ.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự đọc yêu cầu bài tập, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ cá nhân.
- Giao tiếp và hợp tác: Trao đổi nhóm để thống nhất đáp án, lắng nghe và góp ý cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn từ phù hợp ngữ cảnh, viết câu sinh động.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện tập, hoàn thành bài đúng thời gian.
- Trách nhiệm: Có ý thức dùng từ chính xác, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Nhân ái: Tôn trọng ý kiến của bạn khi thảo luận, góp ý bằng lời nói lịch sự.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 1.1.CB1a, 1.2.CB1a: HS tra cứu hoặc quan sát thông tin về hiện tượng tự nhiên trên nguồn GV cung cấp; biết chọn từ khóa đơn giản, đối chiếu thông tin và không mở đường dẫn lạ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bài tập trong SGK cắt riêng, thẻ từ danh từ - động từ - tính từ, bảng nhóm, phiếu học tập, máy chiếu/ti vi.
- HS: SGK, vở ghi, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi nhớ kiến thức về danh từ, động từ, tính từ; tạo hứng thú cho tiết luyện tập.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Ai nhanh hơn”: GV chiếu 3 nhóm từ và yêu cầu HS xác định nhóm nào là danh từ, nhóm nào là động từ, nhóm nào là tính từ.	- HS tham gia trò chơi, giơ thẻ hoặc trả lời miệng.
- GV nêu nhóm 1: mùa xuân, mưa bão, sấm, chớp.	- HS trả lời: Nhóm 1 là danh từ vì chỉ sự vật, hiện tượng.
- GV nêu nhóm 2: bơi, lặn, chạy, ném.	- HS trả lời: Nhóm 2 là động từ vì chỉ hoạt động.
- GV nêu nhóm 3: nhanh, rộng, mới, ngon.	- HS trả lời: Nhóm 3 là tính từ vì chỉ đặc điểm.
- GV hỏi: Danh từ, động từ, tính từ khác nhau như thế nào?	- HS nêu: Danh từ chỉ sự vật; động từ chỉ hoạt động, trạng thái; tính từ chỉ đặc điểm, tính chất.
- GV giới thiệu bài: Tiết học hôm nay giúp các em luyện tập phân biệt và sử	- HS lắng nghe, ghi tên bài.

dụng danh từ, động từ, tính từ trong câu, đoạn văn.	
2. Luyện tập - Bài tập 1 <i>Mục tiêu: Tìm được từ không cùng loại trong mỗi nhóm từ và giải thích được lí do.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 1: Mỗi nhóm từ dưới đây chứa 1 từ không cùng loại. Tìm các từ đó.	- HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV chiếu bài tập trong SGK và yêu cầu HS quan sát 3 nhóm: Danh từ, Động từ, Tính từ.	- HS quan sát bài tập trong SGK.
- GV giao nhiệm vụ nhóm 2: Mỗi cặp đọc kĩ từng nhóm từ, tìm từ không cùng loại và giải thích lí do.	- HS làm việc nhóm 2, trao đổi và thống nhất đáp án.
- GV mời đại diện nhóm trình bày theo mẫu: Ở nhóm..., từ không cùng loại là... vì...	- HS trình bày: Nhóm danh từ có từ không cùng loại là “biển” vì “biển” là động từ; nhóm động từ có từ không cùng loại là “quả” vì “quả” là danh từ; nhóm tính từ có từ không cùng loại là “bom” vì “bom” là danh từ.
- GV nhận xét, chốt đáp án. 	- HS sửa bài vào vở.
3. Luyện tập - Bài tập 2 <i>Mục tiêu: Chọn được từ ngữ phù hợp để thay cho bông hoa trong mỗi đoạn văn; hiểu vai trò của từ ngữ trong diễn đạt.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 2: Từ ngữ nào dưới đây có thể thay cho bông hoa trong mỗi đoạn văn?	- HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV mời 1 HS đọc các từ cho trước: yên vui, quây quần, sung túc, đông đúc; nhìn,	- HS đọc các từ cho trước, phân biệt nhóm từ chỉ đặc điểm và nhóm động từ.

roi, trú mưa, chảy, tạnh.	
- GV tổ chức cho HS làm nhóm 4: Nhóm 1, 2 hoàn thành đoạn a; nhóm 3, 4 hoàn thành đoạn b.	- HS làm việc nhóm 4, ghi kết quả vào phiếu.
- GV nhắc HS đọc cả câu, cả đoạn để chọn từ hợp nghĩa, không chỉ nhìn vào chỗ trống.	- HS đọc lại câu văn sau khi điền để kiểm tra nghĩa.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả.	- HS trình bày: Đoạn a điền: đông đúc, sung túc, quây quần, yên vui. Đoạn b điền: trú mưa, roi, tạnh, nhìn, chảy.
- GV hỏi: Vì sao trong câu “Gia đình tôi có hàng nghìn miệng ăn” nên chọn từ “đông đúc”?	- HS trả lời: Vì “đông đúc” diễn tả số lượng rất nhiều, phù hợp với đàn kiến có hàng nghìn miệng ăn.
- GV hỏi: Vì sao trong câu “Sáng hôm sau, bừng mắt dậy, trời đã...” nên chọn từ “tạnh”?	- HS trả lời: Vì sau cơn mưa, trời không còn mưa nữa thì dùng từ “tạnh”.
- GV kết luận: Khi chọn từ, các em cần dựa vào nghĩa của từ và nghĩa của cả câu, cả đoạn.	- HS lắng nghe, ghi nhớ cách chọn từ theo ngữ cảnh.
- GV hỏi dẫn tích hợp NLS: Nếu chưa hiểu nghĩa của từ “sung túc”, “quây quần”, “tạnh”, em có thể tìm hiểu bằng cách nào cho an toàn?	- HS trả lời: Em có thể hỏi thầy cô, dùng từ điển, hoặc tra cứu trên nguồn thầy cô hướng dẫn.
- GV diễn giải: Các em có thể dùng từ điển giấy, từ điển số do GV giới thiệu hoặc trang học tập an toàn để tra nghĩa. Khi tra cứu, chỉ cần gõ từ khóa đơn giản như “nghĩa của từ sung túc”, đọc kết quả từ nguồn rõ ràng, đối chiếu với câu trong SGK. Không tự ý mở đường dẫn lạ, không nhập thông tin cá nhân và không sao chép máy móc mà phải hiểu nghĩa để dùng đúng.	- HS lắng nghe, ghi nhớ: tra cứu để hiểu nghĩa, không mở đường dẫn lạ, không sao chép máy móc.
- GV yêu cầu HS nêu lại 2 nguyên tắc khi tra cứu nghĩa từ trên môi trường số.	- HS nêu: Chọn nguồn rõ ràng; đối chiếu với SGK và không nhập thông tin cá nhân.
4. Luyện tập - Bài tập 3 Mục tiêu: Viết được đoạn 4 - 5 câu có sử dụng các từ cho trước.	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 3: Viết 4 - 5	- HS đọc yêu cầu bài tập.

câu về chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng các từ: mơ, bà tiên, kì lạ.	
- GV hướng dẫn HS xác định chủ đề có thể viết: một giấc mơ, một câu chuyện cổ tích, một điều ước, một cuộc gặp gỡ tưởng tượng.	- HS chọn chủ đề để viết.
- GV yêu cầu HS làm cá nhân vào vở.	- HS viết đoạn văn vào vở.
- GV cho HS đổi vở theo nhóm 2 để kiểm tra: đoạn có đủ 4 - 5 câu chưa, có dùng đủ 3 từ chưa, câu có rõ nghĩa không.	- HS đổi vở, góp ý cho bạn: thiếu từ “kì lạ”, câu chưa rõ ý, cần viết hoa đầu câu...
- GV mời 2 - 3 HS đọc bài trước lớp, nhận xét cách dùng từ.	- HS đọc bài: “Đêm qua, em mơ thấy một chuyện kì lạ. Em đi lạc vào khu vườn đầy hoa và gặp một bà tiên hiền hậu. Bà tiên tặng em một hạt giống biết nói. Em gieo hạt giống ấy trước sân trường và ước cây lớn nhanh để che mát cho các bạn.”

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Củng cố khả năng phân biệt danh từ, động từ, tính từ trong đời sống.

- GV tổ chức trò chơi “Xếp từ về đúng nhà”: GV phát thẻ từ cho các nhóm, yêu cầu xếp vào 3 ngôi nhà Danh từ - Động từ - Tính từ.	- HS xếp thẻ từ theo nhóm: danh từ, động từ, tính từ.
- GV yêu cầu mỗi nhóm đặt 1 câu có đủ danh từ, động từ, tính từ.	- HS đặt câu: “Bạn nhỏ mơ một giấc mơ kì lạ.”; “Bà tiên hiền hậu bay qua khu vườn xanh.”
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài Tìm hiểu cách viết thư.	- HS lắng nghe, ghi nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 17**BÀI 31: NẾU CHÚNG MÌNH CÓ PHÉP LẠ
TIẾT 3: VIẾT - TÌM HIỂU CÁCH VIẾT THƯ****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được các phần chính của một bức thư: phần đầu, phần chính, phần cuối.
- Xác định được người viết, người nhận, nội dung chính và cách trình bày một bức thư.
- Biết trao đổi về những thông tin muốn viết trong thư gửi bạn ở xa.
- Viết được 3 - 4 câu bày tỏ tình cảm với người thân hoặc bạn bè, có sử dụng động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc mẫu thư, tìm thông tin theo câu hỏi.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm, lắng nghe và góp ý ý tưởng viết thư của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin phù hợp để đưa vào thư.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết quan tâm, thăm hỏi người thân, bạn bè bằng lời viết chân thành.
- Chăm chỉ: Hoàn thành nhiệm vụ đọc hiểu mẫu thư và chuẩn bị ý viết thư.
- Trách nhiệm: Biết dùng lời lẽ lịch sự, đúng sự thật, bảo vệ thông tin cá nhân khi giao tiếp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS biết quy tắc giao tiếp lịch sự khi viết thư/thư điện tử; không chia sẻ địa chỉ, số điện thoại, hình ảnh cá nhân khi chưa được phép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Mẫu thư trong SGK cắt riêng, bảng cấu trúc thư, phiếu thảo luận, máy chiếu/ti vi.
- HS: SGK, vở ghi, bút, chuẩn bị tên một người thân hoặc bạn ở xa mà em muốn viết thư.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi nhớ trải nghiệm viết thư, nhận thư và tạo tâm thế vào bài.</i>	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm 2: Em đã từng viết thư hoặc nhận thư của ai chưa? Lá thư đó làm em nhớ điều gì?	- HS trao đổi nhóm 2: Em từng nhận thư chúc mừng sinh nhật, thư của người thân, thư của bạn...
- GV hỏi: Theo em, thư dùng để làm gì?	- HS trả lời: Thư dùng để thăm hỏi, chia sẻ tin tức, bày tỏ tình cảm, kể chuyện hoặc chúc mừng.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp, các bạn lắng nghe.
- GV giới thiệu: Hôm nay các em tìm hiểu cách viết thư để biết một bức thư cần có những phần nào và nội dung ra sao.	- HS lắng nghe, mở SGK phần Tìm hiểu cách viết thư.
2. Khám phá - Đọc bức thư <i>Mục tiêu: Đọc mẫu thư, xác định người viết, người nhận và các phần của bức thư.</i>	

<p>- GV chiếu bức thư trong SGK, yêu cầu HS quan sát các chú thích: lời chào đầu thư, địa điểm và thời gian viết thư, nội dung chính, cuối thư, chữ kí.</p>	<p>- HS quan sát mẫu thư và các chú thích trong SGK.</p>
<p>- GV mời 1 HS đọc toàn bộ bức thư trước lớp.</p>	<p>- 1 HS đọc bức thư, cả lớp đọc thầm theo.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi a: Thư trên của ai gửi cho ai? Dựa vào đâu mà em biết?</p>	<p>- HS trả lời: Thư của bạn Phương Linh gửi cho bạn Việt Phương. Em biết dựa vào lời chào “Việt Phương thân mến!” và phần cuối thư có tên “Phương Linh”.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi b: Bức thư gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.</p>	<p>- HS đọc lại thư, xác định các phần.</p>
<p>- GV tổ chức HS thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi b.</p>  <p>VIẾT</p> <p>TÌM HIỂU CÁCH VIẾT THƯ</p> <p>1. Đọc bức thư dưới đây và trả lời câu hỏi.</p> <p>Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2022</p> <p>Việt Phương thân mến!</p> <p>Câu và gia đình vẫn khỏe chứ? Nghe kể cậu có đi chơi đâu không? Hà chị em tớ được bố mẹ cho đi chơi ở công viên TMM Lẻ. Ở đó tớ thấy nhất là được ngắm nhìn hồ, voi, hươu sao, nai, chim công... Chẳng thất ngủ nghìn và đáng yêu.</p> <p>Tớ ước mơ trở thành một người chăm sóc và chữa bệnh cho các con thú. Ày tớ biết: “Nếu muốn thực hiện ước mơ đó, cậu hãy trở thành một bác sĩ thú y. Để biết việc chăm sóc các con thú này cũng giống như chăm sóc các em bé vì chúng có ngôn ngữ riêng. Phải gần gũi và quan tâm đến chúng hàng ngày thì mới hiểu được.”</p> <p>Tớ tự nhủ sẽ cố gắng học tập thật tốt để trở thành bác sĩ thú y, hàng ngày được chăm sóc các loài vật của cậu.</p> <p>Thế cậu ước mơ sau này làm nghề gì? Việt thú k! cho tớ nghe nhé. Chúng mình sẽ cùng nhau cố gắng để biến ước mơ thành hiện thực.</p> <p>Chờ tớ gửi lại cho cậu sách khoa học và gia đình, tớ mong được gặp cậu.</p> <p>Đàn của cậu</p> <p>Chữ kí</p> <p>Phương Linh</p> <p>Cuối thư: lời chúc, lời chào,...</p> <p>a. Thư trên của ai gửi cho ai? Dựa vào đâu mà em biết? b. Bức thư gồm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần.</p> <p>Ghi nhớ</p> <p>Một bức thư thường gồm những nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu: Địa điểm và thời gian viết thư; lời thưa gửi, lời chào đầu thư. - Phần chính: Thăm hỏi tình hình của người nhận thư; chia sẻ tin tức của người viết thư. - Phần cuối: Lời cảm ơn, lời chúc, hứa hẹn; chữ kí và tên hoặc họ, tên. <p>2. Trao đổi về những thông tin em muốn viết trong thư gửi cho bạn ở xa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thăm hỏi bạn hoặc gia đình bạn (sức khỏe, công việc, học tập...). - Chia sẻ thông tin về trường lớp, gia đình, ước mơ... (những thay đổi, hoạt động, lễ hội...). <p>Viết 3 – 4 câu về tình cảm của em đối với người thân hoặc bạn bè, trong đó có sử dụng các động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc.</p>	<p>- HS thảo luận nhóm 4, ghi kết quả vào phiếu.</p>
<p>- GV mời đại diện nhóm trình bày cấu trúc bức thư.</p>	<p>- HS trình bày: Phần đầu gồm địa điểm, thời gian viết thư, lời thưa gửi/lời chào đầu thư; phần chính gồm lời thăm hỏi, chia sẻ tin tức, ước mơ; phần cuối gồm lời chúc, lời cảm ơn, hứa hẹn, chữ kí và tên người viết.</p>
<p>- GV chốt ghi nhớ: Một bức thư thường gồm phần đầu, phần chính, phần cuối.</p>	<p>- HS đọc lại ghi nhớ trong SGK.</p>
<p>- GV hỏi: Vì sao khi viết thư cần chọn cách xưng hô phù hợp?</p>	<p>- HS trả lời: Vì người nhận thư có thể là ông bà, bố mẹ, bạn bè, thầy cô; mỗi đối tượng cần lời xưng hô khác nhau.</p>

- GV kết luận: Cách xưng hô phù hợp giúp bức thư thể hiện sự tôn trọng, gần gũi và đúng quan hệ giữa người viết với người nhận.	- HS ghi nhớ cách viết thư.
3. Luyện tập - Trao đổi thông tin muốn viết trong thư <i>Mục tiêu: Biết lựa chọn nội dung thăm hỏi, chia sẻ tin tức và bày tỏ tình cảm khi viết thư.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Trao đổi về những thông tin em muốn viết trong thư gửi cho bạn ở xa.	- HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV gợi ý nội dung trao đổi: Thăm hỏi bạn hoặc gia đình bạn; chia sẻ thông tin về trường lớp, gia đình, ước mơ, hoạt động mới, lí do viết thư.	- HS lắng nghe và chọn thông tin muốn viết.
- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm 2: Một bạn đóng vai người viết thư, một bạn đóng vai người nghe góp ý.	- HS trao đổi nhóm 2: Em muốn hỏi thăm sức khỏe bạn, kể về lớp em, kể về ước mơ trở thành bác sĩ, mời bạn hè về chơi...
- GV mời 2 - 3 cặp trình bày trước lớp.	- Đại diện cặp trình bày; lớp nhận xét nội dung có phù hợp không.
- GV nhận xét, khen những ý thăm hỏi chân thành, lời lẽ lịch sự.	- HS lắng nghe, bổ sung ý vào vở nháp.
- GV hỏi dẫn tích hợp NLS: Ngoài thư viết tay, hiện nay chúng ta có thể dùng phương tiện nào để gửi thư nhanh hơn?	- HS trả lời: Có thể dùng email/thư điện tử hoặc công cụ học tập của lớp dưới sự hướng dẫn của người lớn.
- GV diễn giải: Thư điện tử như Gmail, Outlook có thể giúp gửi thư nhanh, nhưng khi viết thư hoặc email, các em cần dùng lời chào lịch sự, tiêu đề rõ ràng, nội dung đúng sự thật. Không ghi địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu, hình ảnh riêng tư của bản thân hoặc người khác khi chưa được phép. Trước khi gửi, cần kiểm tra đúng người nhận và đọc lại nội dung.	- HS lắng nghe, ghi nhớ quy tắc giao tiếp lịch sự và an toàn.
- GV yêu cầu HS nêu 3 điều cần nhớ khi viết thư điện tử cho bạn hoặc thầy cô.	- HS nêu: Ghi tiêu đề rõ; dùng lời lẽ lịch sự; không chia sẻ thông tin cá nhân; kiểm tra đúng người nhận trước khi gửi.
4. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Viết câu bày tỏ tình cảm với người thân hoặc bạn bè, chuẩn bị cho tiết viết thư sau.</i>	

- GV yêu cầu HS viết 3 - 4 câu về tình cảm của em đối với người thân hoặc bạn bè, trong đó có sử dụng động từ thể hiện tình cảm, cảm xúc.	- HS viết vào vở: “Em rất nhớ bà ngoại. Em mong hè này được về quê thăm bà. Em yêu những câu chuyện bà kể mỗi tối. Em biết ơn bà vì luôn chăm sóc và động viên em.”
- GV gợi ý các động từ: yêu, thương, nhớ, mong, quý, biết ơn, kính trọng.	- HS chọn động từ thể hiện tình cảm phù hợp.
- GV mời 2 - 3 HS đọc câu trước lớp, nhận xét cách dùng từ.	- HS đọc câu trước lớp; bạn nhận xét câu có rõ tình cảm không.
- GV dặn HS ghi lại những ý muốn viết trong thư để tiết sau thực hành viết thư.	- HS ghi nhiệm vụ chuẩn bị tiết Viết thư.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 17**BÀI 32: ANH BA****TIẾT 1 - 2: ĐỌC****I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT****1. Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng, đọc diễn cảm văn bản Anh Ba; biết phân biệt lời người kể chuyện và lời thoại của nhân vật.
- Hiểu nghĩa các từ ngữ: mạo hiểm, đô hộ; nhận biết được ý chí, quyết tâm và lòng yêu nước của anh Ba.
- Trả lời được câu hỏi đọc hiểu; nêu được mục đích ra nước ngoài của anh Ba và ý nghĩa câu chuyện.
- Luyện tập tìm danh từ riêng, tìm từ gần nghĩa với hăng hái, can đảm và đặt câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động đọc văn bản, tìm hiểu từ khó, chuẩn bị câu trả lời.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết đọc phân vai, trao đổi nhóm để tìm chi tiết trong bài.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết liên hệ tấm gương Bác Hồ với việc học tập, rèn luyện của bản thân.

3. Phẩm chất:

- Yêu nước: Kính yêu, biết ơn Bác Hồ; tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc.
- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, tìm ý và hoàn thành bài tập.
- Trách nhiệm: Có ý thức học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Tích hợp:

- **Tích hợp QPAN:** HS hiểu tình yêu nước và khát vọng tìm đường cứu nước của Bác Hồ thời trẻ; biết tự hào dân tộc, chăm học, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh minh họa bài đọc, ảnh Bác Hồ thời trẻ, ảnh tàu Đô đốc La-tu-sơ Tờ-rê-vin, bảng từ khó, phiếu đọc hiểu, bảng nhóm.
- HS: SGK, vở ghi, bút, chuẩn bị một điều em biết về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú với bài đọc; khơi gợi hiểu biết ban đầu của HS về Bác Hồ thời trẻ.</i>	
- GV mời 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ và trả lời 1 câu hỏi: Bài thơ nói lên những ước mơ gì của trẻ em?	- HS đọc thuộc lòng và trả lời: Các bạn nhỏ ước cuộc sống no đủ, hòa bình, không còn chiến tranh.
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 2: Em biết điều gì về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ?	- HS trao đổi: Bác Hồ là vị lãnh tụ kính yêu; Bác ra đi tìm đường cứu nước; Bác sống giản dị, yêu thương thiếu nhi.
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp, các bạn lắng nghe.
- GV chiếu tranh minh họa bài Anh Ba và ảnh Nguyễn Ái Quốc, hỏi: Theo em,	- HS quan sát tranh, dự đoán: Câu chuyện kể về Bác Hồ khi còn trẻ, chuẩn bị ra nước ngoài tìm đường cứu nước.

<p>câu chuyện có thể kể về giai đoạn nào trong cuộc đời Bác?</p>	
<p>- GV giới thiệu: Bài đọc Anh Ba kể về thời điểm người thanh niên Nguyễn Tất Thành nung nấu ý chí ra nước ngoài tìm đường cứu nước.</p> 	<p>- HS lắng nghe, mở SGK bài Anh Ba.</p>
<p>2. Khám phá - Đọc văn bản <i>Mục tiêu: Đọc đúng văn bản, hiểu từ khó và biết đọc diễn cảm lời thoại của nhân vật.</i></p>	
<p>- GV đọc mẫu toàn bài với giọng kể chậm rãi, trang trọng; lời anh Ba dứt khoát, thể hiện quyết tâm; lời anh Lê băn khoăn, lo lắng.</p>	<p>- HS lắng nghe, theo dõi SGK, nhận biết giọng đọc.</p>
<p>- GV yêu cầu 1 HS đọc toàn bài.</p>	<p>- 1 HS đọc toàn bài, cả lớp đọc thầm.</p>
<p>- GV chia văn bản thành 4 đoạn: đoạn 1 từ đầu đến “rất lạ”; đoạn 2 từ “Ít hôm sau” đến “tôi chứ?”; đoạn 3 từ “Bị lôi cuốn” đến “giữ lời hứa”; đoạn 4 phần còn lại.</p>	<p>- HS đánh dấu đoạn trong SGK.</p>
<p>- GV hướng dẫn HS luyện đọc từ khó: Sài Gòn, máy nước, yêu nước, mạo hiểm, đô hộ, hăng hái, phiêu lưu, La-tu-sơ Tờ-rê-vin.</p>	<p>- HS luyện đọc từ khó cá nhân, đọc nối tiếp.</p>

- GV hướng dẫn HS đọc câu dài: “Sau này, anh Lê mới biết người thanh niên yêu nước đầy nhiệt huyết ấy đã đi khắp năm châu bốn biển để tìm ra con đường cứu nước, cứu dân.”	- HS luyện đọc câu dài, chú ý ngắt nghỉ sau các cụm từ.
- GV cho HS đọc nối tiếp đoạn trong nhóm 4.	- HS đọc nối tiếp trong nhóm 4; bạn nghe góp ý cách đọc.
- GV mời 1 - 2 nhóm đọc trước lớp, nhận xét và sửa lỗi.	- HS đọc trước lớp; lớp nhận xét giọng đọc và cách phát âm.
- GV hướng dẫn HS đọc phần Từ ngữ: mạo hiểm, đô hộ.	- HS nêu nghĩa: mạo hiểm là liều lĩnh làm việc nguy hiểm; đô hộ là thống trị, cai quản một nước phụ thuộc.
- GV tổ chức đọc phân vai: người dẫn chuyện, anh Ba, anh Lê.	- HS phân vai trong nhóm 3 và luyện đọc.
- GV nhắc HS khi đọc lời anh Ba cần thể hiện sự bình tĩnh, kiên quyết; khi đọc lời anh Lê cần thể hiện sự lo lắng.	- HS điều chỉnh giọng đọc theo hướng dẫn.
- GV mời 2 nhóm thi đọc phân vai.	- 2 nhóm thi đọc phân vai trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương nhóm đọc đúng vai và thể hiện cảm xúc tốt.	- HS lắng nghe, học tập cách đọc của bạn.

3. Khám phá - Đọc hiểu

Mục tiêu: Trả lời câu hỏi đọc hiểu; hiểu tình yêu nước, ý chí và khát vọng tìm đường cứu nước của anh Ba.

Mục tiêu tích hợp: HS hiểu tình yêu nước và khát vọng tìm đường cứu nước của Bác Hồ thời trẻ; biết tự hào dân tộc, chăm học, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- GV nêu câu hỏi 1: Trước khi đề nghị anh Lê ra nước ngoài với mình, anh Ba đã hỏi anh Lê những gì?	- HS đọc thầm và trả lời: Anh Ba hỏi anh Lê: “Anh Lê, anh có yêu nước không?”; “Anh có thể giữ bí mật không?”.
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn đầu, tìm câu hỏi của anh Ba và trả lời.	- HS tìm chi tiết trong văn bản.
- GV nêu câu hỏi 2: Những câu nói nào cho biết mục đích ra nước ngoài của anh Ba?	- HS trả lời: Câu nói cho biết mục đích của anh Ba là: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta.”
- GV yêu cầu HS gạch chân câu văn thể hiện mục đích của anh Ba.	- HS gạch chân câu văn trong SGK.

<p>– Đây, tiến đây! – anh Ba vừa nói vừa giơ hai bàn tay. – Chúng ta sẽ làm việc, chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi. Anh cùng đi với tôi chứ?</p> <p>Bị lời cuốn vì lòng hăng hái của anh Ba, người bạn đồng ý. Nhưng sau khi suy nghĩ kĩ, thấy cuộc đi có vẻ phiêu lưu, anh Lê không đủ can đảm để giữ lời hứa.</p> <p>Sau này, anh Lê mới biết người thanh niên yêu nước, đầy nhiệt huyết ấy đã đi khắp năm châu bốn biển để tìm ra con đường cứu nước, cứu dân. Người thanh niên ấy chính là Bác Hồ của chúng ta.</p> <p>(Theo Trần Dân Tiên)</p> <p>Từ ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> – Mạo hiểm: liều lĩnh làm một việc dù biết là nguy hiểm, có thể gây ra hậu quả tai hại. – Đế chế thống trị, cai quản một nước phụ thuộc. <p>1. Trước khi để nghị anh Lê ra nước ngoài với mình, anh Ba đã hỏi anh Lê những gì?</p> <p>2. Những câu nói nào cho biết mục đích ra nước ngoài của anh Ba?</p> <p>3. Câu nói “Chúng ta sẽ làm việc, chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi” thể hiện điều gì?</p> <p>4. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện này?</p> <p>5. Kể lại một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã đọc hoặc đã nghe.</p> <p>1. Tìm các danh từ riêng trong bài đọc Anh Ba.</p> <p>2. Tìm từ có nghĩa giống với từ hăng hái, can đảm và đặt câu với những từ em tìm được.</p> <p>VIẾT</p> <p>VIẾT THƯ</p> <p>Đề bài: Viết một bức thư cho người thân hoặc bạn bè ở xa.</p> <p>1. Dựa vào nội dung hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 31, viết một bức thư theo yêu cầu của đề bài.</p> <p>Lưu ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Cần lựa chọn cách xưng hô phù hợp. – Cần thể hiện sự quan tâm, tình cảm, cảm xúc của em đối với người nhận thư. 	
<p>- GV nêu câu hỏi 3: Câu nói “Chúng ta sẽ làm việc, chúng ta sẽ làm bất cứ việc gì để sống và để đi” thể hiện điều gì?</p>	<p>- HS trả lời: Câu nói thể hiện tinh thần tự lực, lòng hăng hái, ý chí quyết tâm vượt qua khó khăn để thực hiện mục tiêu ra đi tìm đường cứu nước.</p>
<p>- GV cho HS thảo luận nhóm 4: Nhóm em hãy tìm những từ ngữ thể hiện ý chí của anh Ba.</p>	<p>- HS thảo luận và nêu các từ/cụm từ: yêu nước, giữ bí mật, làm bất cứ việc gì, sống và để đi, lòng hăng hái, tìm đường cứu nước.</p>
<p>- GV nêu câu hỏi 4: Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua câu chuyện này?</p>	<p>- HS trả lời: Tác giả muốn ca ngợi lòng yêu nước, ý chí kiên cường và khát vọng cứu nước của Bác Hồ thời trẻ; muốn nhắc mọi người muốn làm việc lớn phải có lí tưởng, quyết tâm và nghị lực.</p>
<p>- GV mời HS trả lời, GV nhận xét và chốt nội dung.</p>	<p>- HS lắng nghe, nhắc lại nội dung chính.</p>
<p>- GV hỏi dẫn tích hợp QPAN: Việc anh Ba ra đi tìm đường cứu nước cho thấy tình yêu nước và trách nhiệm với Tổ quốc như thế nào?</p>	<p>- HS trả lời: Anh Ba yêu nước sâu sắc, muốn tìm cách giúp đồng bào thoát khỏi cảnh đô hộ, dám đi xa và làm việc khó vì đất nước.</p>
<p>- GV diễn giải: Khi đất nước bị đô hộ, người thanh niên Nguyễn Tất Thành không chỉ đau đầu trước nỗi khổ của đồng bào mà còn quyết tâm đi tìm con đường cứu nước. Tình yêu nước không chỉ là lời nói mà còn là ý chí hành động, dám vượt khó, dám học hỏi để giúp dân, giúp nước. Với học sinh hôm nay, yêu</p>	<p>- HS lắng nghe, liên hệ bản thân.</p>

nước được thể hiện bằng việc chăm học, rèn luyện đạo đức, giữ gìn truyền thống, biết tự hào dân tộc và làm việc phù hợp để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.	
- GV yêu cầu HS nêu một việc em có thể làm để học tập tinh thần của Bác.	- HS nêu: Em chăm học, đọc sách về Bác Hồ, giữ gìn lá cờ Tổ quốc, lễ phép với thầy cô, giúp đỡ bạn, cố gắng rèn luyện để sau này làm việc có ích.
- GV nêu câu hỏi 5: Kể lại một câu chuyện về Bác Hồ mà em đã đọc hoặc đã nghe.	- HS đọc yêu cầu câu 5.
- GV hướng dẫn HS làm nhóm 4 theo 2 bước: chọn câu chuyện; kể vắn tắt câu chuyện theo trình tự sự việc.	- HS thảo luận nhóm 4, chọn câu chuyện như: Bác Hồ đến thăm các cháu thiếu nhi, Chiếc rế đa tròn, Bác Hồ với thiếu nhi...
- GV mời 1 - 2 HS kể trước lớp.	- HS kể trước lớp: nêu tên câu chuyện, sự việc chính, điều em học được.
- GV nhận xét, khen HS kể rõ nội dung và nêu được bài học.	- HS lắng nghe, nhận xét câu chuyện của bạn.
4. Luyện tập theo văn bản đọc <i>Mục tiêu: Củng cố kiến thức về danh từ riêng và mở rộng vốn từ chỉ phẩm chất.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1: Tìm các danh từ riêng trong bài đọc Anh Ba.	- HS đọc yêu cầu bài tập 1.
- GV cho HS làm cá nhân vào vở, sau đó trao đổi nhóm 2 để kiểm tra.	- HS làm bài cá nhân, trao đổi với bạn.
- GV mời HS nêu kết quả, GV chốt đáp án.	- HS nêu: Các danh từ riêng trong bài là Anh Ba, Anh Lê, Bác Hồ, Sài Gòn, Pháp.
- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Tìm từ có nghĩa giống với từ hăng hái, can đảm và đặt câu với những từ em tìm được.	- HS đọc yêu cầu bài tập 2.
- GV tổ chức cho HS làm cá nhân, sau đó chia sẻ trong nhóm 4.	- HS làm bài: hăng hái có thể thay bằng nhiệt tình, hăng say; can đảm có thể thay bằng dũng cảm, gan dạ. HS đặt câu: “Các bạn hăng hái tham gia phong trào kế hoạch nhỏ.” “Bạn Nam rất dũng cảm khi nhận lỗi.”
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Liên hệ bài học với việc rèn luyện bản thân.</i>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh vào giấy nháp: Một việc em sẽ làm trong tuần này để học tập tinh thần yêu nước, ý chí vượt	- HS viết: Em sẽ đọc một câu chuyện về Bác Hồ; em sẽ cố gắng học tốt môn còn yếu; em sẽ giúp bạn học bài; em sẽ giữ gìn vệ sinh lớp học.

khó của Bác Hồ.	
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ, các bạn động viên.
- GV nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị tiết Viết thư.	- HS lắng nghe, ghi nhiệm vụ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 17

BÀI 32: ANH BA

TIẾT 3: VIẾT - VIẾT THƯ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Viết được một bức thư gửi người thân hoặc bạn bè ở xa theo đúng cấu trúc đã học.
- Biết lựa chọn cách xưng hô phù hợp, thể hiện sự quan tâm, tình cảm, cảm xúc đối với người nhận thư.
- Biết đọc soát và chỉnh sửa thư về các phần của bức thư, nội dung, dùng từ, viết câu và chính tả.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động xác định người nhận thư, nội dung thư và hoàn thành bài viết.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, góp ý cho bài viết của bạn bằng lời lẽ lịch sự.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn thông tin phù hợp, diễn đạt lời thăm hỏi và chia sẻ tự nhiên.

3. Phẩm chất:

- Nhân ái: Biết quan tâm, thăm hỏi, bày tỏ tình cảm với người thân, bạn bè.
- Chăm chỉ: Tích cực viết bài, đọc soát và chỉnh sửa.
- Trách nhiệm: Viết thông tin đúng, giữ lời lẽ lịch sự, bảo vệ thông tin cá nhân khi giao tiếp.

4. Tích hợp:

- Tích hợp NLS 2.3.CB1a, 4.1.CB1b: HS thực hành viết thư với lời lẽ chân thành, lịch sự; biết bảo vệ thông tin cá nhân khi giao tiếp trên môi trường số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Đề bài viết thư trong SGK, bảng cấu trúc thư, bảng kiểm đọc soát, phiếu viết thư.
- HS: SGK, vở viết, bút, ý tưởng viết thư đã chuẩn bị từ tiết trước.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi nhớ cấu trúc bức thư và yêu cầu của bài viết.</i>	
- GV hỏi: Một bức thư thường gồm mấy phần? Mỗi phần có nội dung gì?	- HS trả lời: Thư gồm phần đầu, phần chính, phần cuối. Phần đầu có địa điểm, thời gian, lời chào; phần chính có thăm hỏi và chia sẻ tin tức; phần cuối có lời chúc, lời hứa hẹn, chữ kí và tên người viết.
- GV hỏi: Khi viết thư cho ông bà, thầy cô, bạn bè, em cần chú ý điều gì về cách xưng hô?	- HS trả lời: Cần xưng hô phù hợp, lễ phép với người lớn, thân mật với bạn bè nhưng vẫn lịch sự.
- GV nhận xét, dẫn vào bài: Hôm nay các em sẽ thực hành viết một bức thư cho người thân hoặc bạn bè ở xa.	- HS lắng nghe, chuẩn bị vở viết.
2. Thực hành - Chuẩn bị viết thư <i>Mục tiêu: Xác định người nhận thư, mục đích viết thư và nội dung chính của bức thư.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài: Viết một	- HS đọc đề bài.

bức thư cho người thân hoặc bạn bè ở xa.	
- GV yêu cầu HS đọc phần lưu ý trong SGK: Cần lựa chọn cách xưng hô phù hợp; cần thể hiện sự quan tâm, tình cảm, cảm xúc của em đối với người nhận thư.	- HS đọc phần lưu ý, gạch chân từ khóa: xưng hô phù hợp, quan tâm, tình cảm, cảm xúc.
- GV hỏi: Em định viết thư cho ai?	- HS trả lời: Em viết thư cho bà ngoại ở quê; cho bạn thân chuyển trường; cho anh/chị đang học xa nhà.
- GV hỏi: Trong thư, em muốn thăm hỏi điều gì?	- HS nêu: Em hỏi thăm sức khỏe, công việc, học tập, gia đình của người nhận.
- GV hỏi: Em muốn chia sẻ thông tin gì về trường lớp, gia đình, ước mơ hoặc hoạt động gần đây?	- HS nêu: Em kể về lớp học, bạn bè, thành tích học tập, một hoạt động của trường, ước mơ của em.
- GV hướng dẫn HS lập nhanh dàn ý bức thư vào nháp. 	- HS ghi nháp các ý chính: lời chào, thăm hỏi, chia sẻ, lời chúc, chữ kí.
- GV nhắc tích hợp NLS: Nếu sau này viết thư điện tử/email, các em cần kiểm tra đúng người nhận, đặt tiêu đề rõ ràng, không ghi địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu hoặc gửi hình ảnh cá nhân khi chưa được phép.	- HS lắng nghe, ghi nhớ quy tắc an toàn khi giao tiếp số.
- GV hỏi: Khi viết thư cho bạn trên môi trường số, vì sao cần dùng lời lẽ lịch sự?	- HS trả lời: Vì lời viết thể hiện sự tôn trọng; nếu viết thiếu lịch sự có thể làm bạn buồn hoặc hiểu sai ý mình.
- GV chốt: Dù viết tay hay viết email, thư vẫn cần chân thành, đúng sự thật, lịch sự và an toàn.	- HS ghi nhớ, chuẩn bị viết thư.
3. Thực hành - Viết thư Mục tiêu: Viết được bức thư đúng cấu trúc, nội dung rõ ràng, lời văn chân thành.	

- GV yêu cầu HS viết thư vào vở theo dàn ý đã chuẩn bị.	- HS viết thư cá nhân vào vở.
- GV nhắc HS trình bày đủ phần: địa điểm, thời gian; lời thưa gửi; nội dung thư; lời chúc/lời hứa hẹn; chữ kí và tên.	- HS trình bày đủ các phần của bức thư.
- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng về cách mở đầu thư, cách xưng hô hoặc cách kết thư.	- HS hỏi GV khi cần hỗ trợ: cách viết “Bà ngoại kính yêu!”, “Bạn Minh thân mến!”, cách ghi ngày tháng...
- GV nhắc HS dùng câu văn tự nhiên, không viết quá dài, không kể lan man.	- HS tập trung viết, diễn đạt rõ ý.

4. Luyện tập - Đọc soát và chỉnh sửa

Mục tiêu: *Biết đọc lại bài, phát hiện lỗi và chỉnh sửa theo tiêu chí.*

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Đọc soát và chỉnh sửa.	- HS đọc yêu cầu.
- GV chiếu bảng tiêu chí đọc soát: Các phần của bức thư; nội dung thư; dùng từ, viết câu; chính tả.	- HS quan sát tiêu chí đọc soát.
- GV yêu cầu HS tự đọc lại bài và đánh dấu chỗ cần sửa.	- HS tự kiểm tra: có thiếu ngày tháng không, lời chào có phù hợp không, nội dung có rõ không, có lỗi chính tả không.
- GV tổ chức cho HS đổi vở theo nhóm 2 để góp ý.	- HS đổi vở, góp ý cho bạn: cần thêm lời chúc, sửa xưng hô, sửa lỗi chính tả.
- GV mời 1 - 2 HS đọc thư trước lớp, GV nhận xét chung.	- HS đọc bài trước lớp; lớp nhận xét ưu điểm và điều cần sửa.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: *Hoàn thiện bài viết và vận dụng viết thư trong đời sống.*

- GV cho HS bình chọn lá thư có lời thăm hỏi chân thành, cảm xúc tự nhiên.	- HS bình chọn, nêu lí do: thư của bạn có đủ phần, lời văn chân thành, lời chúc phù hợp.
- GV yêu cầu HS về nhà hoàn thiện bức thư và đọc cho người thân nghe.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV dặn HS chuẩn bị tiết Đọc mở rộng: tìm đọc một câu chuyện kể về ước mơ.	- HS chuẩn bị câu chuyện/phiếu đọc sách cho tiết sau.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 17

BÀI 32: ANH BA

TIẾT 4: ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được một câu chuyện kể về ước mơ phù hợp với lứa tuổi.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, nhân vật yêu thích, ước mơ của nhân vật, điều em học được.
- Biết trao đổi với bạn về ước mơ được nói đến trong câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động chọn sách, đọc và ghi thông tin vào phiếu.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết chia sẻ, lắng nghe và đặt câu hỏi về câu chuyện bạn đọc.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết chọn lọc thông tin quan trọng, trình bày ngắn gọn, rõ ràng.

3. Phẩm chất:

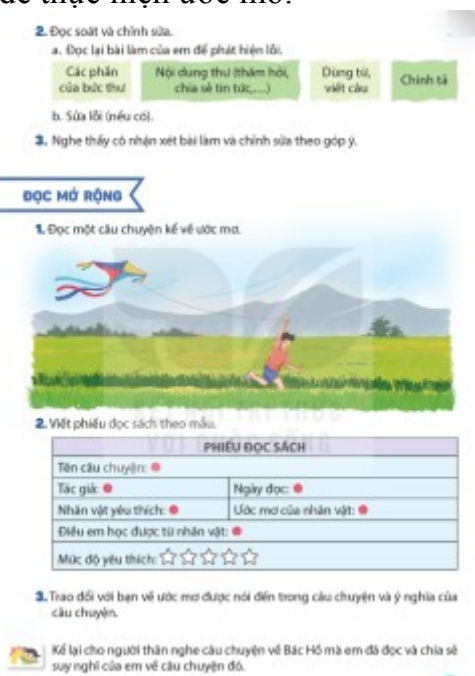
- Chăm chỉ: Tích cực đọc sách, hoàn thành phiếu đọc sách.
- Nhân ái: Tôn trọng ước mơ của nhân vật và của bạn bè.
- Trách nhiệm: Ghi thông tin đọc sách rõ ràng, trung thực, không bịa nội dung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Một số sách/truyện về ước mơ, mẫu phiếu đọc sách trong SGK, tranh minh họa, bảng nhóm.
- HS: Sách/truyện đã chuẩn bị, SGK, phiếu đọc sách, bút.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú đọc sách về ước mơ và kết nối với chủ điểm Chắp cánh ước mơ.</i>	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm 2: Em có ước mơ gì? Em đã từng đọc câu chuyện nào nói về ước mơ chưa?	- HS chia sẻ nhóm 2: Em ước mơ trở thành bác sĩ, cô giáo, kĩ sư, cầu thủ, họa sĩ; em từng đọc câu chuyện Cậu bé chinh phục gió...
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp, các bạn lắng nghe.
- GV giới thiệu: Tiết Đọc mở rộng hôm nay giúp các em đọc và chia sẻ một câu chuyện kể về ước mơ, từ đó học cách nuôi dưỡng ước mơ đẹp.	- HS lắng nghe, chuẩn bị sách/truyện và phiếu đọc sách.
2. Khám phá - Đọc một câu chuyện kể về ước mơ <i>Mục tiêu: Biết chọn và đọc câu chuyện phù hợp, xác định ước mơ của nhân vật.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc bài tập 1: Đọc một câu chuyện kể về ước mơ.	- HS đọc yêu cầu bài tập.
- GV gợi ý một số câu chuyện: Ba điều ước, Ước mơ cuối cùng, Cậu bé chinh phục gió hoặc câu chuyện về ước mơ đến trường, ước mơ trở thành nhà khoa học.	- HS lựa chọn câu chuyện phù hợp hoặc đọc sách GV giới thiệu.

- GV cho HS đọc thầm câu chuyện đã chuẩn bị trong 5 - 7 phút.	- HS đọc thầm câu chuyện.										
<p>- GV yêu cầu HS đánh dấu chi tiết nói về ước mơ của nhân vật và việc nhân vật làm để thực hiện ước mơ.</p>  <p>2. Đọc soát và chỉnh sửa. a. Đọc lại bài làm của em để phát hiện lỗi. Các phần của bức thư: Nội dung thư (thăm hỏi, chia sẻ tin tức,...) Dùng từ, viết câu Chỉnh tả b. Sửa lỗi (nếu có). 3. Nghe thầy cô nhận xét bài làm và chỉnh sửa theo góp ý.</p> <p>ĐỌC MỞ RỘNG</p> <p>1. Đọc một câu chuyện kể về ước mơ.</p>  <p>2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">PHIẾU ĐỌC SÁCH</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tên câu chuyện:</td> <td>Ngày đọc:</td> </tr> <tr> <td>Tác giả:</td> <td>Ước mơ của nhân vật:</td> </tr> <tr> <td>Nhân vật yêu thích:</td> <td>Điều em học được từ nhân vật:</td> </tr> <tr> <td colspan="2">Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆</td> </tr> </tbody> </table> <p>3. Trao đổi với bạn về ước mơ được nói đến trong câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.</p> <p>Kể lại cho người thân nghe câu chuyện về Bác Hồ mà em đã đọc và chia sẻ suy nghĩ của em về câu chuyện đó.</p>	PHIẾU ĐỌC SÁCH		Tên câu chuyện:	Ngày đọc:	Tác giả:	Ước mơ của nhân vật:	Nhân vật yêu thích:	Điều em học được từ nhân vật:	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		- HS ghi chú: nhân vật có ước mơ gì, gặp khó khăn gì, đã làm gì, câu chuyện có ý nghĩa gì.
PHIẾU ĐỌC SÁCH											
Tên câu chuyện:	Ngày đọc:										
Tác giả:	Ước mơ của nhân vật:										
Nhân vật yêu thích:	Điều em học được từ nhân vật:										
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆											

3. Thực hành - Viết phiếu đọc sách

Mục tiêu: Hoàn thành phiếu đọc sách theo mẫu, ghi thông tin ngắn gọn, đúng nội dung đã đọc.

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Viết phiếu đọc sách theo mẫu.	- HS đọc yêu cầu và quan sát mẫu phiếu đọc sách.
- GV hướng dẫn HS điền từng mục: tên câu chuyện, tác giả, ngày đọc, nhân vật yêu thích, ước mơ của nhân vật, điều em học được từ nhân vật, mức độ yêu thích.	- HS lắng nghe hướng dẫn cách điền phiếu.
- GV nhắc HS thông tin nào chưa rõ thì ghi “chưa rõ” hoặc hỏi GV, không tự bịa.	- HS ghi nhớ: không bịa tác giả, không chép máy móc, ghi ngắn gọn bằng lời của mình.
- GV cho HS viết phiếu đọc sách cá nhân.	- HS viết phiếu đọc sách cá nhân.
- GV quan sát, hỗ trợ HS chọn ý ngắn gọn.	- HS hoàn thành phiếu, kiểm tra lại các mục đã đủ chưa.

4. Luyện tập - Trao đổi với bạn

Mục tiêu: Biết trình bày câu chuyện đã đọc và nêu ý nghĩa của ước mơ trong câu chuyện.

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 3: Trao đổi	- HS đọc yêu cầu bài tập.
---	---------------------------

với bạn về ước mơ được nói đến trong câu chuyện và ý nghĩa của câu chuyện.	
- GV tổ chức cho HS trao đổi nhóm 4: Mỗi bạn trình bày 1 phút về phiếu đọc sách của mình.	- HS chia sẻ trong nhóm 4: tên truyện, nhân vật, ước mơ, điều em học được.
- GV gợi ý bạn nghe đặt câu hỏi: Nhân vật mơ ước điều gì? Nhân vật gặp khó khăn gì? Em học được điều gì từ nhân vật?	- HS đặt câu hỏi cho bạn: Vì sao em thích nhân vật đó? Câu chuyện giúp em hiểu gì về ước mơ?
- GV mời 2 - 3 HS chia sẻ trước lớp.	- HS chia sẻ trước lớp; lớp lắng nghe, nhận xét.
- GV nhận xét cách trình bày, thái độ lắng nghe và nội dung chia sẻ.	- HS ghi nhớ cách trao đổi về sách.
5. Vận dụng trải nghiệm <i>Mục tiêu: Lan tỏa thói quen đọc sách và nuôi dưỡng ước mơ tốt đẹp.</i>	
- GV yêu cầu HS viết nhanh một câu: “Để thực hiện ước mơ của mình, em sẽ...”	- HS viết: “Để thực hiện ước mơ của mình, em sẽ chăm học, đọc sách mỗi ngày và không bỏ cuộc khi gặp khó.”
- GV mời 2 - 3 HS đọc câu trước lớp.	- HS đọc câu trước lớp.
- GV giao nhiệm vụ: Kể lại cho người thân nghe câu chuyện em đã đọc; tìm đọc thêm một câu chuyện về Bác Hồ hoặc một nhân vật có ước mơ đẹp.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS đọc sách tích cực.	- HS lắng nghe, giữ phiếu đọc sách trong vở.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 18 ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I - PHẦN 1: ÔN TẬP TIẾT 1 - 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- củng cố kỹ năng đọc diễn cảm các câu chuyện, bài thơ đã học trong học kì I; biết đọc đúng ngữ điệu, ngắt nghỉ phù hợp.
- Nhớ tên bài đọc, phân loại được bài đọc theo hai chủ điểm Niềm vui sáng tạo và Chắp cánh ước mơ.
- Nêu được nội dung chính, nhân vật hoặc chi tiết ấn tượng trong một bài đọc đã học.
- củng cố kiến thức về tính từ, danh từ, động từ; nhận biết và vận dụng biện pháp nhân hóa trong câu.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động ôn lại các bài đọc, tự hoàn thành các bài tập ôn tập.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi trong nhóm, lắng nghe, nhận xét và bổ sung ý kiến cho bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết vận dụng kiến thức từ loại, nhân hóa để đặt câu và trình bày ý tưởng.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện đọc, làm bài và sửa bài.
- Trách nhiệm: Có ý thức chuẩn bị ôn tập nghiêm túc, giữ trật tự khi bạn trình bày.
- Nhân ái: Biết trân trọng ước mơ, vẽ đẹp sáng tạo và cách cảm nhận riêng của bạn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh/bài tập SGK trang 138 - 140, bảng nhóm, phiếu ôn tập, thẻ từ danh từ - động từ - tính từ.
- HS: SGK Tiếng Việt 4, vở ghi, bút, chuẩn bị tên các bài đọc đã học trong hai chủ điểm.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo tâm thế ôn tập; gợi nhớ các bài đọc đã học trong học kì I.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Đố bạn: Đoán tên bài đọc”: GV đọc một chi tiết hoặc tên nhân vật, HS đoán tên bài.	- HS tham gia trò chơi, đoán tên bài như: Đồng cỏ nở hoa, Bầu trời mùa thu, Nếu em có một khu vườn, Anh Ba...
- GV hỏi: Trong chủ điểm Niềm vui sáng tạo và Chắp cánh ước mơ, em nhớ nhất bài đọc nào? Vì sao?	- HS trả lời: Em nhớ bài Bốn mùa mơ ước vì bài thơ có nhiều ước mơ đẹp; em nhớ bài Anh Ba vì em hiểu thêm về Bác Hồ khi ra đi tìm đường cứu nước.
- GV nhận xét, dẫn vào tiết ôn tập cuối học kì I.	- HS lắng nghe, chuẩn bị SGK trang 138.
2. Luyện tập - Bài tập 1 <i>Mục tiêu: Xếp được tên các bài đọc vào đúng chủ điểm và kể thêm các bài chưa được nhắc đến.</i>	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh khinh khí cầu trong SGK và đọc đề bài 1. 	- HS quan sát tranh, đọc yêu cầu: Xếp tên các bài đọc trên khinh khí cầu vào hai chủ điểm; kể tên bài đọc chưa được nhắc đến.

- GV hỏi: Trên các khinh khí cầu có những tên bài đọc nào?	- HS trả lời: Bầu trời mùa thu, Đồng cỏ nở hoa, Ở Vương quốc Tương Lai, Nếu em có một khu vườn, Bức tường có nhiều phép lạ, Anh Ba.
- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Xếp tên các bài đọc vào hai chủ điểm Niềm vui sáng tạo và Chắp cánh ước mơ.	- HS thảo luận nhóm 4, dùng bút chì nổi hoặc ghi tên bài vào bảng nhóm.
- GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả xếp bài.	- HS trình bày: Niềm vui sáng tạo gồm Bầu trời mùa thu, Đồng cỏ nở hoa, Bức tường có nhiều phép lạ; Chắp cánh ước mơ gồm Ở Vương quốc Tương Lai, Nếu em có một khu vườn, Anh Ba.
- GV hỏi: Những bài đọc nào trong hai chủ điểm chưa được nhắc đến trong tranh?	- HS trả lời: Vẽ màu, Thanh âm của núi, Làm thỏ con bằng giấy, Bét-tô-ven và bản xô-nát Ánh trăng, Người tìm đường lên các vì sao, Bay cùng ước mơ, Bốn mùa ước, Cánh chim nhỏ, Con trai người làm vườn, Nếu chúng mình có phép lạ.

3. Luyện tập - Bài tập 2

Mục tiêu: Đọc lại một bài trong các chủ điểm đã học; nêu chủ điểm, nội dung chính và chi tiết ấn tượng.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài 2: Đọc một bài trong các chủ điểm đã học và trả lời câu hỏi.	- HS đọc yêu cầu và ba câu hỏi: Bài đọc thuộc chủ điểm nào? Nội dung chính là gì? Nhân vật hoặc chi tiết nào để lại ấn tượng sâu sắc?
- GV cho HS làm cá nhân: chọn một bài đọc, ghi nhanh câu trả lời vào vở nháp.	- HS chọn bài đã học, ghi tên bài, chủ điểm, nội dung chính và chi tiết ấn tượng.
- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm 2, một bạn hỏi và một bạn trả lời.	- HS hỏi - đáp nhóm 2: Bạn chọn bài nào? Bài đó thuộc chủ điểm nào? Nội dung chính là gì?
- GV mời 2 - 3 HS trình bày trước lớp.	- HS trình bày: Bài Đồng cỏ nở hoa thuộc chủ điểm Niềm vui sáng tạo; bài ca ngợi niềm đam mê vẽ của Bóng. Em ấn tượng chi tiết Bóng vẽ như người ta thờ, như người ta nhìn, như người ta nghe.
- GV nhận xét cách nói rõ ý, nhắc HS trả lời đủ câu.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm khi trình bày nội dung bài đọc.

4. Luyện tập - Bài tập 3

Mục tiêu: Hoàn thiện sơ đồ tính từ và đặt câu với tính từ tìm được.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài 3: Tìm từ để hoàn thiện sơ đồ và đặt câu với một từ tìm được trong mỗi nhóm.	- HS đọc đề bài và quan sát sơ đồ: tính từ chỉ màu sắc, âm thanh, hương vị, hình dáng.
---	--

<div><p>3. Tìm từ để hoàn thiện sơ đồ dưới đây và đặt câu với một từ tìm được trong mỗi nhóm.</p><div><div><div>trắng muốt</div><div>màu sắc</div><div>hương vị</div><div>ngọt lịm</div></div><div><div>trắng muốt</div><div>màu sắc</div><div>hương vị</div><div>ngọt lịm</div></div><div><div>trắng muốt</div><div>màu sắc</div><div>hương vị</div><div>ngọt lịm</div></div><div><div>trắng muốt</div><div>màu sắc</div><div>hương vị</div><div>ngọt lịm</div></div></div><p>4. Xếp những từ in đậm trong đoạn văn dưới đây vào nhóm thích hợp.</p><p>Hội đu đủ làng Bá Dương Nội được tổ chức hằng năm. Mỗi năm có cả trăm con đu đủ tham dự. Trong gió nồm nam của buổi chiều quai, những con đu đủ rực rỡ cũng bay lên trời cao. Tiếng sáo u u vi vút những khúc nhạc đồng quê. Trên bờ đê, trước sân đình hoặc ở trong làng, người dân đu đủ có thể ngắm đu đủ bay và ngất ngây trong tiếng sáo đu đủ. Đu đủ nào bay cao, bay xa, có tiếng sáo hay nhất sẽ được trao giải.</p><p>(Theo Đỗ Thị Ngọc Minh)</p><table><thead><tr><th>Danh từ</th><th>Động từ</th><th>Tính từ</th></tr></thead><tbody><tr><td>Danh từ riêng</td><td>Động từ chỉ hoạt động</td><td>Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật</td></tr><tr><td>Danh từ chung</td><td>Động từ chỉ trạng thái</td><td>Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động</td></tr></tbody></table><p>5. Tìm vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hoá trong các đoạn dưới đây và cho biết chúng được nhân hoá bằng cách nào.</p><div><div>Gọi vật, hiện tượng tự nhiên bằng những từ chỉ người.</div><div>Dùng từ ngữ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để kể, tả về vật, hiện tượng tự nhiên.</div><div>Trò chuyện với vật, hiện tượng tự nhiên như với người.</div></div></div>	Danh từ	Động từ	Tính từ	Danh từ riêng	Động từ chỉ hoạt động	Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật	Danh từ chung	Động từ chỉ trạng thái	Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động	
Danh từ	Động từ	Tính từ								
Danh từ riêng	Động từ chỉ hoạt động	Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật								
Danh từ chung	Động từ chỉ trạng thái	Tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động								
- GV tổ chức thi nhóm 4: Mỗi nhóm tìm thêm tính từ cho đủ các nhánh trong sơ đồ.	- HS thảo luận, ghi nhanh các từ vào bảng nhóm.									
- GV yêu cầu nhóm trình bày từ chỉ màu sắc.	- HS nêu: đỏ thắm, xanh non, vàng ươm, xanh biếc, tím ngắt, trắng tinh.									
- GV yêu cầu nhóm trình bày từ chỉ âm thanh.	- HS nêu: réo rắt, rúc rích, lách chích, lú lo, vi vu, ầm ầm.									
- GV yêu cầu nhóm trình bày từ chỉ hương vị.	- HS nêu: ngọt lịm, chua loét, đắng ngắt, cay xè, mặn chát, thơm ngọt.									
- GV yêu cầu nhóm trình bày từ chỉ hình dáng.	- HS nêu: nhỏ xíu, cao vút, tròn xoe, dài ngoằng, thấp tè, thon thả.									
- GV yêu cầu HS đặt câu với một từ tìm được.	- HS đặt câu: Vườn cải trước nhà xanh non dưới nắng sớm. Tiếng chim hót lú lo trên cành. Quả xoài chín ngọt lịm. Cây tre cao vút bên bờ ao.									
5. Luyện tập - Bài tập 4 <i>Mục tiêu: Xếp được từ in đậm vào nhóm danh từ, động từ, tính từ phù hợp.</i>										
- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn Hội đu đủ làng Bá Dương Nội và đọc tên các nhóm trong bảng.	- HS đọc đoạn văn và xác định bảng gồm: danh từ riêng, danh từ chung, động từ chỉ hoạt động, động từ chỉ trạng thái, tính từ chỉ đặc điểm của sự vật, tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động.									
- GV hỏi: Danh từ riêng khác danh từ chung ở điểm nào?	- HS trả lời: Danh từ riêng là tên riêng của người, địa danh, tổ chức và thường được viết hoa; danh từ chung là tên gọi chung của sự vật.									
- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Xếp các từ	- HS làm việc nhóm 4, thống nhất đáp án vào phiếu.									

in đậm trong đoạn văn vào bảng.	
- GV mời đại diện nhóm trình bày phần danh từ.	- HS trình bày: Danh từ riêng: Bá Dương Nội; danh từ chung: gió, buổi chiều, sân đình, làng.
- GV mời đại diện nhóm trình bày phần động từ.	- HS trình bày: Động từ chỉ hoạt động: tổ chức, bay, ngắm, trao; động từ chỉ trạng thái: ngất ngây.
- GV mời đại diện nhóm trình bày phần tính từ.	- HS trình bày: Tính từ chỉ đặc điểm của sự vật: rục rờ, cao; tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động: cao, xa.

6. Luyện tập - Bài tập 5

Mục tiêu: Nhận biết vật, hiện tượng được nhân hóa và cách nhân hóa.

- GV yêu cầu HS đọc bài tập 5: Tìm vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hóa trong các đoạn và cho biết cách nhân hóa.	- HS đọc yêu cầu, đọc ba cách nhân hóa trong SGK.
- GV cho HS đọc đoạn a, b, c và gạch chân sự vật được nhân hóa.	- HS đọc thầm, gạch chân: cá, hươu cao cổ, rùa, mặt trời, bóng đêm, bê vàng.
- GV yêu cầu HS làm nhóm 4: Xác định cách nhân hóa trong từng đoạn.	- HS thảo luận nhóm 4, ghi vào phiếu học tập.
- GV mời HS trình bày đoạn a.	- HS trả lời: Cô cá, bé hươu cao cổ, cô rùa được gọi bằng từ chỉ người; rùa còn được miêu tả “mặc áo đầm”.
- GV mời HS trình bày đoạn b.	- HS trả lời: Mặt trời “lặng im nằm dài”, bóng đêm “tô màu cho thế giới”; đây là dùng từ chỉ hoạt động, đặc điểm của người để chỉ vật, hiện tượng.
- GV mời HS trình bày đoạn c.	- HS trả lời: “Chú bê vàng” được gọi bằng từ chỉ người và được trò chuyện như với người: “Ngoan nhé, chú bê vàng”.

7. Luyện tập - Bài tập 6

Mục tiêu: Đặt được câu về nội dung tranh có sử dụng biện pháp nhân hóa.

- GV yêu cầu HS quan sát tranh ở bài tập 6 và hỏi: Trong tranh có những con vật nào?	- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh có gà mẹ và đàn gà con trong ổ rơm.
- GV hỏi: Các con vật đang làm gì? Có thể nhân hóa chúng như thế nào?	- HS trả lời: Gà mẹ vừa về, đàn gà con đang ở trong ổ; có thể gọi gà mẹ, gà con như một gia đình, cho chúng biết chào hỏi, vui mừng.
- GV yêu cầu HS đặt câu theo mẫu có nhân hóa.	- HS đặt câu: Mẹ gà dịu dàng bước vào nhà, ba chú gà con ríu rít chạy ra chào mẹ. Chiếc ổ rơm ấm áp ôm đàn gà con vào lòng.

- GV nhận xét, nhắc HS chuẩn bị tiết 3 - 4.

- HS lắng nghe, ghi nhớ bài ôn tập.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I - PHẦN 1: ÔN TẬP

TIẾT 3 - 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố kĩ năng đọc thuộc lòng một trong ba bài thơ: Nếu chúng mình có phép lạ, Vẽ màu, Bốn mùa mơ ước.
- Nhận biết được hình ảnh nhân hóa trong đoạn văn, đoạn thơ; nêu được hình ảnh nhân hóa yêu thích và lí do.
- Củng cố cách dùng dấu hỏi, dấu gạch ngang trong lời thoại, liệt kê và liên danh.
- Hoàn thành ô chữ; nghe - viết đúng đoạn văn, trình bày sạch đẹp và viết hoa đúng tên riêng.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự ôn bài thơ, tự kiểm tra chính tả và sửa lỗi.
- Giao tiếp và hợp tác: Hợp tác trong nhóm khi giải ô chữ, thảo luận dấu câu và nhân hóa.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức dấu câu, nhân hóa, thành ngữ để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực học thuộc lòng, làm bài và luyện viết.
- Trách nhiệm: Có ý thức viết đúng chính tả, giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Nhân ái: Biết cảm nhận vẻ đẹp của ước mơ, thiên nhiên và lời khuyên trong thành ngữ, tục ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Bài thơ SGK, phiếu bài tập dấu câu, ô chữ phóng to, đoạn nghe - viết, bảng nhóm.
- HS: SGK, vở chính tả, bút, bảng con.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Tạo hứng thú ôn tập; gợi nhớ các bài thơ và kiến thức dấu câu đã học.</i>	
- GV tổ chức trò chơi “Đọc tiếp sức”: GV đọc câu đầu một bài thơ, HS đọc tiếp câu sau.	- HS tham gia đọc tiếp sức các bài thơ Nếu chúng mình có phép lạ, Vẽ màu, Bốn mùa mơ ước.
- GV hỏi: Khi đặt câu hỏi, cuối câu thường dùng dấu gì?	- HS trả lời: Cuối câu hỏi thường dùng dấu chấm hỏi.
- GV hỏi: Dấu gạch ngang có thể dùng để làm gì?	- HS trả lời: Dấu gạch ngang có thể đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật, đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê hoặc nối các từ ngữ trong một liên danh.
2. Luyện tập - Bài tập 1 <i>Mục tiêu: Đọc thuộc lòng một bài thơ đã học và nêu câu thơ, khổ thơ yêu thích.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 1: Đọc thuộc lòng 1 trong 3 bài thơ và trả lời câu hỏi: Em thích câu thơ hoặc khổ thơ nào nhất? Vì sao?	- HS đọc yêu cầu bài tập, xác định 3 bài thơ cần ôn: Nếu chúng mình có phép lạ, Vẽ màu, Bốn mùa mơ ước.

<p>b. Khi mặt trời lặng im Nằm dài sau dãy núi Ấy là lúc bóng đêm Tô màu cho thế giới. (Nguyễn Quỳnh Mai)</p> <p>c. Ngao nhè, chú bé vàng. Ta dắt đi ăn cỏ. Bốn chân bước nhịp nhàng. Nước sông in hình chú. (Thị Ngọc)</p> <p>6. Đặt câu về nội dung tranh bên, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá.</p> <p>TIẾT 3 - 4</p> <p>1. Đọc thuộc lòng 1 trong 3 bài thơ dưới đây và trả lời câu hỏi Em thích câu thơ hoặc khổ thơ nào nhất? Vì sao?</p> <p>Nếu chúng mình có phép lạ</p> <p>Về màu Bốn mùa mưa ước</p> <p>2. Các vật và hiện tượng tự nhiên nào dưới đây được nhân hoá? Em thích hình ảnh nhân hoá nào nhất? Vì sao?</p> <p>a. Mùa xuân ấm áp đang về. Anh dế còm tàn trang lại bộ râu, diện bộ cánh xén nhất đi làm. Cọ giáo cóc đã thôi nghiền răng vì bớt hẳn bệnh nhức xương. Bác giun đất cũng chui ra khỏi phòng lạnh để tận hưởng không khí trong lành. Ngày tháng qua mau. Và buổi sáng Chủ nhật tuyết với ấy đã tới...</p>	
- GV cho HS luyện đọc thuộc lòng theo nhóm 3, mỗi bạn chọn một bài thơ.	- HS luyện đọc trong nhóm; bạn nghe góp ý giọng đọc, nhịp thơ.
- GV mời 3 HS đọc thuộc lòng trước lớp.	- HS đọc thuộc lòng; lớp nhận xét bạn đọc đúng, rõ và có cảm xúc.
- GV hỏi: Em thích câu thơ hoặc khổ thơ nào nhất? Vì sao?	- HS trả lời: Em thích câu “Em tô thêm màu trắng/ Trên tóc mẹ sương rơi” vì câu thơ cho thấy bạn nhỏ yêu thương và hiểu sự vất vả của mẹ.
3. Luyện tập - Bài tập 2 <i>Mục tiêu: Tìm vật, hiện tượng tự nhiên được nhân hóa và nêu hình ảnh nhân hóa yêu thích.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đoạn văn a và đoạn thơ b trong bài tập 2.	- HS đọc đoạn văn, đoạn thơ và xác định yêu cầu: tìm sự vật, hiện tượng được nhân hóa.
- GV hỏi: Trong đoạn a, những sự vật nào được nhân hóa?	- HS trả lời: Anh dế còm, cọ giáo cóc, bác giun đất được nhân hóa.
- GV hỏi: Các sự vật ở đoạn a được nhân hóa bằng cách nào?	- HS trả lời: Gọi con vật bằng từ chỉ người như anh, cọ giáo, bác; dùng hoạt động của người như tàn trang bộ râu, diện bộ cánh, chui ra khỏi phòng lạnh.
- GV hỏi: Trong đoạn b, những sự vật, hiện tượng nào được nhân hóa?	- HS trả lời: Cây, lá vàng, bạn gió, chồi non được nhân hóa.
- GV hỏi: Em thích hình ảnh nhân hóa nào nhất? Vì sao?	- HS trả lời: Em thích hình ảnh “Bạn gió lang thang/ Cù cây cười suốt” vì làm gió và cây trở nên gần gũi, vui nhộn như những người bạn.
4. Luyện tập - Bài tập 3 <i>Mục tiêu: Chọn đúng dấu câu thay cho bông hoa trong đoạn đối thoại.</i>	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài 3 và đoạn hội thoại giữa chim sâu con với chim bố.	- HS đọc yêu cầu và đọc thầm đoạn hội thoại.
- GV hỏi: Câu “Bố ơi, chúng ta có thể trở thành họa mi được không ạ” cần dấu gì ở	- HS trả lời: Cần dấu chấm hỏi vì đó là câu hỏi.

cuối câu?	
- GV hỏi: Trước lời nói trực tiếp của nhân vật cần dùng dấu gì?	- HS trả lời: Cần dùng dấu gạch ngang để đánh dấu lời nói trực tiếp.
- GV yêu cầu HS hoàn thiện đoạn hội thoại vào vở.	- HS viết: “- Bố ơi, chúng ta có thể trở thành họa mi được không ạ? - Tại sao con muốn trở thành họa mi? - Con muốn có tiếng hót hay để được mọi người yêu quý.”
- GV mời HS đọc lại đoạn hội thoại đã điền dấu.	- HS đọc diễn cảm đoạn hội thoại, chú ý giọng hỏi và lời khuyên của chim bố.

5. Luyện tập - Bài tập 4

Mục tiêu: Chọn đúng dấu câu và nêu tác dụng của dấu câu.

<p>- GV yêu cầu HS đọc bài tập 4: Chọn dấu câu thích hợp thay cho bông hoa và nêu tác dụng của dấu câu đó.</p> <p>4. Chọn dấu câu thích hợp thay cho bông hoa. Nêu tác dụng của các dấu câu đó.</p> <p>a. Hoạt động bảo vệ môi trường của các bạn nhỏ đã được lan toả sâu rộng. Các phong trào thiếu nhi chung tay bảo vệ môi trường gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> Trồng cây gây quỹ Đội Vì màu xanh quê hương Sạch nhà - sạch lớp - sạch trường Làm kế hoạch nhỏ. <p>b. Đoàn tàu Hà Nội - Vinh khởi hành tại ga Hà Nội lúc 18 giờ hằng ngày.</p> <p>5. Giải ô chữ.</p> <p>a. Tìm ô chữ hàng ngang.</p> <p>(1) B O N G</p> <p>(2) T R U Y E N</p> <p>(3) T H A T</p> <p>(4) M A T</p> <p>b. Đọc từ ngữ xuất hiện ở hàng dọc màu xanh.</p> <p>6. Nghe - viết.</p> <p>Sông Cổ Cò xuôi từ chân Ngũ Hành Sơn về Cửa Đại, để lại bao kỷ niệm</p>	<p>- HS đọc yêu cầu, xác định hai trường hợp: liệt kê phong trào và liên danh Hà Nội - Vinh.</p>
- GV giao nhiệm vụ nhóm 4: Điền dấu câu vào đoạn a.	- HS thảo luận, điền dấu gạch ngang trước từng ý trong đoạn liệt kê: Trồng cây gây quỹ Đội; Vì màu xanh quê hương; Sạch nhà - sạch lớp - sạch trường; Làm kế hoạch nhỏ.
- GV hỏi: Dấu gạch ngang trong đoạn a có tác dụng gì?	- HS trả lời: Dấu gạch ngang đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
- GV yêu cầu HS điền dấu vào câu b: Đoàn tàu Hà Nội ... Vinh khởi hành tại ga Hà Nội lúc 18 giờ hằng ngày.	- HS điền: Đoàn tàu Hà Nội - Vinh khởi hành tại ga Hà Nội lúc 18 giờ hằng ngày.
- GV hỏi: Dấu gạch ngang trong câu b có tác dụng gì?	- HS trả lời: Dấu gạch ngang nối các từ ngữ trong một liên danh.

6. Luyện tập - Bài tập 5

Mục tiêu: Giải ô chữ và đọc được từ ngữ xuất hiện ở hàng dọc màu xanh.

- GV yêu cầu HS quan sát ô chữ, đọc các gợi ý bên phải và nêu cách chơi.	- HS quan sát ô chữ, lắng nghe luật chơi giải ô chữ.
- GV chia lớp thành 2 đội, lần lượt đọc gợi ý: Cây cao ... cả; ... ngọt sề bụi; Ăn chắc mặc ...	- HS suy nghĩ, giơ tay hoặc bấm chuông trả lời: bóng, chia, bền...
- GV ghi các tiếng đúng vào ô chữ và mời HS đọc hàng dọc màu xanh.	- HS đọc từ khóa hàng dọc: NIỀM VUI KHÁM PHÁ.
- GV hỏi: Từ khóa “Niềm vui khám phá” gợi cho em điều gì?	- HS trả lời: Gợi niềm vui khi học tập, tìm hiểu, phát hiện điều mới trong sách và cuộc sống.

7. Luyện tập - Bài tập 6: Nghe - viết

Mục tiêu: Nghe - viết đúng đoạn văn; viết hoa đúng tên riêng địa lí.

- GV đọc đoạn văn nghe - viết một lượt: Sông Cỏ Cò xuôi từ chân Ngũ Hành Sơn về Cửa Đại...	- HS lắng nghe, theo dõi SGK, nắm nội dung đoạn văn.
- GV hỏi: Đoạn văn nói về điều gì?	- HS trả lời: Đoạn văn nói về những dòng sông, địa danh quê hương và tình cảm của tác giả với cảnh đẹp đất nước.
- GV yêu cầu HS tìm các tên riêng trong đoạn văn.	- HS nêu: Sông Cỏ Cò, Ngũ Hành Sơn, Cửa Đại, Thu Bồn, Vu Gia, Hồng Hà, Hà Nội, Sài Gòn, Viễn Đông.
- GV hướng dẫn HS luyện viết từ khó: Cỏ Cò, Ngũ Hành Sơn, Thu Bồn, Vu Gia, Hồng Hà, Viễn Đông.	- HS viết bảng con, sửa lỗi viết hoa tên riêng.
- GV đọc từng cụm từ cho HS viết vào vở.	- HS nghe - viết bài vào vở, trình bày sạch đẹp.
- GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lỗi.	- HS soát lỗi, đổi vở theo cặp để kiểm tra lỗi chính tả.
- GV nhận xét một số bài, nhắc HS sửa lỗi.	- HS sửa lỗi nếu có và ghi nhớ quy tắc viết hoa tên riêng.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 18

ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I - PHẦN 1: ÔN TẬP

TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Nói được về một con vật có điểm đặc biệt về ngoại hình hoặc hoạt động theo gợi ý.
- Viết lại được những điều đã nói thành một đoạn văn ngắn có bố cục rõ ràng.
- Biết trao đổi, góp ý và chỉnh sửa bài viết để câu văn rõ ý, dùng từ phù hợp.
- Phát triển kĩ năng nói, viết đoạn văn miêu tả con vật.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Chủ động lựa chọn con vật, sắp xếp ý và viết đoạn văn.
- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi nhóm, góp ý cho bài nói và bài viết của bạn.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết lựa chọn chi tiết tiêu biểu để miêu tả con vật sinh động.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Tích cực luyện nói, viết và sửa bài.
- Trách nhiệm: Có ý thức hoàn thành bài viết, lắng nghe góp ý.
- Nhân ái: Biết yêu quý, bảo vệ con vật và không trêu chọc, làm hại chúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Tranh con vật trong SGK trang 142, sơ đồ gợi ý, phiếu góp ý bài nói/bài viết.
- HS: SGK, vở viết, bút, chuẩn bị tên một con vật em yêu thích.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động <i>Mục tiêu: Gợi hứng thú nói, viết về con vật; kết nối với bài văn miêu tả con vật đã học.</i>	
- GV tổ chức cho HS hát hoặc nghe một đoạn bài hát về con vật, sau đó hỏi: Bài hát nhắc đến con vật nào?	- HS hát/nghe và trả lời: Bài hát nhắc đến con vẹt, chú voi, chú chim hoặc con vật quen thuộc.
- GV hỏi: Con vật đó có đặc điểm gì làm em nhớ nhất?	- HS trả lời: Con vẹt có dáng đi lạch bạch; chú voi có cái vòi dài; con chim có tiếng hót hay.
- GV giới thiệu: Tiết học hôm nay, các em sẽ nói và viết về một con vật có điểm đặc biệt về ngoại hình hoặc hoạt động.	- HS lắng nghe, mở SGK trang 142.
2. Luyện tập - Bài tập 1 <i>Mục tiêu: Nói được về một con vật theo sơ đồ gợi ý; giới thiệu chung, đặc điểm, cảm nghĩ.</i>	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh và sơ đồ gợi ý trong SGK.	- HS quan sát tranh con voi, chim công, hươu cao cổ, lạc đà, khỉ và sơ đồ gợi ý.

 <p>TIẾT 5</p> <p>1. Nói về một con vật có điểm đặc biệt về ngoại hình hoặc hoạt động.</p> <p>2. Viết lại những điều em đã nói ở bài tập 1 thành một đoạn văn.</p> <p>Giới thiệu chung (Tên gọi, nơi ở, ăn uống chung...)</p> <p>Con vật</p> <p>Điểm đặc biệt</p> <p>Cảm nghĩ</p> <p>Ngoại hình (vòi dài, cổ cao, có bướu...)</p> <p>Hoạt động (leo trèo giỏi, bước đi uyển chuyển...)</p>	
<p>- GV hỏi: Sơ đồ gợi ý gồm những nội dung nào?</p>	<p>- HS trả lời: Sơ đồ gồm con vật, giới thiệu chung, điểm đặc biệt, cảm nghĩ.</p>
<p>- GV hỏi: Khi giới thiệu chung về con vật, em có thể nói những gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em có thể nói tên con vật, nơi sống, ấn tượng chung của em về con vật.</p>
<p>- GV hỏi: Khi nói về điểm đặc biệt, em có thể nói những gì?</p>	<p>- HS trả lời: Em có thể nói ngoại hình như vòi dài, cổ cao, bộ lông đẹp; hoặc hoạt động như leo trèo, bước đi uyển chuyển, chạy nhanh.</p>
<p>- GV yêu cầu HS làm cá nhân: Chọn một con vật và ghi nhanh 3 ý vào nháp.</p>	<p>- HS chọn con vật, ghi ý chính: tên con vật, đặc điểm nổi bật, cảm nghĩ.</p>
<p>- GV tổ chức HS nói trong nhóm 4, mỗi bạn trình bày khoảng 1 phút.</p>	<p>- HS nói trong nhóm 4; bạn nghe góp ý: nói rõ tên con vật, nêu đặc điểm nổi bật, thêm cảm nghĩ.</p>
<p>- GV mời 2 - 3 HS nói trước lớp.</p>	<p>- HS trình bày: Hươu cao cổ là loài vật sống ở thảo nguyên. Điểm đặc biệt nhất của hươu cao cổ là chiếc cổ rất dài, giúp nó ăn lá trên những cành cây cao. Em thấy hươu cao cổ hiền lành và rất đáng yêu.</p>
<p>3. Luyện tập - Bài tập 2</p> <p>Mục tiêu: Viết lại những điều đã nói thành một đoạn văn.</p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc bài tập 2: Viết lại những điều em đã nói ở bài tập 1 thành một đoạn văn.</p>	<p>- HS đọc yêu cầu, xác định cần viết đoạn văn dựa trên bài nói.</p>
<p>- GV nhắc HS viết đoạn văn có câu mở đoạn giới thiệu con vật, các câu tiếp miêu tả đặc điểm và câu cuối nêu cảm nghĩ.</p>	<p>- HS ghi nhớ cấu trúc đoạn văn miêu tả ngắn.</p>
<p>- GV yêu cầu HS viết bài cá nhân vào vở.</p>	<p>- HS viết đoạn văn vào vở, chú ý dùng từ miêu tả rõ đặc điểm con vật.</p>
<p>- GV quan sát, hỗ trợ HS còn lúng túng bằng câu hỏi: Con vật em chọn là gì? Nó có điểm gì khác con vật khác? Em có tình cảm gì với nó?</p>	<p>- HS trả lời câu hỏi gợi ý và tiếp tục hoàn thành đoạn văn.</p>

4. Luyện tập - Bài tập 3

Mục tiêu: Trao đổi với bạn để góp ý, chỉnh sửa bài viết.

- GV yêu cầu HS đổi vở theo nhóm 2 để đọc bài của nhau.	- HS đổi vở, đọc đoạn văn của bạn.
- GV đưa tiêu chí góp ý: Đoạn văn có giới thiệu con vật chưa? Đặc điểm có rõ không? Câu văn có lỗi dùng từ, đặt câu, chính tả không?	- HS dựa vào tiêu chí để góp ý cho bạn.
- GV mời một số HS đọc bài trước lớp.	- HS đọc bài; lớp nhận xét: bài viết rõ đặc điểm, có cảm nghĩ, câu văn mạch lạc.
- GV nhận xét, tuyên dương đoạn văn có hình ảnh miêu tả sinh động.	- HS lắng nghe, sửa bài theo góp ý.

5. Vận dụng trải nghiệm

Mục tiêu: Vận dụng nói, viết về con vật yêu thích trong đời sống.

- GV giao nhiệm vụ: Về nhà nói với người thân về con vật em đã chọn và đọc đoạn văn cho người thân nghe.	- HS ghi nhiệm vụ về nhà.
- GV nhắc HS yêu quý, chăm sóc vật nuôi và không trêu chọc, làm hại các con vật.	- HS lắng nghe, nêu việc làm phù hợp: cho vật nuôi ăn, giữ vệ sinh chuồng, không ném đá, không phá tổ chim.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 - TUẦN 18
ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I - PHẦN 2: ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I
TIẾT 6 - 7: KIỂM TRA ĐỌC - VIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực đặc thù:

- Thực hiện được bài kiểm tra đọc thành tiếng, đọc hiểu và viết theo yêu cầu cuối học kì I.
- Đọc thành tiếng rõ ràng, trả lời được câu hỏi sau khi đọc; đọc hiểu văn bản và trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tự luận.
- Viết được bài văn hoặc đoạn văn theo đề đã chọn, trình bày rõ ràng, đúng yêu cầu.
- Biết tự kiểm tra bài làm trước khi nộp.

2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Làm bài kiểm tra độc lập, nghiêm túc và biết quản lí thời gian.
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức đọc hiểu, từ loại, dấu câu và kĩ năng viết để hoàn thành bài.
- Giao tiếp và hợp tác: Thực hiện đúng quy định phòng kiểm tra, không trao đổi khi làm bài.

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Nỗ lực làm bài đầy đủ, cẩn thận.
- Trung thực: Làm bài bằng năng lực của bản thân, không nhìn bài bạn.
- Trách nhiệm: Kiểm tra lại bài trước khi nộp, giữ gìn bài làm sạch đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Đề kiểm tra đọc thành tiếng, đọc hiểu - viết, phiếu chấm đọc, đồng hồ bấm giờ, giấy kiểm tra.
- HS: Bút, thước, giấy kiểm tra, tâm thế làm bài nghiêm túc.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động - Ổn định kiểm tra <i>Mục tiêu: Ổn định lớp, nhắc yêu cầu làm bài nghiêm túc, tự tin.</i>	
- GV ổn định lớp, kiểm tra sĩ số, nhắc HS chuẩn bị bút, giấy kiểm tra.	- HS ổn định chỗ ngồi, chuẩn bị đồ dùng kiểm tra.
- GV phổ biến quy định: làm bài độc lập, đọc kĩ yêu cầu, không trao đổi, kiểm tra lại bài trước khi nộp.	- HS lắng nghe, thực hiện đúng quy định kiểm tra.
2. Kiểm tra đọc thành tiếng <i>Mục tiêu: Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi sau khi đọc.</i>	
- GV gọi từng HS bốc thăm hoặc đọc đoạn theo yêu cầu, có thể sử dụng bài thơ Nhắm mắt lại trong đề tham khảo.	- HS đọc thành tiếng rõ ràng, biết ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, trả lời câu hỏi GV nêu sau khi đọc.

	
<p>- GV theo dõi tốc độ đọc, phát âm, ngắt nghỉ, giọng đọc và khả năng trả lời câu hỏi.</p>	<p>- HS đọc bình tĩnh, trả lời ngắn gọn, đúng trọng tâm.</p>
<p>- GV ghi nhận xét vào phiếu chấm đọc thành tiếng.</p>	<p>- HS lắng nghe nhận xét nếu GV trao đổi trực tiếp.</p>
<p>3. Kiểm tra đọc hiểu <i>Mục tiêu: Đọc văn bản Hương vị đồng quê và làm câu hỏi đọc hiểu.</i></p>	
<p>- GV phát đề đọc hiểu, yêu cầu HS đọc thầm văn bản Hương vị đồng quê.</p> 	<p>- HS đọc thầm văn bản Hương vị đồng quê, chú ý nhân vật Nam, Siêng và các chi tiết trong câu chuyện.</p>
<p>- GV nhắc HS đọc kỹ phần Từ ngữ: cá lóc nướng trui, chộc quê, hiền khô.</p>	<p>- HS đọc phần Từ ngữ để hiểu nghĩa từ khó trong bài.</p>
<p>- GV yêu cầu HS đọc kỹ câu hỏi 1 - 10 và làm bài đọc lập.</p>	<p>- HS làm câu hỏi đọc hiểu, khoanh đáp án hoặc viết câu trả lời theo yêu cầu.</p>

<p>Nam lúc cóc đi theo Siêng. Nam gặp Siêng trong chuyến về quê ngoại nghỉ hè. Cậu bé Siêng nhỏ xù, đen đúa với mái tóc chấy nằng là "thỏ dĩa" nhờ của vùng đất Thất Sơn này.</p> <p>Siêng dẫn Nam đi lấy cần câu. Ra tới đầm ruộng lấp xấp nước, nó chỉ cho Nam cách dùng lưới câu mớ những hạt trắng trắng đã được vãi viên làm mồi.</p> <p>– Trúng kiến nà, biết không?</p> <p>Nam ngó những hạt trắng, tròn, nhỏ hơn hạt gạo một chút. Siêng bảo, trúng kiến còn được chế biến để ăn cùng món xôi rất ngon.</p> <p>Dưới ruộng rất nhiều cá. Siêng giết cần lên tục. Chuyến cần câu qua Nam, nó cũng giết được mấy chú. Chưa đầy một tiếng, hai đứa đã sung sướng đi về với một giỏ cá đầy.</p> <p>Về nhà, Siêng vớt vào bếp nướng cá. Cá lóc nướng chấm nước me. Nam thích thú ăn thử. Vì cá ngọt kết hợp với vị nước mắm mặn, me chua thành một hương vị tuyệt vời. Nam mãi ăn, đến lúc nhìn lên thấy Siêng đang ngó nó, miệng cười tươi rói. Mắc cỡ quá, nó nói lảng:</p> <p>– Món này ngon quá hén! Nghe nói ở đây có món cá lóc nướng trui ngon lắm, chắc không bằng món này đâu hén.</p> <p>– Đây là món cá lóc nướng trui mà.</p> <p>Siêng như cười như hiên khố. Không phải cười chọc quê, Nam cảm thấy như vậy.</p> <p style="text-align: right;">(Phỏng theo Phạm Công Luận)</p> <p>Từ ngữ</p> <p>– Cá lóc nướng trui: cá lóc nướng nguyên con, nướng chấy vấp.</p> <p>– Chọc quê: trêu chọc, làm cho người khác xấu hổ.</p> <p>– Hén: nhé, nhé.</p> <p>1. Chỉ biết nào thể hiện Nam nhớ thành phố? Tìm câu trả lời đúng.</p> <p>A. Ngồi nói chuyện với bạn trên mộ đất giữa đồng quê ngập nắng.</p> <p>B. Chia sẻ với bạn về những địa danh ở thành phố.</p> <p>C. Kể với bạn về các hoạt động thường làm ở thành phố.</p> <p>D. Rủ bạn thực hiện các hoạt động mà Nam thường làm ở thành phố.</p> <p>2. Trong câu chuyện, Siêng được miêu tả như thế nào? Tìm câu trả lời đúng.</p> <p>A. Hay nói lảng, tính tình hiên khố.</p> <p>B. Luôn cười tươi rói, hay chọc quê bạn.</p> <p>C. Có vóc người nhỏ xù, hay mắc cỡ.</p> <p>D. Là cậu bé nhỏ xù, đen đúa, tóc chấy nằng.</p>	
<p>- GV nhắc HS với câu tự luận cần viết đủ câu, đúng nội dung, không viết quá dài.</p>	<p>- HS trả lời câu tự luận bằng 1 - 3 câu rõ ý.</p>
<p>- GV thu bài đọc hiểu sau thời gian quy định.</p>	<p>- HS kiểm tra lại bài, ghi đầy đủ họ tên và nộp bài.</p>
<p>4. Kiểm tra viết Mục tiêu: <i>Viết bài theo một trong hai đề, trình bày rõ ràng, đúng yêu cầu.</i></p>	
<p>- GV yêu cầu HS đọc phần B. Viết và chọn 1 trong 2 đề.</p> <p>3. Nam đã cùng Siêng làm những việc gì ở Thất Sơn? Tìm câu trả lời đúng.</p> <p>A. Khám phá đầm ruộng lấp xấp nước, tìm mồi câu cá.</p> <p>B. Dùng trứng kiến làm mồi câu cá, nướng cá.</p> <p>C. Câu cá, làm cá, nướng cá, thưởng thức cá nướng.</p> <p>D. Dùng trứng kiến làm mồi câu cá, câu cá, thưởng thức cá nướng.</p> <p>4. Tìm những từ ngữ thể hiện cảm xúc của Nam khi được làm những việc thú vị đó.</p> <p>5. Viết 1 – 2 câu nêu nhận xét về Siêng qua những chi tiết dưới đây:</p> <p>– Cười tươi rói khi nhìn Nam mãi mê ăn món cá mình làm.</p> <p>– Cười hiên khố, không có ý định chọc quê bạn khi bạn không biết về món cá nướng trui.</p> <p>6. Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về câu chuyện.</p> <p>7. Tìm các động từ trong câu: "Nam mãi ăn, đến lúc nhìn lên thấy Siêng đang ngó nó, miệng cười tươi rói."</p> <p>8. Tìm từ có nghĩa trái ngược với từ nhỏ xù, hiên khố để thay cho mỗi bằng hoa trong câu dưới đây:</p> <p>Nghe tiếng gấm ❶ từ xa, thỏ sợ hãi tưởng tượng ra chúa sơn lâm với thân hình ❷, đứng mảnh sấp xuất hiện.</p> <p>9. Đặt 2 câu có chứa danh từ trong bài đọc:</p> <p>a. Chỉ con vật.</p> <p>b. Chỉ thời gian.</p> <p>10. Các dấu gạch ngang ở đầu dòng trong bài đọc có tác dụng gì?</p> <p>B. VIẾT Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:</p> <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div style="border: 1px solid #f08080; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Đề 1: Viết bài văn miêu tả một con vật mà em từng nuôi hoặc từng nhìn thấy và có ấn tượng đặc biệt.</p> </div> <div style="border: 1px solid #add8e6; padding: 5px; width: 45%;"> <p>Đề 2: Viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện thú vị mà em đã đọc hoặc đã nghe.</p> </div> </div>	<p>- HS đọc đề: Đề 1 viết bài văn miêu tả một con vật từng nuôi hoặc từng nhìn thấy và có ấn tượng đặc biệt; Đề 2 viết đoạn văn tưởng tượng dựa vào một câu chuyện thú vị đã đọc hoặc đã nghe.</p>
<p>- GV nhắc HS xác định đúng yêu cầu của</p>	<p>- HS xác định mình chọn đề 1 hoặc đề 2, ghi đề bài vào</p>

đề trước khi viết.	giấy kiểm tra.
- GV hướng dẫn HS lập ý nhanh: mở bài, thân bài, kết bài hoặc các ý chính của đoạn văn tưởng tượng.	- HS ghi nhanh ý chính ra nháp, sắp xếp trình tự hợp lí.
- GV yêu cầu HS viết bài vào giấy kiểm tra, trình bày sạch đẹp, dùng từ đúng và viết câu rõ nghĩa.	- HS viết bài, chú ý bố cục, dấu câu, chính tả và cách dùng từ.
- GV nhắc HS đọc soát bài trước khi nộp: kiểm tra bố cục, nội dung, dùng từ, đặt câu, chính tả.	- HS đọc soát bài, sửa lỗi nếu có.
5. Thu bài - Nhận xét chung <i>Mục tiêu: Hoàn tất bài kiểm tra và định hướng ôn tập sau kiểm tra.</i>	
- GV thu bài, kiểm đếm số bài, nhắc HS giữ trật tự.	- HS nộp bài đúng thời gian, ngồi trật tự.
- GV nhận xét tinh thần làm bài của lớp, tuyên dương HS nghiêm túc.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm cho các bài kiểm tra sau.
- GV dặn HS chuẩn bị sách vở cho học kì II.	- HS ghi nhớ nhiệm vụ chuẩn bị bài học tiếp theo.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....